

JESS WALTER
beautiful ruins

Lê Thùy Giang dịch

Phế tích tráng lệ

tiểu thuyết



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

JESS WALTER

Phế
tích
tráng lệ



b e a u t i f u l r u i n s

NHA XUẤT BẢN TRẺ

PHỄ TÍCH TRÁNG LỆ

---* ❖ *---

Tác giả: **Jess Walter**

Dịch thuật: **Lê Thùy Giang**

Nhà xuất bản **Trẻ**

ebook©vctvegroup

Những Lời Khen Tặng Dành Cho Phế Tích Tráng Lệ

“Tác giả đã dẫn dụ người đọc qua các hình tượng văn học hấp dẫn và thắm đẫm tính nhân văn... Một tiểu thuyết hiện thực phê phán vừa bất ngờ vừa hài hước, lôi cuốn ngay từ phần mở đầu lãng mạn và xúc động, khiến người ta phải suy ngẫm nhiều hơn là đọc chỉ để tiêu khiển đơn thuần. Tác phẩm vừa lay động vừa thú vị bởi nó nâng ta vượt lên trên những nỗi đau nhân thế mà ta bắt gặp xuyên suốt câu chuyện phức tạp và diễn biến liên tục này. Hẳn các bạn sẽ thích *Phế tích tráng lệ*.”

– Helen Schulman, *New York Times Book Review*

“Một phép màu văn học... Một cách kể chuyện bất ngờ, gây tác động sâu xa lên tâm thức người đọc... Toàn bộ tác phẩm là một bộ sưu tập “Phế tích tráng lệ” sống động sắc màu, cả về kiến trúc lẫn con người. Quyển tiểu thuyết này nổi bật không chỉ vì sự sáng tạo trong cấu tứ mà còn ở ngôn từ ma mị của tác giả.”

– Maureen Corrigan, mục *Fresh Air* trên Đài phát thanh NPR

“Tác giả thật táo bạo khi kết hợp những yếu tố kịch tính của một bộ phim với cách thể hiện nội tâm qua nghệ thuật văn chương đỉnh cao. Thật là một câu chuyện có sức cuốn hút mạnh mẽ khiến người đọc phải suy tư về danh vọng, dục vọng, bốn phận và số phận... Walter quả xứng đáng là một trong những tiểu thuyết gia hàng đầu nước Mỹ. Ông đã sáng tạo nên một áng văn chương với nhiều sắc thái vừa bi ai vừa dí dỏm sâu sắc và bao trùm lên tác phẩm văn học kinh điển này là tấm lòng độ lượng bao dung. Phế tích tráng lệ sẽ sống mãi với thời gian.”

– Steve Almond, *Boston Globe*

“Một tiểu thuyết được hòa quyện bởi các yếu tố trữ tình, hài hước và bi ai và đặc biệt ở cái kết xúc động nhân tâm. Walter tài tình tới mức khi trang cuối cùng của cuốn sách khép lại rồi mà bạn vẫn không nguôi tự hỏi vì sao

cho đến giờ ông vẫn chưa được nhắc đến như một trong những tiểu thuyết gia xuất sắc nhất. Phế tích tráng lệ có thể giúp cộng đồng sửa chữa thiếu sót này.”

– Kevin Canfield, *Kansas City Star*

“Một cuộc tri ngộ hoàn hảo... Một tiểu thuyết mà sự thăng trầm liên tục qua nhiều thập kỷ và lục địa một cách khéo léo đã mang lại cả sự sâu sắc lẫn kinh ngạc cho một tác phẩm văn chương. Việc Walter có thể tung hứng được các tuyến nhân vật hỗn tạp – bao gồm cả một diễn viên ngôi sao có thực – trong những mốc thời gian khác nhau là một kỹ nghệ văn chương ấn tượng. Nhưng chính tính nhân văn ngập tràn trong những tàn tích đó mới khiến tiểu thuyết này có sức hấp dẫn mạnh mẽ. Thật là một tác phẩm đáng đọc.”

– *Entertainment Weekly*

“Một số đoạn trong Phế tích tráng lệ mang màu sắc ảm đạm cay đắng, còn những đoạn khác lại tràn đầy tinh thần lãng mạn thuần túy. Tác phẩm này xoay quanh vấn đề là liệu ta có thể có được nghệ thuật đích thực trong một nền văn hóa chạy theo thị hiếu công chúng hay không, hay có được tình yêu trong một thế giới nơi con người ta bất chấp mọi thứ để lợi dụng nhau đầy nhẫn tâm... [Phế tích tráng lệ] mang đến một hơi thở mới đầy hứng khởi. Lòng tốt của nhân vật Pasquale, thói nhẫn tâm của Deane, tâm trạng chán nản của ngôi sao một thời, thái độ chán ghét của cô D, và tinh thần lạc quan của anh chàng viết kịch bản – mỗi yếu tố đều được tác giả thể hiện theo một cách rất độc đáo.”

– Laura Miller, *đồng sáng lập và phóng viên trang web salon.com*

“Đầy tham vọng khi tập hợp lại cả một dàn nhân vật vô cùng ấn tượng... Ẩn dưới chiếc mặt nạ châm biếm u hoài của Walter là cái tâm của một triết gia và con tim của một người lãng mạn.”

– Mary Ann Gwinn, *The Seattle Times*

“[Walter] là một thiên tài trong thời kỳ hiện đại này của Hoa Kỳ... Trong tác phẩm của Walter, dù là trong bi kịch vẫn luôn có những điều khiến ta phải bật cười, phải suy ngẫm... Bạn sẽ thích thú khi đọc tiểu thuyết này.”

Susan Balée, Philadelphia Inquirer “Vô cùng lãng mạn với những nhân vật được khắc họa sống động... Một dấu ấn của tình yêu cuồng nhiệt.”

– Janet Maslin, *New York Times*

“Sâu thẳm, hài hước và kỳ lạ... một sự kết hợp giữa văn chương trào phúng và tiểu thuyết diễm tình.”

– Tom Nolan, *San Francisco Chronicle*

“Mãnh liệt và say đắm... Ngôn ngữ trong sách Walter cũng bất ngờ không kém cốt truyện của ông.” Tạp chí *People* “Một câu chuyện dàn trải tuyệt vời... Walter đã vẽ nên một thế giới sống động vừa mong manh vừa tàn khốc khi tham vọng phải vật lộn với thực tế còn những mộng tưởng phải đấu tranh với những điều tầm thường và đôi khi giành chiến thắng. Quyển tiểu thuyết của ông tựa như một bộ phim, nó lấy nguồn sáng từ kỷ nguyên vàng son của Hollywood để những hình ảnh trong câu chuyện trở nên lấp lánh như trên màn bạc và lưu giữ trong tâm trí chúng ta mãi về sau.”

– Royal Young, *tạp chí Interview*

“Một tuyệt tác, một viên ngọc quý... Đây những bất ngờ nhưng Walter vẫn giữ được cốt truyện gắn với thực tế, phản ánh thực tế đó và xây đắp nên một cái kết viên mãn và lạc quan.”

– Nina Sankovitch, *Huffington Post*

“Xuất sắc... Mỗi nhân vật Walter viết nên đều đáng nhớ... Cảm hứng nghệ thuật và sự hấp dẫn trong tiểu thuyết này, từ cấu trúc rẽ nhánh của câu chuyện cho đến yếu tố hài hước trong các câu chữ đều nhằm tôn vinh cuộc sống nhân bản này.”

– Mark Athitakis, *Minneapolis Star Tribune*

“Walter là một tác giả thiên tài. Những ngôn từ của ông đầy vang vọng... Những trang sách đầy khát vọng mà nếu là một nhà văn kém tài hơn sẽ không thể nào xử lý được những bước nhảy về thời gian khéo léo như vậy.”

– Christopher Bollen, *Los Angeles Review of Books*

“Một tiểu thuyết đẹp và đáng đọc... Phế tích tráng lệ đã cho các tiểu thuyết gia thấy được một hình mẫu về tiểu thuyết.”

– Anne Trubek, *Cleveland Plain Dealer*

“Một tác gia có cái nhìn sắc sảo và hóm hỉnh... Tác phẩm đã truyền cảm hứng cho độc giả thật xuất sắc.”

– Jeff Baker, *The Oregonian*

“Phế tích tráng lệ cho chúng ta một lăng kính để nhìn vào cuộc hành trình dai dẳng khiến ta phải say mê của những con người với những cá tính khác thường. Với một tác giả người vùng Spokane, Jess Walter biết rõ phải làm gì để một cuốn tiểu thuyết thành hình (như trong cuốn Con số không và đáng chú ý là cuốn Đời sống tài chính của các nhà thơ), nên những ngôn từ táo bạo của ông phủ lên một thực tế lạnh lùng, nhằm nói lên những sự thật trần trụi về bản chất yếu đuối và vị kỷ của con người... Cái kéo chúng ta về lại với cốt lõi tác phẩm đó chính là sự kiếm tìm hạnh phúc đầy thực tâm của nhân vật, là mong muốn mạnh mẽ muốn ôm lấy ‘cái mớ hỗn độn ngọt ngào đáng yêu mang tên cuộc sống’.”

– Margaret Gunning, *Vancouver Sun*

“Nghệ thuật ngôn từ hoàn hảo... Walter đã kể câu chuyện của mình một cách tao nhã với những mô tả chân thực, phản ánh lại những chuỗi sự kiện phù hợp của từng nơi chốn... Một câu chuyện kỳ lạ về tình yêu, sự giận dữ, những toan tính ích kỷ, và sự nhẫn nại trong trái tim con người.”

– Melody Datz, *The Stranger (Seattle)*

“Một câu chuyện đồ sộ... Những yếu tố cảm động và hài hước cứ thế thay phiên nhau... Một tác phẩm ngọt ngào đáng đọc mùa hè này.”

– Matt Buckingham, *Willamette Week*

“Tác giả của tác phẩm ăn khách Đời sống tài chính của các nhà thơ đã viết ra một câu chuyện thành công khác nữa, một bộ phim bom tấn sắc sảo, lạ thường, lấp lánh về đời sống của các ngôi sao Hollywood tài hoa thập niên 1960 – và những gì xảy ra 50 năm sau đó. Cực kỳ xúc động và đầy những bất ngờ, cuốn tiểu thuyết về tình yêu và tham vọng này sẽ còn đọng lại trong bạn dài lâu.”

– Emily Temple, *tập sách điểm tin và bình luận văn hóa toàn cầu Flavorwire*

“Hài hước và cả châm biếm sâu cay... Những sự việc xảy ra trong Phế tích trắng lệt đều mang đến một sự chiêm nghiệm nhân quả. Sự mỉa mai và cách viết văn tinh quái của Walter nổi lên từ đầu đến cuối câu chuyện.”

– Katherine A. Powers, *Christian Science Monitor*

“Tự bản thân câu chuyện cuốn hút tới nỗi những thủ pháp nghệ thuật hiện đại phải nhường chỗ cho những tình tiết hấp dẫn truyền thống... Một tiểu thuyết hay.”

– Báo *Portland Mercury*

“Hài hước và cuốn hút.”

– Tạp chí *Esquire*

“Rất khó cưỡng lại.”

– O, Tạp chí Oprah

“Một câu chuyện đẹp.”

– Tạp chí *Hollywood Reporter*

“Một sự chiêm nghiệm về cuộc sống đầy sáng tạo và liêu lĩnh. Đọc văn của Walter là một niềm vui – hài hước, táo bạo, dí dỏm, phong phú và tràn đầy những tình tiết bất ngờ. Ông sử dụng mọi thủ pháp nghệ thuật của thể loại tiểu thuyết hậu hiện đại và loại bỏ đi những yếu tố hoài nghi để cuối cùng viết nên một tác phẩm với tinh thần đề cao cuộc sống nhưng không ồn ào sáo rỗng.”

– Kirkus Reviews (*mục sách được xếp hạng cao*)

“Hấp dẫn tới nỗi ai không mua sách thì thật đại dột... Tiểu thuyết như một bộ phim muôn màu lấp lánh.”

– Booklist (*mục sách được xếp hạng cao*)

“Tác phẩm mới nhất của Walter sẽ tìm được độc giả, những người kinh ngạc trước trí tưởng tượng của ông và trước những nhân vật chân thực... Một tác phẩm không nên bỏ lỡ.”

– Ấn phẩm thư viện *Library* (*mục sách được xếp hạng cao*)

“Không cần chi nhiều lời. Phế tích trắng lệt là một kiệt tác hoàn hảo.”

– Richard Russo, *tác giả Đế chế sụp đổ*

“Đây là một bộ phim bom tấn có đủ yếu tố lãng mạn, hào hùng, hài hước, đau đớn và dàn diễn viên đến cả ngàn người.”

– Daniel Handler, tác giả *Sao mình chia tay*

“Đầy sáng tạo, một thành công khi kết hợp được nhiều thập kỷ, nhiều châu lục, nhiều thể loại để tạo được tác động mạnh mẽ và hài hước.”

– Ben Fountain, tác giả *Chuyến đi bộ nửa đời người dai dẳng của Billy Lynn*

“Các nhân vật chân thực tới nỗi độc giả muốn hò reo lẫn thổn thức cùng họ... Ai không bị xúc động bởi Phế tích tráng lệ thì người đó có lẽ không có đời sống nội tâm.”

– Rebecca Newberger Goldstein, tác giả *36 điều cho thấy chúa trời tồn tại*.

Những Tác Phẩm Khác Của Jess Walter

Tiểu Thuyết

- Chúng ta sống trong nước: tuyển tập truyện*
- Đời sống tài chính của các nhà thơ*
- Con số không*
- Công dân Vince*
- Vùng đất người mù*
- Qua những năm mờ nghiêng ngả*

Phi Tiểu Thuyết

- Ruby Ridge*

Tặng *Anne, Brooklyn, Ava và Alec*

* Những người La Mã cổ đại xây nên những công trình kiến trúc vĩ đại của mình chỉ để làm đầu trường cho những con dã thú.

Voltaire, *Toàn tập*

* Cleopatra: *Ta sẽ không để cho tình yêu chế ngự.*

* Marc Antony: *Thế thì nàng sẽ không có được tình yêu.*

Lời thoại trong bộ phim thảm họa 1963 Cleopatra

* [Dick] Cavett đã có bốn cuộc phỏng vấn thú vị với Richard Burton vào năm 1980... Burton, lúc đó đã 54 tuổi, vẫn phong độ và là con người đầy cuốn hút.

Chuyên mục Trò Chuyện của Louis Menand, tạp chí *The New Yorker*, 22 tháng Mười một, 2010

CÔ DIỄN VIÊN LÂM BẠO BỆNH

Tháng 4, 1962 Porto Vergogna, nước Ý

Cô diễn viên đang lâm bạo bệnh ấy đã đến ngôi làng của cậu bằng con đường duy nhất – trên một con thuyền máy chạy vào vịnh, trông tránh vượt qua cầu tàu đá và dừng lại sau vài cú va đập vào trụ cầu tàu. Cô gái ngồi phía đuôi thuyền, khẽ lắc lư theo sóng nước rồi sau đó giơ bàn tay mảnh khảnh chụp lấy lan can gỗ gụ, tay kia giữ chặt chiếc mũ rộng vành trên đầu. Xung quanh cô, những mảng nắng vỡ òa trên sóng nước lung linh.

Cách đó không xa, Pasquale Tursi lặng nhìn cô gái đang đến như thể đây là giấc mơ. Nói đúng hơn, sau này cậu lại nghĩ đó là một thứ khác hẳn với giấc mơ: đó là sự bừng ngộ sau một đời ngủ mơ. Pasquale đứng thẳng người lên, ngưng mọi việc đang làm lại, những việc mà cậu vẫn thường làm suốt mùa xuân đó là cố gắng xây một bãi biển phía dưới cái pensione * trông rộng của gia đình.

* *Nhà nghỉ.*

Ngâm mình trong nước biển Lingurian lạnh cóng ngập đến ngực, Pasquale liên tục quăng những cục đá to cỡ con mèo để gia cố thêm cái bờ kè ngăn không cho sóng biển cuốn trôi đi ụ cát nho nhỏ mà cậu đã đắp nên. “Bãi biển” của Pasquale chỉ rộng cỡ hai chiếc thuyền đánh cá, và đáy của nó chỉ toàn đá vỏ sò, nhưng ít nhất đó cũng là chỗ bằng phẳng nhất, giống bờ biển nhất trong cái làng này: một thị trấn được gán cho cái mác Porto – cảng, nhưng mĩa mai thay chỉ có lèo tèo vài con thuyền của nhóm ngư dân trong làng chuyên đánh bắt cá mòi và cá cơm là thường xuyên ra vào “cảng” mà thôi. Phần còn lại của cái tên – Vergogna – lại có nghĩa là sự ô danh. Cái

tên “Cảng ô danh” này là tàn dư còn sót lại sau khi người ta lập ra cái làng này hồi thế kỷ mười bảy để làm nơi giải khuây cho các thủy thủ và ngư dân đến tìm những phụ nữ... có tiêu chuẩn đạo đức lẫn cách kiếm tiền dễ dãi.

Ngày Pasquale trông thấy cô gái người Mỹ xinh đẹp lần đầu tiên, cậu đang đắm chìm trong những ước vọng hảo huyền, suốt ngày tưởng tượng ra cái thị trấn Porto Vergogna nhỏ xíu và bần thủ này sẽ biến thành một khu nghỉ dưỡng mới nổi còn cậu sẽ trở thành một doanh nhân sành điệu của thập niên sáu mươi, một quý ông tràn đầy tiềm năng trong buổi bình minh của quá trình hiện đại hóa huy hoàng. Đi đâu cậu cũng thấy dấu hiệu của il boom – sự bùng nổ – thịnh vượng và văn hóa đang giúp cho nước Ý chuyển mình. Vậy tại sao lại không ở đây? Sau bốn năm sống ở Florence nhận nhíp, cậu vừa trở về nhà, trở lại ngôi làng tí hon tụt hậu của tuổi thơ và tưởng tượng rằng sẽ mang về đây những tin tức năng động của thế giới ngoài kia – một kỷ nguyên rực rỡ của những máy móc sáng loáng, của truyền hình và điện thoại, của rượu ngoại và đàn bà mặc quần tây, một thế giới mà trước kia chỉ tồn tại trên điện ảnh.

Làng Porto Vergogna chỉ gồm khoảng chục ngôi nhà màu cháo lòng, một nhà thờ bỏ hoang và một địa điểm thương mại duy nhất thị trấn – cái khách sạn và quán bar bé tí xíu của gia đình Pasquale – tất cả mớ kiến trúc này đều co cụm vào nhau như một bầy dê vật vờ giữa nếp gấp của những vách đá thẳng đứng. Phía sau làng, các phiến đá cao ngất tạo thành một bức tường núi đá đen thui lờm chờm những khe nứt sâu. Dưới làng là biển nằm lọt thỏm trong một vịnh đầy đá cong như con tôm, nơi ngư dân thường xuyên ra vào. Làng bị cô lập, trước mặt là biển, sau lưng là vách đá, người ta có muốn chạy xe hơi hay đi xe ngựa cũng không được. Vậy nên từ bao đời nay đường trong làng chỉ là vài lối mòn nhỏ hẹp len qua những ngôi nhà, những con đường lát gạch còn nhỏ hơn những vỉa hè trong phố, những con đường dốc hun hút và những bậc tam cấp chật hẹp chót vót đến nỗi nếu không tại quảng trường San Pietro nhỏ xíu của làng, người ta dễ có cảm tưởng rằng bất kỳ chỗ nào ở đây chỉ cần quờ tay là chạm phải tường.

Theo đó, xứ Porto Vergogna heo hút cũng không khác mấy so với những thị trấn sát vách núi lạ lùng ở vùng Ngũ Thổ phía Bắc này, ngoại trừ việc nó

nhỏ hơn, heo hút hơn và phong cảnh không hữu tình bằng. Thực ra, những chủ khách sạn và chủ nhà hàng ở phía Bắc còn đặt cả biệt danh cho ngôi làng tí hon bám lấy vách núi đá trắng đứng này là: *culo di baldracca – khe mông ả điếm*.

Tuy thế, dù bị hàng xóm khinh bỉ, Pasquale vẫn tin như cha cậu từng tin rằng Porto Vergogna một ngày nào đó rồi cũng sẽ phồn hoa như phần còn lại của Levante, vùng duyên hải ở phía Nam Genoa gồm cả Ngũ Thổ, hay thậm chí trở thành thành phố du lịch lớn nhất vùng Ponente – gồm Portofino và vùng dọc bờ Địa Trung Hải của Ý.

Một vài vị khách nước ngoài hiếm hoi đi thuyền hay đi bộ đường dài đến Porto Vergogna hầu hết đều là người Pháp hay Thụy Sĩ lạc đường. Nhưng Pasquale vẫn hy vọng rằng thập niên 1960 sẽ mang đến một dòng người Mỹ, dẫn đầu là vị tổng thống Mỹ *tài năng*, John Kennedy và phu nhân Jacqueline của ông. Tuy nhiên, Pasquale biết rằng nếu muốn làng này trở thành *điểm hút khách du lịch* như cậu mơ ước thì trước hết phải có một bãi biển.

Và rồi ta thấy Pasquale đứng đó, nước ngập đến thắt lưng, ôm một tảng đá lớn dưới cằm khi chiếc thuyền màu gụ nhấp nhô tiến vào vịnh. Thằng bạn cũ Orenzio của cậu đang lái thuê cho tên nhà giàu bán rượu vang kiêm chủ khách sạn Gualfredo, người điều hành ngành du lịch ở Nam Genoa, nhưng chiếc du thuyền thể thao dài cỡ chục thước hào nhoáng của hắn hiếm khi nào lại chạy tới Porto Vergogna này. Pasquale nhìn con thuyền tròn trĩnh trên mặt sóng và không biết làm gì khác ngoài việc gọi to: “Orenzio!” Thằng này hơi lúng túng khi nghe lời chào; hai đứa đã đánh nhau với nhau từ hồi mười hai tuổi, nhưng chúng không thuộc kiểu thích la hét. Orenzio và Pasquale giống kiểu những người chỉ cần nhìn nhau, nhếch môi hoặc nhú mày là người kia đủ hiểu rồi. Orenzio gật đầu lại một cách dứt khoát. Nó rất nghiêm túc khi đang chở khách du lịch trên thuyền, nhất là người Mỹ. “Nghiêm túc lắm, tụi Mỹ ấy,” Orenzio từng giải thích như vậy cho Pasquale. “Thậm chí bọn này còn đa nghi hơn mấy tay Đức. Mày mà cười nhiều quá, sẽ bị nghi ngay là mình định xoay gì của nó.” Hôm nay Orenzio càng làm vẻ mặt khắc khổ hơn, nó liếc nhanh về phía cô gái đang ngồi phía đuôi tàu, cái

áo khoác màu nâu dài quấn chặt xung quanh vòng eo nhỏ còn chiếc mũ mềm đã che gần hết khuôn mặt.

Thế rồi cô gái nói gì đó với Orenzio và tiếng nói vọng theo mặt nước đến tai Pasquale. Chỉ là mấy lời lầm bầm, lúc đầu Pasquale nghĩ thế, mãi cho đến khi cậu nhận ra đó là tiếng Anh giọng Mỹ: “Xin lỗi, anh kia đang làm gì thế?” Pasquale biết rằng bạn mình rất tự ti về vốn tiếng Anh kém cỏi và thường có khuynh hướng trả lời câu hỏi bằng một thứ ngôn ngữ cụt lùn hết mức có thể. Orenzio liếc nhìn Pasquale đang bê một cục đá to đến chỗ kè chắn sóng cậu đang xây, rồi ráng rặn ra từ tiếng Anh để chỉ *spiaggia* – bãi biển – nhưng lại nói lập bập thành: “cái bìm”. Cô gái nghiêng đầu như thể mình nghe nhầm. Pasquale định giúp, cậu lầm bầm giải thích “cái bìm” là “*per i turisti*” – để dành cho khách du lịch. Nhưng có vẻ du khách người Mỹ xinh đẹp ấy không nghe thấy.

Giấc mơ về một khu du lịch là những gì mà Pasquale thụ hưởng từ cha mình. Carlo Tursi đã dành những năm cuối đời mình cố gắng khiến cho năm ngôi làng lớn hơn ở vùng Ngũ Thổ chấp nhận Porto Vergogna là ngôi làng thứ sáu. (“Chẳng phải dễ đọc hơn sao,” ông thường làu bàu, “*Sei Terre*, lục thổ. *Cinque Terre* thì khách du lịch khó đọc lắm.”) Nhưng ngôi làng nhỏ xíu Porto Vergogna không có nét quyến rũ và sức lôi cuốn cả về mặt chính trị như những ngôi làng hàng xóm to lớn hơn xung quanh.

Thế nên trong khi cả năm làng kia đều được nối với nhau bằng đường điện thoại và sau đó còn có đường xe lửa xuyên hầm để rồi năm nào cũng nhận nhíp khách du lịch lăm tiền, thì ngôi làng thứ sáu này lại teo tóp lại như một ngón tay thừa. Một tham vọng không thành khác của Carlo đó là kéo dài những đường ray xe lửa xuyên hầm này thêm một cây số nữa giúp nối Porto Vergogna tới các thị trấn vách núi khác rộng lớn hơn. Nhưng ước mơ chỉ là mơ ước, và do con đường bộ gần nhất lại nằm đằng sau những vườn nho trải dài suốt các vách núi vùng Ngũ Thổ nên Porto Vergogna mãi mãi bị cô lập, bơ vơ một mình giữa những nếp gấp trên sườn núi đen gồ ghề, trước mặt chỉ có biển và phía sau chỉ có những con đường mòn đổ dốc từ núi xuống.

Ngày cô gái Mỹ sáng láng đó xuất hiện thì cha của Pasquale đã mất được gần đầy năm rồi. Carlo qua đời nhanh chóng và lặng lẽ, do bị đột quy khi đang đọc tờ báo yêu thích của ông. Pasquale luôn tưởng tượng những phút cuối đời của cha cậu thế này: ông nhắm nháp cà phê, rít một hơi thuốc và phá lên cười khi đọc mẩu tin nào đó trong tờ *Milan* (hiện mẹ cậu vẫn giữ lại trang báo này nhưng bà chẳng thấy có gì hài hước trong đó cả), rồi tự nhiên đổ ập người xuống như thể ông muốn tranh thủ chớp mắt một lát. Lúc đó, Pasquale đang học đại học ở Florence thì nhận được hung tin. Sau lễ tang, cậu nài nỉ người mẹ già của mình chuyển đến Florence sống, nhưng chỉ nghĩ đến điều đó thôi cũng làm bà phát hoảng lên rồi. “Có còn đạo nghĩa vợ chồng nữa không nếu tao bỏ đi và để cha mày nằm đây một mình hả?” Để chiều lòng mẹ, Pasquale không dám đá động gì đến chuyện đi ở nữa và nghĩa vụ của cậu là phải về nhà chăm sóc người mẹ ốm yếu đơn độc.

Thế là Pasquale dọn đồ về lại căn phòng cũ của cậu trong khách sạn. Và có lẽ một cảm giác tội lỗi tràn về vì hồi nhỏ không nghe lời cha đã khiến Pasquale đột nhiên nhìn cái nhà nghỉ nhỏ của gia đình mình bằng đôi mắt mới lạ của một kẻ thừa kế. Đúng thế, cái thị trấn này có thể trở thành một khu nghỉ dưỡng kiểu mới ở Ý – một nơi thư giãn cho những người Mỹ, với hàng tá dù che nắng trải trên bờ biển gồ ghề, với tiếng máy ảnh liên tục chụp tanh tách, và những con người gia thế tầm cỡ Kennedy khắp mọi nơi! Và nếu tham vọng biến một *pensione* hẻo lánh này thành một khu nghỉ dưỡng tầm cỡ thế giới chỉ vì mục đích cá nhân thì cũng có sao đâu nhỉ. Cái khách sạn cũ kỹ này là vật thừa kế duy nhất của cậu và là lợi thế duy nhất mà gia đình mang lại trong một xã hội mà lúc nào sức ảnh hưởng của gia tộc cũng cần thiết này.

Khách sạn gồm một *trattoria* (quán rượu ba bàn), nhà bếp, hai căn hộ nhỏ trên lầu và sáu phòng phía trên hồi trước dùng làm nhà thổ. Điều kỳ cục là khách sạn rộng rãi này quanh năm chỉ có mỗi hai “vị khách”, hay *hai mụ phù thủy (le due streghe)* như đám ngư dân vẫn gọi, tá túc mà thôi. Đó là người mẹ ốm yếu Antonia và dì Valeria của Pasquale. Mụ chần tinh tóc mì tôm Valeria chuyên việc nấu nướng mỗi khi mụ không quát nạt đám ngư dân lười biếng hay vài vị khách hiếm hoi lỡ bước chân vào quán.

Pasquale là một thanh niên nhẫn nhịn hết mực, và cậu chịu đựng mọi thứ từ tính tình khó chịu của một *mamma* hay đòi hỏi quá đáng và một *zia** dở khùng dở tinh cho đến thói tục tằn lổ mãng của đám ngư dân mỗi sáng dong *peschereccio** ra biển, những con tàu gỗ nhỏ dập dềnh trên sóng nước như những tô salad dơ bẩn, rung lắc hòa điệu với những tiếng *bup bup* của động cơ xì khói.

Mỗi ngày những người ngư dân chỉ quăng đủ mẻ lưới cá cốm, cá mòi, cá vược để đem bán cho các chợ và nhà hàng ở phía nam là quay về nhà uống rượu grappa và hút những điếu thuốc đẳng ghét mà họ tự cuốn lấy. Cha cậu luôn cố tránh cho bản thân lẫn con trai mình – mà theo Carlo là hậu duệ của tầng lớp thương nhân Florence đáng kính – tiếp xúc với đám ngư dân lổ mãng ấy. “Nhìn đám đó xem,” ông thường nói với Pasquale đằng sau những tờ báo chuyển đến hằng tuần bằng ca nô chuyển thư, “nếu trong một thời buổi văn minh hơn thì chúng chỉ đáng làm tôi tớ cho ta thôi con trai ạ.”

* *Mamma*: mẹ, *zia*: bà dì. * *Thuyền đánh cá*.

Vì đã mất hai con trai lớn trong chiến tranh nên Carlo không có ý định để cho cậu út làm việc trên tàu đánh cá, cánh đồng nho, các nhà máy đóng hộp ở La Spezia, những mỏ đá hoa cương ở Apennines, hay bất kỳ nơi đâu mà một cậu trai trẻ có thể học được kỹ năng đáng giá nào đó để rồi rũ bỏ được cảm giác rằng mình yếu đuối và lơ ngơ trong thế giới nghiệt ngã này. Thay vào đó, Carlo và Antonia – tới bốn mươi tuổi mới sinh Pasquale – nâng niu cậu như bảo bối, và chỉ khi bị con nài nỉ quá thì họ mới đành cho phép cậu đi học đại học ở Florence.

Khi Pasquale về nhà sau lúc cha cậu mất, những ngư dân ở đây nhìn ngó cậu như một kẻ lập dị lạc bước về làng. Lúc đầu, họ cho rằng những hành động kỳ lạ của cậu – lúc nào cũng đọc sách, nói chuyện một mình, đo đạc chỗ này chỗ kia, đắp các bao cát lên đá rồi cào cát trong vô vọng như một con dã tràng – là do đau buồn vì cha chết. Họ vừa giăng lưới vừa liếc cậu thanh niên hai mươi mảnh khảnh đang chất các viên đá lên nhau với hy vọng những cơn bão không cuốn trôi đi bãi biển của mình, và rồi mắt họ nhòa đi với ký ức về những giấc mơ vô vọng của chính những người cha

quá cố của mình. Nhưng chẳng bao lâu sau những ngư dân đã bắt đầu nhớ lại những trò trêu chọc không ác ý mà họ vẫn hay dùng với Carlo Tursi.

Rốt cuộc, sau vài tuần nhìn ngó Pasquale xây dựng cái bãi biển của cậu thì đám ngư dân trong làng bắt đầu ngứa mắt. Một ngày nọ, Tommaso Anh Lớn quăng cho cậu một bao diêm và gào lên: “Đây, dùng của nợ này làm ghế cho cái bãi biển tí hon của mày đi nhé, Pasquale!” Nhưng sau vài tuần chẳng thấy cậu nói năng gì, thì mấy lời trêu chọc nhẹ nhàng dần trở nên móc máy hơn và tràn ra như đám mây mù thị phi bao phủ khắp ngôi làng. Cuộc sống vẫn cũ kỹ trôi đi. “Pasquale, hôm qua tao thấy một phần bãi biển của mày dạt vào Lerici đấy. Để tao hốt đồng cát sót lại ở đấy hay mày chờ thủy triều cuốn quách đi luôn thế?”

Nhưng dầu sao thì bãi biển cũng còn là thứ mà đám ngư dân có thể hình dung được bởi ít ra đã thấy bãi biển ở Monterosso al Mare và ở những thị trấn Riviera về phía bắc nơi họ thường xuyên bán những mẻ lưới của mình.

Nhưng đến khi Pasquale tuyên bố sẽ đục mấy tảng đá nhô ra trên vách núi thành một sân quần vợt thì đám ngư dân kháo nhau rằng Pasquale đã dở hơi hơn cả bố cậu ngày xưa. “Thằng ranh này hết thuốc chữa rồi,” họ tán gẫu khi túm năm tụm ba ở quảng trường nhỏ, vừa cuốn thuốc vừa nhìn Pasquale chạy tới chạy lui chỗ mấy vách đá chẳng dây đánh dấu cái sân quần vợt tương lai của cậu. “Nhà gì mà toàn mấy kẻ dở hơi. Chẳng chóng thì chầy thằng chọi con này sẽ mò ra đây meo meo với mấy con mèo cho mà coi.” Chẳng có gì ngoài những mặt đá dốc đứng, Pasquale biết rằng chuyện xây một sân golf ở đây là điều bất khả. Nhưng có một rìa đá tự nhiên tạo nên từ ba vách đá lớn gần chỗ khách sạn của cậu, và nếu như cậu có thể san bằng phần đỉnh và xây trụ nâng cho phần còn lại thì cậu nghĩ là có thể tạo ra một cái khung rồi đổ bê tông để kết dính ba vách đá đó thành một hình chữ nhật phẳng và xây nên – như một ảo ảnh hiện ra từ vách núi gồ ghề – một sân quần vợt, tự hào báo cho những du khách đường biển đến đây rằng họ đã đến được một khu nghỉ dưỡng hàng đầu thế gian. Cậu nhắm mắt lại cũng thấy được điều đó: những người đàn ông mặc quần tây trắng đang lấp bóng trên một sân quần nhô ra từ vách núi, một cái sân hào nhoáng cao hai mươi mét so với bờ biển, những người phụ nữ váy áo thướt tha đang nhắm nháp

đồ uống dưới những cây dù rộng che nắng. Thế là cậu lại tiếp tục hì hục với cuốc, với đục, với búa và hy vọng tạo ra được một chỗ đủ rộng cho cái sân quần vợt tương lai. Cậu cào cát. Cậu quăng đá xuống biển. Cậu chịu đựng lời trêu chọc của đám ngư dân. Cậu để mắt tới người mẹ ốm mòn. Và như mọi ngày cậu đợi chờ một viễn cảnh tươi đẹp tìm đến với mình

Trong tám tháng trời sau khi cha mất, cuộc sống của Pasquale chỉ đơn điệu có thể. Và dù không hoàn toàn hạnh phúc ở đây thì cũng không thể nói là cậu buồn chán được. Đúng hơn, cậu thấy mình đang lạc giữa một không gian đơn điệu trống rỗng đến vô cùng mà ở đó nhiều người khác cũng đang bị mắc kẹt giữa nỗi buồn chán và sự bằng lòng với hiện tại của mình.

Và có lẽ cậu sẽ mãi vật vờ như thế này nếu như cô gái Mỹ xinh đẹp không ào đến vào buổi chiều nắng ấm hôm ấy, khi mà Pasquale đang lóp ngóp trong nước cách đó không xa ngậy ra nhìn con thuyền nâu chạm vào những cọc neo tàu gỗ và cô gái mảnh mai trong cơn gió nhẹ se lạnh xáo tung mặt biển xung quanh.

Cô gái xinh đẹp ấy tuy mảnh mai nhưng những đường cong thật là hấp dẫn. Pasquale lặng nhìn, ánh nắng mặt trời như đang nhảy múa sau lưng cô, gió thổi nhẹ mái tóc vàng như màu lúa chín, khiến cô trông như thể thiên sứ lạc bước đến nơi này làm cho Pasquale cứ ngậy ra. Orenzio đưa tay ra đỡ cô, và sau một thoáng chần chừ cô nắm lấy rồi bước từ thuyền lên cầu tàu nhỏ hẹp.

“Cám ơn,” một giọng nói ngại ngần cất lên sau chiếc mũ rộng vành rồi sau đó là tiếng Ý “*grazie*” lơ lớ và hỗn hển. Cô đã đặt bước chân đầu tiên lên làng, hơi lảo đảo một chút mới lấy lại được thăng bằng. Rồi sau đó cô cởi mũ ra để nhìn ngôi làng được rõ hơn, thế là Pasquale thấy hết mọi đường nét khuôn mặt cô và một thoáng ngạc nhiên tự hỏi sao cô gái Mỹ này... ừm... không đẹp được hơn chút nữa.

Ừ thì đúng là nhìn cô ấy rất ấn tượng, hẳn rồi, nhưng không phải theo mẫu người cậu kỳ vọng. Trước nhất, cô ấy cao cỡ Pasquale, gầy mét tám. Và từ chỗ cậu đứng thì chẳng phải những đường nét ấy đều hơi quá khổ đối với khuôn mặt nhỏ nhắn đó sao – cằm nhọn hết cỡ, miệng quá bầu, mắt quá

tròn và mở rộng như thế đang kinh ngạc điều gì đó. Và làm thế nào mà một phụ nữ mảnh mai *như vậy* mà lại có những đường cong lộ ra hết như thế chứ? Tóc cột túm đuôi ngựa và nước da hơi sẫm màu phủ đều lên mọi đường nét vừa quá sắc sảo lại vừa quá mềm mại – mũi quá thanh tú so với cái cằm nhọn hoắt đó, với gò má cao đó, với đôi mắt huyền to đó. Không đời nào đâu, cậu nghĩ, cô gái ấy nhìn ấn tượng đấy, nhưng thật tiếc là không mê hồn như mình tưởng.

Nhưng rồi cô quay sang nhìn thẳng cậu, và những đường nét không tương hợp trên khuôn mặt khác thường đó bỗng trở nên hài hòa một cách lạ kỳ. Và Pasquale chợt nhớ lại những bài học có nói đến một số tòa nhà ở Florence nếu ta đứng ở những góc nhìn nhất định sẽ thấy rất xấu nhưng ở góc nhìn khác, nhất là dưới ống kính máy ảnh thì luôn luôn hiện lên rực rỡ và nổi bật; những góc nhìn khác nhau đó phải được kết hợp lại làm một; và, cậu nghĩ, con người cũng vậy thôi. Rồi cô gái đó bỗng nở nụ cười, và trong khoảnh khắc đó, Pasquale cảm thấy trái tim mình đã thuộc về cô, và nếu như điều đó là có thể, cậu sẽ yêu mãi đến suốt đời – không phải với cô gái xa lạ mà với chính khoảnh khắc này.

Cậu bỗng thả rơi hòn đá mình đang bưng.

Cô liếc nhìn đi chỗ khác – phải, rồi trái, rồi lại phải – như thể nhìn tất cả phần còn lại của ngôi làng. Pasquale cảm thấy xấu hổ với những gì cô đang nhìn thấy: một tá những ngôi nhà đá xám xịt, một số đã bị bỏ hoang, như những con hàu bám vào vách đá. Ngoài những con mèo hoang mò mẫm lục lọi cái quảng trường bé xíu, còn lại thì mọi thứ đều yên ắng vì những ngư dân đã dong thuyền ra khơi cả ngày. Pasquale cảm nhận được sự thất vọng của những người vô tình đi bộ hoặc đi thuyền đến đây vì đọc sai bản đồ hay không hiểu tiếng nói, những người tưởng là mình được đưa đến những thị trấn du lịch xinh đẹp là *Portovenere* hay *Portofino* nhưng rốt cuộc lại thấy mình dừng chân ở một ngôi làng đánh cá xấu xí là *Porto Vergogna*.

“Tôi xin lỗi,” cô gái xinh đẹp quay về phía Orenzio nói bằng tiếng Anh. “Tôi có nên tự xách hành lý không? Hay đây là việc của... ý tôi là... tôi không biết khoản phí nào đã được trả rồi, khoản nào chưa.”

Chịu hết nổi cái thứ tiếng Anh phản chủ của mình sau vụ “bãi biển – cái bìm”, lần này Orenzio chỉ đơn giản nhún vai. Thấp người, tai to như hai cái quai bình, mắt lơ lơ, nó lê cái thân xác của mình theo cái kiểu mà khách du lịch tưởng nó bị bại não, và họ ấn tượng vô cùng với khả năng điều khiển thuyền máy của chàng ngốc mắt híp này tới nỗi bo nó hết sức hậu hĩ. Orenzio, đổi lại, ngờ ngợ rằng nó càng xử sự khờ khạo bao nhiêu, nói tiếng Anh ít bao nhiêu, thì người ta càng trả nó nhiều bấy nhiêu. Thế là nó nhìn chăm chăm và chớp chớp mắt một cách ngớ ngẩn.

“Thế tôi tự xách hành lý nhé?” cô gái hỏi lại, kiên nhẫn và hơi vô vọng.

“*Bagagli* * , *Orenzio*,” Pasquale gọi với thằng bạn mình, rồi sau đó Pasquale sức nhận ra: cô gái này sẽ vào ở khách sạn *của cậu*! Pasquale bắt đầu lộ bì bõm ra phía cầu tàu, liếm môi để chuẩn bị nói vài câu tiếng Anh mà chả mấy khi thực tập. “Vui lòng,” cậu nói với người phụ nữ, lưỡi cậu tự dưng biến thành một khúc xương trong miệng, “tôi có vinh dự và Orenzio để xách túi cho cô. Đi lên khách sạn Cảnh Quan Vừa Phải.” Cô gái dường như lúng túng không hiểu, nhưng Pasquale không nhận thấy. Cậu muốn kết thúc bằng một câu văn hoa và cố gắng nghĩ ra một từ phù hợp để gọi cô (*Madam?*) nhưng cậu muốn một từ biểu cảm hơn. Cậu chưa bao giờ giỏi tiếng Anh nhưng cũng học được chút ít để biết sợ những sự kết hợp từ ngữ bất thường, những phong ba bão táp trong việc chia động từ của nó; thật không biết đâu mà lường, cứ như một chú chó giống lai tạp có thể xồ ra đớp ta bất kỳ lúc nào. Cậu học thứ tiếng này trước nhất là từ người Mỹ duy nhất từng ở lại khách sạn nhà cậu, một nhà văn đến Ý mỗi mùa xuân để viết nên tác phẩm để đời của mình – một tiểu thuyết anh hùng ca về những trải nghiệm của ông trong Thế chiến thứ hai. Pasquale cố gắng hình dung vị tác giả cao ráo bảnh bao sẽ nói gì với người phụ nữ này, nhưng cậu nghĩ mãi mà không ra được một từ phù hợp và thế là cậu tự hỏi xem có từ tiếng Anh nào tương đương với từ *bella – xinh đẹp* trong tiếng Ý không. Cậu đánh bạo: “Vui lòng. Đến đây. Người Mỹ xinh đẹp.”

* *Hành lý.*

Cô nhìn cậu chăm chú đôi chút – cái “chút” dài nhất đời cậu cho đến lúc đó – rồi sau đó mỉm cười và e dè cúi xuống. “Cám ơn. Khách sạn của anh

à?”

Pasquale ngừng lội bì bõm dưới nước và tiến đến chỗ cầu tàu. Cậu bám vào nó và kéo người lên, rũ nước từ hai ống quần xuống và cố tỏ ra dàu dàu vào đó, thể hiện hình ảnh của một ông chủ khách sạn sành sỏi. “Đúng thế. Là khách sạn của tôi.” Pasquale chỉ vào tấm biển nhỏ viết tay ở phía trái quảng trường. “Vui lòng.”

“À... anh giữ phòng cho chúng tôi chứ?”

“Ồ có. Nhiều lắm phòng. Tất cả là phòng cho cô. Đúng thế.”

Cô gái nhìn vào bảng hiệu, rồi lại nhìn Pasquale một lần nữa. Cơn gió ấm đã quay trở lại và nó xới tung những lọn tóc xoắn ra trên búi tóc đuôi ngựa của cô thành từng dải phất phơ quanh khuôn mặt. Cô mỉm cười trước cảnh nước nhỏ giọt thành vũng từ thân hình mảnh khảnh, rồi cô nhìn đôi mắt xanh màu nước biển của cậu và nói: “Anh có đôi mắt rất đẹp.” Rồi cô đội lại mũ và bắt đầu đi về phía quảng trường nhỏ, trung tâm của cả thị trấn bé xíu này hiện ra trước mắt cô.

Porto Vergogna chưa từng có một *un liceo* – trường cấp hai, ba – và thế là Pasquale phải đi thuyền tới La Spezia để học từ thời cấp hai. Đó là nơi cậu gặp Orenzio, và anh chàng này trở thành người bạn thật sự đầu tiên của cậu. Hoàn cảnh đưa chúng đến với nhau một cách tự nhiên: đưa con trai nhút nhát của ông chủ khách sạn già nua kết bạn với cậu bé nhỏ con tai to ở bến tàu. Pasquale có khi còn ở lại nhà Orenzio vào mùa đông khi đường sá đi lại khó khăn. Mùa đông trước khi Pasquale rời đến Florence, cậu và Orenzio đã sáng tạo ra một trò mà chúng thường chơi mỗi khi nốc vào mấy ly bia Thụy Sĩ. Hai đứa sẽ ngồi đối diện nhau ở bến tàu La Spezia và văng tục chửi thề lẫn nhau cho tới khi hết cả từ để sỉ vả hay lặp lại những từ đã chửi trước đó, và đứa nào thua sẽ phải uống cạn một *panh* * bia để trước mặt. Bây giờ, lúc nhắc mấy túi hành lý của cô người Mỹ lên, Orenzio ngả người về phía Pasquale và bắt đầu chơi lại cái trò đó nhưng không có bia bọt gì cả. “Bà cô đó nói gì thế, thằng chó?”

* *panh (pint) xấp xỉ 0,5 lít.*

“Cô ấy thích mắt của tao,” Pasquale nói, không để ý là thằng bạn mình đang đầu têu lại trò chơi.

“Thôi đi mày, thằng bố lão,” Orenzio tiếp tục. “Bà chị đó đời nào nói thế.”

“Không, thật đấy. Cô ấy yêu đôi mắt của tao.”

“Mày nỡ vừa thôi, Pasqo, đồ đại gái hết thuốc chữa.”

“Thật mà.”

“Rằng mày đại gái hết thuốc chữa?”

“Không, chuyện cô ấy nói về mắt tao ấy.”

“Đồ tưởng bở. Người ta là minh tinh màn bạc đấy ngốc ạ.”

“Tao cũng nghĩ thế,” Pasquale nói.

“Không, đồ ngu, là diễn viên thực sự đấy. Cô ta đi cùng với một công ty Mỹ đến Rome để làm phim.”

“Phim gì thế?”

“Cleopatra. Mày không đọc báo hử, thằng lạc hậu?”

Pasquale quay lại nhìn về cô diễn viên người Mỹ đang leo từng bậc thang để vào làng. “Nhưng cô ta da trắng thế kia sao đóng Cleopatra được.”

“Con mụ lẳng lơ chuyên cướp chồng người khác Elizabeth Taylor mới đóng vai Cleopatra,” Orenzio kể. “Cô này đóng vai khác. Thế mày không đọc báo thực à, thằng đầu đất?”

“Vai gì thế?”

“Sao tao biết được mậy? Một rùng vai mà.”

“Cô ta tên gì vậy?”

Orenzio đưa cho Pasquale tờ giấy chỉ dẫn được đánh máy, trong đó có tên cô gái và dặn rằng đưa cô đến khách sạn ở Porto Vergogna và hóa đơn sẽ gửi về cho người sắp xếp chuyến đi này, ông Michael Deane ở khách sạn Grand tại Rome. Tờ giấy này còn nói rằng Micheal Deane là “phụ tá sản xuất đặc biệt” cho “Hãng 20 Century Fox”. Còn tên cô gái...

“Dee... Moray *,” Pasquale đọc to. Không phải cái tên quen thuộc nhưng trên đời này thiếu gì diễn viên người Mỹ – thiếu gì những Rock Hudson,

Marilyn Monroe, hay John Wayne – và khi cậu tưởng mình đã biết hết tên của họ rồi thì lại có những tên tuổi khác nổi lên, cứ như thể ở đâu đó trên đất Mỹ có một công xưởng chuyên sản xuất ra những ngôi sao màn bạc vậy. Pasquale ngược lên nhìn cô gái đang bước lên những bậc thang khắc vào vách núi và vào ngôi làng. “Dee Moray,” cậu nhẩm lại.

* *Đọc là “đi mo-ray”.*

Orenzio ngó qua vai cậu, nhìn vào tờ giấy. “Dee Moray,” Orenzio đọc lên. Cái tên này có gì đó hấp dẫn tới nỗi hai cậu thanh niên này không ngừng lẩm bẫm. “Dee Moray,” Orenzio lại lẩm bẫm nữa.

“Cô ta bị bệnh đấy,” Orenzio nói với Pasquale.

“Bệnh gì thế?”

“Sao tao biết được? Ông ta chỉ nói cô ấy bị ốm thôi.”

“Có nặng lắm không?”

“Tao cũng đếch biết luôn.” Rồi như thể mất hứng với trò chơi cũ của hai đứa, Orenzio để luôn một từ xỉ vả,

“*un mangiaculo – thẳng bợ đít.*”

Pasquale nhìn Dee Moray đi tới phía khách sạn của cậu, bước từng bước nhỏ dọc con đường đá. “Cô ấy chắc không thể nào ốm nặng được,” cậu nói “Cô ấy đẹp thật.”

“Nhưng không phải kiểu Sophia Loren,” Orenzio cãi. “Hay Marilyn Monroe.” Đó là một trò tiêu khiển khác của hai đứa mùa đông năm ngoái, lê la tới rạp chiếu phim và chấm điểm cho các nữ diễn viên trong phim chúng coi.

“Không, tao nghĩ là cô ấy đẹp kiểu thông minh hơn... giống kiểu Anouk Aimée*.”

“Cô ta mảnh mai quá,” Orenzio nói, “và chẳng giống Claudia Cardinale* tí nào.”

“Không giống,” Pasquale đồng ý. Claudia Cardinale đẹp hoàn hảo. “Nhưng tao nghĩ khuôn mặt của cô ta nó là lạ.”

* *Nữ diễn viên Pháp có vẻ đẹp sắc sảo từng đạt giải Quả Cầu Vàng và đề cử giải Oscar.* * *Nữ diễn viên Ý nổi tiếng thập niên.*

Giải thích thế thì khó hiểu với Orenzio quá. “Nếu lạ thì chắc tao mang một con chó ba chân vào thị trấn này mà Pasquo cũng yêu nó luôn quá.”

Và đó là lúc mà Pasquale lo lắng. “Orenzio, có đúng là cô ta định đến đây không?”

Orenzio đập tờ giấy vào tay Pasquale. “Cái ông Mỹ này, Deane, cái ông chờ cô ta đến La Spezia ấy? Tao giải thích cho ông ấy là chưa từng có ai đến đây cả. Tao hỏi ý ông ấy là Portofino hay Portovenere. Ông ấy hỏi Porto Vergogna là nơi như thế nào, tao bảo là ở đây chả có gì ngoài một cái khách sạn. Ông ấy lại hỏi thế có yên tĩnh không. Tao bảo ông ấy là chỉ có cái chết mới yên tĩnh hơn mà thôi, thế là ông ấy bảo, ‘Thế thì đúng chỗ rồi.’”

Pasquale mỉm cười với bạn mình. “Cám ơn mà, Orenzio.”

“Thằng bố lão,” Orenzio lẩm bẩm.

“Câu đó mà nói rồi con,” Pasquale vặc lại.

Thế là Orenzio làm bộ như thế nó đang tu hết một chai bia vì thua cuộc.

Thế rồi cả hai đưa đầu nhìn về phía vách núi, bốn mươi mét trên con đường dốc đi lên, nơi vị khách Mỹ đầu tiên sau cái chết của cha cậu đang đứng đó nhìn chăm chú vào cửa lớn của khách sạn. Tương lai là đây, Pasquale thầm nghĩ.

Dee Moray ngừng lại và quay lại nhìn về phía họ. Cô lắc lắc đầu để rũ tung phần tóc cột đuôi ngựa, mái tóc cháy nắng xổ ra và quạt nhẹ quanh khuôn mặt khi cô đứng ở quảng trường nhìn ra biển. Rồi cô nhìn vào tấm bảng hiệu và ngửa đầu ra sau như thể đang cố hiểu những từ viết trên đó:

KHÁCH SẠN CẢNH QUAN VỪA PHẢI

Rồi “tương lai” kẹp mũ dưới nách, đẩy cửa, cúi đầu và bước vào.

Sau khi cô biến mất bên trong khách sạn, Pasquale bỗng nảy ra một ý nghĩ lạ lùng rằng bằng cách nào đó chính cậu đã mời gọi cô ấy đến đây, rằng sau bao nhiêu năm dằng dặc vật vờ ở xứ này, sau vạn ngày sầu khổ, cô đơn và chờ đợi người Mỹ, cậu đã tạo ra cô gái này từ những mảnh ghép phim ảnh và sách vở, từ những thứ đồ cổ thất lạc và tàn tích trong những giấc mơ của cậu, từ nỗi cô độc dai dẳng to lớn mà cậu phải chịu đựng. Cậu liếc nhìn Orenzio, người đang xách túi cho *ai kia*, và cả thế giới đột nhiên sao lạ lùng,

thời gian mà ta tồn tại trong nó sao quá ngắn ngủi và mơ màng. Cậu chưa bao giờ có một cảm giác phân thân xa lạ như vậy, một sự tự do đáng sợ – nó như thể cậu đang lơ lửng phía trên ngôi làng, trên chính thể xác của mình – và cảm giác đó khiến cậu run rẩy vì xúc động, một cảm giác mà cậu không sao giải thích nổi.

“Dee Moray,” Pasquale Tursi đọc to, đột ngột phá tan bùa mê những suy tưởng của mình. Orenzio nhìn sang cậu rồi Pasquale quay lưng lại và gọi cái tên đó một lần nữa, lần này là nói với chính mình, với một giọng như thì thầm vì xấu hổ bởi cái hơi thở đầy hy vọng cậu dùng để thốt ra cái tên đó. Cuộc sống, đơn giản là sự hiện hữu những hành động trắng trợn của trí tưởng tượng mà thôi, cậu thầm nghĩ.

BUỔI PITCH * CUỐI CÙNG

Gần đây *Hollywood, California*

Trước khi mặt trời mọc – trước khi đám người làm vườn Guatemala đến trong những chiếc xe tải cắt cỏ dơ dáy âm ỉ, trước khi những người phục vụ gốc gác Caribe đến để nấu nướng, lau dọn và giặt ủi, trước khi trường học, lớp tập thể dục, quán cà phê mở cửa, trước khi những chiếc xe Benz và BMW sang trọng từ từ lăn bánh trên con đường rợp bóng cọ và những vị luật sư làm ra vẻ sang trọng mở cửa văn phòng – để giúp cải biến tâm hồn dân Mỹ – thì chỉ có những vòi tưới miệt mài hoạt động mà thôi. Chúng nhô lên từ lòng đất để phun phun xịt xịt nước tung tóe lên khắp khu tây bắc vùng Đại Los Angeles này, từ sân bay cho đến sườn đồi, từ trung tâm ra bãi biển, và tới cả những đồng đồ nát đang say ngủ của đế chế giải trí này.

** Pitch vừa là danh từ mang nghĩa buổi trình bày ý tưởng vừa là động từ mang nghĩa trình bày ý tưởng. Đây là thuật ngữ thông dụng của truyền thông và điện ảnh. (Chú thích của người dịch – ND.)*

Ở Santa Monica, những cái vòi tưới ồn ào đó kêu réo Claire Silver tỉnh giấc trước buổi bình minh yên tĩnh trong căn hộ của mình – xòe xòe – mái tóc xoắn đỏ của cô xõa ra trên gối trông cứ như một vụ tự sát. Bọn chúng lại thì thầm nữa – xòe xòe – và mí mắt Claire rung rung; cô hít vào một hơi, xác định phương hướng, liếc mắt sang bờ vai rắn chắc của gã bạn trai đang ngáy thảng cẳng choán hết chiếc giường ngoại cỡ họ đang nằm. Daryl thường khiến cửa sổ phòng ngủ sau giường kêu lên răng rắc mỗi khi gã về khuya, và giờ Claire tỉnh giấc như thế này đây – xòe xòe – khi nghe tiếng nước phun xịt ở khu vườn đá phía ngoài. Cô từng hỏi viên quản lý khu căn hộ này là

sao cứ phải cần tưới nước cho một bờ đá lúc năm giờ sáng hàng ngày làm gì (hay nói chung là có cần phải tưới không nữa), nhưng dĩ nhiên mấy cái vòi tưới đó đâu phải là điều đáng bận tâm.

Claire đã tỉnh và giờ cô tìm kiếm thông tin; cô sờ soạng cái bàn cạnh giường lộn xộn đồ đạc để tìm cái điện thoại Black Berry và nhấn nút mở. Mười bốn email, sáu thông báo tweet, năm yêu cầu kết bạn, ba tin nhắn, và lịch làm việc của cô – cuộc sống trong lòng bàn tay. Cả mấy thứ kiểu kiểu thế nữa: thứ Sáu, nhiệt độ từ mười chín đến hai ba độ. Năm cuộc điện thoại phải gọi trong ngày. Sáu buổi pitch. Rồi giữa mớ thông tin hỗn độn đó cô tìm thấy một cái email có thể giúp đổi đời gửi từ địa chỉ affinity@ arc.net. Cô mở ngay lập tức.

Gửi Claire,

Cám ơn cô vì đã kiên nhẫn tham gia quá trình tuyển nhân viên này. Cả Bryan và tôi đều rất ấn tượng với bằng cấp cũng như với lần phỏng vấn cô và chúng tôi muốn được gặp cô để trao đổi thêm. Cô có rảnh đi cà phê sáng nay không?

Chân thành,

James Pierce

Bảo tàng văn hóa điện ảnh Hoa Kỳ

Claire liền ngồi thẳng người dậy. Ô, bọn họ định mời cô làm việc rồi đây. Phải không nhỉ? *Trao đổi thêm?* Bọn họ đã phỏng vấn cô những hai lần rồi; còn trao đổi thêm cái gì nữa đây? Đúng không nhỉ? Liệu hôm nay có phải cái ngày cô sẽ bỏ được công việc trong mơ của mình?

Claire là trợ lý sản xuất chính cho nhà sản xuất phim huyền thoại Michael Deane. Cái danh hã – tất tần tật những gì cô làm chỉ toàn là lãng xãng, chẳng phát triển cái gì hết và hẳn nhiên cũng chẳng phải là sếp chính sếp phụ của ai. Cô là ô sin cho những sở thích nhất thời của Michael: trả lời điện thoại và email của ông, đi mua bánh kẹp thịt và cà phê. Và phần lớn thời gian cô ngồi đọc cho ông nghe hàng bày kịch bản, hàng đàn tóm tắt, một đám ý tưởng phim – chúng như một bày thú hoang chạy toán loạn chẳng đâu vào đâu cả.

Hồi xưa cô từng kỳ vọng rất nhiều khi quyết định bỏ dở chương trình tiến sĩ về nghiên cứu điện ảnh để về đầu quân cho người đàn ông nổi danh thập niên bảy mươi, tám mươi với biệt hiệu “Trưởng lão Hollywood” này. Hồi đó, cô muốn được tham gia làm phim – *những bộ phim* hay, xúc động. Nhưng khi cô hiện diện nơi này ba năm trước cũng là lúc Michael Deane đang ở trong thời kỳ khủng hoảng tồi tệ nhất trong sự nghiệp khi không một lời khen ngợi nào có thể cứu vãn được bộ phim kinh dị *Lũ cướp đêm* của ông. Trong ba năm trời Claire làm ở đây, Hãng sản xuất Deane không ra nổi một bộ phim; thực sự, sản phẩm duy nhất của nó là một chương trình truyền hình độc nhất: một sô truyền hình thực tế ăn khách kết hợp với một trang web dạng kết bạn bốn phương mang tên Nhật ký hẹn hò (*nhatkyhenho.net*).

Và thế là với thành công khủng của sự kết hợp phương tiện truyền thông quái chiêu đó, các bộ phim đã lụi tàn dần trong trí nhớ mọi người ở Hãng sản xuất Deane. Thay vào đó, công việc ngày ngày của Claire là ngồi nghe những buổi pitch ý tưởng chương trình truyền hình chương tạt tới nỗi cô sợ chính mình đang tự tay kéo ngày tận thế tới gần: nào là *Sinh hoạt của Người mẫu* (“Chúng ta cho bảy cô người mẫu vào ở nhà của hội nam sinh!”) cho đến *Đêm cuồng loạn* (“Chúng ta quay phim cuộc hẹn hò của những người mắc bệnh nghiện sex!”) rồi lại cả *Ngôi nhà lùn xin* (“Thế này nhé, đó là một ngôi nhà... đây những chú lùn say xin!”).

Michael thường xuyên hối cô phải điều chỉnh lại những kỳ vọng của mình, hãy quẳng đi những ước vọng sách vở để chấp nhận thực tế nghiệt ngã của cái nền văn hóa này và mở mang cái khái niệm thế nào là *hay là tốt*. “Nếu muốn làm nghệ thuật,” ông ta thích nói thế, “thì đi mà tìm việc ở bảo tàng *Lu vờ rờ* ấy.”

Và cô làm thế thật. Một tháng trước, Claire thấy quảng cáo trên một trang mạng và cô đã nộp đơn xin làm “người phụ trách một bảo tàng phim tư nhân mới thành lập”. Và thế là giờ đây, gần ba tuần sau buổi phỏng vấn, những doanh nhân năng động trong ban giám đốc bảo tàng có vẻ sắp sửa giao cho cô công việc này rồi đây.

Để quyết định việc này không phải dễ bởi nó cũng cần động não đôi chút: Cái Viện bảo tàng Văn hóa điện ảnh Hoa Kỳ (MASC) mà người ta đang thành lập đó trả lương cao hơn, giờ giấc làm việc cũng thoải mái hơn, và chắc chắn là nó cho cơ hội sử dụng đến cái bằng thạc sĩ UCLA chuyên ngành lưu trữ hình ảnh động. Hơn thế nữa, cô nghĩ rằng công việc này cho rất có thể mang lại cảm giác được dùng đến chút chất xám của mình.

Michael thì coi thường cái sự bất mãn tinh thần ấy của cô, ông nhất nhất cho rằng cô bây giờ chỉ đơn giản là đang học việc, rằng mỗi nhà sản xuất đều phải mất vài năm tự lăn lộn vùng vẫy – rằng, theo cái ngôn từ cụt lùn không giống ai của Michael thì cô “muốn ăn phải lăn vào bếp”, phải làm cật lực để có được chút thành công trong mấy phi vụ thương mại đã rồi sau đó mới có thể làm những dự án mình yêu thích được. Và thế là giờ cô thấy mình bơ vơ ở đây, nơi ngã rẽ quan trọng trong cuộc đời: dính với cái nghề chán ngắt này và giấc mơ xa vời về một ngày kia mình sẽ làm ra một bộ phim vĩ đại hay nhận lấy cái công việc đơn điệu chuyên điểm mục đồ cổ từ những thời xa xưa khi phim ảnh vẫn còn đóng vai trò thiết yếu?

Thường khi phải đứng trước những quyết định kiểu như thế (chọn trường đại học, chọn bạn trai hay chọn trường cao học), Claire thích ngồi liệt kê ra những ưu – khuyết của từng lựa chọn. Cô tìm kiếm những dấu hiệu an bài, những sự thỏa hiệp – và giờ đây cô đang tự thỏa hiệp với chính bản thân mình, hay đúng hơn là với Số phận: *Nếu như không có một ý tưởng phim hay đáng xem xét nào trên bàn hôm nay – mình sẽ phản.*

Sự thỏa hiệp này, dĩ nhiên do cô tự bịa ra chứ với một người luôn tin rằng làm truyền hình chỉ vì tiền như Michael Deane thì ông này chưa từng thích một lần pitch ý tưởng phim hoặc kịch bản nào cả suốt hai năm nay rồi. Và mọi thứ cô thích thì ông ta đều có cơ để gạt phăng đi, lúc thì tốn kém quá, lúc thì tầm tối quá, cổ lỗ sĩ quá, hay không mang tính thương mại. Dường như chừng ấy thứ chưa đủ để khiến tỷ lệ thắng cuộc với số phận của cô tan biến, hôm nay lại còn là ngày Thứ Sáu Pitch Khùng Điên nữa: nó là ngày thứ Sáu cuối cùng trong tháng, được dành riêng ra để ngồi nghe hàng đồng bài pitch của những cố nhân và đồng nghiệp của Michael, từ những người hết thời, chán nản đến những người vô danh. Và vào ngày Thứ Sáu Pitch

Khùng điên này, cả Michael lẫn đối tác sản xuất của ông ta, Danny Roth, đều lẫn như chạch. Hôm nay – xòe xòe – mình cô hưởng cho hết cái đám pitch bốc mùi đó.

Claire nhìn xuống Daryl đang ngáy khò khò trên giường cạnh cô. Cô thấy hơi áy náy vì đã không kể cho gã nghe về công việc ở viện bảo tàng; bởi đêm nào gã cũng chơi bởi tận khuya mới mò về, và cô cũng chả mấy khi nói chuyện với gã, thêm nữa cô cũng đang nghĩ xem có nên đá gã luôn không.

“Anh quyết định sao?” cô làm bộ hỏi khê. Daryl làm giọng lè nhè ngái ngủ, nghe như vừa lầu bầu vừa lép nhép. “Ờ,” cô nói, “em cũng nghĩ thế đấy.”

Cô đứng dậy vươn vai rồi đi ra phía nhà tắm. Nhưng trên đường đi bỗng cô nhìn thấy cái quần jeans của Daryl đang vạ vật như một vũ công nghỉ ngơi ngay trên sàn nhà nơi gã tụt xuống – xòe xòe, *đừng*, mấy cái vòi tưới cảnh báo – nhưng cô còn có lựa chọn nào khác nữa chứ, thật đấy – một phụ nữ trẻ đứng giữa ngã ba đường và đang chăm chăm tìm điềm báo? Cô cúi xuống, nhặt cái quần lên, và lục khắp các túi: sáu tấm vé một chiều, một ít xu lẻ, một hộp diêm, và... á à, bắt quả tang nhé:

Một thẻ ra vào bấm lỗ của một câu lạc bộ có cái tên rất kêu ASSTACULAR: ĐỊA ĐÀNG MIỀN NAM VỀ GIẢI TRÍ THOÁT Y. Trò tiêu khiển của Daryl đây. Cô lật mặt sau tấm thẻ lên. Dù chẳng hiểu mấy các cấp độ trong ngành công nghiệp giải trí người lớn này thì cô vẫn tưởng tượng ra hình thức giải trí ở câu lạc bộ ASSTACULAR này cũng chẳng khác mấy so với mấy quán bar “buôn sung bán sướng” ở chuỗi khách sạn Bốn Mùa. Ồ, mà còn nữa này: chỉ cần hai lần bấm lỗ nữa là Daryl được tặng một màn múa khêu gợi miễn phí. Gã khá phết! Cô bèn để tấm thẻ ngay sát Daryl đang ngáy khò khò, ngay chỗ lõm trên gối của cô.

Thế rồi Claire đi về phía nhà tắm và chính thức thêm luôn Daryl vào thỏa thuận của cô với số phận, biến gã trai này thành con tin của cô (*Mang cho tôi một ý tưởng phim hay ngay hôm nay không thì gã bạn trai ham hố các câu lạc bộ thoát y của tôi sẽ lãnh đủ!*). Cô hình dung ra những cái tên trên lịch hẹn của mình và tự hỏi liệu có người nào trong họ sẽ mang đến điều

thần kỳ. Cô hình dung về họ như những điểm cố định trên một tấm bản đồ: chín giờ rưỡi vừa ăn trứng ốp lết vừa ngồi duyệt lại bài pitch của mình ở thành phố Culver, mười giờ mười lăm tập khí công trên bãi biển Manhattan và mười một giờ đang kỳ lửng cho ai đó trong nhà tắm ở resort Silver Lake. Thật nhẹ nhõm khi phó mặc quyết định của mình cho họ, cô đã làm hết sức có thể rồi. Và Claire cảm thấy mình được giải phóng, lòng đầy cởi mở, cô trần trụi bước đến vòng tay thất thường của Số phận – không thì ít nhất cũng bước đến cái vòi sen ấm áp.

Và đó là lúc mà một ý tưởng băng quơ vụt qua đầu óc vừa mới lấy quyết tâm của cô: một điều ước, hay có lẽ là một lời cầu nguyện là trong cái đồng hồ lớn ngày hôm nay cô sẽ nghe được một bài pitch... *tử tế* – một ý tưởng để làm một bộ *phim* cho *ra hồn* – để cô không phải từ bỏ công việc duy nhất mà mình khao khát cả đời này.

Ở bên ngoài, mấy cái vòi nước đang xòe xòe những tiếng cười hỉ hả trong khu vườn đá.

Cách đó hơn một ngàn cây số ở Beaverton, tiểu bang Oregon, và cũng đang trần trụi, là cuộc hẹn cuối cùng trong ngày của Claire, cái người lúc bốn giờ chiều ấy đang không quyết định nổi phải mặc cái gì bây giờ. Chưa đầy 30 tuổi, Shane Wheeler là một anh chàng cao ráo, gầy còm, có khuôn mặt nhỏ trông hơi nữ tính với mái tóc nâu bông bênh và hai bên tóc mai lôm côm trông như thể hai cái chân bàn. Đã hai mươi phút rồi Shane loay hoay tìm một bộ cánh trông được được trong đồng quần áo cũ lè tèo ít ỏi của anh: mấy cái áo thun có cổ nhăn nhúm, mấy cái sơ mi cũ quái đản, áo sọc ca rô, quần jean ống loe, quần jean ôm, quần jean mài rách, quần tây, quần kaki, quần hung kẻ, chẳng có cái nào trong đồng đó có vẻ hợp với cái hình ảnh lãnh đạm của một người tài ba mà anh mong mình sẽ trưng ra trong buổi pitch đầu tiên của mình ở Hollywood.

Shane lơ đãng lấy tay chà chà lên hình xăm trên cẳng tay của mình, từ *HÀNH ĐỘNG* được xăm bằng kiểu chữ găng-tơ phức tạp hoa mỹ, nó nhắc đến đoạn Kinh Thánh yêu thích của cha anh và cho mãi đến gần đây vẫn là

phương châm sống của Shane – *Hành động như thể con có niềm tin rồi con sẽ được tin tưởng.*

Cái quan điểm sống đó được dung dưỡng bởi bao năm liền coi phim truyền hình nhiều tập, bởi những giáo viên và cố vấn nhiệt tình, bởi những giải ruy băng trao giải thưởng trong hội chợ khoa học, bởi những huân chương tham dự, những chiếc cúp bóng rổ và bóng đá – và trên hết, là bởi hai vị phụ huynh đầy trách nhiệm và chu đáo, những người nuôi nấng năm đứa con hoàn hảo với niềm tin – quý thật, ngay từ lúc chúng sinh ra – rằng miễn là chúng tin tưởng vào bản thân mình thì chúng có thể trở thành bất kỳ người nào chúng muốn.

Và thế là hồi học cấp ba, Shane đã hành động như thể một vận động viên chạy đường dài và rồi đạt huy chương những hai lần, hành động như thể một học sinh chăm ngoan và rồi đạt toàn điểm A, hành động như thể của gái là nghề của mình và rồi cuộc được *em gái ấy* mời khiêu vũ, hành động như thể một sinh viên tiềm năng của trường Cal-Berkeley và rồi được nhận vào trường, như thể là hội viên tiềm năng của câu lạc bộ nam sinh Sigma Nu và cũng được kết nạp luôn, hành động như thể người biết nói tiếng Ý và rồi sang Ý học một năm, hành động như thể một nhà văn và rồi được nhận vào khóa đào tạo thạc sĩ viết văn của Đại học Arizona, hành động như thể đang yêu và rồi lập gia đình.

Nhưng gần đây, có vẻ như ngày càng có nhiều vết đứt gãy trong triết lý đó – chỉ có niềm tin không thì không đủ – và ngay lúc chuẩn bị ly hôn thì người-sắp-trở-thành - vợ-cũ của anh (*Tôi chán ngấy anh rồi, Shane ạ...*) đã nói toẹt ra lời cuối cùng: cái câu trích dẫn trong Kinh Thánh mà hai cha con anh suốt ngày ra rả: “Hành động như thể con có niềm tin...,” có phải là lời Chúa quái đão. Mà đúng hơn, theo cô biết thì nó là lời thoại của nhân vật Paul Newman khép lại một màn tranh cãi trong bộ phim *Lời phán quyết*.

Tiết lộ này không *kiến* Shane khó chịu nhưng nó dường như cũng giải thích được đôi điều. Nó lý giải rằng những biến động của đời ta không phải do Đức Chúa Trời quyết định mà do một ông viết kịch bản David Mamet ất ơ nào đó viết ra: không tìm nổi một công việc dạy học, hôn nhân tan vỡ khi

mà món nợ vay học đại học đã tới hạn trả, dự án theo đuổi sáu năm trời, cái luận văn thạc sĩ đó – một quyển sách gồm nhiều truyện ngắn kết nối với nhau mang tên *Kết nối* – bị một đại diện văn học tin tưởng từ chối (Đại diện: *Quyển sách này nhạt nhẽo và chẳng có ý tưởng gì*. Shane: *Là ông nghĩ thế thôi*. Đại diện: *Tôi nói thay cho mọi người đây*.) Ly dị, thất nghiệp, tay trắng và tham vọng văn chương chạy trốn vợi vàng, Shane thấy rằng quyết định trở thành nhà văn của mình là một con đường luẩn quẩn những sáu năm mà chẳng đi đến đâu cả. Lần đầu tiên trong đời anh hoảng sợ tới mức không thể nhấc mình ra khỏi giường khi không còn cái hình xăm HÀNH ĐỘNG đó thôi thúc anh đi nữa. Cuối cùng lại đến tay bà mẹ phải vực anh dậy, thuyết phục anh dùng thuốc chống trầm cảm và hy vọng cứu được cậu trai trẻ tự tin vô lo mà hai ông bà đã vất vả nuôi nấng.

“Con thấy đấy, nhà mình đâu có phải gia đình ngoan đạo gì cho cam. Nhà ta chỉ đến nhà thờ vào mỗi dịp Giáng sinh và Phục sinh mà thôi. Thế nên cha con có trích dẫn cái câu đó từ một bộ phim cũ cách đây ba mươi năm chứ không phải từ một quyển sách hai ngàn năm tuổi thì cũng đâu có gì lạ? Điều đó đâu có nghĩa là nó không đúng, phải không con trai? Mà không chừng, nghe nó còn *ấn tượng hơn* ấy chứ.”

Được vực dậy bởi lòng tin sâu sắc của mẹ gửi gắm vào *mình*, và bởi cả một liều nhỏ thuốc chữa trầm cảm nữa, thế là anh bắt đầu hồi lại, Shane như bừng tỉnh ra.

Chẳng phải mấy bộ phim lâu nay chính là niềm tin của thế hệ anh đó sao – một tôn giáo chân chính? Chẳng phải rạp chiếu phim chính là thánh đường, nơi duy nhất mà chúng ta bước vào riêng lẻ rồi sau đó cùng nhau ngập chìm trong đó hai tiếng đồng hồ với cùng một trải nghiệm, cùng những cảm xúc được dẫn dắt, cùng một tư tưởng đạo đức phán xét? Một triệu trường học dạy một triệu chương trình, một triệu nhà thờ thuộc về hàng vạn giáo phái với ty tỷ bài thuyết giáo – nhưng mọi trung tâm giải trí đều chiếu cùng một bộ phim như nhau trên toàn đất nước. Và tất cả chúng ta đều coi nó! Mùa hè đó, mùa hè mà bạn không bao giờ quên, mọi rạp chiếu phim đều chiếu cùng một loạt chủ đề giống nhau – cùng là *Avatar*, là *Harry Potter*, là *Fast and Furious*, những hình ảnh chớp lóa gắn chặt vào tâm trí để thay thế

cho những những ký ức của ta, những câu chuyện giống nhau y xì đó trở thành kinh nghiệm chung của chúng ta, chúng dạy ta biết trông mong gì vào cuộc sống, chúng định nghĩa những giá trị mà ta có. Đó chẳng phải là một tôn giáo hay sao?

Hơn nữa, làm phim kiếm khá hơn là ngồi còm cõi viết văn.

Và thế là Shane quyết định mang tài năng của mình tới Hollywood. Anh bắt đầu bằng cách liên lạc với người thầy dạy văn cũ của mình, Gene Pergo, người đã chán làm một giáo viên, một nhà văn tiểu luận mờ nhạt và đã viết ra một bộ phim giật gân có tên *Lũ cướp đêm* (những thầy ma lang thang ngập tràn Los Angeles thời hậu tận thế để vơ vét những người nào còn sống về làm nô lệ). Rồi ông bán bản quyền phim với cái giá nhiều hơn tiền lương dạy học và xuất bản rỗng rã cả chục năm trời. Rốt cuộc ông đã bỏ luôn bục giảng ngay giữa niên khóa để theo đuổi phim trường. Lúc đó, Shane đang học năm hai thạc sĩ và sự ly khai của Gene đã trở thành một vụ tai tiếng – đồng nghiệp và sinh viên đều cáu tiết trước cái cách mà Gene làm hoen ố cả thánh đường văn chương của họ.

Shane tìm được giáo sư Pergo ở LA nơi ông đang chuyển thể quyển sách thứ hai trong bộ ba cuốn của mình – *Lũ cướp đêm 2: Những con đường hối cải (định dạng 3D)*. Gene kể rằng trong hai năm vừa rồi, ông đã nhận được điện thoại từ “hầu hết mọi sinh viên và đồng nghiệp cũ”; những người cảm thấy sự ly khai văn chương của ông thật chướng tai gai mắt lại là những người gọi tới ông trước tiên. Gene đưa cho Shane tên của một đại diện phim ảnh, Andrew Dunne, và một danh sách những sách dạy viết kịch bản của Syd Field và Robert McKee, và tuyệt nhất là một chương sách dạy cách pitch trích từ quyển hồi ký đầy cảm hứng của nhà sản xuất phim Michael Deane: *Hãy làm theo cách của Deane: Tôi đã truyền ý tưởng về một Hollywood hiện đại cho nước Mỹ như thế nào và bạn cũng có thể truyền thành công cho cuộc sống của mình như thế*. Có một câu trong quyển sách của Deane – “Trong khán phòng đó điều duy nhất cần tin vào là chính bản thân bạn. **BẠN** chính là câu chuyện” – khiến cho Shane nhớ lại sự tự tin trong HÀNH ĐỘNG của mình, giúp anh mài giũa bài pitch của mình, tìm nhà ở LA, thậm chí còn gọi điện cho người đại diện văn chương cũ của

mình nữa (Shane: *Tôi nghĩ anh nên biết, tôi chấm dứt nghề văn chương thực rồi. Đại diện: Tôi sẽ thông báo cho ủy ban Nobel biết.*)

Và hôm nay đây mọi nỗ lực đã mang lại kết quả, đó là buổi pitch đầu tiên của Shane với một nhà sản xuất Hollywood, và không phải bất kỳ nhà sản xuất tay mơ nào mà đích thân Michael Deane – không thì ít nhất cũng là với trợ lý của Deane, cô Claire-nào-đó. Hôm nay, với sự giúp đỡ của cô Claire-nào-đó này, Shane Wheeler sẽ tiến bước đầu tiên ra khỏi cái nhà tắm tối toàn sách vở để bước vào một phòng vũ hội sáng choang của giới điện ảnh.

Ấy là ngay sau khi anh tìm được cho mình một bộ đồ thơm tất đã.

Đúng lúc đó, mẹ Shane từ dưới lầu gọi với lên: “Cha con đã sẵn sàng chờ con ra sân bay rồi đấy.” Không thấy anh trả lời, bà lại gọi nữa: “Con không muốn trễ chú, con trai. Mẹ làm bánh mì nướng kiểu Pháp rồi đây. Con vẫn chưa biết phải mặc gì à?”

“Một phút nữa thôi!” Shane kêu lên và trong cơn giận dữ – với bản thân mình – anh đá tung đồng hồ. Và khi đồng hồ vóc bay tung lên anh rốt cuộc cũng thấy được bộ đồ hoàn hảo đang lơ lửng trong không khí: chiếc quần jean denim ống loe gân bạc và chiếc sơ mi sọc cài nút có cầu vai đôi. Hộp vô cùng với đôi bốt hai khóa. Shane hồi hải mặc, quay qua nghĩa cái gương, rồi xắn tay áo lên để anh có thể thấy được cái sọc thẳng đứng trong chữ G ở hình xăm. “Giờ thì,” Shane Wheeler nói với anh chàng bảnh bao trong gương, “hãy đi pitch một bộ phim nào.” Quán cà phê Coffee Bean mà Claire tới mới bảy rưỡi sáng đã đông kín người, bàn nào cũng đều trưng ra bộ mặt sù sụ một đồng của một người viết kịch bản da trắng đeo kính, mỗi cặp kính đó đều chăm chăm nhìn vào màn hình của một chiếc Mac Pro xịn, mỗi cái laptop này lại trưng ra một văn bản mang tên Bản thảo cuối cùng – bàn nào cũng như bàn ấy, ngoại trừ cái bàn nhỏ ở góc trong, nơi có hai doanh nhân bảnh bao mặc vét xám đang ngồi đối diện với chiếc ghế trống để dành cho Claire.

Claire sai bước đến, chiếc váy của cô thu hút ánh mắt của các nhà biên kịch trong Coffee Bean. Cô ghét giày cao gót, nó làm cô có cảm giác như

mình là một con ngựa bị đóng móng vậy. Cô tiến đến bàn và mỉm cười lúc hai người đàn ông đứng lên. “Chào anh James. Chào anh Bryan.”

Hai người họ ngồi xuống và xin lỗi vì đã để Claire phải chờ lâu thế mới được hồi đáp, nhưng phần còn lại của câu chuyện thì y như những gì Claire tưởng tượng – hồ sơ tốt, thư giới thiệu tuyệt vời, phỏng vấn ấn tượng. Họ đã họp với toàn bộ ban quản trị kế hoạch thành lập bảo tàng, và sau khi cân nhắc kỹ càng (họ đã giao việc cho một người từ chối nó, Claire đoán thế), họ đã quyết định giao cho cô công việc này. Và cùng với câu nói đó James gật đầu ầm ỹ với Bryan và anh này trượt một cái phong bì màu vàng về phía Claire. Cô cầm chiếc phong bì lên, mở hé ra một chút, vừa đủ để thấy được cụm từ “Hợp đồng bảo mật”. Trước khi để Claire đọc được thêm nữa thì James đã đưa một tay ra chặn lại đề phòng. “Có một điều cô cần biết trước khi xem xét lời mời làm việc của chúng tôi,” anh ta nói, và lần đầu tiên một trong hai bọn họ không còn nhìn nhau nữa: Bryan đang nhìn quanh khắp phòng để xem có ai nghe lỏm không.

Khi thật. Đầu óc Claire lướt nhanh qua những kịch bản tồi tệ nhất: *tiền lương trả bằng cocaine; cô phải giết viên quản lý lâm thời trước nhất; đó là một bảo tàng phim khiêu dâm...*

Nhưng thay vào đó, James nói, “Claire này, cô biết được bao nhiêu về Khoa luận giáo *?”

Mười phút sau đó – sau khi xin phép được dịp cuối tuần để suy nghĩ thêm về lời đề nghị rộng rãi này – Claire vừa lái xe đi làm vừa nghĩ: Điều này chẳng thay đổi được gì cả, đúng không? Phải, cái viện bảo tàng phim trong mơ này chỉ là mặt tiền của một giáo phái tà đạo – khoan, nói thế không công bằng. Cô có quen biết vài người là thành viên của Khoa luận giáo và cái kiểu sùng đạo của họ cũng đâu có gì khác với mấy người bà con theo thuyết Luti cứng nhắc bên họ ngoại của cô hay mấy người Do Thái thế tục bên họ nội. Nhưng liệu những người khác có nhìn nhận cô khác đi? Rằng cô đang quản lý một viện bảo tàng đầy những thứ nhố nhăng mà Tom Cruise không bán tổng bán tháo được cho ai cả.

* *Khoa luận giáo (Scientology), thành lập năm 1952, là một giáo phái gây tranh cãi với hệ thống niềm tin và cách thực hành tín ngưỡng của họ. Gần đây, cuộc chia tay của Tom Cruise, một thành viên tích cực của giáo phái này với vợ là Katie Holmes cũng đã khiến giáo phái này mang tiếng.*

James quả quyết rằng bảo tàng sẽ không có liên hệ gì với nhà thờ ngoại trừ khoản quyên góp lúc ban đầu, và những đồ thu thập ban đầu sẽ là do một số thành viên trong nhà thờ quyên tặng, nhưng còn lại thì sẽ do tự cô

thu thập nên. “Đây là cách nhà thờ báo đáp lại ngành công nghiệp đã nuôi dưỡng các thành viên của họ trong nhiều năm,” Bryan nói. Và họ thích những ý tưởng của cô – bộ sưu tập những mẫu vật trưng bày ở dạng tương tác với máy tính dành cho trẻ em, hầm Phim Âm, chiếu phim luân phiên hằng tuần, một lễ hội phim mỗi năm. Cô thờ dài; dính với cái gì không dính, sao lại dính tới Khoa luận giáo?

Claire vừa lái xe vừa dăm chiêu suy nghĩ, mặt đờ ra như mất hồn và hành động hoàn toàn theo quán tính. Nó dẫn cô đi qua một mê lộ chằng chịt đầy những con đường tắt, chuyển làn, lề đường, đường tàu điện, khu dân cư, ngõ hẻm, làn xe đạp, chỗ gửi xe, được thiết kế ra để ngày ngày đưa cô tới xưởng phim chính xác chỉ mười tám phút sau khi rời căn hộ.

Sau khi gạt đầu chào người bảo vệ, cô lái xe qua cổng xưởng phim rồi đỗ lại, lấy túi và đi về phía văn phòng, đến cả tiếng bước chân của cô cũng đang nghĩ suy cân nhắc (*đi, ở, đi, ở*). Hãng sản xuất Michael Deane nằm trong một khu nhà gỗ một tầng của một người biên kịch già nua trên phim trường hãng Universal, bị lèn chặt giữa các phòng âm thanh, văn phòng và trường quay. Michael không còn làm việc cho hãng Universal nữa nhưng vì ông đã kiếm ra kha khá tiền cho hãng vào hồi thập niên 1980 và 1990 nên họ đồng ý cho ông ở lại khu này, kiểu như một cái lưới liềm treo làm kỷ niệm trên tường của một xưởng máy kéo. Văn phòng nằm trong lô đất này là một phần của phi vụ sản xuất đầu tay mà Michael ký cách đây vài năm khi ông cần tiền, cho hãng phim được quyền sử dụng bất kỳ thứ gì ông ấy sản xuất ra (mà hóa ra cũng chẳng nhiều nhận gì).

Bên trong văn phòng, Claire bật điện lên và luồn tay ra phía sau bàn làm việc bật máy tính. Cô tìm thẳng tới số điện thoại của những rạp chiếu phim coi lịch chiếu tối thứ năm, những phim chiếu sớm và những phim dành để chiếu cuối tuần, tìm kiếm một dấu hiệu hy vọng nào đó mà cô có thể đã bỏ lỡ, một sự khác biệt phút cuối – nhưng những con số đó thì bao lâu nay vẫn chỉ ra những điều quen thuộc: toàn đồ con nít, một mớ phim tào lao làm bằng đồ họa máy tính định dạng 3D chuyển thể từ truyện tranh, tất cả đều nằm trong kế hoạch trình chiếu của rạp đã được tính toán dựa trên phản ứng của những khán giả được khảo sát ở thị trường nước ngoài, dựa trên quảng cáo hay dựa trên phim chiếu thử trước đó. Phim ảnh giờ cũng chẳng hơn gì việc sinh đẻ hàng loạt hay những mục quảng cáo đồ chơi mới hay những lần ra mắt trò chơi điện tử. Người lớn có thể đợi ba tuần để xem được một phim tử tế theo ý thích, hoặc họ chỉ cần coi truyền hình thông minh – và thế thì những gì còn lại dành để chiếu ngoài rạp chỉ còn là những trò chơi điện tử viễn tưởng nhảy nhót lung tung dành cho mấy đứa nhóc trai với súng ống lúc nào cũng sẵn sàng cướp cò và lũ bạn gái cuồng ăn vô độ của chúng. Điện ảnh – tình yêu đầu đời của cô – đã chết rồi.

Cô còn nhớ mồn một cái ngày cô phải lòng nó: Một giờ sáng ngày 14 tháng Năm năm 1992, hai ngày trước sinh nhật lần thứ mười của cô, khi cô nghe thấy tiếng ai đó như đang cười trong phòng khách, cô ra khỏi phòng ngủ của mình và thấy cha mình đang khóc, tay mân mê một cái cốc thủy tinh cao chứa chất gì đó màu sẫm và đang xem một bộ phim cũ trên TV – *Lại đây nào, con yêu* – Claire đến ngồi cạnh ông và họ im lặng cùng nhau xem nốt hai phần ba còn lại của bộ phim *Breakfast at Tiffany's (Bữa sáng ở Tiffany)*. Claire kinh ngạc trước một cuộc sống mà cô đang thấy trên màn ảnh nhỏ đó, như thể cô đã từng tưởng tượng ra nó trước nay *mà không hay biết*. Đó chính là sức mạnh của điện ảnh: nó khiến ta mù mị trước hiện thực cuộc đời. Ba tuần sau đó, cha cô bỏ gia đình để cưới cô nàng Leslie ngược bự, đứa con gái 24 tuổi của ông bạn cũ làm cùng ngành luật, nhưng trong tâm trí của Claire thì chính Holly Golightly* mới là người đã cướp cha cô.

Chúng ta thuộc về ai và ai thuộc về chúng ta?

Cô học điện ảnh tại một trường thiết kế nhỏ, lấy bằng thạc sĩ ở trường UCLA, rồi tiến thẳng tới chương trình tiến sĩ cũng tại trường này thì tự nhiên có hai sự kiện liên tiếp nhau xảy ra. Đầu tiên là cha cô bị tai biến nhẹ và điều này khiến Claire thực sự cảm nhận được sự phù du của kiếp nhân sinh. Thế rồi cô như thấy được hình ảnh của

* *Nhân vật nữ chính trong phim Breakfast at Tiffany's.*

bản thân mình ba mươi năm sau: một bà cô thủ thư già không chồng sống trong một căn hộ nuôi toàn mèo được đặt tên theo các đạo diễn của trào lưu Làn Sóng Mới *.

(*Godard, nhả đờ chơi của Rivette ra ngay...*)

Nhớ lại kỳ vọng của mình thuở mới coi *Breakfast at Tiffany's*, Claire bèn bỏ ngang chương trình tiến sĩ và mạo hiểm chui ra khỏi cái thế giới hàn lâm tách biệt để đánh liều thử sức với việc làm phim chứ không chỉ đọc sách về chúng nữa.

* *Trào lưu làm phim giữa các đạo diễn người Anh cuối thập niên 50 đầu 60.*

Cô bắt đầu bằng việc nộp đơn cho một trong những công ty nổi tiếng về săn nhân tài. Người đại diện công ty phỏng vấn chẳng thèm liếc vào cái sơ yếu lý lịch dài những ba trang của cô mà nói luôn: “Claire, cô có biết điểm tin nhanh là gì không?” Người đại diện nói như thể Claire là một đứa nhỏ sáu tuổi và giải thích rằng Hollywood là “một chốn bận rộn”, nơi người ta được chăm sóc bởi những người đại diện, người quản lý, kế toán và luật sư. Những người làm quảng cáo quản lý hình ảnh, các trợ lý chuyên chạy việc vặt, người làm vườn cắt cỏ, hầu gái lau nhà, vú em chăm con nít, gia nhân chuyên giữ chó. Và mỗi ngày những con người bận rộn này nhận được hàng đống nào là bản thảo, sách lẫn tập ý tưởng phim; thế thì cũng hợp lý khi họ cần người đọc hộ mấy thứ đó đúng không? “Claire,” người đại diện khuyên bảo, “tôi sẽ tiết lộ cho cô một bí mật: *chốn này chả có ai đọc điếc gì cả.*”

Sau khi đã coi một mớ phim gần đây, Claire chẳng nghĩ mấy điều đó có gì là bí mật.

Nhưng cô giữ câu trả lời đó cho riêng mình và trở thành một người điểm tin, viết những bản tóm tắt sách, kịch bản, ý tưởng phim, so sánh chúng với những bộ phim ăn khách, chấm điểm các nhân vật, các đoạn hội thoại và tìm kiếm bất kỳ khả năng sinh lợi nào, cô tạo cho các nhân viên đại diện và khách hàng của họ cái cảm giác là họ không chỉ vừa đọc xong cả mớ giấy tờ mà còn vừa được tham dự một hội nghị chuyên đề cấp cao về chủ đề đó:

Tựa đề: GIAI ĐOẠN HAI: CÁI CHẾT

Thể loại: KINH DỊ DÀNH CHO THANH THIẾU NIÊN

Tóm tắt ý tưởng: Kiểu như phim *Câu lạc bộ bữa sáng gặp Ác mộng trên phố Elm* trong *GIAI ĐOẠN HAI: CÁI CHẾT*, câu chuyện về một nhóm học sinh phải vật lộn chống lại một giáo viên dạy thay bị loạn trí, người thực chất là một con ma cà rồng...

Sau đó, chỉ ba tháng sau khi bắt đầu công việc, Claire đọc một tác phẩm ăn khách với nội dung tầm thường về những cảm xúc yêu ghét lẫn lộn ủy mị mang màu sắc u ám kiểu gothic, và một cái kết với *một biến cố bất ngờ* (một cơn giông nổ bật cái trụ điện lên và đường dây điện đập mặt vào kẻ thủ ác) và cô liền... thay đổi cái kết ấy. Nó đơn giản cứ như đang đi shopping gặp một xấp áo chưa gấp phẳng phiu là ta liền ngửa tay xếp chúng cho ngay ngắn vậy. Trong bản tóm tắt của mình, cô cho nhân vật nữ chính được tự mình giải thoát bản thân, và rồi cô chẳng còn nghĩ ngợi gì thêm về quyển sách ấy nữa.

Nhưng hai ngày sau đó, cô nhận được một cuộc điện thoại. “Tôi là Michael Deane,” giọng nói ở phía bên kia điện thoại vang lên. “Cô có biết tôi là ai không?”

Dĩ nhiên cô biết, cho dù cô hơi ngạc nhiên khi biết người đàn ông này vẫn còn sống: người từng một thời được gọi là “Trưởng lão của Hollywood”, người nhúng tay vào nhiều bộ phim lớn nhất trong thế kỷ hai mươi – những phim kẻ cướp, quái vật hay những phim tình cảm đầy gượng ép – một cựu giám đốc xưởng phim và một Nhà sản xuất LỚN từ một thời đại mà chức danh đó mang nghĩa là một *tay chơi* có sự nghiệp lớn, thét ra lửa, chuyên sưu tập các diễn viên nữ và hít ma túy.

“Còn cô,” ông ta nói, “là cô gái điếm tin vừa sửa lại cái đồng rác thải mà tôi phải trả một trăm ngàn đô cho nó.” Chỉ thế thôi, và cô đã kiếm được việc làm, lại ngay ở hãng phim, lại làm việc ngay với Michael Deane với tư cách trợ lý phát triển chính của ông, đích thân giúp cho Michael “lê mông trở lại cuộc chơi”.

Ban đầu, cô mê mẩn công việc mới. Sau một thời gian vất vả cặm cụi học cao học, công việc này khiến cô thật phấn chấn – những buổi họp, sự nhộn nhịp của môi trường mới. Mỗi ngày, kịch bản, ý tưởng phim, sách đồ đồng vào. Và những buổi pitch nữa chứ! Cô ghiền mấy buổi pitch – *Có một anh chàng nọ, và anh này thức dậy thấy vợ mình là một con ma cà rồng...* – các nhà văn và nhà sản xuất tràn vào văn phòng (Nước đóng chai cho mọi người nào!) để chia sẻ sức tưởng tượng của họ – *Ở mục giới thiệu phim chúng ta sẽ thấy một phi thuyền của người ngoài hành tinh và thế là chúng ta chuyển cảnh tới anh chàng này, đang ngồi trước máy vi tính...* – và kể cả sau khi cô nhận ra những bài pitch này chả ra đâu vào đâu cả thì Claire vẫn thích nghe chúng. Đi pitch là một hình thức nghệ thuật, một kiểu nghệ thuật biểu diễn hiện sinh của người nghệ sĩ mà lúc nào cũng được diễn tả bằng thì hiện tại bất chấp câu chuyện xảy ra cách đây bao lâu: người ta vẫn pitch một bộ phim về Napoleon ở thì hiện tại, phim về thời ăn lông ở lỗ, kể cả truyện trong Kinh Thánh cũng ở thì hiện tại nốt: *Có anh Jesus này, và một ngày nọ anh ta sống dậy từ cõi chết... như một cây ma ấy...*

Và giờ thì cô ở đây, chưa đầy hai tám tuổi, làm việc trong một xưởng phim, không được làm điều mình mơ ước, chính xác, mà chỉ làm những gì những người trong giới vẫn làm thôi: đi dự họp, đọc kịch bản, ngồi nghe pitch – giả vờ như mình thích ý tưởng đó lắm nhưng lại kiếm vô số lý do để không sản xuất nó. Và thế là điều tồi tệ nhất có thể xảy ra đã xảy ra: thành công...

Cô vẫn còn nghe văng vẳng bên tai bài pitch đó: *Chúng ta sẽ gọi nó là Nhật ký hẹn hò. Nó giống như một trang web kiểu Facebook bằng video dành cho mấy cặp hẹn hò. Bất kỳ ai đăng tải một video trên trang này cũng đồng thời thử vai cho chương trình TV của chúng ta. Chúng ta sẽ chọn lấy mấy đứa trai lầy gái bựa xinh xắn nhất, quay phim cuộc hẹn hò của chúng*

nó, và đôi theo toàn bộ tiến trình: hẹn hò, chia tay, đám cưới. Mà hay nhất là trang web này đã tự tuyển diễn viên cho chúng ta. Khỏi phải trả ai một đồng nào!

Michael đã tung chương trình này trên một kênh truyền hình cáp thứ cấp, ấy thế mà rồi ông tạo được tiếng vang đầu tiên trong vòng một thập kỷ, một sự lai tạp thời thượng giữa tivi và web mà Claire không tài nào kham nổi. Michael Deane đã tái xuất! Và Claire thấy được tại sao con người ta lại phải làm việc khổ sở như vậy để không sản xuất ra được cái gì – bởi vì cái thứ mà một khi ta đã sản xuất ra, nó sẽ trở thành thương hiệu của ta, thứ duy nhất ta có khả năng làm được. Giờ thì Claire dành ngày này qua ngày khác ngồi nghe mấy bài pitch cho chương trình *Chén nhiều vào* (mấy người béo phì đua nhau ăn những bữa ăn khổng lồ) và chương trình *Gái già giàu, Gái già nghèo* (về đề tài phi công trẻ lái máy bay bà già rừng mỡ).

Tình hình ngày càng chán đến nỗi cô bắt đầu thực sự trông đợi tới ngày Thứ Sáu Pitch Khùng Điên, ngày duy nhất cô vẫn còn lắng nghe một bài pitch ngẫu nhiên nào đó về một bộ phim. Thật xui xẻo cho cô, hầu hết mấy bài pitch hôm thứ Sáu đều đến từ quá khứ của Michael: những người ông gặp ở Hội cai rượu, những người ông gia ân hay những người gia ân cho ông, những người ông gặp ở câu lạc bộ, bạn đánh gôn, kẻ bán ma túy, đám đàn bà từng chăn gối với ông hồi thập niên 60 và 70, những cậu trai trẻ ông ngủ cùng hồi thập niên 80, bạn của những cô vợ cũ, bạn của ba đứa con nhỏ trong giá thú lẫn như của ba đứa con lớn ngoài giá thú, con của bác sĩ, con người làm vườn, con người dọn bể bơi và người dọn bể bơi của con...

Thử lấy ví dụ cuộc hẹn lúc chín rưỡi của Claire nhé: một tác giả truyền hình da đồi mồi chơi bóng quần cùng Micheal từ thời tám hoánh và giờ muốn làm một sô truyền hình thực tế về mấy đứa cháu (rất tự hào đặt cả hình mấy đứa nhỏ lên bàn). “Dễ thương lắm,” Claire khen, và “Ồ,” và “Xinh quá,” và “Đúng đấy bác, dạo này người ta cứ hay làm quá lên việc chẩn đoán bệnh tự kỷ của mấy đứa nhỏ.”

Nhưng Claire không dám ho he gì về mấy cuộc gặp kiểu này trừ phi cô sẵn sàng nghe Michael Deane thuyết cho một bài về lòng trung thành: nào là

ở cái thành phố lạnh lùng này thì Michael Deane là người không bao giờ bỏ quên bạn bè, luôn siết chặt họ và nhìn vào mắt họ mà nói: Anh biết tôi luôn thích tác phẩm của anh mà, (TÊN NGƯỜI ĐÓ). Thứ Sáu tuần sau đến gặp cô trợ lý Claire của tôi xem sao nhé. Rồi Michael lấy ra một tấm danh thiếp, ký nó và ấn nó vào tay người kia, và thế là họ đến. Những người cầm trong tay một danh thiếp có chữ ký của Michael Deane có khi chỉ muốn vé đi xem một buổi công chiếu phim mới, hoặc số điện thoại của một nam diễn viên nào đó, hoặc một tấm áp phích phim có chữ ký, nhưng thường họ muốn chung một điều mà ai cũng muốn – được pitch.

Được pitch là được sống. Người ta pitch để quảng cáo con cái mình vào được trường điểm, pitch để bán được cho người khác những ngôi nhà mà bản thân mình không đủ tiền mua, và khi bị bắt quả tang đang nằm trong vòng tay nhân tình thì pitch những lời giải thích ngô nghê. Bệnh viện pitch cho trung tâm sinh sản, nhà trẻ pitch tình yêu thương, trường cấp ba pitch thành công... người bán xe pitch sự xa hoa, người cố vấn pitch lòng tự trọng, mấy cô mát xa là đoạn kết có hậu, nghĩa trang là yên nghỉ vĩnh hằng... Bất tận, những chuỗi pitch dài – không bao giờ kết thúc, luôn hồ hởi, luôn thu hút, và không bao giờ ngơi nghỉ cũng giống như cái chết vậy. Chúng tồn tại thân nhiên như mấy cái vòi tưới xèo xèo mỗi sáng.

Một tấm danh thiếp có chữ ký của Michael Deane là một hình thức tiền tệ ở khu này – càng cũ càng tốt, theo cô là thế. Khi cuộc hẹn mười giờ mười lăm xòe ra cái danh thiếp từ thời Michael còn làm quản lý hãng phim, cô đã hy vọng sẽ được nghe một bài pitch về phim, nhưng người đàn ông đó lại trình ra một bài pitch về chương trình truyền hình thực tế kinh tởm tới sững sờ: “*Lâu đài Tâm thần*: chúng ta cắt thuốc của những bệnh nhân tâm thần, đưa họ vào ở một ngôi nhà có lắp camera quan sát được giấu kín và hù dọa tinh thần họ; bật điện là nhạc vang lên, mở tủ lạnh là toilet tự động xả...”

Và nhân nói về thuốc men, cuộc hẹn mười một giờ ba mươi của cô dường như cũng khùng hết thuốc chữa: Đứa con trai người hàng xóm của Michael Deane nghênh nghênh bước vào, mặc áo choàng để râu quai nón, không thèm nhìn vào mắt Claire một lần khi cậu này pitch về loạt chương trình truyền hình ngắn về một thế giới tưởng tượng cậu vẽ nên trong đầu mình

(“Em mà viết ra sợ có người thó mắt”) có tên là *Bộ tứ Veraglim – Veraglim* là một vũ trụ khác tồn tại trong chiều không gian thứ tám theo lý thuyết dây, còn *Bộ tứ* nghĩa là “cũng giống bộ ba vậy đó, ngoại trừ có bốn câu chuyện chứ không phải ba.” Khi cậu tiếp tục bật máy nói về những yếu tố vật lý trong thế giới tưởng tượng này (ở Veraglim, có một vị vua vô hình, một cuộc nổi loạn của nhân mã, và của quý của các ông chào cờ suốt một tuần mỗi năm) thì Claire nhìn xuống cái điện thoại đang rung trên đùi. Nếu cô vẫn còn đang đi tìm những điếm báo, thì có lẽ là cái này đây: gã bạn trai ngốc khoái đi coi thoát y và nghề nghiệp bất ổn của cô đã thức dậy trưa trưa trệt trệt và nhắn cho cô cái tin chả có chấm phẩy này: *sữa*. Cô tưởng tượng ra Daryl đang mặc quần sịp đứng trước tủ lạnh, không thấy có tí sữa nào và nhắn cái câu hỏi ngớ ngẩn này. Thế gã nghĩ có thể kiếm thêm được sữa ở chỗ quái nào chứ?

Cô nhắn lại *máy giết*, và trong khi thằng nhóc Veraglim vẫn tiếp tục thao thao về cái thế giới loạn tinh thần của mình thì Claire không thể không tự hỏi liệu số phận có đang bõn cọt với cô, cười vào cái thỏa thuận cô tự đặt ra bằng cách mang đến cho cô một Thứ Sáu Pitch Khùng Điên chán vãi trong lịch sử – có lẽ là ngày tệ hại nhất kể từ thời cô học lớp Tám, khi mà kỳ kinh nguyệt đã đến vội ngay trong trận kickball * của lớp thể dục cả nam lẫn nữ, và thằng quý Marshall Aiken chỉ ngay vào chỗ đổi màu trên quần đùi thể dục của cô mà hét lên với giáo viên, *Claire xuất huyết kì thầy* – bởi vì lúc này đúng là não cô đang xuất huyết đây, máu chảy tràn cả ra cái bàn họp này khi thằng nhóc khùng kia tiếp tục chuyển sang tập hai của *Bộ tứ Vegaglim (Flandor rút lưỡi kiếm vô hình của hã ra khỏi bao kiếm!)* và một tin nhắn khác của Daryl xuất hiện, nhấp nháy trên màn hình chiếc BlackBerry trên đùi cô: *ngũ cốc*.

* *Giống bóng chày nhưng thay vì chơi bằng gậy người ta chơi bằng chân.*

Tiếng laptop máy bay rít lên, bám lấy đường băng làm Shane Wheeler giật mình thức dậy và kiểm tra đồng hồ. Vẫn ổn cả. Đúng thế, chuyến bay của anh trễ một tiếng, nhưng anh vẫn còn tận ba tiếng đồng hồ mới đến buổi hẹn, và chỉ còn cách nơi đó có hai chục cây số nữa thôi. Chạy xe có hai mươi cây số thì đâu có mất bao lâu đâu chứ? Ở cửa ra vào, anh đuổi chân

đuôi tay, xuống máy bay và bước tiếp giấc mơ trong một đường hầm sân bay dài lát gạch, qua chỗ lấy hành lý và cửa xoay, bước lên một vỉa hè đầy nắng, nhảy lên một chiếc xe buýt để tới một trung tâm cho thuê xe, xếp hàng với mấy người ăn vận như nhân vật hoạt hình cười toe toét (những người ắt hẳn cũng thấy cái coupon thuê xe trên mạng trị giá 24 đô giống anh), và khi đến phiên mình, anh đưa bằng lái và thẻ tín dụng ra cho nhân viên cho thuê xe. Cô này đọc tên anh thật trịnh trọng ("*Shane Wheeler?*") đến nỗi mà trong phút lơ đãng đó anh tưởng ra mình đã đi vượt thời gian và đã thành danh, để rồi cô gái này cũng đã từng nghe đến tên anh – nhưng dĩ nhiên là cô chỉ vui vì tìm thấy thông tin đăng ký trước của anh mà thôi. Chúng ta sống trong một thế giới đầy những phép màu tầm thường như vậy đấy.

“Đi du lịch hay đi công tác vậy ông Wheeler?”

“Để đòi lại một thứ,” Shane trả lời đầy ẩn ý.

“Bảo hiểm à?” cô gái hiểu vô cùng đơn giản.

Không được miễn phí khoảng cách đi lại, không được nâng cấp lên xe sang hơn, thiết bị định vị không hề rẻ, không được miễn phí lần đổ xăng nào, thế là Shane lên xe đi với bản hợp đồng thuê xe, một chùm chìa khóa, và một cái bản đồ trông như được vẽ bởi một đứa nhóc mười tuổi trong cơn đập đá. Ngồi gọn lỏn trong chiếc Kia đỏ vừa thuê xong, Shane chỉnh ghế lái cùng mã vùng với bánh lái, hít một hơi, khởi động xe và ôn lại những từ đầu tiên trong bài pitch đầu tiên của mình: *Có anh chàng nọ...*

Một giờ sau đó, chẳng hiểu thế nào anh lại ngày càng đi xa hơn chỗ hẹn gặp. Chiếc Kia của Shane đâm đầu vào đoạn đường kẹt xe và, anh nghĩ, còn có thể đi sai hướng nữa (cái cục định vị đặt tiền kia giờ thật muốn trêu người anh). Shane quăng sang bên cái bản đồ vô dụng đi kèm với cái xe thuê này và thử gọi điện thoại cho Gene Porgo: bị đẩy thẳng sang hộp thư thoại. Anh thử gọi người đại diện đã sắp xếp cuộc hẹn gặp này nhưng trợ lý người đó nói, “Xin lỗi anh, Andrew không có ở đây,” không biết là thế nào. Anh miễn cưỡng gọi điện cho di động của mẹ, rồi cha, và cuối cùng là số nhà nữa: *Trời ạ, mọi người đi đâu tiệt rồi không biết? Số máy tiếp theo hiện ra trong đầu*

anh là của cô vợ cũ. Anh chẳng muốn gọi Sandra lúc này chút nào – nhưng mà giờ thì tuyệt vọng quá rồi.

Tên anh chắc vẫn còn lưu và hiện trên điện thoại nên những lời đầu tiên của cô là: “Anh gọi tới vì anh tính trả nốt số tiền còn nợ em hả?”

Đó chính là cái mà anh không muốn nhắc đến – cái chuyện ai xài thâm thùng thẻ tín dụng của ai hay chuyện ai lấy trộm xe ai, những thứ đã làm âm đạm thêm mọi cuộc chuyện trò của họ suốt một năm trời. Anh thở dài. “Thú thực là anh đang trên đường đi kiếm tiền trả lại cho em đấy Sandra.”

“Anh không định đi bán máu nữa đó chứ?”

“Không, anh đang ở LA, bán ý tưởng phim.”

Cô phá lên cười, mãi sau mới nhận ra anh đang nói nghiêm túc. “Gượm đã. Giờ anh viết *phim* à?”

“Không, anh *bán ý tưởng* phim. Đầu tiên phải bán ý tưởng đã, rồi sau đó mới viết.”

“Chả trách phim ảnh giờ gớm quá,” cô nói. Đích thị là Sandra: một cô hầu bàn có cái giọng chảnh chọe của một nhà thơ. Anh và cô gặp nhau ở Tucson, nơi cô làm việc ở Cốc Thiên Đường, quán cà phê Shane lui tới để viết văn mỗi buổi sáng. Anh đã mê cô theo trình tự sau: cặp chân, tiếng cười, cách cô thần tượng các nhà văn và sẵn sàng ủng hộ công việc của họ.

Về phần mình – cuối cùng cô đã khai thật – cô mê cái mớ nhảm nhí của anh.

“Nghe này,” Shane nói, “em có thể thôi cảm rằm một chút và giúp anh dùng ứng dụng bản đồ MapQuest trên mạng để tìm địa điểm Universal City cho anh được không?”

“Anh có hẹn ở Hollywood thật à?”

“Đúng thế, với một nhà sản xuất lớn ở hãng phim.”

“Thế anh đang khoác cái gì trên người vậy?”

Anh thở dài và kể cho cô nghe điều mà Gene Porgo đã nói với anh, rằng mặc cái gì đến một buổi pitch không phải chuyện gì to tát (*Trừ khi anh sở hữu một bộ giáp “chống nhảm” mà thôi*).

“Em cá là em biết anh đang mặc gì,” Sandra nói và bắt đầu miêu tả bộ đồ anh mặc từ đầu cho đến tất.

Shane bắt đầu thấy hối tiếc vì đã gọi cô. “Giờ chỉ đường hộ anh cái đã.”

“Bộ phim của anh tên gì?”

Shane thở dài. Anh cần phải nhớ rằng họ không còn kết hôn nữa; cái tính thích châm chích mỉa mai của cô không còn gây áp lực lên anh được nữa rồi. “*Donner!*”

Sandra bỗng im bật. Nhưng cô hiểu sở thích của anh, những nỗi ám ảnh với những chủ đề lạ kỳ. “Anh đang viết một bộ phim về người ăn thịt người?”

* *Thảm kịch về nhóm những người di dân Mỹ tiên phong đi đến California trong một đoàn xe hàng vào mùa đông 1946-1947. Nhiều điều không may xảy đến và họ bị kẹt trong bão tuyết ở Sierra Nevadas.*

Một số người trong nhóm đã phải ăn thịt những người khác để sống sót. Trong số 87 người thì chỉ 48 người sống sót đến được California.

“Anh nói rồi, anh chỉ đang *bán ý tưởng* phim thôi, và nó không phải là về người ăn thịt người.”

Rõ ràng, Đoàn người nhà Donner là một chủ đề khó làm phim. Nhưng ta luôn có thể nắm lấy *cơ hội* để pitch về nó, như Michael Deane đã viết trong chương 14 (mà vẫn thường được sao chép lại) trong quyển hồi ký kiêm dạy đời kinh điển của mình, *Hãy làm theo cách của Deane*:

Ý tưởng cũng bình thường như cân đường hộp sữa vậy và bất kỳ kẻ vô danh nào cũng có thể sở hữu được nó. Cái quan trọng lại là *cơ hội* mà thôi. Tôi có thể bước vào hãng Fox ngay hôm nay và bán ý tưởng một bộ phim về một nhà hàng nấu món pín khi nướng nếu tôi chộp được *cơ hội*.

Và Shane đã có được *cơ hội* hoàn hảo. *Donner!* sẽ không khiến người ta nhớ về câu chuyện lịch sử Đoàn người nhà Donner – những con người mắc kẹt trong một cái trại khủng khiếp, rét cóng, đói khát và cuối cùng phải ăn thịt lẫn nhau – mà là về câu chuyện một người đóng tử trong đoàn người ấy, William Eddy, người dẫn đầu một nhóm người hầu hết là phụ nữ trẻ trên một chuyến đi gian khổ nhưng phi thường vượt qua được các rặng núi để

đến chỗ an toàn, và rồi sau đó – *chú ý này, hồi ba!* – khi đã lấy lại sức, ông đã quay trở lại cứu vợ con! Khi Shane pitch ý tưởng này trên điện thoại cho người đại diện Andrew Dunne, anh cảm thấy câu chuyện như đang truyền sức sống cho mình: *Đó là một câu chuyện về chiến thắng vinh quang, anh nói với người đại diện, một câu chuyện hào hùng về sức bật của con người! Lòng can đảm! Sự quyết tâm! Tình yêu!* Cùng buổi chiều hôm đó người đại diện đã sắp xếp cho anh một cuộc hẹn gặp với Claire Silver, trợ lý phát triển cho... nghe nhé... *Michael Deane!*

“Hử,” Sandra thốt ra sau khi nghe toàn bộ câu chuyện. “Và anh thực sự nghĩ rằng mình có thể bán cái thứ đó?”

“Ồ, sao lại không,” Shane trả lời, và quả thật là anh tin như thế. Đó cũng là nguyên lý chính trong cái niềm tin HÀNH-ĐỘNG-như-thể lấy từ phim ảnh của Shane, cái niềm tin vô bờ bến của thế hệ anh vào *những cơ duyên trần tục*, vào cái ý tưởng – đã được tích tụ qua nhiều thập kỷ coi phim giải trí – rằng sau ba mươi hay một trăm hai mươi phút đầy rắc rối phức tạp xảy ra thì mọi chuyện rồi cũng sẽ được gỡ nút.

“Được rồi đây,” Sandra cất lời – cô vẫn chưa miễn nhiễm hoàn toàn với sự hấp dẫn khó kháng cự mà sự tự tin lừa mị của Shane gây ra – và cô đọc cho anh hướng dẫn chỉ đường trên MapQuest. Khi anh cảm ơn, Sandra nói: “Chúc may mắn nhé, Shane.”

“Cám ơn em,” Shane đáp lại. Và như thường lệ, cái lòng tốt thực tâm mà hờ hững của cô vợ cũ lại khiến anh cảm thấy mình là con người cô độc nhất thế gian này.

Thế là hết. Thật là một thỏa thuận ngu ngốc: một ngày để tìm ra một ý tưởng làm phim tuyệt vời ư? Đã bao lần Michael bảo cô, *Chúng ta không làm trong ngành điện ảnh, chúng ta làm trong ngành điện chập*. Và đúng thế, ngày này vẫn chưa kết thúc, nhưng hai giờ bốn lăm đang vừa mãi cạy da tróc trên trán vừa pitch một ý tưởng chương trình TV (*Có anh chàng cảnh sát này – cạy được mảnh da tróc rồi – một cảnh sát tâm ma*) còn Claire có cảm giác như mình đã chết trong lòng một chút, cái chết của sự lạc quan. Cái người lúc bốn giờ chiều còn chưa thấy mặt mũi đâu (ai đó tên là

Shawn Wheeler thì phải...) và khi Claire kiểm tra đồng hồ – bốn giờ mười ròi – thì mắt cô đã đờ đẫn và buồn ngủ. Thôi thế là thôi. Cô chấm hết với nơi này. Cô sẽ không nói gì cho Michael nghe về sự vỡ mộng của mình; để làm gì cơ chứ? Cô sẽ lặng lẽ làm nốt hai tuần còn lại, tổng mọi thứ vào hộp, và lên ra khỏi văn phòng này để bước vào một công việc là cất kho những kỷ vật lưu niệm cho các thành viên Khoa luận giáo.

Còn Daryl thì sao? Cô có tính đá đít gã luôn hôm nay không? Cô làm được không? Mới đây cô cũng từng thử chia tay với gã ta, những chẳng bao giờ làm được. Việc đó cứ như nước đổ lá khoai vậy – chả được tích sự gì. Cô nói: *Daryl, chúng ta cần nói chuyện*, và gã chỉ mỉm cười đúng kiểu của mình, và rút cuộc họ lại mây mưa. Cô còn ngờ là điều cô nói còn có phần kích động gã ta nữa. Cô nói: *Em không chắc chuyện tại mình có đi đến đâu không*, và thế là gã bắt đầu cười áo. Cô phàn nàn về vụ mấy câu lạc bộ thoát y nhưng gã trông vẫn phờn phơ. (Cô: *Hãy hứa với em là anh sẽ không đến đó nữa được chứ?* Gã: *Anh hứa sẽ không bắt em đến đó.*) Gã không cãi vã, không nói dối, không quan tâm; gã đàn ông đó ăn uống, hít thở và làm tình. Làm sao ta có thể vô tâm với một người vốn dĩ đã vô tâm từ trong máu ròi?

Cô gặp gã trong cái bộ phim duy nhất mà cô đã từng làm đến lúc này – *Lũ cướp đêm*. Claire lúc nào cũng yếu lòng trước mấy cái hình xăm, mà Daryl, lúc đó đóng vai phụ bước ra (hay loạng choạng đi ra?) trong vai Thây ma 14 lại có đôi cánh tay cuộn cuộn với những hình xăm tuyệt đẹp. Trước đó cô toàn hẹn hò mấy kiểu trai thông minh, nhạy cảm (những anh chàng khiến cho sự nhạy cảm tinh tế của cô thật là thừa thãi) và một vài loại doanh nhân dẻo miệng (những gã có thêm một cái của quý thứ hai là tham vọng của họ). Tới lúc đó cô vẫn chưa thử loại diễn viên thất nghiệp bao giờ. Và cái việc ném trái những thứ trần tục đầy bản năng này chẳng phải là điều cô nghĩ tới ngay từ đầu khi rời khỏi cái kén bao bọc của trường điện ảnh sao? Và ban đầu, cái thứ trần tục đầy bản năng ấy quả là tốt như quảng cáo (cô nhớ lại mình từng tự hỏi lúc đó: Trước giờ có khi nào mình được đụng chạm như thế này chưa?). Ba mươi tiếng đồng hồ sau đó khi cô nằm trên giường sau trận mây mưa với anh chàng đẹp trai nhất mà cô từng chăn gối (có khi cô chỉ thích ngồi *ngắm* anh ta mà thôi), Daryl liền thản nhiên thú nhận rằng gã

vừa bị bạn gái tống ra khỏi nhà và chưa biết phải sống ở đâu. Gần ba năm sau đó, *Lũ cướp đêm* vẫn là phim nổi nhất của Daryl, và *Thây ma 14* vẫn là cái cơ thể đẹp đẽ như tượng lực sĩ La Mã năm chình ình trên giường cô.

Không, cô sẽ không chia tay với Daryl. Không phải hôm nay. Không phải sau mấy thứ Khoa luận giáo và mấy ông ngoại tự hào, mấy kẻ dở điên dở tỉnh, cảnh sát ma và mấy người cạy da tróc trên mặt. Cô sẽ cho Daryl một cơ hội nữa, cô sẽ về nhà, mang cho gã một chai bia, rúc vào bờ vai rộng xăm xía của gã; cùng nhau coi *TeeVee** (hắn ta thích mấy cái xe tải chạy trên băng ở kênh Discovery), thế là ít nhất cô cũng cảm nhận lại được sự kết nối mỏng manh với cuộc sống. Không, không hẳn là được như mơ, nhưng cũng là những thứ hoàn hảo điển hình kiểu Mỹ, một quốc gia toàn những thây ma *Lũ cướp đêm* chạy tới lui khắp chân trời, thức khuya làm việc rồi về nhà ngồi lờ đờ coi chương trình *Những tài xế xe tải trên băng* và *Nhật ký hẹn hò* trên một chiếc tivi màn hình phẳng 55 inch (mà Daryl đặt tên là *Cao Tốc 55* hay *Sam Đào Hoa*).

Claire lấy áo khoác và đi ra cửa. Cô dừng bước, ngoảnh đầu nhìn lại văn phòng nơi cô tưởng mình đã có thể làm được điều gì đó vĩ đại nơi đây – *giấc mơ Holly Golightly ngu ngốc* – và kiểm tra lại đồng hồ một lần nữa: bốn giờ mười bảy và vẫn tích tắc tiếp. Ra đến bên ngoài, cô khóa cửa, hít một hơi rồi đi thẳng.

Cái đồng hồ trong chiếc Kia thuê của Shane cũng chỉ đến bốn giờ mười bảy – anh đã trễ hơn mười lăm phút và muốn chết đi cho rồi. “Điên mất thôi!” Anh dấm tay

* *Những chương trình truyền hình được thu lại.*

vào tay lái. Kể cả sau khi đã quành xe lại được anh vẫn lúi phải mấy chỗ tắc đường và rẽ nhầm lối. Đến lúc anh lái được đến cổng hãng phim và viên bảo vệ nhún vai báo với anh rằng số phận của anh đang nằm ở cổng *khác* thì anh đã trễ hai mươi bốn phút rồi và đang vã mồ hôi trong cái bộ đồ *khí giới* đã lựa chọn kỹ càng. Khi anh đến đúng cổng là đã trễ hai mươi tám phút – ba mươi phút khi anh lấy lại cái thẻ căn cước từ người bảo vệ thứ hai, run rẩy vừa lấy cái thẻ gửi xe và lúi nhanh xe vào chỗ đậu.

Bây giờ Shane chỉ còn cách văn phòng của Michael Deane chừng vài chục mét thì anh lại lóng ngóng lao ra khỏi xe nhằm hướng, lẩn quẩn đi giữa các phòng thu âm – đây là khu nhà kho sạch sẽ nhất trên thế giới – và rốt cuộc là đi thành vòng tròn, hướng tới một lốc nhà nhỏ và một cái xe điện đầy khách du lịch túi đeo ngang bụng đang đi tham quan xưởng phim, tay lăm lăm máy quay phim và điện thoại di động, chăm chú lắng nghe hướng dẫn viên đeo micro nhỏ trên tai đang kể những câu chuyện đáng ngờ về những điều thần kỳ một thời. Những con người quay phim liên tục ấy nín thở lắng nghe, chờ đợi một sự kết nối nào đó với quá khứ của chính họ (*Tôi từng thích chương trình đó lắm!*), và khi Shane lao đảo bước đến chỗ xe điện, mấy vị khách du lịch mê được gặp ngôi sao này liền vội vã so sánh mái đầu bù xù, tóc mai đậm, nét mặt gầy gò khác thường của anh với hàng ngàn khuôn mặt những người nổi tiếng khác mà họ sưu tầm – *Có phải diễn viên Sheen không? Hay Baldwin? Hay một ngôi sao nào đó mới đi cai nghiện về?* – và trong khi họ chưa ghép được những nét thu hút khác thường của Shane với bất kỳ ai nổi tiếng thì họ cũng vẫn chụp hình anh cho chắc ăn.

Anh chàng hướng dẫn viên nở bùm bụp trên bộ tai nghe của mình, kể cho những người trên xe điện một cảnh chia tay nổi tiếng nào đó trên một chương trình truyền hình nổi tiếng nào đó đã được quay phim “ngay tại chỗ đó đó,” và khi Shane tiến đến, người tài xế này giơ một ngón tay lên ra dấu để anh ta có thể kể nốt câu chuyện. Vã mồ hôi, sắp phát khóc đến nơi, giận bản thân hết mức, cố gắng không gọi cho ba mẹ – cái quyết tâm HÀNH ĐỘNG giờ chỉ còn là ký ức nhạt nhòa – Shane thấy mình đang nhìn chăm chăm vào thẻ tên của anh chàng hướng dẫn viên: ANGEL *.

“Anh ời?” Shane hỏi.

Angel lấy tay che cái micro trên bộ tai nghe lại và nói, đặc giọng địa phương, “Muốn cái chết tiệt gì?” Angel cũng cỡ tuổi, nên Shane thử làm giọng thân thiết giữa những anh chàng U30. “Ông bạn ời, tôi trẻ lắm rồi. Giúp tôi tìm văn phòng của Michael Deane được không?”

Câu hỏi đó không biết có gì mà khiến cho một vị khách du lịch khác lại chụp hình Shane nữa. Nhưng chỉ thấy Angel giật mạnh ngón tay cái và lái

chiếc xe điện đi, để lộ ra một tấm bảng mà anh ta đang đứng chặn, chỉ tới một căn nhà nhỏ: HÃNG SẢN XUẤT MICHAEL DEANE.

* *Thiên thần.*

Shane nhìn vào đồng hồ. Đã trễ 36 phút rồi. *Điên điên điên mất thôi.* Anh chạy vòng qua góc đường và thấy nó – nhưng đứng chặn ở cửa căn nhà là một ông già chống gậy. Trong một thoáng, Shane đã nghĩ đó chính là Michael Deane, cho dù người đại diện đã nói rằng Deane sẽ không đến chỗ hẹn, và sẽ chỉ có cô trợ lý phát triển của ông, cô Claire gì đó thôi. Dù sao đi nữa đó cũng không phải Michael Deane. Chỉ là một ông cụ nào đó, tầm khoảng bảy mươi tuổi, mặc một bộ vét xám đậm và đôi mũ phớt mềm, gậy khoác trên tay và cầm một tấm danh thiếp. Khi tiếng giày của Shane lách cách trên vỉa hè, ông cụ xoay người lại cởi mũ ra, để lộ ra mái tóc muối tiêu và đôi mắt xanh màu san hô kỳ lạ.

Shane hăng giọng. “Bác có định vào không? Bởi vì cháu... cháu đã trễ lắm rồi.”

Người đàn ông chìa ra một tấm danh thiếp đã quá cũ, nhăn nheo vàng và chữ cũng đã phai. Nó là từ một hãng phim khác, hãng 20th Century Fox nhưng cái tên thì vẫn đúng: Michael Deane.

“Bác đến đúng nơi rồi ạ,” Shane nói. Anh đưa ra tấm danh thiếp Michael Deane của chính anh – mẫu mới hơn. “Bác thấy không? Giờ ông ấy làm ở hãng này rồi.”

“Đúng thế, tôi đến chỗ này,” ông cụ nói, tiếng Anh lơ lơ, đặc giọng Ý – Shane nhận ra vì anh từng học một năm ở Florence. Ông ấy chỉ vào tấm danh thiếp đề Hãng phim 20th Century Fox. “Họ nói, đi chỗ này.” Ông cụ chỉ chỗ căn nhà. “Nhưng... khóa rồi.”

Shane không thể tin được. Anh bước qua chỗ ông cụ và thử mở cửa. Đúng vậy, bị khóa. Thế thì tiêu rồi.

“Tôi tên Pasquale Tursi,” ông cụ nói và chìa tay ra.

Shane bắt tay ông cụ. “Còn cháu là Kẻ Thất Bại Toàn tập,” anh đáp lại.

Claire nhắn tin cho Daryl để hỏi xem tối gã muốn ăn gì. Câu trả lời: *kfc*, sau đó là một tin nhắn khác: *nhat ky hen ho khong kiem duyet* – cô đã kể cho

Daryl nghe rằng công ty của cô chuẩn bị tung ra một phiên bản không kiểm duyệt với nhiều cảnh nóng hơn của chương trình này, đây cảnh khỏa thân và mấy thứ đần độn u mê mà họ không thể chiếu được trên truyền hình phổ thông. Tốt thôi, cô nghĩ. Cô sẽ quay trở lại để lấy cái chương trình truyền hình tuyệt vời mà công ty cô đã sản xuất ra, rồi sau đó đánh xe lượn sang cửa hàng KFC, rồi cô sẽ cuộn trong lòng Daryl và xử lý cuộc đời cô sau, vào thứ Hai. Cô vòng xe lại, người bảo vệ vẫy tay với cô, và đỗ lại xe ở khu phía trên văn phòng của Michael. Cô bắt đầu quay trở lại văn phòng để lấy mấy đĩa DVD bản nháp, nhưng khi vòng qua lối đi, Claire Silver lại thấy đứng ngay trước cửa căn nhà, không phải chỉ một người lơ ngơ trong ngày Thứ sáu Pitch Điên cuồng... mà đến những hai người. Cô ngừng lại, tưởng tượng ra mình quay người lại và bỏ đi.

Đôi khi cô thích đoán thử chuyện đời của mấy người đến Thứ sáu Pitch Khùng điên: tóc mai trông như giẻ lau sần mặc quần jean xanh sờn bạc và áo sơ mi cầu vai đôi? *Con trai một tên ma cô từng bán thuốc cho Michael chẳng?* Và ông cụ tóc bạc mắt xanh bện vét xám? *Khó rồi đây. Một người nào đó Michael gặp năm 1965 khi đang cuốn trong một cuộc truy hoan tại nhà của Tony Curtis?*

Cậu trai trẻ thất thần trông thấy cô đang bước tới. “Cô là Claire Silver?”

Không phải, cô nghĩ. “Phải,” cô đáp.

“Tôi là Shane Wheeler, và tôi xin lỗi *vô cùng*. Tắc đường quá, tôi bị lạc và... Liệu chúng ta còn cơ hội nào để bắt đầu cuộc hẹn lúc này không?”

Cô nhìn tuyệt vọng về phía người đàn ông lớn tuổi, người đã ngả mũ và chìa danh thiếp ra. “Pasquale Tursi,” ông cụ nói, “Tôi đang tìm... cho... ông Deane.”

Tuyệt vời chưa: hai kẻ lơ ngơ. Một cậu nhóc lạc đường ở LA và một người Ý du hành thời gian. Cả hai người đàn ông đều nhìn cô chăm chăm, giơ danh thiếp của Michael Deane ra. Cô cầm lấy mấy tấm danh thiếp. Danh thiếp của người thanh niên rõ là trông mới hơn. Cô lật lại. Phía dưới chữ ký của Deane là một tờ ghi chú của người đại diện Andrew Dunne. Mới đây cô đã hại đời Andrew, không phải là chuyện chán gỏi gì – nếu thế thì đã dễ tha

thứ – mà là cô bảo ông ta hãy hoãn việc phát sóng một đoạn quảng cáo cho một chương trình thời trang mới lạ có tên *Nếu đôi giày vừa khít*, trong khi Michael còn đang cân nhắc nó; nhưng thay vào đó, ông sắp cô lại ký hợp đồng với một chương trình đối thủ khác, *Nghiền giày*, thứ đã giết chết hoàn hảo ý tưởng của vị khách hàng của Andrew. Tờ ghi chú của người đại diện viết: “Tận hưởng đi nhé!” Một bài pitch trả đũa đây mà: ôi trời, chắc kinh khủng khiếp lắm.

Tấm danh thiếp còn lại là một ẩn số, tấm danh thiếp cổ nhất của Michael Deane mà cô từng thấy, bạc màu và nhăn nheo, từ thời hãng phim *đầu tiên* của Michael, 20th Century Fox. Chính cái tên công việc đề trên ấy mới khiến cô chú ý – quan hệ công chúng? Michael khởi nghiệp từ quan hệ công chúng? Cái danh thiếp này xưa cũ đến mức nào rồi?

Thực lòng mà nói, sau một ngày như thế này, giả sử Daryl mà nhăn cái gì khác *kfc* hay *nhạt ky hen ho khong kiem duyet*, thì hẳn cô đã bảo hai người đàn ông này là hết giờ rồi – họ đã lỡ buổi phát chẩn từ thiện hôm nay rồi. Nhưng cô đã nghĩ lại về số phận và cái thỏa thuận giữa cô và nó. Ai biết được? Biết đâu một trong hai người này lại là... biết đâu đấy. Cô mở cửa và hỏi lại họ tên hai người một lần nữa. Tóc mai luộm thuộm = Shane. Mắt lồi = Pasquale.

“Mời các vị sang phòng họp,” cô mời.

Trong văn phòng, họ ngồi bên dưới những tấm áp phích các bộ phim kinh điển của Michael (*Nát Óc*; *Kẻ trộm tình yêu*). Không có thời gian để mời nước, đây là buổi pitch đầu tiên trong lịch sử mà khách không được mời nước. “Bác Tursi, bác có muốn bắt đầu trước không?”

Ông cụ nhìn xung quanh, bối rối. “Ông Deane... không ở đây?” Giọng ông chậm rãi như thể đang cố rặn ra từng lời.

“Tôi e là ông ấy không ở đây hôm nay. Bác là bạn cũ của ông ấy?”

“Tôi gặp ông ấy...” Ông cụ nhìn lên trần nhà. “Ờ, *nel sessantadue*.”

“1962,” cậu thanh niên dịch lại. Khi thấy Claire nhìn anh tò mò, Shane nhún vai: “Tôi từng học một năm ở Ý.”

Claire tưởng tượng hồi năm đó Michael và ông cụ này đã lái một chiếc mui trần lượn lờ khắp Rome tán tỉnh mấy nữ diễn viên Ý và nốc rượu grappa. Đó là thời vàng son còn giờ thì Pasquale Tursi trông ất ơ lăm. “Ông ấy nói... *nếu... cậu cần gì.*”

“Chắc rồi,” Claire nói. “Cháu hứa sẽ kể lại cho Michael nghe mọi thứ về bài pitch của bác. Sao bác không bắt đầu luôn nhỉ?”

Pasquale nheo mắt như thể ông không hiểu. “Tôi nói tiếng Anh... đã lâu lắm rồi...”

“Đoạn mở đầu,” Shane nói với Pasquale. “*L’inizio.*”

“Có một người đàn ông mà...” Claire mớm lời.

“Một người phụ nữ,” Pasquale Tursi nói. “Cô ấy đến làng tôi, Porto Vergogna... vào...” ông nhìn lên Pasquale nhờ giúp đỡ.

“1962?” Shane lặp lại.

“Đúng rồi. Cô ấy... đẹp. Và tôi đang xây... ờ... một bãi biển, nhỉ? Và quần vợt?” Ông bóp trán, câu chuyện như đang bỏ ông đi mất. “Cô ấy trong... *điện ảnh?*”

“Một diễn viên?” Shane Wheeler hỏi?

“Đúng rồi.” Pasquale Tursi gật đầu rồi nhìn lơ đãng.

Claire kiểm tra đồng hồ và cố gắng dẫn vào bài pitch: “Thế là... một nữ diễn viên đến thị trấn và cô ấy phải lòng anh chàng này cái người đang xây một bãi biển?”

Pasquale nhìn Claire. “Không. Là tôi... có lẽ, đúng thế. Ừ, *l’attimo*, nhỉ?” Ông lại quay sang nhìn Shane nhờ giúp đỡ. “*L’attimo che dura per sempre.*”

“Một khoảnh khắc kéo dài mãi mãi,” Shane nói khẽ.

“Đúng rồi,” Pasquale gật đầu. “Mãi mãi.”

Claire bỗng thấy nhột nhột khi nghe thấy những từ đó được thốt ra liên tiếp như vậy, *khoảnh khắc* và *mãi mãi*. Nó không giống như KFC hay Nhật ký hèn nhát đặt gần nhau tí nào. Cô đột nhiên thấy giận ghê gớm – giận cái tham vọng ngớ ngẩn và thứ chủ nghĩa lãng mạn của cô, giận cái gu đàn ông của cô, giận những tít đồ Khoa luận giáo diên rồ, giận cha cô vì đã xem cái bộ phim ngu ngốc đó để rồi bỏ đi mất, giận bản thân mình vì đã quay lại văn

phòng này – giận bản thân cô vì lúc nào cũng hy vọng đạt được nhiều hơn nữa. Và cả Michael: *lão Michael khốn kiếp, cái công việc khốn kiếp của ông ta, những cái danh thiếp khốn kiếp, những cố nhân khùng điên, những ân huệ khốn kiếp ông ta mắc nợ những kẻ khốn kiếp mà ông ta đã hại đời cái thời ông ta lộn xộn với mấy kẻ lộn xộn.*

Pasquale Tursi thở dài. “Cô ấy bị ốm.”

Máu nóng dồn lên mặt, Claire đang mất bình tĩnh. “Bệnh gì? Ban đỏ? Vẩy nến? Ung thư?”

Khi nghe thấy từ ung thư, Pasquale đột ngột ngừng lên và lẩm bẩm bằng tiếng Ý. ‘*sì. Ma non è così semplice –*’*

Và đó là khi mà cậu nhỏ Shane chen vào. “Ừm, cô Silver? Tôi nghĩ là bác ấy không phải đang pitch đâu.” Rồi cậu quay ra nói với ông cụ bằng thứ tiếng Ý chậm rãi: “*Questoè realmente accaduto? Non in un film?*” *
Pasquale gật đầu. “*Sì. Sono qui per trovarla.*” *

“À, chuyện đó là có thực,” Shane bảo Claire. Cậu quay lại phía Pasquale. “*Non l’ha piu vista da allora?*” * Pasquale lắc đầu và Shane lại quay về phía Claire một lần nữa. “Bác ấy chưa gặp lại người phụ nữ này trong gần 50 năm rồi. Bác đến để tìm lại bà ấy.”

“*Come si chiama?*” * Shane Wheeler hỏi.

Ông cụ người Ý hết nhìn Claire sang Shane rồi lại nhìn Shane sang Claire. “Dee Moray,” ông cụ nói.

* *Đúng, nhưng không đơn giản thế. * Điều này thực sự xảy ra hả bác? Không phải trong phim?* * *Đúng thế, tôi đến đây để tìm người đó. * Bác chưa gặp lại từ đó đến giờ? * Tên bà ấy là gì?*

Claire cảm giác như ngực cô nhói mạnh, một sự lay động sâu xa hơn, một tiếng rạn nứt của những hoài nghi tích tụ lâu nay, một sự tan vỡ của những áp lực cô vẫn chống chọi. Tên của người diễn viên chẳng có ý nghĩa gì với cô, nhưng với ông cụ này thì dường như thật khắc khoải khi thốt ra cái tên đó, như thể đã bao năm rồi ông cụ không hề nhắc đến nó. Sức mạnh vô hình của cái tên đó cũng đã tác động đến cô – sự khao khát điều gì đó lãng mạn, những *khoảnh khắc* và *mãi mãi* – như thể cô có thể *cảm nhận* được 50 năm

khát khao chỉ trong một cái tên, 50 năm nỗi đau đang nằm im trong cô nữa, hay có lẽ đang say ngủ trong mỗi người chờ đến lúc được đánh thức dậy như thế này – khoảnh khắc này trở nên nặng nề tới nỗi cô phải vội nhìn xuống đất để nén những giọt nước mắt đang chực ứa ra, và vào khoảnh khắc đó Claire ngược nhìn Shane và biết anh cũng đang có cảm nhận giống cô, cái tên lơ lửng chốc lát trong không gian... giữa ba người bọn họ... rồi nó rơi xuống sàn như một chiếc lá, ông cụ người Ý nhìn nó chạm đất và Claire đoán đợi, hy vọng, cầu nguyện ông cụ sẽ thốt ra cái tên một lần nữa, khẽ khàng hơn – để nhấn mạnh tầm quan trọng của nó như người ta vẫn thường làm trong các kịch bản phim – nhưng ông cụ không nói gì nữa. Ông chỉ nhìn chăm chăm xuống sàn nhà nơi cái tên rơi xuống và Claire Silver giật mình nhận ra cô đã bị lạm mấ bộ phim chết tiệt quá rồi.

KHÁCH SẠN CẢNH QUAN VỪA PHẢI

Tháng 4, 1962 Porto Vergogna, nước Ý

Cả ngày cậu chờ đợi cô gái xuống nhà nhưng cả buổi chiều lẫn tối đầu tiên đó cô ở lì trong phòng trên tầng ba. Và thế là Pasquale tiếp tục làm việc của mình, những thứ trông chẳng giống ai mà giống mấy trò ngớ ngẩn của một gã tâm thần hơn. Nhưng cũng không biết phải làm gì khác nên cậu lại ném đá lên cái đê chắn sóng ở vịnh và lại đục đẽo cái sân quần vợt của mình, rồi lâu lâu lại ngược lên nhìn cái cửa chớp bạc màu trên cửa sổ phòng cô. Đến chiều muộn, khi những con mèo hoang vẫn còn nằm ườn sưởi nắng trên những tảng đá thì một cơn gió mùa xuân mát lạnh ủa đến làm mặt biển dậy sóng, thế là Pasquale liền lui về chỗ quảng trường để hút thuốc một mình trước khi đám ngư dân ra đây tụ tập uống rượu. Tại Cảnh Quan Vừa Phải, vẫn chẳng có âm thanh nào từ trên lầu, không có dấu hiệu nào cho thấy cô người Mỹ xinh đẹp đang ở trên đó, thế là Pasquale lại lo là cậu đã tưởng tượng ra mọi thứ: ra con thuyền của Orenzio tròn thành trong vịnh, ra người Mỹ cao mảnh khảnh bước những bậc thang hẹp lên căn phòng tốt nhất khách sạn trên tầng ba, mở cửa sổ hít thở bầu không khí mặn mặn của biển cả, thốt lên “Tuyệt quá,” rồi nào là Pasquale sẽ hỏi thăm cô “Cô có còn cần gì không?” và cô gái trả lời “Cảm ơn anh,” rồi cô đóng cửa, để cậu đi xuống cầu thang chật hẹp tối tăm một mình.

Pasquale phát hoảng khi thấy bà dì của cậu đã nấu bữa tối là món *tiuppìn* của bà, một món xúp gồm cá mú, cà chua, vang trắng và dầu ô liu. “Dì định để con mang cái món canh hầm đầu cá tanh rình này cho một ngôi sao điện ảnh Mỹ ăn sao?”

“Không thích ăn thì biến,” Valeria thách thức. Thế là lúc chạng vạng, khi đám ngư dân đang kéo thuyền vào vịnh nhỏ ở dưới thì phía trên này Pasquale lộp cộp đi lên cầu thang hẹp tạc luôn vào vách đá rồi gõ nhẹ vào cánh cửa trên lầu ba.

“Ai thế?” tiếng cô gái nói với ra cửa. Cậu nghe thấy tiếng lò xo giường kêu cọt kẹt.

Pasquale hăng giọng. “Xin lỗi đã làm phiền cô. Cô ăn chút đồ nguội khai vị với xút chứ?”

“Xút ư?”

Pasquale giận mình ghê gớm vì đã không nói được bà dì đừng có nấu món ciuppín này. “Đúng thế. Là xút. Có cá với vino * nữa. Xút cá đấy?”

“À, xúp. Không, cảm ơn anh. Tôi sợ mình chưa ăn được gì đâu,” tiếng cô nói vang qua cửa nghe nghèn nghẹt. “Tôi thấy chưa khỏe lắm.”

“Vâng, tôi hiểu.”

Cậu bước xuống cầu thang, lập đi lập lại từ xúp mãi trong đầu. Cậu ăn bữa tối của cô gái Mỹ trong phòng mình. Món ciuppín này khá là ngon. Cậu vẫn giữ thói quen của cha là đặt mua báo bằng ca nô đưa thư tuần một lần và cho dù không nghiên ngẫm chúng như cách của cha mình thì Pasquale vẫn giờ lướt lướt ra xem có tin tức gì nói về bộ phim Cleopatra mấy người Mỹ đang làm không. Nhưng chẳng có gì cả.

Sau đó, cậu nghe tiếng gót giày nặng nề đi ra đi vào trattoria * nhưng cậu biết đó không phải Dee Moray, cô ấy không có khi nào lại là người đi lại âm ỉ như thế. Mà thực chất đó là đám ngư dân địa phương đang ngồi chật ních cả hai cái bàn muốn đến ngắm người đẹp Mỹ một cái. Họ để nón lên bàn, những mái tóc dơ dáy bết lại và được chải ép sát da đầu. Valeria đang phục vụ xúp cho đám người này nhưng đám ngư dân thực ra chỉ đang chờ nói chuyện với Pasquale vì lúc cô gái đến họ đều đã lên thuyền đi đánh cá rồi.

* Rượu * Quán rượu

“Tao nghe nói cô ta cao tới hai mét rưỡi,” Lugo mở màn, lão có biệt danh là Anh Hùng Thời Chiến Lãng Nhãng, nổi tiếng vì cái chiến tích đáng ngờ

là đã giết ít nhất một tên lính trong mỗi trận đánh lớn mà lão tham gia trên mặt trận châu Âu thời Thế Chiến thứ hai. “Cô ta là mẹ khổng lồ.”

“Bác đừng có nói ngớ ngẩn,” Pasquale nói khi cậu tiếp rượu cho họ.

“Bộ ngực cô ta trông như nào hả chú em?” Lugo hỏi nghiêm túc. “Chúng tròn bầu đầy đặn hay nhọn hoắt thế?”

“Để tôi nói mấy chú nghe về đàn bà Mỹ” Tommaso Anh Lớn lên tiếng, tên này có người anh họ đã cưới một cô Mỹ, thế là lão trở thành chuyên gia về phụ nữ Mỹ, cùng với tất tần tật mọi thứ khác. “Đàn bà Mỹ chỉ nấu nướng một tuần một lần thôi, nhưng mà trước khi cưới bọn nó sẽ chịu thối kèn cho mấy chú. Đấy, đời nó thế, được cái này thì mất cái kia.”

“Còn chúng mày thì đi mà vét máng như lợn ấy!” Valeria khạc khạc oang oang trong bếp.

“Cưới anh đi, Valeria!” Tommaso Anh Lớn la lại. “Anh đây già rồi, máy móc hết chạy nổi rồi và chả chóng thì chầy anh cũng sẽ điếc luôn. Chúng ta sinh ra là để dành cho nhau.”

Người ngư dân mà Pasquale quý mến nhất, lão Tommaso trầm tư thì đang nhay nhay cái tẩu thuốc trong miệng. Lão bỏ tẩu ra để xét xem cái chuyện mọi người đang nói đến nó là như thế nào. Lão coi mình như một dân ghiền phim chính hiệu và fan của thể loại phim hiện thực mới của Ý. Vì thế lão khinh rẻ mấy bộ phim Mỹ, kết tội chúng đã khuếch trương trào lưu *commedia all'italiana* * toàn những trò hề thay thế cho thể loại phim hiện sinh nghiêm túc của thập niên 1950. “Nghe này, Lugo,” lão nói, “nếu cô ta mà là một nữ diễn viên Mỹ thì có nghĩa là cô ta mặc áo nịt ngực trong một bộ phim cao bồi và chỉ được cái gào thét là giỏi thôi.”

“Thế à. Thế để xem cái bộ ngực bơm đầy khí khi cô ta la hét sẽ thế nào.” Lugo pha trò.

“Biết đâu sáng mai cô ả lại chằng năm khóa thân trên bãi biển của Pasquale cũng nên,” Tommaso Anh Lớn để thêm, “và tất cả chúng ta đều được rửa mắt với bộ ngực đồ sộ đó.”

Trong 300 năm, những người ngư dân trong thị trấn này đều là hậu duệ của một nhóm trai trẻ lớn lên ở đây, những người cha truyền lại thuyền bè

cho con cái và khi họ mất thì còn thêm ngôi nhà cho đứa con trai cứng nhất, thường là con trai cả, những đứa rồi cũng sẽ đi lấy những cô con gái của những ngư dân khác dọc đường bờ biển này, đôi khi còn dắt cả mấy cô ấy về lại Porto Vergogna. Con cái lớn lên rồi chuyển đi nhưng villaggio * vẫn luôn giữ được một sự cân bằng khoảng trên dưới 20 hộ gia đình.

* *Hài kịch Ý* * *Ngôi làng*

Nhưng cuộc chiến đi qua khiến nghề đánh cá cũng như mọi thứ khác trở nên một ngành công nghiệp, những hộ ngư dân cha truyền con nối này không thể cạnh tranh được với những tàu lớn đánh cá bằng lưới kéo ngoài khơi Genoa mỗi tuần. Các nhà hàng vẫn mua cá của vài người ngư dân già vì khách du lịch thích ngắm cảnh mấy cụ già bưng cá đến giao, nhưng như thế thì thật giống như làm trong một công viên giải trí: nó không phải đánh cá thực sự và chẳng có tương lai gì cả. Cả một thế hệ trai trẻ Porto Vergogna phải bỏ nhà đi tìm việc làm, tới La Spezia, Genoa và thậm chí xa hơn để kiếm việc trong các nhà máy, những xưởng đóng hộp và những công việc tiểu thương buôn bán. Những đứa con được cứng nhất giờ không còn muốn những con thuyền đánh cá nữa: đã có sáu ngôi nhà bị bỏ hoang, bít kín hoặc phá sập và chắc chắn sẽ còn thêm nhiều nữa. Hồi tháng hai, đứa con gái cuối cùng của Tommaso, con bé Ileana mắt lé xui xẻo cũng đã kết hôn với một thầy giáo trẻ và chuyển tới sống ở La Spezia, Tommaso rầu rĩ suốt nhiều ngày sau đó. Và vào một sáng mùa xuân mát mẻ nọ, khi Pasquale nhìn những người ngư dân già đang lê chân và càu nhàu bước lên thuyền ra khơi, cậu như bừng tỉnh: cậu là người duy nhất dưới 40 tuổi còn sót lại trong toàn thị trấn này.

Pasquale mặc kệ đám ngư dân trong trattoria và đi lên chỗ mẹ mình, người đang ở trong một thời kỳ đen tối và nhất quyết không chịu rời khỏi giường suốt hai tuần rồi. Khi cậu mở cửa, cậu thấy bà đang nhìn trần trần lên trần nhà, mái tóc xám thô và xoắn bết xuống gối sau đầu, tay bà chấp lên ngực, miệng cứng đờ như kiểu khuôn mặt người chết mà bà cụ vẫn ưa “tập luyện” trước. “Mẹ nên ra khỏi giường mẹ ạ. Ra ngoài và ăn với tụi con.”

“Hôm nay không được Pasquale,” giọng bà the thé. “Hôm nay ta mong mình sẽ thắng.” Bà cụ hít một hơi sâu và hé một bên mắt. “Valeria bảo mẹ là

có một người Mỹ trong khách sạn nhà mình.”

“Đúng ạ, Mamma.” Cậu kiểm tra những vết loét da do nằm lâu ngày của mẹ nhưng bà dì đã thoa phấn rôm đâu ra đấy rồi.

“Một cô gái à?”

“Đúng ạ, Mamma.”

“VẬY là cuối cùng thì mấy người Mỹ của cha con cũng tới.” Bà liếc nhìn phía cánh cửa sổ tối om. “Cha con đã nói họ sẽ đến và giờ họ đến thật. Con nên kết hôn với cô gái này và tới Mỹ để làm một sân quần vợt cho ra hồn.”

“Không, Mamma. Mẹ biết con sẽ không đi –”

“Hãy mau đi khỏi chốn này trước khi nó giết con như đã giết cha con.”

“Con sẽ không bao giờ bỏ mẹ lại.”

“Không việc gì phải lo. Mấy bữa nữa mẹ chết là đoàn tụ với cha con và với mấy người anh trai tội nghiệp của con nơi chín suối rồi.”

“Mẹ còn thọ lâu mà,” Pasquale nói.

“Tâm can mẹ đã chết rồi,” bà cụ nói. “Con nên đẩy mẹ ra biển và dìm ta như dìm con mèo già ốm yếu của con.”

Pasquale ngồi thẳng người dậy. “Ba mẹ nói con mèo của con đã bỏ đi lúc con đang học đại học.”

Bà liếc nhìn cậu qua khước mắt. “Một cách nói thôi mà.”

“Không, không phải một cách nói. Không ai nói thế cả. Có đúng là mẹ với Papa đã dìm chết con mèo của con khi con ở Florence không?”

“Mẹ đang ốm, Pasquo! Con còn định làm tội làm tình ta nữa sao?”

Pasquale về lại phòng mình. Đêm đó cậu nghe tiếng bước chân trên tầng ba khi cô gái Mỹ đi vào phòng tắm, nhưng đến sáng hôm sau cô vẫn không ra khỏi phòng, nên cậu lại tiếp tục xây cái bãi biển còn dang dở của mình. Đến tầm trưa khi quay về khách sạn bà dì Valeria nói lại với cậu rằng Dee Moray đã xuống nhà uống cà phê, ăn một miếng bánh mỳ thịt và một trái cam.

“Cô ấy có nói gì không?” Pasquale hỏi.

“Sao dì mày biết được? Cái thứ ngôn ngữ kinh khủng đó. Nói cứ như mắc xương ấy.”

Pasquale rón rén đi lên lầu và đứng cạnh cửa lắng nghe nhưng Dee Moray vẫn im hơi lặng tiếng.

Cậu lại ra ngoài và xuống biển, nhưng thật khó nói liệu biển có cuốn trôi đi bớt tí cát nào chưa. Cậu leo lên những bậc thang ngang qua khách sạn lên những vách đá nơi cậu đang khoan cọc cái sân quần vợt của mình. Mặt trời đã lên quá núi và ẩn sau những dải mây mỏng khiến cho bầu trời như được dát mỏng và làm cho cậu có cảm giác như thể đang đứng dưới một tấm kính. Cậu nhìn xuống mấy cái cọc khoan vùng cái sân quần vợt tương lai mà thấy xấu hổ. Dù cho cậu có thể làm móng nền đủ cao chứa đầy bê tông để san bằng cái sân – cao đến 2 mét tại rìa bờ đá – và xoay sở làm được giàn giá đỡ để nó có thể nhô ra khỏi bờ đá thì cậu vẫn cần phải dùng thuốc nổ phá tung một bên sườn núi mới có thể san bằng góc phía đông bắc của nó. Cậu tự hỏi liệu có thể nào làm một cái sân quần vợt nhỏ hơn và chơi bằng những cái vợt nhỏ hơn được không?

Cậu mới vừa châm điếu thuốc để ngẫm về chuyện này thì bỗng thấy con thuyền gỗ gụ của Orenzio vòng qua mũi đất phía gần Vernazza. Cậu nhìn nó chao nghiêng theo sóng nước dọc theo đường bờ biển và nín thở khi nó vượt qua Riomaggiore. Khi nó tiến đến gần hơn cậu có thể thấy được có hai người ở bên cạnh Orenzio trên thuyền. Lại có thêm người Mỹ đến khách sạn của cậu à? Thật trên cả mong đợi. Dĩ nhiên, chiếc thuyền có vẻ chỉ ngang qua chỗ cậu rồi sẽ tới Portovenere xinh đẹp hoặc vòng qua mũi đất vào La Spezia. Nhưng rồi nó chạy chậm lại và uốn một vòng vào vùng vịnh hẹp chỗ cậu.

Pasquale bắt đầu leo xuống khỏi sân quần của mình, nhảy chồm từ phiến đá này sang phiến đá khác. Cuối cùng, cậu đi dọc con đường mòn nhỏ hẹp xuống đường bờ biển, đi chậm dần khi thấy rằng đi cùng với Orenzio không phải là hai khách du lịch mà là hai gã này: Gualfredo thẳng chủ khách sạn chết tiệt, và một gã đô con nào đó Pasquale chưa từng gặp bao giờ. Orenzio cột thuyền lại, Gualfredo và gã đô con bước ra.

Gualfredo là một gã cầm bạnh, hói, râu ria xồm xoàm. Gã kia, tên khổng lồ, cứ như được đẽo ra từ đá. Trong thuyền, Orenzio cầm mặt xuống như thể nó không dám nhòm thẳng vào mắt Pasquale.

Và khi Pasquale tiến lại gần, Gualfredo chìa tay ra: “Quả đúng thế, con trai của Carlo Tursi đã quay lại thành người đàn ông chăm lo cho cái khe mông con điếm này.”

Pasquale gật đầu dứt khoát và chiếu lệ. “Chào ông, Signor Gualfredo.” Cậu chưa từng thấy gã Gualfredo chết tiệt này ở Porto Vergogna trước kia, nhưng mấy chuyện bàn ra tán vào về gã thì không ai vùng duyên hải này lại không biết: mẹ gã tăng tịu một thời gian dài với một lão chủ nhà băng giàu có ở Milan, và để khiến bà ta giữ mồm giữ miệng, lão này đã mua cho đứa con trai đê tiện của bà cỗ phần khách sạn ở Portovenere, Chiavari, và Monterosso al Mare.

Gualfredo cười mím. “Chú mày có một ả diễn viên Mỹ trong cái nhà chứa của chú phải không?”

“Đúng thế,” Pasquale nói. “Đôi khi chúng tôi cũng tiếp khách Mỹ.”

Gualfredo cau mày, bộ ria dường như làm cho khuôn mặt lẫn cái cổ to như gốc cây của hắn trông nặng nề hơn. Hắn nhìn ra chỗ Orenzio đang giả vờ kiểm tra động cơ thuyền. “Ta đã bảo Orenzio là hắn phải nhằm lẫn chi đây. Cô gái này chắc chắn đáng lẽ phải tới chỗ khách sạn của ta ở Portovenere. Nhưng thằng nhóc nói rằng cô ta thực sự muốn tới...,” hắn nhìn một vòng xung quanh, “cái làng này.”

“Đúng vậy,” Pasquale nói, “cô ấy thích nơi yên tĩnh.”

Gualfredo bước đến gần hơn. “Đây không phải là chuyện một nông dân Thụy Sĩ đi du lịch cậu Pasquale à. Những người Mỹ này trông đợi một mức độ dịch vụ mà cậu lại không cung cấp được. Nhất là mấy diễn viên Mỹ. Nghe ta này: ta làm cái nghề này cũng đã lâu rồi. Sẽ thật đáng tiếc nếu cậu lại khiến cho vùng Levante này mang tiếng xấu.”

“Chúng tôi sẽ chăm lo cho cô ta,” Pasquale đáp lại.

“Thế thì cậu không phiền nếu ta nói chuyện với cô ta, để chắc rằng không nhầm lẫn gì cả.”

“Không được,” Pasquale nói khá nhanh. “Giờ cô ấy ngủ rồi.”

Gualfredo lại nhìn về phía Orenzio trên thuyền và sau đó hướng đôi mắt đờ đẫn về phía Pasquale. “Hay là cậu không cho ta gặp cô ta bởi vì cô ta đã bị lừa bởi hai thằng bạn các cậu lợi dụng vốn tiếng Ý nghèo nàn của một người phụ nữ để thuyết phục cô ta tới Porto Vergogna chứ không phải Portovenere như dự định ban đầu.”

Orenzio định mở miệng ra để phản đối nhưng Pasquale đã nhanh hơn. “ Dĩ nhiên là không. Nghe này, ông có thể quay lại lúc nào cũng được khi cô ấy rảnh rỗi rồi muốn hỏi gì thì hỏi, nhưng giờ thì tôi sẽ không để ông làm phiền cô ấy lúc này được. Cô ấy ốm.”

Một nụ cười nhếch lên chỗ ria mép của Gualfredo và ông ta chỉ sang gã khổng lồ phía sau mình. “Cậu có biết Signor Pelle bên hội du lịch chưa ấy nhỉ?”

“Chưa.” Pasquale cố nhìn vào mắt của gã cao to nhưng nó chỉ là hai cái đinh ghim bé tí tẹo cắm vào khuôn mặt béo núc của hắn. Cái áo vét bạc căng ra vì thân hình quá khổ.

“Với một khoản phí nhỏ hàng năm và tiền thuế vừa phải, hội du lịch sẽ hỗ trợ cho mọi khách sạn hợp pháp – về giao thông, quảng cáo, đại diện chính trị...”

“Sicurezza,” Signor Pelle thêm vào bằng cái giọng ễnh ương của hắn.

“À đúng thế, cảm ơn anh, Signor Pelle. An ninh.” Gualfredo nói, nửa bộ ria mép xồm xoàm của ông ta nhếch lên thành một nụ cười tự mãn. “Sự bảo vệ.”

Pasquale biết tốt hơn hết là mình không nên hỏi lại, bảo vệ khỏi cái gì? Rõ ràng Signor Pelle giúp bảo kê ta tránh khỏi chính Signor Pelle rồi.

“Cha tôi chưa từng nói gì về khoản thuế này cả,” Pasquale nói và cậu thấy Orenzio liếc nhanh mình như cảnh báo. Đó là điều mà Pasquale đang cố hiểu, sự cố hữu trong việc làm ăn ở nước Ý này, nó quyết định xem ta cần phải trả tiền cho những sự mua chuộc và tống tiền nào, còn cái nào có thể an toàn mà lờ đi được.

Gualfredo cười mỉm. “Ồ, cha cậu có trả chứ. Một khoản phí hằng năm và một khoản phí nhỏ tính theo đêm cho mỗi khách nước ngoài ở lại... mà không phải lúc nào chúng tôi cũng thu bởi vì, nói thẳng ra, tụi này không nghĩ lại có khách nước ngoài nào lại ở lại cái khe môn ả điếm này cả.” Hắn ta nhún vai. “10%, chẳng thấm vào đâu. Hầu hết các khách sạn đều tính tiền này vào tiền trọ của khách.”

Pasquale hăng giọng: “Còn nếu tôi không trả?”

Lần này, Gualfredo không mỉm cười. Orenzio ngó vội lên Pasquale, vẻ lo âu cảnh báo hiện lên trên mặt nó. Pasquale vòng tay lại để giữ cho hai tay cậu khỏi run lên. “Nếu ông có giấy tờ gì chứng minh khoản tiền thuế này lúc đây tôi mới trả.”

Gualfredo im lặng một hồi lâu. Cuối cùng, hắn ta phá lên cười, nhìn ngó xung quanh và nói với Pelle: “Signor Tursi đây lại muốn có giấy tờ cơ đây.”

Pelle chậm chậm bước tới.

“Được rồi,” Pasquale vừa nói vừa giận mình vì đã nhượng bộ như vậy. “Tôi không cần giấy tờ.” Nhưng cậu lại ước rằng mình đã làm cho Pelle phải bước thêm vài bước nữa. Cậu liếc nhìn ra sau để chắc rằng màn cửa phòng cô gái vẫn đóng và cô ấy không thấy được sự hèn nhát của cậu lúc này. “Chút nữa tôi quay lại.”

Cậu quay người lại và đi lên con đường còng queo hướng về phía khách sạn, mặt mũi nóng bừng bừng. Cậu không bao giờ có thể nhớ nổi lại có cảm giác nào nhục nhã hơn thế. Bà dì Valeria của cậu đang đứng trong bếp dõi theo.

“Dì,” Pasquale hỏi, “cha cháu hồi trước có trả thuế này cho Gualfredo không vậy?”

Valeria, người vốn không ưa gì cha Pasquale, trả lời bằng giọng nhạt báng. “Dĩ nhiên.”

Pasquale ngồi trong phòng mình đếm tiền rồi quay trở lại chỗ bến thuyền, cố gắng kiềm cơn giận của mình lại. Khi cậu trở lại, Pelle và Gualfredo đang đứng quay mặt ra biển còn Orenzio đang ngồi khoanh tay trong thuyền.

Tay Pasquale run lên khi cậu đưa cho bọn họ số tiền. Gualfredo vỗ nhẹ vào vào má cậu như nựng một đứa nhỏ dễ thương. “Tụi này sẽ quay lại nói chuyện với cô gái đó sau. Rồi sau đó chúng ta tính phí và các loại thuế trưng thu mà chú mày còn thiếu.”

Mặt Pasquale lại đỏ bừng lên, nhưng cậu kìm lại được. Gualfredo và Pelle leo lên chiếc thuyền màu gỗ và Orenzio đẩy bọn họ ra bờ mà không ngoái lại nhìn Pasquale. Con thuyền nhấp nhô trên sóng nước một lát rồi tiếng máy nổ cục cục vang lên và nhóm đàn ông này âm ỉ hướng về phía bờ biển phía trên.

Pasquale ngồi thừ ra trên hàng hiên của khách sạn. Đêm nay là đêm trăng tròn và những người ngư dân dong thuyền ra khơi, bọn họ muốn nhờ đến ánh trăng sáng để kiếm được một mẻ cá mùa xuân ra trò. Pasquale tì bụng lên lan can gỗ mà chính tay cậu dựng lên, hướng người ra ngoài, hút thuốc và nhớ lại cảnh nhục nhã mình phải chịu trước mặt Gualfredo và gã khổng lồ Pelle, tưởng tượng ra mấy câu trả treo thật ngọt mà cậu có thể nói ra lúc đó (Nhận lấy mấy đồng thuế và dùng cái lưỡi răn lươn lẹo của ông để mà nhét cái đít béo của thằng bạn ông ấy, Gualfredo), thì bỗng cậu nghe tiếng chốt cửa mở ra rồi đóng vào. Cậu hơi liếc qua vai và cô ấy đứng ngay đó – người Mỹ xinh đẹp. Cô mặc cái quần đen bó và một chiếc áo trắng, tóc thả từng lọn vàng nâu quấn vào nhau buông rũ dưới vai. Cô đang cầm trong tay thứ gì đó. Những trang giấy đánh máy.

“Tôi đứng cùng anh được chứ?” cô hỏi bằng tiếng Anh.

“Dĩ nhiên rồi. Rất hân hạnh,” Pasquale trả lời. “Cô cảm thấy ổn rồi chứ?”

“Đỡ hơn rồi, cảm ơn anh. Tôi chỉ cần ngủ thêm. Cho phép tôi chứ?” Cô đưa tay ra và lúc đầu Pasquale không hiểu ý cô là gì. Cuối cùng cậu cũng hiểu và sờ soạng túi quần tìm hộp thuốc lá, mở nó ra và đưa cho cô một điếu. Pasquale mừng là đôi tay của cậu đã ngoan ngoãn nghe lời khi cậu đánh diêm và đưa nó cho cô.

“Cảm ơn anh đã nói tiếng Anh,” cô nói. “Tiếng Ý của tôi thật kinh hoàng.” Cô tựa người vào lan can, hít một hơi và thở dài qua làn khói thuốc.

“Phù ù ù. Thuốc này thật dễ chịu,” cô nói và nhìn lại điều thuốc trong tay, “mạnh đấy.”

“Hàng Tây Ban Nha đấy,” Pasquale nói, rồi sau đó chẳng biết nói gì thêm. Mãi rồi cậu cũng cất lời “Tôi phải hỏi: cô chọn đến đây, đúng, đến Porto Vergogna?”. “Chứ không phải Portovenere hay Portofino?”

“Không, chính là nơi này,” cô nói. “Tôi hẹn gặp một người ở đây. Đó là ý của anh ấy. Ngày mai anh ấy sẽ đến đây, mong là thế. Tôi biết thị trấn này rất yên tĩnh và... discreet*.”

Pasquale gật đầu nói, “Ồ, đúng,” và cố gắng tìm xem từ dus-kreet này nằm chỗ nào trong quyển từ điển Anh-Ý của cha mình. Cậu hy vọng nó có nghĩa là lãng mạn.

“À. Tôi tìm thấy cái này trong phòng mình. Chỗ bàn làm việc.” Cô đưa cho Pasquale chồng giấy ngay ngắn cô mang theo từ trên lầu xuống: Nụ cười Thiên đường. Đó là chương đầu tiên của quyển tiểu thuyết mà người viết nó là người Mỹ duy nhất trước cô gái này từng đến ở khách sạn, nhà văn Alvis Bender, người mỗi năm đều xách theo một cái máy đánh chữ nhỏ và một chồng giấy than trơn tới đây, nghỉ lại hai tuần để uống rượu và lâu lâu thì viết lách. Ông để lại đây tập giấy đánh chương đầu tiên cho Pasquale và cha cậu tha hồ giải đoán.

“Là những trang sách,” Pasquale đáp lại, “bởi một người Mỹ, nhỉ?... một nhà văn. Ông ấy đến khách sạn này. Mỗi năm.”

“Anh nghĩ ông ấy sẽ không phiền nếu tôi đọc chứ? Tôi không mang gì theo để đọc cả còn những cuốn sách ở đây thì đều bằng tiếng Ý.”

“Được chứ, tôi nghĩ là được.”

* *Kín đáo*

Cô gái cầm lại xấp giấy, lật qua các trang rồi để nó lại trên lan can. Trong vài phút tiếp theo hai người đứng lặng yên nhìn ra những chiếc đèn lồng có những hình ảnh phản chiếu như hai chuỗi đèn chùm đang nhấp nhô cùng nhau trên mặt biển.

“Đẹp quá,” cô gái nói.

“Ừm,” Pasquale đáp lại nhưng rồi cậu nhớ ra Gualfredo nói rằng người phụ nữ này không thể ở lại đây. “Làm ơn,” Pasquale hỏi bằng một câu trong quyển những mẫu câu thông dụng: “Tôi hỏi thăm phòng ở của cô?” Khi cô gái không trả lời, cậu hỏi thêm: “Cô có thỏa mãn, không?”

“Tôi có... xin lỗi... cái gì cơ?”

Cậu liếm môi, hỏi lại. “Tôi đang cố nói là –“

Cô liền cứu nguy cho cậu. “Ồ, thỏa mãn, phòng ở. Hiểu rồi. Mọi thứ đều rất tốt, anh Tursi à.”

“Làm ơn... với cô, hãy gọi tôi là Pasquale.”

Cô mỉm cười. “Được rồi. Pasquale. Còn với anh tôi là Dee.”

“Dee,” Pasquale gọi lại, gật đầu và mỉm cười. Chỉ mỗi việc gọi lại cái tên đó trước mặt cô thôi cũng thật khó khăn và bối rối, và cái từ đó lại thốt ra từ miệng cậu nữa. “Dee”. Và thì cậu biết rằng mình phải mau chóng nghĩ ra cái gì đó khác để nói chứ không thì cậu sẽ đứng ngẩn ra đó cả đêm mà lặp lại “Dee, Dee”. “Phòng của cô rất gần toa lét, nhì, Dee?”

“Rất thuận tiện,” cô đáp. “Cám ơn anh, Pasquale.”

“Cô sẽ ở lại bao lâu?”

“Tôi... tôi không biết. Bạn tôi còn phải làm nốt vài việc. Hy vọng mai anh ấy sẽ đến đây, rồi sau đó chúng tôi sẽ quyết định. Anh cần dành phòng cho người khác à?”

Và dù cho đúng là mấy bữa nữa Alvis Bender sẽ đến thì Pasquale vẫn nói nhanh: “Ồ, không. Là không ai khác. Tất cả cho cô.”

Thật là yên ắng. Mát lạnh. Tiếng sóng ì oạp.

“Thế bọn họ ở ngoài đấy làm gì?” cô hỏi, lấy điều thuốc lá mà chỉ về phía những ánh đèn đang nhảy nhót trên mặt nước. Phía sau đê chắn sóng, những người ngư dân đang treo những chiếc đèn lồng lung lẳng hai bên mạn thuyền của họ, lừa lữ cá tin rằng trời đã sáng rồi mà lên đớp mồi, rồi sau đó họ sẽ vung lưới ra mà vây lấy đàn cá đang quẫy quẫy.

“Họ đang câu cá,” Pasquale trả lời.

“Họ câu cá ban đêm?”

“Đôi khi ban đêm. Nhưng hầu hết là ban ngày.” Pasquale đã phạm sai lầm khi cậu nhìn vào đôi mắt mở to ấy. Cậu chưa từng thấy một khuôn mặt nào như thế, từ mỗi góc nhìn khuôn mặt đó lại khác nhau, nhìn nghiêng thì thấy dài và gầy nhưng nhìn thẳng lại thấy thon và thanh tú. Cậu tự hỏi không biết đó có phải là lý do mà cô là diễn viên không, với khả năng biến đổi khuôn mặt ấy. Cậu nhận ra mình đang nhìn cô chăm chú, thế là phải hăng giọng và quay đi.

“Còn những chiếc đèn?” cô hỏi tiếp.

Pasquale nhìn ra phía mặt nước. Giờ cô nhắc đến cậu mới thấy cảnh tượng này quả là đẹp, những chiếc đèn lồng dẫn dụ cá trôi nổi trên những bóng phản chiếu của chúng giữa biển cả tối đen. “Để... ờ...” cậu cố kiếm từ để diễn tả “làm cá... chúng... ờ...” cậu bí từ và phải dùng tay làm điệu bộ như một đàn cá đang bơi lên mặt nước “đi lên.”

“Ánh đèn sẽ thu hút cá bơi lên mặt nước?”

“Đúng thế,” Pasquale nói và thở phào nhẹ nhõm. “Bơi lên mặt nước. Đúng rồi.”

“Chà, đẹp quá,” cô lại khen. Ở phía sau họ, Pasquale bỗng nghe thấy có tiếng xì xầm, rồi tiếng “suyt” từ phía cửa sổ gần bến tàu. Chắc chắn là mẹ và dì cậu đang tụm lại với nhau trong bóng tối nghe lỏm hai cô cậu trò chuyện dù chẳng hiểu một từ nào.

Một con mèo hoang, cái con mèo mun giận dữ một mắt kèm nhèm đang nằm duỗi cạnh Dee Moray. Nó rít lên khi cô định chạm vào và Dee Moray rụt tay lại. Rồi cô nhìn chăm chăm vào điều thuốc và phá lên cười một điều gì đó ở xa xăm lắm.

Pasquale tưởng cô cười chê những điều thuốc lá của cậu.

“Chúng đắt tiền,” cậu thanh minh. “Hàng Tây Ban Nha đấy.”

Cô hất tóc về phía sau. “Ồ, không, tôi đang nghĩ về việc làm sao người ta có thể ngồi ì một chỗ bao năm chờ đợi cuộc đời mình bắt đầu được nhỉ, đúng không? Giống một bộ phim ấy. Anh có hiểu ý tôi không?”

“Có,” Pasquale trả lời, cậu chắc chắn không hiểu một từ gì sau đoạn “người ta ngồi” nhưng cậu lại choáng ngợp trước động tác cô hất mái tóc

vàng dày ra sau và bởi giọng thổ lộ tâm tình của cô tới nỗi nếu cô có đòi rút móng tay cậu và bắt cậu phải nuốt vào lúc này thì cậu cũng sẽ đồng ý.

Cô mỉm cười: “Tôi cũng nghĩ thế. Tôi biết mình cảm thấy thế. Trong nhiều năm trời. Nó cứ như thể tôi là một nhân vật trong một bộ phim và pha hành động thực sự của tôi chẳng mấy chốc sẽ diễn ra. Nhưng tôi nghĩ một số người cứ đợi miết, và chỉ đến lúc cuối đời họ mới nhận ra rằng cuộc đời họ đã diễn ra trong lúc họ còn đang mãi chờ nó bắt đầu. Anh có hiểu ý tôi không, Pasquale?”

Cậu quả thực hiểu được ý cô! Nó cũng giống y như cảm giác của cậu – như một người nào đó ngồi trong rạp chờ bộ phim bắt đầu. “Có chứ!” Pasquale trả lời.

“Thực ư?” cô hỏi và phá ra cười. “Và khi nào thì cuộc đời chúng ta mới thực sự diễn ra? Ý tôi là, cái lúc gay gắt nhất, pha hành động ấy? Tất cả đều diễn ra quá nhanh.” Cô nhìn thẳng vào cậu và cậu đỏ mặt. “Có lẽ ta khó mà tin được... có lẽ ta thấy mình chỉ ngồi chầu rìa bên ngoài mà ngó vào, giống như nhìn những người lạ mặt ăn uống trong một nhà hàng sang trọng ấy?”

Giờ thì cậu lại hết biết gì rồi. “Vâng, vâng,” cậu nói cho qua chuyện.

Cô cười thoải mái. “Tôi rất vui là anh hiểu ý tôi. Thử tưởng tượng xem, một cô diễn viên thị tứ nhỏ muốn đóng phim và có được vai diễn đầu tiên ngay trong phim Cleopatra ư? Anh có tin nổi không chứ?”

“Có,” Pasquale trả lời tự tin hơn khi cậu nghe ra được từ Cleopatra.

“Thật ư?” Cô phá lên cười. “Ô, tôi lại không tin được.”

Pasquale nhăn nhó. Trả lời sai mất rồi. “Không,” cậu thử lại.

“Tôi gốc gác từ một thị trấn nhỏ ở Washington.” Cô lại vung vẩy điều thuốc lên. “Không đến nỗi bé tí, rõ là thế. Nhưng cũng nhỏ tới mức mà tôi trở nên nổi tiếng ở đó. Giờ nghĩ lại thật xấu hổ. Làm hoạt náo viên. Đạt giải Công chúa tại Hội chợ quận.” Cô cười vào bản thân mình. “Tôi đã chuyển đến Seattle sau khi học hết cấp ba để diễn xuất. Cuộc sống đó cứ thế tiếp diễn, nó giống như trôi lên khỏi mặt nước vậy. Tất cả những gì tôi cần làm là nín thở và cứ thế nổi dần lên tới mặt nước. Để đạt đến thứ gì đó như danh

tiếng hay hạnh phúc, hay... tôi cũng chẳng biết..." Cô nhìn xuống. "Thứ gì đó chẳng hạn."

Nhưng Pasquale vẫn đang kẹt lại với một từ mà cậu không chắc mình có nghe đúng hay không: công chúa? Cậu tưởng bên Mỹ đâu có hoàng gia, nhưng giả dụ mà họ có... điều đó có nghĩa gì với khách sạn của cậu không, khi có một cô công chúa ngự tại đây?

"Mọi người đều bảo tôi: 'Đi tới Hollywood đi... cô nên đóng phim.' Lúc đó tôi đang diễn cho một nhà hát cộng đồng và họ đã quyên tiền để tôi đi. Tin nổi không?" Cô lại hít một hơi nữa. "Có khi họ chỉ muốn tống khứ tôi cũng nên." Cô cúi người xuống tâm sự. "Tôi dính phải một vụ... lùm xùm với một diễn viên khác. Anh ấy có vợ rồi. Thật ngốc."

Cô nhìn xa xăm, rồi sau đó bật cười. "Tôi chưa từng nói với ai chuyện này, thực ra trong giấy tờ tôi khai bớt đi hai tuổi. Với người tuyển diễn viên cho phim Cleopatra... Tôi bảo ông ta tôi mới hai mươi. Nhưng thực ra tôi đã hai hai." Cô lật lật qua những trang giấy đánh máy quyển tiểu thuyết tí hon của Alvis Bender như thể chính chuyện đời cô được ghi lại trong đó. "Đăng nào tôi cũng dùng tên mới rồi, nên tôi nghĩ, sao không chọn luôn cho mình một tuổi mới? Nếu anh khai tuổi thực với họ, họ sẽ ngồi trước mặt anh mà làm cái phép tính kinh khủng này, tính toán xem anh còn làm được bao năm trong ngành giải trí. Tôi không thể chịu nổi." Cô nhún vai và đặt sách xuống. "Anh có nghĩ thế là sai không?"

Cậu có cơ hội 5 ăn 5 thua để trả lời cho đúng câu hỏi này. "Có?"

Cô có vẻ thất vọng với câu trả lời của cậu. "Phải, tôi cho là anh đúng. Máy thứ đó lúc nào cũng ám ảnh ta. Đó là thứ tôi ghét nhất về bản thân mình. Những mơ mộng hão huyền. Có lẽ đó là lý do mà..." Cô không nói hết câu. Thay vào đó cô hít một hơi cuối, vút đầu mẩu xuống hàng hiên rồi lấy giày mọi dụi tắt nó. "Anh là người nói chuyện dễ mến, Pasquale à."

"Vâng, hân hạnh nói chuyện với cô."

"Tôi cũng thế, tôi cũng hân hạnh." Rồi cô trầm ngâm, lùi xa khỏi lan can, vòng hai tay ôm lấy vai và lại nhìn xa xăm những ánh đèn đánh cá. Khi vòng tay quanh mình như thế, trông cô lại càng cao và gầy hơn. Cô như

đang nghĩ ngợi điều gì. Rồi cô nói nhỏ nhẹ: “Họ có nói anh biết tôi ốm không?”

“Có. Bạn tôi Orenzio có bảo tôi thế.”

“Anh ta có nói tôi bị làm sao không?”

“Không.”

Cô sờ bụng mình rồi nói: “Anh có hiểu từ cancer * không?”

“Có.” Thật không may cậu biết từ này. Trong tiếng Ý viết là cancro. Cậu nhìn vào điều thuốc đang cháy dở của mình. “Không sao chứ? Các bác sĩ chữa được mà...”

“Tôi không nghĩ thế,” cô trả lời, “Đó là trọng bệnh. Họ nói là chữa được nhưng tôi nghĩ họ chỉ nói thế cho tôi yên tâm mà thôi. Tôi muốn nói anh biết để anh hiểu là tôi... rất chân thành. Anh có biết từ này không, frank ấy?”

“Sinatra à?” Pasquale hỏi lại và tự hỏi liệu đó có phải người đàn ông mà cô đang chờ đợi.*

Cô bật cười: “Không. À, đúng là cái tên đó, nhưng chữ đó cũng có nghĩa là chân thành, thật thà.”

** Bệnh ung thư * Frank có nghĩa là chân thành, đồng thời cũng là tên riêng của ca sĩ, diễn viên nổi tiếng Frank Sinatra. Nghe thấy từ frank, Pasquale tưởng cô gái đang nói đến Frank Sinatra*

Sinatra thật thà.

“Khi biết bệnh tình đã trầm trọng đến mức nào... tôi liền quyết định là từ giờ trở đi tôi sẽ chỉ nói ra những gì mình nghĩ, không việc gì phải khách sáo hay tưởng tượng người khác nghĩ về mình ra sao nữa. Với một nữ diễn viên, sẽ to chuyện đấy khi không chịu ăn nói cho phải phép. Không ai dám làm thế đâu. Nhưng quan trọng là tôi đã không lãng phí thêm thời giờ để nói ra những điều tôi không muốn. Tôi hy vọng anh không phiền.”

“Không sao,” Pasquale nói nhỏ và nhẹ nhõm khi thấy phản ứng của cô gái chứng tỏ đó lại là một câu trả lời đúng nữa của cậu.

“Tốt quá. Vậy anh và tôi sẽ thống nhất với nhau thế nhé. Chúng ta nghĩ sao thì sẽ nói và làm vậy. Mặc xác người ta muốn nghĩ sao thì nghĩ. Muốn hút thuốc thì hút thuốc. Muốn chửi thề thì chửi thề. Anh thấy thế nào?”

“Tôi rất thích thế,” Pasquale trả lời.

“Tốt rồi.” Rồi cô cúi xuống và hôn lên má cậu, và khi đôi môi cô lướt qua phần da còn lờm chờm râu của cậu, cậu cảm thấy hơi thở mình như gấp gấp hơn, còn toàn thân đang run lên y như lúc bị Gualfredo đe dọa.

“Chúc ngủ ngon, Pasquale,” cô nói rồi cầm xấp bản thảo tiểu thuyết vợ của Alvis Bender quay về phía cửa rồi đột ngột dừng lại và nhìn lên tấm bảng hiệu. KHÁCH SẠN CẢNH QUAN VỪA PHẢI. “Thế nào mà anh lại nghĩ ra được cái tên khách sạn này?”

Vẫn còn tê người sau cái hôn và không chắc phải giải thích như thế nào về cái tên, thế là Pasquale chỉ tay vào tập bản thảo trong tay cô và nói. “Ông ấy.”

Cô gật đầu, nhìn bao quát ngôi làng, những mỏm đá, vách núi xung quanh họ một lần nữa. “Tôi hỏi câu này được không Pasquale. Cuộc sống ở đây nó như thế nào?”

Và lúc này thì cậu không chần chừ gì để chọn ra từ tiếng Anh phù hợp. “Cô đơn,” Pasquale đáp.

Cha của Pasquale, ông Carlo xuất thân từ một dòng họ lâu đời chuyên sở hữu các nhà hàng ở Florence và ông luôn tưởng rằng mấy cậu quý tử của ông cũng sẽ kế nghiệp mình. Nhưng thằng lớn Roberto tóc đen nhánh và liều lĩnh lại mơ trở thành phi công, và lúc chiến tranh thế giới thứ hai chuẩn bị diễn ra thì nó đã nhanh chóng bỏ nhà để gia nhập Không quân Hoàng gia Ý. Roberto quả đã thực hiện được giấc mơ bay lượn – được cất cánh bay 3 lần liền trước khi chiếc chiến đấu cơ Saetta ọp ẹp của cậu chết máy trên bầu trời Bắc Phi và cậu lao thẳng từ trên trời xuống như một chú chim trúng đạn. Thề sẽ trả thù cho anh mình, cậu con trai thứ hai nhà Tursi, Guido cũng tình nguyện gia nhập bộ binh khiến Carlo phần nộ đến tuyệt vọng: “Nếu mà thực sự muốn báo thù cho anh thì hãy quên tụi Anh đi mà hãy giết thằng kỹ sư nào đã để cho anh mà bay trong cái đồng sắt vụn ấy.” Nhưng Guido nào chịu nghe và anh này rồi cũng theo xe lính ra đi cùng với đội quân viễn chinh tinh nhuệ của quân đoàn 8, đội quân mà Mussolini gửi đi để chứng tỏ

Ý cũng muốn hỗ trợ phát xít Đức xâm lược Nga. (Đúng là thả thỏ đi cắn gấu đen, Carlo tuyên bố.)

Và trong khi dỗ dành an ủi vợ trước cái chết của Roberto thì ông Carlo 41 tuổi không ngờ lại gieo được hạt giống đẹp đẽ cuối cùng của mình vào bà Antonia đã 39 tuổi. Đầu tiên, bà không tin là mình có con, rồi sau đó thì tự nhủ chắc gì đã giữ được đứa nhỏ (vì cũng đã bị sảy thai mấy lần sau khi sinh hai đứa đầu rồi). Thế rồi, khi bụng đã vượt mặt thì Antonia mới coi việc bà có thai lúc chiến tranh thế này chính là Chúa trời điềm báo rằng Guido sẽ sống sót trở về. Bà đặt tên đứa bé kỳ diệu mắt xanh là Pasquale, tiếng Ý là Quá Hải, để tri ân Chúa trời khi bạo lực tàn khốc quét qua sẽ không chạm được đến gia đình bà.

Ấy vậy mà Guido vẫn chết, bị bắn xuyên họng trên những cánh đồng thối người băng giá bên ngoài Stalingrad mùa đông năm 1942. Hai bậc sinh thành của cậu bị nỗi buồn đánh quy bây giờ chỉ muốn trốn chạy khỏi thế giới và bảo vệ đứa trẻ diệu kỳ của mình tránh khỏi sự điên rồ đang diễn ra. Thế là Carlo đã bán phần vốn của mình ở công ty gia đình cho mấy người em họ rồi mua lại Nhà nghỉ San Pietro nhỏ xíu tại nơi heo hút nhất mà họ có thể tìm được, Porto Vergogna. Và tại vùng đất đó, họ đã trốn thế giới.

May sao mà nhà Tursi còn tiết kiệm được hầu hết số tiền sau khi bán cổ phần ở Florence, bởi vì cái khách sạn của họ chẳng làm ăn được gì mấy. Những người Ý hoang mang và những người châu Âu khác cũng có đôi khi vô tình lạc bước đến đây và quán rượu 3 bàn nhỏ này là nơi tụ họp của số ngư dân ngày càng ít ỏi ở Porto Vergogna, nhưng còn lại thì phải cả mấy tháng trời mới có được vài người khách ở lại lâu lâu. Thế rồi mùa xuân năm 1952 nọ, một chiếc ca nô chở khách dạt vào vịnh này và cùng nó là một chàng thanh niên Mỹ trẻ đẹp bảnh bao cao ráo có bộ ria con kiến và mái tóc màu nâu bóng mượt. Người thanh niên này rõ ràng đã uống rượu trước lúc tới đây và đang hút một điếu xì gà nhỏ khi anh ta bước lên cầu cảng, tay xách va ly và nách kẹp một cái máy đánh chữ xách tay. Anh ta nhìn một lượt quanh ngôi làng, gãi gãi đầu rồi nói tiếng Ý bằng một giọng êm ru bất ngờ: “*Qualcuno sembra aver rubato la tua città* – Ai trộm mất thị trấn của ngài rồi thì phải.” Anh ta tự giới thiệu với nhà Tursi mình là “Alvis Bender,

scrittore fallito ma ubriacone di successo” – một nhà văn thất bại nhưng lại là một tên say thành công – và tiếp tục “lên lớp” sáu giờ đồng hồ ở hành lang, uống rượu và tán gẫu về chính trị, lịch sử và cuối cùng là về quyển sách mà anh ta định viết mãi mà chưa được.

Pasquale lúc đó mới 11 tuổi, và ngoài việc lâu lâu đi một chuyến về thăm họ hàng ở Florence thì tất cả những gì cậu biết về thế giới đều thông qua sách vở. Gặp được một nhà văn bằng xương bằng thịt như vậy thật quá sức mong đợi. Trước đó cậu hoàn toàn sống trong sự bảo bọc của cha mẹ trong ngôi làng nhỏ xíu, nên giờ cậu mê mết cái người Mỹ cao ngất, tươi cười này, người dường như đã đi khắp nơi và biết mọi thứ. Pasquale thường ngồi dưới chân anh ta và hỏi anh ta nhiều câu hỏi. “Nước Mỹ như thế nào? Loại xe nào xịn nhất? Đi máy bay có thích không?” và một ngày nọ: “Sách của chú nói về cái gì?”

Alvis Bender đưa ly rượu cho cậu bé. “Đổ đầy ly rồi ta sẽ nói cho mà nghe.”

Khi Pasquale trở lại với nhiều rượu hơn, Alvis tựa đầu vào ghế và vượt vượt bộ ria con kiến. “Sách của ta nói về làm thế nào mà toàn bộ lịch sử và sự tiến bộ của nhân loại chỉ khiến cho chúng ta nhận ra cái chết là ý nghĩa của cuộc sống, là mục đích sâu xa của nó.”

Pasquale đã từng nghe Alvin nói mấy câu kiểu thế với cha cậu nên cậu không chịu. “Không. Sách nói về cái gì cơ? Cái gì đã xảy ra?”

“Thôi được rồi. Thị trường đòi có một câu chuyện đây mà.” Alvis uống thêm một ngụm rượu nữa. “Thế này. Ờ, sách của ta nói về một người Mỹ chiến đấu ở Ý trong thời chiến, mất đi người bạn thân nhất của anh ta và mất lòng tin yêu cuộc sống. Người đàn ông đó trở về Mỹ nơi anh ta mong sẽ đi dạy tiếng Anh và viết sách về sự vỡ mộng của mình. Nhưng rốt cuộc anh ta chỉ uống rượu, ủ ê và tán gẫu. Anh ta không viết được. Có lẽ chính do cảm giác tội lỗi vì mình còn sống trong khi bạn mình lại chết. Tội lỗi đôi khi lại giống như một sự ghen tị – bạn anh ta để lại một đứa con trai nhỏ, và khi người đàn ông đi thăm đứa con trai nhỏ của người bạn, anh ta cũng thèm muốn mình được trở thành một ký ức đáng nhớ giống bạn mình chứ không

phải cái hình nhân tàn tạ là anh ta bây giờ. Người đàn ông mất công việc dạy học, trở về làm cho gia đình là bán xe. Anh ta uống rượu, ủ ê và tán gái. Anh ta quyết định cách duy nhất để có thể viết được quyển sách của mình đồng thời xoa dịu nỗi sầu là phải quay trở lại Ý, nơi nắm giữ bí mật nỗi buồn của anh ta, nhưng lại là một nơi anh ta không thể khắc họa được nếu không đích thân đứng đó – một giấc mơ không tài nào nhớ ra. Nên cứ mỗi năm, anh ta lại đến Ý hai tuần để viết nên quyển sách của mình. Nhưng đây mới là vấn đề Pasquale à – và con không được kể cho ai phần này, bởi vì nó là bước ngoặt bí mật của câu chuyện – là kể cả ở Ý, anh ta cũng không viết được sách. Anh ta chỉ uống. Anh ta ủ ê. Anh ta tán gái. Và anh ta nói chuyện với một cậu bé lanh lợi trong một ngôi làng bé tí về quyển tiểu thuyết mà anh ta sẽ không bao giờ viết ra.”

Im lặng hồi lâu, Pasquale nghĩ rằng quyển sách có vẻ chan chán. “Thế nó kết thúc thế nào?”

Alvis Bender nhìn chăm chăm vào ly rượu của mình một lúc lâu. “Ta không biết Pasquale à,” cuối cùng anh ta cũng cất lời. “Con nghĩ nó sẽ kết thúc thế nào?”

Cậu bé Pasquale ngẫm nghĩ. “Dạ, thay vì quay về Mỹ thời chiến, anh ta có thể tới Đức và tìm cách giết Hitler.”

“À,” Alvis Bender ồ lên. “Được. Đó chính xác là chuyện xảy ra, Pasquale ạ. Anh ta nhận xin tại một bữa tiệc và mọi người cảnh báo anh ta đừng lái xe, nhưng anh ta đã làm ầm lên khi rời bữa tiệc, nhảy lên xe và vô tình cán trúng Hitler.”

Nhưng Pasquale nghĩ rằng chuyện Hitler chết không nên là một tai nạn. Thế thì chẳng còn gì hồi hộp nữa. Cậu thử đề xuất: “Hay là để anh ta dùng súng máy bắn chết ông ta.”

“Hay hơn rồi đấy,” Alvis nói. “Anh hùng của chúng ta sẽ làm ầm ĩ lên khi rời khỏi bữa tiệc. Mọi người cảnh báo anh ta là anh ta xin quá rồi không thể xài súng máy được. Nhưng ta không chịu và vô tình bắn trúng Hitler.”

Khi Pasquale nghĩ rằng ông chú Bender này đang chọc mình, cậu liền đổi chủ đề. “Quyển sách của chú tên gì, Alvis?”

“*Nụ cười Thiên đường,*” anh ta trả lời. “Nó trong một câu thơ của Shelly.” Rồi anh ta cố gắng dịch ra: “Những con sóng vỗ rì rầm đang say ngủ/ những đám mây đã bỏ đi chơi/ Và trên rừng xa, và dưới biển sâu/ nụ cười Thiên đường nằm đó.”

Pasquale ngồi đó một lúc nghĩ về bài thơ. *Le onde andavano sussurrando* – những con sóng thì thầm, cậu hiểu câu này. Nhưng còn cái tựa đề, *Nụ cười Thiên đường – Il sorriso del Paradiso*- nghe nó cứ thế nào ấy. Cậu không nghĩ rằng thiên đường là một chỗ có thể mỉm cười được. Nếu những người phạm trọng tội bị đày xuống địa ngục còn những người phạm tội nhẹ nhẹ như cậu phải đi đến chỗ chuộc tội thì Thiên đường hẳn phải chứa toàn là các vị thánh, những cha đạo, bà xơ, và những đứa con nít đã được rửa tội nhưng lại chết trước khi chúng làm bất kỳ điều gì sai trái.

“Trong sách của chú, tại sao thiên đường lại mỉm cười?”

“Ta cũng không biết.” Bender nốc rượu ừng ực và đưa lại cho Pasquale cái ly rỗng. “Có lẽ bởi một ai đó cuối cùng cũng đã giết được thằng con hoang Hitler.”

Pasquale đứng dậy đi lấy thêm rượu. Nhưng cậu bắt đầu lo lắng từ nãy đến giờ Bender không nói đùa. “Cháu nghĩ cái chết của Hitler không nên là tai nạn,” Pasquale nói.

Alvis cười khổ sở với cậu bé. “Mọi thứ đều là tai nạn, Pasquale à.”

Trong những năm tháng đó, Pasquale không thể nhớ nổi Alvis ngồi viết được mấy tiếng đồng hồ; đôi khi cậu tự hỏi liệu người đàn ông này có bao giờ lấy cái máy đánh chữ ra khỏi hộp hay chưa. Nhưng anh ta cứ quay trở lại hết năm này qua năm khác, và cuối cùng, năm 1958 khi Pasquale đi học đại học, anh ta đưa cho Carlo chương đầu tiên quyển tiểu thuyết của mình. Bảy năm cho mỗi một chương sách.

Pasquale không hiểu nổi tại sao Alvin đến Porto Vergogna khi mà anh ta chẳng làm được tích sự gì ở đây. “Trong tất cả mọi nơi trên thế giới, tại sao chú lại đến đây?”

“Vùng duyên hải này là suối nguồn cho các nhà văn,” Alvis trả lời. “Nhà thơ Petrarch đã sáng tạo thể thơ sonnet ở gần đây. Byron, James, Lawrence

– tất cả bọn họ đều tới đây để sáng tác. Boccaccio đã sáng tạo chủ nghĩa hiện thực ở đây. Shelley trầm mình gần đây, chỉ cách nơi vợ ông ta sáng tạo tiểu thuyết kinh dị vài cây số.”

Pasquale không hiểu ý của Alvis Bender là gì khi nói các nhà văn này “sáng tạo”. Cậu chỉ nghĩ người sáng tạo phải là các nhà phát minh như Marconi, một người Bologna vĩ đại đã sáng tạo ra hệ thống liên lạc không dây. Một khi câu chuyện đầu tiên đã được kể rồi, thì còn gì nữa đâu mà sáng tạo?

“Câu hỏi hay đấy.” Kể từ khi mất công việc dạy học ở trường đại học, Alvis luôn tìm các cơ hội để “lên lớp”, và cậu thiếu niên Pasquale được cha mẹ ủ kỹ này là một khán giả nhiệt thành. “Cháu hãy tưởng tượng chân lý là một dãy núi lớn mà các đỉnh núi chìm trong mây mù. Nhà văn sẽ khám phá những chân lý này, luôn luôn tìm kiếm những con đường mới để leo lên các đỉnh núi đó.”

“Vậy các câu chuyện là những con đường?” Pasquale hỏi.

“Không,” Alvis trả lời. “Những câu chuyện là những con bò đực. Các nhà văn còn trẻ rất sung sức, và họ cảm thấy nhu cầu phải đuổi những câu chuyện cũ ra khỏi đàn. Một con bò đực sẽ thống trị đàn một thời gian nhưng rồi nó sẽ không còn sung sức nữa và những con bò đực trẻ khỏe hơn sẽ lên thống lĩnh.”

“Các câu chuyện là những con bò đực?”

“Không hề.” Alvis Bender uống một ngụm. “Các câu chuyện là các quốc gia, các đế chế. Chúng có thể tồn tại rất lâu như đế chế La Mã cổ đại hoặc ngắn ngủi như Đế tam đế chế của Đức. Các quốc gia-câu chuyện trỗi dậy rồi tàn lụi. Các chính phủ đổi thay, những xu thế diễn ra, và quốc gia-câu chuyện này tiếp tục đi chinh phục những nơi lân cận. Cũng giống như đế chế La Mã, một bài thơ hay cũng sẽ trải dài hàng thế kỷ, trường tồn như thế giới này. Cả tiểu thuyết cũng sẽ trỗi dậy như đế chế Anh quốc, nhưng khoan... cái gì đang trỗi dậy ở Mỹ nhỉ? Phim à?”

Pasquale cười nhả nhổ. “Và giờ mà cháu hỏi là các câu chuyện có phải là các đế chế không, thế nào chú cũng nói –”

“Văn học là nhân học, cháu à. Ta là một câu chuyện, cháu là một câu chuyện... cha cháu là một câu chuyện.

Những câu chuyện của chúng ta đi theo mọi hướng, nhưng đôi khi, nếu may mắn, những câu chuyện của chúng ta sẽ gặp nhau tại một điểm, và trong một khoảnh khắc nào đó, chúng ta sẽ bớt cô đơn hơn.”

“Nhưng chú chẳng bao giờ trả lời thẳng câu hỏi cả,” Pasquale nói. “Tại sao chú đến đây.”

Bender ngấm nghĩa ly rượu trên tay. “Một nhà văn cần có bốn điều để trở nên vĩ đại, Pasquale à: tham vọng, thất vọng, và biển cả.”

“Thế mới có ba.”

Alvis uống nốt chỗ rượu. “Phải có hai lần thất vọng.”

Nếu như khi ngà ngà vì rượu Alvis có đối xử với Pasquale như là cậu em trai bé bỏng của mình thì Carlo Tursi cũng nhìn người Mỹ này với một sự trìu mến tương tự. Hai người thường thức uống rượu đến khuya, nói chuyện ngang hàng với nhau như hai người đàn ông, nhưng không hẳn là lắng nghe nhau. Khi thập niên 1950 mở ra trước mắt và nỗi đau chiến tranh đã nguôi ngoai, Carlo bắt đầu suy nghĩ như một doanh nhân trở lại, và ông chia sẻ với Alvis những ý tưởng của mình làm sao để đem du khách đến Porto Vergogna – cho dù Alvis nhất nhất cho rằng du lịch sẽ chỉ hủy hoại chốn này.

“Đã có thời mọi thị trấn ở Ý đều được bao quanh bởi những bức tường trung cổ,” Alvis giảng giải. “Cho đến ngày nay, gần như mọi đỉnh đồi ở Tuscany đều vươn cao những bức tường thành xám. Vào những lúc nguy nan, những người nông dân sẽ trốn sau những bức tường này tránh sự tấn công của bọn thổ phỉ và các đội quân. Ở hầu hết châu Âu, tầng lớp nông nô đã biến mất cách đây ba bốn chục năm nhưng ở Ý thì vẫn còn. Cuối cùng, sau hai cuộc chiến, những ngôi nhà chuyển thành các căn hộ còn thung lũng sông vươn dài ra khỏi những bức tường thành. Nhưng khi những bức tường đổ xuống thì nền văn hóa Ý của chúng ta cũng thế, bác Carlo ạ. Ý đã trở thành một nơi giống mọi nơi, quá tải những người đến đây tìm kiếm ‘những trải nghiệm kiểu Italia.’”

“Đúng đấy,” Carlo nói. “Đó là thứ tôi muốn dùng để kiếm lời!”

Alvis chỉ vào những vách đá lởm chởm trước mặt và sau lưng họ: “Nhưng ngay ở đây, nơi bờ biển này, những bức tường của bác được Chúa xây nên, hay núi lửa tạo nên. Con người không phá được, cũng không thể xây dựng xung quanh chúng. Thị trấn này mãi mãi chỉ có thể là những con hào bám trên vách đá. Nhưng một ngày nào đó, nó có thể là nơi duy nhất trên toàn bộ dải đất hình chiếc ủng này còn sót lại chất Ý mà thôi.”

“Chính xác,” Carlo nói lè nhè. “Rồi những du khách sẽ đổ xô đến đây hả Roberto?”

Không có tiếng trả lời. Alvis Bender bằng đúng tuổi con trai cả Roberto của Carlo nếu cậu ấy không chết trận trong cái đồng sắt bổ nhào trên trời Bắc Phi ấy. Carlo thở dài, giọng ông mỏng và yếu ớt. “Tôi xin lỗi, ý tôi là Alvis.”

“Không sao cả,” Alvis nói và vỗ vai ông bạn già.

Nhiều lần Pasquale ngủ thiếp trong tiếng cha mình và Alvis nói chuyện, rồi cậu tỉnh dậy nhiều tiếng đồng hồ sau đó vẫn còn thấy họ ngồi ở hàng hiên và ông chú nhà văn đang thao thao một chủ đề kỳ lạ nào đó (*Và như thế cái cống thoát nước chính là thành tựu vĩ đại nhất của con người, bác Carlo ạ, cái thứ dùng để thoát chất thải đó là đỉnh cao của mọi sáng tạo, tranh đấu lẫn giao cấu*). Nhưng thế nào Carlo cũng lèo lái câu chuyện về lại ngành du lịch và hỏi vị khách Mỹ duy nhất của mình làm thế nào để biến Pensione di San Pietro của ông lôi cuốn hơn với người Mỹ.

Alvis Bender lấy làm thích thú với những cuộc trò chuyện này nhưng anh ta thường nài nỉ Carlo đừng thay đổi gì cả. “Tất cả khu bờ biển rồi sẽ sớm bị phá hỏng. Còn ở đây bác có được một điều kỳ diệu, Carlo ạ. Một sự cô lập thực sự. Và cả vẻ đẹp hoang sơ.”

“Nên tôi sẽ quảng cáo những thứ đó, có lẽ bằng một cái tên tiếng Anh chẳng? Làm sao để nói *L'albergo numero uno, tranquillo, con una bella vista del villaggio e delle scogliere?*”

“Nhà Nghỉ Yên Tĩnh Số Một Với Cảnh Quan Đẹp Nhất Ở Ngôi Làng Bên Vách Đá,” Alvis Bender trả lời. “Hay đấy, nhưng hơi dài, và sến nữa.”

Carlo hỏi *sến* là sao.

“Từ ngữ và cảm xúc giống như tiền tệ vậy. Nếu chúng ta khiến chúng lạm phát, thối hỏng chúng thì chúng sẽ mất giá, cũng giống như tiền vậy. Chúng sẽ bắt đầu chẳng còn ý nghĩa gì nữa cả. Dùng từ “đẹp” để miêu tả một cái bánh kẹp thế là từ này chẳng còn nghĩa lý gì nữa. Kể từ thời chiến đến giờ chẳng có chỗ đâu mà nhét những thứ ngôn từ bị thối hỏng. Từ ngữ và cảm xúc cần bình dị thôi – trong sáng và chừng mực. Khiêm nhường như những giấc mơ vậy.”

Carlo Tursi khắc cốt ghi tâm lời khuyên đó. Và thế là năm 1960, khi Pasquale vào đại học, Alvis Bender lại đến như mọi năm – anh ta sai bước lên những bậc tam cấp đá dẫn đến chỗ khách sạn và thấy một Carlo bừng bừng tự hào đang đứng trước những người ngư dân ngư ngác và cái bảng hiệu tiếng Anh viết bằng tay mới keng của mình: KHÁCH SẠN CẢNH QUAN VỪA PHẢI.

“Nó có nghĩa gì?” một ngư dân hỏi. “Nhà chứa văng tanh à?”

“*Vista adeguata*,” cảnh quan vừa phải. Carlo dịch cho bọn họ.

“Ông ăn cái gì mà ngốc tới mức khai rằng cảnh quan khách sạn nhìn chỉ vừa phải hử?”

“*Bravo*, Carlo,” Alvis ngợi khen. “Thật hoàn hảo.”

Cô người Mỹ xinh đẹp đang nôn ọe. Từ căn phòng tối thui của mình Pasquale có thể nghe tiếng cô nôn khan trên lầu. Cậu bật đèn lên, lấy đồng hồ ra khỏi ngăn bàn nhỏ. Mới bốn giờ sáng. Cậu lặng lẽ mặc đồ và đi lên cầu thang hẹp trong bóng tối. Cách đầu cầu thang bốn bước cậu đã thấy cô ấy đang dựa vào cửa nhà tắm thở hổn hển. Cô mặc bộ đồ ngủ trắng mỏng tang xẻ lên trên gối – đôi chân mịn màng dài miên man, thế là cậu không thể bước tiếp được nữa. Cô trắng bệch như bộ đồ ngủ của mình vậy.

“Tôi xin lỗi Pasquale, đã đánh thức anh dậy,” cô nói.

“Không, không sao,” Pasquale trả lời.

Cô quay người lại chỗ chậu rửa và lại bắt đầu nôn khan nữa. Vì bụng rỗng nên cô cong gập người lại do đau.

Pasquale bắt đầu leo nốt cầu thang nhưng rồi cậu ngừng lại, nhớ ra là Gualfredo đã nói Porto Vergogna và Khách sạn cảnh quan vừa phải không có đầy đủ tiện nghi để đón khách du lịch Mỹ. “Tôi sẽ gọi bác sĩ,” cậu nói.

“Không”, cô nói, “tôi không sao”, nhưng ngay sau đó ôm bụng rồi ngồi sụp xuống sàn. “Ôi.”

Pasquale đỡ cô về lại giường rồi cậu vội vã xuống cầu thang đi ra ngoài. Vị bác sĩ gần nhất sống cách đây 3 cây số dọc phía bờ biển ở Portovenere. Đó là một *dottore* * già, góa vợ, lịch thiệp tốt bụng, tên Merlonghi nói rành tiếng Anh và hằng năm ông lại đến những ngôi làng bên vách đá để khám cho các ngư dân. Pasquale biết mình cần nhờ người ngư dân nào đi đón bác sĩ: Tommaso. Vợ ông ta ra mở cửa rồi bước tránh sang một bên. Tommaso quàng lại hai cái dây đeo quần trên vai và đồng ý làm việc với một thái độ hết sức tự hào, ông ta bỏ mũ ra và nói rằng sẽ không làm Pasquale thất vọng.

* *Bác sĩ*

Pasquale quay trở về khách sạn, nơi bà dì Valeria đang ngồi với Dee Moray trong phòng cô nắm tóc cô giơ cao để không xoa xuống khi cô đang cúi gập người trên một cái tô lớn. Hai người phụ nữ đứng bên cạnh nhau trông thật một trời một vực – Dee Moray với nước da trắng hoàn hảo, tóc vàng lấp lánh còn Valeria ria mép lún phún đâm ra từ cái mặt gầy, tóc tai là cả ổ dây nhợ. “Nó cần uống tí nước cho có cái mà nôn,” Valeria nói. Một ly nước đặt lên chiếc bàn cạnh giường, ngay chỗ những trang bản thảo của Alvis Bender.

Pasquale định dịch những gì dì mình nói, nhưng Dee Moray có vẻ hiểu được từ *aqua*-nước nên cô với tay lấy cốc nước trên bàn và uống từng hớp.

“Tôi xin lỗi đã làm phiền mọi người,” cô nói.

“Con bé nói cái gì thế?” Valeria hỏi.

“Cô ấy xin lỗi đã làm phiền.”

“Bảo nó là bộ đồ ngủ bé tí hìn của nó là mớ giẻ rách của một con điếm. Đó mới là cái nó phải xin lỗi, dám quyến rũ thẳng cháu ta như một con điếm.”

“Cháu sẽ không dịch lại thế cho cô ấy đâu.”

“Đuổi con lợn điếm này đi đi, Pasquo.”

“Đủ rồi Dì!”

“Chúa làm cho ả ốm vì ngài không chấp nhận mấy con điếm rẻ tiền mặc bồ đồ ngủ bé tí hin.”

“Nhỏ tiếng thôi, dì điên rồi.”

Dee Moray vẫn để ý đến cuộc nói chuyện này giờ. “Bác ấy nói gì thế?” cô hỏi.

“Ừm,” Pasquale nuốt nước bọt. “Dì rất tiếc thấy cô ốm vậy.”

Valeria dẫu môi ra chờ đợi: “Mày nói lại cho ả điếm này nghe mấy lời tao chưa?”

“Rồi,” Pasquale bảo bà dì. “Cháu nói rồi.”

Căn phòng im lặng. Dee Moray nhắm nghiền mắt và run lên vì cơn buồn nôn nữa lại tới, lưng cô cong lên khi cố nôn ra.

Khi cơn nôn dịu xuống, Dee Moray thở khó nhọc: “Mẹ anh thật dịu dàng.”

“Bà ấy không phải mẹ tôi,” Pasquale nói tiếng Anh. “Bà ấy là dì tôi, dì Valeria.”

Valeria nhìn khuôn mặt của hai đứa trẻ đang nói tiếng Anh và tỏ ra nghi ngờ khi nghe thấy tên mình. “Ta mong mày sẽ không cưới con điếm này, Pasquale.”

“Dì –”

“Mẹ mày nghĩ là mày sẽ lấy nó.”

“Đủ rồi Dì!”

Valeria nhẹ nhàng vén tóc ra khỏi mắt cô người Mỹ xinh đẹp. “Con nhỏ bị sao thế?”

Pasquale nói khẽ: “Cancro.”

Dee Moray không ngẩng lên.

Valeria có vẻ trầm lại khi nghe vậy. Mụ nhai nhai trệu trạo một hồi rồi thốt lên: “Ôi dào, con bé sẽ khỏe thôi. Bảo con điếm đó nó sẽ khỏe lại.”

“Cháu sẽ không nói thế với cô ấy.”

“Bảo nó đi,” Valeria nhìn Pasquale nghiêm túc. “Bảo nó miễn là nó không rời Porto Vergogna thì sẽ không sao cả.”

Pasquale quay qua bà dì: “Dì đang nói gì thế?”

“Mấy đứa mới sinh và người già thì chết, nhưng chúa nhân từ chưa bắt đi đứa thanh niên nào trong cái làng này. Đó là một lời nguyện cổ xưa mà nơi này phải chịu – là mấy ả điếm sẽ mất đi những đứa con của chúng nhưng bản thân mấy ả đó sẽ phải sống đến già để trả nợ đời của mình. Một khi đã qua được thời niên thiếu ở Porto Vergogna thì ai cũng sẽ chắc chắn sống được ít nhất 40 năm nữa. Thế đấy. Nói cô ả nghe đi.” Bà đập nhẹ lên cánh tay cô gái xinh đẹp và gật đầu với cô ta.

Dee Moray để ý tới cuộc hội thoại, cô chẳng hiểu gì nhưng biết chắc là bà gì đang cố nói điều gì đó quan trọng. “Chuyện gì thế?” cô hỏi.

“Không có gì,” Pasquale trả lời. “Chuyện mấy mụ phù thủy ấy mà.”

“Gì cơ?” Dee Moray hỏi lại. “Nói tôi nghe đi mà.”

Pasquale thở dài. Cậu day day lông mày. “Dì tôi nói... mấy người trẻ thường không chết ở Porto Vergogna... chưa từng có ai chết trẻ ở đây.” Cậu nhún vai và cười cho qua chuyện về những điều mê tín khủng khiếp của bà dì. “Chuyện xưa rồi... *stregoneria*... mấy chuyện bùa phép ấy mà.”

Dee Moray quay người lại và nhìn tròn khuôn mặt lún phún ria mép và đầy nốt ruồi của Valeria. Người phụ nữ gật đầu và đập nhẹ bàn tay cô. “Nếu rời làng này cô sẽ chết như một con điếm, đui mù, khát cháy cổ và phải gãi cái lỗ đẻ mồi meo.” Valeria nói bằng tiếng Ý.

“Cám ơn dì nhiều.” Dee Moray nói bằng tiếng Anh.

Pasquale muốn phát nôn.

Valeria cúi người xuống và nói rõ với vị khách. “*Esmettila di mostrare le gambe a mio nipote, puttana.* – Và ngừng ngay chuyện khoe chân khoe cẳng với cháu trai ta, đồ lăng lơ.”

“Dì cũng thế,” Dee Moray đáp và siết tay Valeria: “Cám ơn dì.”

Phải chờ thêm một giờ nữa mới thấy Tommaso quay lại khách sạn, thuyền của ông ta trông tránh ở bến đỗ. Những ngư dân khác đã ra biển cả, mặt trời

đang lên rồi. Tommaso đỡ vị bác sĩ già Merlonghi lên bến tàu. Trong trattoria, Valeria đã nấu một bữa hoành tráng để thết đãi Tommaso, người lại vừa bỏ mũ ra và tỏ ra im lặng trước tầm quan trọng nhiệm vụ của mình. Nhưng ông ta cũng đã đói meo và không ngại ngần đón lấy bữa ăn. Vị bác sĩ già mặc một cái áo khoác len, không đeo cà vạt. Mấy chòm lông xám chia ra từ tai ông. Ông đi theo Pasquale lên lầu và thở hổn hển khi mãi mới leo lên tới phòng của Dee Moray trên tận tầng ba.

“Cháu xin lỗi đã bắt bác sĩ lặn lội đường xa tới đây,” cô nói, “bây giờ cháu thấy đỡ rồi.”

Tiếng Anh của ông bác sĩ trôi chảy hơn Pasquale nhiều:

“Được gặp một phụ nữ trẻ xinh đẹp thì tôi không quản ngại gì đâu.” Ông soi cổ họng cô và lấy ống nghe nhịp tim. “Pasquale nói cô bị ung thư dạ dày. Cô phát hiện bệnh lúc nào?”

“Hai tuần trước ạ.”

“Ở Rome?”

“Dạ vâng.”

“Họ có dùng đèn nội soi chứ?”

“Đèn gì ạ?”

“Đó là một thiết bị chẩn bệnh mới. Người ta sẽ đưa một cái ống xuống đường thực quản để chụp hình ung thư, cô có làm không?”

“Cháu nhớ vị bác sĩ dùng đèn thường để soi họng ạ.”

Ông bác sĩ rờ thử bụng cô.

“Đáng lẽ cháu đã đến Thụy Sĩ để trị bệnh. Có lẽ họ sẽ làm ở đấy chẳng, cái đèn gì đó. Họ muốn cháu đi từ hai ngày trước cơ, nhưng mà cháu lại đến đây.”

“Vì sao thế?”

Cô liếc nhìn Pasquale. “Cháu chờ gặp một người ở đây. Anh ấy chọn chỗ này vì nó yên tĩnh. Sau đó có lẽ cháu mới đi Thụy Sĩ.”

“Có lẽ hả?” Vị bác sĩ lúc này đang lắng nghe vùng ngực, sờ và nhấn đôi chỗ. “Sao lại có lẽ? Ở Thụy Sĩ người ta biết cách chữa thì cô nên đến đó.”

“Mẹ cháu đã qua đời vì ung thư...” Cô ngừng lại và khục khặc họng. “Lúc ấy cháu mới 12 tuổi. Mẹ bị ung thư vú. Không phải căn bệnh mà là lúc điều trị mới kinh khủng. Cháu không bao giờ quên được. Nó thật là...” Cô nuốt nước bọt, không nói được hết câu. “Họ cắt bỏ hết ngực của bà... nhưng mẹ vẫn ra đi. Cha cháu luôn nói ông ước gì lúc đó đã đưa mẹ về nhà, để bà ngồi trước hiên nhà... nhìn ngắm hoàng hôn.”

Viên bác sĩ thả cái ống nghe xuống. Ông cau mày: “Đúng thế, càng về sau càng tồi tệ, cái cách chữa ung thư. Thật không dễ dàng gì. Nhưng càng ngày càng đỡ hơn. Ở Mỹ rất tiến bộ. Xạ trị. Uống thuốc. Khả năng điều trị khỏi ung thư bây giờ cao hơn so với thời mẹ cô chứ?”

“Còn việc chẩn đoán bệnh ung thư thì sao bác sĩ? Có chính xác hơn không?”

Ông cười hiền lành. “Ai là bác sĩ của cô ở Rome?”

“Bác sĩ Crane, người Mỹ. Ông ấy đi cùng đoàn làm phim. Cháu nghĩ ông ấy là người giỏi nhất mà họ có.”

“À,” bác sĩ Merlonghi gật đầu. “Chắc rồi.” Ông đặt ống nghe lên bụng cô và lắng nghe. “Cô đi bác sĩ và kể những triệu chứng đau và buồn nôn?”

“Đúng ạ.”

“Đau ở đây?” Ông đặt tay lên ngực cô và Pasquale nhen lên sự ganh tị.

Cô gật đầu. “Dạ, bị ợ nóng.”

“Và...”

“Chán ăn. Mệt người. Đau khắp mình. Ra dịch.”

“Ra thế.”

Cô liếc nhìn Pasquale. “Và một số cái khác nữa ạ.”

“Tôi hiểu,” vị bác sĩ trả lời, rồi ông quay sang Pasquale và nói với cậu bằng tiếng Ý: “Cậu chờ ở ngoài một lát được không, Pasquale?”

Cậu gật đầu và đi ra khỏi phòng. Pasquale đứng ở hành lang, trên đầu cầu thang, ráng lắng nghe những giọng nói khẽ khàng trong phòng phát ra. Vài phút sau đó, vị bác sĩ trở ra, trông có vẻ lo lắng.

“Có tẻ lăm không bác sĩ? Cô ấy sẽ chết à?” Thật kinh khủng, Pasquale thầm nghĩ, khi người khách du lịch Mỹ đầu tiên đến đây lại chết trong khách sạn của mình, mà lại còn là một nữ diễn viên nữa chứ. Và nhờ đâu cô ấy đúng là một cô công chúa thật thì sao? Thế rồi cậu lại cảm thấy xấu hổ vì đã có những suy nghĩ ích kỷ đó. “Cháu có nên đưa cô ấy đến một thành phố lớn hơn để được chăm sóc tốt hơn không?”

“Ta nghĩ cô ấy chưa nguy hiểm gì đến tính mạng đâu,” bác sĩ Merlonghi trông hơi lơ đãng. “Cái ông mà gửi cô ta đến đây là ai Pasquale?”

Pasquale chạy xuống dưới tầng rồi trở lên với một tờ giấy duy nhất có nhắc đến Dee Moray.

Bác sĩ Merlonghi đọc tờ giấy, có ghi cả địa chỉ thanh toán là tại khách sạn Grand ở Rome, tính phí cho “Trợ lý sản xuất đặc biệt Michael Deane ở Hãng phim 20th Century Fox.” Ông lật mặt tờ giấy lại nhưng không thấy ghi gì phía sau. Thế là ông ngược lên. “Cậu có biết triệu chứng của một phụ nữ trẻ bị ung thư trong mắt bác sĩ không, Pasquale?”

“Dạ không.”

“Họ sẽ bị đau họng, buồn nôn, chán ăn, nôn mửa, có khi còn bị chướng bụng nữa. Khi bệnh nặng đi, ung thư lan rộng thì các hệ cơ quan khác sẽ bị ảnh hưởng. Đường ruột. Tiết niệu. Thận. Thậm chí kinh nguyệt rối loạn.”

Pasquale lắc đầu. Tội nghiệp cô gái.

“Đây có thể là các triệu chứng của ung thư dạ dày, đúng thế. Nhưng điều mà tôi băn khoăn là: Không biết vị bác sĩ nào khi gặp những triệu chứng như thế và chưa cần làm nội soi hay sinh thiết gì lại dám kết luận ngay rằng cô ấy bị ung thư dạ dày, chứ không phải là một chẩn đoán thông thường hơn?”

“Chẳng hạn như gì bác sĩ?”

“Chẳng hạn như... có thai.”

“Có thai?” Pasquale hỏi lại.

Vị bác sĩ suyt suyt cậu.

“Bác sĩ nghĩ là cô ấy...”

“Tôi không biết nữa. Vẫn còn quá sớm để nghe được tim thai, hơn nữa, triệu chứng của cô ấy lại nặng quá. Nhưng nếu mà là tôi tiếp xúc với một bệnh nhân nữ trẻ than rằng mình buồn nôn, chóng bụng, ợ nóng và mất kinh... ờ, ung thư dạ dày rất hiếm gặp ở phụ nữ trẻ. Có thai...” ông mỉm cười, “... thì lại không hiếm gì.”

Pasquale nhận ra hai người họ đang thì thầm thừa thãi vì họ có nói to đi chẳng nữa thì Dee Moray cũng chẳng thể nào hiểu được tiếng Ý. “Gượng đã. Bác sĩ đang nói rằng có khi cô ấy không bị ung thư?”

“Tôi không biết cô gái ấy bị sao. Một điều chắc chắn là trong nhà cô ấy từng có người bị ung thư. Và có lẽ mấy vị bác sĩ Mỹ có những kiểu xét nghiệm mới mà chúng ta chưa biết đến. Tôi chỉ đang nói với cậu rằng tôi không thể kết luận ung thư dựa vào những triệu chứng này.” “Bác sĩ có nói thế với cô ấy chưa?”

“Chưa.” Vị bác sĩ trông có vẻ lơ đãng. “Tôi chưa nói gì cho cô gái ấy. Sau những gì cô ấy trải qua tôi không muốn cô ấy hiểu nhầm mà hy vọng thêm. Khi người đàn ông này đến gặp cô gái, có lẽ cậu có thể hỏi ông ấy. Cái người...” ông nhìn lại tờ giấy, “Michael Deane này.”

Đó là điều cuối cùng trên đời này mà Pasquale muốn hỏi một nghệ sĩ điện ảnh Mỹ.

“Một điều nữa,” vị bác sĩ đặt tay mình lên cánh tay Pasquale, “Cậu không thấy lạ sao, Pasquale? Bộ phim quay ở Rome thì sao họ phải gửi cô ấy tới đây?”

“Họ muốn một vùng biển yên tĩnh,” Pasquale trả lời. “Cháu đã hỏi liệu ý họ thực chất là đến Venere không, nhưng giấy tờ của cô ấy lại ghi là Vergogna.”

“À, dĩ nhiên. Ý bác không phải chỗ này không tiện nghi, Pasquale à,” bác sĩ Merlonghi đáp lời khi ông thấy có sự thanh minh trong giọng điệu của Pasquale. “Nhưng sao không chọn một nơi yên tĩnh, gần biển và gần Rome hơn, như thị trấn Sperlonga chẳng hạn. Tại sao lại là nơi này?”

Pasquale nhún vai. “Dì cháu bảo là, do chẳng có ai chết trẻ ở Porto Vergogna này cả.”

Ông bác sĩ cười xã giao. “Cậu sẽ biết rõ hơn sau khi người đàn ông này đến. Nếu tuần tới cô gái vẫn còn ở đây thì hãy bảo Tommaso đưa cô ấy tới phòng khám của tôi.”

Pasquale gật đầu. Rồi cậu và vị bác sĩ mở cửa phòng Dee Moray. Cô đã say ngủ, mái tóc xõa bết lại như bơ vàng trên gối. Còn bát mì to và những trang sách của Alvis Bender thì cô đã đặt lên chiếc gối bên cạnh

NỤ CƯỜI THIÊN ĐƯỜNG

Tháng 4, 1945 Vùng ven La Spezia, nước Ý

Tác giả: Alvis Bender

Thế rồi mùa xuân đến, và cùng với nó là lúc kết thúc cuộc chiến của tôi. Những vị tướng với những cái bút chì trơn bóng của họ đã tuyển quá nhiều lính và bọn họ cần thứ gì đó cho bọn tôi làm, thế là chúng tôi hành quân không sót xăngtimét nào trên đất Ý. Nguyên mùa xuân năm đó chúng tôi chỉ có hành quân qua vùng đất phẳng đá vôi dưới rặng núi Apennines, và một khi con đường này đã thông, chúng tôi lại hành quân lên những miền chân núi xanh ngắt lồi lõm hướng về Genoa, vào những ngôi làng đổ nát như pho mát cũ, những hầm chứa lòi ra những người Ý gầy gò lồi thối lệch thếch. Những thủ tục phải làm khi chiến tranh kết thúc thật kinh khủng. Chúng tôi cầu nài trước những công sự và boongke bỏ hoang, chẳng nào cũng gầm ghè như thể muốn đánh nhau nhưng trong thâm tâm lại hoan hỉ khi quân Đức đã rút lui nhanh hơn chúng tôi hành quân dọc theo chiến tuyến đổ nát này, phòng tuyến Gotica.

Đáng lẽ phải mừng là mình còn sống, nhưng tôi lại sầu khổ vô bờ trong cuộc chiến của chính mình, sợ hãi, cô đơn trước những hành động man rợ xảy ra xung quanh mình. Nhưng vấn đề chính của tôi lại nằm trên cơ thể tôi: đôi chân tôi đã biến dạng. Nó là hai cái móng guốc ẩm ướt, đỏ ửng và bệnh hoạn, hai bàn chân nhiễm trùng sưng tấy này đã đào ngũ theo phe địch, những kẻ phản bội lý tưởng. Trước khi đôi chân tôi nổi loạn, tôi thường chỉ suy nghĩ về ba thứ trong cuộc chiến này: ái tình, thức ăn và cái chết, và tôi nghĩ về chúng mỗi giây phút chúng tôi hành quân. Nhưng đến mùa xuân,

những ảo tưởng của tôi đã nhường lối hoàn toàn cho giấc mơ về những đôi tất khô ráo. Tôi thèm khát những đôi tất khô ráo. Tôi ham muốn, ao ước, tưởng tượng ra rằng sau chiến tranh tôi sẽ tìm cho mình một đôi tất thật dày và nhét đôi chân thối này vào chúng, rằng tôi sẽ chết như một ông già nhưng là với một đôi chân già nua khô ráo.

Mỗi sáng, khi mấy viên tướng chỉ tay năm ngón ra lệnh nã nhiều đợt pháo phá tan thành miền bắc thì chúng tôi phải hành quân trong bộ đồ sũng nước vào một vùng mưa dữ dội triền miên. Chúng tôi đi chậm hơn hai ngày sau đơn vị tác chiến đi trước là Sư đoàn 92 mệnh danh Lính trâu của Mỹ da đen, và hai tiểu đoàn quân Nhật lấy từ các trại giam, những người lính khốn khổ bị mấy vị tướng tuyển binh đẩy ra vùng chiến sự ác liệt phía Tây phòng tuyến Gotica. Còn chúng tôi là những kẻ xuất hiện cho có, những kẻ lợm mót, chỉ có mặt nhiều giờ thậm chí nhiều ngày sau khi lính Phi và lính Nhật đã mở đường, những kẻ hưởng lợi hạnh phúc vì sự thiên vị trắng trợn của các vị tướng. Đơn vị của chúng tôi là một đơn vị trinh sát, toàn những chuyên gia được đào tạo: kỹ sư, thợ mộc, đội mai táng, và những phiên dịch viên Ý như tôi và anh bạn tốt Richards của tôi. Lệnh hành quân của chúng tôi là đến sau những đơn vị mở đường để đi tới vùng rìa những ngôi làng bị hủy hoại và giày xéo, giúp chôn các xác chết, phát kẹo và thuốc lá để đổi lấy thông tin từ bất kỳ bà già và trẻ con hoảng sợ nào còn sót lại. Nhiệm vụ của chúng tôi là thu thập thông tin tình báo từ những con người như chết rồi này để tìm những tên Đức tháo chạy: chỗ cài mìn, chỗ đóng quân, kho quân bị. Chỉ gần đây thì mấy vị tướng chỉ tay năm ngón này mới yêu cầu chúng tôi thu thập thêm tên của những người đã chạy trốn quân phát xít để quay qua chiến đấu cho chúng tôi.

“Thế ra tiếp đến sẽ là cuộc khác đây,” Richards càu nhàu, người mẹ Ý đã dạy cho anh chàng thứ ngôn ngữ này từ hồi nhỏ và thế là giúp cho cậu con của mình tránh khỏi phải chiến đấu ác liệt nhiều năm sau đó. “Sao bọn họ không để mình xử cho xong cuộc chiến này đã rồi mới lên kế hoạch cho cuộc chiến tiếp theo chứ?”

Richards và tôi lớn tuổi nhất trung đội. Cậu ta là một trung sĩ 23 tuổi, còn tôi bình nhất 22 tuổi, cả hai đều tốt nghiệp đại học ra. Nếu chỉ nhìn vẻ bề

ngoài hay đi đứng thì không ai có thể phân biệt được Richards và tôi: tôi là một thằng tóc vàng gầy gò cao lêu nghêu quê ở Wisconsin, đồng sở hữu cái cửa hàng bán xe của cha, cậu ấy là một thằng tóc vàng gầy gò cao lêu nghêu quê ở Cedar Falls, bang Iowa, đồng sở hữu với mấy người anh một công ty bảo hiểm. Nhưng trong khi đón chờ tôi ở nhà là một đám bạn gái cũ, một công việc dạy tiếng Anh và mấy đứa cháu trai béo ú thì Richards lại có một người vợ yêu quý và một đứa con trai đang mong chờ gặp lại.

Ở Ý năm 1944, không mẫu thông tin tình báo nào lại không quan trọng với Richards và tôi. Chúng tôi báo cáo cả số ổ bánh mì mà tụi Đức đã trưng thu, những cái mền nào quân du kích đã lấy đi, và tôi viết những hai đoạn báo cáo về một thằng lính Đức tội nghiệp bị tắc ruột đã được chữa khỏi bằng một bài thuốc phù thủy xa xưa gồm dầu ô liu và bột xương tán. Và dù công việc ảm đạm như thế thì chúng tôi vẫn làm việc hết sức chăm chỉ vì nếu không thì sẽ phải đi rắc vôi bột và chôn xác.

Rõ ràng, người ta có tính toán tới nhiều sách lược lớn hơn vào đoạn cuối cuộc chiến (chúng tôi nghe tin đồn về những trại giam ác mộng và các tướng lĩnh chỉ tay năm ngón đang lên kế hoạch chia đôi thế giới), nhưng đối với Richards và tôi, cuộc chiến của chúng tôi chỉ là những cuộc hành quân ẩm ướt đầy bực bội hết đi trên những con đường đất rồi lại xuống những sườn đồi tới những vùng ven những ngôi làng bị đánh bom, lâu lâu mới được thăm vấn những nông dân bán thiu đờ dẫn tới chỗ chúng tôi xin ăn. Những đám mây mưa đã tới từ hồi tháng 11 và giờ đã là tháng ba rồi mà cơn mưa dai dẳng này vẫn chưa dứt. Chúng tôi hành quân suốt tháng ba đó chỉ để hành quân cho có, chẳng phải vì lý do chiến thuật nào, mà bởi vì một đội quân ướt sũng không hành quân sẽ bốc mùi như một đám ma cà bông. Hai phần ba nước Ý ở phía Nam lúc này đã được giải phóng, và giải phóng có nghĩa là bị nghiền nát bởi những lực lượng quân đội chỉ chăm chăm nã pháo vào những công trình, lăng tẩm, nhà thờ đẹp nhất của đất nước, như thể các kiến trúc này là kẻ thù thứ thiệt vậy. Chẳng mấy chốc nữa miền Bắc cũng sẽ trở thành một đồng gạch vụn được giải phóng y như thế. Chúng tôi đi hành quân dần lên đất nước hình chiếc ủng ấy như một phụ nữ cuốn dần chiếc tất dài lên đùi.

Và chính tại một trong những chuyến hành quân thường ngày này mà tôi bắt đầu tưởng tượng ra việc tự đả thương mình. Và trong khi còn đang mãi nghĩ xem xả viên đạn vào đâu thì tôi gặp cô gái ấy.

Chúng tôi đã đi bộ qua con đường quốc lộ dài đằng đẵng, hai đường hẻm xuyên vùng cỏ dại, những ngôi làng xuất hiện trên đỉnh những đồi nhỏ và phía dưới những thung lũng, những bà già với những đôi mắt ốc nhồi đói khát ngồi sụp xuống ven đường, những đứa trẻ đứng sau khung cửa sổ những căn nhà nát ngó ra trông như những bức tranh chân dung của chủ nghĩa tân thời có khung tranh là những ô kính nứt vỡ, bọn nó vẫy vẫy miếng vải xám, chìa tay ra xin sôcôla: “Kẹo, chú ơi. Kẹoooo, người Mỹ oiiii?”

Một cơn lũ quét đã tràn qua những ngôi làng này, phá sạch mọi thứ trên đường rồi rút đi. Vào ban đêm chúng tôi cắm trại ven những thị trấn sạt lở này, trong những nhà kho xiêu vẹo, trong những xác nhà của các nông trại bỏ hoang, trong những gì đổ nát còn sót lại của một đế chế cũ. Trước khi bò vào cái túi ngủ hằng đêm, tôi nhẹ nhàng tháo ủng ra, tháo tất ra và chửi thề chúng, van xin chúng và tuyệt vọng phờ phạc chúng lên hàng rào, bậu cửa hoặc thanh chống lều. Mỗi sáng sớm tôi thức dậy đầy lạc quan hy vọng, đi những đôi tất khô này vào đôi chân khô ráo, và rồi lại có phản ứng hóa học xảy ra biến chân tôi thành những sinh vật ẩm ướt sưng rộp như ấu trùng ăn xương ăn máu của tôi. Viên trung sĩ quân nhu của chúng tôi, một người đàn ông trẻ xương nhỏ và đầy cảm thông, người mà Richards tin rằng để mắt đến tôi (“Cậu biết sao không?” tôi bảo Richards, “nếu hãn mà chữa được chân tớ, bảo tớ thổi kèn cho hãn cũng được”), thường xuyên cho tôi những đôi tất mới, bột xúc chân mới, nhưng những sinh vật phản chủ luôn biết đường quay trở lại. Mỗi sáng tôi xúc thuốc bột vào ủng, đi tôi tất mới khô ráo, cảm thấy khá hơn, tôi liền thử bước một bước, và thế là lại cảm thấy như có những con đĩa phàm ăn đang cắn nát ngón chân tôi. Bọn chúng sẽ giết tôi trừ phi tôi hành động trước.

Vào cái ngày tôi gặp cô gái, tôi đã chịu đựng đủ lắm rồi và đã dám liều hành động: tôi sẽ kiếm cách giải ngũ do tai nạn, bắn một phát xuyên qua một trong những cái móng guốc bất trị của mình. Tôi sẽ được gửi về nhà ở Madison để sống với ba mẹ, trở thành một thương binh cụt chân ngồi nghe

mấy trận đấu bóng bầu dục trên đài phát thanh và kể cho mấy đứa cháu trai của mình một câu chuyện thêm mắm dặm muối tôi đã mất đôi chân mình ra sao (Cậu dẫm phải một bãi mìn để cứu những đồng đội cùng trung đội mình.)

Ngày hôm đó chúng tôi phải hành quân tới một ngôi làng mới được giải phóng để hỏi thông tin mấy người còn sống sót ở đó. (“Kẹo, chú người Mỹ ơi! Kẹo đi mà!”), bảo mấy người nông dân khai ra những đứa cháu trai, hỏi xem liệu bọn Đức thất trận có vô tình tiết lộ, khi chúng chạy trốn, ờ, Hitler đang ẩn nấp chỗ nào chẳng hạn. Khi hành quân hướng về thị trấn nhỏ ở sườn đồi này, chúng tôi đi ngang qua một cái xác bốc mùi ngay bên vệ đường của một lính Đức bị phanh thây chổng chơ trên một cái giá cửa * đang dở thô sơ làm từ những cành cây to đầu mấu sần sùi.

** Giá đỡ dùng để giữ đồ khi cửa*

Phần lớn lính Đức mà chúng tôi gặp mùa xuân đó chính là mấy cái xác này, những cái xác vốn đã bị phanh thây bởi những người lính chai sạn hay thậm chí là bởi quân du kích sắt đá, một hành động mà những kẻ mê tín dễ cao. Và chúng tôi cũng chẳng phải là những vị khách du lịch đứng nhìn không: chúng tôi cũng dính vài cú. Đúng thế, mấy đứa cháu đàn yêu quý của cậu à, cậu của mấy cháu gặp vấn đề khi nã khẩu súng nòng 3 ly của mình về phía quân thù, từng luồng bụi bắn tung sau mỗi phát súng. Thật khó biết tôi đã hít vào người bao nhiêu cục bụi đất như vậy, nhưng cũng đủ để biết rằng tôi dị ứng chúng vô cùng, đám bụi đó là thứ kẻ thù ghê rợn nhất. Ờ, mà tụi tôi cũng bị dính đạn nữa. Đầu mùa xuân năm đó chúng tôi đã mất hai người khi pháo 88 ly của Đức trút xuống như mưa trên đường tới Seravezza và thêm ba người nữa trong một trận giao tranh khủng khiếp kéo dài chín giây bên ngoài Strettoia. Nhưng đó là những người hợp ngoại lệ, một sự sợ hãi đầy kích động lâu lâu mới xảy ra một lần. Chắc chắn tôi sẽ thấy được sự dũng cảm và nghe những binh sĩ khác kể về nó, nhưng trong cuộc chiến của tôi những trận giao tranh chỉ là thứ mà ta vô tình gặp phải sau những câu đố nhần tâm thực tế như câu chuyện về cái xác này, nó như một bài kiểm tra độc ác đầy phi lý. (Liệu có phải cái người Đức đó đang đóng cái giá cửa này khi hắn bị rạch họng? Hay người ta xử hắn sau khi chết, phải chịu cảnh rạch

họng chết trên cái giá cửa dang dở này? Hay đây là một biểu tượng mang ý nghĩa văn hóa, như hình ảnh một hiệp sĩ nhảy lên lưng ngựa, hay đơn giản chỉ mang tính trùng hợp ngẫu nhiên, một cái giá cửa vô tình được đặt ngay chỗ mà tên lính Đức này ngã xuống?) Chúng tôi tranh luận những câu hỏi như thế khi gặp phải những câu đố xác thịt này: Ai đã cắt đầu lính gác của quân du kích? Tại sao xác đũa bé lại được chôn lộn ngược trong một cái thùng ngũ cốc? Dựa trên mùi và hoạt động của vi khuẩn thì cái câu đố xác thịt người Đức trên giá cửa này đáng nhẽ phải được chôn hai ngày trước rồi, và chúng tôi hy vọng rằng nếu ngó lơ hẳn đi thì viên chỉ huy của chúng tôi, gã trung úy ngu ngốc rằng thừa Bean, sẽ không ra lệnh phải chôn cái xác bốc mùi ấy.

Chúng tôi đang an toàn đi ngang qua cái xác và bỏ qua việc chôn cất thì bỗng nhiên tôi ngừng lại, kêu nhản với những người đi đầu là tôi sẽ ở lại giải quyết cái xác nát này. Dĩ nhiên là tôi có cái lý của mình. Có kẻ đã lấy ủng của gã người Đức này rồi, gã cũng đã bị tước sạch cả phù hiệu, vũ khí hay mọi thứ có thể làm chiến lợi phẩm khoe với các cháu tại Lễ Tạ ơn ở Rockport (“Đây là cái thìa trong chiến trường với Hitler mà cậu đã lấy được từ một thằng Đức mọi rợ, đũa mà cậu giết chỉ bằng đôi chân không cơ đấy”), nhưng vì một lý do nào đó cái người chết này vẫn còn mang tất. Và tôi thì đã phát điên lên với cái chân thối của mình tới nỗi cặp tất của xác chết này bỗng trở thành vị cứu tinh: hai cái tất đan dày phủ lên đôi chân hằn ta như thế tẩm ra trải giường ở khách sạn bốn sao. Sau hàng tá đôi tất được đồng minh tiếp viện mà viên trung sĩ quân nhu ưu ái cho, tôi nghĩ hay là thử liều đi tất phát xít xem thế nào.

“Bệnh quá!” Richards nói khi tôi bảo sẽ quay trở lại để lấy đôi tất của xác chết.

“Thì tở bệnh mà!” Tôi thừa nhận. Nhưng trước khi tôi có thể rớt tới chân của người chết thì cái thằng trung úy xuân ngốc Bean đã đứng giạng chân ra mà nói rằng một trung đội khác đã gặp phải một thi thể bị cài mìn, thế nên cấp trên đã lệnh cho chúng tôi tránh việc chôn xác. Thế là tôi lại phải xa đôi vợ sạch sẽ nhất, khô ráo nhất, ấm áp nhất mà mình từng thấy ở châu Âu, để mà tiếp tục lê lết thêm hai, ba cây số nữa bằng hai con quái vật sừng nước và

sắc nhọn đang phồng lên như con nhộng này. Thế là hết. Tôi chịu hết nổi rồi. Tôi nói với Richards: “Tối nay tớ sẽ ra tay. Tự đả thương. Tối nay tớ sẽ bắn nổ tung đôi chân mình.”

Richards đã và vẫn nghe tôi kêu ca điều đó suốt nhiều ngày trời, và cậu ta nghĩ tôi chỉ bốc phét, rằng chuyện tôi tự nã súng vào chân chẳng khác gì việc tôi biết bay vậy. “Đừng có ngớ ngẩn,” cậu ta bảo. “Chiến tranh đã kết thúc rồi.”

Chính vì thế nó mới hoàn hảo, tôi bảo cậu ta. Ai còn có thể nghi ngờ được chứ? Trước còn chiến tranh thì một vết đạn ở chân sẽ không đủ để tôi được về nhà, nhưng còn bây giờ, khi mọi sự đã lắng dịu xuống, tôi có thể tận dụng vận may này. “Tớ sẽ làm.”

Richards đành xuôi theo. “Được rồi. Giỏi thì cứ làm đi. Rồi cậu sẽ chảy máu đến chết trong doanh trại.”

“Thà chết còn sướng hơn đau đớn thế này.”

“Thế thì quên cái chân đi, bắn vào đầu cậu ấy.”

Chúng tôi dừng ngay ven làng nọ, và rút trại vào trong đồng đổ nát của một kho thóc cũ trên một triền đồi trũng toàn nho. Richards và tôi dựng điểm quan sát trên một con hào nhỏ để che chắn. Tôi ngồi xuống tranh cãi với Richards nên bắn vào phần nào của chân, nhẹ tênh cứ như thể đang bàn xem nên ăn trưa ở đâu vậy. Đương lúc đó thì đột nhiên có tiếng lạo xạo phát ra từ con đường phía dưới chúng tôi. Richards và tôi nhìn nhau im lặng. Tôi chộp lấy khẩu cạc bin, tiến sát hào, và đảo mắt nhìn xuống con đường phía dưới cho tới khi nhìn thấy cái bóng đang tiến đến là...

Một bé gái? Không phải. Một người phụ nữ. Còn trẻ. Mười chín? Hai mươi? Hai ba? Tôi không thể thấy rõ trong ánh sáng mờ tối ấy, chỉ biết rằng cô ta rất dễ thương và dường như đang nhún nha nhún nháy một mình trên con đường bụi bặm chật hẹp này, mái tóc nâu cột cao và kẹp lại phía sau, cằm thon, gò má cao ửng đỏ và đôi mắt gói gọn trong hàng mi đen như hai làn khói dày. Cô ta nhỏ người nhưng ai ở trong cái ủng Ý bầm dập này mà chả nhỏ người. Trông cô ta không có vẻ gì đói khát. Cô ta quần một cái tạp dề ngoài váy làm tôi về sau cứ day dứt mãi vì không nhớ nổi cái váy đó màu gì,

nhưng tôi tin đó là một màu xanh bạc in những đóa hướng dương vàng, cho dù tôi không chắc lắm, chỉ biết là mình nhớ về nó như thế (và tôi thấy đáng ngờ khi mọi phụ nữ châu Âu trong tâm trí tôi, mỗi cô gái điếm, mỗi bà cụ, mỗi người lang thang mà tôi gặp đều mặc cùng chiếc váy màu xanh in hoa hướng dương vàng đó).

“Đứng lại,” Richards kêu lên. Và tôi phá ra cười. Có cả đồng từ để nói vậy mà Richards chỉ nghĩ ra được từ đứng lại thôi à? Giá lúc ấy đỡ thân tôi không phải là hai cái chân đau thấu trời mà là sự hóm hỉnh nhanh trí của tôi thì hẳn tôi đã hướng cho cậu ta nói câu thoại nổi tiếng “Ai mau xưng tên?” của Shakespeare và chúng tôi đã có thể diễn cả vở Hamlet cho cô gái ấy rồi.

“Đừng bắn, những người Mỹ tốt bụng,” cô gái gọi với lên từ trên đường bằng thứ tiếng Anh cơ bản. Không chắc từ “đứng lại” phát ra từ đâu, cô la lên sang cả hai bên đường, rồi về phía bờ hào nhỏ trước mặt cô nơi chúng tôi đang đứng. “Tôi đến để thăm mẹ tôi.” Cô ấy giơ tay cao lên đầu và chúng tôi đứng nhòm dậy trên sườn đồi phía trước mặt cô, súng trường vẫn sẵn sàng trong tay. Cô gái hạ tay xuống, cô nói tên mình là Maria và cô đến từ ngôi làng phía bên kia đồi. Cho dù giọng hơi lơ lớ nhưng tiếng Anh của cô còn tốt hơn nhiều gã trong đơn vị của chúng tôi. Cô đang mỉm cười. Phải mãi đến khi trông thấy một nụ cười như vậy ta mới hiểu ra ta nhớ nó biết bao nhiêu. Tất cả những gì tôi có thể nghĩ đó là bao lâu rồi tôi chưa thấy một cô gái đang mỉm cười trên một con đường quê.

“Đường này cấm rồi. Cô phải đi vòng thôi,” Richards nói, cầm khẩu súng trường chỉ lại về phía con đường mà cô vừa đi qua.

“Đành vậy,” cô nói và hỏi xem liệu con đường đi về phía tây có mở không. Richards nói có. “Cám ơn anh,” cô nói và bắt đầu quay ngược trở lại. “Chúa phù hộ nước Mỹ.”

“Chờ đã,” tôi la lên. “Tôi sẽ đưa cô đi.” Tôi cười lóp lớt mũ bằng bông trên đầu ra và xoa tí nước bọt lên vuốt vuốt tóc.

“Đừng có ngớ ngẩn,” Richards nói.

Tôi quay lại, mắt ầng ậc nước. “Quý tha ma bắt, Richards, tớ sẽ đưa cô gái này về nhà!” Dĩ nhiên Richards đúng. Tôi là thằng ngốc. Rồi bỏ vị trí

cũng đồng nghĩa với đào ngũ, nhưng vào lúc này tôi sẵn sàng dành cả quãng đời còn lại trong trại chỉ để được đi với cô gái này hai, ba mét đường thôi.

“Thôi mà, để tớ đi,” tôi nói. “Tớ sẽ cho cậu mọi thứ.”

“Khẩu Luger của cậu,” Richards nói không chần chừ.

Tôi biết ngay đó là thứ mà Richards sẽ đòi. Cậu ta thèm muốn khẩu Luger đó cũng không thua gì tôi thèm tất khô. Cậu muốn nó làm quà lưu niệm cho con trai mình. Sao tôi trách cậu ta được? Tôi cũng đã nghĩ mãi về đứa con trong tưởng tượng của mình khi mua khẩu Luger này tại một khu chợ Ý nhỏ bên ngoài Pietrasanta. Khi không có đứa con trai nào ở quê nhà, tôi nghĩ mình sẽ khoe nó với mấy cô bạn gái bướng bỉnh và mấy đứa cháu trai chấy rận của mình sau khi đã nốc một mớ whisky, rồi làm bộ không muốn kể về cuộc chiến, rồi sau đó lôi cái khẩu Luger gỉ sét này ra khỏi một cái tủ nhỏ và nói với cái đám lười chày thầy đó là tôi đã vật lộn ra sao để tước lấy cái khẩu súng khỏi gã Đức khùng đã giết sáu đồng đội và bắn vào chân tôi. Nên kinh tế chợ đen chuyên buôn bán mấy thứ chiến lợi phẩm trong chiến tranh với Đức phụ thuộc vào những lời nói dối đó: khi tháo chạy, những lính Đức đói khát đã đổi những thứ vũ khí hỏng hóc và phù hiệu của họ cho những người Ý chết đói để lấy bánh mì, rồi những người Ý đói khát này sẽ bán những chiến lợi phẩm đó cho những người Mỹ như Richards và tôi, những kẻ đói khát hư danh.

Thật buồn là Richards đã không thể tận tay đưa khẩu Luger cho cậu con trai bởi vì chỉ sáu ngày trước khi chúng tôi được về nhà, tôi về nghe mấy trận bóng bầu dục trên đài, cậu ta thì về với vợ con, thì Richards lại chết không được vinh quang gì bởi nhiễm trùng máu mắc phải trong một bệnh viện dã chiến, sau cuộc phẫu thuật vỡ ruột thừa. Cậu ấy bị sốt cao, đau bụng và nhập viện luôn, kể từ lúc đó tôi thậm chí còn không được nhìn thấy cậu ấy một lần nào, thẳng trung úy ngu ngốc của chúng tôi chỉ báo với tôi một câu rằng cậu ấy đã chết (“Ờ, Bender. Ờ. Nghe nè. Richards chết rồi.”), người bạn tốt nhất, người bạn cuối cùng của tôi đã ra đi trong chiến tranh. Và nếu như điều này đặt dấu chấm hết cho cuộc chiến của Richards thì tôi xin thêm phần lời bạt này: Một năm sau đó tôi lái xe tới vùng Cedar Falls, Iowa, dừng

xe trước một căn nhà gỗ nhỏ treo cờ Mỹ trên hàng hiên gạch, tôi cởi mũ và nhấn chuông cửa. Vợ của Richards là một người phụ nữ thấp người, què mùa, tôi nói với cô ấy lời nói dối hay nhất tôi nghĩ ra được, rằng những lời cuối mà chồng cô ấy thốt ra chính là tên của cô. Và tôi đưa cho đứa bé trai chiếc hộp đựng khẩu Luger của tôi trong đó, nói rằng cha của nó đã tước được nó từ một tên lính Đức. Và ngay khi tôi nhìn xuống mái tóc đỏ hoe bồng bềnh đó, tôi đau lòng cho chính đứa con trai của mình, cho người thừa kế mà tôi không bao giờ có, cho người chuộc lại cuộc đời mà tôi đã lãng phí. Và khi đứa nhỏ dễ thương con Richards hỏi tôi liệu cha nó “có chiến đấu dũng cảm không,” tôi đã trả lời rất thật lòng: “Cha cháu là người đàn ông dũng cảm nhất chú từng biết.”

Và đúng là cậu ấy là một người như vậy, bởi vì vào ngày tôi gặp cô gái, Richards Dũng cảm đã nói, “Cứ đi đi. Giữ khẩu Luger của cậu lại. Ở đây để tớ lo cho. Chỉ cần sau này kể cho tớ nghe hết là được.”

Nếu như khi thú tội về những nỗi sợ hãi và bất an trong thời chiến tôi đã mô tả bản thân mình là thiếu sự quả cảm, thì lúc này đây, tôi xin đưa ra bằng chứng về trái tim hiệp sĩ của mình: tôi không hề có ý định động chạm một chút gì tới cô gái ấy. Và tôi cần Richards biết điều đó, rằng tôi liều chết và đánh mất danh dự không phải để hưởng chút sung sướng, mà chỉ để đi cùng cô gái xinh đẹp đó trên con đường đêm, để cảm nhận được chút cuộc sống đời thường ngọt ngào một lần nữa.

“Richards, tớ sẽ không động đến cô ta đâu,” tôi nói.

Tôi nghĩ rằng cậu ấy biết tôi đang nói nghiêm túc bởi vì cậu ta trông rất đau khổ. “Thế thì trời ạ, để tớ đi với cô ta cho.”

Tôi vỗ vai cậu ấy, chộp lấy khẩu súng trường và chạy xuống phía dưới đường để bắt kịp cô gái. Cô đi rất nhanh, khi bắt kịp thì cô đã đi tít sang mé bên kia đường. Lúc đến gần, cô gái trông già dặn hơn tôi tưởng, có lẽ phải đến 25 tuổi rồi. Cô nhìn tôi đầy cảnh giác. Tôi xoa dịu cô bằng sự hấp dẫn của mình khi nói được hai thứ tiếng: “*Scusi, bella. Fare una passeggiata, per favore? **”

Cô mỉm cười. “Được. Anh có thể đi bộ cùng tôi,” cô nói bằng tiếng Anh. Cô đi chậm lại và khoác tay tôi. “Nhưng chỉ khi anh đừng dùng ngôn ngữ của chúng tôi mà chùi mũi nữa.”

** Xin lỗi người đẹp. Đi bộ cùng tôi chứ?*

A, tình yêu là thế đó.

Mẹ của Maria đã nuôi dạy ba đứa con trai và ba cô con gái trong ngôi làng này. Cha cô mất sớm trong chiến tranh và các anh em trai của cô đều bị bắt đi lính từ thời 16, 15 và đứa cuối mới 12 tuổi, bị lôi đi đào hào cho quân Ý rồi sau đó lại xây công sự cho quân Đức. Cô cầu nguyện rằng ít nhất sẽ có một người trong bọn họ còn sống đâu đó phía Bắc đồng cỏ nát của phòng tuyến Gotica. Nhưng cô cũng không dám hy vọng gì nhiều. Maria kể tóm tắt cho tôi nghe lịch sử ngôi làng bé nhỏ của cô trong cuộc chiến, bị Mussolini, rồi lại đến đám du kích, và sau đó là đến đám quân Đức rút lui vất kiệt đám thanh niên trai tráng, cho đến lúc mà trong làng chẳng còn mống đàn ông nào tuổi từ 8 đến 55. Thị trấn bị đánh bom, bị bắn phá, bị cướp sạch lương thực và đồ dự trữ. Maria đã học tiếng Anh ở một nữ tu viện, và khi cuộc tấn công tràn đến cô làm hộ lý tại một bệnh viện dã chiến của người Mỹ. Cô thường đi một đợt nhiều tuần nhưng luôn luôn trở về làng để thăm nom mẹ và các chị em gái.

“Vậy khi tất cả mọi chuyện kết thúc, em cũng sẽ kiếm chàng trai trẻ nào để lập gia đình chứ?” tôi hỏi.

“Cũng có một anh chàng, nhưng chẳng biết anh ta sống chết thế nào. Không đâu, khi mọi chuyện đã qua đi tôi sẽ chăm sóc cho mẹ mình. Bà cụ góa bụa, ba đứa con trai lại bị người ta bắt mất. Khi bà cụ qua đời, có lẽ tôi sẽ đi theo mấy người Mỹ các anh tới thành phố New York. Tôi sẽ sống trong tòa nhà Empire State lộng lẫy, ăn kem mỗi tối trong những nhà hàng sang trọng, rồi phát tướng ra.”

“Tôi có thể đưa em đến Wisconsin. Em phát tướng ở đây cũng được.”

“A, Wisconsin,” cô nói, “với phô mai và những cánh đồng đầy bò sữa.” Cô phe phẩy tay trước mặt như thể vùng Wisconsin đang nằm ngay sau những bụi cây trên đường. “Những chú bò, nông trại, thủ phủ Madison,

trắng chiếu trên mặt sông, đại học Badgers. Mùa đông trời lạnh còn mùa hè có những cô nông dân xinh xắn tóc thắt bím má đỏ hồng hồng.”

Cô ấy có thể thao thao y như thế về bất kỳ tiểu bang nào mà bạn nhắc đến, quá nhiều thanh niên Mỹ ở trong bệnh viện của cô đã dành thời gian hồi tưởng lại những vùng quê của họ cho cô nghe, thường là trước khi họ chết. “Idaho? Hồ sâu và núi lớn, những rừng cây dài vô tận và những cô nông dân xinh xắn tóc thắt bím má đỏ hồng hồng.”

“Chẳng có cô nông dân nào cho anh cả,” tôi nói.

“Thế nào sau cuộc chiến anh chẳng tìm được một cô.”

Tôi nói rằng sau cuộc chiến tôi muốn viết sách.

Cô nghiêng đầu: “Thế loại gì?”

“Một quyển tiểu thuyết. Về tất cả mấy thứ này. Có lẽ là một quyển tiểu thuyết hài hước.”

Cô ấy nghiêm mặt lại. Viết sách là việc quan trọng, không phải chuyện đùa, cô nói.

“Ồ không, anh không có ý đùa cợt về chuyện đó. Ý anh là không phải kiểu hài hước đó.”

Cô gái lại hỏi thế thì còn kiểu hài hước nào khác và tôi không biết phải trả lời ra sao. Chúng tôi đã thấy ngôi làng của cô trước mặt, một cụm những bóng nhà xám kề sát nhau như một cái mũ lưỡi trai đội trên một quả đồi tối tăm trước mắt chúng tôi.

“Kiểu hài hước mà cũng làm cho em buồn nữa,” tôi trả lời.

Cô nhìn tôi một cách tò mò và ngay lúc đó, không hiểu một chú chim hay một con dơi từ bụi rậm vụt bay ra làm cả hai chúng tôi đều giật mình. Tôi liền vòng tay choàng lấy vai Maria. Tôi không nhớ mọi việc đã xảy ra như thế nào, nhưng đột nhiên chúng tôi đi chệch ra khỏi đường và tôi nằm ngửa xuống đất còn cô ấy đang nằm phía trên tôi trong một lùm cây chanh, những trái chanh xanh lơ lửng trên đầu tôi như những quả chuông đung đưa. Tôi hôn môi, hôn má, hôn cổ cô còn cô nhanh nhẹn mở khuy quần tôi, giữ tôi giữa hai tay cô, cô vuốt ve tôi thành thạo bằng một bàn tay mềm mại còn tay kia mơn trớn, như thế cô đã học được cái kỹ năng này trong một quyển

hướng dẫn tuyệt mật nào đó của quân đội. Và cô cực kỳ khéo léo, giỏi hơn cả tôi nữa, thế nên chẳng mấy chốc tôi bắt đầu rên ư ử thế là cô liền nắm ép lên tôi, tôi có thể nghĩ thấy mùi chanh, mùi đất, mùi của cô, và cả thế giới như biến mất khi cô nghiêng người và để tôi bắn xa ra khỏi cái váy đẹp của cô, cứ như một bà chủ trang trại hướng dòng sữa bò theo ý mình, về phía những quả chanh còn chưa chín. Tất cả những điều này xảy ra trong chưa đầy một phút, đến cái nơ tóc của cô cũng mới chỉ hơi tuột ra đôi chút.

Cô gái nói: “Xong rồi đấy.”

Cho đến ngày hôm nay, ba từ này vẫn là những từ đẹp nhất, buồn nhất lẫn khó chịu nhất mà tôi từng nghe. Xong rồi đấy.

Tôi òa khóc. “Sao thế?” cô hỏi.

“Chân anh đau,” đó là tất cả những gì tôi có thể thốt ra. Nhưng dĩ nhiên tôi khóc không phải vì chân đau. Và dù lòng tôi tràn ngập sự biết ơn với Maria, với tiếc nuối, hoài niệm và nhẹ nhõm khi còn sống đến giờ phút này trong cuộc chiến, thì tôi cũng không khóc vì những lý do đó. Tôi khóc bởi vì rõ ràng tôi không phải là thằng cục súc duy nhất mà Maria phải làm cho thỏa mãn bằng đôi tay điêu luyện và khéo léo của cô ấy.

Tôi khóc bởi đằng sau kĩ năng và sự nhanh nhẹn thành thạo của cô chắc chắn là một câu chuyện khủng khiếp. Sự khéo léo này chỉ có thể học được sau khi đã gặp phải nhiều người lính khác, những kẻ đè sấp cô ra đất mà cô không thể đánh lạc hướng chúng chỉ bằng đôi tay của mình.

Xong rồi đấy.

“Ôi Maria...” tôi khóc. “Anh xin lỗi.” Và tôi rõ ràng cũng không phải thằng cục súc đầu tiên khóc trước mặt cô, bởi vì cô biết mình phải làm gì ngay lúc đó, cô gỡ cái khuy áo đầu tiên trên bộ váy xanh và đặt đầu tôi giữa ngực, cô thì thầm, “Khẽ nào, Wisconsin, khẽ nào.” Làn da mềm mại và thơm tho, thấm ướt nước mắt ấy lại khiến tôi khóc dữ hơn, thế là cô lại nói “Khẽ nào Wisconsin” và tôi vùi mặt vào giữa bộ ngực ấy như thể làn da cô là nhà tôi, như thể Wisconsin nằm ở đó, và cho tới ngày nay, nó vẫn là nơi tuyệt vời nhất mà tôi từng đến, cái thung lũng hẹp giữa hai ngọn đồi đáng yêu đó. Sau một lát tôi ngừng khóc và cố gắng lấy lại chút tự trọng của

mình. Năm phút sau, khi đã đưa hết cho cô ấy tiền bạc, thuốc lá, hứa hẹn tình yêu không phai và thề thốt rằng tôi sẽ trở lại, tôi liền đi khập khiễng đầy xấu hổ về lại chốt gác, quả quyết với cậu bạn thân thất vọng sắp chết Richards rằng tôi chẳng làm gì khác ngoài việc đưa cô gái về nhà.

Trời ạ, cuộc sống này là một thứ lạnh lẽo và mong manh dễ vỡ. Ấy thế mà nó vẫn cứ mãi là như thế. Đêm đó tôi chui vào túi ngủ, không còn là mình nữa mà chỉ còn là một cái xác mệt lử vô hồn.

Nhiều năm đã qua và tôi thấy mình vẫn chỉ là một cái xác vô hồn, kẹt trong khoảnh khắc đó, kẹt trong cái ngày mà cuộc chiến của tôi kết thúc, cái ngày mà tôi, như bao kẻ sống sót khác, nhận ra rằng sống khác với tồn tại qua ngày.

Xong rồi đấy.

Một năm sau đó, sau khi trao lại khẩu Luger cho con trai của Richards, tôi ghé lại một quán rượu nhỏ ở Cedar Falls và uống một trong sáu triệu ly rượu mà tôi uống từ hồi đó đến giờ. Cô phục vụ hỏi tôi đến thị trấn có chuyện gì và tôi bảo cô ta, “Thăm con trai.” Rồi cô ta hỏi về con trai tôi, đứa nhỏ dễ thương trong tưởng tượng với điều đáng tiếc duy nhất là nó không tồn tại. Tôi nói rằng nó là một đứa trẻ ngoan, và tôi đang trao lại cho nó một kỷ vật chiến tranh. Cô ta thích thú. Là gì thế? cô ta hỏi. Thứ gì quan trọng mà tôi mang về nhà cho con sau cuộc chiến? Tất, tôi gọn lỏn.

Nhưng cuối cùng, đây là cái mà tôi đã mang về nhà sau cuộc chiến, một câu chuyện buồn duy nhất kể về việc sao tôi lại sống còn một người tốt hơn lại chết, về việc làm thế nào mà phía sau bụi cây chanh lớm chớm đầy gai trên một con đường nhỏ bụi bặm phía ngoài làng R, cậu nhỏ của tôi được ve vớt trong 20 giây tuyệt vời bởi một cô gái làm điều đó chỉ để không bị tôi hãm hiếp.

MỘT TÁC PHẨM CỦA MICHAEL DEANE

Gần đây

Đồi Hollywood, California

Trường lão Hollywood mặc bộ pyjama lụa ngồi tựa đầu lên chiếc ghế dựa trên hàng hiên, nhắm nháp cốc giải khát Fresca pha nhân sâm và nhìn xa xăm qua những bụi cây về phía ánh sáng lấp lóa của khu đồi Beverly Hills xa hoa. Trên đùi ngài là một tập kịch bản đang mở, phần hai của *Lũ cướp đêm* (NGOẠI CẢNH. LOS ANGELES – BUỔI ĐÊM: Một chiếc xe ô tô bay hiệu Trans Am phóng vù qua bảo tàng Getty đang bốc cháy). Cô trợ lý của ông, Claire, đã tuyên bố kịch bản này là “tào lao toàn tập,” và cho dù là mức độ bắt lỗi của Claire rất quyết liệt thì trong trường hợp này – khi ngân sách làm phim đang teo lại cộng với *Lũ cướp đêm* phần một chỉ toàn để lại những tiếng xấu – Michael phải công nhận là cô đúng.

Cái khung cảnh này, ông đã nhìn nó đến cả hai mươi năm rồi, ấy thế mà không hiểu sao trong buổi chiều muộn này nó lại mới mẻ với ông đến thế – mặt trời đang lướt qua những quả đồi xanh loang loáng. Michael thở dài thể hiện sự mãn nguyện của một người đàn ông đã trở lại vị trí cao trong giới. Thật đáng ngạc nhiên, chỉ một năm thôi mà đã khác thế. Cách đây không bao lâu, ông đã không còn thấy được vẻ đẹp trong khung cảnh này và cả trong mọi thứ. Ông đã bắt đầu sợ rằng cái kết đã đến – không phải cái chết (đàn ông nhà Deane không bao giờ chịu ngủ trước 90 tuổi), mà thứ gì đó tồi tệ hơn: sự hết thời. Lúc đó ông đang trong tình trạng khủng hoảng tột độ, cả một thập kỷ rồi không làm ra được thứ gì ra hồn, cái thành phẩm duy nhất ông từng làm gần đây là tập đầu phim *Lũ cướp đêm*, mà sau này hóa ra

lại thành một thứ khiến ông mất mặt. Kể cả việc viết hồi ký cũng thất bại toàn tập, khi luật sư bên phía nhà xuất bản đập thẳng rằng quyển sách ông muốn viết toàn những thứ “bôi nhọ”, “vụ lợi,” và “không thể nào kiểm chứng sự kiện được,” và biên tập viên của ông đã phải gửi đến một người chấp bút để biến cái mớ chữ đó thành một thứ lai căng kỳ lạ pha tạp giữa hồi ký với mấy thứ sách dạy đời.

Khi cái thời của mình sắp hết, Michael đã chuẩn bị để trở thành một ông già cổ lỗ ám phòng ăn ở Khu nghỉ dưỡng Riviera, húp xúp và run rẩy tám chuyện về ca sĩ Doris Day hay nhà sản xuất phim Darryl Zanuck. Nhưng hóa ra là cái phép thuật của một Deane già cỗi vẫn chưa hoàn toàn mất tác dụng. Đó chính là thứ khiến ông yêu quý thành phố này, ngành công nghiệp này: chỉ cần một ý tưởng đơn giản, một bài pitch hay, thế là ta lại tái xuất giang hồ. Ông thậm chí còn không hiểu hết cái bài pitch đã giúp ông tái xuất ấy, cái *Nhật ký hẹn hò* ấy (ông chỉ ra về mình hiểu mấy thứ công nghệ bờ lóc bờ liếc vớ vẩn này), nhưng ông có thể đoán dựa trên phản ứng của đối tác sản xuất, Danny – và nhất là của cô trợ lý khó tính, Claire chần tinh – rằng nó là một ý tưởng đình đám. Thế nên ông đã tung ra sở trường của mình: pitch cái ý tưởng đó cho ra trò.

Và giờ thì Michael Deane đã trở lại lợi hại hơn xưa, tên ông xuất hiện trên mọi lịch quay ở thị trấn, trên mọi danh sách gửi kịch bản và phim ngắn. Quả thực, vấn đề lớn nhất của ông bây giờ là vụ dàn xếp với hãng phim khi ông phải trình bày cho họ nghe (và để họ cắt xén tùy thích) bất kỳ thứ gì mà ông định làm. Được cái mừng là các luật sư của ông tin rằng họ đã tìm được cách thoát ra khỏi chuyện này, nên Michael cũng đã bắt đầu tìm một chỗ khác để chuyển văn phòng. Chỉ cần nghĩ đến việc lại được tự do cũng đã khiến ông thấy mình trẻ lại như 30 tuổi – một sự phấn khích náo nức dâng lên giữa đời ông.

Ờ khoan... hay đó là do viên thuốc uống một giờ đồng hồ trước nhỉ? À phải, nó đó, phát huy tác dụng đúng thời điểm: phía dưới xấp kịch bản, những đầu dây thần kinh và những tế bào nội mô già yếu hom hem đang tiết oxit nitric vào các ống thể nang, kích thích tổng hợp nên chất GMP giúp làm

cứng lên những tế bào cơ mềm oặt vì dùng quá độ và bơm máu làm phồng đám mô mềm xốp đó.

Xấp kịch bản trôi lên trên đùi ông như lá cờ chiến thắng của Mỹ trong trận Iwo Jima.

“Chào chú nhỏ.” Michael đặt tập kịch bản lên chiếc bàn, gần lon nước ngọt Fresca, đẩy người đứng dậy và bắt đầu trở vô nhà về hướng Kathy.

Với cái quần pyjama lụa đang trở nên chật chội khó chịu, ông lê chân bước qua cái hồ bơi thủy lực, rồi cái bàn cờ vua cỡ đại, ao cá chép, trái bóng tập thể dục và thảm yoga của Kathy, và cuối cùng cái bàn ăn sáng phong cách Tuscan bằng sắt nung để ngoài trời. Ông nhìn thấy Cô vợ số 4 qua cánh cửa bếp để mở, đang mặc quần yoga và áo thun bó sát. Ông được hưởng trọn toàn bộ cái thành quả căng phồng của sự đầu tư của mình cho vợ, những túi gel silicon dẻo hàng xịn nhất được cấy ghép trong khoang ngực của cô, giảm thiểu đau và sẹo tối đa được đặt giữa các mô ngực và cơ trong, thay thế cho những túi silicon cũ đã hơi chảy xệ.

Thật nóng bỏng.

Kathy lúc nào cũng cần nhắc ông đừng có đi lê chân lết xết – *nó làm cho anh trông như ông cụ trăm tuổi ấy* – và Michael cố nhắc bản thân mình đi nhắc cao chân chút. Khi ông bước qua cánh cửa trượt vào bếp thì cũng vừa lúc cô quay lưng lại phía ông. “Thưa cô,” ông nói với vợ, đứng tạo dáng sao cho cô có thể thấy cái cọc lõi dưới bộ pyjama của ông. “Cô đặt hàng món pizza cọt cờ phải không?”

Nhưng khổ thân cho ông, cô vợ đang đeo tai nghe thế nên chẳng nhìn cũng chẳng nghe thấy ông gì sất – hoặc có khi cô giả bộ thế cũng nên. Khi mọi thứ đều tệ hại suốt hai năm qua, Michael đánh hơi được sự thương hại từ cô, giọng cô ẩn chứa sự kiên nhẫn của một cô y tá. Kathy đã đạt được cái mốc “bằng nửa tuổi ông” kỳ diệu – cô 36 ông 72 – Michael tạo dựng một sự nghiệp muộn với một cô tuổi băm. Nếu một người đàn ông tuổi ông mà lại dính vào các em 20 là có xì căng đan ngay, nhưng lại chẳng ai quan tâm nếu cô gái đó đã trên 30 tuổi: đấy, ta có thể 100 tuổi, hẹn hò một cô 30, mà vẫn trông khả kính lắm. Thật không may là Kathy cũng cao hơn ông cả thước

mà đó quá là đôi đũa lệch không sao bù đắp nổi; đôi khi trong đầu ông hiện lên cái bức tranh kì khôi lúc họ làm tình, khi ông chạy nhốn nháo trên những đồi núi chập chùng của cô như một anh chàng tí hon động dục.

Ông đi vòng qua bàn bếp và lại tạo dáng sao cho cô vợ có thể thấy được thứ đang quấy rầy dưới chiếc quần pyjama của ông. Cô ngẩng lên, rồi nhìn xuống, rồi lại nhìn lên. Cô gỡ tai nghe ra. “Chào anh yêu. Sao thế?”

Trước khi ông có thể thốt ra cái điều hiển nhiên đó thì điện thoại di động của Michael rung lên, nẩy nhẹ nhẹ trên chiếc bàn bếp giữa họ. Kathy gạt nút nghe hộ ông, và nếu như không có sự giúp đỡ của thuốc men thì sự thờ ơ của cô chắc hẳn sẽ làm bệnh tình của ông thêm trầm trọng.

Ông kiểm tra số máy. Claire? Lúc bốn giờ bốn mươi phút chiều của ngày thứ sáu Pitch Kùng điên – chuyện gì có thể xảy ra cơ chứ? Cô trợ lý của ông là một người thông minh lanh lợi, và ông có cái niềm tin mê tín rằng cô gái này sở hữu một thứ hiếm có: vận may – nhưng cô ta lại quá khó khăn với chính bản thân mình. Cô nàng muộn phiền vì mọi thứ, lúc nào cũng suy xét bản thân, về những kỳ vọng, sự tiến bộ, về giá trị bản thân. Thật mệt mỏi. Michael cũng hơi nghi nghi rằng cô ta đang kiếm một công việc khác – ông hay có giác quan thứ sáu với mấy thứ như vậy – và đây có lẽ là lý do chính mà ông dám giơ tay ra hiệu im lặng với Kathy mà nhận cuộc gọi.

“Chuyện gì thế Claire?”

Cô ta huyền thuyên, cô ta đông dài, cô ta liến thoắng. Trời ạ, cái cô gái này, ông nghĩ, với cái gu sành chệ cổ hủ của cô ta, cái sự hoài nghi giả tạo, sự chán đời của cô ta. Ông luôn cảnh báo cô về sự hoài nghi đó; nó rẻ tiền như một bộ vét hàng chợ vậy. Cô ta là một độc giả tuyệt vời, nhưng cô ta thiếu sự sáng suốt cần thiết để có thể làm công việc sản xuất. *Tôi không yêu thích nó*, cô ta sẽ nói về một ý tưởng như vậy, cứ như thể có cần phải yêu đương gì ấy. Đối tác sản xuất của ông, Danny, đã gọi Claire là Con chim Hoàng yến – cái loài mà người ta dùng trong *mỏ than* * ấy – và nửa đùa nửa thật rằng bọn họ sẽ dùng cô như một cái áp kế ngược: “Cái gì mà Hoàng yến thích, chúng ta sẽ bác bỏ.” Ví dụ, cho dù cô ta thừa nhận *Nhật ký hẹn hò* là một ý tưởng lớn, nhưng cô ta lại van nài ông đừng sản xuất nó. (Claire: *Sau*

những bộ phim ông đã sản xuất, đây có đúng là thứ mà ông muốn người ta biết mình tạo ra sao? Michael: Tiền là thứ tôi muốn người ta biết tôi tạo ra.)

** Thợ mỏ hay mang theo chim hoàng yến vào hầm mỏ để nếu có khí độc thì con chim sẽ chết trước, cảnh báo cho những người thợ mỏ.*

Trên điện thoại, Claire đang lăm bằm, giọng khó chịu, nói thao thao về Thứ sáu Pitch Khùng điên, về một ông cụ Ý nào đó, và một nhà văn tình cờ biết nói tiếng Ý, và Michael phải ngắt lời, “Claire –” nhưng cô ta thậm chí còn không thèm nghỉ lấy hơi. “Claire –” ông lặp lại, nhưng cô trợ lý quyết không để ông nói.

“Ông cụ người Ý đang tìm một nữ diễn viên hồi xưa, ai đó tên là –” – và Claire thốt ra một cái tên mà trong giây lát khiến ông ngừng thở – “Dee Moray à?”

Đôi chân Michael Deane nhũn ra. Chiếc điện thoại rơi từ tay phải ông lên bàn bếp còn bàn tay trái run rẩy tìm chỗ bám tựa; may mà có phản xạ nhanh kịp thời của Kathy ông mới không đổ gục xuống sàn, không đập đầu xuống bàn bếp và bị cái cột cờ của mình đâm xuyên qua người.

“Michael! Anh không sao chứ?” Kathy hỏi. “Anh lại bị đột quy à?”

Dee Moray.

Vậy những bóng ma là như thế đấy, Michael nghĩ. Không phải những bóng người trắng nhợt ám ảnh mỗi giấc mơ, mà là những cái tên xưa kêu tí tí trên điện thoại.

Ông vẫy tay bảo vợ tránh xa rồi cầm lấy điện thoại trên bàn bếp. “Không phải đột quy đâu Kathy, buông anh ra nào.” Ông cố gắng hít thở. Một người đàn ông hiếm khi hưởng thụ được cả đời. Nhưng đây lại là Michael Deane, với một cột cờ sống dựa vào thuốc men đang quấy rầy bộ pyjama lụa của ông trong nhà bếp một căn hộ trên đồi Hollywood, bám vào một cái điện thoại không dây tí xíu và nói câu nói đã chờ đợi 50 năm: “Đứng yên đó. Tôi tới ngay.”

Ấn tượng đầu tiên mà người ta cảm nhận về Michael Deane là một người đàn ông được nặn ra từ sáp, hay có lẽ là một người được tẩm ướp vôi vữa. Sau chừng đó năm, thật không thể nào có thể lần ra được cái nào là tác động

do mát xa, dưỡng da ở spa, tắm bùn, thẩm mỹ viện, nâng chỗ này, chỉnh chỗ kia, bơm collagen, mông má tại gia, làm nâu da, bơm Botox, xóa mụn, cấy tế bào gốc đã khiến cho người đàn ông 72 tuổi này có được khuôn mặt của một cô bé Philippines 9 tuổi.

Chỉ cần nói rằng mỗi khi có ai đó gặp Michael lần đầu, người ta sẽ há hốc miệng mà nhìn ông chăm chăm, không thể nào không nhìn vào thứ nhẵn nhụi trông na ná khuôn mặt đó. Đôi khi họ nghiêng đầu để có góc nhìn tốt hơn, và Michael hiểu nhầm cái nhìn ghê tởm không chớp đó là do sức cuốn hút, sự tôn trọng, hay nỗi ngạc nhiên khi thấy có người từng này tuổi như ông trông vẫn còn đẹp trai thế, và chính cái hiểu lầm đó càng khiến ông hăm hở hơn trong công cuộc chống lại quá trình lão hóa. Không chỉ là mỗi năm ông lại càng trông trẻ hơn, đó là chuyện bình thường chốn này; mà nó như thể ông đang biến đổi bản thân mình, tiến hóa thành một sinh vật hoàn toàn khác mà không ai tả nổi. Dựa trên diện mạo của ông bây giờ, việc hình dung ra Michael Deane hồi trẻ trông như thế nào 50 năm trước đây ở Ý cũng không khác gì đứng ở phố Wall mà cố hình dung xem địa hình đảo Manhattan ra sao trước khi người Hà Lan đến đây.

Và khi người đàn ông lạ mặt đó lê chân tiến về phía mình, Shane Wheeler không thể nào nhét vào đầu cái ý nghĩ rằng cái người lùn mặt như tranh sơn mài này lại là Michael Deane nổi tiếng. “Đó có phải là –”

“Đúng đấy,” Claire thản nhiên. “Đừng có nhìn chăm chăm nhé.”

Nhưng nói thế cũng giống như ra lệnh cho ai đó cố mà giữ khô người trong một trận mưa bão vậy. Nhất là khi ông đang kéo lê đôi chân thì sự tương phản đó càng hiện ra quá mức, như thể khuôn mặt của một cậu trai được cấy ghép lên thân xác của một cụ già hấp hối. Ông ta ăn mặc cũng lạ nữa, quần pyjama lụa và cái áo khoác len dài quá mông. Nếu Shane không biết đây chính là một trong những nhà sản xuất tên tuổi nhất ở Hollywood thì hẳn anh đã tưởng nhầm đó là một bệnh nhân tâm thần trốn trại.

“Cám ơn đã gọi tôi, Claire.” Michael Deane nói với Claire khi ông đi đến chỗ cô. Ông chỉ tay vào cánh cửa của căn nhà gỗ. “Ông cụ người Ý ở trong đó à?”

“Vâng,” Claire trả lời, “tôi bảo ông ấy chúng ta sẽ trở lại ngay.” Claire chưa bao giờ nghe giọng Michael bàng hoàng như thế; cô cố gắng tưởng tượng xem chuyện gì có thể xảy ra trước đây giữa hai người lại có thể khiến Michael sửng sốt như vậy, khiến Michael phải gọi điện từ xe hơi để yêu cầu Claire và “anh chàng phiên dịch” gặp ông ở ngoài để ông có thể nghỉ ngơi một chút trước khi gặp Pasquale.

“Có ai ngờ sau từng đó năm cơ chứ,” Michael thốt lên. Ông thường nói nhanh lú rú như một tên bụi đời bốn mươi tuổi ráng nói mau cho hết điều định nói. Nhưng bây giờ thì giọng ông như tắc nghẹn, khó chịu – cho dù khuôn mặt ông trông vẫn điềm nhiên hết mức.

Claire tiến lên một bước, nắm lấy tay Michael.

“Ông ổn chứ, Michael?”

“Tôi không sao.” Và chỉ khi đó ông mới nhìn sang Shane. “Anh chắc là anh chàng phiên dịch.”

“À, ừm, tôi đã học một năm ở Florence nên tôi nói được chút tiếng Ý. Nhưng thực ra tôi là một nhà văn. Tôi đến đây để pitch một ý tưởng phim – tôi tên Shane Wheeler.” Trên mặt Michael Deane không có chút biểu hiện nào cho thấy là người đàn ông này có nói được tiếng Anh hay không. “Dù gì đi nữa, rất hân hạnh được gặp ngài, ngài Deane. Tôi rất thích quyển sách của ngài.”

Michael Deane đứng thẳng người lên khi nghe nhắc tới quyển hồi ký mà biên tập viên và người chấp bút của ông đã biến thành một quyển sách vỡ lòng làm-thế-nào-để-pitch-ở-Hollywood. Ông xoay người lại phía Claire. “Chính xác thì ông cụ người Ý đã... nói gì?”

“Như tôi đã nói với ông trên điện thoại,” Claire nói. “Không nhiều lắm.”

Michael Deane lại nhìn Shane như thể là Claire đã bỏ sót vài điều lúc được nghe dịch lại.

“À, ừ,” Shane vừa nói vừa liếc sang Claire, “ông ấy chỉ nói đã gặp ngài năm 1962. Rồi sau đó ông ấy kể cho chúng tôi nghe về cô diễn viên đã đến thị trấn của ông ấy, Dee –”

Michael giơ tay lên ra hiệu ngăn Shane khỏi nói ra toàn bộ cái tên. Rồi ông quay sang chờ nghe Claire nói tiếp, như thế ông có thể tìm ra được vài câu trả lời từ cuộc chạy tiếp sức ngôn từ này.

“Đầu tiên,” Claire nói tiếp, “tôi nghĩ là ông ấy đang pitch một câu chuyện về một nữ diễn viên ở Ý. Ông ấy nói cô ta bị ốm. Và tôi hỏi bệnh gì.”

“Ung thư,” Michael Deane trả lời.

“Đúng thế, ông ấy nói thế.”

Michael Deane gật đầu. “Ông ấy có muốn tiền không?”

“Không thấy ông ấy đã động gì đến chuyện tiền nong. Ông ấy nói muốn tìm người diễn viên này.”

Michael luồn tay vuốt mái tóc hung đã được cấy thêm và sấy kiểu đầy giả tạo của mình. Ông gật đầu hướng về phía căn nhà nhỏ. “Và ông ấy đang ở trong đấy hả?”

“Đúng vậy, tôi đã bảo ông ấy tôi ra đón ngài. Michael, chuyện này là thế nào?”

“Còn là thế nào nữa? Là tất cả mọi thứ.” Ông nhìn Claire từ đầu đến chân. “Cô có biết tài năng thực sự của tôi là gì không Claire?”

Claire không thể hình dung ra được một câu trả lời khả dĩ nào cho một câu hỏi như thế, và may là Michael không đợi cô trả lời.

“Tôi thấy được người ta muốn gì. Kiểu như tôi có cái tia nhìn xuyên thấu được dự vọng của người khác. Thử hỏi một gã anh ta muốn xem gì trên truyền hình và anh ta sẽ nói là tin tức. Opera. Phim nước ngoài. Nhưng để một cái tivi trong nhà anh ta và giờ thì anh ta xem gì? Máy cô thổi kèn và xe cộ đâm nhau. Điều đó phải chăng là cái đất nước này đầy những kẻ suy đồi dối trá? Không. Họ muốn nghĩ là mình muốn coi tin tức và opera. Nhưng đó không phải thứ họ *muốn* đâu.”

“Cái tôi làm là nhìn vào ai đó” – ông ta nhú mắt nhìn lại bộ đồ của Claire lần nữa – “và tôi nhìn thẳng vào dự vọng của họ, vào cái mà họ thực sự mong muốn. Một đạo diễn không chịu nhận việc và nhất nhất cho rằng đó không phải là chuyện tiền bạc, thế là tôi chõng thêm tiền cho anh ta. Một diễn viên nói rằng anh ta muốn làm việc ở Mỹ để gần gũi gia đình, tôi liền

cho anh ta một công việc ở nước ngoài để anh ta có thể tránh xa gia đình mình. Cái khả năng đó đã giúp tôi trụ vững gần 50 năm rồi đấy –”

Ông ta vẫn chưa nói hết. Ông hít một hơi sâu bằng mũi và cười với Shane như thể vừa nhớ ra anh cũng đang đứng ở đó. “Những câu chuyện về việc người ta bán linh hồn mình... anh không thực sự hiểu nó cho đến lúc anh đã già đầu hơn đôi chút.”

Claire sững sờ. Michael chưa bao giờ chia sẻ như thế, chưa bao giờ mô tả bản thân mình là “già” hay “già đầu.” Nếu có điều gì đó đáng kể về Michael, thì cách đây một giờ Claire có thể sẽ nói rằng đó là với một người có một lịch sử như thế, ông ta sẽ không bao giờ nhìn lại, không bao giờ đề cập đến bất kỳ ngôi sao nhỏ mới nổi nào ông ta đã tạo ra hay những bộ phim nào ông ta đã làm, không bao giờ tự vấn lại bản thân, không bao giờ than vãn nền văn hóa đang thay đổi, phim ảnh đã chết hay những thứ mà cô và những người khác ở đây vẫn than thở hằng ngày. Ông ta yêu thích những gì nền văn hóa này yêu thích, sự biến đổi nhanh chóng của nó, những hờ hững bừa bãi, những khiếm khuyết và lệch lạc, những khả năng càng ngày càng nông cạn, hời hợt hơn; với ông, nền văn hóa này chẳng có gì sai trái. Đừng để hoài nghi lẫn át ta, ông luôn nói với cô như thế, hãy tin vào mọi thứ. Ông là một con cá mập liên tục bơi sâu vào nền văn hóa, bơi vào tương lai. Vậy mà giờ ông ở đây, nhìn lơ đãng, như thể ông đang nhìn trực diện vào quá khứ, một người đàn ông bị đánh gục bởi điều gì đó đã xảy ra 50 năm trước. Ông hít tiếp một hơi sâu và gật đầu chỉ về phía căn nhà nhỏ.

“Nào,” ông nói. “Tôi sẵn sàng rồi. Ta đi thôi.”

Pasquale Tursi nheo mắt lại và nhìn chăm chăm Michael Deane. Có đúng là cùng một người không? Bọn họ đang ngồi trong văn phòng của Michael, Michael nhanh chóng ngồi vào phía sau bàn, Pasquale và Shane ngồi trên xô pha, còn Claire ngồi trên một cái ghế cô vừa xách thêm vào. Michael vẫn mặc trên người cái áo khoác nặng nề, khuôn mặt vẫn điềm tĩnh, nhưng ông hơi vắn vẹo và khó chịu trên ghế.

“Rất vui được gặp lại cậu, bạn của tôi,” Michael nói với Pasquale, nhưng nghe thật giả tạo. “Đã lâu lắm rồi đấy.”

Pasquale chỉ gật đầu. Sau đó ông quay sang phía Shane và hỏi nhỏ: “*Stamale?*”*

“Không,” Shane nói và cố nghĩ xem phải nói với Pasquale thế nào việc Michael Deane không ốm mà do đã đi thẩm mỹ và phẫu thuật vô số lần. “*Molto... ừm... ambulatori.*”*

* Ông ấy ốm à? * phẫu thuật rất nhiều

“Cậu bảo gì với ông ấy thế?” Michael hỏi.

“Bác ấy, à... bác ấy nói trông ông rất phong độ và tôi nói là do ông chăm sóc bản thân kỹ.”

Michael cảm ơn anh, rồi sau đó hỏi Shane, “Cậu có thể hỏi liệu có phải ông ấy muốn tiền không?”

Pasquale giật mình khi nghe thấy từ *tiền*. Ông cụ trông hơi phẫn nộ. “Không, tôi đến... để tìm... Dee Moray.”

Michael Deane gật đầu, có vẻ hơi đau đớn. “Tôi không biết giờ bà ấy ở đâu,” ông ta nói. “Tôi xin lỗi.” Rồi ông ta nhìn Claire như tìm kiếm sự giúp đỡ.

“Tôi đã tra tên bà ấy trên Google,” Claire đáp. “Tôi đã thử nhiều cách đánh vần khác nhau, tìm cả trong danh

sách diễn viên phim Cleopatra trên trang dữ liệu phim IMDb cũng chẳng có gì cả.”

“Không,” Michael bậm môi lại. “Thế thì không có đâu. Đó không phải tên thật của bà ấy.” Ông xoa xoa cái gương mặt nhăn nhui của mình một lần nữa, nhìn qua Pasquale rồi lại nhìn Shane. “Cậu vui lòng dịch hộ tôi. Nói với ông ấy rằng tôi xin lỗi về cách cư xử của mình lúc đó.”

“*Lui è dispiaciuto,*”* Shane nói.

Pasquale gật nhẹ, tỏ ý là ông đã hiểu từ đó, chứ không hẳn đã chấp nhận nó. Bất kể điều gì đã xảy ra giữa hai người đàn ông này, Shane nghĩ, thì nó ắt hẳn cũng hằn sâu trong óc họ lắm. Thế rồi có tiếng điện thoại rung và Claire đưa máy lên nghe. Cô trả lời, nói điềm tĩnh vào điện thoại: “Anh phải tự đi kiếm gà lấy đi.”

Cả ba người đàn ông đều quay sang nhìn cô chăm chú. Cô nhấn tắt cuộc gọi. “Xin lỗi,” cô nói rồi định mở miệng giải thích nhưng sau rồi nghĩ lại thì không nên.

Michael lại nhìn về phía Pasquale và Shane. “Nói với ông ấy tôi sẽ tìm bà ấy. Đó là điều tối thiểu tôi có thể làm.”

“*Egli vi aiuterà a... ừm...trovarla **.”

Pasquale lại gật đầu.

“Nói với ông ấy là tôi sẽ lên kế hoạch làm việc này ngay, giúp được ông ấy là một vinh dự cũng là cơ hội cho tôi chuộc lại lỗi lầm để kết thúc cái vòng lẩn quẩn mình đã gây ra nhiều năm trước. Và làm ơn nói với ông ấy rằng tôi chưa từng có ý định làm tổn thương ai cả.”

* Ông ấy xin lỗi. * Ông ấy sẽ giúp ông tìm.

Shane bóp trán, hết nhìn từ Michael rồi sang Claire. “Tôi không chắc có thể dịch hết... ý tôi là... ừm... *Lui vuole fare il bene **.”

“Chỉ thế thôi á?” Claire hỏi lại. “Ông chủ tôi nói tới 50 từ mà anh chỉ dịch lại có 4, 5 từ thế thôi à.”

Shane cảm thấy nhột nhột trước sự chê bai đó. “Tôi đã bảo cô rồi, tôi không phải người phiên dịch. Tôi không biết phải dịch hết câu đó như thế nào nên tôi dịch là bây giờ ông ấy muốn làm điều tốt lành.”

“Không sao, thế được rồi,” Michael đỡ lời. Ông nhìn Shane một cách thích thú và trong một khoảnh khắc Shane tưởng tượng ra mình có thể biến cái công việc dịch thuật này thành một hợp đồng viết kịch bản. “Đó chính xác là những gì tôi muốn làm,” Michael nói tiếp “tôi muốn làm điều tốt. Đúng thế đấy.” Rồi Michael quay về phía Claire. “Chuyện này giờ trở thành ưu tiên hàng đầu của chúng ta rồi đó, Claire.”

* *Bây giờ ông ấy muốn làm điều tốt lành.*

Shane nhìn mọi thứ diễn ra, anh ngạc nhiên và không tin nổi. Mới sáng nay thôi anh còn ngồi trong tầng hầm của cha mẹ mình; giờ thì anh đã ở trong văn phòng của Michael Deane rồi (chính là văn phòng của ông Michael Deane nổi tiếng cơ đấy!) trong khi nhà sản xuất huyền thoại này ra lệnh cho cô trợ lý phát triển của mình. Nói theo lời của nhà tiên tri kiêm viết

viết kịch bản Mamet là *Hãy hành động như thế...* Cứ làm thế đi. Hãy tự tin và thế giới sẽ đáp lại sự tự tin của ta, trao thưởng cho niềm tin của ta.

Michael Deane lôi một cái Rolodex * từ trong ngăn kéo bàn ra và bắt đầu xoay nó trong khi nói chuyện với Claire. “Tôi sẽ nhờ Emmett Byers lo vụ này ngay. Cô có thể đặt phòng khách sạn cho ông Tursi và cậu phiên dịch được chứ?”

** một loại hộp đựng danh thiếp có thể xoay được*

“Nghe này,” Shane Wheeler cất lời, ngạc nhiên vì chính mình, “tôi bảo các vị rồi. Tôi không phải phiên dịch. Tôi là nhà văn.”

Tất cả mọi người đều quay lại nhìn cậu, và trong một khoảnh khắc Shane hồ nghi cả sự quả quyết của mình, anh nhớ lại thời kỳ tăm tối mà anh vừa thoát ra. Trước đó, Shane Wheeler luôn biết rằng mình là người luôn hướng đến những điều vĩ đại. Tất cả mọi người đều bảo anh thế – không chỉ cha mẹ anh, cả những người lạ cũng bảo vậy – và vì anh cũng không ăn chơi đàn đúm gì ở trường đại học, ở châu Âu, và trường cao học (tất cả đều nhờ vào tiền của cha mẹ, Sandra đã chỉ rõ ra cho anh như thế), nên trước đó anh không hề mảy may nghi ngờ rằng mình nhất định sẽ thành công.

Nhưng trong lúc cuộc hôn nhân ngắn ngủi của anh tan vỡ, Sandra (và người tư vấn hôn nhân gắt gỏng bênh cô ta rõ ràng rành rành) lại mở mắt cho anh thấy một mẫu hình hoàn toàn khác: một cậu bé mà cha mẹ chưa bao giờ từ chối bất kỳ điều gì, chưa từng đòi hỏi con mình phải làm việc nhà hay phải đi kiếm việc làm, luôn can thiệp mỗi khi anh gặp rắc rối (Đơn cử: vụ rắc rối với cảnh sát Mexico hồi mùa xuân), luôn ủng hộ anh về mặt tài chính kể cả khi không cần thiết. Anh đó, 30 tuổi và chưa từng có một công việc nào cho ra hồn. Anh đó, tốt nghiệp đại học 7 năm, tốt nghiệp cao học 2 năm, đã lập gia đình, vậy mà tháng nào mẹ cũng gửi tiền cho may quần áo? (*Mẹ thích mua đồ cho anh, Shane cãi. Nếu bắt bà ngừng lại thì ác quá.*)

Và trong tháng cuối cùng bi đát của cuộc hôn nhân – nó giống như một sự mổ xẻ bản lĩnh đàn ông của anh hơn – Sandra đã cố làm anh cảm thấy “khá” hơn bằng cách kiên quyết cho rằng điều đó không phải hoàn toàn do lỗi của anh; anh chỉ là một phần trong cả một thế hệ thanh niên trai trẻ bị

cha mẹ – mà nhất là bà mẹ – ủ kỹ quá thành ra vô tích sự, được nuôi dạy bằng lòng tự trọng tự gán cho bản thân, trong cái bong bóng được yêu chiều quá đáng, trong cái lồng ấp đầy những thành tích giả tạo.

Những thằng đàn ông như anh có bao giờ phải tranh đấu cái gì, thế nên anh chẳng có tinh thần mạnh mẽ, cô vợ nói. Những thằng đàn ông như anh lớn lên yếu đuối ủy mị, cô ta nói. Những thằng đàn ông như anh chỉ là những thằng oắt con còn ngậm ti mẹ.

Và điều tiếp theo mà thằng oắt Shane ngậm ti mẹ ấy làm chỉ càng chứng minh thêm cho những gì cô ta nói: sau một cuộc cãi vã nảy lửa, khi Sandra đã đi làm, anh liền bỏ ra ngoài, lấy chiếc xe hơi họ góp tiền mua chung và lái thẳng tới Costa Rica tính làm công ở một đồn điền cà phê mà anh nghe bạn bè kể lại. Nhưng cái xe chết máy ở Mexico, không tiền không xe, Shane đành bay về lại Portland và dọn về sống với cha mẹ.

Kể từ đó, anh ngời hối hận vì hành vi của mình và đã xin lỗi Sandra, thậm chí lâu lâu gửi cho cô ngân phiếu trả một phần tiền xe cô góp mua (mà hầu hết số tiền đó là tiền ông bà anh tặng sinh nhật) và hứa hẹn với cô sẽ sớm trả hết tiền cho cô.

Điều đau xót nhất về bài diễn văn oắt con ngậm ti mẹ của Sandra (khi mà anh ngẫm nghĩ về nó) không nằm ở chỗ nó nói lên sự thật, mà điều này không thể chối cãi. Đúng, cô đã đúng; anh có thể thấy được điều đó. Nhưng điều khủng khiếp là anh đã không thấy được điều đó *trước đây*. Khi Sandra nói một cách ngờ vực: Em nghĩ anh thực sự tin vào mấy thứ bốc mùi đó. Và đúng là anh đã tin. Anh thực sự đã tin vào mấy thứ bốc mùi của mình. Và giờ đây, khi cô đã phá tan tành mấy thứ đó... thì anh thực sự không còn tin vào chúng nữa.

Trong mấy tháng đầu tiên sau cuộc ly dị, Shane cảm thấy trống rỗng và cô đơn một cách bẽ bàng. Không còn niềm tin xưa cũ về tài năng nở muện của mình để bầu vú, Shane mất phương hướng, trôi dạt đi và chìm vào đáy sâu của sự sầu não.

Đó chính là lý do tại sao – giờ thì anh đã nhận ra – anh phải tận dụng hết mức cơ hội thứ hai này, phải thể hiện và chứng minh rằng HÀNH ĐỘNG

không đơn giản chỉ là một phương châm sống hay một hình xăm, một ảo tưởng con nít, mà nó là chân lý. Anh không phải thằng oắt con ngậm ti mẹ. Anh là một con bò đực, một người đàn ông đã chín chắn, một người chiến thắng.

Nên trong văn phòng Hãng sản xuất Michael Deane nơi căn nhà gỗ thuộc về hãng phim, Shane hít một hơi sâu, nhìn từ Claire Silver sang Michael Deane rồi ngược lại, và với mọi sự tự tin ngày xưa được truyền cảm hứng từ ông biên kịch Mamet, anh nói: “Tôi đến đây để pitch một bộ phim. Và tôi sẽ không dịch thêm một từ nào hết cho đến khi các vị nghe bài pitch đó.”

BÍCH HỌA HANG ĐỘNG

Tháng 4 1962

Porto Vergogna, nước Ý

Con đường mòn nhỏ hẹp ấy được tạc vào mặt vách đá như những hoa văn trang trí viền xung quanh một chiếc bánh cưới, trên gờ đá dốc đằng sau làng có một chuỗi những con đường núi ngoằn nghèo như vậy. Pasquale bước cẩn thận dọc theo con đường mòn mà đàn dê vẫn đi lại xưa kia, liên tục ngoảnh ra sau để xem xem Dee có theo kịp không. Đoạn đường lên gần đỉnh đã bị những cơn mưa mùa đông nặng hạt xói mòn hết, thế là lúc đến đoạn không còn đường mòn nữa mà chỉ còn toàn đá thì Pasquale đưa tay ra nắm lấy bàn tay ấm của Dee. Ở chỗ ngoặt cuối là một bụi cam nhỏ được trồng trên mặt đá – sáu thân cây đầy mấu, ba cây một hàng được cột dây để gắn chặt trên vách đá giúp chúng không bị thổi bạt sang một bên. “Còn một chút xíu nữa là tới,” Pasquale nói.

“Tôi không sao đâu,” cô gái đáp lại, và họ đi tiếp quãng đường cuối, giờ thì đỉnh vách đá đã ở ngay trên đầu họ, còn phía dưới mấy chục mét chính là Porto Vergogna đang nhô ra từ vách đá.

“Cô không khỏe hả? Dừng hay đi tiếp?” Pasquale hơi ngoảnh lại hỏi. Cậu đang quen dần lại với việc nói tiếng Anh.

“Không, ta cứ đi tiếp. Ra ngoài đi bộ cũng tốt.”

Cuối cùng họ cũng trèo lên được đỉnh vách đá và đứng ngay ở gờ đá phía trên ngôi làng, dưới chân họ là đoạn dốc thẳng đứng – gió thổi mạnh, biển dậy sóng, bọt trắng cuộn lên rồi dội xuống những phiến đá bên dưới.

Dee đứng gần mép đá, trông cô mong manh tới nỗi Pasquale cảm thấy như mình phải chụp cô lại kẻo gió thổi bay đi mất. “Sống động quá, Pasquale à,” cô thốt lên. Bầu trời như mờ mịt sau làn mây tối, xanh bàng bạc trên nền biển sẫm dần.

Trên đỉnh vách đá, những con đường mòn tỏa ra vòng vèo như mạng nhện trên khắp các quả đồi. Cậu chỉ tay lên một con đường nhỏ về phía tây bắc, hướng lên vùng đất dọc bờ biển. “Hướng này, Ngũ Thổ.” Rồi cậu lại chỉ ra hướng đông, phía sau họ, qua những quả đồi hướng về phía vịnh. “Hướng này, Spezia.” Cuối cùng, cậu quay người về phía nam và chỉ cho cô con đường mòn mà họ chuẩn bị đi; nó được đục đẽo vào những quả đồi khoảng một cây số nữa trước khi thấp dần xuống phía thung lũng hẻo lánh hiểm trở dọc đường bờ biển. “Portovenere phía này. Lúc đầu dễ, rồi khó đi. Từ Venere chỉ có lối cho dê đi.”

Cô gái đi theo sau Pasquale ở đoạn đường dễ, đó là một loạt những khúc cua ngoặt lên rồi ngoặt xuống những con đường dốc đứng. Những vách đá này khi chạm đến phía biển đã bị đường bờ biển cắt vào lờm chờm nhưng ở trên đỉnh này thì địa hình dễ đi hơn. Tuy thế, có vài lần Dee và Pasquale vẫn phải bám lấy những cây dại và dây leo để đi xuống những quả đồi dốc rồi lại leo lên những khe nứt sắc nhọn. Ở trên một đỉnh đồi đá nhỏ, Dee dừng lại trước một nền đá cũ, đó là tàn tích từ thời La Mã đã bị thời tiết và mưa gió mài tròn lại trông như một bộ răng người già.

“Đây là gì?” cô chỉ và gạt những bụi cây ra xa khỏi phiến đá nhẵn.

Pasquale nhún vai. Đã cả ngàn năm nay quân đội dùng những địa điểm này để quan sát ra phía biển; trên này có nhiều phế tích tới nỗi Pasquale giờ chẳng còn để ý tới chúng nữa. Đôi khi sự đổ nát của những đồn bốt này khiến cho cậu buồn nản khi nghĩ rằng cả một đế chế mà giờ chỉ còn sót lại có thể này, thế thì một thằng đàn ông như cậu liệu để lại được gì? Một bãi biển chẳng? Hay một cái sân quần vợt nhô ra từ vách đá?

“Đến đây,” cậu gọi, “chỉ còn một chút nữa.

Họ đi thêm khoảng 50 thước nữa rồi Pasquale chỉ ra chỗ mà con đường mòn dọc theo sườn núi bắt đầu đổ xuống chỗ vách đá hướng về Portovenere

vẫn còn cách đây hơn một cây số. Sau đó, nắm lấy tay Dee, Pasquale dẫn cô ra khỏi con đường và hai người bắt đầu trườn lên những bờ đá, gạt những bụi cây sang một bên, và khi nhô đầu lên họ thấy đường bờ biển tỏa về hai hướng đẹp đến sững sờ. Dee há hốc. “Đến đây,” Pasquale lại nói, và cậu hạ thấp người xuống trên một thềm đá. Sau một chút chần chừ, Dee cũng đi theo và họ đã đến được nơi mà cậu muốn chỉ cho cô – một mái vòm bê tông nhỏ cùng màu với đá viên và đá tảng xung quanh. Chỉ có sự cân xứng của mái vòm cộng với ba cửa sổ hình chữ nhật dài để đặt ụ súng mới tiết lộ cho người ta biết rằng đây là thứ do con người tạo ra: một công sự pháo ngầm bị bỏ lại từ thời Thế chiến thứ hai.

Pasquale giúp cô gái leo lên đỉnh công sự, gió nhảy múa trên mái tóc cô. “Cái này là từ thời chiến tranh à?” cô hỏi.

“Đúng thế,” Pasquale trả lời. “Mấy chỗ này đều cho chiến tranh. Là để nhìn thuyền.”

“Thế có bắn nhau ở đây không?”

“Không.” Pasquale vẫy tay về phía vách đá phía sau họ. “Nó quá...” Cậu nhăn mặt lại. Cậu muốn dùng từ “cô đơn” nữa, nhưng có vẻ không hợp lắm. “*Isolato?*” cậu hỏi bằng tiếng Ý.

“Biệt lập?”

“Sì, đúng thế.” Pasquale mỉm cười. “Chiến tranh duy nhất ở đây là bọn trẻ con chơi bắn thuyền.” Bê tông dùng để làm công sự này đã được đổ vào giữa những tảng đá phía sau nó, thế nên ở trên nhìn xuống không thấy được mà phía dưới nhìn lên thì trông nó cũng y như những tảng đá khác. Công sự này nhô ra phía trên gờ vách núi, có ba lỗ châu mai – bên trong là một ụ súng có thể quan sát được 280 độ hướng từ phía vùng vịnh nhỏ lờm chờm của Porto Vergogna cho tới phía tây bắc, ngoài vùng đó ra là bờ biển đầy đá và những vách núi cheo leo đằng sau Riomaggiore, ngôi làng cuối cùng của vùng Ngũ Thổ. Thoai thoải về phía nam những ngọn núi này là đến làng Portovenere, sau đó là đến vùng Đảo Palmaria. Ở cả hai phía biển đều tung bọt trắng lên những bờ đá, và các vách núi dốc đứng vươn lên trên đó với những cây thông xanh rách tả tơi, vài bụi cây ăn quả, và những luống nho

đặc trưng vùng Ngũ Thổ này. Cha Pasquale từng kể những người cổ đại tin rằng vùng duyên hải này chính là nơi tận cùng của thế giới phẳng.

“Đẹp tuyệt vời,” cô gái thốt lên khi đứng trên đỉnh công sự bỏ hoang.

Pasquale cảm thấy hài lòng khi cô gái thích nó. “Là một nơi thích hợp để suy nghĩ, nhỉ?”

Cô mỉm cười với cậu. “Thế anh đã suy nghĩ gì ở trên này, Pasquale?”

Thật là một câu hỏi kỳ lạ, cái chỗ này có gì để mà phải nghĩ tới? Khi còn nhỏ cậu ngồi trên này và tưởng tượng ra phần còn lại của thế giới. Giờ thì hầu như cậu chỉ nghĩ đến mỗi tình đầu của mình, Amedea, người mà cậu đã bỏ lại ở Florence; cậu nhớ lại ngày cuối họ bên nhau và tự hỏi liệu mình có thể nói điều gì khác lúc đó được không. Nhưng thỉnh thoảng, những suy nghĩ của cậu ở trên này lại chạy theo một trình tự khác, nó là những suy nghĩ về thời gian và vị trí của cậu trên thế giới này – những suy nghĩ to tát và lặng lẽ, khó diễn đạt bằng lời, kể cả bằng tiếng Ý chứ đừng nói đến tiếng Anh. Ấy vậy mà cậu vẫn muốn thử. “Tôi nghĩ... tất cả mọi người trên thế giới... và tôi là người duy nhất, nhỉ?” Pasquale cất lời. “Và đôi khi tôi thấy mặt trăng ở đây... à, là cho tất cả mọi người... tất cả mọi người đều nhìn một mặt trăng. Nhỉ? Ở đây, Florence, nước Mỹ. Tất cả mọi người, mọi lúc, cùng một mặt trăng, nhỉ?” Cậu như thấy Amedea xinh đẹp đang ngấm mặt trăng từ khung cửa sổ nhỏ tại ngôi nhà của gia đình nàng ở Florence. “Đôi khi, cùng mặt trăng này, là tốt. Nhưng đôi khi... buồn thêm. Nhỉ?”

Cô gái nhìn cậu chăm chú một hồi và khi hiểu ra, cô nói: “À, tôi cũng nghĩ thế đấy.” Cô giơ tay ra, nắm lấy tay cậu.

Miệng cậu đã khô lại vì ráng nói bằng tiếng Anh, nhưng rất thỏa mãn vì đã truyền đạt được một điều thật trừu tượng và riêng tư như vậy cho cô sau hai ngày chỉ quanh đi quẩn lại *Phòng cô thế nào?* và Xút nữa chứ?

Dee nhìn lên phía vùng bờ biển; Pasquale biết rằng cô đang trông đợi thuyền của Orenzio và cậu trấn an cô là họ có thể thấy được thuyền từ đây. Cô ngồi bó gối nhìn đăm đăm về phía đông bắc, nơi đất đai màu mỡ hơn xứ Porto Vergogna sỏi đá này và những vách núi thoai thoải nơi đó cũng chẳng chịt những luống nho.

Pasquale lại chỉ tay xuống phía làng cậu. “Cô có thấy chỗ đá đó không? Tôi đang xây một sân quần vợt ở đó.”

Cô gái ngơ ngác. “Ở đâu cơ?”

“Đó kìa.” Bọn họ đã leo tiếp và đi được khoảng nửa cây số xuống phía nam nên cậu có thể chỉ ra được khu bờ đá phía ngoài ngôi làng. “Sẽ là quần vợt *đầu tiên*.”

“Chờ đã. Anh đang xây sân quần vợt... trên vách núi đá?”

“Để làm cho khách sạn của tôi thành *điểm đến chính*, nhì? Rất sang trọng.”

“Tôi nghĩ mình vẫn chưa thấy được nơi anh định xây sân quần vợt.”

Cậu cúi sát xuống cô và dang một tay ra xa chỉ hướng, còn cô gái ép má vào vai cậu và nhìn xuống phía tay cậu đang chỉ để chắc là cô đang nhìn đúng chỗ. Một dòng điện như chạy qua nơi má cô chạm vào làm nhói vai cậu, khiến Pasquale thở gấp hơn. Cậu cứ tưởng là sau những bài học tình yêu của Amedea thì cái sự run rẩy mà cậu hay cảm thấy lúc ở gần phụ nữ đã mất rồi, ấy thế mà giờ đây cậu lại đang run lập cập như một đứa trẻ con.

Cô gái hoài nghi: “Anh đang xây một sân quần vợt ở chỗ đó?”

“Đúng thế. Tôi khiến cho chỗ đá đó... bằng phẳng.” Rồi cậu nhớ ra cái từ tiếng Anh đó. “San bằng, nhì? Sẽ rất là nổi tiếng, quần vợt tốt nhất ở Levante này, sân *numero uno* * nhô lên từ biển.”

* *Số một*

“Nhưng chẳng phải những trái bóng quần vợt sẽ... bay ra ngoài sân sao?”

Cậu hết nhìn sang cô rồi lại nhìn sang khu bờ đá, tự hỏi không biết cô có biết chơi môn này không. “Không. Người chơi đánh bóng chứ.” Cậu đưa tay về hai phía. “Ở phía này và phía này.”

“Đúng, nhưng khi họ đánh hụt –”

Cậu nhìn cô gái chăm chăm.

“Anh có từng chơi quần vợt bao giờ chưa Pasquale?”

Thể thao, thật là một chủ đề nhạy cảm. Cho dù Pasquale là thành viên cao ráo trong gia đình, hơn mét tám, nhưng từ nhỏ đến lớn ở Porto Vergogna này

cậu chưa từng chơi môn thể thao nào; trong một khoảng thời gian dài sự xấu hổ đó luôn làm cậu bất an. “Tôi đã xem nhiều tranh ảnh,” cậu nói, “và tôi lấy số liệu từ sách.”

“Khi người chơi bên phía biển đánh hụt... chẳng phải trái bóng sẽ bay thẳng ra biển sao?”

Pasquale xoa xoa cằm ngẫm nghĩ.

Cô gái mỉm cười. “Hay là anh có thể dựng hàng rào cao.”

Pasquale nhìn đăm chiêu ra biển, tưởng tượng ra đầy những trái bóng quần vợt nổi lềnh bềnh trên mặt nước. “Đúng thế,” cậu nói. “Một cái hàng rào... đúng. Dĩ nhiên.” Cậu thật là khờ khạo.

“Tôi chắc đó sẽ là một sân quần vợt đẹp tuyệt,” cô nói và quay lại nhìn biển.

Pasquale nhìn những đường nét góc cạnh trên gương mặt Dee, cơn gió đang thổi rũ mái tóc cô. “Người đàn ông đến hôm nay, cô yêu ông ấy?” Cậu bất ngờ khi thấy chính mình dám hỏi thế, nên khi cô gái quay người lại Pasquale vội nhìn xuống đất. “Tôi hy vọng... tôi hỏi chuyện này không sao.”

“Ồ, không sao.” Cô gái hít một hơi sâu rồi thở hắt ra. “Thật không may, tôi lại yêu anh ấy, đúng vậy đấy. Mà lẽ ra tôi không nên. Anh ấy không phải là người phù hợp để yêu.”

“Và... ông ấy cũng yêu?”

“Ồ, có chứ,” cô nói. “Anh ấy cũng yêu bản thân mình nữa.”

Phải mất một giây Pasquale mới hiểu ra, nhưng cậu thích thú với câu đùa của cô. Cậu à lên một tiếng. “Vui nhỉ.”

Một cơn gió khác lại lật tung những ngọn tóc của Dee lên và cô lấy tay ép chúng lại sát đầu. “Pasquale, tôi đã đọc câu chuyện tôi tìm thấy trong phòng, của nhà văn người Mỹ.”

“Quyển sách... hay, nhỉ?” Mẹ của Pasquale không thích Alvis Bender như cha cậu và cậu. Bà bảo, nếu là một nhà văn có tài đến thế, thì sao 8 năm trời mà anh ta chỉ viết được mỗi một chương?

“Một câu chuyện buồn,” Dee trả lời rồi đặt bàn tay lên ngực. Pasquale không thể ngoảnh mặt đi trước cảnh những ngón tay nuột nà đó đang dang

ra che lấy ngực Dee.

“Tôi rất tiếc” cậu hăng giọng, “cô lại tìm thấy câu chuyện buồn này trong khách sạn của tôi.”

“Ồ không, chuyện rất hay,” cô chữa lời. “Sự tuyệt vọng trong câu chuyện đó chính ra lại làm tôi bớt cô đơn hơn trong sự tuyệt vọng của bản thân mình. Điều đó nghe có hợp lý không?”

Pasquale ngúc ngắc đầu.

“Bộ phim mà tôi đang tham gia ấy, Cleopatra, nó nói đến việc một tình yêu gượng ép có thể hủy diệt ta ra sao.

Mà có lẽ câu chuyện nào cũng đều nói về chuyện đó.” Rồi cô hạ bàn tay đang đặt trên ngực xuống. “Pasquale này, anh đã từng yêu ai chưa?”

Cậu trả lời ngần ngại: “Rồi.”

“Tên cô ấy là gì?”

“Amedea,” cậu trả lời và tự hỏi đã bao lâu rồi mình không thốt ra cái tên Amedea này, và cậu lấy làm ngạc nhiên trước sức mạnh mà nó mang lại, cái tên đơn giản đó.

“Cậu vẫn còn yêu cô gái ấy chứ?”

Trong những điều khó khăn khi phải diễn đạt bằng một ngôn ngữ khác thì đây là điều khó nói nhất. “Vẫn còn,” cuối cùng Pasquale cũng trả lời.

“Vậy tại sao cậu không đến với cô ấy?”

Pasquale thở hắt ra, ngạc nhiên khi thấy có cơn đau nhói lên ở dưới sườn mình. Cuối cùng cậu chỉ trả lời: “Không đơn giản, nhỉ?”

“Không hề,” cô đáp lại rồi nhìn lên cuộn mây trắng dày đang bắt đầu kết thành chuỗi xa xa nơi chân trời. “Không đơn giản.”

“Lại đây, xem một thứ nữa thôi.” Pasquale tiến tới chỗ góc xa đoạn tiếp giáp giữa công sự với vách đá lởm chởm. Cậu gạt các nhánh cây và đá sỏi sang một bên làm lộ ra một cái hố hẹp hình chữ nhật. Cậu co người lại và tụt xuống dưới. Khi nửa phần thân đã xuống, cậu nhìn lên phía trên và vẫn chưa thấy Dee có động tĩnh gì. “An toàn lắm,” cậu trấn an, “Không sao đâu, xuống đây.”

Cậu thả người nhảy vào bên trong công sự, và chỉ chút sau Dee Moray cũng co người lại chui qua lỗ hẹp và nhảy xuống phía bên cạnh cậu.

Bên trong trời rất tối, không khí có mùi ẩm mốc, và ở các chỗ góc cua họ đều phải đi lom khom để tránh đụng đầu vào trần bê tông. Ánh sáng duy nhất ở nơi này được chiếu vào từ ba lỗ châu mai, và vào lúc sáng sớm thế này, chúng đang chiếu những hình chữ nhật méo mó lên sàn công sự. “Nhìn xem,” Pasquale gọi và cậu lôi một hộp diêm trong túi ra, đánh một que diêm và giơ nó sát vào một trong những bức tường bê tông ở phía sau công sự.

Dee bước về phía ánh diêm lập lòe. Trên bức tường cuối công sự toàn là các bức tranh. Năm bức bích họa được vẽ hoàn hảo lên bê tông, bức này nối tiếp bức khác như thể một phòng triển lãm thô sơ. Pasquale đánh một que diêm khác lên đưa cho cô gái, cô tiến gần hơn đến chỗ bức tường. Người nghệ sĩ còn vẽ cả những cái khung gỗ trông như thật bao quanh các bức tranh nữa, và cho dù chúng được vẽ trên bê tông, nước sơn đã mờ và nứt nẻ thì người ta vẫn thấy được tài năng của người họa sĩ. Bức tranh đầu tiên tả cảnh biển – chính cái bờ biển gồ ghề ngay phía dưới công sự này, những con sóng đánh tung bọt lên đá, Porto Vergogna chỉ còn là một nhúm mây nóc nhà ở phía phải bức tranh. Tiếp theo là hai bức chân dung nghiêm nghị của hai người lính Đức. Cuối cùng là hai bức chân dung giống hệt nhau của một cô gái trẻ. Năm tháng và gió mưa có lẽ đã làm giảm vẻ sống động ban đầu của những bức tranh, khiến chúng mờ đục ít nhiều, một dòng nước rỉ qua công sự đã làm hư hỏng bức cảnh biển, một vết nứt lớn đã xé đôi một bức chân dung người lính, còn bức tranh thiếu nữ đầu tiên bị rạn mất một góc. Nhưng nói chung là những tác phẩm nghệ thuật ở đây vẫn còn được lưu giữ khá tốt.

“Lát nữa, mặt trời, nó sẽ chiếu qua những ô cửa sổ này.” Pasquale chỉ vào những lỗ châu mai trên tường công sự. “Làm cho những bức tranh này... sống động. Cô thiếu nữ, cô ấy *molto bella* *, nhi?”

* rất đẹp

Dee há miệng nhìn cậu ngạc nhiên rồi mới nói: “À, đúng thế.” Que diêm của cô đã tắt, Pasquale lại đánh một que nữa. Cậu đặt tay lên vai Dee và chỉ

vào hai bức tranh chính giữa vẽ hai người lính. “Những người ngư dân kể rằng hai người Đức này sống ở đây thời chiến, để canh biển, nhỉ? Một trong hai người đã vẽ bức tranh trên tường này.”

Cô bước đến gần hơn để ngắm những bức chân dung người lính – một cậu trai trẻ, cằm lẹm, đầu ngẩng cao đầy tự hào, mắt nhìn sang một phía, áo quân phục cài cúc cao tận cằm; người còn lại trông già hơn vài tuổi, áo sơ mi mở cổ, trông như đang nhìn thẳng từ trong tường ra ngoài – và cho dù màu vẽ đã mờ trên bê tông thì ta vẫn nhận rõ một cái nhìn đăm chiêu không lẫn vào đâu được trên khuôn mặt ấy. “Đây chính là người họa sĩ,” cô nói khẽ.

Pasquale cúi người nhìn sát hơn: “Làm sao cô biết?”

“Người này trông giống nghệ sĩ. Hơn nữa anh ta đang nhìn vào chúng ta. Anh ta hẳn đã phải nhìn vào gương để vẽ khuôn mặt mình.”

Dee quay người lại, bước tới vài bước để nhìn qua lỗ châu mai ra mặt biển phía dưới. Rồi cô lại hướng về phía những bức tranh. “Thật đẹp, Pasquale à, cảm ơn anh.” Cô đưa tay bịt môi như thể sắp khóc rồi quay sang phía cậu. “Cứ thử tưởng tượng mình là người họa sĩ này, đang ngồi nơi đây vẽ nên những tuyệt tác... mà sẽ không có ai ngắm. Điều đó mới buồn làm sao.”

Cô lại quay người hướng về phía bức tường vẽ tranh. Pasquale đánh một que diêm khác đưa cô, thế là cô lại bước xuống chỗ bức tường lần nữa... biển dậy sóng trên những tảng đá, hai người lính, và cuối cùng là hai bức tranh cùng một cô gái – cô đang ngồi xoay nghiêng hơn nửa người, được vẽ từ eo lên, kiểu vẽ chân dung cổ điển. Dee dừng lại trước hai bức tranh cuối cùng này. Pasquale trước giờ đều cho rằng hai bức tranh thiếu nữ này giống hệt nhau, nhưng Dee lại nói: “Nhìn này. Bức tranh này có vẻ không giống lắm. Anh ta đã sửa nó. Tôi đoán chắc là vẽ ra từ một tấm hình chụp.” Pasquale bước đến bên cạnh cô. Dee chỉ ra cho cậu: “Trong bức này, mũi cô gái hơi quá nhọn, mắt lại sắc nữa.” Đúng thế, Pasquale cũng đã nhận ra, cô nói đúng.

“Anh ta hẳn phải yêu cô ấy lắm.” Cô nói.

Cô xoay người, và trong ánh lửa sáng lập lòe từ que diêm Pasquale tưởng như mình thấy mắt cô ngấn nước.

“Anh có nghĩ anh ta sẽ về được nhà để gặp lại cô ấy không?”

Cô gái và cậu đang ở gần nhau tới mức tưởng như hôn nhau được. “Có chứ,” Pasquale thì thầm. “Anh ta sẽ gặp lại cô ấy.”

Vẫn đang khom người trong công sự chật hẹp, Dee thối tắt que diêm rồi bước đến ôm lấy cậu. Trong bóng tối, cô thì thầm: “Chúa ơi, tôi cũng mong thế.”

Đã bốn giờ sáng và Pasquale vẫn còn đang nghĩ về khoảnh khắc họ ở trong công sự tối om. Lúc đó cậu có nên hôn cô? Cậu mới chỉ hôn duy nhất một người phụ nữ khác trong đời, Amedea, mà đúng ra là Amedea hôn cậu trước. Có lẽ lúc đó cậu đã đánh bạo hôn cô nếu như không phải cảm giác nhục nhã vạ cái sân quần vợt vẫn đeo bám cậu. Sao đến tận lúc ấy cậu vẫn không nghĩ ra được chuyện trái bóng sẽ bay ra khỏi sân cơ chứ? Có lẽ là bởi trong những bức hình chụp cậu đã xem chẳng có bức nào chụp cảnh mấy người chơi đánh hụt cả. Tuy thế, cậu vẫn thấy mình ấu trĩ quá, cứ ngỡ quần vợt chỉ là một thứ gì đó mang tính trang trí, có lẽ từ trước tới giờ cái cậu muốn không phải một sân quần vợt mà là một bức tranh vẽ cái sân đó. Rõ ràng, nếu như không có hàng rào thì ngay chính những người chơi cũng có thể chạy lối ra khỏi sân, ngã ra khỏi vách núi và rơi xuống biển. Dee Moray nói đúng. Dựng một cái rào cao thì có khó gì, nhưng một cái rào cao sẽ làm hỏng mất viễn cảnh mà cậu vẫn tưởng tượng về một cái sân phẳng phiu lơ lửng trên biển, nhô ra từ những vách đá, một cái sân bằng phẳng đầy những người chơi mặc đồ trắng tinh, những quý bà ngồi nhấm nháp đồ uống dưới những tán dù. Nếu phải ngồi sau hàng rào thì làm sao những người đi thuyền phía dưới có thể trông thấy họ được. Hàng rào mắt cáo thì chắc chắn những người chơi sẽ không thấy được cảnh biển và trông sẽ rất xấu, như nhà tù vậy. Ai lại muốn một cái sân quần *brutto* * chứ?

* *Xấu xí*

Đêm hôm đó, người đàn ông Dee ngóng trông đã không tới, và Pasquale cảm thấy mình phần nào cũng chịu trách nhiệm, như thể cái ước muốn nho

nhỏ cho kẻ đó chết chìm của cậu đã biến thành hẳn một lời nguyện cầu và trở thành sự thực. Dee Moray đã quay lên phòng cô lúc trời nhá nhem tối và đến sáng sớm thì lại ốm một trận kịch liệt nữa, chỉ có thể bước ra khỏi giường để nôn. Khi bụng dạ trống rỗng, cô chảy cả nước mắt, lưng cong lại, cô thở nhanh rồi ngồi sụp xuống sàn. Cô không muốn Pasquale thấy cảnh mình nôn thốc nôn tháo, nên cậu chỉ ngồi ngoài hành lang, đưa tay qua khe cửa để nắm lấy tay cô. Pasquale có thể nghe rõ tiếng bà dì mình đi tới đi lui ở tầng dưới.

Dee hít một hơi dài. “Kể chuyện tôi nghe đi, Pasquale. Chuyện gì xảy ra khi người họa sĩ đã về lại với cô gái của anh ta?” “Họ cưới nhau và sinh được 50 đứa con.”

“50?”

“Có lẽ sáu đứa là cùng. Anh ta trở thành họa sĩ danh tiếng và cứ mỗi khi vẽ nữ giới, anh ta lại vẽ vợ mình.”

Dee Moray lại nôn nữa, và khi cất lời được, cô nói: “Anh ấy sẽ không đến, đúng không?” Vừa gằn gỏi vừa kỳ lạ khi tay họ đang nắm lấy nhau nhưng cả người lẫn đầu lại ở hai phòng khác nhau. Họ có thể nói chuyện. Họ có thể nắm tay. Nhưng họ không thể nhìn mặt nhau.

“Ông ấy sẽ đến,” Pasquale trấn an cô.

Cô thì thầm: “Làm sao anh biết, Pasquale?”

“Tôi biết chứ.”

“Nhưng làm thế nào?”

Cậu nhắm mắt lại, tập trung tìm cách diễn đạt bằng tiếng Anh rồi nghiêng sang cô thì thầm: “Vì nếu có người như cô chờ tôi... thì tôi có thể bò lê từ Rome qua đây cũng được.”

Cô xiết chặt tay cậu và lại nôn nữa.

Đến hết ngày hôm đó, người đàn ông kia vẫn không đến. Và cho dù rất muốn giữ Dee Moray cho riêng mình thì Pasquale cũng bắt đầu thấy bức bối. Cái loại đàn ông gì lại đưa một phụ nữ ốm yếu đến làng chài xa xôi này rồi bỏ mặc cô ta ở đây? Cậu đã nghĩ đến việc đi đến La Spezia và gọi điện

cho khách sạn Grand, nhưng cậu lại muốn nhìn tận mặt gã đàn ông lạnh lùng này.

“Hôm nay tôi sẽ đi Rome,” cậu bảo cô.

“Đừng, Pasquale. Không sao đâu. Để khi khỏe lên tôi tự đi Thụy Sĩ được. Có khi anh ấy để lại cho tôi lời nhắn ở đây cũng nên.”

“Đằng nào tôi cũng có việc phải đi Rome,” cậu nói dối. “Tiện thể tôi sẽ tìm ông Michael Deane này và nhắn với ông ấy cô đang chờ ở đây.”

Cô nhìn lơ đãng một lát rồi mỉm cười: “Cám ơn anh, Pasquale.”

Cậu căn dặn tỉ mỉ bà dì Valeria cách chăm sóc cô gái người Mỹ: cứ để cô ngủ và đừng bắt cô ấy ăn món cô không thích, đừng lên lớp cô vụ bộ đồ ngủ hở hang. Nếu bệnh cô trở nặng hãy mời bác sĩ Merlonghi đến. Rồi cậu ngó qua xem mẹ mình ra sao, bà vẫn đang thức đợi cậu.

“Mai con lại về, Mamma ạ,” cậu nói.

“Điều đó sẽ tốt cho con,” mẹ cậu bảo, “Sinh con đẻ cái với một người phụ nữ cao khỏe, lại nở nang thế.”

Cậu nhờ Tommaso lái tàu chở cậu tới La Spezia để từ đó bắt tàu đến Florence, sau đó sẽ qua Rome nạt vào mặt Michael Deane, cái gã xấu xa nữ bỏ rơi một người phụ nữ ốm yếu như vậy.

“Tôi nên đi với cậu,” Tommaso nói khi tàu của họ băng qua một con sóng nhỏ tiến về phía nam. Cái động cơ gắn ngoài tàu nhỏ của Tommaso kêu bình bịch trên sóng nước và rền rĩ mỗi lần tàu nhô cao khi ông này ngồi phía sau tàu lái nó vừa lao nhanh vừa nghiêng về phía bờ biển còn Pasquale ngồi chúi mình phía trước mũi tàu. “Mấy cái kẻ làm phim người Mỹ này, toàn một lũ lộn.”

Pasquale đồng ý. “Ai lại đẩy một người phụ nữ đi nơi khác rồi lại quên băng người ta như thế...”

Nhưng hóa ra Tommaso đang nói đến chuyện khác. “Bọn họ nhạo báng nghệ thuật đích thực. Dám lấy những sự đau buồn trong cuộc sống để mà diễn trò những gã mập rơi nháo nhào vào mấy cái bánh kem. Chúng nó đáng lẽ nên để yên cho người Ý làm phim, nhưng không, cái xuân gốc của

chúng nó đã lây lan như một ả làng chơi lây bệnh cho thủy thủ. *Commedia all'italiana!* Một tấn hài kịch Ý. Chao ôi!”

“Cháu thích mấy phim viễn tây của Mỹ,” Pasquale nói. “Cháu thích mấy chàng cao bồi.”

“Chao ôi,” Tommaso lại ta thán.

Pasquale nãy giờ vẫn đang mãi nghĩ chuyện khác. “Bác Tommaso này, dì Valeria của cháu nói rằng chưa có ai chết ở Porto Vergogna này cả ngoại trừ con nít và người già. Dì nói rằng cô người Mỹ sẽ không chết miễn là cô ấy ở lại đây.”

“Pasquale –”

“Không, cháu biết, Tommaso, đó chỉ là chuyện phù thủy mê tín. Nhưng tại cháu nghĩ mãi chưa ra ai chết trẻ ở đây.”

Tommaso vừa chỉnh lại cái mũ vừa suy nghĩ. “Cha cậu mất lúc bao nhiêu tuổi?”

“63,” Pasquale đáp.

“Vớ với tôi thế là trẻ rồi,” Tommaso nói.

Họ lái tàu về phía La Spezia, luôn lách giữa những tàu thu mua cá lớn trong vịnh.

“Bác từng chơi quần vợt bao giờ chưa, bác Tommaso?” Pasquale hỏi. Cậu biết Tommaso đã từng đi trại học tập cải tạo ở Milan thời chiến tranh và đã trải nghiệm rất nhiều thứ.

“Tất nhiên là tôi có coi người ta chơi rồi.”

“Người ta có hay đánh hụt bóng không?”

“Mấy người giỏi thì không mấy khi đánh hụt, nhưng để người này có điểm thì người kia phải đánh hụt, hoặc đánh bóng trúng lưới hay đánh ra ngoài. Không cách nào khác cả.”

Lúc lên tàu lửa rồi Pasquale vẫn mãi suy nghĩ về quần vợt. Chỉ ăn điểm khi có người đánh hụt, nó có vẻ hơi tàn nhẫn và phần nào cũng giống thực tế này nữa. Cũng ngạc nhiên vì việc cố gắng nói tiếng Anh mấy bữa nay đã tác động đến đầu óc cậu ra sao; nó nhắc cho cậu nhớ về cái thời còn học văn chương ở trường đại học, những từ ngữ cứ thế nhận thêm nét nghĩa này rồi

mất đi nét nghĩa kia, chòng chéo lên những hình ảnh, gợi lên sự tò mò về những ý tưởng nằm sau câu chữ tác giả dùng. Chẳng hạn, khi cậu hỏi Dee Moray là người đàn ông cô yêu có cảm nhận giống cô không thì cô trả lời rất nhanh là có, anh ấy cũng yêu bản thân anh ấy lắm. Thật là một câu pha trò thú vị và sự tự hào của cậu khi hiểu được nó bằng tiếng Anh đột nhiên trở nên quan trọng quá đỗi. Cậu chỉ muốn nhắm đi nhắm lại mãi câu chuyện đó trong đầu mình, và cả cuộc nói chuyện về những bức bích họa trong công sự nữa... thật đáng trông đợi xem cô sẽ tưởng tượng ra điều gì – một người lính trẻ cô đơn và bức tranh cô gái vẽ ra từ một tấm ảnh.

Trong toa tàu cậu ngồi còn có hai phụ nữ trẻ ngồi dựa vào nhau đang đọc hai tờ tạp chí điện ảnh giống hệt và bàn tán về những câu chuyện hai cô đọc được. Cứ vài phút lại có cô liếc nhìn cậu và mỉm cười, còn lại thì họ đọc tạp chí cùng nhau; cứ cô này chỉ trỏ một tấm hình ngôi sao điện ảnh nào đó trong tạp chí thì cô kia sẽ bình luận. *Brigitte Bardo hả? Giờ thì đẹp đấy những chả chóng rồi cũng sẽ phát tướng lên cho coi.* Họ nói rất to, át cả tiếng tàu chạy.

Pasquale ngậm điều thuốc ngược nhìn lên và tự thấy ngạc nhiên khi cậu mở miệng hỏi hai cô gái: “Trong báo có nói gì về nữ diễn viên nào tên Dee Moray không hai cô?”

Hai cô gái này từ nãy đến giờ suốt một tiếng đồng hồ đã cố gắng thu hút sự chú ý của cậu. Giờ thì hai cô nhìn nhau, rồi cô cao hỏi lại: “Cô ấy là người Anh à?”

“Người Mỹ. Cô ấy đến Ý đóng phim *Cleopatra*. Tôi nghĩ cô ấy không phải diễn viên nổi tiếng, chỉ là không biết tạp chí có nhắc gì tới cô ấy không mà thôi.”

“Cô ấy đóng phim *Cleopatra* sao?” cô gái thấp người hơn hỏi lại rồi sau đó lật lật nhanh tờ tạp chí mình đang cầm đến khi tìm được một bức tranh người phụ nữ tóc đen đẹp đến choáng váng – rõ là hấp dẫn hơn Dee Moray – rồi đưa lên cho Pasquale coi. “Đóng cùng Elizabeth Taylor à?” Cái títt báo dưới tấm hình của Elizabeth Taylor hứa hẹn những tình tiết hấp khác: “Một vụ xì căng đan gây sốc kiểu Mỹ.”

“Cô ta đã làm tan nát cuộc hôn nhân giữa Eddie Fisher và Debbie Raynolds,” cô gái cao tiết lộ.

“Thật tội nghiệp cho Debbie Raynolds” cô kia phụ họa. “Đã có hai mặt con rồi mà còn thế.”

“Ấy đây, thế mà giờ mẹ Elizabeth Taylor này cũng đá bay cả Eddie Fisher nữa để mà cặp kè với ông diễn viên người Anh Richard Burton.”

“Tội nghiệp anh chàng Eddie Fisher.”

“Có mà tội nghiệp Richard Burton thì có. Mẹ ấy thật là quý quyết.”

“Eddie Fisher còn bay cả tới Rome để giành lại mẹ ấy.”

“Trong khi vợ anh ta nuôi hai đứa con! Thật đáng xấu hổ.”

Pasquale ngạc nhiên không ngờ hai cô gái này lại biết lắm chuyện về giới diễn viên đến thế. Họ tình bơ cứ như đang nói chuyện về gia đình mình vậy chứ chẳng phải về diễn viên Anh Mỹ nào đó họ chưa từng gặp. Hai cô gái cứ tám tới tám lui, giờ thì đang bàn tới chuyện Elizabeth Taylor và Richard Burton. Pasquale ước gì lúc này cậu cứ ngó lơ họ luôn cho rồi. Sao cậu lại có thể trông mong bọn họ biết gì về Dee Moray cơ chứ? Cô đã nói với Pasquale *Cleopatra* là bộ phim đầu tay của cô, thế thì mấy cô gái này làm gì đã nghe đến tên cô được?

“Gã Richard Burton là một kẻ đê tiện đáng khinh. Mình thì sẽ chẳng thèm để mắt đến lão.”

“Ô, rồi cậu sẽ để mắt đến lão đó cho mà xem.”

Cô gái mỉm cười với Pasquale: “Dám vậy lắm.”

Hai cô cười rúc rích.

“Elizabeth Taylor đã có bốn đời chồng rồi đấy!” cô cao ráo mách với Pasquale, người đang chỉ muốn nhảy ngay ra khỏi tàu lúc này để khỏi phải nghe mấy chuyện tào lao. Bọn họ cứ tung qua hứng lại như một trận quần vợt mà không đối thủ nào chịu đánh hỏng.

“Richard Burton cũng đã lập gia đình rồi,” cô còn lại nói.

“Mẹ ta là một con rắn độc.”

“Một con rắn độc xinh đẹp.”

“Những gì mù làm đã khiến mù thật dung tục. Đàn ông người ta biết hết đấy.”

“Đàn ông chỉ nhìn chăm chăm vào đôi mắt mù thôi.”

“Đàn ông chỉ khoái ngắm ngực. Mù ta thật là loại tầm thường.”

“Đôi mắt đó mà nói tầm thường thế nào được...”

“Thật tai tiếng! Mấy người Mỹ này, toàn làm ba cái trò trẻ con.”

Pasquale giả vờ ho. “Xin phép các cô,” cậu nói rồi đứng dậy đi khỏi cái toa tàu ồn ào ấy, vừa làm bộ ho vừa liếc qua cửa sổ. Tàu đã sắp tới ga Lucca và cậu đã thoáng thấy được nhà thờ Duomo xây gạch và đá cẩm thạch ở phía xa rồi. Pasquale tự hỏi khi tàu đến Florence, không biết cậu có đủ thời gian đi dạo một vòng trước khi đổi tàu không. Tại Florence, Pasquale châm một điếu thuốc rồi đứng dựa vào hàng rào sắt ở quảng trường Massimo d’Azeglio phía đối diện nhà Amedea. Chắc giờ này nhà họ cũng vừa ăn tối xong. Đó là lúc mà cha của Amedea thích dẫn cả gia đình đi dạo – Bruno, vợ ông ta cùng sáu cô con gái xinh đẹp (trừ phi ông ta đã gả bớt một cô trong vòng 10 tháng Pasquale chưa quay trở lại Florence) đi thành một đoàn xuống phố, thế nào cũng làm một vòng quanh quảng trường rồi trở về nhà. Bruno hết sức hãnh diện khi dắt vợ con đi diễu hành một vòng như thế (Pasquale thì lại thường cho là giống như dẫn ngựa ra sàn đấu giá hơn), cái đầu hói bự của người đàn ông lớn tuổi ngửa ra sau, cặp lông mày nhíu sâu vẻ nghiêm nghị.

Sau một ngày đầy mây xám, mặt trời cũng ló lên được một chút lúc cuối chiều và dường như cả thành phố đổ ra đường đi dạo. Pasquale hút thuốc, quan sát các cặp đôi, các gia đình, vài phút sau thì cậu thấy mấy cô gái nhà Montelupo đang rẽ qua góc đường – Amedea và hai cô em gái ít tuổi nhất. Ba cô còn lại đi giữa mấy cô nhỏ nhất và cô lớn nhất là Amedea. Nhưng ắt hẳn mấy cô này cũng đã được cha mẹ tính cách gả đi cả rồi. Pasquale nín thở khi cậu trông thấy Amedea: cô đáng yêu quá. Sau đó đến phiên Bruno rẽ vào góc đường cùng vợ, bà Montelupo đang đẩy một chiếc xe nô. Khi thấy chiếc xe nô, Pasquale thở dài đầy luyến tiếc. Chính nó đó.

Cậu vẫn đang dựa vào cây cột vẫn thường dựa hồi Amedea và cậu mới quen nhau; cậu thường đứng đó ra dấu cho cô. Lúc này đây, ngực cậu cũng phập phồng run rẩy như hồi đó, lúc cô nhìn lên, khựng lại và vịn tay vào một bức tường. Pasquale tự hỏi liệu bây giờ cô có còn nhìn tới chiếc cột này mỗi ngày không. Không để ý tới sự có mặt của cậu, các cô em gái của Amedea cứ thế bước tiếp không chờ cô, rồi sau đó Amedea cũng tiếp tục đi tới. Pasquale cười mũ ra – nó cũng là một dấu hiệu gặp gỡ của họ. Phía bên kia đường, cậu thấy Amedea lắc đầu tỏ ý *không phải lúc này*. Pasquale đội mũ lại.

Ba cô gái đi đằng trước là Amedea với hai bé Donata và Francesca. Phía sau là Bruno và vợ đi thong dong cùng đứa bé trong xe đẩy. Một cặp vợ chồng trẻ ngừng lại ngắm đứa nhỏ. Tiếng họ nói vọng qua quảng trường đến Pasquale:

“Thằng bé mau lớn quá, chị Maria ạ,” người phụ nữ khen.

“Phải lớn chứ. Nó ăn không thua gì bố nó mà.”

Bruno cười ha hả hãnh diện. “Điều kỳ diệu bé nhỏ háu ăn của chúng tôi đấy.”

Người phụ nữ trẻ thò tay vào trong xe nôi bẹo má đứa nhỏ. “Còn để dành cho mấy chị ăn nữa chứ, bé Bruno.”

Mấy cô em gái của Amedea quay đầu lại xem cặp vợ chồng này nựng đứa nhỏ, riêng Amedea vẫn hướng mắt tới trước, nhìn chăm chăm sang phía bên kia đường như thể Pasquale sẽ biến mất nếu cô rời mắt đi chỗ khác vậy.

Pasquale phải quay sang chỗ khác tránh cái nhìn của Amedea.

Người phụ nữ khen bé Bruno bây giờ xoay sang phía em gái út của Amedea mới 12 tuổi. “Cháu có thích có em trai không, Donata?”

Con bé bảo có.

Bọn họ tiếp tục trò chuyện thân mật hơn. Sau đó, Pasquale chỉ còn nghe được vài tiếng rì rầm vọng từ phía bên kia đường – nào là những cơn mưa không dứt, nào là thời tiết ấm áp đã trốn đâu mất biệt.

Mãi rồi cặp vợ chồng trẻ cũng đi tiếp còn nhà Montelupo kết thúc cuộc đi dạo vòng quanh quảng trường, rồi từng người họ lần lượt bị nuốt vào trong

một căn nhà hẹp mà Bruno đóng cửa rất kiểu cách. Pasquale vẫn đứng đó hút thuốc. Cậu kiểm tra đồng hồ. Còn vô khối thời gian để bắt chuyến tàu cuối đến Rome.

Mười phút sau, Amedea sai bước ngang phố về phía cậu, tay cô khoanh lại như thể trời lạnh. Từ trước đến giờ cậu vẫn không sao đọc được cô nghĩ gì sau đôi mắt nâu xinh đẹp đó, sau hàng lông mày đen đó. Chúng quá long lanh, quá ướt át tới nỗi mà khi cô giận dữ – mà cô vẫn hay giận – thì đôi mắt của cô lại nói lời tha thứ.

“Bruno ư?” Pasquale hỏi khi Amedea vẫn còn cách cậu vài bước. “Em để ba mẹ đặt tên nó là Bruno à?”

Cô tiến thẳng về phía cậu. “Anh đến đây làm gì, Pasquale?”

“Anh muốn gặp em. Và em bé nữa. Em có thể cho anh gặp bé được không?”

“Đừng ngạc thế.” Cô với tay lấy điều thuốc trong tay cậu, rít một hơi rồi nhả khói ra từ khóe miệng. Cậu đã gần như quên mất Amedea là một cô gái nhỏ nhắn cỡ nào, người cô dẻo dai, uyển chuyển. Cô lớn hơn cậu 8 tuổi và có sức hấp dẫn vừa bí ẩn vừa mạnh mẽ khó cưỡng. Giờ ở bên cô, cậu vẫn còn cảm thấy choáng váng, như lúc cô thản nhiên nắm tay cậu kéo về căn hộ của cậu (bạn cùng phòng cậu ban ngày không có ở nhà), ấn cậu xuống giường, cởi quần cậu, tốc váy cô lên mà ngồi ngay lên cậu. Tay cậu sẽ đặt lên eo cô, đôi mắt cậu khóa cô lại, và Pasquale biết rằng: cả thế gian là ở chốn này.

“Vậy ít nhất cũng cho anh gặp con trai mình chứ?” Pasquale hỏi lại.

“May ra thì được buổi sáng vì lúc ấy ba em đi làm.”

“Sáng mai thì anh không còn ở đây nữa. Tối nay anh bắt xe lửa đi Rome rồi.”

Cô gật đầu không nói gì.

“Vậy em cứ giả vờ... thằng bé là em trai em? Và không ai thấy lạ là mẹ em lại sinh được thêm một đứa nữa... 12 năm sau khi sinh đứa út?”

Amedea trả lời mỗi mệ: “Em cũng chẳng biết họ nghĩ gì. Ba gửi em đến sống với dì ở Ancona và bảo mọi người em đến chăm dì ốm. Mẹ em mặc đồ

bầu và bảo mọi người bà sẽ đến Ancona để sinh con. Một tháng sau, mẹ và em quay về cùng em trai em.” Cô nhún vai như thể chuyện chẳng là gì. “Một phép màu.”

Pasquale không biết phải nói gì. “Chuyện đó thế nào?”

“Có con ư?” cô nhìn sang chỗ khác. “Giống như đẻ ra được con gà ấy.” Cô quay lại và mỉm cười. “Bây giờ thì mọi chuyện cũng đỡ nhiều rồi. Thăng bé khá lắm. Khi mọi người đã ngủ cả, đôi khi em ôm lấy con, nói thầm với nó “Mẹ của bé đây, bé ơi.” Cô hơi nhún vai. “Rồi có khi em lại quên mất và cứ đinh ninh thăng bé là em trai mình.”

Pasquale lại cảm thấy muốn bệnh. Cứ như thể bọn họ đang nói về một thứ hư vô nào đó chứ không phải một đứa bé, con trai *của họ*. “Thật điên rồ. Năm 1962 rồi mà vẫn có chuyện che đậy này. Quả là một sai lầm tệ hại.”

Kể cả lúc nói như thế thì cậu cũng biết nghe nó thật nực cười vì cậu đâu có giúp gì trong việc nuôi dạy đứa bé. Amedea không nói gì, chỉ dăm dăm nhìn cậu rồi nhặt một mẫu thuốc lá ra khỏi lưỡi. *Anh đã tính lấy em*, Pasquale gần như thốt lên thế, nhưng lại nghĩ tốt hơn là đừng nói gì. Có nói thì cô ấy cũng chỉ cười cho mà thôi, dĩ nhiên rồi, như lúc mà cậu tính “cầu hôn” lúc trước.

Amedea đã từng được hứa hôn một lần lúc 17 tuổi, với đứa con trai mắt ếch giàu có của bạn làm ăn của cha cô tại công ty cổ phần bất động sản. Khi cô chê bai chuyện phải cưới một người đàn ông gấp đôi tuổi mình, cha cô giận vô cùng, cô đã làm xấu mặt gia đình, và nếu cô không chịu cưới mỗi tốt này thì cô sẽ không kết hôn gì hết nữa ráo. Cô có hai lựa chọn: vào nhà tu kín hoặc ở lại nhà chăm sóc cha mẹ và những đứa con mà các em gái của cô sinh ra. Được thôi, Amedea nói, thế thì cô sẽ làm bảo mẫu cho nhà này. Cô cần quái gì chồng. Sau rồi, khó chịu bởi cái tính ngang ngạnh, cái kính của cô con gái cứ quẩn quanh trong nhà, ông bố liền cho phép cô đi làm thư ký tại một trường đại học. Cô làm ở đó được 6 năm, lâu lâu lại cặp kè với một thầy giáo nào đó cho bớt cô đơn, thế rồi, lúc 27 tuổi, cô đang đi dạo thì bắt gặp chàng trai Pasquale 19 tuổi đang ngồi học bài bên bờ sông Arno. Cô

đứng đấy và khi cậu ngược mắt nhìn lên, cô mỉm cười với cậu và bảo: “Chào đôi mắt đấng ấy.”

Ngay từ buổi đầu cậu đã bị hấp dẫn bởi con người mảnh mai mà cá tính hiểu động, bởi sự thông minh dí dỏm có thể áp chế người khác. Vào ngày đầu tiên đó, cô xin cậu một điếu thuốc nhưng cậu nói mình không hút. “Thứ Tư nào tôi cũng đi ngang qua đây,” cô nói, “nếu cậu có muốn mời tôi.”

Một tuần sau đó, cô lại ghé qua, lần này thì Pasquale vội vã đứng dậy mời thuốc cô, đôi tay cậu run rẩy khi rút bao thuốc từ túi ra. Cậu châm thuốc cho cô, cô chỉ vào những cuốn sách đang mở trên mặt đất – một tập thơ và một quyển từ điển tiếng Anh. Cậu giải thích mình đang làm bài tập dịch bài thơ *Amore e morte*. “À, thơ của thi sĩ Leopardi vĩ đại đây mà,” cô nói rồi cúi xuống nhặt lấy quyển vở của cậu, đọc lên những gì cậu đã dịch được: “*Fratelli, a un tempo stesso, Amore e Morte/ingerò la sorte* – “Những người anh em – Thời gian vẫn thế – Tình yêu và Cái chết – Những thứ được sinh ra.”

“Giỏi đấy, cậu làm mất luôn cả chất nhạc của bài thơ rồi,” cô trả lại quyển vở cho cậu, “Cám ơn điếu thuốc nhé,” rồi lại đi tiếp.

Tuần sau đó, Amedea lại đi ngang qua bờ sông, Pasquale đã chờ sẵn với điếu thuốc lá và quyển vở của mình, cô đón nhận chúng mà không nói lời nào, đọc to bằng tiếng Anh: “Là anh em cùng mẹ sinh ra, Ái tình và Cái chết, chẳng cách xa.” Cô đưa lại cho cậu quyển vở, mỉm cười và hỏi căn hộ cậu ở có gần đây không. Chỉ trong vòng 10 phút cô gái đã tụt quần cậu xuống rồi – cô gái đầu tiên cậu từng hôn chứ đừng nói là ngủ với. Và cứ thế 18 tháng sau đó, cứ hai buổi chiều một tuần họ lại gặp nhau trong căn hộ của cậu. Họ chưa từng qua đêm với nhau, cô giải thích rằng cô sẽ không bao giờ công khai chuyện hai người. Cô không phải bạn gái của cậu, cô cứ khăng khăng thế; cô chỉ là gia sư của cậu. Cô giúp cậu học, dạy cậu trở thành một người tình giỏi, khuyên cậu nên nói năng ra sao với các cô gái, làm thế nào để tiếp cận họ, tránh không nên nói điều gì. (Khi cậu nhất quyết cho rằng mình không muốn một cô gái nào khác, cậu chỉ muốn mình cô thôi, cô lại phá lên cười.) Cô cũng thường cười lúc cậu lóng ngóng bắt

chuyện lúc đầu. “Tại sao một đôi mắt đẹp dường này lại có ít thứ để nói vậy?” Cô dạy cậu cách giao tiếp bằng mắt, cách hít thở sâu, nghĩ trước khi nói, không trả lời vội vàng. Dĩ nhiên, những bài học yêu thích của cậu là những bài cô dạy trên tấm chăn trải trên sàn – dùng tay như thế nào, làm sao để cuộc mây mưa không kết thúc quá sớm. Sau vài bài học thành công, một ngày nọ cô lăn ra khỏi người cậu mà bảo: “Tôi làm giáo viên giỏi thực đấy. Cô nào lấy được cậu thật may mắn.”

Đối với cậu, những buổi chiều đó thật ngắt ngậy và êm dịu; cậu có thể tiếp tục như vậy cả đời, đi học trên trường và biết rằng, cứ hai lần một tuần, Amedea xinh đẹp sẽ đến nhà dạy cậu. Một lần nọ, sau khi thân mật, cậu đã phạm sai lầm khi nói “Ti amo” – Anh yêu em, cô liền giận dữ đẩy cậu ra, đứng dậy và mặc lại quần áo.

“Không thể cứ tiện mồm mà nói vậy được, Pasquale. Những từ ngữ đó ghê gớm lắm. Chúng khiến con người ta khốn khổ cả đời với nhau đấy.” Cô kéo áo lên. “Đừng bao giờ nói vậy sau khi ân ái, cậu hiểu chưa hả? Nếu muốn nói thì hãy đi mà gặp cô gái đó vào buổi sáng mà nói, khi hơi thở cô ta có mùi và mặt còn đỏ mọng... lúc cô ta ngồi nhà vệ sinh... lúc cô ta cư xử với bạn bè... đến gặp bà mẹ lông lá và mấy chị em gái chát chúa của cô ta... và nếu cậu đến lúc đấy vẫn còn muốn thốt ra mấy lời xuân ngọc như vậy thì có chúa mới giúp được cậu.”

Cô thường hay nói với cậu rằng cậu không thực sự yêu cô đâu, rằng đó chỉ là thứ đi kèm theo trải nghiệm ân ái ban đầu mà thôi, rằng cô quá già dặn so với cậu, rằng họ không hợp nhau, họ xuất thân từ những tầng lớp khác nhau, rằng cậu cần tìm một cô bạn gái cùng tuổi, và cô quả quyết tới nỗi Pasquale không có lý gì để phản bác cả.

Thế rồi vào một ngày định mệnh nọ, cô đến căn hộ của cậu và nói luôn, không rào trước đón sau gì cả: “Em có thai rồi.” Những gì tiếp sau đó là một khoảng lặng đáng sợ khi Pasquale trải nghiệm một khoảnh khắc đứng hình vì hiểu nhầm (*Có đúng cô ấy nói là có thai không nhỉ?*) sau đó là nghi ngại (*Nhưng hầu như mình luôn dùng biện pháp phòng tránh cơ mà*) rồi đứng như trời trồng đợi cô nói xem mình phải làm gì tiếp theo – như cô vẫn

thường dạy bảo cậu – thế nên đến lúc mà cậu mở miệng ra được (*Anh nghĩ mình nên làm đám cưới*), thì thời gian đã trôi qua một lúc khá lâu, và nàng Amedea bướng bỉnh chỉ có thể phá lên cười vào mũi cậu.

Che ragazzino! Đồ con nít! Cậu không học được gì ả? Cậu thực sự tin rằng cô sẽ để cậu vứt đời mình sớm như vậy sao? Và dù cho cậu có muốn vậy đi chăng nữa – mà rõ ràng là cậu không muốn – thì cậu có nghĩ rằng cô có thể cưới một chàng trai làng chài trên rặng dưới dếp không? Cậu có thực sự tin rằng cha cô sẽ cho phép cô bôi tro trát trấu vào mặt gia đình như vậy không? Và cho dù cha cô có đồng ý đi chăng nữa – mà ông chắc chắn không đồng ý – liệu cậu vẫn thực sự nghĩ rằng cô sẽ có được người chồng tử tế từ một cậu trai lơ ngơ, lông bông, một cậu trai cô quyến rũ chỉ vì buồn chán? Điều cuối cùng mà thế giới này cần là một ông chồng tồi tệ nữa. Cô cứ nói mãi, nói mãi, cho đến lúc Pasquale chỉ có thể lầm bầm: “Đúng thế, em nói đúng,” và tin vào những điều đó. Cái kiểu quan hệ của họ là vậy – sự già dặn gợi cảm của cô và cái sự dễ bảo ngây thơ của cậu. Cô nói đúng, cậu nghĩ, cậu không thể nuôi một đứa trẻ con được bởi cậu vẫn là một đứa trẻ mà thôi.

Giờ đây, gần một năm sau, trong quảng trường đối diện ngôi nhà lớn của gia đình cô, Amedea mỉm cười mệt mỏi và lại giơ tay ra lấy điều thuốc của cậu một lần nữa. “Em rất tiếc khi biết chuyện về cha anh. Mẹ anh khỏe không?”

“Không khỏe lắm. Bà chỉ muốn chết.”

Amedea gật đầu: “Làm một bà góa thật khó khăn, em cho là như thế. Em từng nghĩ đến chuyện tới thăm khách sạn của anh. Nó thế nào rồi?”

“Vẫn ổn cả. Anh đang xây một bãi biển. Anh còn định xây một sân quần vợt nữa nhưng chắc không phù hợp.” Cậu hăng giọng. “Tụi anh đang có một khách Mỹ ở đó. Một nữ diễn viên.”

“Trong giới điện ảnh á?”

“Đúng thế. Cô ấy đang đóng phim Cleopatra.”

“Không phải Liz Taylor chứ?”

“Không, một người khác.”

Cô lại dùng cái giọng điệu hay dùng mỗi khi khuyên bảo cậu về chuyện con gái. “Thế cô ta có xinh đẹp không?”

Pasquale làm như thể cậu chưa hề nghĩ về điều đó cho đến lúc này. “Không hẳn.”

Amedea chìa hai bàn tay ra như thể đang đỡ lấy hai trái dưa gang: “Nhưng ngực to chứ hả? Hai quả bóng bay bự? Hai trái bí?” Hai bàn tay cô giơ ra xa hơn: “Hai quả khinh khí cầu chằng?”

“Amedea à,” cậu nhắc.

Cô cười vào cậu: “Em luôn biết rồi anh sẽ thành công lớn, Pasquale ạ.” Cái giọng đó có phải đang chế giễu cậu không? Cô đưa lại điều thuốc cho cậu nhưng cậu vẩy nó về phía cô và rút ra một điếu mới cho mình. Rồi hai người cứ đứng đó, hút hai điếu thuốc, chẳng nói năng gì cho đến lúc điếu thuốc của Amedea đã cháy rụi và cô nói rằng mình phải về nhà. Pasquale nói cậu cũng còn phải bắt tàu nữa.

“Chúc may mắn với cô diễn viên,” Amedea nói và mỉm cười đầy thành ý. Rồi cô lao đi nhẹ nhàng băng sang phía bên kia phố, liếc nhanh về cậu một lần rồi biến mất. Pasquale cảm thấy cổ họng mình ngứa ngáy muốn hét lên điều gì đó nhưng cậu không mở miệng được vì chẳng biết phải nói gì lúc này.

ĂN THỊT ĐỒNG LOẠI

1846

Truckee, California

Có một người đàn ông đóng xe ngựa tên là *William Eddy*, người hết lòng vì gia đình, mặt mũi sáng sủa, thực thà nhưng không được học hành đến nơi đến chốn. Vào năm 1846, lúc này *William Eddy* đã lập gia đình và có hai con nhỏ. Nhưng ông ta sống hết sức nghèo khổ. Thế nên khi có cơ hội đi California để đổi đời, *Eddy* đã không chần chừ tùm ngay lấy. Về phía tây, đó là sự thôi thúc của thời đại ông, dân tộc ông. Thế là *Eddy* gia nhập một đoàn xe ngựa xuất phát từ Missouri hướng đến California. Ở đoạn đầu giới thiệu phim, người đàn ông *William Eddy* này và cô vợ trẻ đang chuẩn bị cho cuộc hành trình, đóng gói mớ đồ đạc ít ỏi từ túp lều tranh của họ.

Máy quay phim lia dọc đoàn xe ngựa dài chất đầy đồ đạc, dẫn theo hàng đàn gia súc kéo dài gần cả cây số từ thị trấn, con nít và lũ chó chạy quanh đoàn xe. Ở mặt trước đoàn xe ngựa là tấm biển đề: CALIFORNIA HAY PHÁ SẢN. Lượn sang phía bên sườn xe là tấm bảng: NHÀ DONNER.

Những đoàn người thường được đặt tên theo tên của các gia đình quyền thế nhất, nhưng *William Eddy* là người tiên phong chân chính nhất của cả đoàn người này, sẵn bắt giời mà lại khiêm tốn. Đêm đầu tiên họ ra đi, những người đàn ông của mấy gia đình giàu có tụ tập nhau lại bàn tán thảo luận chuyến đi này và đó là lúc mà *William* tiến đến đóng lều, nói với những người đó nỗi lo của ông: bọn họ đã khởi hành trễ và ông ta không chắc lộ trình bọn họ đang đi có đúng hướng. Nhưng mấy gã giàu có đã không cho

ông nói tiếp và ông đành lúi thủi quay về cái xe ngựa rách nát của mình ở cuối đoàn người.

Cảnh hành động đầu tiên sẽ thuận chất hành động. Tai họa bất ngờ ập tới. Ngay lập tức mấy người tiên phong này đung ngay thời tiết xấu và các bánh xe long ra. Trong đoàn người lại có kẻ ác, một gã nhập cư người Đức to khỏe tên Keseberg lừa một cặp vợ chồng già tham gia đoàn xe ngựa của hắn, nhưng khi bọn họ đã đi xa vùng dân cư, Keseberg đánh cắp mọi thứ của đôi vợ chồng rồi đuổi họ khỏi xe, bắt phải đi bộ. Chỉ có mình William Eddy nhận đôi vợ chồng vào xe nhà mình.

Đoàn người đi đến Utah, đã được nửa chặng đường, kiệt quệ, trễ nhiều tuần so với lịch trình dự tính. Vào ban đêm, gia súc của họ còn bị thổ dân da đỏ đánh cướp. William Eddy là người thợ săn giỏi nhất trong đoàn, ông ta săn được thú dọc đường. Nhưng vận xui và thời tiết xấu liên tục ập lên đầu họ, và họ phải trả giá cho việc lựa chọn cái lộ trình đáng ngờ này, mọi thứ gãy nát trên những vùng nền muối rộng mênh mông. Máy quay từ từ lướt qua mặt đất cứng ráp, nứt nẻ, đoàn xe ngựa rã rời lê thê, gia súc chết dần, con người bước xiêu vẹo qua sa mạc, nhà này qua nhà khác, lũ ngựa cũng mất phương hướng – tất cả đều báo điềm gở về sự tan rã của đám người này. Đoàn người đều dần dần trở nên hoang dại ngoại trừ William Eddy, người vẫn giữ được bản lĩnh để giúp những người còn lại trong đoàn tiếp tục sống qua ngày.

Cuối cùng, họ cũng đến được Nevada, nhưng lúc đó đã là tháng 10, trễ hơn nhiều tuần so với tiến độ của những đoàn người tiên phong khác từng đến đây. Tuyết thường rơi vào giữa tháng 11 nên họ vẫn còn vài tuần để đến được rặng núi Sierra Nevada, và vượt qua nó là họ sẽ đến California. Nhưng bọn họ phải khẩn trương. Họ đi bộ và đi xe suốt đêm, hy vọng đến nơi trước khi tuyết rơi.

Bây giờ máy quay hướng lên những đám mây. Nhưng đó không phải những đám mây bông bành mà chúng tưởng, âm u, là những đám mây to đen tối dự báo điềm chẳng lành. Đây chính là bộ phim Hàm cá mập và những đám mây đó chính là những con cá mập. Chúng ta quay cận cảnh

một bông tuyết buông rơi từ bầu trời và hòa cùng những bông tuyết to nặng khác. Chúng ta theo dõi bông tuyết đó rơi và cuối cùng đọng lại trên cánh tay của William Eddy dơ dáy đầy lông lá. Và ông ấy cảm nhận được nó, đôi mắt khẽ dõi lên bầu trời.

Họ đã quá trễ mất rồi. Tuyết đã rơi sớm cả tháng. Đoàn người Donner đi vào vùng núi rồi và tuyết đang rơi tối mắt tối mũi họ – không chỉ là những bông tuyết... mà cả là một màn tuyết đổ sụp xuống trước mắt họ, khiến đoạn đường đi ngày càng khó khăn. Không cách gì qua nổi. Cuối cùng họ tiến đến được vùng thung lũng giữa núi, và chính tại nơi đó, ngay trước mắt họ là con đường thoát hiểm, một hẻm nhỏ nằm giữa hai vách núi, nhìn gần đến mức như muốn trêu ngươi con người ta. Nhưng tuyết ở đây đã rơi dày đến cả ba mét, ngập đến cả cổ ngựa. Ngựa và xe sa lầy trong tuyết. Ngay phía ngoài con đường đó là California. Ấm áp. An toàn. Nhưng đã quá trễ với họ. Tuyết đã khiến cho họ không thể băng qua khỏi dãy núi này. Họ mắc kẹt trong một cái miệng chén giữa hai vách núi. Không bước tiếp được, cũng không lùi lại được. Những cánh cửa ở cả hai phía đều đã đóng sập.

Chín mươi con người chia thành hai nhóm. Nhóm lớn của Eddy ở gần phía đường thoát hơn, dọc theo một cái hồ, còn nhóm thứ hai đi cùng nhà Donner cách phía sau độ hai, ba cây số. Cả hai nhóm đều mau chóng dựng lều trú ẩn – 3 cái chòi tồi tàn ở phía hồ và 2 cái tươm tất hơn phía sau. Tại khu trại đầu tiên gần hồ, William Eddy đã dựng lều cho vợ con và cho cả mấy người lang thang ở cùng. Mấy cái lều này đều là lán nhỏ, mái che bằng da thú. Tuyết vẫn đổ xuống. Họ nhanh chóng nhận ra rằng họ không đủ thực phẩm để qua khỏi mùa đông, thế là họ bắt đầu kiểm lại xem còn được chút gia súc nào. Thế rồi một trận bão tuyết ập đến, tuyết rơi nhiều đến nỗi chôn vùi luôn cả những con bò của họ. Đám người chọc cây vào tuyết cố gắng tìm những con bò chết vùi. Nhưng chúng như... biến mất. Tuyết thì vẫn cứ rơi. Những đám lửa trong lều giúp tuyết xung quanh chỗ họ ở tan ra và chẳng bao lâu sau họ phải dỡ những bậc thang tuyết xung quanh lều mới ra khỏi được chỗ ở, cả một bức tường tuyết cao sáu, bảy mét bao quanh những túp lều và thứ duy nhất ta thấy chỉ là những cột khói trắng bốc lên từ đám lửa. Ngày tháng trôi qua trong sợ hãi và tuyệt vọng. Trong hai tháng

liền họ sống dưới đáy của những cái giếng tuyết như thế, lo sợ chết đói. Họ cố gắng săn bắt nhưng chẳng ai bắt được gì ngoài trừ... ..

William Eddy. Dù đói khát nhưng ngày nào ông cũng cố gắng ra ngoài tìm cách săn thú hay có khi là săn được cả nai. Trước đó, mấy gia đình giàu có không chịu chia gia súc với ông, nhưng Eddy vẫn tốt bụng chia sẻ bữa ăn xoàng xĩnh của mình với mọi người. Nhưng kể cả nguồn thịt săn đó cũng cạn kiệt dần vì các con thú cũng bỏ núi tuyết mà xuống nơi ấm áp hơn. Thế rồi một ngày nọ, Eddy vô tình bắt gặp dấu chân thú. Ông tuyệt vọng bám theo dấu chân cho đến lúc thấy con thú thì ông đã cách xa trại cả vài cây số. Đó là một con gấu. Ông bắt kịp nó và cố gắng nâng khẩu súng trường lên bắn... đoàng... viên đạn trúng con gấu. Con mãnh thú liền quay đầu lại tấn công ông. Không còn thời gian nạp đạn và cũng vì cái đói réo gọi, ông đánh liều dùng báng súng để chiến đấu với con thú và đánh con vật bị thương đó đến chết chỉ bằng đôi tay của mình.

Ông kéo lê xác con vật về lại khu trại nơi con người ta ngày càng chìm vào tuyết vọng. William Eddy liên tục bảo “chúng ta cần cử một đội đi tìm người đến giúp,” nhưng chẳng còn ai khác đủ khỏe để đi, bản thân ông lại quá lo lắng về việc bỏ gia đình lại mà đi một mình. Nhưng giờ đây, khi các loài thú đã chạy khỏi núi mà tuyết vẫn cứ rơi dày, nên một đêm nọ ông đành nói chuyện với vợ, người từ đầu phim đến giờ là một phụ nữ ít nói, âm thầm chịu đựng cuộc sống hơn là vui thích nó. Bây giờ người phụ nữ đó hít một hơi sâu rồi nói với chồng: “Will’m, mình cần đưa những người còn khỏe ra đi. Hãy tìm người giúp.” Ông phản đối nhưng người vợ lại nói tiếp: “Xin mình đấy, hãy vì con chúng ta.” Thế thì ông còn biết làm gì khác?

Có khi nào cách duy nhất để cứu lấy những người ta yêu... là bỏ họ lại phía sau?

Cho đến lúc này những người tiên phong đã ăn sạch cả lừa và ngựa, kể cả những con thú cưng của họ. Người ta lấy cả yên ngựa, chăn màn và giày da ra mà nấu súp, bất cứ thứ gì giúp cho cái thứ nước tuyết họ húp có tí mùi vị. Gia đình nhà William Eddy chỉ còn lại vài mẫu thịt gấu. Ông không còn sự lựa chọn nào khác. Ông hỏi xem có ai tình nguyện theo ông không. Đến

lúc đấy chỉ còn 17 người là còn sức để đi: 12 người đàn ông con trai và 5 người phụ nữ trẻ. Họ lấy yên ngựa và dây cương làm thành những đôi giày đi tuyết thô sơ rồi bắt đầu ra đi. Vừa mới bắt đầu đã có hai cậu bé trai quay về lại vì tuyết ngập quá sâu. Dù có đi giày tuyết đi nữa thì cứ mỗi bước chân họ lại ngập trong nửa mét tuyết.

Sau những hai ngày, Eddy dẫn đầu đoàn 15 người này chống chọi đi đến được con đường qua núi. Đêm đầu tiên, lúc bọn họ cắm trại, Eddy thò tay vào trong túi và thấy như mình bị thoi một cú vào bụng vì người vợ đã gói toàn bộ phần thịt gấu còn lại cho ông mang theo. Cũng chỉ còn vài miếng thôi nhưng cái tính luôn nghĩ về người khác của vợ đã khiến ông tan nát. Cô đã hy sinh phần ăn của mình cho ông. Khi ông nhìn lại, khu trại của họ chỉ còn là làn khói trắng bay lên trời. Có khi nào cách duy nhất để cứu lấy những người ta yêu... là bỏ họ lại phía sau?

Bọn họ lại đi tiếp. Hết ngày này qua ngày khác, 15 con người cứ thế bước đi chậm chạp băng qua những đỉnh núi hiểm trở, những thung lũng tuyết. Những trận bão tuyết mịt mù cản bước họ đi. Phải mất vài ngày mới đi được hai, ba cây số. Không còn thứ thức ăn nào khác ngoại trừ chút thịt gấu của Eddy, bọn họ lả dần đi. Một người trong nhóm đàn ông, Foster, cho rằng bọn họ cần phải hy sinh một người làm đồ ăn cho những người còn lại và sẽ rút thăm để chọn ra người đó. William Eddy nói rằng nếu cần phải hy sinh ai đó thì phải cho người đó cơ hội được sống trước đã. Bọn họ sẽ chọn ra hai người và cho họ đánh nhau đến chết và ông tình nguyện là một trong hai người đó. Nhưng không ai dám ra tay. Một buổi sáng nọ, một ông lão và một cậu trai đã chết đói. Những người còn lại không còn lựa chọn nào khác. Họ nhóm lửa và ăn thịt những người đồng hành xấu số.

Chúng ta sẽ không dừng lại lâu ở cảnh này. Tình thế... buộc con người ta phải hành xử thế. Con người ta nghe chuyện đoàn người Donner và họ chỉ nghĩ tới việc ăn thịt người, nhưng gần như tất cả những người sống sót đều nói rằng việc ăn thịt người chẳng là gì so với cái lạnh hay sự tuyệt vọng. Đó mới là kẻ thù kinh khủng nhất. Trong nhiều ngày trời ra đi, chỉ có William Eddy mới khiến cho đám người này không rơi vào tình trạng hỗn loạn. Đã có thêm người chết và bọn họ ăn những gì có thể, rồi lại bước tiếp cho đến

khi chỉ còn chín người sống sót – bốn người trong số mười người đàn ông lúc đầu và vẫn còn đủ năm người phụ nữ. Hai trong số những người đàn ông còn sống sót là người da đỏ. Người da trắng thứ hai còn sống là Foster thì chỉ muốn bắn chết mấy người da đỏ rồi ăn thịt họ. Nhưng Eddy không để cho hắn ta làm vậy, ông cảnh báo mấy người da đỏ để họ trốn đi trước khi bị Foster giết. Khi Foster phát hiện ra, hắn lao vào tấn công Eddy nhưng những người phụ nữ đã can họ ra được.

Tại sao đàn ông thì chết còn đám phụ nữ vẫn sống? Bởi vì cơ thể phụ nữ có nhiều chất béo hơn để họ có thể sử dụng dần, hơn nữa, cơ thể lại nhẹ hơn nên sử dụng ít năng lượng hơn khi bước đi trong tuyết. Thật là trớ trêu: chính cơ bắp đã giết chết đám đàn ông.

Mười tám ngày, đoàn người đi tìm cứu viện đã đi được lâu như vậy rồi. Mười tám ngày họ lảo đảo bước qua trầm tích băng cao vút cả chục mét, băng cứng tới nỗi cắt trầy da thịt họ. Khi cuối cùng cũng ra được khỏi khu núi tuyết bọn họ chỉ còn là bảy bộ xương trong mớ giẻ rách. Lúc ra được đến chỗ rừng, bọn họ trông thấy một con hươu nhưng William Eddy đã quá đuối sức để có thể nhắc súng lên bắn. Thật rồi – William Eddy thấy con thú săn, ông cố gắng giương súng lên bắn nhưng không nhắc nổi. Ông phải hạ khẩu súng xuống và lại bước tiếp. Để có đồ ăn họ gặm nhấm vỏ cây và cỏ dại như loài hươu nai vậy. Thế rồi William Eddy cũng nhìn thấy một cuộn khói bốc lên từ một làng nhỏ của người da đỏ. Nhưng những người khác đã quá yếu không thể bước tiếp được nữa, thế nên William Eddy để họ lại và tự mình đi tiếp.

Hãy nhớ rằng đây là thời kỳ trước khi cuộc đổ xô đào vàng xảy ra với trung tâm là California. Còn lúc này tiểu bang này vẫn gần như trống hươu trống hoác. Thủ phủ San Francisco của nó lúc đó chỉ là một thị trấn vài trăm người có tên là Yerba Buena. Bây giờ chúng ta sẽ quan sát căn nhà gỗ nhỏ ngoài rìa núi. Chúng ta lùi lại để thấy nó, bình dị và thôn dã, một dòng suối chảy trước nhà. Tuyết đọng đây đó. Chúng ta lùi xa dần, xa mãi, cho đến khi thấy được đây là nơi duy nhất có người trong bán kính mấy cây số này. Và ở đó, trong cái góc nhỏ của khung hình là hai người dân da đỏ đang đỡ một dáng người. Và khi ống kính cận cảnh hơn, ta nhận ra giữa hai

người da đỏ đó, sinh vật hốc hác như thể một bộ xương, râu tóc rậm rì, chân không, quần áo rách bươm, lao đảo tiến về phía căn nhà gỗ... .. chính là William Eddy! Mấy người kiểm lâm lấy cho ông ít nước uống, một nhúm bột nấu vì cái dạ dày co rút của ông chỉ tiêu hóa được chừng đó. Mắt ông ầng ậ nước. “Còn những người khác... trong một ngôi làng da đỏ gần đây,” ông bảo họ. “Sáu người.” Người ta liền cử một đội đi. Ông đã làm được. Trong số 15 người ra đi tìm cứu viện William Eddy đã mang được Foster và năm người phụ nữ đến nơi an toàn và nói với những người kiểm lâm về những người còn lại vẫn còn đang kẹt trong núi.

Nhưng câu chuyện vẫn chưa dừng ở đó. Chúng ta mới qua hồi một là chuyển đi vất vả đến rặng núi, giờ là hồi hai, xuống núi và tìm được lối thoát. Vẫn còn hồi ba là cuộc giải cứu nữa. Eddy để lại đằng sau 70 người kẹt trong rặng núi vẫn đang mong người tới giúp. Người ta đã tổ chức được một đội giải cứu gồm bốn mươi người đàn ông, dẫn đầu là một người kỵ binh béo mập bánh bao tên là Đại tá Woodworth. Eddy và Foster đã quá yếu sức để có thể đi cùng, nhưng trên giường bệnh, Eddy vẫn tình lại được một chút đúng lúc thấy vài chục người đàn ông phi ngựa qua căn nhà gỗ vùng biên cương.

Nhiều ngày sau, khi cơn sốt đã thuyên giảm, Eddy hỏi thăm về đội giải cứu. Những người kiểm lâm nói với ông rằng cách đây hai ngày, nhóm của Woodworth đã hạ trại để chờ cho cơn bão tuyết qua đi. Một nhóm cứu hộ nhỏ bảy người đã đến được chỗ của đoàn Donner nhưng bọn họ suýt chết lúc băng qua hẻm núi nên chỉ có thể cứu ra khoảng hơn chục người vì tuyết phủ quá sâu và những người ở đấy đã quá yếu không đi nổi. Và thậm chí lúc được cứu rồi tình hình cũng vẫn rất nguy hiểm, đã có thêm vài người chết trên con đường ra khỏi núi. Sau một hồi im lặng, William Eddy liền hỏi: “Còn gia đình tôi thì sao?”

Người kiểm lâm lắc đầu. “Tôi rất tiếc. Lúc chúng tôi đến thì vợ và con gái anh đã chết rồi. Con trai anh vẫn sống nhưng cháu còn nhỏ quá không thể nào đi bộ qua hẻm núi được. Họ đành để cháu lại trại.” William Eddy đang nằm trên giường liền nhồm dậy ngay. Ông phải đi. Kẻ thù cũ của ông

là Foster cũng còn một đứa con trai kẹt trong trại nên cũng đồng ý đi cùng Eddy, cho dù cả hai người họ vẫn còn yếu sức.

Tại một khu trại cách con đường thoát chỗ hẻm núi rất xa, Woodworth nói với Eddy rằng cơn bão tuyết đầu mùa xuân vừa đổ xuống khiến cho việc đi lại rất nguy hiểm – nhưng Eddy vẫn không lùi bước. Ông đề nghị trả cho người của Woodworth 20 đô la cho mỗi đứa trẻ mà họ công ra được khỏi hẻm núi. Có vài người lính đồng ý và thế là bọn họ gấp rút đi tiếp và suýt chết khi đi ngang qua chỗ hẻm núi mà họ đã từng đi vài tuần trước. Cuối cùng, Eddy, Foster và một nhóm nhỏ người lính cũng lão đảo về lại được chỗ đoàn người Donner. Tất cả như một cảnh tượng nơi địa ngục. Các thi thể bị phanh nát phủ trên tuyết... các mảnh thịt treo lủng lẳng như xúc xích trong cửa hàng. Khắp nơi là mùi xác chết... mùi tuyết vọng... những người còn sống sót thì mang khuôn mặt dễ sợ không ra người ngợm gì nữa. William Eddy phải thu hết can đảm mới dám bước về cái lều mà ông đã dựng nhiều tháng trước, khi ông và Foster bỏ lại người thân mà ra đi.

Con trai của Foster vẫn còn sống! Hắn ôm lấy đứa con mà khóc như mưa. Còn với Eddy... ông đã đến trễ. Đứa con trai của ông đã chết nhiều ngày trước. William Eddy đã mất cả gia đình. Ông như phát điên lên, lao đến chặn trước mặt tên ác ôn có lẽ đã ăn thịt lũ trẻ, một kẻ giờ trông không khác gì loài cầm thú. Eddy nhìn xuống con quái vật đó. Ông bước tới, muốn giết hắn... nhưng không làm được. Ông quy xuống và nhìn đăm đăm lên trời, chính là bầu trời đã thả bông tuyết đầu tiên lên vai ông. Rồi ông gục mặt giữa hai tay. Foster bước đến định giết Keseberg hộ ông nhưng một giọng nói phát ra từ thân xác Eddy đang ngục xuống: “Mặc hắn đi,” ông nói Foster. Bởi vì ông biết rằng trong thân xác chúng ta đều tồn tại con ác quỷ đó, và suy cho cùng chúng ta cũng chỉ là loài cầm thú mà thôi. “Mặc hắn đi,” ông nhắc lại.

William Eddy rốt cuộc đã... sống sót. Và khi ông nhìn về phía chân trời, chúng ta bỗng nhận ra rằng có lẽ đó là tất cả những gì mình hy vọng đạt được. Sống sót. Bị mắc kẹt giữa những dòng chảy quay cuồng của lịch sử, của bất hạnh, của cái chết, một người đàn ông nhận ra mình bất lực, rằng mọi niềm tin vào bản thân chỉ là phù phiếm... là giấc mơ. Thế là ông ráng

hết sức, cắn răng lội qua tuyết, chịu gió táp, chịu đựng con thú đói khát đang giãy giụa trong mình, vì cuộc sống là thế. Vì gia đình, vì tình yêu, vì sự quan tâm đến người khác, người đàn ông tử tế này đã chống lại cả đất trời, chống lại sự nghiệt ngã của số phận, nhưng trong trận chiến đó ông đã không thể thắng. Tình yêu nào cũng giống nhau, nó luôn bị khuất phục trước tình yêu cuộc sống mà con người được ban cho. Chúng ta yêu. Chúng ta nỗ lực rồi chết đi cũng chỉ một mình.

Trên màn hình, trên cánh đồng tuyết này, chúng ta thấy sự đổi thay của 150 năm sau diễn ra trong khoảng 10 giây, khi xe lửa chạy qua, đường sá xuất hiện, nhà cửa mọc lên và những chiếc ô tô đầu tiên bắt đầu lao vun vút qua hẻm núi Truckee trên đường đến Tahoe, rồi đường quốc lộ, vùng đất năm nào khiến con người ta không vượt qua được giờ chỉ còn là một đoạn đường cao tốc ngắn – và chúng ta đối mặt với việc di chuyển dễ dàng tới trêu người này, nhưng rồi máy quay lại lia lên cao, để ta thấy được khu rừng, thấy bản chất thực sự của con người vẫn còn đọng lại nơi này. Những hàng cây đó, ngọn núi này, chúng chính là khuôn mặt bí hiểm của tự nhiên, của cái chết.

Và chỉ trong nháy mắt, khi vừa thoáng nhìn được con đường cao tốc đó thì nó liền biến mất: chỉ là một giấc mơ, một ảo giác, một ảo ảnh trong cái tâm trí vụn vỡ của một người đàn ông đã vỡ vụn. Năm 1847 ấy, nó vẫn chỉ là một hẻm núi xa xôi. Thế giới xung quanh ông vẫn im lặng như tờ. Đất trời đã chạng vạng và William Eddy lại một mình lên ngựa ra đi.

KHÁCH SẠN GRAND

Tháng Tư, 1962

Rome, nước Ý

Pasquale nằm trần trọc trong một khách sạn nhỏ đắt tiền gần nhà ga ở Rome. Cậu tự hỏi không biết mấy khách nghỉ ở các khách sạn Rome làm thế nào mà ngủ được giữa sự ồn ã đó. Cậu dậy sớm, xỏ chân vào quần dài, mặc áo sơ mi, thắt cà vạt, khoác áo khác, uống ngụm cà phê rồi bắt taxi đến khách sạn Grand nơi đoàn làm phim Mỹ đang ở. Cậu ngồi hút một điếu thuốc chỗ quảng trường Bạc thang Tây Ban Nha để lấy tinh thần. Xung quanh cậu mấy người bán hàng rong đang tất bật dọn quầy bán hoa, đã có mấy người khách du lịch vội vã lướt qua, tay cầm bản đồ, cổ đeo máy ảnh. Pasquale nhìn xuống cái tên được ghi trên tờ giấy mà Orenzio đã đưa cho, lẩm nhẩm lại vài lần để lát nữa khỏi nhầm.

Tôi đến đây để gặp... Michael Deane. Michael Deane.

Michael Deane.

Pasquale chưa từng vào khách sạn Grand bao giờ. Cậu không ngờ cánh cửa màu gỗ ấy lại mở ra một cái sảnh trang hoàng lộng lẫy nhất cậu từng thấy: sàn nhà lát đá cẩm thạch, trần nhà phủ những bức bích họa toàn hoa, đèn chùm pha lê, những cửa sổ lớn gắn thủy tinh nhiều màu ghép thành tranh các vị thánh, chim chóc hoặc sư tử. Thật khó để thu vào tầm mắt tất cả mọi thứ cùng lúc nên Pasquale phải cố giữ cho mình không há hốc mồm ra như một vị khách du lịch đến đây lần đầu, cậu cần phải tỏ ra nghiêm túc và tập trung. Cậu còn chuyện quan trọng phải tính sổ với lão Michael Deane gì đó nữa. Nhiều người đang đi tới đi lui trong sảnh, có những nhóm khách du

lịch và doanh nhân Ý mặc vét đen và đeo mắt kính. Pasquale không nhìn thấy bất cứ ngôi sao điện ảnh nào cả, mà dù gì cậu cũng đâu biết được mặt mũi họ ra sao. Cậu đứng dựa vào bức tượng con sư tử trắng, nghỉ chân một lát, nhưng khuôn mặt của nó lại trông giống mặt người khiến Pasquale thấy khó chịu, thế là cậu lại đi tiếp tới chỗ bàn lễ tân.

Pasquale cởi mũ ra, đưa cho người lễ tân mẫu giấy có tên Michael Deane trên đó. Cậu mở miệng chực nói cái câu đã chuẩn bị từ sáng nhưng người lễ tân chỉ nhìn vào tờ giấy rồi chỉ ra một lối đi được trang hoàng lộng lẫy ở cuối sảnh. “Phía cuối sảnh.” Theo hướng người lễ tân chỉ, một hàng người dài đang đứng xếp hàng rồng rắn quanh lối đi đó.

“Tôi có chuyện cần gặp người này, Deane. Ông ấy có đây không?” cậu hỏi người lễ tân.

Người đàn ông đó chỉ chỉ tay rồi lại quay đi mất. “Ở cuối sảnh.”

Pasquale đi đến cuối hàng người chỗ đó. Cậu tự hỏi không lẽ tất cả những người này đều có chuyện cần gặp Michael Deane. Không lẽ người đàn ông này có những cô diễn viên ốm yếu tích trữ mọi nơi trên đất Ý. Cô gái đứng xếp hàng ngay trước Pasquale nhìn rất cuốn hút – mái tóc nâu thẳng tắp, cặp chân dài, có lẽ cô cùng cỡ tuổi cậu, 22 hay 23 gì đó, cô gái mặc một cái váy ôm sát và đang vung vẩy điều thuốc chưa châm một cách sốt ruột.

“Anh có diêm không?” cô hỏi.

Pasquale đánh một que diêm và giữ nó cho cô. Cô khum tay lại, châm điều thuốc và hít một hơi.

“Tôi hồi hộp quá. Nếu giờ mà không làm một điều thì tôi sẽ ăn hết cả ổ bánh ngọt mất. Rồi tôi sẽ phát tướng lên như bà chị tôi và thành kẻ vô tích sự ở chốn này.”

Cậu nhìn lên cái hàng dài phía trước cô gái, nó dẫn đến một phòng khiêu vũ cũng được trang hoàng lộng lẫy, góc phòng có cả những cây cột vàng to đùng.

“Cái hàng này là gì thế?” cậu hỏi.

“Nó là lối duy nhất,” cô trả lời. “Anh có thể thử đến thẳng chỗ xưởng phim hay bất kỳ chỗ nào mà họ quay phim ngày hôm đấy, nhưng tôi nghĩ

mấy hàng này đều đến cùng một chỗ thôi. Không, cách hay hơn cả là cứ làm y như cũ, đến chỗ này mà xếp hàng.”

Pasquale nói: “Tôi đang tìm người này.” Cậu cho cô xem mảnh giấy có tên Michael Deane trên đó.

Cô liếc nhìn tờ giấy rồi cũng đưa cậu xem mảnh giấy của cô với tên một người khác được viết trên đó. “Tên ai cũng thế thôi,” cô nói. “Tất cả những hàng người này rốt cuộc đều dẫn đến một nơi cả.”

Đã có thêm nhiều người đứng xếp hàng sau lưng Pasquale. Hàng người cứ nhích dần đến một chiếc bàn nhỏ, ở đó có một người đàn ông và một người phụ nữ đang ngồi, trước mặt họ là vài tập giấy được đóng lại với nhau. Có lẽ người đàn ông chính là Michael Deane chẳng. Hai người đó hỏi từng người trong hàng một đôi câu rồi cho họ về hoặc để họ đứng một góc hoặc đến chỗ một cánh cửa khác thông ra bên ngoài.

Khi đến lượt của cô gái xinh đẹp, bọn họ cầm tờ giấy của cô, hỏi tuổi, hỏi quê, và có nói được chút tiếng Anh nào không. Cô trả lời 19, Ternir, và có, cô nói “tiếng Anh *molto* giỏi.” Họ bảo cô nói thử vài câu xem.

“Cực cứng ơ, cực cứng,” cô nói lơ lơ. “Em yêu cực cứng. Anh là cực cứng của em.” Thế là cô được cho đứng chỗ góc tường. Pasquale để ý thấy mọi cô gái trẻ xinh đẹp cũng đều được cho ra đứng ở góc phòng này. Những người khác đi về phía cửa. Khi đến lượt mình, cậu đưa cho người đàn ông ngồi bàn mảnh giấy có tên Michael Deane trên đó, ông ta liền trả lại cậu.

“Ông là Michael Deane à?” Pasquale hỏi.

“Căn cước đâu?” người đàn ông hỏi bằng tiếng Ý.

Pasquale đưa căn cước của cậu ra. “Tôi đang tìm người này, Michael Deane.”

Người đàn ông liếc mắt lên nhìn cậu, lật lật mấy tờ giấy rồi cuối cùng ghi tên cậu vào mấy tờ cuối cùng đầy những cái tên như thế mà ông ta đã ghi trước đó.

“Có kinh nghiệm gì không?” ông ta hỏi.

“Gì cơ?”

“Kinh nghiệm diễn xuất ấy.”

“Không, tôi không phải là diễn viên. Tôi đang tìm Michael Deane.”

“Có nói được tiếng Anh không?”

“Có,”

Pasquale trả lời bằng tiếng Anh.

“Nói thử nghe xem.”

“Xin chào, anh có khỏe không?” cậu nói bằng tiếng Anh.

Người đàn ông có vẻ ngạc nhiên. “Nói gì đó vui vui thử,” ông ta yêu cầu.

Pasquale đứng im một lát rồi mới nói bằng tiếng Anh: “tôi hỏi cô ấy có yêu anh ta không, cô ấy nói có. Tôi hỏi anh ta có yêu như thế không. Cô ấy nói có, anh ta cũng yêu bản thân mình lắm.”

Người đàn ông không cười nhưng ông ta nói “Được” và trả lại thẻ căn cước cho Pasquale kèm với một cái thẻ có đánh số 5410 trên đó. Ông ta chỉ ra chỗ lối đi mà này giờ hầu hết mọi người đều bước đến, ngoại trừ những cô gái xinh đẹp. “Xe buýt số 4.”

“Không, tôi đang tìm...”

Nhưng người đàn ông đã bắt đầu hỏi người kế tiếp trong hàng.

Pasquale đi theo cái đoàn người rỗng rảnh đó ra chỗ đậu một loạt xe buýt. Cậu lên xe số 4 chật ních đàn ông tầm từ 20 đến 40 tuổi. Vài phút sau, cậu thấy những phụ nữ xinh đẹp chen chân lên một chiếc xe buýt nhỏ hơn. Thêm vài người đàn ông nữa lên xe cậu là cửa xe kêu kình kít đóng lại, động cơ bắt đầu nổ rầm rầm và chiếc xe lăn bánh. Chiếc xe chở họ đi qua thành phố tới một khu vực nhỏ ở trung tâm thì dừng lại, Pasquale không nhận ra được đây là chỗ nào. Mấy người đàn ông chầm chậm leo ra khỏi xe buýt. Pasquale không biết làm gì khác ngoài việc đi theo họ.

Bọn họ đi xuống dọc một con hẻm, qua một chiếc cổng đề bảng Chiến binh La Mã. Và tất nhiên, phía trong cái hàng rào cao đó là những người trong trang phục tướng lĩnh La Mã đứng đầy khắp nơi, người hút thuốc, kẻ ăn sandwich, không thì cũng đọc báo hoặc tán gẫu. Có hàng trăm người như vậy, mặc áo giáp và cầm giáo mác y hệt nhau. Không thấy bóng dáng máy quay phim hay người nào trong đoàn làm phim cả, chỉ toàn những người đàn ông mặc đồ lính La Mã vẫn còn đeo đồng hồ và đội mũ phớt.

Dù cảm thấy hơi ngớ ngẩn nhưng Pasquale vẫn đi theo hàng người chưa thay trang phục đang đi đến một tòa nhà nhỏ, nơi họ được lấy số đo và mặc thử đồ. “Có ai chịu trách nhiệm ở đây không?” cậu hỏi người đàn ông đứng phía trước.

“Không, thế mới tuyệt chứ.” Ông ta mở áo khoác ra, chỉ cho Pasquale thấy ông ta có đến năm cái thẻ được đánh số mà người ta đưa cho ở khách sạn. “Tôi chỉ mỗi việc phải xếp hàng. Máy thẳng ngực đó lúc nào cũng trả tiền tươi hết mà tôi thì thậm chí còn chưa mặc bộ đồ hóa trang nào lên người. Thật quá sức dễ dàng.” Ông ta nháy mắt.

“Nhưng mà tôi có định đến đây đâu,” Pasquale nói.

Người đàn ông bật cười. “Đừng lo lắng. Người ta sẽ không tóm chú em đâu mà lo. Đẳng nào hôm nay họ cũng chẳng quay phim được đâu. Lúc thì trời mưa, lúc thì có người không thích ánh sáng, không thì sau một tiếng đồng hồ lại có người chạy ra mà báo “Hôm nay bà Taylor lại ốm,” thế là họ cho chúng ta về nhà. Giỏi lắm thì cứ năm ngày mới quay được trọn một ngày. Cái dạo trời còn mưa nhiều, tôi biết một gã được trả lương mỗi ngày đến sáu lần mà chẳng diễn cái gì sất. Hăn đi tới mọi chỗ tuyển diễn viên quần chúng và chỗ nào cũng được trả tiền. Cuối cùng họ cũng tóm được và đá đít hăn ra ngoài. Thế chú em biết hăn làm gì tiếp không? Hăn chôm một cái máy quay phim và bán nó cho một công ty phim Ý. Biết bọn họ làm gì tiếp không? Bán lại cái máy đó cho tụi Mỹ với giá gấp đôi. Ha!”

Khi bọn họ tiến dần về phía trước, một người đàn ông mặc bộ vét vải tuýt tiến lại chỗ họ, đi dọc theo hàng, bên cạnh ông là một phụ nữ cầm một bìa kẹp hồ sơ. Người đàn ông nói tiếng Anh nhanh ào ào từng đợt với người phụ nữ để cô ghi xuống nhiều thứ trong cái bìa hồ sơ đó. Cô gật đầu và làm theo lời ông. Đôi khi ông kêu vài người ra khỏi hàng và bọn họ rất vui vẻ rời đi. Khi đến chỗ Pasquale, người đàn ông dừng lại, nghiêng người đến sát gần cậu khiến Pasquale phải ngả người về phía sau.

“Cậu này bao nhiêu tuổi?”

Pasquale trả lời bằng tiếng Anh trước khi người phụ nữ phiên dịch. “Tôi 22 tuổi.”

Giờ thì người đàn ông nâng cằm Pasquale lên và xoay khuôn mặt cậu để ông ta có thể nhìn thẳng vào mắt cậu. “Cậu lấy cặp mắt xanh này ở đâu vậy, cậu bé?”

“Mẹ tôi, mắt bà màu xanh. Bà là người miền biển Lingurian. Ở đó nhiều người mắt xanh.”

Người đàn ông nói với cô phiên dịch: “Cho làm nô lệ?” rồi quay qua nói với Pasquale: “Cậu có muốn đóng vai nô lệ không? Cậu sẽ kiếm được khá hơn đấy. Có khi đóng thêm được nhiều ngày nữa.” Rồi không để cậu trả lời, người đàn ông quay qua nói với người phụ nữ: “Lát đưa cậu ta đến chỗ đóng nô lệ.”

“Không,” Pasquale nói. “Chờ đã.” Cậu moi mẩu giấy ra và nói bằng tiếng Anh với người đàn ông mặc bộ vét vải tuyết. “Tôi chỉ muốn tìm Michael Deane thôi. Trong khách sạn của tôi có một người phụ nữ, Dee Moray.”

Người đàn ông quay hẳn người lại về phía Pasquale. “Cậu vừa nói gì?”

“Tôi đang tìm...” “Cậu vừa nói Dee Moray?”

“Đúng thế. Cô ấy ở khách sạn của tôi. Đó là lý do tôi đến tìm ông Michael Deane này. Cô ấy đã đợi nhưng ông ấy không đến. Cô ấy đang ốm nặng.”

Người đàn ông nhìn xuống mảnh giấy rồi nhìn thẳng sang người phụ nữ và nói: “Chúa ơi, chúng ta lại nghe là Dee đã đến Thụy Sĩ để chữa bệnh rồi.”

“Không, cô ấy đến khách sạn của tôi.”

“Trời đất ơi, cậu bé, thế cậu còn ở đây với mấy vai quần chúng này làm gì?”

Một chiếc ô tô đưa cậu trở lại khách sạn Grand, cậu ngồi trong sảnh chờ, ngắm ánh sáng lấp lánh tỏa ra từ chiếc đèn chùm pha lê. Phía sau chỗ cậu ngồi là một cầu thang bộ, cứ vài phút lại có người thong dong từ từ đi xuống như thể sự xuất hiện của họ cần một tràng pháo tay chào đón vậy. Cái thang máy cũng cứ mấy phút lại kêu keng nhưng chẳng có ai đến chỗ cậu cả. Pasquale hút thuốc và chờ đợi. Cậu đã nghĩ đến chuyện đi ra chỗ căn phòng cuối sảnh và hỏi ai đó xem thử có thể tìm được Michael Deane ở đâu nhưng

lại sợ rằng rất có thể họ lại tổng cậu lên một chiếc xe buýt nữa. Hai mươi phút trôi qua. Rồi lại hai mươi phút nữa. Cuối cùng, một cô gái trẻ xinh đẹp tiến đến chỗ cậu. Nơi đây có vẻ không thiếu những người xinh đẹp thế này.

“Anh Tursi ạ?”

“Đúng rồi.”

“Ông Deane rất xin lỗi đã để anh đợi lâu như vậy. Mời anh theo tôi.” Pasquale đi theo cô gái đến thang máy và người giữ thang đưa họ lên lầu bốn. Hành lang trên lầu này rộng rãi, sáng trưng và Pasquale thấy thật xấu hổ khi nghĩ đến việc Dee Moray phải rời bỏ khách sạn xinh đẹp này để chuyển tới cái nhà nghỉ bé tẹo của cậu, nơi cầu thang thì hẹp, không đủ cao để xây nổi một cái trần nhà cho ra hồn nên người thợ xây phải nối cả tường với vách đá mới làm thành cái trần nhà đá, như thể một cái hang đang gặm nhấm cái nhà nghỉ của cậu.

Cậu theo cô gái đi vào một phòng lớn, các cánh cửa nối giữa các phòng với nhau đã được mở tung. Có vẻ người ta đang làm việc bận rộn trong cái phòng này – người người nói chuyện điện thoại và gõ văn bản cứ như thể một doanh nghiệp nhỏ đã bám rễ ở đây. Có một chiếc bàn dài để đầy đồ ăn và mấy cô gái xinh đẹp cầm bình cà phê đi tới đi lui. Một trong số họ chính là cô gái đã xếp hàng cùng cậu nhưng cô ấy không trông thấy cậu.

Pasquale được dẫn đi nhanh qua phòng tới chỗ hành lang nhìn ra nhà thờ Bậc thang Tây Ban Nha. Cậu lại nghĩ về Dee Moray, chuyện cô kể từ phòng cô có thể nhìn thấy cảnh vật đẹp như thế nào và cậu tự thấy xấu hổ.

“Anh vui lòng ngồi đợi. Michael sẽ đến ngay.”

Pasquale ngồi trong một chiếc ghế sắt trên hành lang, mọi âm thanh của tiếng đánh máy và nói chuyện vang lên sau lưng cậu. Cậu hút thuốc. Cậu chờ thêm bốn mươi phút nữa. Thế rồi cô gái xinh đẹp lúc nãy quay trở lại. Hay đây lại là một cô gái khác? “Chỉ mất vài phút nữa thôi. Anh uống ly nước trong lúc chờ nhé?”

“Vâng, cảm ơn cô,” Pasquale nói.

Nhưng ly nước đã không được mang ra. Đã hơn một giờ chiều. Cậu đã tìm kiếm và chờ đợi Michael Deane hơn ba tiếng đồng hồ rồi. Cậu đói và

khát nữa.

Thêm hai mươi phút nữa trôi qua thì cô gái quay trở lại: “Ngài Michael đang chờ anh ở phía dưới sảnh.”

Pasquale run cả người, vì giận hay vì đói, cậu không biết, nhưng đúng là cậu run khi đứng dậy đi theo cô gái xuyên qua dãy phòng, ra lại hành lang, trở vào trong thang máy và xuống lại sảnh một lần nữa. Và ở đó, đang ngồi trên chính chiếc xô pha mà cậu ngồi một giờ trước, là một người đàn ông trẻ hơn Pasquale tưởng tượng – cũng chỉ cỡ cậu – một người đàn ông da trắng nhợt với mái tóc nâu đỏ mỏng lét. Anh ta đang ngồi cắn móng tay. Anh ta đẹp trai đấy, kiểu công tử bột Mỹ nhưng với Pasquale anh ta không phải kiểu người mà Dee Moray chờ đợi. Cậu nghĩ, có khi không có người đàn ông nào có thể xứng với cô.

Người đàn ông trẻ đứng dậy. “Anh Tursi,” anh ta nói bằng tiếng Anh. “Tôi là Michael Deane. Tôi được biết anh đến đây để nói chuyện về Dee.”

Điều Pasquale làm sau đó đã khiến chính cậu phải ngạc nhiên. Cậu chưa từng làm điều gì giống như vậy đã nhiều năm rồi, sau cái đêm ở La Spezia lúc cậu mới 17 tuổi và anh trai của Orenzio nói khích cậu, nhưng chính lúc này đây cậu lại nhào tới thụi cho Michael Deane một cú ngay ngực. Cậu chưa từng đánh vào ngực ai, cũng như chưa từng thấy ai bị thụi một cú ngay ngực như vậy, nó khiến cho cả cánh tay của cậu đau nhói, một tiếng huých khô khốc vang lên và Deane ngã xuống cái ghế xô pha, người cong gập cả lại như một cái túi vải.

Pasquale đứng phía trên người đàn ông trẻ đang ngồi gập cả lưng lại đó, người run lên. Đứng dậy. Hãy đứng dậy mà đấu lại; để tôi cho anh nếm một cú nữa. Nhưng rồi cơn giận của Pasquale nguôi dần. Cậu nhìn xung quanh. Không ai thấy cảnh cậu đánh người vừa rồi cả. Tất cả chỉ trông giống như Michael Deane ngồi lại xuống ghế mà thôi. Pasquale bước lùi về phía sau một chút.

Sau khi ráng hít thở, Deane giãn người ra, nhăn nhó nhìn lên nói: “Ôi! Chết tiệt.” rồi ho khù khụ. “Cậu nghĩ như thế là đáng đời tôi đấy hẳn.”

“Tại sao ông lại để cô ấy ở một mình như vậy! Cô ấy hoảng sợ và ốm yếu nữa.”

“Tôi biết rồi, biết rồi. Nghe này, tôi xin lỗi mọi việc lại thành ra như vậy.” Deane lại ho thêm và lấy tay day day ngực. Anh ta nhìn thận trọng xung quanh. “Chúng ta ra ngoài nói chuyện được không?”

Pasquale nhún vai rồi bọn họ bước ra phía cửa.

“Không đánh nữa, được chứ?”

Pasquale đồng ý. Hai người họ rời khách sạn và đi ra ngoài phía quảng trường Bậc thang Tây Ban Nha. Khu quảng trường đầy người, mấy người bán rong tiến đến hò hét giá bán hoa. Pasquale vẫy tay xua mấy người bán hàng này đi để bọn họ có thể có thể đi sâu hơn vào quảng trường.

Michael Deane tiếp tục day day ngực. “Tôi nghĩ cậu đã làm gãy xương tôi rồi.”

“Tôi xin lỗi,” Pasquale lầm bầm, dù cậu không thấy hối lỗi chút nào.

“Tình hình Dee sao rồi?”

“Cô ấy ốm. Tôi đã mời một bác sĩ từ La Spezia đến.”

“Và bác sĩ đó... đã khám cho cô ấy?”

“Đúng thế.”

“Tôi hiểu rồi.” Michael Deane gật đầu dứt khoát và lại tiếp tục cắn móng tay cái. “Thế thì tôi nghĩ mình không cần đoán vị bác sĩ đó đã nói gì với cậu nữa.”

“Ông ấy muốn gặp bác sĩ của cô ấy. Để nói chuyện.”

“Ông ta muốn gặp bác sĩ Crane?”

“Đúng thế.” Pasquale cố gắng nhớ chính xác cuộc nói chuyện của mình với ông bác sĩ già nhưng cậu biết mình sẽ không thể nào dịch cho hết những gì ông đã nói.

“Nghe này, cậu nên biết tất cả chuyện này không phải ý của bác sĩ Crane. Đó đều là ý của tôi.” Michael Deane lùi lại như sợ Pasquale lại đánh anh ta nữa. “Tất cả những gì bác sĩ Crane làm chỉ là giải thích cho cô ấy rằng

những triệu chứng của cô giống với triệu chứng của bệnh ung thư thôi. Mà đúng là vậy thật.”

Pasquale không chắc mình có hiểu được câu nói không. “Giờ anh sẽ đến đón cô ấy chứ?” cậu hỏi.

Michael Deane không trả lời liền mà nhìn quanh quất khắp khu quảng trường. “Cậu có biết tôi thích gì ở nơi này không, cậu Tursi?”

Pasquale nhìn khu quảng trường, nhìn những bậc thang đi lên cao dần như những tầng bánh cưới dẫn lên nhà thờ Bậc Thang Tây Ban Nha. Ở mấy bậc thang gần nhất, một phụ nữ trẻ đang ngồi, tay tựa lên đầu gối đọc một quyển sách trong khi bạn cô đang vẽ vẽ gì đó. Các bậc thang đầy những người như vậy, đọc sách, chụp ảnh và rì rầm trò chuyện.

“Tôi thích cái tính tư lợi mà thẳng thắn của người Ý. Tôi thích ở chỗ họ chẳng ngại ngần gì khi nói ra những điều họ muốn. Người Mỹ chúng tôi không được như vậy. Chúng tôi phải vòng vo tam quốc mới nói ra được ý định của mình. Cậu có hiểu điều tôi nói không?”

Pasquale không hiểu. Nhưng cậu cũng không muốn thừa nhận điều đó nên chỉ gật đầu.

“Cậu và tôi nên nói rõ tình thế của chúng ta. Tôi thì rõ ràng ở cái thế khó hơn cậu còn cậu có vẻ là người sẽ giúp được tôi.”

Pasquale thấy khó mà bắt kịp mấy từ vô nghĩa đó. Cậu không thể tưởng tượng nổi Dee Moray lại thấy gì hay ho ở người này.

Bọn họ đã đi đến chỗ Đài phun nước Thuyền cổ giữa trung tâm quảng trường – Fontana della Barcaccia. Michael Deane đứng dựa vào đó. “Cậu có biết gì về cái đài phun nước này không? Con thuyền chìm này?”

Pasquale nhìn vào bức tượng điêu khắc hình con thuyền ngay chính giữa đài phun, nước đang phun ra từ ngay chính giữa con thuyền. “Không.”

“Nó không giống bất kỳ bức tượng điêu khắc nào trong thành phố này cả. Tất cả những thứ khác đều trang nghiêm, nho nhã, chỉ có mỗi cái này, thật hài hước, kỳ lạ. Theo ý tôi, chính điều đó đã biến nó trở thành tác phẩm nghệ thuật chân thực nhất thành phố này. Cậu có hiểu ý tôi không, cậu Tursi?”

Pasquale không biết phải nói gì.

“Ngày xưa lâu lắm rồi, trong một trận lũ, dòng sông đã cuốn đi một con thuyền và quăng nó lên đây, chỗ cái đài phun nước này này. Người nghệ sĩ chỉ đang cố gắng nắm bắt lại cái bản chất khác thường của tự nhiên mà thôi.

“Ý người nghệ sĩ đó là: có khi chẳng cách gì lý giải được mọi việc xảy ra. Đôi khi một con thuyền có thể tự dưng xuất hiện trên phố xá. Và dù kỳ cục đến thế nào đi nữa thì ta cũng không có lựa chọn nào khác ngoài việc phải đối mặt với một thực tế là đột nhiên có một con thuyền xuất hiện giữa phố. Chà... đó là cái tình thế tôi đang lâm vào ở thành Rome này, trong bộ phim này đây. Ngoại trừ việc không chỉ có một con thuyền mà là nhiều con thuyền chết tiệt trải đầy trên từng con phố chết dẫm.”

Lại một lần nữa, Pasquale không hiểu người đàn ông này muốn nói gì ráo trọi.

“Có thể cậu nghĩ những gì tôi làm với Dee thật tàn nhẫn. Tôi sẽ không tranh cãi gì, ở một góc độ nào đó, nó quả là như vậy. Nhưng công việc của tôi là phải xử lý bất kể tai họa nào phát sinh, từng thứ một.” Và khi dứt câu đó, Michael Deane lôi ra từ túi áo vét của mình một chiếc phong bì. Anh ta nhét nó vào tay Pasquale. “Một nửa trong này là cho cô ấy, nửa còn lại là cho cậu, coi như trả công cho những gì cậu đã làm và những gì tôi hy vọng cậu sẽ làm giúp tôi bây giờ.” Anh ta đặt tay lên cánh tay Pasquale. “Cho dù cậu có đánh tôi, tôi vẫn coi cậu là bạn, cậu Tursi ạ, và tôi sẽ đối đãi với cậu như một người bạn. Nhưng nếu tôi phát hiện ra rằng cậu không đưa đủ một nửa số này cho cô ấy, hay cậu bép xép chuyện này với ai, tôi sẽ không còn là bạn cậu nữa. Và cậu sẽ không muốn điều đó xảy ra đâu.”

Pasquale rút cánh tay lại. Cái gã đàn ông tệ hại này đang buộc tội cậu gian dối sao? Cậu nhớ đến lời của Dee, thế là cậu nói: “Thôi đi! Tôi ngay thẳng!”

“À, tốt,” Michael Deane nói, hơi giơ tay lên như thể sợ Pasquale lại đánh anh ta nữa. Thế rồi anh ta nhíu mắt và bước lại gần hơn. “Cậu muốn nói thẳng à? Được, thì tôi nói thẳng. Người ta gửi tôi đến đây là để cứu lấy cái bộ phim sống dở chết dở này. Đó là cái công việc duy nhất của tôi. Cái nghề

của tôi thì chẳng có nói chuyện đạo đức gì đâu. Nó không tốt mà cũng chẳng xấu. Công việc của tôi chính là quét sạch mấy cái thuyền ra khỏi phố xá.”

Anh ta quay đi chỗ khác. “Rõ ràng vị bác sĩ của anh nói đúng. Chúng tôi đánh lừa Dee để đưa cô ấy rời khỏi đây. Tôi cũng chẳng tự hào gì khi làm ba cái việc đó. Cậu hãy nói với cô ấy rằng bác sĩ Crane lẽ ra không nên chẩn bệnh ung thư dạ dày. Ông ấy không có ý dọa cho cô sợ. Thì cậu cũng biết mấy ông bác sĩ còn gì – nhìn đâu chả thấy ung thư. Ông ta chọn nó bởi vì những triệu chứng đó phù hợp với những dấu hiệu có thai. Nhưng chúng tôi chỉ định để chuyện đó diễn ra một hai ngày thôi. Đó là lý do mà cô ấy đáng lẽ nên đi Thụy Sĩ rồi mới phải. Ở đấy có ông bác sĩ chuyên xử lý những vụ mang thai ngoài ý muốn như thế này. Rất yên tâm, lại kín đáo.”

Pasquale đi sau vài bậc thang. VẬY là đúng rồi. Cô ấy có thai thật.

Michael Deane phản ứng lại cái nhìn của Pasquale: “Nghe này, nói với cô ấy tôi rất xin lỗi.” Rồi anh ta đập nhẹ cái phong bì vào tay Pasquale. “Nói với cô ấy... đôi khi mọi việc đành phải diễn ra như vậy. Và tôi thực sự xin lỗi. Nhưng cô ấy cần đến Thụy Sĩ theo lời khuyên của bác sĩ Crane. Người bác sĩ ở đó sẽ chăm lo cho cô ấy. Mọi thứ đã được chi trả cả rồi.”

Pasquale nhìn chăm chăm vào cái phong bì trong tay mình.

“Ờ, mà tôi còn một thứ khác cho cô ấy.” Anh ta lại thò tay vào cùng cái túi áo ấy lấy ra ba tấm ảnh nhỏ hình vuông, có vẻ như được chụp ngay trên phim trường – cậu có thể thấy một đội quay phim ở phần nền một tấm ảnh – và dù mấy tấm ảnh nhỏ thôi nhưng Pasquale vẫn thấy rất rõ trong cả ba tấm là Dee Moray. Cô mặc một bộ váy dài thướt tha và đang đứng cùng một phụ nữ khác, cả hai bọn họ đều đứng bên một người phụ nữ thứ ba, một người tóc đen xinh đẹp nổi bật giữa các tấm ảnh. Trong tấm rõ nhất, Dee và người phụ nữ tóc đen này đang tựa vào nhau, được người chụp hình ghi lại trong khoảnh khắc chân thực khi cả hai cô đang cười vô cùng thoải mái. “Đây là những tấm ảnh chụp liên tiếp,” Michael giải thích, “Chúng tôi dùng những bức này để đảm bảo rằng ở cảnh sau vẫn dựng đúng phong nền, phục trang, tóc tai,... đảm bảo không người nào còn đeo đồng hồ. Tôi thiết nghĩ Dee có lẽ cũng muốn có những bức ảnh này.”

Pasquale nhìn chăm chú vào tấm ảnh trên cùng. Dee Moray để tay mình lên tay người phụ nữ kia, và họ cười vô cùng thoải mái. Pasquale có thể đánh đổi tất cả những gì có thể để biết được điều gì đã làm hai cô vui thích đến thế. Hay có lẽ đó là câu chuyện đùa mà cô đã kể cho cậu nghe, về người đàn ông yêu chính bản thân mình.

Deane cũng đang nhìn vào tấm ảnh trên cùng. “Cô ấy có một vẻ bề ngoài lôi cuốn. Thú thật, lúc đầu tôi cũng không nhận ra. Tôi tưởng Mankiewicz đã mất trí rồi, ai lại đi tuyển một cô tóc vàng đóng vai nữ tỳ Ai Cập bao giờ. Nhưng cô ấy lại có một phẩm chất...” Michael Deane ghé sát người tới. “Và tôi nói không chỉ là bộ ngực đâu nhé. Còn thứ khác nữa... một sự chân thực. Đó là một diễn viên thực sự, cô gái ấy.” Deane rũ bỏ cái suy nghĩ đó và lại nhìn vào tấm ảnh trên cùng. “Chúng tôi phải quay lại hết các cảnh có Dee xuất hiện. Cũng không nhiều lắm. Lúc thì hoãn quay, lúc lại trời mưa, hết ốm rồi lại Dee ốm. Khi tôi gửi cô ấy đi, cô ấy bảo sẽ buồn vì không ai biết cô đã từng góp mặt trong bộ phim này cả. Nên tôi nghĩ có lẽ cô ấy sẽ muốn có mấy tấm hình này.” Michael Deane nhún vai. “Dĩ nhiên, đó là lúc cô ấy nghĩ mình sắp chết.”

Chết, cái từ ấy lơ lửng trong không trung.

“Cậu biết đấy,” Michael Deane nói, “tôi có lúc cũng tưởng tượng rồi sẽ đến lúc cô ấy gọi điện cho tôi và chúng tôi sẽ cười xòa về chuyện này. Đó sẽ là một câu chuyện vui mà cả hai chúng tôi ôn lại lúc tuổi xế chiều, có khi chúng tôi còn...” Anh ta bước tiếp, cười thiếu não. “Nhưng chuyện đó sẽ chẳng xảy ra đâu. Cô ấy sẽ chỉ muốn bám vằm tôi. Nhưng mong cậu... hãy nói với cô ấy rằng một khi cơn giận đã nguôi ngoai, và chỉ cần cô ấy còn muốn hợp tác thì sau khi về Mỹ cô ấy muốn đóng vai nào tôi cũng sẽ giúp. Cậu có thể nói lại như thế với cô ấy chứ? Cô ấy có thể thành ngôi sao nếu muốn.”

Pasquale hết sức ngán ngẩm. Cậu đang cố hết sức để không thui cho Michael Deane một phát nữa – sao lại có loại đàn ông bỏ rơi một phụ nữ đang mang thai như vậy – thì đột nhiên cậu nhận ra một điều, rành rành đến nỗi nó khiến cho ngực cậu như bị tống một quả, khiến cậu phải thở hổn hển.

Cậu chưa từng có một suy nghĩ nào rõ rệt như thế này, nó như một cú đá trúng ngay bụng: ta ở đây, giận dữ gã đàn ông này vì đã bỏ rơi một người phụ nữ bụng mang dạ chửa... Trong khi chính con trai của ta lại được nuôi dạy để tin rằng mẹ đẻ nó chính là chị gái nó.

Pasquale đỏ bừng mặt. Cậu nhớ lại lúc mình lom khom trên chỗ ụ súng mà nói với Dee: mọi việc không phải lúc nào cũng đơn giản như vậy. Nhưng không phải thế. Mọi thứ thực sự rất đơn giản. Chỉ có một loại đàn ông trốn chạy khỏi trách nhiệm của mình. Cậu và Michael Deane chính là loại đàn ông đó. Pasquale cảm thấy buồn nôn trước thái độ đạo đức giả của chính mình, liền đưa tay lên bịt miệng.

Khi không thấy Pasquale nói gì, Michael Deane liếc nhìn về phía đài phun nước Fontana della Barcaccia và chau mày. “Thế giới là thế này đây.”

Thế rồi Michael Deane bỏ đi, hòa lẫn vào đám đông, để mặc Pasquale vẫn đang đứng dựa vào đài phun nước. Cậu mở cái phong bì dày cộm ra. Số tiền trong phong bì nhiều chưa từng thấy – một xấp tiền đô Mỹ cho Dee và một xấp lia Ý cho cậu.

Pasquale đặt những tấm ảnh vào lại phong bì và gấp mép lại. Cậu nhìn khắp xung quanh. Một ngày trời đầy mây u ám. Người người tản ra trên khắp khu Bạc thang Tây Ban Nha này nghỉ ngơi, còn ngay chỗ quảng trường trên phố ai ai cũng di chuyển đầy mục đích, tốc độ có thể khác nhau nhưng đều theo những đường thẳng tắp, họ giống như hàng ngàn viên đạn bắn ra hàng ngàn hướng từ hàng ngàn khẩu súng khác nhau. Tất cả những người này đều đang di chuyển theo quỹ đạo mà họ cho là có lý... tất cả những câu chuyện này, tất cả những con người yếu đuối, bệnh tật với sự phản bội và con tim tăm tối của họ – Thế giới là thế này đây – đang cuộn xoáy xung quanh cậu, nói chuyện, hút thuốc, chụp ảnh. Pasquale cảm thấy như người mình cứng lại, và cậu nghĩ rằng mình rất có thể sẽ chôn chân suốt đời ở chốn đây giống như cái đài phun nước già cỗi và con thuyền mắc cạn này. Người ta sẽ đến và chỉ trở bức tượng một cậu trai làng chài tội nghiệp đã ngây thơ tìm đến thành phố đòi nói chuyện cho ra lẽ với mấy người hăng

phim Mỹ, và đã bị đông cứng lại mãi mãi khi thấy được cái bản chất yếu đuối của mình.

Và Dee nữa! Cậu sẽ nói gì với cô đây? Liệu cậu có nói xấu con người gã đàn ông cô yêu không, con răn độc Deane này, khi bản thân Pasquale cũng cùng loài răn với hắn? Pasquale đưa tay bịt miệng lại khi cậu nghe thấy tiếng rên rỉ từ chính mình phát ra.

Và ngay lúc đó, cậu cảm thấy có một bàn tay đặt lên vai mình. Pasquale xoay người lại. Đó là một người phụ nữ, chính là cô phiên dịch đã đến hàng diễn viên phụ đóng vai chiến binh La Mã hồi sáng sớm. “Anh là người biết Dee ở đâu phải không?” Cô nói bằng tiếng Ý.

“Đúng vậy,” Pasquale trả lời.

Người phụ nữ nhìn xung quanh một lượt rồi nắm lấy tay Pasquale. “Anh hãy đi với tôi. Có người này rất muốn nói chuyện với anh.”

KHÁN PHÒNG

Gần đây

Khu Universal City, California

Khán phòng dường như là tất cả. Khi anh đã ở trong Khán phòng, sẽ chẳng có gì tồn tại bên ngoài có thể tác động đến anh. Những người ngồi nghe bài pitch của anh không làm sao rời khỏi Khán phòng cũng giống như người ta không tránh được lúc “lên đỉnh” vậy. Bọn họ PHẢI lắng nghe câu chuyện của anh. Khán phòng chính là thứ tối cần thiết.

Những quyển tiểu thuyết vĩ đại kể những sự thật mà chưa ai biết tới. Những bộ phim vĩ đại còn đi xa hơn thế. Một bộ phim vĩ đại còn cải biến sự thật. Suy cho cùng, sự thật nào có thể thu về được 40 triệu đô trong tuần đầu công chiếu chứ? Sự thật nào bán được cho 40 vùng lãnh thổ nước ngoài chỉ trong sáu tiếng đồng hồ? Ai sẽ xếp hàng để coi phần hai của sự thật?

Nếu câu chuyện của anh giúp cải biến sự thật, hãy bán câu chuyện đó tại Khán phòng. Bán nó tại Khán phòng anh sẽ kiếm được Hợp đồng. Kiếm được Hợp đồng rồi thế giới sẽ ngóng chờ anh như một cô dâu run rẩy trên giường cưới.

Trích chương 14 Hồi ký *Hãy làm theo cách của Deane: Tôi đã pitch một Hollywood hiện đại cho nước Mỹ như thế nào và bạn cũng sẽ pitch được thành công cho đời bạn*, tác giả Michael Deane.

Trong Khán phòng, Shane Wheeler cảm thấy sự hứng khởi đúng như Michael Deane đã hứa hẹn trong sách của ông. Bọn họ sẽ làm phim *Donner!* Cậu biết chắc là như thế. Michael Dean chính là sư phụ Miyagi * và cậu chính là cậu bé học trò vừa đánh bóng xong chiếc xe. Michael Deane chính

là Yoda * và cậu vừa nâng được con thuyền lên từ đồng rác rưởi. Cậu đã làm được. Shane chưa bao giờ cảm thấy hăng hái như lúc này. Cậu ước gì Sandra có thể ở đây để chứng kiến điều này, hoặc ba mẹ của cậu cũng được. Lúc đầu cậu cũng hơi lúng túng; nhưng có một điều mà cậu biết chắc: cậu đã “xử lý” được bài pitch đó.

* nhân vật trong phim Cậu bé Karate (*The Karate Kid*), dạy võ cho cậu bé nhân vật chính Daniel bằng những việc tưởng chừng như đơn giản: đánh sập vỏ xe hơi, rải cát lên sàn gỗ, sơn hàng rào, sơn tường nhà... * Nhân vật trong loạt truyện và phim giả tưởng nổi tiếng Chiến tranh giữa các vì sao (*Star Wars*). Yoda là một thầy giáo uyên bác, trầm tính, là người huấn luyện và chỉ đường cho các nhân vật chính trong phim.

Căn phòng lặng như tờ. Shane chờ đợi. Chính ông lão Pasquale lại là người cất tiếng đầu tiên, ông cụ vỗ vỗ vào tay Shane, “*Penso è andata molto bene*”. Tôi nghĩ mọi chuyện diễn ra rất suôn sẻ.

“*Grazie* *, bác Tursi.”

Shane liếc nhìn xung quanh phòng. Michael Deane thì đúng là trông bí hiểm rồi, nhưng Shane còn không chắc là khuôn mặt đó có thể hiện được chút cảm xúc nào của loài người được nữa không. Tuy thế, trông ông ta có vẻ như đang trầm tư suy nghĩ, đôi tay nhăn nheo ôm lấy khuôn mặt nhăn nhui, hai ngón tay trở gờ lên chạm nhau như một cái tháp chuông đặt trước miệng. Shane nhìn người đàn ông chăm chú: một bên lông mày của ông ta nhướng cao hơn bên còn lại à? Hay bình thường đã thế rồi?

Rồi Shane liếc qua phía bên phải của Michael Deane, nơi Claire Silver đang có cái biểu hiện kỳ lạ nhất trên mặt cô. Đó có thể là một nụ cười (cô ấy thích nó!) mà cũng có thể là một sự nhăn nhó (Chúa ơi, lẽ nào cô ấy lại ghét nó?), nhưng nếu phải gọi tên có lẽ anh sẽ gọi cảm xúc đó là một sự ngạc nhiên đau đớn.

* *Cám ơn*

Tuy vậy vẫn không ai nói lời nào. Shane đang bắt đầu tự hỏi liệu cậu có hiểu sai Khán phòng không – tất cả sự ngờ vực bản thân suốt năm ngoài lề ủa về – thì bỗng... có tiếng phát ra từ Claire Silver. Một tiếng ậm ừ bằng mũi

như tiếng động cơ nổ rì rầm. “Ăn thịt người,” cô nói, rồi không kiềm được nữa phá ra cười nắc nẻ, cười ha hả: cô cười ré lên như điên dại và đưa tay về phía Shane: “Tôi – tôi xin lỗi, không có gì, chỉ là tôi, nó–” Rồi cô lại phá lên cười nữa, cô như tan đi trong tiếng cười.

“Tôi xin lỗi,” Claire nói khi cuối cùng cô cũng có thể ngừng cười được. “Thực đấy. Nhưng mà–” Rồi tràng cười lại phá ra, giọng còn ré lên hơn nữa. “Tôi đã chờ ba năm để được nghe một bài pitch phim hay ho... và khi có nó rồi, nó lại nói về điều gì? Một anh cao bồi” – cô bịt miệng lại để cố nén tiếng cười – “có gia đình bị một lão Đức mập ú ăn mất.” Cô cười gập cả người.

“Ông ta không phải cao bồi,” Shane lầm bầm, cảm thấy người như co rút lại, teo đi, chết dần chết mòn. “Và chúng ta sẽ không chiếu những cảnh ăn thịt người.”

“Không, không, tôi xin lỗi,” Claire vừa nói vừa thở hỗn hển. “Tôi xin lỗi.” Cô bịt miệng và nhắm tịt mắt mà vẫn không thể ngừng cười.

Shane lén nhìn sang phía Michael Deane, nhưng ông sản xuất già vẫn nhìn lơ đãng đâu đó, ngập chìm trong suy nghĩ còn Claire vẫn cười phì phì qua mũi – Và Shane cảm thấy như luồng sinh khí cuối cùng đã rời khỏi cơ thể. Bây giờ anh chỉ là một hình ảnh hai chiều – một bức họa phẳng lì trên giấy về một cái tôi bị bóp nát. Đó là điều mà anh đã cảm thấy năm ngoái trong cơn chán đời của mình, và bây giờ anh mới thấy mình ngốc nghếch làm sao khi tin rằng dù chỉ trong giây phút anh có thể có được sự tự tin trong câu châm ngôn HÀNH ĐỘNG trước kia – dù là dưới hình thức mới mẻ hơn, khiêm tốn hơn của nó. Cái thằng Shane ấy đã đi mất rồi, đã chết rồi. Đã biến thành món bê thui dọn lên đĩa rồi. Anh lầm bầm: “Nhưng... đó là một câu chuyện hay mà,” và ngược mắt nhìn Michael Deane cầu cứu.

Claire biết rõ luật chơi: không có nhà sản xuất nào lại nói thẳng ra là mình không thích một bài pitch, nhờ trong trường hợp bài pitch đó có bán được ở nơi khác, chẳng hóa ra ta biến thành thằng ngốc vì đã bỏ qua nó. Ta luôn có thể tìm ra một lý do nào đó để thoái thác: Thị trường có vẻ chưa sẵn sàng cho điều này, hoặc Nó khá giống với một thứ chúng tôi đang làm, hoặc nếu

ý tưởng đó kinh khủng thực thì Nó không thích hợp với chỗ chúng tôi. Nhưng sau ngày hôm nay, sau ba năm qua, sau tất cả mọi thứ – thật sự không kiềm nổi. Tất cả những phản ứng bị kìm nén suốt ba năm trước những ý tưởng lỗ bịch và những bài pitch khờ dại đã khiến cô bò ra mà cười chảy cả nước mắt, thở hỗn hển. Một bộ phim giật gân về mấy tay cao bồi ăn thịt người ư? Ba tiếng đồng hồ đau khổ và đê hèn, tất cả chỉ để biết rằng con trai của nhân vật chính đã thành ra... món tráng miệng?

“Tôi xin lỗi,” cô hít một hơi nhưng vẫn chưa ngừng cười.

Tôi xin lỗi: những từ đó dường như đã giật Michael Deane ra khỏi cơn mê. Ông ta bắn một cái nhìn cáo kinh vào cô trợ lý của mình và bỏ tay khỏi cằm. “Claire. Thôi đi. Thế đủ rồi.” Rồi ông ta nhìn sang Shane Wheeler và ngả người tới trên bàn. “Tôi rất thích đây.”

Claire cười thêm vài cái nữa rồi thôi. Cô lau nước mắt nước mũi rồi mới nhận ra Michael đang nói nghiêm túc.

“Nó thật hoàn hảo,” ông nói. “Đó chính xác là loại phim tôi muốn làm khi bắt đầu bước vào cái nghề này.”

Claire ngã người ra ghế, choáng váng – tổn thương tới mức cô không còn hiểu ra làm sao nữa.

“Thật tuyệt vời,” Michael nói, rào trước cho cái ý định chính của ông ta. “Một câu chuyện chưa từng có đầy tính sử thi về sự cơ cực của nước Mỹ.” Và giờ thì ông quay sang Claire. “Chúng ta hãy ký hợp đồng ngay lập tức. Tôi muốn trình bày nó với hãng phim”

Ông quay lại phía Shane. “Nếu cậu đồng ý, chúng ta sẽ ký thỏa thuận sử dụng ý tưởng trong vòng sáu tháng trong khi tôi cố gắng làm việc với hãng phim – để xem nào, mười ngàn đô được không? Dĩ nhiên đó chỉ là đảm bảo anh không bán nó với giá cao hơn cho người khác phát triển tiếp. Nếu chấp nhận, anh–”

“Wheeler–” Shane tiếp lời, thấy nói lên tên họ của mình thôi cũng thật khó khăn. “Được,” anh kiểm cách nói, “mười ngàn là giá, ừ, chấp nhận được.”

“À, anh Wheeler – thật là một bài pitch ấn tượng đấy. Anh tràn đầy nhiệt huyết. Anh đã làm tôi nhớ về bản thân mình hồi còn trẻ.”

Shane nhìn từ Michael Deane sang Claire, giờ đã tái mặt, rồi anh lại nhìn sang Michael. “Cám ơn ông, Deane. Tôi thực sự đã đọc ngẫu nhiên quyển sách của ông.”

Michael trông hơi lưỡng lự khi nghe nhắc đến quyển sách của mình. “À, điều đó cho thấy rằng,” ông nói, đôi môi mở rộng chìa ra hàm răng trắng lóa trông có vẻ giống như một nụ cười, “có lẽ tôi nên đi làm thầy giáo, Claire nhỉ?”

Một bộ phim về đoàn người Donner sao? Michael làm thầy giáo? Claire giờ hết biết phải nói gì rồi. Cô nghĩ về cái thỏa thuận tự hứa với bản thân mình – Một ngày hôm nay, chỉ cần một ý tưởng phim thôi – và nhận ra đúng là Số phận đang chơi đùa cô thật rồi. Sống trong cái thế giới trống rỗng mà đầy hoài nghi này đã đủ khó rồi, nhưng nếu Số phận đang bảo cô rằng cô thậm chí còn không hiểu được quy luật của thế giới này – chà, điều đó thật quá sức chịu đựng. Con người ta có thể chịu đựng một thế giới bất công; nhưng khi thế giới đó trở nên khó lường và không giải thích được như vậy thì mọi trật tự sẽ đổ vỡ.

Michael đứng dậy và quay người lại về phía cô trợ lý phát triển đang chết lặng đi. “Claire, tôi cần cô sắp xếp một cuộc họp với hãng phim vào tuần tới – Wallace, Julie... tất cả mọi người.”

“Ông sẽ đưa ý tưởng này ra hãng phim hả?” “Đúng thế. Sáng thứ hai, cô, tôi, Danny và anh Wheeler đây sẽ đi pitch phim Đoàn người Donner.”

“À, chỉ là Donner! thôi” Shane nhắc. “Với một dấu chấm than ở cuối.”

“Thế càng hay,” Michael nói. “Anh Wheeler, tuần tới anh pitch lại được chứ? Giống như anh làm hôm nay ấy?”

“Được chứ,” Shane nói. “Chắc chắn rồi.”

“Thế thì tốt rồi.” Michael lôi cái di động ra. “Còn điều nữa anh Wheeler, tiện lúc anh còn ở đây dịp cuối tuần này, có phiền lắm không nếu chúng tôi nhờ anh làm phiên dịch cho ông Tursi đây? Chúng tôi sẽ trả công và lo ăn ở

cho anh ở khách sạn. Sau đó chúng ta sẽ lo liệu cho anh một thỏa thuận vào thứ Hai này. Anh thấy thế nào?”

“Ô, được chứ!” Shane nói. Anh liếc sang phía Claire, cô gái này còn đang sốc hơn anh nữa.

Michael mở ngăn kéo và bắt đầu lục tìm cái gì đó. “Ồ, và anh Wheeler này, trước khi anh đi... phiền anh giúp hỏi ông Tursi đây thêm một câu nữa.” Michael lại mỉm cười với Pasquale. “Hỏi ông ấy...” Ông ta hít một hơi sâu và hơi lúng búng như thể đây là điều khó nói nhất. “Tôi tự hỏi liệu ông ấy có biết là Dee... tôi định nói là... có một đứa bé?”

Nhưng lần này Pasquale không cần đến phiên dịch. Ông thò tay vào mặt trong áo khoác, rút ra một phong bì. Ông lấy ra một tấm bưu thiếp đã cũ nhàu và cẩn thận đưa nó cho Shane. Phía trước bưu thiếp là hình vẽ một đứa trẻ sơ sinh màu xanh bạc. **ĐÓ LÀ MỘT BÉ TRAI!** Mặt sau bưu thiếp đề gửi cho Pasquale Tursi ở Khách sạn. Cảnh quan Vừa phải, Porto Vergogna, nước Ý và một lời nhắn được viết tay cẩn thận.

Thân gửi Pasquale. Thật không phải khi tôi đi mà chưa kịp chào anh. Nhưng tôi cho có những thứ chỉ có thể diễn ra ở một nơi chốn và một thời điểm nhất định. Dù gì đi chăng nữa, cảm ơn anh rất nhiều.

Luôn quý mến anh – Dee Tái bút: Tôi đặt tên thằng bé là Pat, giống tên anh vậy.

Tấm bưu thiếp được chuyển tay một vòng. Khi nó đến tay Michael, ông ta cười hờ hững. “Lạy Chúa tôi. Một đứa bé trai.” Ông ta lắc đầu. “À, mà giờ thì không còn bé nữa. Một người đàn ông rồi. Nó có lẽ phải... Lạy Chúa tôi... Sao nhỉ? Hơn bốn mươi tuổi rồi ấy chứ?”

Ông ta đưa lại tấm bưu thiếp cho Pasquale, ông này cẩn thận nhét lại vào trong áo khoác.

Michael lại đứng dậy và chìa tay cho Pasquale. “Ông Tursi. Chúng ta sẽ làm điều này cho tốt – ông và tôi.” Pasquale đứng dậy và bọn họ bắt tay gượng gạo. “Claire, cô hãy thu xếp cho hai quý ông đây nghỉ trong khách sạn. Tôi sẽ liên lạc với một thám tử tư và mai chúng ta gặp lại.” Pasquale

chỉnh lại cái áo khoác dày cộp phủ ngoài cái quần ngủ của ông. “Giờ thì tôi phải về nhà với bà Deane đây.”

Michael quay sang phía Shane, chìa tay ra.

“Anh Wheeler, chào mừng đến với Hollywood.”

Trước khi Claire kịp đứng dậy thì Michael đã đi ra ngoài cửa. Cô bảo Shane và Pasquale là cô sẽ trở lại ngay rồi đuổi theo ông sếp của mình, bắt kịp ông trên lối đi phía ngoài căn nhà. “Michael!”

Ông quay người, khuôn mặt sáng bóng lên dưới ánh đèn đường dùng trang trí phong nền trong phim trường. “Có chuyện gì thế Claire?”

Cô hơi liếc lại phía sau lưng để chắc là Shane không đi theo cô ra ngoài này. “Tôi có thể tìm một người phiên dịch khác mà. Ông đâu nhất thiết phải lôi theo anh chàng tội nghiệp đó.”

“Cô đang nói chuyện gì thế?”

“Thì chuyện Đoàn người nhà Donner?”

“Phải,” ông nheo mắt lại. “Chuyện đó thì sao, Claire?”

“Nhưng Đoàn người nhà Donner ư?”

Ông nhìn cô chăm chăm.

“Michael, ông định nói với tôi là ông *thích* bài pitch đó ư?”

“Còn cô định nói với tôi là cô *không thích*?”

Claire đỏ mặt. Thực sự, bài pitch của Shane hội tụ đủ mọi yếu tố: nó hấp dẫn, xúc động, hồi hộp. Đúng thế, đáng lẽ phải là một bài pitch tuyệt vời – cho một bộ phim không bao giờ được sản xuất ra: một bộ phim sử thi kiểu miền Tây mà không bắn súng lẫn yêu đương lãng mạn, chỉ là một câu chuyện buồn dài ba tiếng đồng hồ kết thúc bằng việc kẻ ác đã ăn thịt mất con của người anh hùng.

Claire ngấn ra. “Vậy ngài định đến hãng phim sáng thứ hai này và pitch một bộ phim cổ lỗ trị giá 50 triệu đô la về chuyện ăn thịt người thời di cư à?”

“Không,” Michael nói và kéo môi lên làm chìa ra hàm răng trông như thế nụ cười. “Tôi sẽ đến hãng phim sáng thứ hai này và pitch một bộ phim trị

giá 80 triệu đô la về chuyện ăn thịt người thời di cư.” Ông quay người lại và lại tiếp tục bước đi.

Claire gọi với theo ông sếp. “Còn đứa con của cô diễn viên. Đó là con ông à?”

Michael chậm chậm quay người lại, nhìn cô từ đầu đến chân. “Cô có một phẩm chất rất hiếm, biết không Claire? Sự hiểu thấu bản chất vấn đề.” Ông mỉm cười. “Thế nói tôi nghe. Buổi phỏng vấn xin việc của cô thế nào rồi?”

Cô giật mình. Cô vừa định coi Michael như một nhân vật trong tranh biếm họa thì ông ta liền tỏ rõ ngay cái uy lực vốn có của mình.

Cô cúi xuống nhìn đôi giày, nhìn bộ váy cô đã mặc cả ngày – bộ đồ cô mặc đến buổi phỏng vấn. “Họ đã nhận tôi, làm phụ trách một bảo tàng phim.”

“Cô đã nhận việc chưa?”

“Tôi còn chưa quyết định.”

Ông gật đầu. “Nhìn này, cuối tuần này tôi thực sự cần cô giúp. Còn tuần tới, nếu cô vẫn còn muốn nghỉ việc tôi sẽ thông cảm, tôi thậm chí sẽ giúp cô. Nhưng dịp cuối tuần này, tôi cần cô để mắt tới ông cụ người Ý và anh chàng phiên dịch đó. Giúp tôi cho đến lúc xong bài pitch sáng thứ Hai và giúp tôi tìm cô diễn viên lẫn con cô ta. Cô có thể giúp tôi điều đó không Claire?”

Cô gật đầu. “Dĩ nhiên rồi, Michael,” rồi cô hỏi khẽ: “VẬY... có phải không? Là con của ông à?”

Michael Deane bật cười, nhìn xuống đất rồi nhìn lên lại. “Cô có biết câu nói này không, rằng ai cũng đòi làm cha của thành công, còn thất bại chỉ có một người cha duy nhất?”

Cô lại gật đầu.

Ông lại khoác chặt cái áo vào người. “Nếu thế thì cái thằng nhóc này... rất có thể là đứa con duy nhất của tôi đó.”

CHUYỆN LƯU DIỄN ANH QUỐC

Tháng Tám 2008

Edinburgh, Scotland

Một thằng nhóc người Ireland gầy gò hích vào vai Pat Bender trong một quán rượu ở Portland và mọi chuyện bắt đầu từ đó.

Pat quay người lại và nhìn thấy một một khuôn mặt xám, răng thưa và mái tóc cắt gọn như siêu nhân, trông thấy cái kính đen và áo phông in hình ban nhạc rock Dandy Warhols. “Ba tuần ở Mỹ, biết tôi ghét nhất cái gì không?” thằng nhóc hỏi. “Mấy cái môn *thia thao* của các ông đấy.” Nó hất đầu về phía cái tivi trong quán đang chiếu trận đấu bóng chày của đội Mariners. “Thực sự là, không biết ông anh đây có thể giải thích đôi điều về cái giải bóng bầu dục mà tôi chả hiểu lắm được không.”

Trước khi Pat có thể cất lời, thằng nhóc đã hét lên, “Tất tần tật các môn!” rồi xách dít sà tới chỗ Pat đang ngồi. “Tui là Joe,” nó nói. “Thừa nhận đi, mấy người Mỹ các ông chơi dở ẹt mọi môn *thia thao* mà mấy ông không tự nghĩ ra.”

“Thực ra là,” Pat nói, “tôi chơi mấy môn nước Mỹ tui nghĩ ra cũng dở ẹt.”

Câu này có vẻ làm Joe hài lòng và khoái chí, rồi hần chỉ ra chỗ cái hộp đàn của Pat đang để trên ghế cạnh hần như một cô bạn gái thất vọng. “Thế anh giai cũng chơi cây đàn hiệu Larrivée này à?”

“Phía bên kia đường,” Pat trả lời, “trong một tiếng đồng hồ nữa.”

“Thật á? Tui là người chuyên đi quảng cáo cho mấy câu lạc bộ nè,” Joe khoe. “Thế ông anh chơi cái thể loại gì?”

“Hầu hết là thất bại,” Pat nói. “Tôi từng làm ca sĩ chính cho một nhóm này, Những người trầm lặng ấy?” Không nghe Joe nói năng gì và Pat cảm thấy thật thê thảm khi ngỡ rằng người ta cũng có nghe về ban nhạc đó. Và làm thế nào có thể tả được cái thể loại hần ta đang chơi hiện nay cơ chứ, lúc đầu thì cũng được một dàn âm thanh ánh sáng bự – như cái sô *Người kể chuyện* * – chiếu hồi trước ấy – nhưng sau một năm thì đã biến thành kiểu độc diễn vừa ca hát vừa tấu hài, giống như tiểu thuyết gia Spalding Gray cầm đàn guitar vậy. “À” hần bảo Joe, “thì tôi ngồi lên một cái ghế đẩu và hát một chút, rồi kể chuyện hài một chút, thú nhận ba chuyện lãng nhãng, và cứ vài tháng một lần, sau một sô nào đó, tôi khám phụ khoa nghiệp dư cho mấy em gái trẻ.”

* *chương trình âm nhạc nhiều kỳ trên truyền hình trong đó nghệ sĩ biểu diễn trực tiếp trước một lượng khán giả nhỏ, đồng thời kể chuyện, tâm sự về âm nhạc, kinh nghiệm sáng tác hay kỷ niệm của họ.*

Và mọi việc bắt đầu từ đó – cả cái chuyến lưu diễn Anh quốc này. Cũng giống như mọi điểm nhấn trong cái sự nghiệp tồi tàn bé tí của Pasquale ‘Pat’ Bender, đây cũng chẳng phải ý của hần. Đây là ý của thằng nhóc Joe này, đứa đang ngồi giữa khán phòng đông được một nửa trong một câu lạc bộ, phá lên cười khi nó nghe “Tiệc tùng đêm”, bài hát của Pat tả cảnh mấy ban nhạc vừa thành lập dở tệ ra sao, rồi nó tru lên khi nghe Pat kể chuyện thằng ca sĩ say xỉn trong ban nhạc của hần đọc nốt nhạc như đọc thực đơn món Tàu; rồi nó hòa cùng với đám khán giả hát theo điệp khúc bài “Mấy tay trống khua dùi khui dừa.”

Thằng nhóc đó có cái gì đó lôi cuốn đến lạ. Nếu như là những đêm khác, hần Pat đã ngó đến em gái xinh đẹp ngồi bàn đầu với quần lót trắng lấp ló dưới váy, nhưng hần cứ nghe mãi cái giọng cười như ngựa của Joe, cái giọng cười còn lớn hơn cả thằng nhóc, và đến lúc và Pat chìm vào cái màn thú tội tối tăm của buổi diễn – nghiệm ngập và chia tay – thì Joe đã xúc động sâu sắc, nó gỡ kính ra mà chậm chậm nước mắt theo đoạn điệp khúc của bài hát da diết nhất của Pat: “Lydia.”

Cái cở cũ rích: anh không xứng với em Lỗi tại anh, nào phải tại em

Nhưng Lydia, em ơi... đó lại là lời thực tâm nhất em nghe từ anh -

Sau đó thì thằng nhóc không ngớt lời tán dương hẳn. Nó nói chưa từng xem sô diễn nào như thế: hài hước, chân thực và dí dỏm, âm nhạc và những câu pha trò kết hợp thật hoàn hảo. “Cả bài hát đó nữa ‘Lydia’ – Chúa ơi, Pat!”

Đúng như Pat nghĩ, “Lydia” đã làm cho Joe khát khao về một cô gái nào đó mà nó không quên được – và nó bị thôi thúc phải kể cái câu chuyện đó ra, một câu chuyện mà Pat chẳng mấy để tâm. Cho dù bọn họ có cười đã đời suốt phần còn lại của sô diễn, thì mấy thằng thanh niên lúc nào cũng bị bài hát kể về sự kết thúc một mối tình đó làm cho xúc động, và Pat luôn ngạc nhiên khi thấy tụi nó hiểu nhầm sự từ chối lạnh lùng phũ phàng, sự cự tuyệt tình cảm đó (*Liệu trong đôi mắt em có tồn tại anh không*) là một bài tình ca.

Joe bắt đầu gợi ý ngay về chuyện Pat biểu diễn ở London. Đó chỉ là một cuộc nói chuyện ngớ ngẩn lúc nửa đêm, nhưng đến một giờ sáng thì nghe hấp dẫn, lúc hai giờ bắt đầu trở nên hợp lý, và đến bốn giờ rưỡi sáng – lúc đang hít thuốc của Joe và ngồi nghe mấy bài hát cũ của nhóm Những người trầm lặng trong căn hộ của Pat ở phía đông bắc Portland (“Nghe đã cái lỗ nhĩ quá ông anh! Sao mà tôi lại chưa từng nghe bao giờ hí?”) – thì ý tưởng này đã biến luôn thành một kế hoạch: tất cả mớ rắc rối tiền-gái-sự nghiệp của Pat đã được giải quyết bởi cái cụm từ đơn giản ấy: Lưu diễn Anh quốc.

Joe nói rằng London và Edinburgh là nơi lý tưởng cho thứ ca kịch hài hước thông minh tân thời của Pat – nơi đó đầy rẫy những câu lạc bộ nhỏ, những lễ hội hài kịch luôn được mấy người đại diện và chiêu mộ truyền hình để mắt tới. 5 giờ sáng ở Portland mới là 1 giờ chiều ở Edinburgh, nên Joe bước ngay ra ngoài để gọi điện thoại rồi lão đảo bước vào lại: một nhà tổ chức ở Lễ hội Fringe vẫn còn nhớ đến nhóm Những người trầm lặng và nói rằng có một vị trí diễn thế chỗ còn trống. Tất cả đã được định sẵn. Pat chỉ cần lê mông từ Oregon tới London còn Joe sẽ lo liệu phần còn lại: nơi ăn chỗ ở, phương tiện đi lại, 6 tuần biểu diễn có thù lao trả trước, và có thể còn được ký thêm. Bắt tay, vỗ vai nhau vài cái và thế là sáng hôm sau Pat đã liên lạc với đám học sinh của hẳn và hủy lớp cả tháng. Pat chưa từng cảm thấy

háo hức như thế này kể từ hồi còn đôi mươi trai trẻ; và giờ thì hẳn ở đây, bước vô lại con đường đó, đã 25 năm trôi qua kể từ khi hẳn bắt đầu đi con đường này. Dĩ nhiên, mấy fan hâm mộ cũ giờ thấy hẳn chắc phải thất vọng – không chỉ vì nhìn thấy cựu ca sĩ chính của nhóm Những người trầm lặng giờ phải đi tấu hài (bỏ lỡ luôn sự khác biệt tinh tế trong nghề nghiệp mới của Pat: giờ hẳn là một người *độc diễn nhạc kịch hài*), mà còn là bởi Pat Bender vẫn còn sống, vẫn chưa biến thành một cái xác khi còn trẻ trung. Thật kỳ lạ khi chính sự sống chết của một nhạc sĩ lại khiến hẳn phân vân đến vậy – như thể những ngày huy hoàng chết tiệt trước kia chỉ là một sự giả tạo. Pat đã thử viết một ca khúc về cái cảm giác kỳ lạ này – “Xin lỗi đây chưa chết” hẳn đặt tên như thế – nhưng cái bài ấy lại sa lầy vào một giọng điệu đạo đức giả thế nên hẳn chưa bao giờ biểu diễn nó.

Nhưng giờ đây hẳn tự hỏi liệu sự sống đó có mục đích gì không: một cơ hội thứ hai để làm một điều gì đó... LỚN LAO. Ấy vậy, dù vẫn rất hào hứng khi viết email hỏi mượn tiền vài ba người bạn (“một cơ hội tuyệt vời... cơ hội tôi đã chờ đợi từ lâu”) thì Pat vẫn không thể gạt ra khỏi đầu được một giọng nghiêm trang văng vẳng bên tai: *Bốn lăm tuổi mà vẫn còn lông nhông như một đứa trẻ hai mươi mơ mộng nổi tiếng ở châu Âu sao?*

Pat vẫn thường tưởng tượng ra mấy lời cảnh báo như gáo nước lạnh dội xuống ấy là lời của mẹ mình, Dee, người đã từng định làm diễn viên hồi trẻ và giờ lại muốn dập tắt tham vọng của đứa con trai bằng sự vỡ mộng của chính mình. *Con cứ hỏi bản thân mình đi*, bà sẽ nói thế nếu hẳn muốn tham gia một ban nhạc, bỏ cái ban nhạc đó hoặc đuổi một gã ra khỏi ban nhạc hoặc chuyển đến New York, hoặc rời New York mà đi, *đây có phải vì nghệ thuật hay không... hay thực sự là vì một điều gì đó khác?*

Thật là một câu hỏi ngu ngốc, hẳn nói với mẹ. Mọi thứ đều là vì một thứ gì đó khác. Nghệ thuật cũng là vì một thứ gì đó khác! Hỏi cái câu chết tiệt đó cũng là vì một thứ gì đó khác—

Nhưng lần này Pat không nghe thấy cái giọng quở trách của mẹ mình. Mà đó là giọng của Lydia – lần cuối hẳn gặp cô là vài tuần sau lần chia tay thứ tư của họ. Hôm đó hẳn đến căn hộ của cô, một điều hai điều xin lỗi và hứa

hẹn sẽ tinh táo hơn. Lần đầu tiên trong đời, hẳn bảo cô là đã nhìn nhận mọi việc rõ ràng; hẳn đã có thể không làm những thứ mà cô không thích nữa, và hẳn sẽ thôi cả việc nếu như có thể quay trở lại với cô.

Lydia không giống bất kỳ người nào hẳn từng tiếp xúc – thông minh, vui tính, biết mình là ai, và bẽn lẽn. Cả xinh đẹp nữa, dù cô không tự mình thấy điều đó – chính thế mới làm nên sức hấp dẫn ở cô và cô cứ rạng ngời mà không cần cố gắng chi hết, cũng như chẳng cần trang sức lòe loẹt. Những người phụ nữ khác thì như những món quà mà mỗi lần mở là một lần hẳn thất vọng, nhưng Lydia lại như một bí mật – hết sức đáng yêu dưới những bộ váy thùng thình và cái mũ vải sụp xuống mặt. Vào cái ngày cuối cùng hẳn gặp cô, Pat nhẹ nhàng gỡ cái mũ đó ra. Hẳn nhìn vào đôi mắt nâu đó: *Em à, hẳn nói. Hơn cả nhạc, rượu, tất cả mọi thứ, anh chỉ cần em thôi.*

Ngày hôm đó Lydia đã nhìn hẳn chăm chăm, đôi mắt cô ngấn nước đầy hối tiếc. Cô nhẹ nhàng đội mũ vào. *Chúa ơi, Pat, cô nói nhỏ nhẹ. Anh nghe anh nói kia, giống một con nghiện mới tình thuốc ấy.*

Thằng bé Joe người Ireland này có một thằng bạn ở London tên là Kurtis, một thằng quá khích mê hiphop hời, tướng tá cao to, và bọn họ sống trong một căn hộ tù túng ở Southward của Kurtis với cô bạn gái nhọt nhọt của hẳn, Umi. Pat chưa từng đến London bao giờ – hẳn mới chỉ đến châu Âu có một lần trong chuyến du lịch trao đổi học sinh hồi cấp ba mà mẹ hẳn sắp xếp vì bà muốn con trai mình đi thăm thú nước Ý. Hẳn đã không đến đó được: một cô gái ở Berlin, một nhóm thuốc phiện đã khiến hẳn về nhà sớm vì vi phạm một loạt nội quy và cư xử không đúng mực. Hồi còn ở nhóm Những người trầm lặng thì mọi người cũng tính làm một chuyến lưu diễn ở Nhật Bản – nói nhiều tới nỗi thành trò cười của cả nhóm vì Pat và Benny đã ngần ngại trước cơ hội thực sự này của họ khi từ chối mở màn cho nhóm “Những gã khờ Đền Đá.” Thế nên đây là lần đầu tiên Pat biểu diễn ở bên ngoài Bắc Mỹ.

“Portland,” Umi nhọt nhọt nói khi mới gặp hẳn, “là quê của nhóm rock Những chàng trai tháng 12 phải hông.” Hồi thập niên 90 Pat đã từng trải qua điều tương tự khi hẳn nói cho dân New York nghe là hẳn đến từ Seattle: bọn

họ liền lăm bắm ngay là quê của Nirvana và Pearl Jam, và thế là Pat phải nghiên rắng làm bộ như mình thân thiết với mấy cái ban nhạc mới nổi màu mè đó. Thật nực cười là Portland, người anh em khờ khạo của Seattle lại có được thứ tiếng tăm tương tự về nhạc rock như thế này.

Kế hoạch ở London là để cho Pat diễn mở màn ở một câu lạc bộ tầng hầm có tên Troupe, nơi Kurtis làm bảo kê ở đây. Tuy vậy, một khi Pat tới London rồi, Joe lại quyết định Edinburgh là một nơi khởi đầu tốt hơn, Pat có thể tập luyện sô diễn của mình ở đây được và xem xét phản ứng từ Lễ hội Fringe để tạo đà tiến tới London. Thế là Pat nghĩ là một kịch bản ngắn hơn, vui nhộn hơn cho sô diễn – một màn độc thoại 30 phút kết hợp với sáu bài hát. (“Chào, tôi là Pat Bender, và nếu mà mấy người thấy mặt tôi quen quen là bởi tôi từng làm ca sĩ cho một nhóm nhạc mà mấy đứa bạn hay ra về của mấy người bàn luận về để khoe mẽ cái sở thích âm nhạc quái đản của chúng nó. Hoặc là thế hoặc là do tôi lang chạ với mấy người trong nhà vệ sinh một câu lạc bộ nào đó. Gì thì gì, tôi lấy làm tiếc là mấy người sẽ không nghe đến tên tôi nữa.”)

Hắn diễn tập sô diễn cho Joe và bạn bè của thằng nhóc ngay tại căn hộ. Hắn định làm cho mấy câu chuyện nhẹ nhàng hơn và cắt bỏ cái bài hát nghiêm túc “Lydia” ra khỏi sô diễn ngắn này, nhưng Joe khẳng khẳng đòi giữ lại. Nó bảo rằng đó là “điểm then chốt tình cảm nhất cho cả mớ hỗn độn này,” thế nên Pat đã giữ bài hát lại, và biểu diễn tại căn hộ – Joe một lần nữa lại tháo kính ra mà lau nước mắt. Sau buổi diễn tập, Umi cũng hào hứng không kém Joe về triển vọng của sô diễn. Kể cả thằng Kurtis ít lời chỉ ngồi ừ ừ cũng thừa nhận là nó “khá hay.”

Căn hộ ở London toàn những ống nước lộ thiên và thảm cũ nát bốc mùi, và trong một tuần bọn họ lưu lại đây, Pat không thể nào có thể cảm thấy thoải mái được – dĩ nhiên không phải như Joe, chỉ ngồi ì cả ngày với Kurtis trong cái quần đùi xám dơ dáy của chúng mà phê thuốc. Hóa ra Joe đã hơi bốc phét khi tự xưng là người quảng cáo cho câu lạc bộ. Nó có mà giống một kẻ trục lợi kiêm buôn ma túy thì có, cứ lâu lâu lại thấy có người ghé qua căn hộ để mua hàng cho nó. Sau khi ở một vài ngày với mấy cậu nhóc này, khoảng cách 20 tuổi giữa họ đã hiển hiện rõ trước mặt Pat: sự khác biệt về

gu âm nhạc, những bộ đồ thể thao luộm thuộm, cách chúng ngủ nghệ, không bao giờ tắm rửa và chẳng thèm bận tâm đến chuyện 11 giờ trưa rồi mà chúng vẫn chỉ mặc độc cái quần lót.

Không hôm nào Pat ngủ được quá vài giờ, thế nên mỗi sáng hẳn lại biến ra ngoài trong khi mấy đứa nhỏ vẫn còn ngủ. Hẳn đi bộ trong thành phố, cố gắng khắc ghi nó vào cái đầu óc lơ mơ của mình – nhưng lúc nào cũng bị lạc trên những con phố lượn cong chật hẹp, với những tên đường thay đổi loạn cào cào, với những con đường lớn dẫn về ngõ cụt. Mỗi ngày Pat càng cảm thấy mất phương hướng hơn, không phải bởi London mà là bởi sự bất lực của hẳn trong việc tiếp nhận nó, bởi những lời than thở cầu nhàu như một ông già của hẳn: Sao mà mình lại không biết mình đang ở đâu chứ, sao lại không biết phải nhìn hướng nào khi băng qua đường? Sao mấy đồng xu lại khác lạ như vậy? Sao mà vỉa hè lại đông người thế này? Sao cái gì cũng dặt dỏ thế? Nhẫn túi, Pat chỉ có thể đi bộ loanh quanh mà ngó nghiêng mọi thứ – phần lớn là mấy viện bảo tàng miễn phí mà tham quan, những công trình đó đang ngày càng làm hẳn choáng ngợp – hết gian phòng này đến gian phòng khác đầy những tranh vẽ tại Nhà triển lãm Quốc gia, đây những cổ vật tại Bảo tàng Anh, và có đủ mọi thứ tại bảo tàng Victoria và Albert. Hẳn đang nốc quá liều thứ ma túy mang tên văn hóa này.

Thế rồi, vào ngày cuối cùng ở London, Pat tha thân tới bảo tàng Tate Modern, bước vào những sảnh trống rộng lớn và choáng ngợp trước sự táo bạo của nghệ thuật nơi đây lẫn như không gian rộng lớn của bảo tàng này; thật không khác gì ráng sức mà nhìn trọn đại dương, nhìn trọn bầu trời. Không biết có phải do thiếu ngủ không mà hẳn cảm thấy toàn thân nôn nao như run lên. Đi lên tầng trên, hẳn tha thân giữa bộ sưu tập những bức tranh siêu thực và cảm thấy như thân xác mình bị mổ phanh ra trước sự tài hoa mờ ảo đang hiện ra: Bacon, Magritte và nhất là Picabia, những người họa sĩ mà theo chú thích của phòng tranh, đã chia thế giới này ra thành hai phạm trù đơn giản: loại thất bại và loại vô danh. Hẳn giờ là là một con bọ nằm dưới cái kính lúp, bị nghệ thuật nơi đây chiếu rọi qua cái kính đó làm bóng rọi cái sợ mất ngủ của hẳn.

Đến lúc rời khỏi viện bảo tàng, Pat đã gần như không thở nổi. Ra đến ngoài rồi cũng chẳng khá hơn. Cái cầu Thiên niên kỷ đồ sộ trông như một cái thìa đút vào miệng nhà thờ St. Paul, London đang vỡ ra trong vô số sắc thái, thể loại, thời kỳ mãnh liệt của nó, làm Pat quay cuồng thêm giữa những sự sắp đặt to lớn và táo bạo này: hiện đại chen giữa tân cổ điển chen giữa thời Tudor chen giữa những tòa nhà chọc trời.

Ở đầu cầu phía bên kia, Pat vô tình gặp một nhóm tứ tấu nhỏ – một xen lô, hai vi ô lông, một piano điện – mấy đứa nhỏ đang chơi nhạc của Bach trên dòng sông Thames để xin khách qua đường ít tiền lẻ. Hắn ngồi xuống và lắng nghe, vốn chỉ định cho dễ thở hơn nhưng không ngờ lại trở nên khiếp sợ trước sự điêu luyện của mấy đứa nhỏ, trước sự xuất chúng của ban nhạc đó. Lạy Chúa tôi, đến các nhạc công đường phố mà còn có thể biểu diễn như vậy? Thế thì hắn còn ở đây làm gì? Hắn trước giờ luôn cảm thấy bất an vì cái tài nghệ nhạc nhẽo của mình; hắn có thể hòa nhịp với bất kỳ ai bằng cái guitar của mình và tràn đầy nhiệt huyết trên sân khấu, nhưng Benny mới là một nhạc sĩ thật sự. Bọn họ đã viết hàng trăm bài hát cùng nhau, nhưng đứng giữa phố, lắng nghe bốn đứa nhỏ này biểu diễn nhẹ nhàng một bản luân vũ, Pat đột nhiên cảm thấy những bài hát hay nhất của hắn chỉ là đồ trẻ con, là vật trang trí ngoài rìa cho âm nhạc đích thực, là trò cười. Chúa tôi, liệu hắn có từng sáng tác ra được cái gì... đẹp đẽ chưa? Thứ âm nhạc mà mấy đứa nhỏ này đang chơi giống như một nhà thờ lớn có từ nhiều thế kỷ; còn cả đời sáng tác của Pat chỉ có sự hấp dẫn kéo dài bằng một cái clip quảng cáo phim. Đối với hắn, âm nhạc trước giờ chỉ là thứ để khoe mẽ, là phản ứng giận dữ của một đứa con nít đáp trả lại những gì đẹp đẽ; hắn đã dành cả đời để mà xô toẹt cái đẹp. Giờ thì hắn cảm thấy thật trống rỗng, ớn lạnh – thất bại và vô danh. Không nghĩa lý gì.

Rồi Pat làm một điều mà bao năm rồi hắn không làm. Lúc đi bộ về lại căn hộ của Kurtis, hắn thấy một cửa hàng nhạc hiện đại với một biển hiệu to đỏ có tên Tiệm đĩa Reckless, và sau khi làm bộ tìm cái này cái kia, Pat liền hỏi nhân viên bán hàng là họ có bán đĩa nhạc nào của nhóm Những người trầm lặng không.

“À phải, đúng rồi” người nhân viên nói, khuôn mặt rỗ của anh ta có vẻ như nhớ ra điều gì đó. “Cuối thập niên 80, đầu 90... kiểu như hát thứ nhạc rock nhẹ nhàng—”

“Tôi không cho là nhẹ nhàng đâu—”

“À phải, mặc đồ giống kiểu mấy nhóm hát nhạc grunge hầm hố lắm.”

“Không, là trước thời đó nữa kìa—”

“À, thế thì chúng tôi không có đâu,” người bán hàng nói. “Chúng tôi bán mấy thứ mà – ông biết đấy – hiện đại hơn chút.”

Pat cảm ơn anh ta rồi bỏ đi.

Đây có lẽ là lý do tại sao Pat lại ngủ với Umi khi hẵn quay về căn hộ. Hay chỉ có lẽ là bởi cô gái chỉ mặc mỗi bộ đồ lót lại ở nhà một mình còn Joe và Kurtis đã đi xem một trận bóng đá trong quán rượu rồi. “Tôi ngồi được chứ hả?” Pat hỏi và thế là cô ta vung chân một vòng sang một bên ghế, khiến hẵn cứ nhìn chăm chăm vào cái quần lót tam giác tí xíu ấy, và chẳng bao lâu sau thì hai người họ đã rờ rẫm lẫn nhau mà ưỡn ẹo kỳ cục như giao thông London vậy (Umi: chúng ta không được để cho Kurty biết chuyện này), cho đến khi bọn họ bắt được nhịp và cuối cùng, như bao nhiêu lần trước đó, Pat Bender lại tìm ra được lối nhỏ vào đời qua một cô em nào đó.

Sau đó, chỉ còn đôi chân là chạm nhau, Umi hỏi hẵn tới tấp những câu hỏi riêng tư cứ như hỏi xem mức độ tiết kiệm xăng của một cái xe ô tô cô ta vừa chạy thử. Pat trả lời thực thà nhưng không tiết lộ hết. *Hẵn đã có vợ con gì chưa? Chưa. Chưa bồ bịch gì luôn? Không hẵn. Thế thì bài hát “Lydia” đó là nói về ai? Không phải tình yêu đời hẵn à? Hẵn ngạc nhiên trước những gì mà người ta nghe ra được trong bài hát đó. Tình yêu đời hẵn? Đã có thời hẵn nghĩ như thế; hẵn nhớ căn hộ họ ở cùng nhau tại thành phố Alphabet, nướng thịt cùng nhau trên cái ban công nhỏ và chơi giải ô chữ cùng nhau mỗi sáng chủ nhật. Nhưng Lydia đã nói gì sau khi bắt quả tang hẵn với một người phụ nữ khác? Nếu anh thực sự yêu em, thì điều này càng khiến mọi chuyện khủng khiếp hơn khi anh đối xử với em như vậy. Như thế nghĩa là anh là một kẻ độc ác.*

Không, Pat nói với Umi, Lydia không phải tình yêu của đời hă, chỉ là một cô gái qua đường thôi.

Bọn họ cứ giật lù như thế, từ thân mật chuyển sang nói chuyện đầu đầu. Quê hă ở đâu? Seattle, dù hă có sống mấy năm ở New York và gần đây nhất là ở Portland. Anh chị em? Chẳng có ai. Chỉ hă và mẹ. Cha hă? Không biết ông là người như thế nào. Có sở hữu một đại lý xe hơi. Muốn trở thành nhà văn. Qua đời khi Pat bốn tuổi.

“Tôi rất tiếc. Thế thì ông hă phải gần gũi với mẹ lắm.”

“Thực ra, hơn năm rồi tôi không nói chuyện với bà.”

“Tại sao?”

Và đột nhiên hă như quay về lại cái buổi can thiệp chết tiệt ấy: Lydia và mẹ hă ở phía bên kia căn phòng (Chúng ta lo lắng, Pat ạ, rồi là Con phải dừng mấy chuyện này lại), không chịu nhìn vào mắt hă. Lydia quen biết mẹ Pat trước khi quen hă, cô gặp bà tại nhà hát cộng đồng ở Seattle, và không giống như mấy cô bạn gái của Pat lúc nào cũng nói cách hă cư xử làm họ thất vọng, thì Lydia lại than phiền hộ mẹ hă: sao hă có thể không để ý gì đến bà cả mấy tháng liền (cho đến khi hă cần tiền), hă thất hứa với bà ra sao, rồi hă cứ mượn tiền mà không trả. Anh không thể cứ sống như thế này mãi được, Lydia sẽ nói thế, điều đó sẽ giết bà ấy mất – bà ấy, trong óc Pat, có nghĩa là cả hai người bọn họ. Để làm cho hai người hạnh phúc, Pat đã từ bỏ mọi thứ ngoại trừ rượu và cần sa, thế là hă và Lydia lại kéo lê thêm được một năm nữa, cho đến khi mẹ hă ốm. Dù vậy, ngẫm lại thì mối quan hệ của bọn họ có lẽ đã kết thúc từ cái buổi can thiệp đó rồi, cái phút mà cô đứng về phía mẹ hă trong căn phòng đó.

“Giờ bà ở đâu?” Umi hỏi. “Mẹ ông ấy?”

“Idaho,” giọng Pat chán chường, “trong một thị trấn nhỏ là Sandpoint. Bà điều hành một nhóm kịch ở đó.” Rồi sau đó nói ra một câu đến hă cũng bất ngờ: “Bà bị ung thư.”

“Ồ, tôi rất tiếc.” Umi nói rằng cha cô ta cũng bị ung thư hạch.

Pat có thể hỏi thăm thêm giống cách Umi đã làm, nhưng hă chỉ thản nhiên bảo: “Cũng khổ nhĩ.”

“Cũng hơi vất vả.” Umi nhìn trôn trôn xuống sàn nhà. “Anh trai tôi cứ nói mãi về chuyện cha tôi đã can đảm ra sao. Nào là cha can đảm lắm. Ông chống chọi rất can đảm. Có mà khốn khổ khốn sở thì có.”

“Ờ,” Pat muốn ngo ngoạ. “Phải.” Hăn cho rằng mấy câu trò chuyện vô thường vô phạt hậu ái ân này thế là đã xong, ít nhất thì ở Mỹ là thế; còn ở nước Anh này thì không chắc thế nào. “Ờ, tôi nghĩ thế...” Hăn đứng dậy.

Cô gái nhìn hăn mặc đồ. “Ông hay làm như thế phải không,” cô ta nói như khẳng định.

“Tôi e là thường xuyên hơn những người khác đấy,” Pat trả lời.

Cô bật cười. “Đó là thứ tôi thích về mấy kẻ đẹp trai các ông đấy. Sao, anh hả em? Mình lên giường nhé?”

Nếu London chỉ là một thành phố ngoại lai, thì Edinburgh là cả một hành tinh khác.

Họ bắt tàu lửa, Joe ngủ khò ngay lúc xe lửa rời ga Ngã Tư Vua, thế nên Pat chỉ có thể đoán mò về những thứ hăn nhìn thấy ngoài cửa sổ – những khu dân cư đầy dây phơi quần áo, những đồng đồ nát ở xa xa, những cánh đồng lúa và nhiều vùng đất bazan ven biển làm cho hăn nhớ tới Hẻm núi Sông Columbia ở quê nhà.

“À, được rồi,” Joe thốt ra bốn tiếng rười đồng hồ sau đó, khụt khịt mũi và liếc nhìn xung quanh khi bọn họ vào ga Edinburgh.

Họ bước ra khỏi sân ga như thể bước ra từ đáy của một chiếc ống dài – một lâu đài phía bên trái, những bức tường đá của một thành phố Phục Hưng phía bên phải. Lễ hội Fringe * lớn hơn Pat tưởng tượng, mỗi ngọn đèn đường, mỗi cột trụ đều dán đầy tờ rơi quảng cáo không sô này cũng sô khác, đường phố chen chúc toàn người là người: khách du lịch, dân hippy, khán giả trung niên, và nghệ sĩ biểu diễn đủ mọi thể loại có thể tưởng tượng được – hầu hết là dân tấu hài, nhưng cũng có cả diễn viên và nhạc công nữa, họ có thể biểu diễn một mình, theo cặp và cả những nhóm hài kịch ứng tác, diễn từ kịch câm cho đến con rối, những diễn viên xiếc tung hứng lửa, đi xe đạp một bánh, ảo thuật gia, nghệ sĩ nhào lộn, và Pat không còn biết đâu ra đâu

nữa – những pho tượng sống, những kẻ ăn mặc như một bộ vét treo trên giá, những cặp vũ công nhảy hiphop – một lễ hội hỗn tạp đã trở nên quái đản.

** Lễ hội nổi tiếng với những yếu tố nghệ thuật châm biếm, trào phúng và thường là lập dị*

Tại văn phòng lễ hội, một gã ngạo mạn với bộ ria mép và cái giọng còn nặng hơn cả Joe nữa – lên lên xuống xuống và cong lưng suốt với những âm RỒ – giải thích rằng Pat sẽ phải tự quảng cáo lấy và tiền thù lao hẳn nhận được sẽ chỉ bằng nửa số mà Joe đã hứa thôi – Joe nói rằng cô nào đó tên Nicole đã hứa trả mức thù lao cao hơn – Ria Mép chửi lại Nicole có mà “hứa cái đầu mày” – thế là Joe quay sang trấn an Pat, kêu không phải lo lắng, nó sẽ không lấy tiền hoa hồng đâu khiến Pat ngạc nhiên không ngờ thẳng nhóc còn tính lấy tiền hoa hồng nữa.

Khi bọn họ đi tới chỗ trọ, Pat nhìn ngó mọi thứ trên đường. Những bức tường thành phố này trông như một loạt những vách núi xếp sát nhau, phần cổ xưa nhất – khu phố Royal Mile – kéo dài từ lâu đài ra và uốn cong lại như một dòng suối lát đá cuội chảy xuống một hẻm núi đầy những tòa nhà đá ám khói. Những âm thanh huyền ảo của lễ hội vang khắp hang cùng ngõ hẻm, những ngôi nhà lớn bị dọn sạch sẽ để nhường đường cho sân khấu và micro, đám nghệ sĩ tuyệt vọng khổng lồ ấy đang hút sạch linh hồn Pat.

Pat và Joe được sắp xếp nghỉ trong một phòng trọ ở dưới tầng hầm nhà một cặp vợ chồng già. “Nói câu gì vui vui đi!” ông chồng mắt lé bảo khi ông ta gặp Pat.

Tối hôm đó, Joe dẫn Pat đến chỗ biểu diễn – lên một con phố này, xuống một cái hẻm kia, đi qua một quán rượu đông đúc tới một cái hẻm khác, vào một cánh cửa cao, hẹp ở giữa có tay cầm trang trí hoa mỹ. Một người đàn bà mặt lạnh tanh cầm một bìa hồ sơ dẫn Pat đến phòng nghỉ của hẳn, nó là một cái nhà kho nhỏ đầy những ống nước và giẻ lau sàn, Joe giải thích rằng lượng khán giả thường phải từ từ mới đông lên nhưng khi đã có tiếng thì sẽ có được rất nhiều khán giả ở Edinburgh, sẽ có hàng tá những nhà bình luận nghệ thuật có tiếng đến coi, một khi họ đã đưa những bài nhận xét đó lên báo – “Ông anh sẽ được một mớ bài đánh giá 4 sao” – thì đám đông sẽ mau

chóng tràn tới. Một phút sau, người phụ nữ cầm bìa hồ sơ lại thông báo đã đến phiên hẳn, và Pat đi ra chỗ có vài tiếng vỗ tay lộp độp, ngĩ bụng, còn gì có thể tệ hơn mấy tiếng vỗ tay lộp độp này nữa cơ chứ? bởi vì trong khán phòng chỉ có sáu người ngồi rải ra giữa 40 cái ghế gấp, ba người trong số đó là Joe và cặp vợ chồng già cho họ ở nhờ.

Nhưng Pat đã từng làm ăn đâu ra đó trong những khán phòng trống, hẳn “xử” được cái phòng trống này, thậm chí còn pha trò trước khi hát bài “Lydia” – “Cô ấy bảo bạn bè tôi là cô ấy bắt quả tang tôi với một người đàn bà khác. Mà cô ấy làm cái giọng vui mừng như là... sao nhỉ, phát hiện là thuốc chữa bệnh bại liệt ấy? Cô ta kể bắt gặp tôi đang tòm tem một em, cứ làm như cô ta đã bắt được cướp. Cho tôi xin, đến Bin Laden tôi còn bắt được ấy chứ, nếu tôi về nhà mà gã ấy đang hự hự em nào đó trên giường của tôi.”

Pat lại cảm nhận được thứ mà hẳn đã thấy trước kia, rằng sự tán thưởng dù là của một nhóm người cũng có ảnh hưởng to lớn – hẳn thích cách mấy người Anh đọc rất rõ âm đầu của cái từ đó, *tuyệt vời*, và thế là hẳn đã thức nguyên đêm với Joe, thằng nhóc còn hào hứng hơn nữa, để cùng nhau bàn cách quảng bá sô diễn của họ.

Ngày hôm sau Joe khoe với Pat những tấm áp phích và tờ rơi dùng để quảng cáo sô diễn. Phía trên là một bức hình chụp Pat cầm guitar – phía dưới là dòng tít Pat Bender: tui không cưỡng lại nổi! cùng với dòng quảng cáo “Một trong những nhạc công tấu hài ác liệt nhất đất Mỹ!” và “Bốn Sao” từ một tờ tạp chí đánh giá nào đó tên là “Cảnh sát dẹp loạn.” Pat đã trông thấy những tờ rơi như thế của những người biểu diễn khác ở lễ hội, nhưng... “Tui không cưỡng lại nổi” ư? và cái danh “... nhất đất Mỹ” tào lao này nữa? Buổi diễn nào cũng cần phải phát mấy tờ rơi đó hết, Joe giải thích. Pat không thích bị gọi là “nhạc công tấu hài.” Hẳn đâu có phải lão Weird Al * lập dị. Mấy ông nhà văn dù tỏ vẻ bất cần nhưng cũng viết nghiêm túc. Mấy kẻ làm phim cũng thế. Nhưng nhạc sĩ thì phải nghiêm chỉnh – Anh yêu em, em ơi và Hòa bình là câu trả lời. Giờ thì vứt xó!

** ca sĩ kiêm diễn viên hài người Mỹ với những màn hát và biểu diễn lạ đời, hay bị cho là lố lăng*

Lần đầu tiên Pat khiến Joe phải nổi giận, gò má nhợt nhạt của hắn đỏ ửng lên. “Nghe này, muốn làm được việc thì phải vậy, Pat à. Thế ông anh biết Cảnh sát dẹp loạn là ai không? Tôi đấy. Tôi cho ông anh bốn sao.” Nó ném cái tờ rơi vào Pat. “Là tôi đã trả tiền cho cái mớ chết tiệt này!”

Pat thở dài. Hắn biết đây là một thế giới khác rồi, một thời đại khác rồi – muốn làm ban nhạc thì phải biết viết blog, biết lăng xê, biết tweet và đủ thứ hăm bà lăng khác. Quỷ thật, đến điện thoại di động Pat còn không có nữa. Cho dù là ở đất Mỹ, muốn làm một nghệ sĩ khiêm nhường, ừ ê cũng không còn dễ nữa; mỗi nhạc sĩ giờ đều phải kiêm ông bầu tự quảng cáo cho mình – toàn một lũ ngu đần cái quái gì cũng phải tống lên Internet. Một kẻ nổi loạn bây giờ được định nghĩa là một đứa nhóc cả ngày ngồi chế mấy cái clip YouTube quay cảnh nó nhét vào mông mấy khối xếp hình.

“Nhét vào mông mấy khối xếp hình.” Joe bật cười. “Ông anh nên xài câu đó đó.”

Buổi chiều hôm đó bọn họ lại ra ngoài phát tờ rơi trên phố. Lúc đầu thật nhục nhã và thê thảm đúng như Pat tưởng tượng, nhưng rồi hắn ngó qua Joe và thấy mình nhỏ bé trước cái nguồn năng lượng phát sốt phát ra từ người bạn nhỏ này – “Hãy đến coi màn diễn đã làm nước Mỹ kinh động đi!” – và thế là Pat giở cái chiêu mình giỏi nhất, tấn công vào đám đàn bà con gái. “Cô đến coi nhé,” hắn liếc mắt, nói nhẹ nhàng và dúm tờ rơi vào tay một người phụ nữ. “Tôi nghĩ cô sẽ thích đấy.” Đêm đó buổi diễn của hắn có được 18 người, gồm cả một nhà phê bình đến từ một tạp chí nào đó có tên là *The Laugh Trach*, ông này đã cho Pat bốn sao và – Joe hào hứng đọc to – viết lên blog ông ta rằng “chàng ca sĩ một thời của ban nhạc Mỹ Những người trầm lặng đã diễn một màn độc diễn hài kịch hết sức khác thường: mới lạ, chân thực và hài hước. Anh ta là một kẻ chán đời hết sức khôi hài.”

Đêm tiếp theo có 29 khán giả, gồm cả một cô gái dễ thương mặc quần bó đen cứ lân la ở lại sau sân diễn để hút hít với hắn. Pat xử luôn cô gái ngay chỗ mấy đường ống nước trong cái nhà kho kiêm phòng nghỉ của mình.

Hắn thức dậy, thấy Joe đang ngồi trên một chiếc ghế đối diện mình, quần áo chỉnh tề, tay khoanh lại. “Ông ngủ với Umi?”

Đang lơ mơ, Pat tưởng Joe nói đến cô gái sau buổi diễn. “Cậu biết cô ta à?”

“Lúc còn ở London ấy, ông ngu! Ông ngủ với Umi à?”

“Ờ. Đúng.” Pat ngồi dậy. “Kurtis biết rồi à?”

“Kurtis gì chứ? Cô ta nói với tôi! Cô ta hỏi không biết ông có nhắc gì đến cô ta không!” Joe giật mạnh cái mắt kính của mình ra mà chùi mắt. “Ông không nhớ gì sao, sau khi ông hát “Lydia” ở Portland, tôi đã kể là tôi yêu bạn gái của thằng bạn mình mà – là Umi đó. Ông nhớ ra chưa?”

Pat quả có nhớ Joe có nói về ai đó, và giờ khi thằng nhóc nhắc đến chuyện này, cái tên đó nghe quả quen quen, nhưng lúc đấy hẳn quá hào hứng với cái viễn cảnh đi lưu diễn ở Anh quốc nên đâu có để tâm mà nghe.

“Thằng Kurtis ngủ với cả đồng lứa ở khu East End – giống như thằng khốn trong bài hát của ông vậy – và tôi không mách với Umi một câu chết tiệt nào vì thằng Kurtis đó là bạn tôi. Vậy mà ông dám...” Mặt thằng nhóc từ hồng chuyển sang đỏ và mắt nó vẫn lên. “Tôi yêu cô gái đó, Pat!”

“Joe, tôi xin lỗi, tôi không biết cậu lại có tình cảm với cô ta.”

“Chứ ông tưởng lúc đó tôi nói về ai?” Joe gài kính lại lên mắt và hăm hăm đi ra khỏi phòng.

Pat ngồi đó một lúc, cảm thấy thực sự tội tệ. Rồi hẳn mặc đồ vào và đi ra mấy con phố đông đúc tìm kiếm Joe. Thằng nhóc nói gì nhỉ, thằng khốn trong bài hát của mình à? Lạy Chúa tôi, thằng Joe lại thấy bài hát đó là về hẳn à? Rồi một ý nghĩ khủng khiếp đến với hẳn: Chúa ơi... là thế chẳng? Có đúng hẳn là thằng khốn đó?

Suốt cả buổi chiều Pat đi tìm Joe. Hẳn thậm chí đến cả lâu đài để tìm, một nơi toàn khách du lịch bấm máy ảnh tanh tách, nhưng không thấy bóng dáng Joe đâu. Hẳn lang thang đi bộ về lại khu New Town, lên đỉnh Calton Hill, một ngọn đồi đầy những công trình xây dựng lớn lạ lẫm từ nhiều giai đoạn khác nhau trong quá khứ của Edinburgh. Toàn bộ lịch sử của thành phố chỉ là một nỗ lực để có được một vị trí thuận lợi hơn, một nhúm đất ở trên cao để xây những thứ cao hơn – những tháp nhọn, tòa nhà, cột trụ, tất cả đều có cầu thang xoáy ốc hẹp đi lên đỉnh – và Pat đột nhiên nhận thấy con người ta

cũng cùng một kiểu: lúc nào cũng bon chen để được đứng cao hơn, để trông xuống kẻ địch và đê đầu cười cổ đám nông dân, hẳn nhiên rồi, nhưng có lẽ còn hơn thế nữa – để xây dựng nên một thứ gì đó, để lại chút dấu tích của bản thân mình, cho những người khác trông thấy... rằng ta đã từng đứng ở nơi đó, trên sân khấu ấy. Ấy thế rồi để mà làm gì? Những con người đó rồi cũng chết đi, chẳng còn lại gì ngoài đồng gạch vụn đổ nát toàn thất bại và vô danh.

Đêm đó có đến 40 người tới coi hẳn diễn, lần đầu tiên cháy vé. Nhưng không có Joe. “Hôm nay tôi đã đi vòng vòng Edinburgh và thấy rằng toàn bộ những thứ nghệ thuật và kiến trúc ở đây chỉ toàn là chó tè lên cây mà thôi,” Pat pha trò. Mới đầu buổi diễn mà hẳn đã nói lung tung ngoài kịch bản rồi, nguy hiểm quá. “Cả đời tôi... tôi cứ tự cho là rồi mình sẽ nổi tiếng, đời tôi phải làm điều gì đó... lớn lao? Là gì thế? Danh vọng.” Hẳn cúi người xuống cái đàn guitar, nhìn xuống những khuôn mặt trông đợi, cùng với họ hy vọng rằng cái xô này rồi sẽ vui lên tí chút. “Cả thế giới này bệnh hoạn rồi... lũ chúng ta đều có cái ham muốn thâm hại là được người ta nhìn thấy. Lũ chúng ta chỉ là mấy đứa trẻ nít muốn được người lớn chú ý. Và tôi là đứa tệ nhất. Nếu đời này có một chủ đề, mấy người biết đấy... một triết lý? Một châm ngôn? Thì của tôi sẽ là: Ất có làm lẫn gì đây: tôi phải lớn lao hơn thế này mới phải.”

Những cái xô diễn tệ hại này từ đâu ra không biết? Pat không biết được mình có phải chịu sự la ó nhiều hơn mấy kẻ biểu diễn khác không, nhưng hẳn lại hay dính phải mấy xô dở tệ này. Thời còn đi diễn với nhóm Những người trầm lặng, bọn họ đều nhất trí rằng họ sẽ tung ra một album thật hay (Những người trầm lặng), một album tạm được (Manna), và một mớ rác thải tự phụ khó nghe (Metronome). Và khi biểu diễn trực tiếp, bọn họ có tiếng là khó đoán, mặc dù điều đó dễ đoán vô cùng, hay ít nhất cũng là thứ không thể tránh được: hẳn thì phê thuốc vài năm, Benny hút hít heroin, Casey Millar nốc cả lít rượu lúc biểu diễn, họ có khác thường cũng là chuyện bình thường! Nhưng không ai muốn thứ bình thường; cái quan trọng là phải có chút tân thời – không nhạc sàn xập xình, không một cục đầu tóc bự chảng, không trang điểm như thần kinh, không quần áo vải flannel kiểu cách. Và

nếu như nhóm Những người trầm lặng chưa từng thành công quá mức một ban nhạc hộp đêm được ưa chuộng thì bọn họ cũng chưa bao giờ trở thành một đám giả tạo chơi thứ nhạc diêm tình và tự đi quảng bá bản thân mình. Họ có sao sống vậy, như người ta vẫn thường nói, cái thời mà sống đúng bản chất vẫn còn là điều đáng nói.

Nhưng kể cả là với nhóm Những người trầm lặng, đôi khi bọn họ cũng có những xô diễn vụt đi. Cũng chẳng phải do thuốc phiện, đánh nhau, hay dò xét phản ứng của khán giả chi cả; mà chỉ là do bọn họ chơi dở ẹt mà thôi.

Và đó chính là điều đã xảy ra cái ngày hấn gây gỗ với Joe, và cái đêm người viết bài cho báo *Scotsman* đến để gặp “Pat Bender: Tôi không cưỡng lại được!” thì Pat lại phá hỏng bài hát “Mấy tay trống khua dùi khui dừa,” rồi sau đó cố gắng vớt vát lại bằng mấy câu đùa ba hoa rỗng tuếch về việc ở Mỹ thì rượu mạnh được gọi là “rượu Scot” còn ở Scotland thì nó chỉ được gọi là whiskey, rồi là cái thứ ở Mỹ gọi là “băng dính Scot” thì thực chất chỉ là băng dính mà thôi – đám khán giả nhìn hấn như thế, Phải, tụi này biết nó là băng dính rồi, cha nội ơi. Và hấn còn không thể hát cho hết bài Lydia khi mà cứ tưởng tượng rằng tất cả mọi người đều nhìn thấu tâm tư hấn, tất cả mọi người đều hiểu được bài hát, ngoại trừ hấn.

Hấn cảm thấy một sự chuyển biến kỳ lạ, khi đám khán giả – mọi khi vẫn reo hò cổ vũ hấn mua vui và trở nên xúc động, anh và tôi một phe – giờ bắt đầu bực bội trước cái sự kỳ quặc của hấn. Và cả câu đùa chẳng có gì vui mà hấn pha trò lần đầu về vòng ba bụi của mấy em gái Scotland (trông chúng giống món haghi * ấy nhỉ – mấy em gái ấy cứ như những con la thồ haggi, buôn lậu đám xúc xích tim gan trong bộ lông của mấy ẻm) cũng chả giúp ích gì. Kể cả tiếng đàn guitar của chính mình cũng khiến Pat thấy chói tai.

Sáng hôm sau, vẫn không thấy tăm tích của Joe đâu cả. Cặp vợ chồng cho Pat ở trọ đặt tờ *Scotsman* phía trước phòng hấn, mở đúng trang đánh giá phần biểu diễn của hấn chỉ được một sao. Hấn vừa đọc ra những từ như “đần độn, huyền thuyên, giận dữ” là để ngay tờ báo xuống. Đêm đó, chỉ có tám người đến xem hấn diễn; sau đó thì mọi chuyện diễn ra như hấn dự tính. Đêm hôm sau chỉ còn năm người. Vẫn không thấy Joe đâu. Gã ria mép đến

chỗ sân khấu nói cho Pat hay là hợp đồng hàng tuần của hắn sẽ chấm hết. Một người biết nói tiếng bụng sẽ lên thay chỗ hắn và chiếm luôn phòng nghỉ của Pat. Chi phiếu đã trả cho tay quản lý của hắn rồi, Ria Múp nói. Pat nghe mà bật cười, hắn tưởng tượng ra cảnh Joe đang trên đường đến London với 500 bảng của hắn trong tay.

** Là món ăn gồm dạ dày cừu nhồi tim, gan, phổi trộn bột yến mạch .*

“Thế làm sao tôi về nhà được đây?” Pat hỏi gã ria mép.

“Về Mỹ á hả?” gã đàn ông khụt khịt mũi. “E hèm, đây không biết. Thế cái guitar của ông anh có nổi trên mặt biển được không?”

Cái thứ hay ho duy nhất Pat lượm mót được từ cái thời kỳ tăm tối của mình là chút ít tri thức về việc làm cách nào có thể sống sót được ngoài đường phố. Hắn chưa từng biểu diễn ngoài đường ngoài chợ lâu hơn vài tuần, nhưng hắn thấy tự tin đến kỳ lạ về việc phải làm gì. Mấy người biểu diễn ở Edinburgh cũng chia làm vài loại: dân chuyên nghiệp diễn những màn lớn nhưng trả tiền thấp như Pat, những kẻ diễn cho vui, và những kẻ mới lên diễn những thứ mà người ta gọi là “Phi chính thống,” và cuối cùng – thấp kém hơn thế, chỉ trên đám ăn xin và móc túi một chút – là cả mớ hát rong diễn trò trên phố: những vũ công người Jamaica trong những đôi giày thể thao bẩn thỉu và tóc tai tẹt bết lại như chuột, những nhóm nhạc đường phố người Chile, các ảo thuật gia chỉ thủ theo có 5 màn, một người phụ nữ Gypsy thổi một cây sáo lạ; và buổi chiều hôm đó, trên một con phố phía trước quán cà phê Costa, Pat Bender đứng đó, diễn ứng tác vài câu vui nhộn trích từ những tác phẩm kinh điển của Mỹ: Sự tuyệt vọng ời, người nên tỉnh trí ra đi/ Có một bảng hai mươi xu/ Người đừng mong quay lại quê nhà.

Ở đó có nhiều khách du lịch Mỹ tới nổi chỉ một lát sau, hắn đã kiếm được ba mươi lăm bảng rồi. Hắn mua nửa panh bia, ít cá chiên rồi đi bộ tới trạm xe lửa, nhưng sững sờ khi biết rằng vé tàu rẻ nhất đến London chuyển cuối phải mất đến 60 bảng. Trừ đi tiền đồ ăn nữa, hắn phải mất đến ba ngày mới kiếm nổi chỗ đó.

Phía sau lâu đài là một công viên dài và hẹp bao quanh bởi bức tường thành phố. Pat đi hết chiều dài công viên tìm một chỗ ngủ, nhưng sau một

giờ đồng hồ hẳn quyết định là mình đã quá già để có thể ngủ ngoài đường ngoài chợ với đám nhỏ lang thang này và đi tới khu New Town, mua một panh rượu vodka và trả cho người lễ tân trực đêm ở khách sạn 5 bảng để ông ta cho hẳn ngủ trong nhà vệ sinh.

Sáng hôm sau, hẳn trở lại chỗ trước quán cà phê và lại tiếp tục biểu diễn. Hẳn đang ca lại bài cũ “Thuyền Xúp” của nhóm Những người trầm lặng chỉ để tự chứng minh với bản thân rằng mình tồn tại, thì bỗng hẳn ngược đầu lên và thấy cô gái hẳn đã quan hệ tại chỗ ống nước trong phòng nghỉ của mình. Đôi mắt cô ta mở to và túm lấy cánh tay hẳn như túm tay một người bạn. “Này, chính là anh ta!”

Hóa ra cô bé đó tên là Naomi, mới 18 tuổi và đang cùng với ba mẹ từ Manchester đến đây du lịch. Hai ông bà Claude và June đang ngồi ăn ở quán ăn gần đây cũng khoảng tầm tuổi hẳn, và chẳng hứng khởi mấy khi gặp người bạn mới của cô con gái. Naomi gần như phát khóc lên khi cô bé kể cho ba mẹ nghe về những khó khăn của Pat, nào là hẳn “tốt bụng biết bao,” nào là hẳn bị thăng quản lý trần sạch và bị kẹt ở đây không biết cách nào về nhà. Hai giờ sau đó hẳn đã ngồi trên xe lửa đến London, tiền vé đã được lo liệu bởi một người cha mà động cơ thực sự đằng sau việc giúp Pat thoát khỏi Scotland này chẳng cần phải bàn cãi gì nữa.

Trên xe lửa Pat vẫn nghĩ mãi về Edinburgh, về tất cả những kẻ mua vui tuyệt vọng đang phát tờ rơi trên đường phố, về những kẻ hát rong, những ngọn tháp, nhà thờ, lâu đài, vách núi, và sự bon chen phải vươn xa hơn, mong được người ta nhìn nhận, cái vòng luẩn quẩn của sáng tạo và nổi loạn, tất cả mọi người đều cho rằng những gì mình nói ra đều mới mẻ, những gì mình làm đều khác người, đều sâu sắc – trong khi sự thực là tất cả những điều đó kẻ khác đã làm đi làm lại cả ty tỷ lần rồi. Đó đã từng là tất cả những gì hẳn muốn. *Được trở nên to tát, trở thành người quan trọng.*

Ây chà chà, hẳn tưởng tượng ra được lúc này Lydia sẽ nói thế, *anh sẽ chẳng làm được đâu.*

Kurtis ra mở cửa, hai cái hốc lõm tròn tròn trên đầu hẳn vẫn còn gắn hai cái tai nghe iPod. Khi thấy Pat, mặt hẳn không biến sắc – hay ít nhất đó là

điều khiến Pat ngạc nhiên lúc Kurtis xô hẳn vào chỗ hành lang rồi ghim chặt hẳn vào tường. Pat thả rơi cái túi đồ lẫn cây guitar xuống đất và kêu lên – “Khoan đã–” nhưng cẳng tay của Kurtis đã đập vào cổ Pat, chặn đường thở của hẳn, và Pat trượt từ tường xuống đất. Hẳn cố hóp mấy hóp không khí lúc ngã bệt ra sàn, lấy tay sờ lên khuôn mặt máu me và cố gắng nhìn giữa hai chân Kurtis coi có thấy Umi hay Joe đâu không, nhưng căn hộ phía sau Kurtis không chỉ trống rỗng mà còn... tan tành nữa. Hẳn tưởng tượng ra được cơn giận nào đã gây ra nông nỗi này, Joe phát khùng lên và thế là cái mớ rác rưởi giữa ba bọn họ lộ ra, Joe thú nhận với cô nàng Umi đang kinh hãi rằng nó yêu cô nàng. Hẳn tưởng tượng ra Joe và Umi đang ở trên một con tàu bỏ trốn đi nơi khác, và vé tàu của họ là lấy từ 500 bảng của Pat.

Sau đó hẳn mới để ý là Kurtis vẫn chỉ mặc độc trên người chiếc quần lót, Chúa ạ, mấy kẻ này. Kurtis đứng phía trên hẳn, thở hồng hộc. Thằng cha đá vào cái thùng đàn, Pat thầm mong: Lạy trời, đừng có phá cái guitar. “Mày là thằng đàn bà,” cuối cùng Kurtis cũng chửi, “mày là thằng đàn bà,” rồi gã bỏ vào trong nhà. Kể cả luồng không khí ủa ra lúc cánh cửa sập lại cũng khiến Pat đau đớn.

Phải mất mấy giây hẳn mới lồm cồm bò dậy được, và hẳn làm thế cũng chỉ bởi sợ nhờ đâu Kurtis quay lại phá nốt cây đàn.

Trên đường phố, người ta tránh xa hẳn, khiếp hãi trước cái mũi đang chảy máu ròng ròng của Pat. Tại một quán rượu nhỏ cách khoảng một lốc nhà, Pat kêu một panh bia, xin một mảnh vải và ít đá, tự lau rửa lấy trong nhà tắm, rồi ngồi nhìn phía cửa căn hộ của Kurtis. Nhưng sau hai giờ đồng hồ, hẳn chẳng thấy một ai cả: không Joe, không Umi, không Kurtis.

Khi đã hết bia, Pat lôi tất cả số tiền còn lại trong túi quần ra đặt hết lên trên bàn: 12 bảng 40 xu. Hẳn nhìn vào cái đồng tiền buồn bã ấy cho đến khi mắt nhòe đi, thế là hẳn vùi mặt vào hai bàn tay và Pat Bender khóc nức nở. Không hiểu sao hẳn cảm thấy được tẩy sạch, như thế cuối cùng hẳn cũng nhìn ra được cái ham muốn của hẳn ở Edinburgh – cái cơn đói khát đến tuyệt vọng muốn được vươn xa hơn – chính là cái đã gần như hủy hoại hẳn.

Hắn có cảm tưởng như thể đã đi qua một đường hầm, qua cơn tăm tối cuối cùng để ra được với ánh sáng.

Hắn đã chán nản với cái khát vọng đấy rồi. Hắn đã sẵn sàng vứt bỏ đi cái ước ao làm người quan trọng, hắn đã sẵn sàng để sống.

Pat run lên khi hắn bước ra ngoài trong cơn gió mạnh, lòng thôi thúc một sự quyết tâm đến tuyệt vọng. Hắn lẩn vào một buồng điện thoại màu đỏ phía bên ngoài quán rượu. Nó bốc mùi khăm khăm và bị dán đầy những tờ rơi bạc màu quảng cáo cho mấy sô thoát y mãnh liệt lẫn như mấy cái dịch vụ thuê người yêu chuyên giới. “Cho nối máy với Sandpoint, Idaho... Hoa Kỳ,” hắn nói với nhân viên tổng đài, nghe tiếng người đó lạo xạo, và hắn sợ mình đã quên mất số điện thoại này, nhưng ngay khi hắn nhớ ra được mã vùng – 208 – thì hắn nhớ lại được. Hết bốn bảng, năm mươi xu, nhân viên tổng đài nói, mất cả một nửa số tiền hắn đang có, nhưng Pat biết rằng cú điện thoại này không thể để người nghe trả tiền được. Không phải lần này. Hắn nhét tiền vào.

Tiếng phụ nữ trả lời ở lần chuông reo thứ hai. “A lô?”

Nhưng có điều gì đó không ổn. Đó không phải giọng mẹ hắn... và Pat hoảng sợ nghĩ rằng mình đã gọi quá trễ rồi. Bà đã mất. Ngôi nhà đã bán đi. Lạy Chúa. Hắn đã quá trễ, còn không kịp nói tiếng tạm biệt với người duy nhất trên đời quan tâm đến hắn.

Pat Bender đứng đó, nước mắt nước mũi chảy rùng rùng trong một buồng điện thoại đỏ trên một con phố đông đúc ở phía nam London. “A lô?” người phụ nữ hỏi lại, lần này giọng nghe quen quen, dù vẫn không phải là giọng mẹ hắn. “Ai gọi thế?”

“A lô,” Pat lấy hơi, chùi nước mắt. “Lydia phải... phải không?”

“Anh Pat à?”

“Đúng vậy, là anh đây.” Hắn nhắm mắt lại và tưởng tượng ra nàng, đôi gò má cao và đôi mắt huyền choáng váng ấy sau mái tóc nâu ngắn, nó cứ như một dấu hiệu. “Em ở nhà mẹ anh làm gì vậy Lydia?”

Cô nói cho hắn nghe mẹ hắn đang phải trải qua một đợt xạ trị nữa. Chúa ơi – vậy là vẫn còn chưa quá muộn. Pat bịt miệng lại. Mấy người bạn cô

đang luân phiên qua giúp cho mẹ hắn, Lydia nói tiếp: đầu tiên là hai người chị em của bà – hai bà dì khốn khổ Diane và Darlene của Pat – và giờ là đến phiên Lydia, cô từ Seattle tới và sẽ ở lại vài ngày. Giọng cô nghe rất rõ ràng và sắc sảo; chẳng trách hắn lại yêu cô như thế. Cô trong sáng như pha lê. “Anh đang ở đâu thế Pat?”

“Em sẽ không tin được đâu,” Pat nói. Đến chỗ nào không đến hắn lại đến London này. Hắn bị một đứa nhỏ thuyết phục đi lưu diễn ở Anh quốc, nhưng hắn đã gặp rắc rối, thằng nhóc đã cướp sạch của hắn... Pat có thể cảm thấy được sự yên lặng từ đầu dây bên kia.

“Không... Lydia à,” hắn nói rồi phá ra cười – hắn có thể tưởng tượng được cảm nhận của cô, cuộc điện thoại này kỳ cục tới mức nào. Cô đã nhận của hắn bao nhiêu cuộc gọi như vậy rồi? Còn cả mẹ hắn nữa – đã bao lần bà phải cứu giúp hắn? “Lần này khác rồi –” nhưng rồi hắn ngưng bật. Khác ư? Khác thế nào? Lần này... có gì khác? Hắn nhìn xung quanh buồng điện thoại.

Còn gì mà hắn chưa nói nữa đâu? Lần này thì hắn liệu có thể viện được cái cớ gì? Lần này, nếu anh hứa sẽ không nghiện ngập-lừa đảo-ăn cắp, vậy cho anh về nhà nhé? Hắn cũng có thể nói vậy đấy, rồi thì một tuần sau, một tháng sau, khi cái ham muốn đó trời dậy, mà nó chắc chắn sẽ trời dậy – cái ham muốn trở thành người quan trọng, làm được điều gì to tát, tiến thủ cao hơn. Phải cao hơn. Hà cớ gì cái ham muốn đó lại không trở lại? Có còn gì khác nữa đâu mà mong? Toàn là thất bại và vô danh. Thế là Pat phá ra cười. Hắn cười bởi vì hắn thấy rằng cái cuộc điện thoại này chỉ là một màn diễn dở tệ khác mà thôi, trong cả cái xô diễn cuộc đời tệ hại này của hắn, như cái màn can thiệp chết tiệt của Lydia và mẹ hắn mà hắn vốn ghét cay ghét đắng bởi bọn họ chả hiểu gì cả; bọn họ không hiểu rằng họ sẽ chẳng thể can thiệp được điều gì cho đến khi họ sẵn sàng để cho hắn ra đi.

Lần này... Ở đầu dây bên kia, Lydia đã hiểu nhầm tiếng cười của hắn. “Ôi Pat.” Giọng cô nhỏ như tiếng thì thầm. “Anh lại dính vào chuyện gì thế?”

Hắn cố gắng trả lời nhưng chẳng có gì thoát ra khỏi miệng hắn ngoài vài luồng không khí. Và đó là lúc mà Pat nghe tiếng mẹ hắn đi vào phòng tiến

đến phía sau lưng Lydia, giọng mẹ yếu ớt và đau đớn. “Ai gọi thế hả con?” và Pat chợt nhận ra là ở Idaho, lúc này mới có ba giờ sáng.

Mới ba giờ sáng, hăn đã gọi cho người mẹ đang chết dần chết mòn của mình xin bà vớt hăn ra khỏi rắc rối một lần nữa. Dù cho đã đến lúc cuối đời bà vẫn phải chịu đựng thằng con tuổi trung niên không ra gì này, và Pat liền nghĩ: “làm đi, Lydia, làm đi, tôi xin em!” “Làm đi,” hăn thì thầm khi chiếc xe buýt cao màu đỏ lao ầm ầm qua trạm điện thoại hăn đang đứng và nín thở để không lời nào thốt ra nữa.

Và cô ấy đã làm như vậy. Lydia hít một hơi sâu. “Không có ai cả, bác Dee ạ,” cô nói rồi gác máy.

NGƯỜI ĐẸP THÀNH ĐÔ

Tháng 4 1962

Rome và Porto Vergogna, nước Ý

Richard Burton là tay lái xe kinh dị nhất mà Pasquale từng gặp. Ông ta chỉ hé một mắt nhìn đường và giữ hờ vô lăng chỉ bằng hai ngón tay, khuỷu tay thì khuỳnh khuỳnh ra. Tay còn lại ông ta kẹp điều thuốc ve vẩy ngoài cửa sổ, cái điều thuốc mà ông ta có vẻ không hào hứng hút chút nào. Từ ghế hành khách, Pasquale nhìn đăm đăm vào điều thuốc đang cháy trên tay người đàn ông, nghĩ xem không biết mình có nên thò tay ra mà chụp lấy nó trước khi tàn thuốc rơi hết lên ngón tay ông ta không. Rồi bất thần ông ấy ôm cua ra khỏi khu Roman Centro, tiếng lốp xe của chiếc Alfa rít lên và nghiêng âm ỉ, khiến cho mấy người đi bộ vừa phải nhảy vọt lên vỉa hè la hét vừa dứ dứ nắm đấm về phía họ. “Xin lỗi nhé,” ông ta la lên, “Rất xin lỗi,” và thậm chí là “Biến đi.”

Pasquale không hề biết người đàn ông này là Richard Burton cho đến lúc người phụ nữ ở chỗ nhà thờ Bạc thang Tây Ban Nha giới thiệu. “Cậu Pasquale Tursi. Đây là ông Richard Burton.” Mới lúc trước, cô dẫn cậu ra khỏi chỗ bậc thang khi cậu đang nắm chặt phong bì của Michael Deane trong tay, đi xuống mấy dãy phố, lên cầu thang qua một nhà hàng, ra cửa sau cho đến khi họ gặp người đàn ông đeo kính mát, mặc quần len, áo khoác thể thao bên ngoài áo len và khăn quàng đỏ, đang đứng dựa người vào chiếc xe Alfa màu xanh nhạt duy nhất trong một con ngõ hẹp. Richard Burton tháo kính ra và cười gượng gạo. Ông ta cùng tầm thước với Pasquale, tóc mai dài, tóc nâu rối bù và cằm chẻ. Khuôn mặt toát lên những đường nét sắc sảo

nhất mà Pasquale từng gặp, như thế khuôn mặt đó được chạm khắc từng phần riêng rẽ rồi sau đó mới ráp lại với nhau. Ông ta có những vết rỗ mờ mờ trên má và một cặp mắt xanh cách xa nhau thản nhiên không chớp. Nói chung, ông ta là người có cái đầu to chưa từng thấy. Cậu chưa từng xem phim nào của Richard Burton và chỉ mới biết tên ông này qua câu chuyện của hai cô gái cậu gặp trên xe lửa hôm qua, nhưng chỉ cần liếc qua thôi cũng biết người đàn ông này đích thực là một ngôi sao điện ảnh.

Người phụ nữ đi kèm thúc giục, thế là Pasquale liền giải thích toàn bộ sự việc bằng một thứ tiếng Anh khập khiễng: Dee Moray đến làng cậu, ở đó chờ đợi một người đàn ông bí ẩn nào đó nhưng ông ta không tới; vị bác sĩ đến khám bệnh, rồi Pasquale đến Rome, người ta vô tình xếp cậu chung với đám diễn viên quần chúng, cậu ngồi chờ Michael Deane, rồi cuộc gặp gỡ kịch tích với người đàn ông này mà mới gặp cậu đã thoi cho ông ta một cú ngay ngực, rồi sau đó Deane nhanh chóng thú nhận là Dee đã có thai chứ không phải mắc bệnh nan y, rồi kết thúc là phong bì tiền mà Deane dùng để mua chuộc cậu, cái phong bì Pasquale vẫn cầm trong tay.

“Lạy Chúa,” Richard Burton mãi cũng thốt lên, “thật là một kẻ hám lợi nhẩn tâm, thằng cha Deane này. Tôi cho là bọn họ quyết phải làm cho xong cái bộ phim chết dẫm này nên đã gửi gã đê tiện đó đến đây để năm ngân sách, phao tin đồn thổi và cả chuyện phiến toái này. Chà chà, hẳn đã làm mọi thứ rồi mù hết cả lên. Tội nghiệp cô bé. Nghe này, Pat,” ông ta đặt tay lên cánh tay Pasquale, “cậu dẫn tôi đến chỗ cô ấy được chứ, anh bạn, để tôi ít nhất cũng thể hiện chút quân tử giữa cái mớ hỗn tạp này.”

“Ô,” Pasquale cuối cùng cũng hiểu được vấn đề và cậu thấy mình hơi xuống tinh thần đôi chút với cái kẻ “tình địch” mới này chứ không phải gã Michael Deane “bạc nhược” kia. “Thế ra... là con ông.”

Richard Burton vẫn điềm nhiên. “Có lẽ là thế đấy, đúng vậy.” Rồi 20 phút sau đó, bọn họ ở đây, trong chiếc Alfa Romeo của Richard Burton, phóng vù vù qua những vùng ngoại ô ở Rome hướng về phía xa lộ để cuối cùng về phía Dee Moray.

“Được phóng xe ra ngoài thật thoải mái quá.” Tóc ông bay lù xù trong gió và giọng ông nói át cả tiếng đường sá ồn ào. Mặt trời phản chiếu trên đôi kính râm của ông. “Để tôi nói cậu nghe, Pat, tôi ganh tị cú đấm mà cậu đã giáng vào thẳng cha Deane ấy. Nó là một thằng nhóc mới tí tuổi đầu sướng quá hóa rồ, thẳng khi đó. Nếu là tôi thì tôi còn tung đòn cao hơn chút nữa.”

Điều thuốc cháy dở cuối cùng cũng chạm đến mấy ngón tay của Richard Burton và ông ta thấy nó sang phía sườn xe như thể mới bị một con ong cắn. “Tôi tin là cậu biết tôi không dính dáng gì đến việc đưa cô gái ấy đi xa vậy. Và tôi chắc chắn cũng không biết cô ấy đang mang thai – cũng không phải tôi háo hức gì với tin ấy. Cậu cũng biết chuyện tình cảm của mấy diễn viên trên phim trường mà.” Ông ta nhún vai và nhìn sang cửa sổ. “Nhưng tôi thích Dee. Cô ấy...” Ông tìm từ để diễn đạt mà không được. “Tôi nhớ cô ấy.” Ông đưa tay lên miệng và có vẻ ngạc nhiên không thấy có điều thuốc nào trong tay. “Dee và tôi cũng từng có chuyện này chuyện kia, nhưng rồi chúng tôi lại là bạn khi chồng Liz đến. Thế rồi hãng Fox đẩy tôi qua làm những thước phim tài liệu dạng chiến tranh cũ rích Ngày dài nhất – có lẽ là để gạt tôi ra một thời gian. Lúc Dee ốm thì tôi đang ở Pháp. Tôi có nói chuyện điện thoại với cô ấy và cô ấy kể đã đi khám chỗ bác sĩ Crane... và họ chẩn đoán cô bị ung thư. Cô sẽ đến Thụy Sĩ để điều trị nhưng chúng tôi quyết định sẽ gặp nhau một lần nữa tại vùng ven biển này. Tôi nói sẽ cố gắng hoàn thành công việc trong phim Ngày dài nhất rồi sẽ gặp lại cô ở Portovenere và tôi giao phó cho thẳng cha phiền nhiễu Deane này sắp xếp cho chúng tôi. Thằng phá hoại đó chỉ giỏi lươn lẹo. Hắn nói tình hình xấu đi và cô ấy phải đến Bern để điều trị, và khi quay trở lại cô ấy sẽ gọi cho tôi. Tôi còn biết làm gì hơn?”

“Portovenere ư?” Pasquale hỏi lại. Vậy thì cô đến làng cậu đúng là do nhầm lẫn thật rồi. Hoặc là bởi Michael Deane cố tình làm ra như vậy.

“Chính là cái phim chết tiệt này,” Richard Burton lắc đầu. “Nó là một sự sỉ nhục gồm guốc, cái bộ phim dở dẩn này. Báo chí vây khắp nơi... mấy lão linh mục giấu máy ảnh trong bộ áo thầy tu... mấy tên quản lý dai như đĩa từ Mỹ chạy sang để giữ cho lũ đàn bà con gái tránh xa rượu chè... báo lá cải thì đăng đầy tin mỗi khi chúng tôi chè chén. Đáng lý tôi phải rút lui từ hàng

tháng trước rồi. Thật điên rồ. Và cậu có biết vì sao mọi chuyện lại thành ra thế này không? Cậu biết không? Là bởi cô ấy đấy.”

“Dee Moray?”

“Gì cơ?” Richard Burton nhìn chăm chăm như dò xét xem này giờ Pasquale có nghe ông nói gì không. “Dee? Không. Không, là bởi Liz. Cô ấy giống như một cơn bão nhất trong phòng vậy. Tôi đâu có cần mấy thứ đó đâu. Không cần. Tôi đang hạnh phúc đóng *Camelot*. Cũng không phải tôi mơ được cô diễn viên Julie Andrews bắt tay đâu, tin tôi đi, tôi không thiếu gì đàn bà con gái ở bên bầu bạn. Không, tôi đã quá ngán ngẫm với ngành điện ảnh rồi. Tôi muốn trở lại sân khấu, thực hiện lời hứa của mình, với nghệ thuật ấy, mấy thứ kiểu thế ấy. Vậy là người đại diện của tôi lại gọi, nói rằng hãng Fox đã mua đứt tôi để tôi không đóng *Camelot* nữa và tăng giá gấp bốn lần nếu tôi chịu khoác áo choàng mà vo ve xung quanh Liz Taylor. Bốn lần cơ đấy! Tôi cũng không bập vào ngay, tôi nói để suy nghĩ. Thử chỉ tôi xem có thằng đầu óc bình thường nào còn phải nghĩ ngợi chuyện đấy không. Ấy thế mà tôi có đấy. Và cậu biết lúc đó tôi nghĩ gì không?”

Pasquale chỉ có thể nhún vai. Ngồi nghe người đàn ông này nói cứ như vật lộn với phong ba bão táp vậy.

“Lúc đó tôi nghĩ về Larry.” Richard Burton nhìn vào Pasquale. “Larry Olivier, người thuyết cho tôi một bài bằng cái giọng cha chú của ông ấy.” Richard Burton bĩu môi dưới ra và làm bộ nói âm mũi: “Dick, dĩ nhiên cháu sẽ phải quyết định liệu cháu muốn làm người nổi tiếng hay là một diễn viên thực thụ.” Ông phá lên cười. “Lão già đàn đến mù người. Đêm cuối diễn *Camelot*, tôi đã nâng ly tạm biệt Larry và cái sân khấu yêu quý của ông ta. Tôi bảo mình sẽ chọn tiền và chỉ trong một tuần tôi đã bắt Liz Taylor phải quỳ gối mà... phục tùng tôi.” Ông ta lại phá lên cười khi nhớ về cái kỷ niệm đó. “Olivier... trời ạ. Cuối cùng thì cũng có gì quan trọng đâu, đứa con trai thợ mỏ xứ Wales diễn trên sân khấu hay màn ảnh rộng thì có gì khác nhau? Tên tuổi chúng ta rồi cũng trôi theo dòng nước thôi, thi sĩ Keats đã nói thế rồi, thế thì còn lo quái gì nữa? Mấy lão khùng như Olivier và Gielgud cứ tự nhiên giữ lấy mấy nguyên tắc sống vợ vắn ấy rồi mà ngồi tự gãi mông nhau,

vắng mợ chợ vẫn đông, lo hã!” Richard Burton nhìn liếc qua vai, gió cuộn xoăn tóc ông trong chiếc mũ trần này. “Thế nên tôi đã đến Rome này, gặp Liz, và để tôi kể cậu nghe Pat ạ, tôi chưa từng thấy một người phụ nữ nào như thế. Ý tôi là, tôi cũng từng gặp vài cô đẹp, nhưng cô này ư? Lạ Chúa lòng lành. Cậu biết tôi nói gì hôm đầu tiên tôi gặp cô ấy không?” Ông ta chẳng đợi Pasquale trả lời. “Tôi bảo ‘Không biết có ai nói với cô chưa... nhưng trông cô cũng không đến nỗi nào đâu.’”

Ông ta mỉm cười. “Và khi đôi mắt đó nhìn cậu? Trời ạ, thế giới cứ phải gọi là ngừng quay... Tôi biết cô ấy đã có chồng rồi, mà nói cho đúng, cô ấy là một kẻ đánh cắp linh hồn đấy, mà tôi cũng chẳng phải được rèn từ gang thép gì. Dĩ nhiên, nếu trong tình huống đó bất kỳ thằng đờ hơi nào cũng sẽ chọn làm một diễn viên vĩ đại chứ không chịu làm người để thiên hạ bàn ra tán vào, nhưng đâu có dễ gì được lựa chọn cơ chứ? Bởi vì một bên cân họ đã xếp sẵn cả mớ tiền, và chúa tôi, lại còn thêm mấy cặp ngực cặp eo nữa chứ... và chúa ơi, đôi mắt đó – thế là cán cân nó cứ lệch dần lệch dần, anh bạn ạ, đến khi nó nghiêng hẳn về một bên. Không không, chúng ta chắc chắn rồi sẽ trôi theo dòng nước thôi mà thôi. Không thì cũng chìm trong rượu, nếu may mắn cậu ạ.”

Ông ta nháy mắt, xoay người còn Pasquale đặt tay lên bảng đồng hồ. “Đó cũng là một ý đấy. Rượu ấy? Nó giúp ta mở mắt ra, phải không anh bạn?” Ông ta hít một hơi sâu rồi lại kể tiếp chuyện của mình. “Dĩ nhiên, cánh báo chí chụp ngay được chuyện giữa Liz và tôi, rồi lại đến việc chồng cô ấy đến tận đây nữa, thế là tôi khó chịu, bực tức mấy ngày liền, và không biết say xỉn hay buồn bã thế nào tôi lại tìm đến Dee để được an ủi. Cứ mỗi hai tuần, tôi lại đến gõ cửa nhà cô ấy.” Ông ta lắc đầu. “Cô ấy rõ mọi sự – người con gái thông minh ấy. Hồng nhan mà còn nhạy cảm thì đa đoan lắm. Tôi chắc cô ấy có cùng quan điểm với Larry, cũng cho rằng tôi đang lãng phí thời giờ của mình ngồi tạo ra cái mớ rác rưởi là bộ phim này. Và tôi cũng biết mình không phải hạng tốt đẹp gì cho cô ấy, lẽ ra không nên theo đuổi cô ấy... nhưng con người ta nói thì dễ chứ làm đâu có được, tôi nói phải không cậu?” Ông ta vỗ tay trái lên ngực. “Cậu có điều thuốc nào không thế?”

Pasquale lấy một điều thuốc ra và châm lửa cho ông ta. Richard Burton rít một hơi dài và nhả khói ra bằng mũi. “Cái ông Crane này, người đã chẩn bệnh cho Dee ấy cũng là bác sĩ của Liz, đi đến đâu là huyền thuyên lắm lời đến đấy. Lão ta và Deane đã dựng nên cái vụ ung thư này để đẩy cô ấy ra khỏi thành phố.” Ông ta lại lắc đầu. “Lũ trời đánh, thằng ác ôn hết thuốc chữa nào lại nỡ nói với một cô gái chỉ buồn nôn rằng cô ấy mắc ung thư cơ chứ? Cái đám đấy không từ một thủ đoạn nào.”

Ông ta đột nhiên phanh xe cái két khiến bánh xe nảy lên như một con thú giật mình, rồi chiếc xe lao ra khỏi đường và kêu lên rì rít trước khi dừng lại một khu chợ vùng ngoại thành Rome. “Cậu cũng khát nước giống tôi chứ, cậu bạn?”

“Tôi đói,” Pasquale trả lời. “Tôi chưa ăn gì.”

“À. Tốt thôi. Và cậu cũng có chút tiền nhỉ? Lúc rời đi tôi cũng lu xu bu quá chưa kịp chuẩn bị tiền nong gì.”

Pasquale mở phong bì đưa cho ông ta tờ bạc ngàn lia. Richard Burton cầm tiền chạy vào khu chợ.

Vài phút sau ông ta quay trở lại với hai chai vang đỏ đã mở nắp, đưa cho Pasquale một chai rồi đặt chai còn lại giữa hai chân. “Cái nơi chết tiệt này sao lại không có lấy một chai cognac cơ chứ? Thế thì tên tuổi chúng ta phải trôi theo cái mớ nước tè màu nho này à? Ôi chao, chỉ một ngụm thôi là cạn sạch.” Ông ta tu một hơi dài mới để ý thấy Pasquale đang nhìn mình. “Ông cha tôi ngày nào cũng làm 12 panh. Dân Wales mà, uống cũng phải biết chừng mực, nên thằng tôi đây chỉ uống lúc làm việc thôi.” Ông ta nháy mắt. “Đó là lý do vì sao mà lúc nào tôi cũng bận bịu làm việc hết.”

Vài giờ sau, người đàn ông chịu trách nhiệm cho đưa con Dee Moray đang mang trong bụng đã uống gần như cạn sạch cả hai chai vang và đã dừng lại kiểm chai thứ ba. Pasquale không tin nổi ông ta có thể uống dữ thế. Richard Burton đậu chiếc Alfa Romeo gần cảng ở La Spezia, còn Pasquale vào một quán rượu ở cảng hỏi han cho đến lúc tìm được một ngư dân chịu chở họ đến Porto Vergogna với giá hai ngàn lia. Người ngư dân đi trước họ khoảng chục mét, dẫn họ xuống chỗ thuyền của ông ta.

“Tôi sinh ra trong một ngôi làng nhỏ xíu,” Richard Burton kể cho Pasquale khi họ ngồi trên băng ghế gỗ ở đuôi con thuyền nhấp nháp dài khoảng chục mét này. Trời đã tối đen, lạnh lẽo, Richard Burton lật cổ áo khoác lên để chống lại cơn gió biển lạnh buốt. Người lái tàu đứng trước họ ba bước, giữ bánh lái trong tay khi con thuyền băng qua con sóng ngược ra khỏi cảng, bọt trắng tung lên từ mũi tàu, cuộn lên rồi dịu xuống, bầu không khí biển khơi mẫn mẫn lại càng làm Pasquale đói cồn cào.

Người lái tàu tặng lời các vị khách đằng sau. Đôi tai ông ta đã đỏ buốt lên vì lạnh.

Richard Burton ngả người ra sau và thở dài. “Cái nơi nhớ nhức mà tôi sinh ra ấy tên là Pontrhydyfen, nằm trong một thung lũng hẹp giữa hai ngọn đồi xanh và có một con sông nhỏ trong vắt như vodka cắt qua. Một thị trấn nhỏ làm nghề mỏ xứ Wales. Và cậu biết tên con sông là gì không?”

Pasquale còn không biết ông ta đang nói về chuyện gì nữa.

“Thử nghĩ đi. Nó sẽ là một cái tên hợp vô cùng.”

Pasquale nhún vai.

“Avon * đấy.” Ông ta chờ Pasquale phản ứng lại. “Tréo ngoe nhỉ?”

** Avon cũng có nghĩa là Sông, nên tên con sông sẽ là sông Sông*

Pasquale đồng ý.

“Đúng thế... được rồi, có ai nhắc đến vodka ấy nhỉ? À phải, là tôi.” Richard Burton thở dài rệu rã. Rồi ông ta gọi với lên người lái thuyền: “Thế trên thuyền này không có cái gì uống thật à? Phải không? Ông Thuyền trưởng!” Người lái thuyền phớt lờ ông ta. “Hắn không thêm sợ nổi loạn à Pasquale?” Thế rồi Burton lại ngả người ra phía sau, chỉnh lại cái cổ áo khoác chống luồng khí lạnh, và lại tiếp tục kể cho Pasquale về ngôi làng nơi ông ta đã lớn lên. “Lũ con nhà Jenkins chúng tôi có mười hai đứa, đứa nào cũng bú mẹ ngoại trừ đứa nhóc sau tôi. Tôi được hai tuổi thì bà mẹ tội nghiệp kiệt sữa, bị bú cạn cả. Chúng tôi đã vất kiệt người đàn bà khốn khổ thành ra một trái bóng xẹp lép. Tôi là đứa cuối cùng còn được hưởng tí chút. Sau đó thì chị gái Cecilia của tôi nuôi tôi. Ông bố Jenkins thì chả được tích sự gì. Lúc tôi sinh ra đời ông ấy đã 50 rồi, mới sáng bảnh mắt đã xin quắc

cần câu, tôi cũng chẳng biết gì về cha mình ngoại trừ cái tên ông ấy để lại cho tôi. Còn cái họ Burton là tôi đặt theo ông thầy dạy diễn xuất, cho dù tôi nói với mọi người đó là theo tên của Robert Burton, tác giả cuốn *Mổ xẻ Nỗi buồn* ấy, cậu biết không hả? Không à? Không sao.” Ông ta một tay xoa ngực và lại tiếp tục nói. “Nói chung là một thứ tôi bịa ra, cái họ Burton này. Nếu giữ tên Dickie Jenkins thì tôi sẽ chỉ là một thằng nhóc hèn mọn bú ti mẹ, nhưng cái gã Richard Burton này... sẽ phát lên vô cùng.”

Pasquale gật đầu, sóng biển nhấp nhô và những cuộc nói chuyện lè nhè bất tận của Burton tung hứng với nhau làm cậu vô cùng buồn ngủ.

“Mấy đứa con trai nhà Jenkins đều làm việc trong mỏ than, ngoại trừ tôi, và cũng nhờ vận may lẫn Hitler tôi mới thoát ly ra khỏi nơi đó. Không lực Hoàng gia Anh là lối thoát của tôi, và cho dù tôi mù dờ đếch bay được, thì nhờ thế tôi vẫn được vào Oxford cơ đấy. Hãy bảo cho tôi biết, cậu sẽ nói gì với một thằng nhóc đến từ làng tôi khi cậu thấy nó ở Oxford?”

Pasquale lại nhún vai, cậu mệt mỏi với cái sự huyền thuyên này lắm rồi.

“Cậu sẽ tưởng nó là dân lao động mà quát: “Còn không mau đi cắt cỏ đi!”” Khi Pasquale không cười, Richard Burton ghé sát vào cậu để giải thích. “Ý là... tôi cũng không phải khoe gì đâu, nhưng để cậu biết, là hồi trước tôi cũng không được...” ông ta tìm từ diễn đạt, “bảnh bao như thế này. Không, tôi hiểu dân tỉnh lẻ trông như thế nào chứ. Giờ thì tôi quên nhiều rồi, nhưng thừa nhận với cậu là hồi trước trông tôi khờ khạo, lú lẫm. Nhưng cuộc sống tỉnh lẻ đó tôi vẫn chưa quên hẳn.”

Pasquale chưa từng gặp một ai mà nói nhiều như cái nhà ông Richard Burton này. Thường thì khi cậu không hiểu điều gì đó trong tiếng Anh, Pasquale học được cách đổi chủ đề, và giờ cậu sẽ làm điều này một lần nữa, ít nhất cũng còn để nghe thấy giọng nói của chính cậu. “Ông có chơi quần vợt không, ông Richard Burton?”

“Tôi được dạy để chơi bóng bầu dục thì đúng hơn... Tôi thích cái sự bạo lực và hỗn loạn của nó. Tôi hẳn sẽ chơi cho một câu lạc bộ sau khi tốt nghiệp Oxford, làm tiền đạo cánh, nếu như không phải chính tôi thấy lũ con trai trong câu lạc bộ kịch lại có thể dễ dàng ngủ với đám con gái như thế.”

Ông ta nhìn mông lung. “Anh trai tôi Ifor là một vận động viên bóng bầu dục cự phách. Nếu tôi theo nghiệp vận động viên chắc cũng bằng anh ấy, cho dù lúc đó thì chỉ có mỗi một lựa chọn là đám con gái ngực to chơi khúc côn cầu mà thôi. Theo quan điểm của tôi lúc ấy, làm diễn viên mới được tha hồ chọn.” Rồi ông ta lại gọi với lên chỗ người lái thuyền nữa: “Thực là không có cốc rượu nào trên tàu à, *thuyền trưởng*? Không cognac thật sao?” Khi không được trả lời, ông ta lại ngả người vào mạn thuyền nữa. “Ta cầu cho lão ấy chìm luôn với cái đồng mục nát này.”

Cuối cùng, chiếc tàu vòng qua mũi đê chắn sóng và cơn gió lạnh buốt tràn tới khi chiếc tàu chạy chậm lại và con thuyền từ từ bình bịch tiến gần Porto Vergogna. Nó va phải đám môi câu gỗ tại đầu cầu tàu, nước biển đang vỗ vào những tấm ván ẩm ướt đã vũng xuống. Trong ánh trăng, Richard Burton hé nhìn vài chục ngôi nhà xây bằng đá và vữa, một số nhà có thắp đèn. “Thế phần còn lại của ngôi làng nằm phía kia núi à?”

Pasquale nhìn lên tầng cao nhất khách sạn của cậu, cửa phòng Dee Moray tối om. “Không, Porto Vergogna chỉ thế này thôi.”

Richard Burton lắc lắc đầu. “Phải, dĩ nhiên rồi. Lạ chúa tôi. Nó chỉ là một cái khe trên vách đá. Không có điện thoại gì à?”

“Không,” Pasquale xấu hổ. “Năm tới, may ra có.”

“Thằng Deane này điên thật rồi,” Richard Burton la lên, mà Pasquale nghe như là lời cảm thán ngưỡng mộ. “Tôi sẽ giã cho thằng khốn đó một trận cho tóe máu ra thì thôi. Đồ chết tiệt.” Ông ta bước lên cầu tàu trong khi Pasquale trả tiền cho người ngư dân Spezia. Ông ta đẩy thuyền lại biển và bình bịch chạy đi mà chẳng nói năng lấy một lời. Pasquale bắt đầu đi về phía bờ biển.

Phía trên họ, mấy ngư dân đang ngồi uống rượu trong quảng trường như thể họ đang háo hức chờ đợi điều gì đó. Họ đi tới đi lui loạn xạ ngẫu như bầy ong vỡ tổ. Giờ thì họ đẩy lão Tommaso tới trước và ông này bắt đầu đi xuống bậc thang về phía bờ biển. Dù cho lúc này Pasquale đã biết rằng Dee Moray không phải đang lâm bạo bệnh thì cậu vẫn cảm nhận rõ ràng có chuyện gì đó khủng khiếp đã xảy ra cho cô.

“Hồi chiều này Gualfredo và Pelle đã đi thuyền dài đến đây,” Tommaso nói ngay khi vừa gặp họ ở bậc thang. “Tụi nó cuỗm mất cô người Mỹ của cậu rồi Pasquale! Tôi đã cố ngăn tụi nó. Dì Valeria của cậu cũng thế. Bà ấy nói với chúng nếu bọn chúng đưa cô đi thì cô sẽ chết. Cô người Mỹ không muốn đi nhưng con lợn Gualfredo đó lại nói là đáng lý ra cô ấy đến Portovenere chứ không phải ở đây... rồi một người đàn ông nào đó đã đến tìm cô ở đó. Thế là cô ấy đi với chúng.”

Do cuộc nói chuyện bằng tiếng Ý nên Richard Burton không hiểu gì, ông này đang bẻ lại cổ áo, chải chuốt lại bản thân và ngược lên nhìn cụm mấy ngôi nhà sơn vôi trắng. Ông ta mỉm cười với Tommaso và nói: “Bác chắc không làm người pha chế rượu, bác nhỉ. Tôi phải làm một ngụm rồi mới nói cho cô gái tội nghiệp biết là cô ấy có bầu được.”

Pasquale dịch lại những gì Tommaso đã nói cho cậu hay: “Một người đàn ông ở khách sạn khác đã đến đón Dee Moray đi mất rồi.”

“Đưa cô ấy đi đâu?”

Pasquale chỉ xuống phía vùng duyên hải. “Portovenere. Ông ta bảo đúng ra cô ấy sẽ đến đó và khách sạn của tôi không thể chăm sóc tốt người Mỹ được.”

“Quân ăn cướp! Chúng ta đâu có cho phép điều đó xảy ra, phải không?”

Họ bước lên chỗ quảng trường và những người ngư dân đưa nốt phần rượu grappa của họ cho Richard Burton khi bàn bạc xem giờ phải làm gì. Có người kêu hãy chờ đến sáng hôm sau, nhưng Pasquale và Richard Burton đồng ý rằng Dee Moray phải được biết ngay là cô ấy không mắc bệnh ung thư. Họ sẽ đến Portovenere ngay hôm nay. Cánh đàn ông trên bờ biển lạnh lẽo sóng vỗ này chợt trở nên ồn ào phấn khích: Tommaso Anh Lớn dọa sẽ cắt cổ thằng Gualfredo; Richard Burton hỏi thăm bằng tiếng Anh xem có quán rượu nào mở cửa trễ ở Portovenere không; Lugo Anh hùng thời chiến thì đòi chạy về nhà cầm theo khẩu súng cạc bin của mình; Tommaso giơ tay lên như chào kiếu quân đội và xung phong dẫn đầu cuộc tấn công đánh vào khách sạn của Gualfredo; và đến lúc này Pasquale chợt nhận ra mình là người đàn ông duy nhất còn chưa xin ở Porto Vergogna này.

Cậu đi bộ về khách sạn để báo với mẹ và dì Valeria rằng họ sẽ đến vùng duyên hải, rồi cầm theo một chai vang Bồ Đào Nha cho Richard Burton. Dì cậu đang đứng chỗ cửa sổ ngó xuống và tả cho mẹ Pasquale nghe chuyện xảy ra bên ngoài. Mẹ cậu vẫn đang nằm trên giường, hai tay bà chống xuống để đỡ thân người nhồm dậ. Pasquale thò đầu vào cửa.

“Dì đã cố gắng ngăn bọn họ lại,” Valeria nói, mặt rầu rầu. Mẹ đưa cho Pasquale một tờ giấy nhẵn.

“Cháu biết rồi,” Pasquale nói khi cậu đọc mảnh giấy. Đó là lời nhắn của Dee Moray. “Pasquale, có mấy người đàn ông tới nói rằng bạn tôi đang chờ tôi ở Portovenere và đã có nhầm lẫn xảy ra khi tôi tới đây. Tôi sẽ đảm bảo vẫn trả anh đầy đủ vì những rắc rối đã gây ra cho anh. Cám ơn anh vì mọi thứ. Thương mến – Dee.” Pasquale thở dài. Thương mến ư?

“Cẩn thận đấy,” mẹ cậu nói vọng ra từ giường. “Gualfredo là một thằng rất rắn đấy.”

Cậu nhét mảnh giấy vào túi áo. “Con sẽ không sao đâu, Mamma.”

“Đúng thế, con sẽ không sao, Pasqo à,” bà đáp. “Con là một người tốt mà.”

Pasquale không quen cách bày tỏ tình cảm thẳng như thế, nhất là khi mẹ cậu dạo này tính khí lại khó chịu. Có lẽ bà đang dần bớt khó tính lại chẳng. Cậu bước vào phòng và cúi người xuống để hôn bà. Người bà toát ra cái mùi ẩm mốc của một người phải nằm liệt trên giường. Nhưng trước khi để cậu hôn, bà chìa một bàn tay khoằm khoằm của mình ra mà siết cánh tay cậu thật mạnh, tay bà run lên.

Pasquale nhìn xuống cánh tay đang run lên của mẹ mình. “Mamma à, con sẽ về ngay thôi.”

Cậu nhìn bà dì Valeria cầu cứu, nhưng bà ta thậm chí còn chẳng thèm ngẩng mặt lên. Mẹ cậu thì không chịu bỏ tay cậu ra

. “Mẹ à, không sao đâu.”

“Mẹ đã bảo Valeria là một cô gái Mỹ cao ráo như thế sẽ không bao giờ chịu ở lại đây. Mẹ đã bảo dì là thế nào cô ta cũng ra đi.”

“Mamma. Mẹ đang nói gì thế?”

Bà ngả người ra sau và từ từ bỏ tay cậu ra. “Đi đón con bé về đi Pasquale, rồi cưới nó. Mẹ sẽ chúc phúc cho hai đứa.”

Cậu bật cười và lại hôn bà. “Con sẽ đi tìm cô ấy, nhưng con yêu mẹ, Mamma. Chỉ mình mẹ thôi. Con không chịu cô nào khác đâu.”

Ở phía ngoài, Pasquale thấy Richard Burton và mấy người ngư dân vẫn đang uống rượu dưới quảng trường. Lão Lugo xấu hổ nói rằng bọn họ sẽ không dùng được khẩu cạc bin của lão bởi vì bà vợ đang dùng nó làm cọc đỡ cho mấy dây cà chua trong khu vườn nơi vách núi nhà họ.

Khi đi xuống phía bờ biển, Richard Burton đẩy nhẹ Pasquale và chỉ vào cái bảng hiệu Khách sạn Cảnh quan Vừa phải: “Của cậu à?”

Pasquale gật đầu. “Của cha tôi.”

Richard Burton ngáp dài. “Tuyệt vời khiếp.” Rồi ông ta vui vẻ cầm lấy chai vang Bồ. “Tôi bảo cậu nghe, Pat, khung cảnh ở đây thật quá ư kỳ lạ.”

Mấy người ngư dân giúp Tommaso mang lưới, dụng cụ đánh cá lẫn một con mèo đang say ngủ trên thuyền ông ta vào phía quảng trường rồi bọn họ dùng một cái xe cút kít để đẩy cái động cơ thuyền xuống phía biển. Pasquale và Richard Burton leo vào thuyền. Đám ngư dân đứng ở phần còn sót lại của bãi biển Pasquale mà trông theo. Cú giật động cơ thật mạnh của Tommaso làm Richard Burton đánh rơi cả chai rượu nhưng may mà nó rơi ngay vào lòng Pasquale và chưa bị đổ bao nhiêu. Cậu đưa lại chai rượu cho người đàn ông xứ Wales đang xin. Nhưng cái động cơ nhỏ không chịu nổi máy. Họ cứ đứng đó lắc lư trong sóng nước, trôi dần xa đi, trong khi Richard Burton thì vừa cố gắng giữ cho khỏi ợ hơi vừa rồi rít xin lỗi mỗi khi ợ. “Tại cái du thuyền này hơi tù túng đấy,” ông ta chữa.

“Đồ chết tiệt,” Tommaso hét lên với cái động cơ. Ông ta cứ thế đập vào nó rồi lại giật dây tiếp. Chẳng có gì xảy ra. Mấy người ngư dân khác hét với ra là chắc do động cơ không đánh lửa được hoặc chưa ăn xăng. Thế rồi người nói đánh lửa thì đổi sang ăn xăng, người nói ăn xăng lại đổi sang đánh lửa, cứ loạn hết cả lên.

Rồi đột nhiên không biết Richard Burton chợt nhớ ra điều gì mà ông ta sực đứng lên và nói bằng một trầm sang sáng với đám ngư dân già đang hò

hét trên bờ biển. “Đừng sợ, hỡi những người anh em Hy Lạp. Tôi thề với các bạn: đêm nay sẽ có người nhỏ lệ ở Portovenere, xót thương cho những đứa con đã lìa đời, kẻ mà chúng ta sẽ chiến đấu với nó, vì nàng Dee xinh đẹp, người con gái khiến máu chảy trong ta. Tôi xin hứa với anh em, với tư cách là một người con Hy Lạp rằng chúng ta sẽ quay về trong vinh quang, không thì sẽ không về nữa!” Và cho dù bọn họ còn chưa hiểu đầu cua tai nheo gì cái bài phát biểu này, thì mấy người ngư dân cũng cảm giác được đó là tráng ca hào hùng và tất cả bọn họ đều hò reo, kể ca Lugo khi ấy đang đứng xả nước cứu thân lên mấy tầng đá. Thế rồi Richard Burton huơ huơ cái chai trước mặt hai người cùng hội cùng thuyền với ông ta như thể ban phước lành cho họ: Pasquale đang nép ở cuối thuyền co ro tránh cái lạnh, và Tommaso đang chỉnh cái bướm gió trên động cơ. “Ôi những đứa con lạc lối của Portovenere, các người hãy chuẩn bị cho cái ngày diệt vong của mình giáng xuống, nó đến cùng đội quân quả cảm này đây.” Ông ta đặt tay lên đầu Pasquale: “Dũng sĩ Achilles ở đây và cả anh chàng bốc mùi đang giật động cơ này nữa, ta quên mất tên rồi, tất cả bọn họ đều là người khỏe mạnh, anh dũng, không biết xót thương, và –”

Đúng lúc đó thì Tommaso giật mạnh, động cơ gầm lên khiến Richard Burton suýt nữa văng ra khỏi thuyền, nhưng Pasquale đã kịp túm lấy và kéo ông ta ngồi lại trên thuyền. Burton vỗ vỗ lên cánh tay của Pasquale, nói líu nhíu, “... máu mủ ruột rà có khi còn chẳng tử tế bằng lúc này.” Máy nổ bình bịch đưa họ lướt đi hùng dũng trên những con sóng. Rốt cuộc, đội quân giải cứu cũng đã lên đường.

Trên bờ biển, mấy người ngư dân cũng trôi dạt đến những chiếc giường của họ. Trên thuyền, Richard Burton thở dài. Ông ta nốc ừng ực một hơi và nhìn lại lần nữa cái thị trấn nhỏ đang biến mất dần sau bức tường đá như thể nó chưa từng tồn tại.

“Nghe này, Pat,” Richard Burton nói, “tôi rút lại mấy lời tôi nói lúc trước về việc xuất thân từ một ngôi làng nhỏ như làng của cậu,” ông huơ huơ chai rượu. “Không, tôi chắc đó là một nơi tươi đẹp, nhưng mà trời ạ, cái vùng đất hôi thối tôi bỏ lại đằng sau nó còn rộng lớn hơn thế này.”

Bọn họ lên bờ, đi thẳng tới cái khách sạn mới được tu sửa lại gần đây của Gualfredo, Khách sạn de la Mar ở Portovenere. Viên lễ tân đòi họ trả một khoản mới chịu tiết lộ thông tin, mà tiền đó hẳn là lấy từ khoản Michael Deane hối lộ cho Pasquale rồi. Sau một hồi mặc cả với cái giá trên trời, rốt cuộc viên lễ tân cũng chịu cho bọn họ một chai cognac mà Richard Burton đòi và số phòng của Dee Moray. Ông diễn viên này lúc ở trên thuyền cũng ngủ được một chút – Pasquale cũng không biết làm sao mà ông ta ngủ được – và giờ thì ông ta đang ợc ọc cognac trong miệng cứ như súc miệng buổi sáng, nuốt ực một cái, nuốt nuốt tót mà bảo: “Rồi, bánh chọe rồi đây.” Ông ta và Pasquale leo lên cầu thang, đi dọc hành lang đến chỗ cánh cửa phòng Dee cao vút, Pasquale nhìn quanh cái khách sạn hiện đại của Gualfredo và lại thấy xấu hổ vì Dee Moray từng ở trong cái nhà nghỉ nhỏ xíu tồi tàn của cậu. Cái mùi hương của nơi này – sạch sẽ và hơi hướng Mỹ – khiến cậu nhận ra hẳn Cảnh quan Vừa phải chắc hẳn hám lắm, với mấy bà già và cái mùi biển ẩm thấp mịt mịt.

Richard Burton bước lên phía trước Pasquale, lão đảo trên tấm thảm, cố gắng không ngã nghiêng từng bước đi. Ông ta vuốt tay để ép tóc xuống, nháy mắt với Pasquale và gõ nhẹ bằng một đốt ngón tay lên cánh cửa phòng khách sạn. Khi không nghe tiếng trả lời, ông gõ mạnh hơn.

“Ai thế?” Giọng Dee Moray vọng ra sau cánh cửa.

“À, Richard đây em yêu,” ông ta trả lời, “Anh đến để giải cứu em đây.”

Một khắc sau cánh cửa mở tung và Dee xuất hiện trong bộ áo choàng ngủ. Họ lao vào vòng tay của nhau và Pasquale phải quay mặt đi chỗ khác kéo lại ghen tị và xấu hổ vì từng tưởng tượng rằng cô gái đó lại muốn ở cùng một người như cậu. Cậu chỉ là một con lừa đáng thương đang nhìn hai con ngựa nòi hí vang trên đồng cỏ.

Vài giây sau đó, Dee Moray đẩy Richard Burton ra. Bằng một giọng vừa trách mắng vừa ngọt ngào, cô hỏi ông: “Mấy bữa nay anh biến đi đâu thế?”

“Thì anh đi tìm em,” Richard Burton trả lời. “Cả một cuộc trường chinh đấy. Nhưng nghe này, có chuyện anh cần nói với em. Anh sợ là cả hai ta đều là nạn nhân của một vụ lừa gạt ghê rợn.”

“Anh đang nói chuyện gì thế?”

“Vào phòng đi em. Ngồi xuống, anh sẽ giải thích tất cả.” Richard Burton dìu cô bước vào phòng và cánh cửa đóng lại sau lưng họ.

Pasquale đứng lơ ngơ một mình ngoài hành lang rồi bỗng nhiên, không biết phải làm gì bây giờ, cậu liền tiến lại cánh cửa lắng nghe cuộc trò chuyện thầm thì bên trong và cố gắng nghĩ xem liệu mình cứ đứng yên như thế, hay gõ cửa mà nhắc họ rằng cậu vẫn còn ở ngoài này, hoặc là về lại thuyền với Tommaso. Cậu ngáp dài và đứng dựa vào tường. Cậu đã thức suốt hai bốn tiếng đồng hồ rồi. Đến lúc này, Richard Burton hẳn đã nói cho cô biết rằng cô không mắc bệnh nan y, mà thực ra cô đang có thai, ấy vậy mà cậu không nghe được tiếng động nào mà cậu tưởng tượng sẽ vang ra từ đằng sau cánh cửa khi cô biết tin này – có thể là tiếng la lối giận dữ, hoặc tiếng thở phào nhẹ nhõm vì đã biết được sự thật bệnh tình của mình, hoặc choáng váng khi biết mình có con. Một đứa con! cô có thể thốt lên như thế. Hoặc hỏi lại Một đứa con ư? Tuy vậy chẳng có gì phát ra từ đằng sau cánh cửa ngoài những tiếng thì thầm.

Có lẽ năm phút đã trôi qua. Pasquale vừa mới định bỏ đi thì cánh cửa mở ra và Dee bước ra một mình, cái áo choàng ngủ quấn chặt quanh người. Cô ấy đã khóc từ nãy đến giờ. Cô không nói gì, chỉ bước ra hành lang, đi chân trần trên thảm. Pasquale liền đứng thẳng dậy, không dựa tường nữa. Cô vòng tay quanh cổ cậu và ôm chặt lấy cậu. Cậu vòng tay qua cô, đan tay mình trên eo cô; cảm nhận lụa mềm trên làn da và dưới chiếc áo khoác mỏng của cô, cảm nhận bầu ngực cô đang ép lên ngực cậu. Người cô tỏa ra mùi hoa hồng, mùi xà phòng thơm và đột nhiên Pasquale phát hoảng lên không biết mình bốc mùi tới mức nào sau một ngày qua – hết đi trên buýt rồi lại ô tô và trong hai con thuyền đánh cá – và đến lúc đó cái ngày lạ lùng này mới hiện rõ trước mắt cậu. Có đúng là nó bắt đầu bằng việc cậu đã ở Rome suýt bị đóng một vai quần chúng trong phim Cleopatra không? Thế rồi Dee Moray bắt đầu run lên bần bật như cái động cơ tàu cũ kỹ của Tommaso. Cậu ôm cô đến cả phút và cảm nhận nguyên vẹn phút giây đó – sự hấp dẫn của cơ thể dưới chiếc áo choàng mềm mại.

Cuối cùng, Dee Moray cũng buông cậu ra. Cô lau mắt và nhìn vào khuôn mặt của Pasquale. “Tôi không biết phải nói gì nữa.”

Pasquale nhún vai. “Không sao mà.”

“Nhưng tôi muốn nói điều gì đó với anh, Pasquale ạ, tôi cần phải nói.” Và rồi cô bật cười. “Cảm ơn thôi thì chưa đủ.”

Pasquale nhìn xuống sàn nhà. Đôi khi chỉ mỗi việc hít vào thở ra thôi mà sao thật đau đớn vô cùng. “Không đâu,” cậu nói, “thế là đủ rồi.”

Cậu lấy trong túi áo khoác ra chiếc phong bì tiền, giờ đã nhẹ hơn rất nhiều so với lúc cậu cầm nó ở quảng trường Nhà thờ Bạc Thang. “Michael Deane nhờ tôi đưa cái này cho cô.” Cô mở nó ra và run lên khiếp sợ trước lượng tiền dày cộp. Cậu không nói gì đến việc một phần tiền trong đó là cho cậu; vì nếu nói ra nó khiến cậu cảm giác như mình là kẻ đồng lõa. “Và đây nữa,” Pasquale nói và đưa cô những tấm ảnh chụp liên tiếp. Ở trên cùng là bức hình chụp Dee và người phụ nữ kia trên phim trường Cleopatra. Cô đưa tay lên miệng khi thấy nó. Pasquale lại nói: “Michael Deane nhờ tôi nói với cô _”

“Đừng nhắc lại với tôi lời của gã khốn ấy nữa,” Dee Moray ngắt lời cậu, mặt vẫn nhìn xuống tấm hình. “Xin anh.”

Pasquale gật đầu.

Cô vẫn chưa rời mắt khỏi những tấm hình. Cô chỉ vào người phụ nữ còn lại trong tấm hình, người có mái tóc đen mà Dee Moray đang khoác tay khi cười. “Cô ấy thực sự rất dễ chịu,” cô nói. “Kỳ lạ.” Dee thở dài. Cô lật nhanh qua những bức hình khác và Pasquale giờ nhận ra trong một tấm hình cô đang đứng nghiêm với hai người đàn ông, một trong số họ chính là Richard Burton.

Dee Moray quay đầu nhìn về phía cửa phòng đang mở. Rồi cô lại lau đôi mắt đầm lệ. “Tôi nghĩ chắc tối nay chúng tôi sẽ nghỉ lại đây,” cô nói. “Richard đã mệt bã cả người rồi. Anh ấy còn phải về Pháp để quay phim thêm một ngày nữa. Rồi sau đó anh ấy sẽ đi cùng tôi đến Thụy Sĩ rồi... chúng tôi sẽ cùng gặp vị bác sĩ kia và... tôi nghĩ là... sẽ lo liệu mọi chuyện.”

“Đúng rồi,” Pasquale nói, những từ “lo liệu mọi chuyện” cứ lửng lơ trước mắt cậu. “Tôi rất vui... cô không bị ốm.”

“Cám ơn anh Pasquale. Tôi cũng vậy.” Mắt cô lại rơm rớm. “Tôi sẽ trở về nhà, rồi sau này tôi sẽ đến thăm anh nhé. Có được không?”

“Được chứ,” cậu nói, nhưng không hề có mảy may suy nghĩ là còn có thể gặp lại cô gái ấy nữa.

“Chúng ta có thể leo núi lên chỗ công sự và lại ngắm những bức tranh nữa”

Pasquale chỉ mỉm cười. Cậu tập trung, cố kiếm từ để nói. “Đêm đầu tiên, cô nói điều gì đó... rằng chúng ta không biết khi nào câu chuyện đời ta sẽ bắt đầu, nhỉ?”

Dee gật đầu.

“Người bạn tôi Alvis Bender, người đã viết ra chương sách mà cô đọc đó, chú ấy cũng từng nói một điều tương tự.

Chú nói rằng cuộc đời của chúng ta là một câu chuyện. Nhưng tất cả các câu chuyện đều đi theo các quỹ đạo khác nhau, đúng không?” Cậu vung một tay sang bên trái. “Cô.” Vung tay còn lại sang bên phải. “Tôi.” Những từ ngữ không hẳn khớp với những gì cậu muốn nói, nhưng cô gật đầu như thể đã hiểu.

“Nhưng đôi khi... chúng ta giống những người ngồi cùng ô tô hay ngồi cùng xe lửa, đi về cùng một phía. Cùng một câu chuyện.” Cậu chấp tay lại với nhau. “Và tôi nghĩ rằng... thế thật tuyệt, nhỉ?”

“Ồ, đúng thế,” cô đáp lại và cũng chấp tay lại với nhau cho cậu thấy. “Cám ơn anh Pasquale.” Một tay cô lúc bỏ xuống chạm vào ngực Pasquale và cả hai người họ đều nhìn chăm chăm vào bàn tay đó. Rồi cô ấy rút tay về còn Pasquale quay lưng ra đi, cố gắng tìm kiếm chút sĩ diện còn sót lại trong mình để khoác lên người như chiếc áo giáp của người chiến binh La Mã mà cậu suýt đóng vai buổi sáng hôm đó.

“Pasquale!” cậu mới bước được vài bước thì nghe tiếng cô gọi giật lại. Cậu quay người lại. Và cô chạy dọc hành lang rồi hôn cậu lần nữa, và cho dù nụ hôn lần này là vào môi thì nó vẫn không hề giống với nụ hôn cô đã

trao cậu trên mái hiên bên ngoài Khách sạn Cảnh quan Vừa phải. Cái hôn lúc đó là sự khởi đầu cho một điều gì đó, nó là khoảnh khắc mà cậu cảm tưởng như câu chuyện bắt đầu. Còn cái hôn này là sự kết thúc, đơn giản là sự qua đời của một vai diễn phụ – là cậu.

Cô lau nước mắt. “Đây,” cô nói rồi ấn vào tay cậu một trong những tấm hình polaroid * chụp cô với người phụ nữ tóc đen. “Để anh nhớ về tôi.”

“Không. Nó là của cô mà.”

“Tôi không muốn tấm hình này. Tôi đã có những tấm này rồi.”

“Một ngày nào đó cô sẽ lại muốn có nó.”

“Để tôi nói anh nghe – khi tôi già, nếu tôi cần thuyết phục người ta là tôi có đóng phim này thì tôi sẽ đến xin lại anh, được chứ?” Cô ép chặt bức hình vào tay cậu, rồi quay người và bước nhẹ về phòng, biến mất trong đó. Cô khép cửa, cài chốt chậm rãi và im lặng như thể một bậc phụ huynh lên vào phòng đứa nhỏ xem nó ngủ chưa.

Pasquale nhìn trân trân vào cái cửa. Cậu đã từng ước mơ về một thế giới đầy những người Mỹ xinh đẹp, và rồi giấc mơ đó thành sự thực khi cô đến khách sạn của cậu. Nhưng bây giờ thế giới lại trở về vị trí vốn có của nó, và cậu tự hỏi giá mà cậu chưa từng thoáng thấy một chút thế giới đó sau cánh cửa thì mọi việc liệu có tốt hơn không.

Pasquale quay người lê bước dọc hành lang, xuống cầu thang, đi qua chỗ người lễ tân trực đêm, ra khỏi khách sạn đến chỗ Tommaso đang đứng dựa tường, hút thuốc, mũ kéo sụp xuống mắt. Cậu cho Tommaso coi tấm hình của Dee và người phụ nữ kia.

Tommaso nhìn nó rồi nhún một bên vai. “Ôi dào,” ông ta thốt lên, rồi hai người sải bước về lại bến thuyền.

* *Hình chụp lấy liền*

SỰ TỪ CHỐI LẦN THỨ MƯỜI

Gần đây

Los Angeles, California

Trước khi mặt trời mọc, trước khi những người làm vườn Guatemala đến, trước khi những chiếc xé hộp sang trọng lăn bánh ra đường và tâm trí dân Mỹ được chỉnh trang lại – Claire cảm thấy có một bàn tay đặt lên hông mình.

“Đừng, Daryl,” cô cầu nhàu.

“Ai cơ?”

Cô mở mắt ra, thấy trước mặt là một cái bàn gỗ vàng, một tivi màn hình phẳng và một bức tranh, kiểu tranh người ta vẫn hay treo trong phòng khách sạn... bởi vì cô đúng là đang ở trong một phòng khách sạn.

Cô đang nằm nghiêng và bàn tay đặt lên hông là của một người đàn ông nằm sau cô. Cô nhìn xuống, thấy trên người vẫn còn nguyên quần áo, vậy là ít nhất bọn họ cũng chưa quan hệ với nhau. Cô lẩn lại và nhìn chăm chăm vào đôi mắt to ướt át của Shane Wheeler. Cô chưa từng bị đánh thức trong một phòng khách sạn khi nằm bên một người đàn ông vừa gặp, nên cũng không biết phải nói gì trong tình huống này. “Chào,” cô nói.

“Daryl. Là bạn trai cô à?”

“Cách đây 10 tiếng đồng hồ thì đúng thế.”

“Anh chàng thích đi câu lạc bộ thoát y?”

Nhớ giỏi đấy. “Đúng thế,” cô nói. Lúc nào đó trong cuộc trò chuyện say xỉn đêm qua, cô đã kể chuyện Daryl trơ trẽn xem phim khiêu dâm cả ngày rồi đêm thì mò tới những câu lạc bộ thoát y và hãnh chí cười khi cô nói làm

thế là không tôn trọng cô. (Thật bó tay, cô mô tả mối quan hệ của mình như vậy.) Giờ đây, khi nằm bên cạnh Shane, Claire cũng cảm thấy mình bó tay thật. Cô bị làm sao vậy, sao lại đến phòng của người đàn ông này? Giờ thì biết làm gì với đôi tay của cô bây giờ, cái đôi tay mà cách đây không lâu còn đang luồn trên tóc Shane và nhiều chỗ khác trên cơ thể anh? Cô quờ tìm chiếc di động BlackBerry đang để chế độ im lặng, nhấn phím coi thông tin: bảy giờ sáng, 16 độ, 9 email mới, hai cú gọi nhỡ, và một tin nhắn cụt lủn từ Daryl: *sao em* –

Cô lại liếc ra sau nhìn Shane. Mái tóc của anh còn lòa xòa hơn tối qua nữa, chỗ tóc mai dày giống kiểu Elvis hơn là giống mấy đứa choai choai bây giờ, anh không mặc áo và cô có thể thấy rõ trên cánh tay trái của anh là cái hình xăm quái quỷ HÀNH ĐỘNG, mà cô đổ lỗi nó là lý do dẫn đến những gì xảy ra tối qua. Chỉ có trong phim thì những lúc như thế này mới xuất hiện trong một ký ức say xỉn: đầu tiên Michael đã nhờ cô đặt phòng tại khách sạn W cho Shane và Pasquale, cô đã chở ông cụ người Ý tới khách sạn còn Shane chạy theo sau trong chiếc xe đi thuê của anh, rồi Pasquale than là ông mệt và về phòng nghỉ sớm, và cô xin lỗi Shane đã cười vào bài pitch của anh, rồi anh nhún vai nhưng theo kiểu trước một thứ thật sự khiến họ khó chịu. Rồi cô nói, không, tôi xin lỗi thực đấy, và giải thích rằng đó không phải lỗi của anh mà bởi vì cô quá bức bối với cái nghề này thôi.

Rồi anh nói anh hiểu và thấy muốn ăn mừng, thế là họ đi đến quầy rượu, cô mua đồ uống cho anh và nhắc anh rằng được một nhà sản xuất để ý mới là bước đầu thôi; rồi anh đãi cô châu rượu thứ hai (Tôi vừa kiếm ra được mười ngàn cơ mà, tôi đủ tiền mua hai ly cocktail chứ) rồi đến phiên cô mua châu tiếp theo; và rồi, giữa những ly rượu ấy bọn họ kể chuyện cho nhau nghe: đầu tiên là những câu chuyện vô thưởng vô phạt mà người ta kể cho một người lạ nghe – gia đình, trường lớp, sự nghiệp – rồi sau đó mới là sự thật, nỗi đau của Shane vì hôn nhân tan vỡ, cuốn truyện ngắn bị gạt bỏ; quyết định sai lầm của Claire khi đã bước ra khỏi cái tổ kén học thuật và sự dẫn dắt của cô không biết có nên chui lại vào đấy không; sự nhận thức đau đớn của Shane rằng anh chỉ là một thằng oắt con còn bú ti mẹ; hành trình thất bại đi tìm một bộ phim hay của Claire, và rồi những câu chuyện to

tát hơn, dở khóc dở cười hơn – Bạn trai tôi là một cái thầy ma đẹp trai yêu mấy câu lạc bộ thoát y! và Tôi đúng là sống trong tầng hầm nhà của bố mẹ! – rồi họ lại uống nữa và những câu chuyện thường tình giờ biến thành chuyện tâm tình – tôi thích nhóm nhạc Wilco lắm, Tôi cũng thế! Loại pizza ưa thích của tôi là pizza Thái, Tôi cũng thế! – thế rồi Shane xắn cái tay áo sơ mi sọc của anh lên và đôi mắt Claire đã bị mê hoặc bởi cái hình xăm đó (cô quá yếu lòng trước ba cái thể loại xăm mình này), một từ duy nhất đó thôi, HÀNH ĐỘNG, và thế là cô tiến tới – ngả người lên quầy rượu và hôn anh, tay anh ôm lấy đôi má cô khi họ hôn nhau, một cử chỉ bình thường, đặt tay lên má cô, nhưng đó lại là điều mà Daryl chưa bao giờ làm và chỉ mười phút sau họ đã ở trong phòng anh, lục lọi tủ lạnh tìm thức uống và hôn hít ngẫu nhiên như mấy đứa sinh viên. Cô cười khúc khích khi mớ tóc mai xồm xoàm của anh cọ vào nhón nhột, anh thì ngừng lại để khen vòng một của cô – rồi một cuộc tranh luận ngọt ngào dài hai tiếng đồng hồ kết hợp hôn hít, nắn bóp, cười đùa về việc liệu họ có nên quan hệ hay không (anh: anh bỏ phiếu Thuận nhé; cô: em thấy mình giống kẻ hai mặt quá) cho đến khi cả hai bọn họ... mệt quá ngủ thiếp đi.

Và giờ đây, sáng sớm hôm sau. Claire ngồi dậy. “Tôi hành xử thế này là không được chuyên nghiệp lắm.”

“Cũng còn tùy xem chuyên môn của em là gì đã.”

Cô bật cười. “Nếu mà anh trả tiền cho đêm qua thì anh bị chém cắt cổ rồi.”

Anh lại đặt tay lên hông cô. “Vẫn còn thời gian mà.”

Cô cười, bỏ tay anh ra.

Nhưng cô không thể nói là mình không bị cám dỗ. Chỉ ôm hôn thôi cũng đã tuyệt rồi, nên cô cho rằng nếu quan hệ chắc cũng không tồi. Với Daryl, chuyện giường chiếu là thứ diễn ra đầu tiên giữa họ, là thứ ăn tiền và là nền tảng cho toàn bộ mối quan hệ. Nhưng mấy tháng vừa qua, cô cảm thấy sự thân mật đó đang rỉ dần ra và giờ với Daryl ái ân chỉ còn là một quá trình hai giai đoạn: hai phút đầu giống như một cuộc kiểm tra phụ khoa do một ông bác sĩ mặc chứng tự kỷ tiến hành, còn mười phút sau đó là công việc của

một ông thợ sửa ống nước. Ít nhất thì, cô tưởng tượng, Shane... cũng vẫn là Shane chứ không biến thành ông bác sĩ hay thợ sửa chữa gì.

Vừa mâu thuẫn vừa bối rối, cô đứng dậy, để suy nghĩ mà cũng là để kéo dài thời gian.

“Em định đi đâu thế?”

Claire giơ điện thoại lên. “Xem thử em còn bạn trai không.”

“Tôi tưởng em định chia tay với anh ta.”

“Em vẫn chưa quyết.”

“Thế để tôi quyết hộ cho.”

“Cám ơn nhé, nhưng tự em làm được.”

“Thế nếu thầy ma khiêu dâm đó hỏi em đã ở đâu cả đêm?”

“Thì em sẽ nói thực cho anh ta nghe.”

“Anh ta chia tay em thì sao?”

Cô nghe như trong câu hỏi của anh có chút gì đó hy vọng mong manh. “Em không biết nữa,” cô trả lời. Cô kéo ghế ra khỏi bàn, ngồi xuống và bắt đầu lướt ngón tay cái xem qua mấy cuộc gọi nhỡ và email trên điện thoại, để xem lần cuối Daryl gọi là lúc nào.

Giờ thì Shane cũng ngồi dậy, bỏ chân xuống cạnh giường, nhặt chiếc áo sơ mi dưới đất lên. Cô liếc sang và mỉm cười trước cái cơ thể gầy gò hấp dẫn ấy. Anh là một phiên bản già dặn hơn của những cậu con trai cô phải lòng thời đại học: đẹp trai nhưng khó gần. Xét về mặt hình thể, anh ta đối lập với Daryl (Daryl cầm bạnh và có bộ ngực tôi luyện từ 500 cái hít đất một ngày) – Shane lại có cầm nhọn và xương đòn nhô ra, bụng chỉ hơi có tí cơ. “Thế chính xác thì anh đã cởi áo ra lúc nào thế?” cô hỏi.

“Tôi không chắc. Tôi nghĩ là lúc đó mình đang hy vọng tạo ra một trào lưu mới.”

Cô quay lại với chiếc BlackBerry, mở tin nhắn “sao em” của Daryl ra và cố nặn óc xem phải hồi âm thế nào. Hai ngón tay cái của cô huơ huơ trên các phim nhưng chẳng gõ được gì.

“Thế em thấy gì ở gã này?” Shane hỏi. “Lúc ban đầu ấy?”

Claire ngược mắt lên. Cô đã thấy gì? Giờ mà nói ra thì thật sến – nhưng đúng là cô đã thấy toàn những thứ sến sẩm: Những ngôi sao. Những ánh đèn. Những đứa trẻ. Một tương lai. Cô đã thấy hết tất cả những thứ đó ngay đêm đầu tiên khi họ vồ lấy nhau trong căn hộ của cô, áo quần quăng khắp nơi, ngấu nghiến môi nhau, vươn tới và ép sát – rồi hẳn ta nâng bổng cô lên khỏi mặt đất và thế là mọi mối tình cũng như sự ngưỡng ngịu nữ sinh của cô liền trở nên dờ dẩn như thể đụng trúng anh chàng hay cô nàng nào trên cầu thang vậy. Cô cảm nhận chính xác mình chưa bao giờ được sống trọn vẹn như thế trước lúc Daryl chạm vào cô. Và không phải chỉ mặt thể xác; hẳn thực sự đã ở bên trong cô. Cô chưa từng thực sự nghĩ về cụm từ này cho đến cái đêm hôm đó, khi giữa lúc mây mưa cô nhìn lên và thấy bản thân mình... từng mảnh nhỏ... hiện hữu trong đôi mắt hẳn.

Claire lắc đầu để rũ tan đi những hồi ức. Làm sao cô có thể nói ra những câu đó được, nhất là lại ở nơi đây? Thế là cô chỉ nói đơn giản: “sáu múi. Em thấy cơ bụng sáu múi.” Thật kỳ cục, cô thấy tội lỗi vì khinh thường Daryl chỉ là một gã cơ bắp còn hơn là vì cô đang ở trong cái phòng khách sạn này với một người đàn ông cô vừa mới gặp.

Shane hất đầu về cái di động trong tay cô. “Thế... em định nói gì với anh ta?”

“Chưa biết nữa.”

“Nói với anh ta chúng ta yêu nhau; điều đó sẽ chấm dứt mọi thứ.”

“Thật không?” cô ngược lên. “Yêu nhau á?”

Anh mỉm cười bặm mảy cái khuy áo sơ mi sọc của mình. “Có thể chứ. Biết đâu đấy. Chúng ta phải dành cả ngày bên nhau mới biết được.”

“Hơi tưởng bỏ đó?”

“Tôi hấp dẫn chính là ở chỗ đó.”

Chết tiệt thật; cô nghĩ chắc đúng là thế rồi – sự hấp dẫn của anh ta. Cô nhớ lại Shane kể rằng anh ta đã kết hôn với một cô phục vụ ác nghiệt ăn nói khó nghe chỉ sau có vài tháng hẹn hò. Cô chẳng ngạc nhiên – có ai lại đi dùng từ yêu sau khi mới gặp một người có 14 tiếng đồng hồ chứ? Anh ta có cái tính lẠc quan... không thể phủ nhận. Và trong một khoảnh khắc, cô tự hỏi

không biết cô có từng lạc quan như thế chưa. “Em hỏi điều này được không?” Claire nói. “Tại sao lại là Đoàn người nhà Donner?”

“Ồ, không,” anh đáp, “em lại kiểm soát để lên cơn sáng sủa nữa à.”

“Em nói rồi, em xin lỗi rồi mà. Chỉ là tại ba năm rồi Michael gạt bỏ hết mọi ý tưởng em đề xuất, bảo là quá tối tăm, quá đắt đỏ, quá cổ lỗ sĩ... không mang tính thương mại. Rồi hôm qua anh đến và mang theo – xin lỗi anh – một bộ phim tối tăm nhất, đắt đỏ nhất, cổ lỗ sĩ nhất và không mang tính thương mại chút nào, thế mà ông ta lại thích nó. Chỉ là... khó tin quá. Em tự hỏi không biết ý tưởng đó từ đâu ra.”

Shane nhún vai và với tay lấy một chiếc tất rách trên sàn nhà. “Tôi có ba người chị gái. Tất cả những ký ức hồi nhỏ của tôi đều là về các chị. Tôi yêu các chị ấy; là đồ chơi của các chị, là một con búp bê mà mấy chị thích chưng diện cho. Khi tôi lên sáu, người chị cả Olivia bỗng bị chứng biếng ăn. Căn bệnh đó gần như hủy hoại cả gia đình.

“Thật là kinh khủng. Olivia mới mười ba tuổi mà chị ấy liên tục đi vào nhà vệ sinh để nôn ra. Chị ấy tiêu hết tiền ăn trưa vào mấy viên thuốc giảm cân, giấu đồ ăn trong quần áo. Lúc đầu cha mẹ la mắng chị ấy những chẳng có tác dụng gì. Chị ấy không quan tâm. Cứ như thể chị ấy muốn chết dần chết mòn đi. Người ta có thể thấy xương nhô ra dưới cánh tay chị ấy. Tóc tai cứ rụng dần.

“Cha mẹ tôi đã thử hết cách. Từ trị liệu đến tư vấn tâm lý, rồi đưa cả đi điều trị nội trú. Vợ cũ tôi cho rằng đó là lúc mà hai ông bà trở nên bảo bọc con cái quá mức – tôi cũng không rõ nữa. Điều tôi nhớ đó là một đêm nọ khi đang nằm trên giường thì nghe tiếng mẹ nức nở còn cha đang cố dỗ bà, mẹ thì cứ lặp đi lặp lại: “Con gái tôi sẽ chết đói mất thôi.” Shane vẫn cầm một cái tất trong tay nhưng anh chưa đi vào. Anh chỉ nhìn chăm chăm vào nó.

“Rồi chuyện gì xảy ra?” Claire hỏi khẽ.

“Hử?” Anh ngược lên. “Ồ, giờ thì chị ấy ổn rồi. Việc điều trị đã phát huy tác dụng hay sao đó, tôi cho là vậy. Olivia tự nhiên... hết bệnh. Lâu lâu chị ấy vẫn thấy bứt rứt vì đồ ăn nên mỗi dịp tụ họp không bao giờ góp thức ăn mà chỉ làm mấy thứ đồ trang trí bàn ăn thôi. Mấy trái bí ngô nhỏ. Sừng dê

kết hoa quả. Và đừng có ai đại dột nhắc đến từ bánh sô cô la trước mặt chị ấy. Nhưng nói chung giờ chị ấy không sao nữa. Rồi chị kết hôn với một gã chồng đần, nhưng bọn họ sống hạnh phúc. Đẻ được hai đứa nhóc. Điều hay ho là... cả nhà tôi không bao giờ nhắc lại giai đoạn ấy nữa. Kể cả Olivia cũng rũ bỏ giai đoạn đó như thể nó là một kỷ niệm không đáng nhớ lại. “Những năm gầy gò của tôi,” chị ấy gọi thế.

“Nhưng tôi thì không bao giờ quên được. Lúc tôi tầm bảy hay tám tuổi, tôi nằm thức cả đêm, cầu nguyện rằng nếu Chúa có thể làm cho Olivia hết bệnh tôi sẽ đi nhà thờ làm mục sư hay gì đó. Và khi lời nguyện cầu không xảy ra ngay sau đó – em biết con nít rồi mà – tôi liền đổ lỗi cho bản thân, coi việc chị mình chết đói là do mình không đủ đức tin.”

Anh nhìn lơ đãng, xoa xoa hai bàn tay. “Đến năm cấp ba, Olivia đã khỏe lại còn tôi cũng đã vượt qua cái thời kỳ sùng đạo đó. Nhưng sau đó, tôi luôn bị hấp dẫn bởi những câu chuyện về thiếu ăn thiếu ngủ. Tôi đọc mọi thứ tôi tìm được, làm bài luận về sự bao vây Leningrad * và Nạn đói Khoai tây... Tôi đặc biệt thích những câu chuyện về ăn thịt người: đội bóng bầu dục Uruguay *,

Alfred Packer *, tộc ăn thịt người Maori... và tất nhiên là cả Đoàn người Donner nữa.”

** trong thế chiến thứ hai, quân đội Đức vây hãm Leningrad, lúc đó vẫn mang tên là Saint Petersburg, với ý định khiến cho người dân chết đói để họ có thể chiếm được thành phố trong vòng vài tuần * năm 1972, chuyến máy bay 571 chở đội bóng bầu dục một trường học của Uruguay bị tai nạn rơi xuống dãy Andes. Do không có thực phẩm, những người sống sót quyết định ăn thịt những người đã chết. * tên người hướng dẫn viên cho một đoàn thám hiểm 6 người tới Colorado cuối thế kỷ 19, sau đó cả đoàn bị mất tích trong bão tuyết, chỉ mình Packer sống sót và anh ta thú nhận đã ăn thịt những người kia để sống sót*

Shane nhìn xuống và thấy cái tất đang cầm trong tay. “Tôi nghĩ là mình đồng cảm với William Eddy đáng thương, người đã thoát ra được nhưng lại không thể làm gì cứu giúp vợ con chết đói trong cái trại khủng khiếp đó.”

Anh lơ đãng đi tất vào. “Nên khi đọc trong sách của Michael Deane nói về chuyện đi pitch phim nghĩa là tin vào bản thân mình, pitch chính bản thân mình – thì nó giống như một định hướng cho tôi: tôi biết đích xác mình cần pitch câu chuyện nào.”

Một định hướng ư? Tin vào bản thân mình ư? Claire nhìn xuống, tự hỏi có phải cái kiểu tự tin *Cứ-Xông-Vào-Làm-Đi* chính là cái đã thu hút Michael ngày hôm qua không, và cả cô đêm qua nữa. Khi thật, không chừng bọn họ lại đi làm cái phim Donner! này mà chả dựa trên cái quái gì ngoài trừ sự đam mê của anh chàng này dành cho nó. Đam mê: lại một từ khác nghẹn trong họng cô.

Claire lại nhìn xuống chiếc BlackBerry và thấy có một email của đối tác sản xuất với Michael là Danny Roth.

Dòng tiêu đề chính là Donner! Michael hẳn đã gọi báo cho Danny về bài pitch của Shane. Cô tự hỏi không biết Danny có nói lý được gì với Michael không. Cô mở cái

email được viết kiểu tốc ký điện tử vội vã khỗ sở như con nít mà Danny tin rằng có thể tiết kiệm cho ông ta khối thời gian:

C-Rbrt nói cô sắp lịch pitch với Unvsl T.Hai cho Donner. Nghe fải hay đấy, liên wan: hợp đồng. Xem t.giả có cốt truyện kỹ chưa, bki cái j trôg có vẻ c.ta sẽ đi xa hơn nữa. Nghiêm túc đấy. Danny.

Cô ngược lên nhìn Shane đang ngồi ở góc giường quan sát cô. Cô lại nhìn xuống email của Danny. Nghe fải hay đấy... tại sao lại nghe phải hay mà không là hay luôn? Một cốt truyện kỹ lưỡng để trôg có vẻ chúng ta sẽ đi xa hơn nữa? Nghiêm túc đấy? Rồi cô nhớ lại lời Michael ba hoa này hôm qua: Tôi sẽ pitch một bộ phim trị giá 80 triệu đô la về chuyện ăn thịt người thời tiên phong.

“A, chết tiệt,” cô làu bàu.

“Lại tin nhắn từ bạn trai à?”

Bọn họ định làm điều này thật à? Cô nhớ lại Danny và Michael từng bàn bạc chuyện các luật sư tìm cách kéo Michael ra khỏi hợp đồng với hãng Universal. Thật là một câu hỏi ngu ngốc: dĩ nhiên bọn họ sẽ làm thế. Họ sẽ

không bao giờ sản xuất bộ phim. Họ chỉ lợi dụng nó thôi. Claire bất giác đưa tay lên sờ đầu.

“Gì thế?” Shane đứng dậy và cô nhìn qua phía anh, đôi mắt nai tơ ngỡ ngác và mớ tóc mai lòa xòa đó nổi lên khuôn mặt anh. “Cô không sao chứ?”

Claire cân nhắc xem có nên nói với anh không, hay để anh được hưởng trọn cuối tuần này trong vinh quang. Cô chỉ cần đeo miếng che mắt lại và hưởng nốt cuối tuần, giúp Michael với cái bài pitch quỷ quái này và cô diễn viên mất tích của ông ta, rồi vào thứ Hai cô sẽ nhận cái công việc bảo tàng tà đạo đó... và bắt đầu trử dần thức ăn cho mèo như một bà cô già. Nhưng Shane đang nhìn cô với đôi mắt ngây khờ đó, và cô nhận ra rằng cô thích anh và nếu như cô muốn dứt ra thì phải làm ngay lúc này.

“Shane à, Michael không định làm phim của anh đâu.”

“Cái gì cơ?” Anh ta cười nhẹ. “Cô đang nói gì thế?”

Cô ngồi trên giường cạnh anh và giải thích tất cả, bắt đầu từ hợp đồng của Michael với hãng phim – rằng lúc sự nghiệp ông ta xuống dốc, hãng phim đã trả một phần nợ cho ông ta đổi lấy quyền sở hữu một số bộ phim cũ ông sản xuất. “Còn hai phần khác nữa trong hợp đồng,” cô giải thích. “Michael có được một văn phòng nằm ngay trong hãng. Còn hãng được quyền xét duyệt, nghĩa là Michael phải cho họ coi tất cả những ý tưởng của ông ta và chỉ được làm ăn với các hãng phim khác nếu ý tưởng đó không được hãng phim chấp nhận. À, cái trò xét duyệt đó cứ như đùa. Trong năm năm liền bất cứ kịch bản nào Michael đưa ra hãng phim đều bác bỏ sạch. Và khi ông ta mang những kịch bản, ý tưởng phim hay sách đó cho những hãng phim khác thì – nếu anh biết cái ý tưởng đó đã bị hãng Universal gạch bỏ rồi, thế thì anh còn muốn mua lại nữa không?”

“Thế rồi Nhật ký hẹn hò ra đời. Khi Michael bắt đầu phát triển ý tưởng đó, ông ta tưởng là một sô truyền hình thực tế kết hợp trang web sẽ nằm ngoài tầm kiểm soát của hợp đồng vốn chỉ nói về sản xuất phim. Nhưng hóa ra trong hợp đồng có điều kiện là hãng phim được quyền xem trước mọi ý tưởng ‘được phát triển trong lĩnh vực giải trí đa phương tiện.’ Thế là

Michael mắc kẹt, ông ta ngỡ có được một sô truyền hình lớn nhưng hóa ra hãng phim lại nắm quyền sở hữu nó.”

“Tôi không hiểu chuyện này thì có liên quan gì đến—”

Claire giơ một tay lên. “Kể từ đó, các luật sư của Michael không ngừng tìm cách giúp ông ta thoát khỏi hợp đồng đó. Cách đây vài tuần bọn họ đã tìm ra cách. Hãng phim có đưa vào hợp đồng một điều khoản rút lui để tự bảo vệ phòng trường hợp Michael không chỉ là khủng hoảng nhất thời mà ông ta thực sự đã hết thời rồi. Nếu trong một giai đoạn nhất định Michael chỉ toàn đưa ra những ý tưởng dở tệ – chẳng hạn như hãng phim trong vòng 5 năm liên liên tục không phát triển ý tưởng nào mà ông ta đưa ra – thì một trong hai bên đều có thể tự ý rút lui. Nhưng trong khi hợp đồng đặt điều kiện là ‘mọi ý tưởng’ thì ở hợp đồng rút lui này lại chỉ nhắc đến ‘phim’. Như vậy, dù cho hãng phim được quyền làm Nhật ký hẹn hò, nhưng trong vòng năm năm nếu hãng phim cứ từ chối hết mười ý tưởng phim mà Michael đã ký hợp đồng khai thác – thì một trong hai bên đều có thể rút lui mà không có sự ràng buộc nào.”

Shane nắm bắt vấn đề rất nhanh, lông mày anh nhíu lại. “VẬY cô đang nói tôi là—”

“– sự từ chối thứ mười,” Claire tiếp lời. “Một bộ phim viễn Tây về ăn thịt người trị giá 80 triệu đô la – một bộ phim quá tầm tối, quá đắt đỏ, không hút khách tới mức hãng phim không thể nào đồng ý sản xuất được. Michael ký hợp đồng với anh chẳng để làm gì, và rồi lại kêu anh viết một kịch bản chi tiết cho một bộ phim ông ta chẳng hề muốn làm. Khi hãng phim từ chối rồi là ông ta được tự do bán những chương trình truyền hình của mình cho người nào trả giá cao nhất – với cái giá hàng chục triệu đô chẳng hạn.”

Shane nhìn cô chăm chăm. Claire cảm thấy thật tội tệ vì đã nói cho anh biết và làm tịt ngòi cái sự tự tin của người đàn ông trẻ tuổi này. Cô đặt tay lên cánh tay anh. “Tôi xin lỗi, Shane.”

Bỗng điện thoại cô reng lên. Daryl. Chết chửa. Cô vịn chặt cánh tay Shane, đứng dậy, đi về phía xa căn phòng, trả lời mà không thèm nhìn vào màn hình. “Sao,” cô nói với Daryl.

Nhưng đó không phải là Daryl.

Đó là Michael Deane. “Claire, tốt quá, cô dậy rồi. Cô đang ở đâu thế?” Ông ta chẳng thèm đợi cô trả lời. “Tôi qua cô có đưa ông cụ người Ý và anh phiên dịch đến khách sạn không?”

Cô nhìn sang phía Shane. “Ừm, có.”

“Thế bao lâu nữa cô gặp tôi ở khách sạn được?”

“Khá nhanh thôi.” Cô chưa từng nghe giọng Michael gấp gáp như vậy.

“Nghe này, Michael,” cô nói, “chúng ta cần nói chuyện về bài pitch của Shane—” nhưng ông ta đã ngắt lời cô. “Chúng ta tìm thấy bà ấy rồi,” Michael thông báo.

“Ai cơ?”

“Dee Moray! Chỉ có điều giờ tên bà ấy không phải là Dee Moray mà là Debra Moore. Bà ấy làm giáo viên dạy tiếng Ý và kịch ở một trường cấp ba ở Seattle suốt những năm ấy đến giờ. Cô có tin nổi không hả?” Giọng Michael nghe rất phấn khích, cao vút lên. “Và con bà ấy – cô có từng nghe tiếng ban nhạc Những người trầm lặng chưa?” Và một lần nữa ông không chờ cô trả lời. “Ờ, phải, tôi cũng chưa từng nghe. Dù gì thì thám tử đã làm việc cả đêm chuẩn bị tài liệu. Tôi sẽ nói chi tiết cho cô trên đường ra sân bay.”

“Sân bay? Michael, chuyện gì thế—”

“Tôi sẽ cho cô đọc một thứ trên máy bay. Nó sẽ giải thích tất cả. Giờ thì cô đến đón ông Tursi và anh phiên dịch đi, bảo họ chuẩn bị hành lý sẵn sàng. Trưa nay chúng ta sẽ bay.”

“Nhưng Michael—”

Nhưng ông ta đã gác máy trước khi Claire kịp hỏi “Khoan đã, bay đi đâu?” Cô nhấn tắt cuộc gọi và nhìn sang Shane vẫn còn đang ngồi trên giường nhìn thẫn thờ. “Michael đã tìm ra người diễn viên này rồi,” cô báo. “Ông ta muốn chúng ta bay đến chỗ bà ấy ở.”

Shane không có vẻ gì là đã nghe thấy cô nói. Anh đang nhìn lơ đãng vào điểm nào đó trên bức tường đằng sau cô. Cô đáng lẽ không nên nói gì cả,

đáng lẽ cứ để anh tiếp tục sống trong cái bong bóng mơ mộng nhỏ nhoi của mình.

“Nghe này Shane, tôi xin lỗi,” cô nói. “Anh không nhất thiết phải đi đâu. Tôi có thể kiếm một người phiên dịch khác. Cái ngành này, nó—”

Nhưng anh đã ngắt lời cô. “VẬY cô đang nói là ông ta trả tôi mười ngàn đô la để thoát khỏi cái hợp đồng của ông ta...” Khuôn mặt Shane bỗng nhiên nhìn rất quái, nhưng lại quen thuộc đến kỳ lạ với Claire. “Rồi ông ấy sẽ ra đi và kiếm được 10 triệu đô la?”

Và giờ thì cô hiểu mình nhận ra cái nhìn đó từ đâu rồi. Đó là cái nhìn ngày nào cô cũng gặp, cái nhìn của một người đang tính toán, đo lường từng ly từng tí.

“VẬY thì có lẽ bộ phim của tôi đáng giá hơn mười ngàn đô đấy.”

Chết tiệt. Anh chàng này nhạy gớm.

“Ý tôi là, ai lại muốn pitch một bộ phim chết để lấy có 10 ngàn chứ? Nhưng nếu là 50 ngàn? Hay 80 ngàn thì...?” Shane nở một nụ cười ranh mãnh. “Cứ ký hợp đồng với tôi đi.”

DÔI BƯỚC CỔ NHÂN

Tháng Tư 1978 Seattle, Washington

Cô gọi anh ta là Steve Thế dục, và lúc đó anh ta đang lái xe từ đâu kia thị trấn đến đón cô đi hẹn hò. Debra Moore-Bender trước giờ vẫn khôn khéo đánh lạc hướng sự theo đuổi của các giáo viên cùng trường, nhưng một góa phụ trẻ hấp dẫn rõ ràng là quá sức chịu đựng cho anh chàng Steve cường tráng. Nhiều tuần liền anh này lượn lờ quanh quẩn và cuối cùng cũng tấn công cô, khi họ ngồi cùng bàn bên ngoài lễ hội khiêu vũ ở trường để kiểm tra thẻ học sinh dưới tấm biểu ngữ đề: TÌNH YÊU VĨNH HẰNG, MÙA XUÂN 1978

Debra vẫn viện lý do cũ với anh ta – cô không hẹn hò các giáo viên khác – nhưng Steve chỉ phá lên cười. “Lý do gì thế, giống chuyện cấm yêu đương giữa luật sư với khách hàng à? Em biết tôi dạy thế dục chứ? Tôi không hẳn là một giáo viên đâu, Debra.”

Cô bạn Mona đã giục Debra hẹn hò với Steve kể từ tin về cuộc ly hôn của anh ta truyền đến phòng giáo viên. Mona ngọt ngào, sống lãng mạn và gặp không ít thảm họa từ sự lãng mạn ấy nhưng lại biết chuyện gì là tốt nhất cho Debra. Nhưng điều hấp dẫn Debra đó là Steve đã mời đi xem phim mà chính cô cũng đang muốn xem một bộ phim...

Và giờ đây, chỉ vài phút trước khi anh ta đến đón cô, Debra đang đứng trong nhà tắm nhìn chăm chú vào gương và chải mái tóc mây vàng gợn sóng và ăn nếp như vết rãnh nước theo tàu (Một mái tóc giống kiểu diễn viên Farrah. Cô Farrah, vài học sinh gọi cô như vậy, một cái tên cô giả bộ không thích). Cô nghiêng người. Màu tóc mới này là một sai lầm. Mất cả chục năm

đấu tranh với cái tính phù phiếm của tuổi trẻ, cô thực sự hy vọng vào tuổi 38, mình sẽ hài lòng với tuổi trung niên mặc dù giờ đây cô vẫn chưa đến tuổi đó. Mỗi sợi tóc bạc giờ vẫn chỉ như con mọt nhỏ trong cả luống hoa mà thôi.

Cô liếc nhìn cây lược. Cô đã chải nó không biết bao lần lên mái tóc của mình, không biết bao lần tẩy trang và gập bụng, tất cả vất vả chỉ để nghe mấy lời: xinh đẹp, dễ thương, hấp dẫn. Đã có lúc Debra chấp nhận vẻ bề ngoài của mình mà không cảm thấy tự ti; cô không cần ai khen – không “cô Farrah”, không cần Steve liếc mắt đến, hay lời khen ngọt ngào kỳ quặc của Mona (“Nếu tớ mà đẹp được như cậu Debra, chắc tớ tự sướng liên tục mất”). Nhưng bây giờ thì sao? Dee để cây lược xuống, nhìn vào nó như nhìn một thứ bùa phép. Cô nhớ lúc nhỏ cầm cây lược đứng trước gương mà hát; giờ cô vẫn thấy mình như một cô bé tuổi trăng tròn hồi hộp trang điểm chờ bạn trai đến đón.

Mà cô lo nghĩ cũng phải thôi. Mọi quan hệ gần đây nhất của cô đã kết thúc một năm trước với thầy giáo dạy guitar cho đứa con trai Pat của cô, anh chàng Marv hói (Pat thích đặt biệt danh cho những người đàn ông trong đời cô). Cô thích Marv hói và hy vọng rằng sẽ có cơ hội với anh. Anh lớn tuổi hơn cô, đã gần 40 rồi, có hai đứa con gái lớn từ cuộc hôn nhân thất bại trước đó và rất mong sẽ “kết hợp được hai nhà”. Tuy nhiên mong ước đó đã bị dội một gáo nước lạnh sau một tối anh ta và Debra về nhà bắt gặp Pat đã “kết hợp hai nhà” trước rồi, nó đang trên giường với đứa con gái 15 tuổi của Marv là Janet.

Và trong cơn thịnh nộ của Marv cô chỉ nghĩ về việc bảo vệ Pat – Tại sao luôn đổ lỗi cho đám con trai trong những tình huống thế này cơ chứ? Dù gì đi nữa, con gái Marv cũng lớn hơn con trai cô hai tuổi. Nhưng đây lại là Pat, và nó tự hào thú nhận cái kế hoạch tinh vi của mình như một tay xã hội đen ngu ngốc trong phim điệp viên lúc bị dồn đến chân tường. Tất cả đều là ý của nó, rượu của nó, bao cao su của nó. Debra không có gì ngạc nhiên khi Marv hói chấm dứt mọi quan hệ giữa hai người. Và dù cô ghét những cuộc chia tay – những lý do bịa đặt, *đây không phải là điều anh muốn*, như thể người kia chẳng có ảnh hưởng gì cả – thì ít nhất Marv hói cũng nói rõ lý do

vì sao: “Anh yêu em, Dee à, nhưng anh không có sức đâu quản nổi chuyện của em với Pat.”

Em với Pat. Điều đó thực sự tồi tệ như vậy sao? Có lẽ. Ba người bạn trai trước đó, Carl áo yếm, tay nhà thầu sửa nhà cho cô, đã muốn cô cưới hẳn nhưng với điều kiện là Debra phải gửi Pat đi học trường quân sự trước đã. “Chúa ơi, Carl,” cô nói, “thằng bé mới có chín tuổi.” Và bây giờ lại đến vụ hẹn hò này với Steve Thế dục. Ít nhất thì con anh ta cũng sống với mẹ, có thể lần này sẽ không có thường dân nào bị thương nữa.

Cô bước xuống chỗ hành lang hẹp, đi qua bức hình chụp Pat ở trường học – Trời ạ, cái nụ cười nửa miệng đó, trong mọi tấm hình, cũng cái cằm chẻ, cũng đôi mắt ướt, cũng nụ cười nửa miệng như bắt người ta phải nhìn. Thứ duy nhất thay đổi trong các tấm hình chụp đứa con trai là tóc của nó (lúc mềm nhẹ, lúc quăn, lúc thì phồng như khinh khí cầu, khi lại đầu đinh); tuy nhiên dù thế nào đi nữa thì biểu cảm vẫn thế – một sức cuốn hút đầy tăm tối.

Phòng Pat đóng cửa. Cô gõ nhẹ nhưng thằng bé chắc hẳn đang đeo tai nghe nên không thấy nó trả lời. Pat giờ đã 15, đủ lớn để cô có thể bỏ nó ở nhà một mình mà không phải căn dặn đủ điều lúc đi vắng, nhưng dù gì cô cũng không ngăn nổi.

Debra gõ cửa một lần nữa, rồi sau đó mở cửa phòng con và thấy Pat đang bắt tréo chân, guitar để trên đùi, ngồi dưới một tấm áp phích Pink Floyd hình ánh sáng đi qua lăng kính. Thằng bé đang ngả người tới trước, như thể nó vừa nhét vệt gì vào đâu đó. Cô đi nhanh vào phòng, dẹp đồng hồ dơ sang một bên. Pat gỡ tai nghe ra. “Chào, mẹ,” nó nói.

“Con vừa nhét gì vào ngăn kéo thế?” cô hỏi.

“Chẳng có gì,” Pat nói nhanh.

“Pat, con định bắt mẹ phải tự tìm lấy hả?”

“Nào có ai bắt mẹ phải làm gì đâu.”

Ở cái giá sách dưới cùng chỗ tủ đầu giường cô trông thấy những trang giấy rời góc quăn tít trong quyển sách của Alvis, ít nhất cũng là chương sách duy nhất ông từng viết. Một năm trước cô đã đưa nó cho Pat sau một trận cãi nhau kịch liệt mà nó nói ước gì nó có một người cha để bỏ theo sống

cùng. “Con muốn cha thì đây,” đêm đó cô đã nói thế, hy vọng có điều gì đó trong những trang giấy ố vàng này có thể giữ thẳng bé lại. Cha của con. Cô gần như cũng đã tin vào điều đó. Alvis đã luôn muốn họ kể cho Pat nghe sự thật khi nó đã lớn, có thể hiểu được chuyện, nhưng bao năm tháng trôi qua rồi mà Debra vẫn chưa biết phải bắt đầu điều đó như thế nào.

Cô khoanh tay lại, trông như thể hình chụp một bậc phụ huynh nghiêm khắc trên bìa một quyển sách hướng dẫn làm cha mẹ. “Thế con định mở cái ngăn kéo đó ra hay để mẹ đây?”

“Thật đấy, mẹ ơi... không có gì đâu. Tin con đi mà.”

Cô bước đến chỗ tủ đầu giường còn thẳng bé thờ dài, đặt cây guitar xuống và mở ngăn kéo ra. Nó lục lọi một hồi rồi cuối cùng lấy ra một tẩu thuốc phiện nhỏ. “Con không hút đâu, thề đấy.” Cô sờ cái tẩu, không có cần sa trong đó.

Cô lục cái ngăn kéo, không có cần sa. Nó chỉ là một cái ngăn kéo đầy những thứ tạp nham – hai, ba cái đồng hồ đeo tay, miếng gậy đàn, sổ chép nhạc, bút bi, bút chì. “Mẹ sẽ tịch thu cái tẩu,” cô nói.

“Được ạ,” nó gật đầu như thể chuyện đương nhiên.

“Con cũng không nên giữ nó ở đó.” Cứ mỗi lần gặp rắc rối, nó lại trở nên bình tĩnh và biết điều đến lạ. Nó sẽ chuyển sang chế độ *con đúng là phải chịu trách nhiệm cho chuyện này*, và cách đó lúc nào cũng làm cô chẳng giận gì được; cứ như thể nó đang giúp cô xử lý một đứa con khó dạy. Hồi sáu tuổi nó cũng đã thế rồi. Một lần nọ cô ra ngoài nhà lấy thư, nói chuyện với hàng xóm và quay lại thì thấy Pat đang đổ một chảo nước lên cái ghế sa lông đang cháy âm ỉ. “Ui chà,” nó nói, như thể chính nó là đứa phát hiện ra lửa chứ không phải tự mình gây cháy vậy. “Ơn Chúa, may mà con phát hiện sớm đấy.”

Giờ nó lại nhặt tai nghe lên và đổi chủ đề. “Mẹ sẽ thích bài này.”

Cô nhìn xuống cái tẩu trong tay. “Có khi mẹ không nên ra ngoài hôm nay.”

“Thôi nào, mẹ ơi. Con xin lỗi mà. Con nghịch vợ vẫn thứ này thứ kia khi viết nhạc thôi. Nhưng cả tháng rồi con đâu có hút hít gì – con thề đấy. Giờ

thì mẹ đi hẹn hò đi.”

Cô nhìn chăm chăm vào thằng bé, tìm kiếm một dấu hiệu nào đó cho thấy là nó đang nói dối, nhưng ánh mắt nó nhìn lại không nao núng tí nào.

“Có khi mẹ lại đang kiểm soát để không ra ngoài hẹn hò ấy mà,” Pat nói.

Thật đúng cách của nó, quay sang đổ lỗi cho cô vì một nguyên nhân sâu xa nào đó; có khi đúng thế thật, có khi cô chỉ đang kiểm soát để không ra ngoài hẹn hò chẳng.

“Thoải mái đi mẹ,” nó nói. “Mẹ hãy ra ngoài tận hưởng. Để con nói mẹ nghe: mẹ có thể mượn đồ thể dục của con mặc cũng được, ông Steve đặc biệt thích mấy cái quần đùi xám chật ních đấy.”

Cô không kìm được nụ cười. “Mẹ nghĩ mẹ cứ mặc vậy là được rồi, cảm ơn con.”

“Ông ấy sẽ bắt mẹ tắm sau mà, mẹ biết đấy.”

“Con còn nói vậy được à?”

“Chứ sao: điếm danh, khởi động, hockey trên sàn, tắm. Đó sẽ là cuộc hẹn hò trong mơ của Steve Thể dục đấy.”

“Thể cơ á?”

“Chứ sao. Ông ấy kém tắm lắm.”

“Kém tắm?” Lại là Pat, khoe khoang vốn từ vựng của nó bằng cách gọi bạn hẹn của cô là một thằng đàn.

“Nhưng đừng hỏi ông ta là ông ta có kém tắm hay không mẹ nhé, ông ấy không hiểu đâu và sẽ trả lời là ‘Trời, tôi cũng mong vậy lắm. Tôi đã trả khá đậm để cắt bỏ ống dẫn tinh đấy.’”

Cô không ngăn được, đành phì cười – và như mọi khi lại ước gì mình chưa cười. Pat đã thoát khỏi bao nhiêu vụ rắc rối ở trường bằng cách này không biết nữa? Mấy cô giáo thì đừng hòng thoát. Nó lúc nào cũng toàn được điểm A mà cấm có học hành gì, nó dụ những đứa khác làm hộ bài tập cho nó, thuyết phục hiệu trưởng bỏ qua nội quy phạt nó, bịa ra những lý do kinh dị để trốn học. Debra thường phải rúm rỏ hết cả người lại mỗi đợt họp phụ huynh khi giáo viên lại hỏi về “bệnh tình” của cô, hoặc chuyển đi tham quan của Pat tới Nam Mỹ, hoặc chuyện chị thằng bé qua đời – Ôi trời, lại

còn cả ông bố mới đáng thương sao: bị ám sát, mất tích ở Tam giác Bermuda, chết cồng trên đỉnh Everest. Mỗi năm Alvis tội nghiệp lại chết mỗi kiểu. Thế rồi, năm thằng bé lên 14 tuổi, Pat dường như nhận ra rằng nó chẳng cần phải nói dối để được việc, mà thay vào đó sẽ hiệu quả và vui hơn nhiều khi nó chỉ cần nhìn thẳng vào mắt người khác và nói chính xác những gì nó muốn.

Đôi khi cô tự hỏi không biết liệu có một người cha kế bên có giúp cân bằng lại được sự nuông chiều con của cô không chứ từ lúc nó còn nhỏ, cô đã nhân nhượng trước cái tính cụt non của nó, và có khi là trước sự cô đơn thằng bé phải chịu trong những năm tháng đen tối đó.

Pat đặt cái đàn guitar xuống và đứng dậy. “Mẹ này, con chỉ nói đùa chút về Steve thôi. Ông ta có về được đấy.” Nó tiến tới. “Đi đi mẹ. Đi chơi vui về vào.”

Năm vừa rồi thằng bé đã trưởng thành hơn. Ai cũng có thể nhận ra điều đó. Nó ít dính vào mấy chuyện rắc rối ở trường hơn, không trốn ra khỏi nhà nữa, học hành tấn tới. Tuy vậy, cô vẫn thấy lúng túng mỗi khi nhìn vào mắt thằng bé, không phải vì màu mắt, vì mắt thằng bé to, mà trong cái nhìn của nó có cái gì đó mà người ta gọi là một tia sáng le lói, một đốm lửa, một cái gì đó báo động người khác nguy hiểm sắp xảy ra.

“Con thực sự muốn mẹ đi chơi vui về à?” Debra hỏi. “Thế thì hãy ở yên nhà cho đến lúc mẹ về đấy.”

“Đồng ý,” thằng bé nói và chìa tay ra. “Thế Benny qua đây tập đàn được không mẹ?”

“Được chứ.” Cô bắt tay thằng bé. Benny là đứa nhóc chơi guitar mà Pat đã chiêu mộ cho ban nhạc của nó. Đó là thứ đã khiến Pat thay đổi: ban nhạc của nó, nhóm Garys. Cô phải thừa nhận (sau một vài buổi trình diễn ở trường và thi đấu giữa các nhóm nhạc ở trung tâm Seattle) nhóm Garys chơi cũng không tệ. Nói cho đúng là chơi rất khá – không phải kiểu âm ỉ như cô lo ngại ban đầu mà khá bụi bặm và thẳng thắn (khi cô so sánh tụi nhỏ với Rolling Stones thời còn hát bài Let it Bleed, Pat đã ngạc nhiên trợn cả mắt lên). Và hình ảnh con trai cô trên sân khấu thật mới mẻ làm sao. Nó hát hò,

tạo dáng, gầm rú, pha trò. Cái phong cách nó toát ra trên sân khấu không ngờ lại khiến cô ngạc nhiên: sự cuốn hút tự nhiên. Sự mạnh mẽ. Và kể từ lúc thành lập ban nhạc, Pat vẫn giữ được một hình ảnh điềm tĩnh. Người ta nói gì nhỉ: một đứa nhóc tham gia một ban nhạc rock sẽ giúp ổn định tinh thần nó à? Nhưng đó lại là một sự thật không thể chối cãi: thằng bé chú tâm hơn, hết mình hơn. Tất nhiên cái động cơ của nó vẫn khiến cô lo lắng – nó hay nói chuyện “đạt thành công lớn”, “được nổi tiếng” – và thế là cô lại phải ngồi giải thích cho nó nghe những hiểm nguy đi kèm với danh vọng, nhưng cô lại không nói được chi tiết mà chỉ quanh quẩn những bài giáo điều tẻ nhạt vô duyên về tính trong sáng của nghệ thuật và cảm bẫy của thành công. Thế là cô lại lo mấy lời dạy dỗ đó thành ra nước đổ đầu vịt cả, chả khác gì cảnh báo cho một người đang chết đói nghe về hiểm họa của bệnh béo phì.

“Ba tiếng nữa mẹ sẽ về,” Debra nói. Thường là phải mất năm đến sáu tiếng đồng hồ, nhưng cô đã quen nói vậy rồi, cứ chia đôi thời gian ra sẽ giúp thằng bé tránh được nửa phần rắc rối. “Đến lúc đó, đừng có mà... ừm...”

Khi cô còn đang mãi tìm từ cảnh cáo nó thì mặt thằng bé đã chuyển sang một nụ cười, mắt nó chớp nhẹ trước khi hai khóe miệng nhếch dần lên. “Đừng có mà gây chuyện ạ?”

“Phải. Đừng có gây chuyện gì đấy.”

Nó giơ tay chào cô như kiểu nhà binh, mỉm cười, đeo cái tai nghe lên, túm lấy cái guitar và thả người cái phịch xuống giường. “Mẹ này,” nó nói khi cô quay lưng đi, “Đừng để Steve dụ mẹ nhảy dang tay dang chân nhé. Ông ấy thích nhìn mấy thứ tưng lên tưng xuống lắm.”

Cô kéo nhẹ cho cánh cửa đóng lại, vừa bước vài bước ra hành lang thì bất giác nhìn xuống tẩu thuốc đang cầm trong tay. Ủa, sao thằng bé lại lôi cái tẩu ra khỏi chỗ giấu để hút nếu nó không có cần sa? Rồi lúc cô hỏi nó đang làm gì, Pat lại phải lục lọi mãi trong ngăn kéo để tìm cái tẩu. Nếu vừa mới nhét vào thì cái tẩu phải nằm ngay trên cùng chứ? Cô dừng lại chỗ hành lang, quay người đi vòng lại và mở tung cánh cửa. Pat đang cầm guitar ngồi trên giường, cái ngăn bàn lại được mở ra. Tuy thế, lần này, nó để luôn lên trên giường thứ nó đang giấu cô: quyển sổ sáng tác nhạc của nó. Pat đang

cầm bút chì gõ người lên quyển vở liền ngồi bật dậy, đỏ mặt tức tối: “Cái quái gì vậy mẹ?”

Cô hiên ngang bước đến cầm lấy quyển vở trên giường, cũng không chắc phải tìm cái gì trong đó, đầu óc cô giờ đang chạy tới vùng đất yêu thích của các bậc phụ huynh: vương quốc những tình huống tồi tệ nhất. Thằng bé đang sáng tác mấy bài hát về tự sát! Về bán thuốc phiện! Cô lật bừa một trang: lời bài hát, vài ký hiệu giai điệu – Pat chỉ có một vốn hiểu biết sơ sài về âm nhạc – đoạn ca khúc ngọt ngào đau đớn, thứ mà một đứa con nít 15 tuổi hay viết, một bài tình ca “Tanya hấp dẫn” (ăn vắn một cách kỳ cục với “anh muốn em đến đờ đẫn”), rồi mấy câu bá láp giả tạo nào đó về mặt trăng, mặt trời và “tử cung vô tận”.

Nó tính giằng lấy quyển vở: “Trả cho con!”

Cô lật nhanh tới, tìm xem có cái gì nguy hiểm trong đây mà thằng con thà khai ra cái tẩu thuốc phiện còn hơn chịu thừa nhận nó đang sáng tác ca khúc.

“Mẹ bỏ ngay xuống!”

Cô tìm thấy trang cuối cùng thằng bé đang viết dở – ắt hẳn là bài hát mà thằng bé đang cố giấu – và đôi vai cô sụp xuống khi nhìn tên bài hát: “Nụ cười thiên đường,” cũng chính là tên quyển sách của Alvis. Cô đọc đoạn điệp khúc: Ngày xưa tôi từng tin/ Tôi sẽ gặp lại người/ Sao thiên đường lại mỉm cười/ Khi chán chường bao trùm cuộc đời...”

Ôi. Debra cảm thấy thật tồi tệ. “Mẹ, mẹ xin lỗi, Pat. Mẹ cứ tưởng...”

Nó giơ tay giằng lại quyển vở.

Cô hiếm khi nhìn ra được nội tâm của Pat sau cái vẻ bề ngoài châm chọc nhẹ nhàng của nó nên đôi khi cô quên mất rằng sau cái vỏ bọc đó vẫn là một cậu bé – một cậu bé bị tổn thương, vẫn còn nhớ mong cha mình dù có khi chẳng nhớ ra được trông ông ấy ra sao. “Ôi, Pat, con thà để mẹ tưởng con hút cần sa còn hơn để mẹ biết con đang sáng tác bài hát sao?”

Nó dụi dụi mắt. “Bài đó dở ẹt.”

“Không Pat. Bài hát rất hay.”

“Một mớ tào lao sướt mướt, và con biết thế nào mẹ cũng bắt con nói về chuyện đó.”

Cô ngồi lên giường. “VẬY... mẹ con mình nói chuyện này đi.”

“Á, trời đất.” Nó nhìn xuống sàn rồi nháy mắt, cười to như vừa tỉnh ra khỏi cơn mê vậy. “Có gì to tát đâu mẹ. Chỉ là một bài hát thôi mà.”

“Pat, mẹ biết là rất khó cho con...”

Nó nhăn mặt. “Mẹ không hiểu là con không muốn nói chuyện này à. Xin mẹ đấy. Để lúc khác đi mẹ?”

Khi không thấy cô động đậy gì, Pat lấy chân nó hẩy hẩy cô. “Đi mà. Con còn phải sáng tác cả mớ tào lao sướt mướt nữa, còn mẹ sắp trễ hẹn rồi kìa. Mẹ mà chậm chạp, Steve Thế dục sẽ bắt mẹ chạy vài vòng cho coi.”

Steve Thế dục chạy một chiếc Plymouth Duster có những chiếc ghế tựa rất sâu. Anh ta có bộ dạng kiểu “anh hùng hết thời”, tóc rẽ ngôi hai cụp, hàm ếch, và cái dáng vọc vận động viên bắt đầu phát tướng khi đến tuổi trung niên. Cô nghĩ, đám đàn ông khéo cũng có thời kỳ mãn kinh giống đàn bà vậy.

“Hôm nay mình coi gì đây?” Steve hỏi cô lúc trong xe.

Nói ra cái tên phim thôi cũng khiến cô thấy kỳ cục: “Thầy trừ tà phần hai.” Cô nhún vai. “Em nghe mấy đứa học trò trong thư viện đang bàn tán phim này. Thấy cũng có vẻ hay hay.”

“Anh thì sao cũng được. Anh tưởng em thích phim nước ngoài hơn, mấy thứ có phụ đề mà anh phải giả vờ mình hiểu.”

Debra bật cười. “Phim này có dàn diễn viên được lắm, Linda Blair, Louise Fletcher, James Earl Jones.” Cô gần như không thốt ra nổi cái tên sau cùng: “Richard Burton.”

“Richard Burton? Ông ta chưa chết à?”

“Chưa đâu,” cô đáp. “Thì xem phim này,” Steve Thế dục đồng ý, “nhưng chắc em phải cầm tay anh quá. Thầy trừ tà phần một làm anh sợ vãi cả ra.”

Cô nhìn ra cửa sổ. “Em chưa coi phần đó.”

Họ ăn tối tại một quán hải sản và cô để ý thấy anh ta ăn mất của cô một con tôm mà không thèm xin phép. Hai người trò chuyện cũng dễ dàng và tự

nhiên: Steve hỏi thăm Pat, Debra trả lời thẳng bé đạo này đỡ hơn rồi. Thật kỳ lạ là mỗi câu chuyện về Pat luôn hàm ý nó dính vào rắc rối nào đó.

“Em không phải lo cho nó,” Steve nói như thể đọc được suy nghĩ của cô. “Nó chơi khúc côn cầu trên sàn tẻ thật đấy nhưng là một đứa bé ngoan. Với những đứa tài năng như thế ư? Giờ thì lắm tật nhưng lớn lên sẽ thành tài.”

“Làm sao anh biết?”

“Thì anh đây này. Ngoan cho lắm vào rồi giờ cũng làm giáo viên thể dục.”

Ô, ông thầy này cũng không đến nỗi lắm. Hai người họ vào rạp sớm, ăn chung một hộp kẹo, có chung một chỗ để tay, và tình cảnh gia đình cũng giống nhau (Cô: đã góa chồng được chục năm, mẹ mất, cha tái hôn, một em trai hai em gái. Anh: ly dị, hai con, hai anh trai, cha mẹ sống ở Arizona). Tán gẫu chung vài câu chuyện tầm phào: nào là mấy đứa học trò nào đó phát hiện ra ông thầy dạy nghề giấu phim khiêu dâm trên cái máy tiện (Anh: anh nghĩ chắc vì vậy mà người ta gọi xưởng của ông ấy là xưởng gỗ cứng), rồi chuyện cô Wylie đã có gia đình rồi còn ve vãn thẳng nhóc mê xế Dave Ames (Cô: Nhưng Dave Ames chỉ là một đứa nhóc; Anh: Xì, giờ thì hết rồi).

Thế rồi ánh sáng tắt hết và Steve Thế dục nghiêng người sang phía cô thì thầm “Hôm nay em khác với lúc ở trường quá.”

“Lúc ở trường em thế nào cơ?” cô hỏi

. “Nói thật á? Hơi ghê.”

Cô bật cười. “Hơi ghê?”

“Không, không phải hơi, mà là rất ghê. Đáng sợ vô cùng.”

“Em đáng sợ vô cùng?”

“Ừ, ý anh là... cứ nhìn em thử. Em đã nhìn thấy bản thân mình trong gương rồi chứ nhỉ?”

May mà cô thoát khỏi câu chuyện này nhờ bộ phim đã bắt đầu chiếu. Từ lúc đó, cô cứ ngả người tới trước, lòng mong ngóng, cảm giác phấn chấn luôn trào dâng mỗi khi một bộ phim của ÔNG bắt đầu chiếu. Bộ phim này mở màn bằng một cảnh hỗn độn toàn lửa, châu chấu và ác quỷ, rồi khi ông

xuất hiện, cô cảm thấy vừa vui lại vừa buồn: khuôn mặt ông giờ đã xạm đi, âm đạm hơn, và đôi mắt, một phiên bản của đôi mắt cô vẫn nhìn hằng ngày ở nhà, giờ đây chỉ như hai cái bóng đen tù mù, ánh sáng sắp tắt hẳn.

Bộ phim chuyển từ góc nghếch sang góc ngẩn rồi hoàn toàn không thể hiểu nổi, và cô tự hỏi không biết mấy người coi Thầy trừ tà phần một rồi thì có thấy dễ hiểu hơn chút nào không. (Pat từng lên vào rạp coi lén rồi về nhà tuyên bố là “hài vãi.”) Cốt truyện xoay xung quanh một cái máy thổi miên gì đó làm từ đồng dây nhợ và giác hút giống kiểu kính dị Frankenstein vậy và nó có thể khiến cho hai đến ba người mơ cùng một giấc mơ.

Khi ông ấy không xuất hiện trên màn hình, cô cố gắng tập trung vào những diễn viên khác, xem người khác giờ đóng phim ra sao, họ đã chọn cách diễn thế nào. Có lúc, khi coi phim của ông, cô lại tưởng tượng ra trong cái cảnh đó, cô sẽ diễn cùng ông ra sao – giống như khi cô chỉ dạy cho học trò của mình hãy chú ý đến những lựa chọn của một diễn viên. Louise Fletcher cũng góp mặt trong bộ phim này và Debra cảm thấy kinh ngạc trước cách diễn xuất điêu luyện mà nhẹ nhàng của cô gái. Louise Fletcher đã có một sự nghiệp đáng nể. Dee đáng ra cũng đã có được cái sự nghiệp đó – biết đâu đấy.

“Nếu em muốn chúng ta có thể ra về,” Steve Thế dục thì thầm.

“Gì cơ? Không. Tại sao chứ?”

“Em cứ mãi ăn liên tục.”

“Thật à? Em xin lỗi.”

Thế là từ đó đến lúc hết phim cô chỉ ngồi yên lặng, tay để lên đùi, nhìn ông vật lộn trong những cảnh ngớ ngẩn, ráng tìm coi có chút gì thú vị trong mớ rác rưởi này không. Có vài lần cô cũng thấy được đôi chút hấp dẫn ngày xưa hiện ra, tiếng láy rền trong giọng nói mượt mà đó trôi lên khỏi cái giọng lè nhè của ông.

Ra khỏi rạp, hai người họ im lặng đi bộ ra chỗ chiếc xe. (Steve: Phim cũng... hay nhỉ. Debra: Ừm.) Trên đường về nhà cô cứ mãi nhìn xa xăm qua ô cửa xe, miên man suy nghĩ. Cô nhớ lại cuộc nói chuyện với Pat lúc nãy, tự hỏi liệu có phải cô đã bỏ lỡ mất cơ hội nói với nó sự thật quan trọng không.

Chuyện gì sẽ xảy ra nếu lúc này cô chỉ việc đến chỗ thẳng bé mà nói: À mà tiện thể, mẹ đang chuẩn bị đi coi một bộ phim có bố đẻ con đóng đấy – nhưng liệu cô có thể tưởng tượng ra một viễn cảnh mà thông tin đó giúp ích được cho Pat không? Rồi thẳng bé sẽ làm gì? Đi tìm gặp Richard Burton chẳng?

“Anh hy vọng em không cố tình chọn bộ phim đó,” Steve Thế dục lên tiếng.

“Sao cơ?” cô vắn vẹo trong chiếc ghế.

“Anh vừa nói gì?”

“À, thì là rất khó để hẹn hò được với ai thêm một lần nữa sau cái bộ phim như thế lắm. Nó giống như rủ ai đó đi du thuyền sau khi xem Titanic vậy.”

Cô bật cười, tiếng cười vô hồn. Cô đã đánh lừa bản thân rằng đi coi mọi phim của ông và theo dõi sự nghiệp của ông là vì Pat – nhớ đâu một ngày phải nói thực với nó. Nhưng cô biết là sẽ không bao giờ nói thực với con của mình cả.

Như vậy, nếu đã không phải vì Pat, tại sao cô vẫn còn đi coi những bộ phim đó – và ngồi đó như một điệp viên quan sát ông hủy hoại bản thân mình rồi ngồi mơ tưởng cô đóng các vai phụ bên ông, không phải các vai Liz đóng mà là vai của Louise Fletcher? Dĩ nhiên cái người mà cô tưởng tượng ra đó không phải là cô, không phải Debra Moore giáo viên dạy tiếng Ý và kịch trường phổ thông, mà là cô gái cô đã tự tạo ra nhiều năm trước đó, Dee Moray. Thân này ví xẻ làm đôi được thì chỉ có Debra trở về Seattle thôi, còn Dee Moray vẫn thức dậy trong cái khách sạn bé tí xíu trên bờ biển nước Ý đó để chàng trai Pasquale nhút nhát ngọt ngào đưa cô đến Thụy Sĩ, nơi cô sẽ làm cái điều mà bọn họ muốn, đổi đứa con lấy sự nghiệp, và đó sẽ là cái sự nghiệp mà đến giờ cô vẫn còn mơ tưởng tới – sau hai mươi sáu bộ phim và vô số vở kịch, cô diễn viên kỳ cựu cuối cùng cũng đã được một đề cử cho vai phụ xuất sắc nhất...

Trong chiếc ghế tựa sâu trên chiếc Duster của Steve Thế dục, Debra thờ dãi. Chúa ơi, cô thật thảm hại – một cô học trò mãi mãi cầm chiếc lược chải tóc giả làm micro mà hát.

“Em không sao chứ?” Steve Thế dục hỏi. “Đầu óc em cứ để đâu ấy.”

“Em xin lỗi.” Cô quay sang siết chặt tay anh. “Chỉ là trước khi đi, em với Pat đã nói chuyện không vui vẻ lắm nên em vẫn còn khó chịu.”

“Em có muốn kể cho anh nghe không?”

Cô gần như phì cười trước ý tưởng đó – thú nhận toàn bộ mọi chuyện cho thầy giáo thế dục của Pat. “Cám ơn anh, nhưng chắc không cần đâu.” Steve lại tiếp tục lái xe còn Debra tự hỏi liệu sự thản nhiên như không đó của một người đàn ông còn kịp tác động đến đứa trẻ 15 tuổi như Pat không, hay mọi chuyện đã quá muộn mất rồi.

Steve dừng xe trước nhà cô. Cô không ngại gì việc lại tiếp tục đi chơi với anh ta mà chỉ ghét cái cảnh chia tay lúc này, khi người lái xe quay người lại, ngượng nghịu nhìn cô, nụ hôn phớt qua và nói mong được đi chơi với cô lần nữa.

Cô liếc mắt vào nhà để đảm bảo rằng Pat không đứng trong đó ngó ra – cô sẽ không chịu nổi cảnh nó trêu ghẹo cô về cái hôn tạm biệt đó – và đó là khi cô thấy có cái gì đó thiếu thiếu. Cô vội vã bước ra khỏi xe như thể bị ma nhập, chực bước vào nhà.

“Chỉ thế thôi sao?”

Cô ngoảnh ra sau thấy Steve Thế dục đã bước ra khỏi xe. “Gì cơ?” cô hỏi.

“Nghe này, lúc này chắc không phù hợp nhưng dù gì anh cũng sẽ nói. Anh thích em.” Anh ta dựa người vào xe, tay gác lên cánh cửa xe đang mở. “Em hỏi anh ở trường trông em như thế nào... và nói thật, trông em giống y như một giờ đồng hồ vừa rồi vậy. Anh nói trông em đáng sợ là bởi cái vẻ đó, và đúng là như thế. Nhưng có lúc anh cảm tưởng như em thậm chí còn không ở trong cùng phòng với người khác nữa. Em không biết đến sự tồn tại của ai khác quanh mình.”

“Anh Steve –”

Nhưng anh ta chưa nói xong. “Anh biết mình không phải tốp người em thích. Chẳng sao. Nhưng anh nghĩ em có lẽ sẽ hạnh phúc hơn nếu lâu lâu em chịu mở lòng ra với người khác đấy.”

Cô mở miệng định giải thích với anh ta tại sao mình lại vội vã ra khỏi xe nhưng *em sẽ hạnh phúc hơn* lại khiến cô bực mình. Cô có thể hạnh phúc hơn? Cô có thể là... Chúa ơi, cô chỉ biết câm lặng đứng đó – người nóng sôi, cõi lòng tan nát.

“Ờ, chúc em ngủ ngon.” Steve vào lại chiếc Duster và lái xe đi mất. Cô dõi theo chiếc xe của anh ta rẽ ở cuối đường, đèn chiếu hậu chỉ chớp một lần.

Rồi cô nhìn vào nhà, chỗ đậu xe vắng tanh.

Cô bước vào nhà và mở cái ngăn kéo thường để chìa khoá xe dự phòng (không còn ở đó nữa, dĩ nhiên), rồi cô ngó qua phòng của Pat (không có ai, dĩ nhiên), tìm xem có mẫu giấy nhắn nào để lại (không, dĩ nhiên). Thế là cô tự rót cho mình ly rượu, ngồi cạnh cửa sổ, chờ đứa con trai tự vác xác về nhà. Mãi đến hai giờ bốn lăm phút sáng mới thấy điện thoại đổ chuông. Cảnh sát gọi. Có phải cô là... Có phải con trai cô... Cô có sở hữu... một chiếc Audi màu nâu vàng... biển kiểm soát là... Cô cứ thế trả lời: *vâng, vâng vâng*, cho đến khi không còn nghe câu hỏi nữa thì cô vẫn tiếp tục *vâng* mãi. Rồi cô gác máy và gọi cho Mona đến nhà đón cô, yên lặng chờ cô đến đồn cảnh sát.

Khi đến nơi, Mona đặt tay mình lên tay Debra. Mona tốt bụng – trẻ hơn cô mười tuổi, vai ngang, tóc cắt ngắn đến mang tai, đôi mắt xanh lá cây sắc sảo, từng tính hôn Debra một lần sau khi nốc đầy rượu vang. Ta luôn có thể nhìn ra tình cảm đó từ cô gái trẻ; nhưng tại sao nó toàn đến từ những đối tượng không phù hợp như vậy chứ? “Debra,” Mona nói, “em biết chị yêu thương thằng quý sứ đó, nhưng chị không thể chịu đựng mấy trò càn quấy của nó mãi được. Chị nghe em nói không hả? Lần này cứ mặc kệ nó đi tù một phen.”

“Thằng bé đỡ rồi mà,” Debra phản ứng yếu ớt. “Nó đã viết bài hát này...” nhưng cô không nói được hết câu. Cô cảm ơn Mona, bước ra khỏi xe và đi vào đồn cảnh sát.

Một viên sĩ quan to mập mặc đồng phục đeo mắt kính hình giọt nước cầm một bìa hồ sơ bước ra. Ông ta nói không có gì phải lo lắng, con trai cô

không sao, nhưng xe của cô đã vỡ tan tành – nó đụng phải một trụ đá ở Fremont “một tai nạn khủng khiếp, kỳ lạ là không một ai hề hấn gì.”

“Không một ai?”

“Trong xe cùng với con trai bà còn một cô bé nữa. Cô bé đó cũng không bị sao. Hoảng sợ nhưng không sao cả. Cha mẹ cô bé đã đến đón về rồi.”

Dĩ nhiên là vì một đứa con gái rồi. “Tôi gặp cháu được không?”

“Phiền cô chờ một lát”, viên sĩ quan nói. Nhưng đầu tiên cô cần biết rằng con trai cô đã say rượu, người ta tìm thấy một chai vodka và cặn cocaine còn sót trên một chiếc gương cầm tay trong xe, thẳng bé hiện đang phạm tội lái xe bất cẩn, không có bằng lái, không sử dụng các biện pháp an toàn, lái xe trong khi say xỉn, sở hữu ma túy mức độ nhẹ. (Cocaine ư? Cô không chắc mình có nghe đúng không nhưng cô đều gạt đầu trước mọi tội danh nghe thấy, chứ còn biết làm gì khác?) Dựa vào mức độ trầm trọng của các tội danh, vụ việc sẽ được chuyển sang cho bên công tố viên phụ trách những vụ vi phạm của trẻ vị thành niên, rồi sau đó người ta mới kết luận...

Khoan đã. Cocaine? Thằng bé lấy cocaine ở đâu ra? Và ý Steve Thế dục là gì khi anh ta nói cô không mở lòng với mọi người. Cô cũng muốn mở lòng với ai đó chứ. Mà không, biết cô sẽ làm gì không? Giải thoát bản thân cô!

Lại còn cả Mona nữa. Đừng chịu đựng mấy trò càn quấy của nó nữa ư? Lạy chúa, bọn họ tưởng cô chọn cách sống như thế này ư? Bọn họ nghĩ cô được lựa chọn cách Pat cư xử? Chúa ơi, thế thì đã khỏe, chỉ cần thôi chịu đựng mấy trò càn quấy của Pat, chỉ cần xoay ngược thời gian và sống một cuộc sống khác...

(Dee Moray nằm tựa trên một chiếc ghế dài nơi vùng bờ biển nước Ý với người bạn đồng hành đẹp trai trầm tính người Ý của mình, Pasquale, đọc tin tức kinh tế cho đến lúc Pasquale hôn cô rồi đi chơi quần vợt trên chiếc sân nhô ra từ vách đá—)

“Cô có hỏi gì không?”

“À, sao ạ?”

“Cô có thắc mắc gì những điều tôi nói nãy giờ không?”

“Không.” Cô đi theo ông cảnh sát mập xuống một hành lang.

“Nói điều này bây giờ chắc không phù hợp lắm,” ông ta nói và vừa đi vừa ngoảnh lại nhìn cô. “Nhưng tôi để ý là cô không đeo nhẫn cưới. Tôi tự hỏi nếu có lúc nào đó cô muốn ra ngoài ăn tối... tình hình trật tự bây giờ rối ren lắm, và tôi sẽ mừng nếu có ai đó...”

(Người giữ cửa khách sạn mang một chiếc điện thoại ra chỗ bãi biển. Dee Moray tháo chiếc mũ che nắng ra để nghe điện thoại. Là Dick gọi! Chào tình yêu, ông nói, em vẫn xinh đẹp như xưa chứ...)

Viên cảnh sát quay người lại, đưa cho cô tấm danh thiếp có số điện thoại của ông ta. “Tôi hiểu đây là thời điểm khó khăn, nhưng nếu có khi nào cô muốn đi chơi...”

Cô nhìn chăm chăm vào tấm danh thiếp.

(Dee Moray thở dài: Em đã coi phim Thầy trừ tà, Dick ạ. Ôi chúa ơi, ông ta thốt lên, cái mớ bốc mùi đấy ư? Em biết cách làm tổn thương người khác đấy. Đâu có, cô nhẹ nhàng nói với ông ấy, chỉ là phim không thơ mộng lắm thôi. Dick phá lên cười. Nghe này, em yêu, anh đang có vở kịch này mà chúng ta có thể diễn cùng nhau—)

Viên cảnh sát đưa tay mở cửa. Debra hít vài hơi thở sâu rời rạc trước khi bước theo ông ta vào trong.

Pat đang ngồi trên một cái ghế xếp trong một căn phòng trống, hai tay ôm mặt, những ngón tay ẩn đi dưới mái tóc nâu bông lượn sóng. Nó gạt tóc ra rồi ngẩng lên nhìn mẹ; lại đôi mắt đó. Không một ai hiểu được bọn họ đã chịu đựng bao lâu, Pat và cô. Mẹ con chúng ta đã lạc lối rồi, Dee thầm nghĩ. Trán thằng bé có một vết xước nhỏ, trông giống như một vết cháy trên thềm. Ngoài ra thì trông thằng bé vẫn bình thường. Cuốn hút đến lạ – đúng là cha nào con nấy.

Thằng bé ngửa người ra sau và khoanh tay lại. “Chào mẹ,” nó nói, miệng nhếch lên một nụ cười láu cá đánh đòn phủ đầu: “Hôm nay hẹn hò vui chứ mẹ?”

PHÙ THỦY XỨ PORTO VERGOGNA

Tháng Tư, 1962

Porto Vergogna, nước Ý

Pasquale ngủ liền một mạch cho đến sáng hôm sau. Lúc cậu thức dậy, mặt trời đã leo qua đỉnh vách đá sang phía sau thị trấn. Cậu đi cầu thang lên tầng ba đến chỗ căn phòng tối nơi Dee Moray đã trọ. Có đúng là cô đã từng ở đây không? Có đúng là mới hôm qua cậu còn ở Rome, lái xe cùng với Richard Burton gàn dở? Thời gian như chệch hướng, cong vênh. Cậu nhìn xung quanh căn phòng nhỏ tường bằng đá. Bây giờ tất cả chúng đều thuộc về cô. Những người khách khác có thể ở lại nơi này, nhưng đây sẽ luôn luôn là phòng của Dee Moray. Pasquale mở tung cánh cửa chớp cho ánh sáng ủa vào. Cậu hít một hơi sâu nhưng chỉ ngửi được mùi biển cả.

Rồi cậu cầm quyển sách dang dở của Alvis Bender để ở tủ đầu giường lên và lật lật mấy trang. Chỉ độ vài ngày nữa Alvis sẽ xuất hiện để tiếp tục viết lách trong căn phòng này. Nhưng căn phòng sẽ không bao giờ còn thuộc về ông ấy nữa rồi.

Pasquale quay trở lại phòng mình trên tầng hai và thay đồ. Trên bàn mình cậu trông thấy tấm hình của Dee chụp với người phụ nữ khác đang cười. Cậu cầm tấm hình lên và ngắm nghía. Tấm ảnh không thể hiện được Dee, hay đúng hơn không thể hiện cô theo cách cậu nhớ: cái dáng người cao duyên dáng, cổ dài, đôi mắt sâu như hồ nước và cái dáng đi uyển chuyển mà mạnh mẽ dường như không có động tác thừa nào. Cậu ghé sát tấm ảnh vào mặt. Cậu thích cách Dee cười trong tấm hình này, tay cô đặt lên cánh tay người phụ nữ kia, cả hai người đều chuẩn bị gặp người xuống. Người thợ

chụp ảnh đã chụp lại họ tại một khoảnh khắc chân thực nhất, nụ cười vỡ òa vì một điều gì đó không ai biết được. Pasquale mang tấm ảnh xuống dưới nhà và nhét nó vào góc một bức tranh vẽ những trái ô liu đang treo chỗ sảnh giữa khách sạn với quán rượu. Cậu tưởng tượng ra việc khoe tấm ảnh này cho mấy người Mỹ đến đây rồi giả vờ thờ ơ nói: đương nhiên rồi, mấy ngôi sao điện ảnh lâu lâu lại ghé lại Cảnh quan Vừa phải. Họ thích mấy nơi yên tĩnh. Và cả sân quần vợt trên vách đá nữa.

Cậu nhìn chăm chăm tấm ảnh và lại nghĩ về Richard Burton. Người đàn ông đó quả có quá nhiều phụ nữ. Liệu ông ta có quan tâm gì đến Dee? Ông ta sẽ dẫn Dee đến Thụy Sĩ để phá thai, nhưng rồi sau đó thì sao? Ông ta sẽ không bao giờ cưới cô.

Và đột nhiên cậu tưởng tượng ra cảnh mình đi tới Portovenere, gõ cửa phòng khách sạn của cô: Dee, hãy lấy anh. Anh sẽ nuôi dạy con em như con đẻ của anh. Thật nực cười khi nghĩ tới chuyện cô sẽ kết hôn với một người vừa gặp, rằng cô mà lại kết hôn với cậu. Rồi sau đó cậu lại nghĩ về Amedea và thấy thật nhục nhã. Cậu là ai mà nghĩ xấu về Richard Burton? Đây là chuyện sẽ xảy ra khi người ta sống trong mơ, cậu nghĩ thế: ta mơ cái này, ta mơ cái kia, rồi rồi cuộc ngủ vùi cả cuộc đời.

Cậu cần chút cà phê. Pasquale đi vào phòng ăn nhỏ đang tràn ngập thứ nắng cuối buổi sáng còn các cửa sập đã được mở tung ra hết cả. Giờ trưa này mà để nắng chiếu thế thật bất thường; bà dì Veleria của cậu thường đợi chiều muộn mới mở cửa sập. Lúc này bà lại đứng chỗ cái bàn và uống rượu. Mười một giờ sáng mà như thế cũng thật lạ. Bà ngẩng lên nhìn cậu, đôi mắt đỏ hoe. “Pasquale”, bà nói, giọng vỡ ra, “đêm qua... mẹ cháu...” Bà ngược lên trần.

Cậu vội vã chạy ngang qua bà dì, băng qua sảnh, đẩy cửa vào phòng Antonia. Các cửa sập và cửa sổ cũng đã mở ra cả, mùi biển và ánh nắng tràn ngập căn phòng. Mẹ cậu đang nằm đó, một búi tóc xám trên gối phía sau bà, miệng hơi méo đi giống mỏ chim. Những chiếc gối sau đầu đã được làm phồng lên, chăn kéo thẳng thớm phủ lên tới vai như thể sẵn sàng chuẩn bị cho đám tang. Nước da bà nhợt nhạt như sáp, như thể nó đã được chà mòn.

Cả căn phòng đầy mùi xà bông.

Valeria đang đứng phía sau cậu. Có khi nào bà ta phát hiện ra chị mình đã chết... rồi lau dọn căn phòng? Không đúng tí nào. Pasquale quay về phía bà dì. “Tại sao dì không nói cho cháu đêm qua, lúc cháu về?”

“Đã đến lúc rồi, Pasquale à,” Valeria đáp. Nước mắt chảy tràn qua những miếng vảy trên khuôn mặt già nua của bà ta. “Bây giờ thì cháu có thể làm đám cưới với con bé người Mỹ,” Valeria ngực mặt xuống ngực, như một người đưa tin mệt mỏi sau khi nói ra được tin tức quan trọng. “Đó là điều mẹ cháu muốn,” giọng bà the thé cất lên.

Pasquale nhìn xuống những cái gối đầu phía sau mẹ mình và cái cốc trống rỗng trên chiếc bàn cạnh giường. “Ôi, Zia,” cậu thốt lên, “dì đã làm gì thế?”

Cậu đỡ cằm bà lên, và nhìn vào đôi mắt bà dì cậu có thể nhìn thấy mọi việc: hai người phụ nữ đã đứng ở cửa sổ lắng nghe lúc cậu nói chuyện với Dee Moray mà không hiểu gì cả; mẹ cậu thì cứ khẳng khẳng – hàng tháng trời nay – rằng đã đến lúc phải về với Chúa rồi, rằng Pasquale cần phải rời Porto Vergogna mà đi tìm một người vợ. Và dì Valeria của cậu đã dùng phương cách tuyệt vọng cuối cùng cố gắng thuyết phục cô gái người Mỹ ở lại bằng những câu chuyện phù thủy là không ai chết trẻ ở đây. Còn mẹ cậu hết lần này đến lần khác nài nỉ Valeria (“Giúp chị, em ơi”), kể cả van xin, dọa dẫm...

“Không, không có lẽ dì lại...”

Trước khi cậu kịp nói hết câu, Valeria đã khụy xuống đất. Và Pasquale sững sờ quay về phía người mẹ đã chết của mình. “Ôi, Mamma,” Pasquale chỉ thốt lên được thế. Tất cả thật vô ích, thật ngốc nghếch. Tại sao hai người họ lại có thể hiểu sai hết mọi thứ đang xảy ra vậy chứ? Cậu quay sang phía bà dì đang nức nở, hai tay đỡ lấy khuôn mặt bà. Cậu khó mà trông thấy được làn da tối tăm nhăn nheo của bà qua đôi mắt đẫm nước của mình nữa.

“Dì đã... làm... gì?”

Thế rồi Valeria kể cho cậu nghe tất cả: Mẹ Pasquale đã cầu xin giải thoát kể từ khi cha cậu Carlo qua đời, và thậm chí còn định dùng một cái gối tự làm nghẹt thở. Valeria đã hết lời khuyên nhủ nhưng Antonia vẫn cố chấp đòi

cho đến khi Valeria phải hứa rằng khi người chị không thể nào chịu nổi sự đau đớn nữa thì bà ta sẽ giúp. Tuần này, bà chị đã bắt bà phải thực hiện lời hứa trang nghiêm đó. Một lần nữa, Valeria từ chối, nhưng Antonia nói rằng bà dì sẽ không bao giờ hiểu được vì bà ta không phải một người mẹ, và bà chị thà chết còn hơn cứ làm gánh nặng cho Pasquale mãi, rằng cậu sẽ không bao giờ rời Porto Vergogna chừng nào bà còn sống. Thế là Valeria đã làm những điều bà chị muốn, bỏ một chút thuốc giặt quần áo vào ổ bánh mì nướng. Rồi Antonia kêu Valeria hãy đi khỏi khách sạn chừng một giờ để không dính lứu gì đến cái chết của mình cả. Valeria cố lần cuối thuyết phục bà chị nhưng Antonia nói đến lúc này bà đã mãn nguyện rồi, bà biết rằng nếu ra đi bây giờ, Pasquale sẽ được phép rời khỏi đây cùng cô gái Mỹ xinh đẹp đó—

“Dì nghe cháu này,” Pasquale nói. “Cô người Mỹ ư? Cô ấy yêu người đàn ông khác mà cũng đến đây, ông diễn viên người Anh ấy. Cô ấy chẳng quan tâm gì đến cháu đâu. Mấy việc này chẳng để làm gì cả!” Valeria lại khóc nức nở và khuyu chân xuống, và Pasquale nhìn trừng trừng vào đôi vai đang run lên bần bật ấy cho đến khi cảm giác xót thương bao trùm lấy cậu. Xót thương và cả tình mẫu tử dành cho mẹ cậu nữa, người hãn cũng sẽ muốn Pasquale làm tiếp một việc sau đó: cậu vỗ nhẹ lên mớ tóc rối như dây nhợ của Valeria và nói: “Cháu xin lỗi, Zia.” Cậu nhìn lại mẹ mình đang nằm trên những cái gối phồng như thế đồng ý với cậu.

Valeria trốn trong phòng cả ngày khóc lóc còn Pasquale ngồi ở ngoài hàng hiên và uống rượu. Đến chiều tối, cậu cùng Valeria bọc mẹ lại trong một tấm chăn và vải trải giường, Pasquale hôn nhẹ lần cuối trên vầng trán lạnh lẽo của mẹ trước khi phủ kín mặt bà. Có người đàn ông nào từng hiểu rõ mẹ mình? Cả cuộc đời bà trải trước mặt cậu, cả hai đứa con trai khác, hai người anh trai cậu chưa từng biết mặt. Bà đã chịu cảnh mất hai đứa con trai trong cuộc chiến, rồi mất chồng. Cậu là ai mà dám nói rằng bà chưa sẵn sàng ra đi, rằng bà nên quyển luyện trần gian này thêm chút nữa? Bà đã kiệt sức rồi. Có lẽ tốt hơn là cứ để mẹ cậu tin rằng cậu sẽ ra đi cùng cô gái Mỹ xinh đẹp sau khi bà qua đời.

Sáng sớm hôm sau, Tommaso giúp Pasquale đưa thi thể của Antonia lên thuyền của ông. Pasquale không ngờ rằng mẹ mình mong manh đến thế cho đến lúc cậu bế mẹ lên, tay đặt dưới đôi vai gầy toàn xương xấu nhỏ xíu như xương chim của bà. Valeria đứng trước cửa nhìn ra, nói lời vĩnh biệt nhỏ nhỏ với người chị gái. Những người ngư dân khác và vợ của họ đứng xếp hàng chờ quảng trường và chia buồn với Pasquale – “Bà ấy giờ đã ở bên Carlo rồi,” “Antonia dịu hiền,” và “Lạy Chúa lòng lành cho linh hồn bà thanh thản” – và Pasquale đứng trên thuyền gật đầu với họ khi Tommaso một lần nữa kéo cho động cơ thuyền nổ máy rồi bọn họ bình bịch chạy ra khỏi vịnh.

“Thời khắc của bà ấy đã điếm,” Tommaso nói khi ông ta lái thuyền ra khỏi vùng nước tối.

Pasquale ngược mặt nhìn về phía trước để tránh phải nói chuyện và tránh phải nhìn thấy thi thể bọc trong vải liệm của mẹ mình. Cậu cảm thấy dễ chịu khi con sóng mặn chát tung lên làm mắt cậu cay xè.

Ở La Spezia, Tommaso kiếm được một cái xe đẩy từ người gác cầu tàu. Ông ta đẩy thi thể mẹ Pasquale qua con phố như đẩy một bao gạo, Pasquale túi nhục nghĩ, rồi bọn họ cũng đến được một nhà mai táng, và cậu sẽ sắp xếp để mẹ được nằm gần cha.

Sau đó cậu đi gặp vị linh mục lác mắt đã chủ trì lễ tang và chôn cất của cha cậu. Do đã quá bận bịu với lễ lạt trong mùa thêm sức này nên vị linh mục nói rằng ông ta không thể thực hiện được tang lễ cho đến tận thứ sáu, tức là phải hai ngày nữa. Ông ta hỏi Pasquale dự tính sẽ có bao nhiêu người đến dự lễ? “Không nhiều lắm,” cậu nói. Nếu cậu thông báo ngư dân trong làng cũng sẽ tới. Bọn họ sẽ nhổ chút nước bọt vào tay để vuốt lại mớ tóc ít ỏi, mặc những chiếc áo khoác đen và đứng đó với những bà vợ mặt buồn bã trong khi vị linh mục ngâm nga thánh kinh – Xin chúa ban phước lành cho linh hồn bà Antonia an nghỉ muôn đời – và sau đó, những bà vợ với khuôn mặt sầu thảm này sẽ mang đồ ăn đến khách sạn cậu để chia buồn. Nhưng mấy thứ đó với Pasquale giờ thật tầm thường và vô nghĩa. Dĩ nhiên đó là thứ mẹ cậu lại muốn, thế nên cậu sẽ tổ chức lễ tang, vị linh mục ghi chú về loại

bia mộ gì đó rồi ngẩng lên nhìn cậu qua cái mắt kính hai tròng của mình, hỏi xem Pasquale có muốn ông ta làm thêm Lễ cầu hồn, một tháng sau khi bà mẹ qua đời để lần cuối tiễn bà về nơi thiên đường không? Được thôi, Pasquale trả lời.

“Tốt lắm,” Cha Francisco nói rồi chìa tay ra với cậu. Pasquale cũng đưa tay ra bắt lại, nhưng ánh mắt của cha đạo nhìn cậu rất lạnh lùng – ít nhất là một bên mắt thể hiện thế. Pasquale liền sực nhớ rồi lấy tiền trong túi ra đưa cho vị linh mục. Những tờ tiền biến mất sau bộ áo thầy tu và vị linh mục chúc phúc nhanh cho cậu.

Pasquale thẫn thờ bước lại cầu tàu chỗ đậu thuyền của Tommaso. Cậu leo lại vào trong chiếc thuyền gỗ dơ dáy. Pasquale lại cảm thấy tệ hại khi chờ mẹ đi bằng cách này. Thế rồi đột nhiên cậu nhớ lại khoảnh khắc kỳ lạ nhất: lúc đó cậu khoảng bảy tuổi. Cậu thức dậy sau giấc ngủ trưa, lơ ngơ không biết lúc đó là mấy giờ, rồi cậu đi xuống nhà thấy mẹ đang khóc còn bố đang dỗ dành mẹ. Cậu đứng bên ngoài phòng bố mẹ nhìn cảnh đó và lần đầu tiên cậu cảm nhận được cha mẹ mình là những con người khác với chính họ lâu nay, rằng họ đã sống một cuộc sống khác trước khi cậu ra đời. Đó là lúc cha cậu ngẩng lên thấy cậu và nói: “Bà con đã mất rồi”. Cậu cứ tưởng bà ngoại mất, về sau mới biết người qua đời là bà nội. Ấy thế mà cha cậu mới là người an ủi mẹ cậu. Rồi sau đến mẹ cậu ngược lên và nói: “Bà con may mắn Pasquale ạ, bà đã được ở cùng Chúa rồi.” Không hiểu sao cái ký ức đó lại khiến cậu trào nước mắt, khi cậu nghĩ lại về cái bản chất khó đoán định của những người ta yêu. Cậu úp mặt vào hai tay và Tommaso tế nhị quay đi khi con thuyền chạy xa dần La Spezia.

Pasquale về lại Cảnh quan Vừa phải, dì Valeria không biết đã bỏ đi đâu mất. Cậu vào phòng dì, chỉ thấy căn phòng đã được lau dọn sạch sẽ như phòng mẹ cậu và như thể chưa từng có ai ở nơi này. Ngư dân trong làng vẫn chưa đưa bà đi, vậy hẳn bà đã bỏ đi trên những con đường dốc đặng sau làng. Đêm đó, khách sạn như một hầm mộ với Pasquale. Cậu lấy một chai rượu từ hầm rượu của cha mình lên và ngồi trong quán rượu trống rỗng. Tất cả ngư dân đều không đến quán rượu. Pasquale luôn cảm thấy bó buộc bởi cuộc sống của mình, bởi cách sống lúc nào cũng yếm thế của cha mẹ cậu,

bởi khách sạn Cảnh quan Vừa phải, bởi Porto Vergogna, bởi những thứ đường như đang tìm chân cậu lại nơi này. Bây giờ cậu chỉ còn bị cột vào một thực tế là cậu hoàn toàn cô độc.

Pasquale uống nốt chỗ rượu rồi lại xuống lấy một chai khác. Cậu ngồi trong quán rượu, nhìn chăm chăm vào tấm ảnh của Dee Moray và người phụ nữ kia. Khi màn đêm buông xuống thì cậu cũng đã say và hoa mắt, dì cậu vẫn chưa quay lại, và có lúc chắc cậu đã ngủ thiếp đi, vì cậu nghe có tiếng tàu chạy rồi giọng Chúa trời vang vọng khắp sảnh khách sạn nhà mình.

“*Buon giorno* *!” Chúa trời cất tiếng gọi. “Carlo? Antonia? Mọi người đâu cả rồi?” Và Pasquale muốn khóc hết nước mắt, bởi vì chẳng phải cha mẹ cậu đã về bên Chúa rồi đấy sao? Tại sao Người còn đòi họ, và nói bằng tiếng Anh nữa chứ? Nhưng cuối cùng cậu cũng nhận ra mình đã ngủ gục, thế là cậu lờ mờ tỉnh lại, cũng vừa lúc đấng Tối cao chuyển sang nói tiếng Ý: “*Cosa un ragazzo deve fare per ottenere una bevanda qui intorno?*” và Pasquale nhận ra, dĩ nhiên rồi, đó không phải Chúa trời mà là Alvis Bender mới bảnh mắt đã đến khách sạn của cậu, bắt đầu kỳ nghỉ hè viết lách hằng năm của ông ta và đang hỏi bằng thứ tiếng Anh đơn giản: Làm sao để kiếm được đồ uống ở đây bây giờ?

* *Chào buổi sáng*

Sau cuộc chiến, Alvis Bender đã lạc lối. Anh quay lại Madison để giảng dạy tiếng Anh tại Edgewood, một trường đại học nhỏ. Nhưng rồi suốt ngày anh rầu rĩ, lang thang vất vưởng và nhiều tuần liền sa đà vào rượu chè chán đời. Anh không còn cảm thấy có chút đam mê nào với nghề dạy học hay với sách vở như ngày xưa nữa. Các thầy tu dòng Francis quản trị nhà trường nhanh chóng chán ngán chuyện anh suốt ngày say xỉn và thế là Alvis quay trở lại làm việc cho cha mình. Hồi đầu thập kỷ 50, Bender Chevrolet là đại lý bán xe lớn nhất ở Wisconsin; cha của Alvis đã mở thêm vài cửa hàng giới thiệu mới ở Green Bay và Oshkosh, và lại chuẩn bị mở một đại lý bán xe Pontiac ở vùng ngoại ô Chicago. Alvis đã tận dụng hết cỡ sự phát đạt của gia đình mình, anh làm việc trong ngành buôn bán xe cũng giống y như khi làm việc ở trường đại học nhỏ và kiếm được cho mình cái biệt hiệu Alvis Thâu đêm trong những cuộc bàn tán của mấy người thư ký và kế toán trong

đại lý. Những người xung quanh Alvis đã gọi việc tâm trạng anh lên xuống thất thường vậy bằng một cái tên mỹ miều là “chứng trầm uất hậu chiến,” nhưng khi cha Alvis hỏi là anh có bị dư chấn do pháo nổ gì không, Alvis đã trả lời: “với con giờ giảm giá rượu hàng ngày cũng đều vui như pháo nổ cả, cha ạ.”

Alvis không nghĩ mình lại bị chứng trầm uất hậu chiến gì cả – anh có mấy khi chiến đấu gì đâu – mà có lẽ anh mắc chứng trầm uất với đời. Anh cho rằng nó cũng có thể là một kiểu khủng hoảng hiện sinh thời hậu chiến gì đó, nhưng cái thứ đang gặm nhấm anh dường như nhỏ nhoi hơn thế: anh không còn thấy được mục đích của cuộc sống nữa. Thật vô tích sự khi làm việc chăm chỉ hay khi làm theo những gì tử tế. Suy cho cùng, hãy coi mấy thứ đó đã đem lại cho Richards kết cục gì. Trong khi đó một thằng như anh lại còn sống để trở về Wisconsin và... làm gì? Dạy phân tích cấu trúc câu cho mấy đứa nhóc dở hơi à? Bán xe Bel Airs cho mấy tay nha sĩ à?

Trong những ngày tỉnh táo anh tưởng tượng mình có thể chuyển hướng sự phiền muộn này sang quyển sách anh ấp ủ, ngoại trừ việc anh chưa bắt tay vào viết lách gì cả. Ờ, đúng là anh có nói về quyển sách đang viết, nhưng mà vẫn chưa được trang nào. Và càng nói về quyển sách nhiều bao nhiêu thì lại càng khó viết ra bấy nhiêu. Anh có ý tưởng là quyển sách về chiến tranh này sẽ nói về chủ đề phản chiến, nghĩa là anh sẽ chỉ tập trung vào đời sống khổ sở như trâu ngựa của lính tráng và quyển sách của anh chỉ khắc họa một trận đánh duy nhất, trận giáp lá cà chín giây ở Strettoia trong đó đại đội của anh đã mất hai người; rằng toàn bộ nội dung sẽ chỉ nói về sự chán chường chồng chất lên cho đến lúc trận đánh chín giây diễn ra; rằng trong chín giây đó nhân vật chính sẽ chết, nhưng quyển sách vẫn tiếp tục với một nhân vật phụ khác. Cái cấu trúc này dường như đã nắm bắt được bản chất bất thường trong những trải nghiệm của anh. Tất cả những sách vở và phim ảnh về Thế chiến thứ hai đều là những câu chuyện về anh hùng thời chiến kiểu Audie Murphy quá đỗi đần độn nghiêm trang nói về lòng dũng cảm. Còn với anh, anh cảm thấy cái quan điểm non nớt của mình phù hợp với những quyển sách về Thế chiến thứ nhất hơn: nó là sự thờ ơ khắc kỷ trong truyện Hemingway, là

những bi kịch trở trêu của Dos Passos, là sự châm biếm đen tối kỳ dị của Céline.

Thế rồi, một ngày nọ, khi đang cố dụ dỗ một người phụ nữ vừa gặp lên giường với mình, anh vô tình nhắc đến việc mình đang viết một cuốn sách, thế là cô ta liền tò mò. “Quyển sách nói về gì?” cô ta hỏi. “Nó nói về chiến tranh,” anh trả lời. “Triều Tiên à?” cô ngây ngô hỏi lại và Alvis nhận ra mình đã phạm sai lầm đến cỡ nào.

Người bạn cũ Richards của anh đã đúng: mấy viên tướng đã chuẩn bị sẵn sàng cho một cuộc chiến khác còn trước khi Alvis kịp kết thúc cuộc chiến anh đang tham gia. Và chỉ nghĩ về người bạn quá cố thôi cũng đã đủ khiến Alvis thấy nhục nhã vì tám năm trời sống hoài sống uổng của mình.

Ngày hôm sau, Alvis hùng dũng đến cửa hàng và tuyên bố với cha anh rằng mình cần nghỉ việc một thời gian. Anh sẽ trở lại Ý, cuối cùng anh cũng sẽ viết ra quyển sách về chiến tranh đó. Cha anh chẳng vui vẻ gì nhưng ông cũng đồng ý với một điều kiện: anh có thể nghỉ việc ba tháng, miễn là khi hoàn tất cuốn sách anh sẽ trở về điều hành đại lý xe Pontiac mới ở Kenosha. Alvis nhanh chóng đồng ý.

Và thế là anh tới Ý. Từ Venice tới Florence, từ Naples tới Rome, anh cứ thế đi du lịch, uống rượu, hút thuốc và ngẫm nghĩ. Mọi nơi ghé qua, anh đều ôm theo cái máy đánh chữ di động Royal mà chưa hề gỡ ra khỏi hộp. Thay vào đó, anh vừa nhận phòng khách sạn xong là đi thẳng tới quầy rượu. Mọi nơi anh tới, ai cũng muốn mời rượu một cựu chiến binh Mỹ, anh chẳng nề khước từ ai. Anh bảo bản thân mình đang tìm tư liệu viết, nhưng ngoại trừ một chuyến du lịch vô tích sự đến Strettoia, nơi từng diễn ra trận giao tranh tí hon năm xưa, còn thì phần lớn “nghiên cứu” của anh đều là về rượu chè và tán gái Ý.

Ở Strettoia, một sáng anh thức dậy, đầu óc váng vất kinh khủng, thế là anh liền ra ngoài đi dạo cho thoải mái, tìm kiếm khu đồng trống nơi đơn vị cũ của anh đã giao tranh trước kia. Ở đó, anh vô tình gặp một người họa sĩ vẽ tranh phong cảnh đang phác họa một nhà kho cũ. Nhưng anh chàng họa sĩ trẻ đang vẽ cái nhà kho lộn ngược. Alvis nghĩ không biết đầu óc cái anh

chàng này có bị gì không, như tổn thương não chẳng hạn; nhưng có gì đó trong tác phẩm của cậu họa sĩ lại lôi cuốn Alvis, cái sự mất phương hướng đó nhìn rất quen.

“Đôi mắt nhìn tất cả mọi thứ đều lộn ngược,” cậu họa sĩ giải thích, “rồi não bộ tự động quay ngược lại hình ảnh đó một lần nữa. Tôi chỉ cố gắng đưa nó về lại vị trí mà đôi mắt tôi trông thấy thôi.”

Alvis nhìn chăm chăm vào bức tranh một lúc lâu. Anh thậm chí có ý định mua nó nhưng anh nhận ra là nếu mình treo bức tranh ngược này, thế nào cũng có người xoay ngược nó lại. Đây cũng chính là vấn đề của quyển sách mà anh đang hy vọng viết ra. Sẽ không thể nào viết ra được một quyển sách về chiến tranh “đạt chuẩn” cả khi mà những thứ anh cần nói về cuộc chiến lại là những thứ “ngược đời” rồi người khác thế nào cũng hiểu sai ý và cố gắng đưa nó về vị trí cũ.

Đêm đó ở La Spezia, anh đã mời rượu một cựu du kích, đó là một người đàn ông có một vết bỏng đáng sợ trên mặt. Anh ta hôn má Alvis, vỗ lưng anh, gọi anh là “đồng chí” và “amico *!” Anh ta kể cho Alvis nghe câu chuyện bị bỏng ra sao: đơn vị du kích của anh ta đang ngủ trong một đồng cỏ khô trên đồi thì đột nhiên có một lính tuần tra Đức bất ngờ xuất hiện dùng súng phun lửa xả thẳng vào bọn họ. Anh ta là người duy nhất sống sót thoát ra. Alvis xúc động trước câu chuyện của người đàn ông tới nỗi anh đã anh ta thêm vài chén rượu nữa, rồi họ chào nhau kiểu lính và khóc thương cho những người đồng đội đã mất. Cuối cùng, Alvis hỏi người đàn ông liệu anh có thể dùng câu chuyện của anh ta trong cuốn sách mình đang viết hay không, điều này khiến cho người Ý đó chột khóc nức lên. Tất cả đều là nói dối, người đàn ông Ý thú nhận; chẳng có đơn vị du kích nào, chẳng có súng phun lửa, cũng không có người Đức nào hết. Tất cả chỉ là hai năm trước người đàn ông này đang sửa xe thì động cơ đột nhiên bắt lửa và phát nổ mà thôi.

* *anh bạn*

Xúc động trước lời tự thú của người đàn ông, Alvis Bender lè nhè nói giọng tha thứ cho người bạn mới. Suy cho cùng, chính anh cũng là một kẻ

lừa gạt, đã mười năm nay anh tính chuyện viết sách những chưa rạn ra được một chữ nào. Hai kẻ đối trá say xỉn liền ôm lấy nhau mà khóc, mà thức cả đêm để thú nhận con tim yếu mềm của họ.

Sáng hôm sau, Alvis Bender, bệ rạc rã rời, ngồi đăm chiêu tại bến cảng La Spezia. Anh chỉ còn lại hai tuần trong khoảng thời gian ba tháng cha anh cho nghỉ để “xử lý cái đồng bốt mùi này cho xong.” Anh xách valy và cái máy đánh chữ lên, lê bước xuống cầu cảng, và bắt đầu tìm thuyền chở tới Portovenere. Nhưng người lái tàu đã nghe nhầm cái thứ tiếng Ý nhừa nhựa của anh.

Thế là hai tiếng đồng hồ sau, con thuyền đã đập vào một mũi đất lởm chởm trong một cái vịnh nhỏ tí, và nơi anh thấy là một thị trấn tầm thường, chỉ khoảng chục nóc nhà bám vào vách đá, bao xung quanh một địa điểm làm ăn buôn bã duy nhất nơi này: một khách sạn kiêm quán rượu nhỏ được đặt theo tên thánh Peter, một cái tên phổ biến ở vùng duyên hải này. Có một nhóm ngư dân đang ngồi vá lưới trong những con thuyền nhỏ, người chủ cái khách sạn trống rỗng ấy đang ngồi ở hàng hiên đọc báo và ngậm tẩu, còn cậu con trai xinh xắn mắt xanh đang ngồi mơ mộng trên một tảng đá bên cạnh. “Đây là nơi nào?” Alvis hỏi và người lái tàu trả lời: “Porto Vergogna.” Cảng ô danh. Đây chẳng phải chính là nơi anh cần tới đó sao? Thế là Alvis Bender không thể nghĩ ra được còn nơi nào tốt hơn dành cho mình nữa, anh liền đáp: “À, phải, dĩ nhiên rồi.”

Người chủ khách sạn, ông Carlo Tursi là một người hiền lành chu đáo đã chuyển từ Florence đến ngôi làng tí hon này sau khi hai đứa con trai lớn chết trận. Ông bác lấy làm vinh dự khi có một nhà văn Mỹ tới nghỉ tại pensione của mình, và ông hứa rằng đứa con trai ban ngày sẽ không làm ồn gì để cho Alvis làm việc. Và chính là tại căn phòng bé xíu sát mái ấy, Alvis Bender cuối cùng cũng đã lấy được cái máy đánh chữ hiệu Royal ra khỏi hộp. Anh đặt máy lên cái bàn để cạnh giường, phía dưới cửa chớp. Anh nhìn nó chăm chú rồi luồn một tờ giấy vào, quay cho nó vào máy. Anh đặt tay lên bàn phím, xoa xoa những phím chữ nhẵn thín, hơi nhô ra. Một giờ sau, anh trở xuống nhà tìm ít rượu và thấy Carlo đang ngồi ở hàng hiên.

“Cậu viết đến đâu rồi?” Carlo hỏi trịnh trọng.

“Thực ra, cháu đang gặp chút khó khăn,” Alvis thừa nhận.

“Ở đoạn nào?” Carlo hỏi.

“Đoạn mào đầu.”

Carlo ngẫm nghĩ rồi nói. “Có lẽ cậu nên bắt đầu viết đoạn cuối trước.”

Alvis lại nghĩ về cái bức tranh lộn ngược mà anh đã thấy gần Strettoia. Phải, dĩ nhiên rồi. Viết đoạn cuối trước. Anh bật cười.

Tưởng là anh chàng người Mỹ đang cười vào cái ý kiến của mình nên Carlo xin lỗi vì đã nói câu ‘stupido.’*

Không, không, Alvis nói, đó là một ý tưởng tuyệt hay. Anh cứ nói mãi và nghĩ mãi về quyển sách này đã lâu quá rồi – tới nỗi như thể nó đã tồn tại, như thể đã được viết ra, như thể nó ở ngay đó, lơ lửng trong không trung, và anh chỉ cần tìm một chỗ để hút ra là nó sẽ tuôn thành dòng vậy. Tại sao lại không bắt đầu từ đoạn kết? Anh chạy lại lên lầu và đánh ra những chữ sau: “Thế rồi mùa xuân đến và cùng với nó là đoạn kết cuộc chiến của tôi.”

* *ngu ngốc*

Alvis nhìn chăm chăm vào cái câu duy nhất đó, thật kỳ dị và rời rạc, thật hoàn hảo. Thế rồi anh lại gõ một câu nữa, rồi lại một câu nữa và chẳng bao lâu sau đã được một trang, thế là anh liền chạy xuống nhà làm một ly với “chàng thơ” của mình, ông bác đeo kính trang nghiêm Carlo Tursi. Cái ly rượu đó là phần thưởng và cũng là nhiệm vụ làm việc của anh: gõ một trang, uống một ly với Carlo. Sau hai tuần, anh đã có 12 trang. Anh ngạc nhiên phát hiện ra mình đang kể câu chuyện về một cô gái đã gặp lúc gần cuối cuộc chiến, một cô gái đã vượt ve thằng nhỏ của anh trong phút giây ngắn ngủi. Anh trước đó thậm chí còn không định viết ra câu chuyện đó trong sách – vì nó chẳng liên quan đến cái gì – nhưng rồi đột nhiên nó lại trở thành câu chuyện duy nhất đáng giá.

Ngày cuối cùng ở Porto Vergogna, Alvis đã cất vào hành lý được vài trang giấy cùng với cái máy đánh chữ Royal nho nhỏ. Rồi anh chào tạm biệt gia đình Tursi, hứa hẹn năm tới sẽ quay lại đây viết tiếp, sẽ ở lại ngôi làng

bé nhỏ này mỗi năm hai tuần cho đến khi nào viết xong quyển sách thì thôi, cho dù chuyện đó có tốn cả đời.

Sau đó anh nhờ một người ngư dân chở mình tới La Spezia rồi từ đó bắt xe buýt đi Licciana, quê của cô gái ấy. Anh nhìn qua cửa sổ xe buýt, mong tìm lại được nơi đã gặp cô, nơi nhà kho ấy, hàng cây ấy, nhưng mọi thứ giờ đã đổi khác và anh không thể nào xác định được vị trí của mình. Ngôi làng đó đã rộng lớn gấp đôi ngày xưa lúc chiến tranh, những tòa nhà đá cổ tồi tàn đã bị thay thế bằng những cấu trúc đá và gỗ chắc chắn. Alvis đi tới một quán bar và hỏi thăm người chủ quán về gia đình Maria. Người chủ quán biết gia đình cô. Ông ta ngày xưa từng học với anh trai Maria, Marco, người theo quân phát xít và khi bị bắt đã bị tra tấn, treo ngược người lên ngay tại quảng trường thị trấn và chảy máu như một con bò bị làm thịt. Ông ta không biết Maria giờ ra sao nhưng còn em gái cô Nina đã cưới một chàng trai địa phương và vẫn sống trong làng. Alvis hỏi thăm đường đến nhà Nina, một ngôi nhà đá một tầng trên một khoảng rừng trống phía dưới những bức tường đá cũ kỹ của ngôi làng, trong khu vực dân cư mới đang trải dài xuống đồi. Anh gõ cửa. Cánh cửa mở ra, kêu ken két rồi một phụ nữ tóc đen thò mặt ra khỏi cái cửa sổ sát cạnh đó và hỏi anh muốn gì.

Alvis giải thích rằng thời chiến anh có quen biết chị gái cô. “Anna?” người phụ nữ hỏi.

“Không, Maria,” Alvis trả lời.

“Ồ,” cô ta nói giọng buồn rầu. Một lát sau, cô ta mời anh vào trong phòng khách gọn ghẽ. “Maria đã kết hôn với một bác sĩ và chuyển tới sống ở Genoa rồi.”

Alvis hỏi liệu có thể cho anh địa chỉ của Maria được không?

Mặt Nina đanh lại. “Chị tôi không cần thêm một người bạn trai cũ từ thời chiến đến làm phiền nữa. Chị ấy cuối cùng cũng đã hạnh phúc. Sao anh còn muốn đến quấy nhiễu chị ấy?”

Alvis khăng khăng nói rằng anh không muốn gây rắc rối gì.

“Maria đã chịu đủ khổ sở thời chiến rồi. Hãy để yên cho chị ấy sống. Xin anh.” Rồi sau đó một đứa con của Nina gọi cô, thế là cô ta đi vào nhà bếp

xem có chuyện gì không.

Trong phòng khách có một chiếc điện thoại, và giống như rất nhiều người gần đây mới sắm điện thoại, em gái của Maria để nó ở một nơi dễ thấy trên một cái bàn trang trí đầy những bức tượng thánh. Một quyển sổ danh bạ kê dưới chiếc điện thoại.

Alvis với tay tới lấy quyển sổ, lật đến vần M và ở đó chính là tên của Maria. Không có họ. Không số điện thoại. Chỉ là tên một con phố ở Genoa. Alvis nhẩm trong đầu cái địa chỉ rồi gấp sổ lại, sau đó cảm ơn Nina đã dành thời gian tiếp anh rồi ra về.

Buổi trưa hôm đó, anh bắt tàu lửa đến Genoa.

Cái địa chỉ đó hóa ra lại ở gần cảng. Alvis lo lắng mình đã nhớ sai địa chỉ vì chỗ anh tới đây không có vẻ gì giống với nơi ở của một bác sĩ và vợ cả.

Các ngôi nhà xây bằng gạch và đá, nhà này chõng lên nhà khác sát rạt nhau kéo dài xuống tận cảng trông cứ như một thang âm trải dài những nốt nhạc. Ở tầng trệt đầy những quán ăn và quán rượu rẻ tiền phục vụ cho đám ngư dân còn phía trên là những căn hộ tồi tàn và những khách sạn sơ sài. Số đường nhà Maria dẫn đến một quán rượu, một khu ổ chuột mục nát với những cái bàn xiên xẹo và một tấm thảm cũ rách tả tơi. Một tay phục vụ gầy gò đang ngồi sau quầy rượu, vui vẻ phục vụ mấy người ngư dân đang đội những cái mũ lụp xụp cúi đầu xuống những cốc rượu sứt mẻ màu hổ phách.

Alvis xin lỗi, bảo chắc anh đã đến nhầm nhà. “Tôi đang tìm một người phụ nữ...” anh nói.

Tay phục vụ gầy gò còn không đợi anh nói ra cái tên đã chỉ tay ngay ra chỗ cầu thang phía sau quầy rượu rồi chìa tay ra.

“À.” Giờ thì biết đích xác mình ở đâu rồi, Alvis liền trả tiền cho anh ta. Vừa leo cầu thang, anh vừa cầu cho có sự nhầm lẫn gì đó, rằng anh sẽ không tìm thấy cô ở đây. Ở đầu cầu thang là một hành lang thông với một căn phòng bên trong đặt một chiếc xô pha dài và hai cái ghế dựa. Có ba người phụ nữ mặc đồ ngủ đang ngồi trên ghế nói chuyện xì xầm với nhau. Hai trong ba cô còn trẻ, mới chỉ là hai thiếu nữ, mặc bộ đồ ngủ ngắn còn đang ngồi đọc tạp chí. Anh trông không có cô nào quen cả.

Trên chiếc ghế còn lại, chiếc áo choàng lụa bạc màu phủ ra ngoài áo ngủ, đang phì phèo nốt điều thuốc chính là Maria.

“Chào cô,” Alvis cất lời.

Maria thậm chí còn không thèm ngẩng lên.

Một trong mấy cô gái trẻ hơn nói bằng tiếng Anh: “người Mỹ, nhỉ? Anh thích em chứ, người Mỹ?”

Alvis tảng lờ cô gái trẻ. “Maria,” anh gọi khẽ.

Cô vẫn không nhìn lên.

“Maria?”

Cuối cùng, cô cũng ngược lên. Trông cô phải già hơn đến hai mươi tuổi chứ không phải mười nữa. Tay đã ngắn mỡ, mắt và miệng đã rõ nếp nhăn.

“Maria là ai?” cô hỏi bằng tiếng Anh.

Một trong mấy cô còn lại bật cười. “Thôi đừng gheo anh ta nữa. Không thì nhường anh ta cho tôi đi.”

Với cái giọng không có chút nào là nhận ra anh, Maria ngã giá với Alvis bằng tiếng Anh với đủ các mức giờ khác nhau. Phía trên chỗ cô ngồi là một bức tranh vẽ hoa diên vĩ xấu xí. Alvis cố kiềm cái mong muốn lật ngược bức tranh lại. Anh mua nửa giờ.

Không còn lạ gì những nơi như thế này, anh trả trước cho Maria nửa số tiền, cô gấp lại và mang xuống nhà cho tay phục vụ chỗ quầy rượu. Sau đó Alvis theo cô đi dọc hành lang đến một căn phòng nhỏ. Bên trong phòng chẳng có gì khác ngoài một chiếc giường đã dọn sẵn, một tủ đầu giường, một giá treo áo khoác, một cái gương mờ trầy xước, một cửa sổ ngó ra cảng và con phố phía dưới. Cô ngồi xuống giường, lò xo cọt kẹt, và bắt đầu cởi bỏ xống áo.

“Em không nhớ ra tôi sao?” Alvis hỏi bằng tiếng Ý.

Cô gái ngừng cởi quần áo, chỉ ngồi trên giường không nhúc nhích, đôi mắt không tỏ vẻ gì là nhận ra anh.

Alvis chậm chậm kể lại bằng tiếng Ý rằng thời chiến anh đã đóng quân ở Ý như thế nào, anh đã gặp cô trên một con đường bỏ hoang và đưa cô về nhà ra sao, rồi là cái ngày anh gặp cô đó là lúc anh không còn thiết sống chết

gì nữa, nhưng sau khi gặp cô thì anh đã tỉnh trí lại. Anh nói rằng lúc đó cô đã động viên anh sau cuộc chiến sẽ viết một quyển sách, coi việc viết lách là nghiêm túc, nhưng sau đó anh đã trở về Mỹ (“Có nhớ ra không – Wisconsin ấy?”) và say xỉn suốt thập kỷ vừa rồi. BẠN thân của anh đã chết trong cuộc chiến, để lại một người vợ và một đứa con trai. Alvis chẳng có ai thế là anh về nhà và lãng phí hết những năm tháng đó.

Cô ta kiên nhẫn lắng nghe rồi sau đó hỏi anh có muốn làm tình không.

Anh bảo cô rằng anh đã đến Licciana để tìm cô, anh thấy trong mắt cô hiện lên điều gì đó là lạ khi anh nhắc đến ngôi làng – nhục nhã chẳng – bởi vì anh đã từng rất xấu hổ trước những gì cô làm cho anh hôm đó: không phải chuyện vuốt ve bằng tay, mà là cái cách cô an ủi anh sau đó, ôm khuôn mặt đầm nước mắt của anh giữa bầu ngực xinh đẹp của mình. Anh nói, đó là điều tốt đẹp nhất mà người khác từng làm cho anh.

“Tôi rất tiếc em lại phải sống như thế này,” Alvis nói.

“Như thế này?” Cô phá lên cười khiến Alvis giật mình. “Tôi lúc nào mà chẳng như thế này.” Cô huơ huơ tay khắp căn phòng vào nói bằng thứ tiếng Ý vô duyên. “Anh bạn, tôi không biết anh là ai. Và tôi cũng chẳng biết đến cái ngôi làng anh nói tới. Tôi trước giờ chỉ sống ở Genoa. Lâu lâu tôi cũng tiếp mấy người giống anh, mấy cậu trai Mỹ từng làm lính và làm tình với một cô gái trông giống tôi. Cũng tốt thôi.” Cô nhìn rất kiên nhẫn nhưng không mấy để ý đến câu chuyện của anh. “Nhưng mà rồi anh định làm gì, giải cứu cô Maria này à? Đưa cô ta đến Mỹ à?”

Alvis không nghĩ ra được gì để mà nói lại. Không, dĩ nhiên anh không định đưa cô về lại Mỹ. Vậy anh định làm gì? Anh đến đây làm gì?

“Anh làm cho tôi vui khi chọn tôi chứ không phải mấy cô gái trẻ ấy,” cô gái điếm nói, rồi cô đưa tay ra sờ rầm thắt lưng anh. “Nhưng xin anh. Đừng có gọi tôi là Maria nữa.”

Khi đôi tay cô thành thạo tháo thắt lưng của anh ra, Alvis nhìn chăm chăm vào khuôn mặt người phụ nữ. Phải là cô ấy chứ, đúng không? Vậy mà giờ, đột nhiên anh không còn chắc nữa. Đúng là cô gái này trông già hơn Maria quá nhiều. Còn những lớp thịt ngấn mỡ mà anh tưởng là do tuổi tác

ấy – có khi nào là một cô gái khác không? Có lẽ nào anh đang đứng thú nhận tất cả trước mặt một cô điếm vô danh?

Anh nhìn đôi bàn tay mập mạp đang gỡ nút quần mình ra. Anh như tê liệt nhưng vẫn cố gắng bước lùi ra phía sau. Anh cài nút quần và nịt lại thắt lưng.

“Anh thích mấy cô gái trẻ hơn à?” cô điếm hỏi. “Để tôi gọi một cô, nhưng anh vẫn phải trả tiền cho tôi đấy.”

Alvis rút ví ra, tay anh run run lấy ra số tiền gấp năm mươi lần số tiền cô đã đòi. Anh đặt tiền lên giường rồi nói khẽ: “Tôi xin lỗi đã không chỉ đưa cô về nhà tối hôm đó.”

Cô ta chỉ nhìn chăm chăm vào số tiền. Thế rồi Alvis Bender bước ra ngoài, anh có cảm tưởng như thể toàn bộ chút hy vọng cuối cùng của cuộc đời đã rỉ hết ra trong căn phòng đó. Ở phía ngoài, mấy cô điếm khác vẫn đang ngồi đọc tạp chí, họ thậm chí còn không thèm ngẩng lên lúc anh đi qua. Xuống đến dưới nhà, anh lách người đi qua tay phục vụ gầy gò đang cười nhả nhổ, và đến lúc anh bỏ chạy được ra ngoài thì Alvis thấy khát cháy cổ. Anh vội vã băng sang phía bên kia đường, tới một quán rượu khác, mà tâm trạng không biết mừng hay vui. Đâu đâu cũng có quán rượu. Thật nhẹ cả người khi biết anh sẽ không bao giờ nốc cạn được mọi quán rượu trên thế giới. Anh có thể đến Ý mỗi năm một lần để viết tiếp quyển sách của mình và cho dù có phải mất cả đời mới viết xong và có phải uống rượu đến chết thì cũng chẳng sao. Giờ thì anh biết quyển sách của mình sẽ ra sao: một thứ đồ cổ, dang dở và méo mó, một mảnh vỡ của thứ gì đó lớn lao hơn. Và nếu như khoảnh khắc anh ở cùng Maria là vô nghĩa, một cuộc gặp gỡ tình cờ, một khoảnh khắc lướt qua nhanh chóng, kể cả là với một cô điếm vô danh – thì cũng cứ chấp nhận vậy đi.

Trên phố, một chiếc xe tải chạy vòng qua, giật anh ra khỏi dòng suy tư của mình, đủ lâu để anh ngoảnh đầu nhìn lên cái nhà thổ vừa bỏ đi. Nơi đó, Maria đang đứng bên cửa sổ tầng hai – hay ít nhất anh cũng tự bảo mình đó là cô – dựa vào cửa kính nhìn theo anh, áo choàng mở hé, những ngón tay

mân mê giữa vùng ngực năm nào anh đã úp mặt vào mà nước nở. Cô nhìn anh thêm một chút nữa rồi đi xa khỏi cửa sổ và biến mất.

Sau đợt viết khỏe đó, quyển tiểu thuyết của Alvis vẫn chẳng thêm được trang nào mỗi lần anh đến Ý, mà thay vào đó, anh chỉ lượn lờ ở Rome, Milan hay Venice một vài tuần, nốc rượu và tán gái rồi lại đến ở vài ngày ở cái vùng quê yên tĩnh Porto Vergogna. Anh chỉnh sửa lại chương đầu tiên, viết lại nó, sắp đặt lại tình tiết, bỏ chữ này, thêm câu nọ – nhưng quyển sách vẫn chưa thành hình. Tuy thế, nó luôn luôn giúp anh hồi tâm lại mỗi khi đọc và sửa chữa nhẹ nhàng cái chương duy nhất và hay ho này và mỗi khi gặp lại ông bạn già Carlo Turis cùng bà vợ Antonia và cậu bé con mắt xanh biếc Pasquale của họ. Nhưng giờ đây – khi hay tin cả Carlo và Antonia đều đã qua đời như thế này, khi nhìn thấy Pasquale đã thành một người đàn ông... Alvis không biết phải nghĩ gì nữa. Ông đã nghe nói chuyện những cặp vợ chồng mà người này mất thì người kia một thời gian ngắn sau cũng mất theo như thế này, khi người ở lại không chịu nổi sự đau buồn nữa. Nhưng điều đó vẫn thật khó chấp nhận vì chỉ mới năm ngoái thôi cả Carlo và Antonia đều vẫn còn khỏe mạnh. Ấy thế mà giờ họ đã thiên cổ rồi sao?

“Hai bác mất lúc nào?” ông hỏi Pasquale.

“Cha cháu qua đời hồi đợt mùa xuân, còn mẹ qua đời mới cách đây ba đêm,” Pasquale trả lời. “Mai là lễ tang của bà.”

Alvis ráng nhớ lại khuôn mặt Pasquale. Mấy mùa xuân trước mỗi khi Alvis đến thì cậu bé đều đã đi học xa nhà. Ông không tin nổi bé Pasquale giờ đã lớn thành... cậu thanh niên này. Cho dù đang đau buồn nhưng ở Pasquale vẫn toát lên sự bình tĩnh đến lạ như hồi còn nhỏ, đôi mắt xanh biếc nhìn đời một cách bao dung ấy vẫn không thay đổi. Hai người họ ngồi ngoài hàng hiên trong buổi sáng lành lạnh, hành lý và cái máy đánh chữ di động của Alvis Bender đang đặt dưới chân, chỗ Pasquale ngồi lúc nãy. “Tôi rất tiếc, Pasquale,” ông nói. “Tôi có thể đến ở một khách sạn khác ở khu ven biển phía trên nếu cậu muốn ở một mình.”

Pasquale ngược lên nhìn ông. Cho dù Alvis thường nói tiếng Ý khá rõ thì cũng phải một thoáng cậu mới hiểu ra, như thể đang nghe tiếng nước ngoài

vậy. “Không. Chú cứ ở lại đi.” Cậu rót cho mỗi người một ly rượu nữa và đẩy cái ly về phía Alvis.

“*Grazie **,” Alvis nói.

* *Cám ơn*

Họ uống rượu trong yên lặng, Pasquale cứ dán mắt vào cái bàn.

“Chuyện này cũng hay xảy ra với hai vợ chồng. Người này qua đời thì không lâu sau người kia cũng mất theo,” Alvis nói, Pasquale luôn thấy sự hiểu biết của người đàn ông này đôi khi rộng đến bất thường. “Thường là qua đời vì...” Ông cố nghĩ từ tiếng Ý để chỉ đau buồn. “*Dolore.*”

“Không đâu.” Pasquale chậm chậm ngược lên lần nữa. “Dì cháu đã giết bà.”

Alvis không biết mình có nghe nhầm không.

“Dì cậu?”

“Đúng vậy.”

“Sao bà ấy lại làm vậy hả Pasquale?” Alvis hỏi.

Pasquale xoa xoa mặt. “Vì mẹ muốn cháu kết hôn với cô diễn viên người Mỹ.”

Alvis tưởng Pasquale đã mất trí vì đau buồn. “Diễn viên nào cơ?”

Pasquale lờ mờ chìa ra tấm hình của Dee Moray. Alvis lấy từ trong túi ra cặp mắt kính để coi cho rõ, rồi ông ngược lên, hỏi thẳng: “Mẹ cậu muốn cậu cưới Elizabeth Taylor?”

“Không, người kia cơ,” Pasquale đổi sang nói tiếng Anh như thể những điều này phải nói bằng tiếng Anh người ta mới tin được. “Cô ấy ở khách sạn, ba ngày vì cô ấy đến nhầm.” Cậu nhún vai.

Trong tám năm trời đến ở khách sạn này, ông chỉ mới thấy có ba người khách khác, hiển nhiên không có ai người Mỹ, không diễn viên xinh đẹp nào, không bạn của Elizabeth Taylor nào cả. “Cô ấy đẹp đấy,” Alvis nói. “Pasquale, thế dì Valeria của cậu đâu rồi?”

“Cháu không biết. Dì ấy bỏ lên chỗ mấy quả đồi rồi.” Pasquale lại rót đầy hai ly rượu. Cậu ngẩng lên nhìn người bạn cũ của gia đình, nhìn những

đường nét góc cạnh và hàng ria mép mỏng của ông ấy, người đang cầm cái mũ phớt tự quạt mát cho mình. “Chú Alvis,” Pasquale nói, “chúng ta không nói chuyện nữa có được không?”

“Được chứ, Pasquale,” Alvis nói. Bọn họ ngồi uống rượu trong im lặng. Và trong sự lặng im đó, hai người đàn ông đều nhìn ra biển, nhìn những con sóng đập vào vách đá bên dưới và một màn sương đầm hương vị biển cả nhẹ tung lên không trung.

“Cô ấy đã đọc sách của chú,” Pasquale nói sau một hồi im lặng.

Alvis nghiêng đầu sang một bên, tự hỏi không biết mình có nghe nhầm không. “Cậu vừa nói gì cơ?”

“Dee. Cô người Mỹ ấy.” Cậu chỉ tay vào cô gái tóc vàng trong tấm ảnh. “Cô ấy đã đọc quyển sách của chú. Cô ấy nói nó buồn nhưng cũng rất hay. Cô rất thích.”

“Thật không?” Alvis hỏi bằng tiếng Anh, “Thế tôi phát ngất mất.” Chỉ thế thôi rồi mọi thứ lại rơi vào lặng im ngoại trừ tiếng sóng biển vỗ vào bờ đá, lạo xạo như tiếng ai đó xáo bộ bài. Mãi một lúc Alvis Bender mới hỏi bằng tiếng Ý: “Thế cô ấy còn nói gì... khác không?”

Pasquale bảo cậu không hiểu ý Alvis là gì.

“Về chương truyện của tôi ấy, cô diễn viên có nói gì nữa không?” Pasquale bảo cậu không nhớ là cô còn nói gì nữa không.

Alvis uống nốt chỗ rượu và nói ông sẽ đi lên phòng, Pasquale hỏi liệu Alvis có thể ở phòng trên tầng hai được không. Cô diễn viên đã ở trong phòng cũ của ông trên tầng ba và cậu vẫn chưa dọn phòng kịp. Pasquale hơi ngại khi phải nói dối nhưng cậu vẫn chưa sẵn sàng để một người khác ở trong căn phòng đó, kể cả là Alvis đi nữa.

“Không sao,” Alvis nói rồi đi lên lầu cất đồ, vẫn đang mỉm cười với ý nghĩ là một cô gái xinh đẹp đã đọc tác phẩm của mình.

Và thế là chỉ còn lại Pasquale ngồi lại bàn một mình. Bỗng đâu cậu nghe tiếng động cơ âm âm của một con thuyền lớn và ngẩng lên vừa kịp lúc thấy một con tàu cao tốc lẹ lăm vòng qua để chặn sóng lao vào cái vịnh nhỏ xíu của Porto Vergogna. Viên lái tàu chạy quá nhanh vào vịnh, thế là con thuyền

rống lên giận dữ và đập sóng nước tung tóe. Có ba người đàn ông trên thuyền, và khi con tàu rống lên vào cầu cảng cậu có thể nhìn rõ họ: một người đàn ông đội mũ đen lái tàu, đằng sau ông ta, ngồi cùng với nhau ở phía sau tàu là con răn độc Michael Deane và Richard Burton say xỉn.

Pasquale vẫn ngồi bất động. Viên lái tàu đội mũ đen cột tàu vào cái cọc gỗ rồi sau đó Michael Deane và Richard Burton leo lên cầu tàu và bước lên con đường hẹp đi lên khách sạn.

Richard Burton dường như đã tỉnh táo lại, và đang mặc một bộ đồ không chē vào đâu được, một chiếc áo vét dạ với cổ tay áo sơ mi lòi ra khỏi áo khoác, không thắt cà vạt.

“Bạn cũ của tôi đây rồi,” Richard Burton gọi lên chỗ Pasquale khi ông ta leo lên đường vào làng. “Dee có quay về đây không, anh bạn?”

Michael Deane bước sau Burton vài bước, nhìn ngó xung quanh.

Pasquale quay lưng về phía sau, cố gắng nhìn cái làng co cụm buồn bã của cha mình qua con mắt của người Mỹ. Những ngôi nhà trát vữa chắc trông cũng mệt mỏi giống như cậu – như thể sau ba trăm năm đứng đó, đã đến lúc chúng không còn bám được vào vách đá nữa và đổ nhào xuống biển.

“Không,” Pasquale đáp. Cậu vẫn ngồi nguyên còn hai người đàn ông đã đi đến chỗ hàng hiên, Pasquale trừng mắt nhìn Michael Deane khiến anh này hơi lùi về sau.

“Vậy là cậu không gặp Dee à?” Michael Deane hỏi.

“Không,” Pasquale lặp lại.

“Thấy chưa, tôi đã bảo anh rồi,” Michael Deane nói với Richard Burton. “Giờ chúng ta hãy đến Rome thôi, cô ấy sẽ xuất hiện ở đó. Hoặc cô ấy đã đến Thụy Sĩ không chừng.”

Richard Burton luồn tay vuốt tóc, rồi quay người lại và chỉ vào chai rượu vang để trên bàn. “Tôi uống được không, anh bạn?”

Phía sau ông ta, Michael Deane đang tỏ ra ngại ngùng, nhưng Richard cứ mặc kệ mà tóm lấy chai rượu, lắc lắc nó và giơ lên cho Deane thấy chai rượu đã cạn sạch. “Vô nhân đạo thế chứ,” ông ta nói và quẹt quẹt miệng như thể đang chết khát.

“Trong kia nhiều rượu hơn,” Pasquale bảo, “trong bếp ấy.”

“Cậu thật tử tế quá, Pat ạ,” Richard Burton vừa nói vừa vỗ vỗ vai Pasquale rồi đi vào trong khách sạn.

Khi ông ta đã đi rồi, Michael Deane mới lê chân đến và húng hắng nói. “Dick tưởng là cô ấy đã quay lại đây.”

“Các ông để lạc cô ấy sao?” Pasquale hỏi.

“Cũng là một cách nói.” Michael Deane nhăn mặt lại như thể đang nghĩ xem có nên nói tiếp hay không. “Đáng lý ra là cô ấy đến Thụy Sĩ, nhưng hình như là cô ấy đã không lên tàu.” Michael Deane day day một bên thái dương. “Nếu như cô ấy có về lại đây, cậu có thể liên lạc với tôi được không?”

Pasquale không nói gì.

“Nghe này,” Michael Deane nói tiếp. “Toàn bộ chuyện này rất phức tạp. Cậu mới chỉ thấy được câu chuyện từ phía cô gái ấy thôi, và tôi thừa nhận thế này là làm khó cho cô ấy. Nhưng còn nhiều người khác liên can nữa, còn trách nhiệm với người này người kia, nhiều điều phải tính đến. Hôn nhân, sự nghiệp... không đơn giản đâu.”

Pasquale giật mình, cậu nhớ lại mình cũng đã nói điều tương tự với Dee Moray về mối quan hệ của mình với Amedea: không đơn giản đâu.

Michael Deane hắng giọng. “Tôi không đến đây để tự bào chữa cho mình. Tôi đến đây để nhờ cậu chuyển lời đến Dee nếu cậu có gặp cô ấy. Nói là tôi biết cô ấy giận dữ. Nhưng tôi cũng biết đích xác cô ấy muốn gì. Cậu nói với cô ấy thế. Michael Deane biết cô cần gì. Và tôi là người có thể giúp cô ấy đạt được điều đó.” Anh ta thò tay vào túi lấy ra một chiếc phong bì khác đưa cho Pasquale. “Có một cụm từ tiếng Ý mà mấy tuần nay tôi thích thú: *con molta discrezione*.”

Hết sức kín đáo. Pasquale xua xua món tiền đi như xua một con ong bắp cày.

Michael Deane đặt chiếc phong bì lên bàn. “Chỉ cần nói cô ấy liên lạc với tôi nếu cô ấy có về lại đây, *capisce* *?” Rồi sau đó Richard Burton xuất hiện ở cửa. “Cậu nói rượu để ở đâu nhỉ, thuyền trưởng?”

* *Hiểu chứ?*

Pasquale chỉ cho ông ta chỗ tìm rượu và thế là Richard Burton lại đi vào trong.

Michael Deane mỉm cười. “Mấy diễn viên giỏi đôi khi hơi... khó chiều.”

“Ông ta có giỏi không?” Pasquale hỏi, vẫn không ngược lên.

“Người giỏi nhất mà tôi biết.”

Vừa mới nhắc đến đã lại thấy Richard Burton xuất hiện với một chai rượu vang không nhãn mác. “Ờ, được rồi đây. Nhớ trả tiền rượu cho cậu bé đấy Deane.”

Michael Deane đặt thêm tiền lên bàn, gấp đôi giá chai rượu.

Nghe thấy tiếng huyền não, Alvis Bender tính ra ngoài khách sạn coi sao, nhưng vừa ra đến cửa ông đã bị chặn lại và chỉ biết đứng chết lặng đi ở đó mà nhìn Richard Burton đang cầm một chai rượu giơ lên chúc tụng ông ta. “*Cin cin, amico **,” Richard Burton nói cứ như thể Alvis là một anh chàng người Ý khác vậy. Ông ta cầm chai rượu tu một hơi dài và quay về phía Michael Deane. “Ờ, Deane... tôi cho là chúng ta còn phải đi chinh phục vài nơi khác nữa đấy,” rồi ông ta cúi người chào Pasquale: “Ngài nhạc trưởng, ở đây ngài có dàn nhạc dễ thương lắm. Đừng thay đổi gì hết nhé.” Và cùng với câu đó, ông ta bắt đầu đi xuống biển về lại con tàu.

* *Cạn ly nào, người anh em*

Michael Deane đưa tay vào túi áo ngực, rút ra một tấm danh thiếp và một cây bút. “Còn cái này là...” – anh ta ký mặt sau của tấm thiếp thật kiểu cách và để nó lên bàn phía trước Pasquale, cứ như thể đang làm trò ảo thuật – “... cho cậu, cậu Tursi ạ. Biết đâu một ngày nào đó tôi lại giúp được cậu điều gì... hết sức kín đáo,” anh ta lại dùng cụm từ đó nữa. Thế rồi Michael Deane gật đầu nghiêm nghị và quay lưng đi theo Richard Burton xuống những bậc thang.

Pasquale cầm tấm danh thiếp có chữ ký lên, lật nó lại. Tấm danh thiếp đề: Michael Deane, Quan hệ công chúng, Hãng phim 20th Century Fox.

Trên lối đi vào khách sạn, Alvis Bender đứng yên như phỗng, há hốc miệng ra nhìn chăm chăm hai người đàn ông đang đi ra phía bờ biển.

“Pasquale?” mãi rồi ông ta mới nói được. “Đó chính là Richard Burton à?”

“Phải,” Pasquale thở hắt ra. Và đó rất có thể là đoạn kết cho tất cả mọi thứ dính líu đến mấy người làm điện ảnh Mỹ nếu như không phải bà dì Valeria của cậu chọn đúng lúc đó để xuất hiện, lão đảo bước ra từ phía sau cái nhà thờ bỏ hoang cứ như ma nữ hiện hình. Phát điên lên vì đau khổ, tội lỗi và một đêm lang thang ngoài trời, đôi mắt bà ta giờ trống rỗng, mớ tóc xám xõa tung khỏi đầu như mớ dây kềm, quần áo bẩn thỉu, khuôn mặt đối ăn nhoe nhoét nước mắt xám xịt. “*Diavolo!*”*

* *Lũ ác quỷ.*

Bà ta đi ngang qua khách sạn, ngang qua Alvis Bender, ngang qua cả đứa cháu trai, đi tận xuống chỗ hai người đàn ông đang tiến ra biển. Lũ mèò hoang chạy toán loạn. Richard Burton đã đi tuốt phía trước nhưng bà già đã tập tễnh bước được gần về phía Michael Deane, mắng nhiếc anh ta bằng tiếng Ý. Ác quỷ, quân giết người, đồ sát nhân: “*Omicida!*” bà rít lên. “*Assassino cruento!*”

Đang cầm chai rượu tiến gần đến thuyền rồi, Richard Burton liền quay lại. “Tôi đã bảo cậu trả tiền rượu rồi cơ mà, Deane!”

Michael Deane ngừng lại và xoay người, giơ hai tay lên vừa tỏ vẻ xin lỗi vừa tỏ ra cái sự hấp dẫn thường ngày của mình, nhưng mụ phù thủy già vẫn xông tới. Bà ta giơ một ngón tay nổi cục lên, chĩa vào anh ta và đóng lên anh ta một lời kết tội, một lời nguyên khủng khiếp vang vọng tới những vách đá: “*Io ti maledico a morire lentamente, tormentato dalla tua anima miserabile!*”

Ta nguyên rủa nhà ngươi sẽ chết dần chết mòn, bị dày xéo bởi linh hồn đáng kiếp của nhà ngươi!

“Chết tiệt thật, Deane,” Richard Burton la lên. “Phản thôi!”

CHƯƠNG BỊ BỎ TRONG HỒI KÝ MICHAEL DEANE

2006

Los Angeles, California

DIỄN.

Bây giờ phải bắt đầu từ đâu? Thôi thì từ lúc chào đời vậy, người đàn ông tự nhủ.

Được thôi. Tôi chào đời là đứa thứ tư trong sáu đứa con của bà vợ ông luật sư khôn khéo trong thành phố của các thiên thần năm 1939. Nhưng tôi chỉ thực sự được SINH RA vào mùa xuân năm 1962.

Đó là khi tôi khám phá ra được mục đích đời mình.

Còn trước đó, cuộc sống của tôi thường thường như bao nhiêu người khác. Hàng ngày đơn điệu với những bữa ăn tối cùng gia đình, những buổi học bơi, quần vợt, nghỉ hè với anh chị ở Florida, sờ soạng mấy em gái dễ dãi phía sau trường học và trong rạp chiếu phim.

Tôi có phải đứa sáng dạ nhất không? Không. Đẹp trai nhất? Cũng không nốt. Tôi là thứ mà người ta gọi tên Rắc rối. Chữ R viết hoa đấy. Mấy thằng con trai ghen ăn tức ở thường xuyên cho tôi ăn vài cú đấm và tụi con gái cho mấy cái bạt tai. Trường học nhỡ tôi ra như nhỡ toẹt một con hào thiêu thối.

Với cha, tôi là thằng Phán phúc, phản bội lại tên tuổi và những kế hoạch ông dành cho tôi như Du học, Trường luật, Thực tập tại công ty CHA, Nổi gót CHA cũng như Cuộc đời CHA. Nhưng thay vào đó tôi lại sống theo kiểu của tôi là học Đại học Pomona hai năm, chuyên ngành nghiên cứu đám đàn

bà con gái và bỏ học năm 1960 để đi làm diễn viên. Nhưng nước da xấu xí đã giết chết kế hoạch đó nên tôi quyết định tìm hiểu cái giới này từ trong nội tại của nó, chui từ dưới gốc lên. Một công việc ngành quan hệ công chúng tại Hãng phim 20th Century Fox.

Chúng tôi làm việc trong một nhà kho để xe cũ gần sát mấy cái xe tải đầy dầu mỡ. Buôn chuyện điện thoại cả ngày với cánh phóng viên và đám nhà báo lá cải. Chúng tôi cố gắng đưa mấy chuyện hay ho lên báo chí còn mấy cái xấu xa thì giấu biệt. Buổi tối tôi dự những buổi công chiếu, tiệc tùng và chiêu đãi. Tôi có thích không ư? Ai mà lại không thích? Mỗi đêm lại có một cô ngả đầu lên tay. Mặt trời, thoát y, tình dục? Đòi thật náo động làm sao!

Sếp tôi là một tay người miền trung tây béo mập tai to tên Dooley. Hắn ta suốt ngày dòm ngó tôi vì tôi là loại tươi mới và là mối đe dọa đối với hắn. Nhưng một sáng nọ không thấy Dooley xuất hiện ở văn phòng. Và tôi nhận được một cuộc gọi điên khùng. Rồi một gã sành sỏi nào đó đứng chực chờ ở ngay tại cổng hãng phim, tay cầm theo mấy bức hình hay ho. Một diễn viên phim cao bồi nổi tiếng tại một bữa tiệc. Một trong những ngôi sao đang lên của chúng tôi. Nhưng có một điều ít nổi tiếng hơn về diễn viên này đó là anh chàng cũng là một tay hai thì xằng pha nhót thứ thiệt. Còn những tấm ảnh này chụp lại cảnh anh ta đang thổi kèn cho một anh chàng khác. Một màn diễn xuất sinh động nhất mà chàng diễn viên từng thủ vai.

Ngày hôm sau Dooley sẽ đi làm lại. Nhưng chuyện này không chờ được. Đầu tiên tôi tìm đến một tay nhà báo lá cải còn đang nợ ơn tôi và bảo hắn gieo tin đồn là anh chàng diễn viên cao bồi đã hứa hôn với một diễn viên nữ trẻ. Một cô đào hạng hai mới nổi. Làm sao tôi chắc cô ta sẽ nghe theo? Đó là cô gái tôi đã từng dính vào vài lần. Việc để tên cô ta gắn với một ngôi sao lớn là cách nhanh nhất để nổi tiếng trên báo lá cải. Dĩ nhiên là cô ta đồng ý. Trong cái thành phố này ai cũng muốn ngoi lên cả. Thế rồi tôi đi tà tà ra cổng, tà tà thuê thẳng cha phó nháy đó vào chụp ảnh quảng cáo cho hãng phim. Rồi tôi tự tay đốt mấy tấm ảnh trắng đen cảnh anh chàng cao bồi cười ngửa đó.

Tôi nhận được cuộc gọi là lúc trưa. Đến năm giờ chiều đã lo liệu đâu vào đấy. Nhưng ngày hôm sau Dooley giận điên lên. Sao thế? Bởi vì Skouras đã gọi điện đến. Ông chủ hãng phim muốn gặp chính tôi mà không phải sếp tôi.

Dooley dặn dò tôi cả giờ đồng hồ. Đừng nhìn thẳng vào mắt Skouras. Đừng dùng mấy lời bóng bẩy. Và dù cho có làm gì cũng ĐỪNG BAO GIỜ bất đồng với người đàn ông đó.

Được thôi. Tôi đợi bên ngoài văn phòng Skouras cả tiếng đồng hồ mới được tiếp. Khi tôi bước vào, ông ta đang gác chân ngồi trên chỗ góc bàn và khoác một bộ vét đĩnh đạc như một ông chủ nhà tang lễ, dáng mập mạp đeo kính đen và tóc tai bóng mượt. Ông ta chỉ tay bảo tôi ngồi và mời uống Coca-cola. “Cám ơn ông,” tôi đáp. Rồi lão già Hy Lạp chết tiệt nhăn nhó này mở chai nước ngọt, rót một phần ba chai vào cốc và đưa tôi. Ông ta giữ phần Coca còn lại như thể tôi chưa xứng đáng được uống nốt chỗ đó. Ông ta vẫn ngồi ở góc bàn, nhìn tôi nhấp Coca và hỏi tôi đủ thứ như què quán, mong muốn được làm gì, thích bộ phim nào... nhưng tuyệt nhiên không đã động gì tới chuyện chàng diễn viên cao bồi kia. Vậy sếp lớn của hãng phim đang muốn gì ở Deane đây?

“Michael. Nói tôi nghe. Cậu có biết gì về phim Cleopatra không?”

Một câu hỏi ngu ngốc. Ai trong cái thành phố này lại không biết tường tận cái phim đó, chủ yếu là về việc nó đang ăn sống nuốt tươi Fox như thế nào. Cái ý tưởng làm phim đã thai nghén 20 năm rồi mới được Walter Wanger phát triển sản xuất năm 58. Nhưng rồi sau đó Wanger bắt quả tang vợ mình đang tăng tịu với gã đại diện của ả và ông ta bắn trúng ngay bi gã đó. Và thế là Rouben Mamoulian lên tiếp quản Cleo. Lên ngân sách hai triệu cho bộ phim với nữ diễn viên chính là Joan Collins. Cô nàng này cũng thuộc loại khùng khùng dở dở không khác gì diễn hài. Thế là hãng phim loại cô ta ra và chạy theo Liz Taylor, cô đào nổi danh nhất thế giới nhưng cũng đang lao đao vì tai tiếng sau khi cướp Eddie Fisher khỏi tay cô vợ là Debbie Reynolds. Chưa đầy tuổi băm mà có đến những bốn đời chồng. Trong giai đoạn nghề nghiệp chông chênh như thế mà cô nàng còn đòi gì? Một triệu đô

và 10% lợi nhuận từ Cleopatra. Chưa có ai từng được cát xê nửa triệu một phim vậy mà bà cô này còn đòi hẳn một triệu?

Nhưng hãng phim đang tuyệt vọng và Skouras đã gật đầu.

Thế là đến 1960, Mamoulian dẫn 40 người đến Anh để khởi quay Cleo. Địa ngục ngay tắc lự. Vận hạn xui xẻo thi nhau ập đến. Thời tiết xấu. Phong nền thì đổ lên đổ xuống. Mamoulian không quay được một cảnh nào. Liz ốm. Đủ thứ bệnh nào là cảm cúm tới áp xe răng rồi viêm phổi và viêm màng não cầu khuẩn.

Nữ tài tử đó phải mổ khí quản và suýt chết trên bàn mổ. Dàn diễn viên và đoàn làm phim cứ thế ngồi chơi xơi nước. Sau 16 tháng và 7 triệu đô tiêu tốn, ông ta chỉ thu về vền vẹn chưa đầy hai mét phim xài được. Một năm rưỡi mà ông đạo diễn vẫn chưa quay nổi một đoạn phim dài bằng chiều cao của mình. Skouras không còn sự lựa chọn nào khác là phải sa thải Mamoulian và thay bằng Joe Mankiewicz. Mankie đưa tất tần tật sang Ý, sa thải toàn bộ dàn diễn viên ngoại trừ Liz, giao Dick Burton đóng vai Marc Anthony. Ông còn thuê 50 người chỉnh lý lại kịch bản và kết cục là một kịch bản mới dày 500 trang về một câu chuyện dài chín giờ đồng hồ. Hãng phim mất bảy mươi ngàn đô một ngày khi phải trả lương cho cả ngàn diễn viên quần chúng ăn không ngồi rồi vì trời cứ mưa mãi, camera mất trộm, Liz say xỉn còn Mankie tính chuyện kéo thành 3 tập phim. Hãng phim đã trót đâm lao rồi giờ phải đành theo lao thôi. Sau hai năm trời sản xuất và hai mươi triệu đã đổ xuống sông, có Chúa mới biết còn phải tốn kém bao nhiêu nữa, còn Skouras tội nghiệp vẫn loay hoay với bộ phim, với hy vọng mong manh rằng khi ra rạp nó sẽ là bộ phim bom tấn nhất... hay nhất... từng được... trình chiếu.

“Tôi biết gì về Cleopatra ư?” Tôi ngẩng lên nhìn Skouras đang ngồi trên bàn nắm giữ chỗ Coca còn lại của tôi: “Cũng chút chút.”

Trả lời đúng rồi. Skouras rót thêm một ít Coca nữa vào cốc cho tôi. Rồi ông ta vươn người ra trên bàn lấy một cái phong bì màu vàng và đưa nó cho tôi. Tôi sẽ không bao giờ quên được tấm ảnh mình rút ra khỏi cái phong bì đó. Đó là một tác phẩm nghệ thuật. Hai con người quấn chặt lấy nhau. Mà

nào phải ai xa lạ mà chính là Dick Burton và Liz Taylor. Không phải Antony và Cleopatra trong một tấm hình quảng cáo mà là Liz và Dick đang khóa môi nhau trên ban công khách sạn Grand ở Rome. Hai cặp môi ngẫu nhiên nhau.

Thảm họa. Cả hai người đều đã có gia đình. Hãng phim vẫn còn đang phải xử lý tai tiếng việc Liz phá vỡ hôn nhân của Debbie và Eddie. Còn giờ Liz đang bị một diễn viên kịch vĩ đại nhất thế hệ sờ soạng ư? Rồi sau đó nàng sẽ bỏ tất cả để chạy theo tay chơi hàng đầu này? Còn những đứa con nhỏ của Eddie Fisher thì sao? Gia đình của Burton nữa? Máy đưa nhỏ mắt đen như than xứ Wales tội nghiệp ấy sẽ phải khóc lóc về người cha đã bỏ chúng mà đi? Giới truyền thông sẽ giết chết bộ phim này. Giết chết hãng phim. Chỉ ngân sách của bộ phim này thôi đã là cái máy chém treo lơ lửng trên cái đầu Hy Lạp béo tròn của Skouras rồi. Chỉ cần thêm vụ này nữa là lưỡi dao sẽ rơi xuống cái ằm.

Tôi nhìn chăm chăm vào bức hình.

Skouras ráng nặn ra một nụ cười và tỏ ra bình tĩnh nhưng đôi mắt ông ta nháy nháy liên tục không khác gì một cái máy đánh nhịp. “Cậu nghĩ sao Deane?”

Deane nghĩ gì ư? Không nhanh thế đâu.

Tôi còn giỏi một chuyện khác nữa chỉ có điều lúc đó tôi còn chưa nhận ra. Nó giống như là bạn biết về tình dục trước khi thực sự trải nghiệm nó ấy? Tôi có một cái tài nhưng lúc đó chưa biết cách tận dụng nó như thế nào. Đó là đôi khi tôi có thể nhìn thấu con người. Nhìn thấu đến tận xương tủy, rõ như chụp X-quang vậy. Nhưng đó không phải kiểu máy dò nói dối mà là dò dục vọng. Đó cũng là thứ khiến tôi gặp rắc rối. Một cô nàng từ chối tôi. Tại sao? Cô ta có bạn trai rồi. Tôi nghe thấy cô chối từ nhưng tôi lại NHÌN RA được cô đồng ý. Thế là chỉ mười phút sau anh bạn trai của nàng bước vào đúng ngay lúc nàng đang tình tang với tôi. Đấy, bạn thấy chưa?

Chuyện với Skouras ở đây cũng thế. Ông ta nói chuyện này nhưng tôi lại nhìn ra chuyện khác. Nếu thế thì giờ phải làm sao Deane? Cả sự nghiệp của mày đang nằm trước mặt đấy. Và lời khuyên của Dooley vẫn còn lớn vờn

trong đầu tôi. (Đừng nhìn thẳng vào mắt ông ta. Đừng ăn nói báng bổ. Đừng thách thức.)

Ông ta lặp lại. “Thế nào. Cậu nghĩ sao?”

Hít sâu nào. “À. Tôi trông có vẻ ngài không phải là người duy nhất bị hại đời trong bộ phim này rồi.”

Skouras nhìn tôi trừng trừng. Thế rồi ông ta tụt xuống bàn và đứng thẳng người dậy, đi một vòng rồi ngồi xuống. Kể từ giây phút đó trở đi ông ta nói chuyện với tôi đàng hoàng như hai người đàn ông với nhau. Không còn chuyện rớt cho một chút nước ngọt nữa. Người đàn ông đó giải bày sạch sẽ. Liz? Không thể nào xử lý cô này được. Trái tính trái nết. Cứng đầu. Ngang ngược. Nhưng Burton lại là một diễn viên biết điều. Và đây cũng chẳng phải lần đầu ông ta dính vào mấy vụ như thế này. Cơ hội duy nhất của chúng tôi là nói lý được cho ông ta nghe. Lúc ông ta đã tỉnh rượu.

Chúc may mắn nhé. Nhiệm vụ đầu tiên của anh sẽ là đi Rome thuyết phục một Dick Burton TỈNH TÁO rằng nếu không chịu nhả Liz Taylor ra thì sẽ bị loại khỏi bộ phim. Thế đấy. Hôm sau tôi bay đi liền.

Khi đến Rome tôi nhận thấy ngay chuyện này chẳng dễ dàng gì. Đây không đơn thuần là một chuyện tình trong phim. Bọn họ yêu nhau thật. Kể cả một kẻ già đầu chuyên hớp hồn các diễn viên nữ như Burton cũng nặng tình với cô đào này. Lần đầu tiên trong đời ông ta không đong đưa với mấy diễn viên phụ hay mấy cô làm đầu. Ở khách sạn Grand tôi đã nói thẳng cho ông ta nghe. Truyền đạt lại toàn bộ thông điệp của Skouras. Tôi cố gắng nói thật mạnh mẽ và nghiêm túc. Nhưng Dick chỉ cười vào mặt tôi. Tôi mà đá ông ta khỏi bộ phim ư? Bố bảo cũng không dám.

Mới 36 giờ đồng hồ bước vào sứ mệnh to tát nhất đời vậy mà mấy trò của tôi đã bị vạch mặt rồi. Giờ mà bom nguyên tử có đổ xuống đầu cũng không thể tách rời đôi uyên ương Dick và Liz này ra được đâu.

Mà sao lại phải ngạc nhiên nhỉ. Đây chẳng phải là cuộc tình Hollywood hoành tráng nhất trong lịch sử đó sao. Không chỉ là chuyện mấy diễn viên đóng chung rồi cặp với nhau. Mà đây là tình yêu. Còn những cặp tình nhân

đang yêu khác muốn kết thông gia hai nhà ư? Đó chỉ là những bản sao nhợt nhạt, chỉ xứng tầm con cháu mà thôi.

Dick và Liz là một cặp thánh thần. Nhưng hai tài năng và hai con người hấp dẫn như thần thánh ấy kết hợp với nhau lại thật là tệ hại. Kinh khủng. Một cơn ác mộng hào nhoáng. Say xin, yêu bản thân, tàn nhẫn với mọi người xung quanh. Giá mà bộ phim có vài cảnh kịch tính về họ. Lúc đóng phim thì hai người họ nhìn nhau mặt trở như đá, nhưng ngay khi máy quay ngừng là thế nào Burton cũng phun ra vài câu chọc ghẹo nham nhở và nàng kia sẽ rít lên rồi ùng ùng bỏ đi, rồi chàng sẽ đuổi theo nàng về tận khách sạn. Sau đó mấy nhân viên khách sạn báo lại họ nghe thấy nhiều âm thanh cuồn cuộn phát ra từ phòng họ, như tiếng kính vỡ, tiếng la hét, lẫn lộn và khó mà phân biệt được hai người đó đang đánh nhau hay đang truy hoan nữa. Những bình rượu rỗng bay vèo ra khỏi ban công khách sạn. Mỗi ngày một chiếc xe hơi bị làm hư hại và đến nay đã chồng chất chục cái rồi.

Và đó là lúc tôi ngộ ra.

Tôi gọi đó là khoảnh khắc tái sinh.

Thánh thần gọi đó là sự hiển linh.

Đám tử phú gọi đó là lúc ý tưởng lóe sáng.

Dân nghệ sĩ gọi là nàng thơ.

Với tôi, sự mặc khải đó chính là thời khắc cảm nhận được điều khiến mình khác biệt với mọi người. Một điều tôi luôn nhận ra nhưng chưa từng hiểu thấu đáo. Tôi nhìn ra được bản chất thực sự của con người. Nhìn ra được động cơ. Nhìn ra được những con tim ngập tràn dục vọng. Trong một phút bừng ngộ, tôi đã nhìn thấy toàn bộ thế giới và nhận ra ngay lập tức:

Con người ta làm sao mà chối bỏ được những mong muốn của chính mình.

Dick muốn Liz. Liz muốn Dick. Còn chúng ta muốn những chiếc xe bị phá hỏng. Chúng ta tự bảo mình không muốn đâu. Nhưng thực chất chúng ta thích mê đi. Để ý tới thứ gì là đã mê thứ đó. Một ngàn người chạy xe ngang qua tượng thần khỏa thân David thì chỉ khoảng hai trăm người ngoái nhìn.

Nhưng cũng đám người đó chạy ngang qua một cái xe móp méo thì đảm bảo ai cũng ngoái nhìn không chừa một mống nào.

Thời đại này mà ví von như vậy thì nhàm quá rồi. Nhất là trong thời buổi công nghệ người ta chỉ toàn trưng ra những thứ lòe loẹt để mong được nổi tiếng trên mạng, lôi kéo được nhiều người xem. Nhưng thời đó, nó lại là một khoảnh khắc chuyển mình. Với tôi. Với thành phố này. Với cả thế giới.

Tôi gọi cho Skouras ở L.A. “Vụ này không gỡ được đâu.”

Ông già im lặng. “Cậu đang bảo là tôi cần phải cử người khác hử?”

“Không.” Tôi như phải giải thích cho một đứa nhỏ năm tuổi. “Tôi nói là... vụ này không gỡ được đâu. Mà ông cũng chẳng muốn gỡ đâu.”

Ông ta nổi đóa lên. Đây không phải là người quen nhận tin xấu. “Cậu đang nói cái quái gì thế?”

“Ông tiêu tốn bao nhiêu cho bộ phim này?”

“Chi phí thực tế cho bộ phim không phải là...”

“Bao nhiêu?”

“Mười lăm.”

“Tiêu hai mươi đồng mà chưa lời được một đồng. Nếu dè xén thì ông sẽ tiêu hai mươi tới ba mươi tới lúc bộ phim này xong xuôi. Và ông sẽ phải tốn bao nhiêu tiền cho quảng cáo mới thu lại được ba mươi triệu đô đó?”

Skouras thậm chí còn không thốt ra nổi con số.

“Quảng cáo truyền hình và biển quảng cáo ngoài đường, quảng cáo trên mọi tạp chí trên thế giới. Tám? Thôi cho là 10 đi. Giờ thì chi phí đã đội lên 40 triệu đô. Không một bộ phim nào trong lịch sử từng tiêu đến 40 triệu đô. Và nói thẳng ra bộ phim này cũng chẳng phải hay ho gì. Mấy con rận cắn tôi còn thấy dễ chịu hơn coi phim này. Bộ phim này không đáng một xu.”

Tôi có đang giết chết Skouras không? Còn phải hỏi. Nhưng chỉ để cứu ông ta mà thôi.

“Nhưng nếu tôi có thể tiết kiệm 20 triệu đô tiền quảng cáo MIỄN PHÍ thì sao?”

“Đó không phải kiểu quảng cáo chúng ta muốn!”

“Có khi phải đấy.” Sau đó tôi giải thích cho ông ta tình hình ở trường quay. Rượu chè. Đánh nhau. Hoan lạc. Khi máy quay chạy thì hai người đó như chết rồi. Nhưng khi đóng máy? Đùng hòng có thể rời mắt khỏi họ. Marc Antony và Cleopatra cái con khi. Ai mà thèm quan tâm tới hai bộ xương khô được nhào nặn lại ấy chứ? Nhưng với Liz và Dick ư? ĐÓ mới là bộ phim của chúng ta. Tôi bảo Skouras rằng chừng nào lửa tình giữa hai bọn họ vẫn còn bùng bùng cháy thì bộ phim vẫn còn cơ hội.

Dập tắt ngọn lửa ấy ư? Họa có mà điên. Điều chúng tôi cần làm là tích cực đổ thêm dầu vào lửa.

Thời đại bây giờ thì dễ thấy rồi, thế giới đầy rẫy những sai lầm rồi chuộc lỗi rồi lại sai lầm nữa, của hết sự tái xuất này đến tái xuất khác, của những cuốn băng quay cảnh nóng được khéo léo tuồn ra. Nhưng thời tôi chưa từng có ai nghĩ tới cách này. Dùng nó với những diễn viên điện ảnh lại càng không. Những con người đó được tôn thờ như những vị thần Hy Lạp. Những con người hoàn hảo. Khi một ai đó sụp đổ thì sẽ sụp đổ vĩnh viễn. Diễn viên phim câm Arbuckle Béo dính vào một vụ hãm hiếp giết người ư? Ông ta thế là chết sớm. Ava Gardner xinh đẹp lùm xùm chuyện gia đình? Tiêu đời.

Cái tôi đang đề xuất đó là thiêu trụi cả thành phố chỉ để cứu một ngôi nhà. Nếu tôi tiến hành theo cách này người ta sẽ không phải bất chấp vụ xì căng đan này mà đi xem phim của chúng tôi, mà họ kéo đến rạp chính vì vụ xì căng đan đó. Sau khi tiến hành rồi sẽ không thể nào quay đầu được nữa. Các ông thần bà thánh này sẽ sụp đổ mãi mãi.

Tôi nghe thấy tiếng Skouras thở ở đầu dây bên kia. “Làm đi.” Rồi ông ta cúp máy.

Buổi chiều hôm đó tôi hồi lộ tay tài xế của Liz. Khi cô và Burton xuất hiện trên ban công căn biệt thự họ thuê để trốn sự dòm ngó thiên hạ thì đã có máy ảnh từ ba hướng khác nhau cứ thế chĩa vào mà bấm tanh tách. Đó là những tay săn ảnh tôi đã gài sẵn. Ngày hôm sau tôi bảo tay phó nháy của mình theo dõi cặp đôi này rồi bán mấy bức ảnh, kiếm được cả vài chục ngàn đô. Dùng tiền đó hồi lộ thêm nhiều tài xế, nhiều thợ trang điểm để đổi lấy

thông tin, tôi vận hành bộ máy của riêng mình. Liz và Dick giận điên lên. Bọn họ cầu xin tôi hãy tìm ra ai đang để rò rỉ thông tin và tôi giả vờ như mình đã tìm được. Tôi sa thải hết đám tài xế, diễn viên phụ, người cung cấp đồ ăn, thế là chẳng bao lâu sau Dick và Liz phải dựa vào tôi để tìm cho họ những điểm gặp gỡ xa xôi hơn. Ấy thế mà mấy tay săn ảnh vẫn lùng ra được.

Bạn có biết vụ này hiệu quả như thế nào không? Nó đình đám hơn bất kỳ câu chuyện phim nào mà các bạn từng xem. Liz và Dick xuất hiện trên mọi tờ báo thế giới.

Vợ Dick phát hiện ra trước. Rồi đến chồng Liz. Câu chuyện vỡ lở ngày càng to hơn. Tôi bảo Skouras hãy cứ kiên nhẫn. Từ từ rồi khoai sẽ nhừ.

Sau đó tay Eddie Fisher tội nghiệp lại bay tới Rome để cố gắng giành lại vợ mình, thế là tự nhiên tôi lại gặp một vấn đề khác. Để vụ này êm xuôi, Liz và Dick cần phải ở bên nhau cho đến tận lúc bộ phim đóng máy. Khi bộ phim công chiếu tại rạp Sunset tôi cần Dick phải quấn lấy Liz trong phòng ăn của khách sạn Chateau Marmont. Và tôi cần tay Eddie Fisher biến đi cho khuất mắt. Nhưng thằng khốn đó lại cứ muốn đấu tranh cho cuộc hôn nhân bi đát của mình.

Và khi chồng Liz đang ở Rome thì lại nảy sinh ra vụ Burton nữa. Ông ta hờn dỗi. Rượu chè. Rồi ông ta quay lại với một cô gái trước đó từng qua lại lúc này lúc khác khi mới chân ướt chân ráo đến Ý.

Cô gái đó cao ráo, tóc vàng. Một cô gái khác thường. Máy quay phim yêu cô ta. Tất cả các diễn viên nữ thời đó thường thuộc một trong hai kiểu: lẳng lơ hoặc thân thiện. Nhưng đây lại là một điều gì đó khác. Thứ gì đó mới mẻ. Cô ta không có chút kinh nghiệm đóng phim nào. Xuất thân từ sân khấu kịch. Thằng cha đạo diễn Mankie chẳng hiểu sao chỉ mới nhìn tấm hình đã tuyển cô ta vào vai hầu gái cho Cleopatra. Hắn ta tưởng mình sẽ khiến Liz trông giống một người Ai Cập hơn bằng cách tạo ra một cô nô lệ tóc vàng. Hắn ta đâu có hay rằng cô hầu đó của Liz lại đang thực sự hầu hạ cho Dick.

Lạy Chúa. Tôi không tin nổi lúc gặp cô ta. Ai lại đặt một cô gái cao ráo tóc vàng trong một bộ phim Ai Cập cổ đại bao giờ?

Tôi gọi cô ta là D.

Cái cô D này về sau tôi mới biết cũng thuộc loại “tinh thần phóng khoáng.” Kiểu con gái hoang dại dễ dãi mắt to tròn mà tôi rất thích hồi những năm 60, 70.

Không phải là tôi có động chạm gì với nàng.

Không phải tôi không muốn.

Nhưng khi mà Eddie Fisher còn lượn lờ quanh Rome thì Dick lại chạy thẳng đến em gái dự phòng của ông ta. Cái cô D này. Tôi không cho là cô ta có vấn đề gì. Máy cô như thế ta chỉ cần có mỗi nữ. Một vai diễn hào nhoáng. Một hợp đồng với hãng phim. Và nếu cô ta không chịu diễn thì cứ sa thải cô ta. Nào có tốn kém gì? Thế là tôi cho Mankiewicz gọi điện lúc 5 giờ sáng để kêu cô ta ra trường quay, khiến cô ta tránh xa Burton. Nhưng rồi cô ta lại bị ốm.

Chúng tôi có một ông bác sĩ đi theo đoàn. Cái nhà ông Crane này. Toàn bộ công việc của ông ta là kê đơn cho Liz. Ông ta đến khám cho cô D này xong thì ngay hôm sau đã kéo tôi sang một bên mà nói:

“Chúng ta gặp rắc rối rồi. Cô gái này có thai và vẫn chưa biết gì đâu. Chẳng cha lang băm nào đó đã nói cô ta không thể có con được. Hóa ra lại được đây này.”

Dĩ nhiên trước kia tôi cũng từng lo mấy vụ phá thai rồi. Tôi làm trong ngành quan hệ công chúng cơ mà. Công việc đó hiển nhiên có trong danh sách tác vụ. Nhưng đây lại là nước Ý. Một nước Ý theo Công giáo năm 1962. Lúc đó kêu đi kiểm đá mặt trăng còn dễ hơn dàn xếp mấy vụ này.

Khi thật. Tôi tiết lộ thông tin rằng hai ngôi sao điện ảnh sáng giá nhất thế giới đang cặp kè với nhau thế mà giờ lại tòi ra thêm cái vụ rắc rối này nữa? Deane điên đầu. Nếu phim Cleopatra ra rạp mà mọi người còn bàn luận về cuộc tình rục rủa của hai diễn viên thì chúng tôi may ra còn cơ hội. Chứ còn nếu dư luận lại bàn chuyện Burton đã làm cho một em diễn viên phụ dính bầu còn Liz quay lại với đức lang quân của mình thì chúng tôi chết chắc.

Tôi liền lên một kế hoạch ba bước: Đầu tiên: tống khứ Burton đi đâu đó một thời gian. Tôi biết đạo diễn Darryl Zanuck lúc này đang ở Pháp quay bộ

phim Ngày dài nhất. Và tôi biết ông đạo diễn này muốn có Burton diễn một vai ngắn trong phim để nâng tầm bộ phim thời chiến của ông ta. Tôi biết Burton cũng muốn đóng phim này. Nhưng Skouras lại ghét Zanuck. Skouras đã chiếm chỗ ông đạo diễn già ở Fox. Và rồi có mấy người trong hội đồng quản trị lại muốn thay ông ta bằng đứa con trai trẻ trung hào hoa của Zanuck là Dickie. Thế nên tôi đã lén đi đêm sau lưng Skouras. Tôi gọi báo Zanuck sẽ đưa Burton cho ông ta mượn mười ngày.

Rồi tôi gọi cho ông bác sĩ, bảo ông ta nói với cô D này là cần phải kiểm tra thêm. “Kiểm tra kiểu gì cơ?” Ông ta hỏi.

“Ông là bác sĩ kia mà! Nghĩ ra cái gì đó khiến cô ta rời thành phố một thời gian ấy.”

Lúc đó tôi đã sợ ông bác sĩ này là một lão lẩm cẩm cứng đầu sống theo mấy cái nguyên tắc y đức gì đó. Nhưng lão Crane này liền chộp luôn thời cơ. Ngày hôm sau lão đã toe toét bảo tôi. “Tôi bảo cô ta là cô ta bị ung thư dạ dày?”

“ÔNG NÓI CÁI GÌ!”

Crane giải thích rằng những triệu chứng ban đầu của mang thai cũng giống với bệnh ung thư dạ dày. Chuột rút, buồn nôn và trể kinh.

Tôi chỉ muốn tống cô ta đi thôi chứ nào muốn giết cô gái tội nghiệp ấy.

Lão bác sĩ bảo không phải lo. Ông ta đã bảo cô ấy là bệnh này chữa được. Một bác sĩ ở Thụy Sĩ biết cách chữa mới. Ông ta nháy mắt. Dĩ nhiên là ông bác sĩ ở Thụy Sĩ đó sẽ lo liệu cho cô ta. Làm một thủ thuật nho nhỏ. Và thế là khi cô gái tỉnh giấc thì “bệnh ung thư” đã biến mất. Cô ta đời nào mà đoán ra. Rồi chúng tôi gửi cô về Mỹ để hồi phục sức khỏe. Rồi tôi sẽ kiếm cho cô ta vài vai diễn trong phim. Mọi người đều có lợi. Vấn đề được giải quyết. Bộ phim được giải cứu.

Nhưng cái cô D này thật là một quân bài khó chơi. Mẹ cô ta từng qua đời vì ung thư thế là cô ta trầm trọng hóa cái chẩn đoán tào lao ấy lên. Hơn nữa tôi cũng đánh giá thấp tình cảm của Dick dành cho cô ta.

Trên mặt trận còn lại Eddie Fisher đã đầu hàng và bỏ về nhà. Tôi gọi điện cho Dick ở Pháp báo tin vui. Liz đã sẵn sàng gặp lại ông ta. Nhưng giờ ông

ta nói không thể gặp Liz lúc này được. Cái cô D này đã bị ung thư, cô ta đang chết dần. Và Dick muốn ở cạnh cô ta lúc này.

“Cô ấy sẽ ổn thôi. Ở Thụy Sĩ có bác sĩ...”

Nhưng Dick ngắt lời tôi. Cô D này không muốn đi điều trị. Cô ta muốn dành quãng đời còn lại ở bên ông ta. Và người đàn ông này hào hiệp tới mức đồng ý chuyện đó. Ông ta được nghỉ quay phim Ngày dài nhất hai ngày và ông ta muốn gặp D, ở vùng ven biển nước Ý. Và vì đã lằng xằng giúp chuyện Dick và Liz nên ông ta muốn tôi sắp xếp vụ này luôn.

Tôi có thể làm được gì đây? Burton muốn gặp cô ta ở cái thị trấn ven biển nhỏ này. Portovenere. Ngay ở giữa Rome và miền Nam nước Pháp nơi ông ta đang quay phim Ngày dài nhất. Tôi mở bản đồ ra và mắt tôi chĩa thẳng tới một địa điểm nhỏ như con bọ chét có cái tên giông giống. Porto Vergogna. Tôi nhờ một người bên văn phòng du lịch tìm hiểu địa điểm này. Cô ta nói cái thị trấn này chẳng có gì cả. Một làng chài sát vách đá. Không điện thoại không đường sá. Thậm chí không đi tàu hỏa hay lái xe tới đó được. Chỉ có thể đến đó bằng thuyền. “Ở đó có khách sạn không?”. Người đại lý du lịch nói rằng chỉ có một cái nhỏ xíu. Thế là tôi đặt phòng ở Portovenere cho Dick nhưng lại đưa D tới Porto Vergogna. Bảo cô ta cứ ở cái khách sạn nhỏ xíu ấy chờ Burton. Tôi chỉ cần giấu cô ta vài ngày cho đến khi Dick quay trở lại Pháp là tôi đẩy được cô ta sang Thụy Sĩ.

Ban đầu, mọi việc diễn ra trơn tru. Cô ta mắc kẹt trong cái làng đó. Không liên lạc được với thế giới bên ngoài. Burton xuất hiện ở Portovenere và chỉ thấy tôi đang đứng chờ. Tôi nói với ông ta rằng D đã quyết định đến Thụy Sĩ điều trị. Không phải lo lắng cho cô ấy nữa. Các bác sĩ Thụy Sĩ là giỏi nhất. Rồi sau đó tôi chở ông ta về lại Rome với Liz.

Nhưng trước khi tôi có thể đưa họ về lại bên nhau thì một vấn đề khác lại nảy sinh. Một thằng nhóc nào đó ở chỗ khách sạn D đang ở lại xuất hiện ở Rome và nhào tới đánh tôi. Tôi đã ở Rome được ba tuần và cũng đã quen cái kiểu mấy người Ý kiếm chuyện vôi vĩnh thế nên tôi đã đưa cho thằng nhóc ít tiền và kêu nó đi. Nhưng thằng nhóc đã phản tôi. Nó tìm thấy Burton và kể cho ông ta toàn bộ câu chuyện. Nào là D không phải đang chết. Nào là cô

đang có thai. Rồi nó đưa ông ta đến chỗ cô gái. Hay thế cơ chứ. Thế là giờ Dick dính trấu với cô bồ có thai này trong một khách sạn ở Portovenere. Còn số phận bộ phim giờ lửng lơ ngàn cân treo sợi tóc.

Nhưng liệu Deane có chịu bỏ cuộc không? Không nhanh thế. Tôi liền bảo Zanuck gọi Burton về lại Pháp một ngày để giả vờ quay lại vài cảnh trong Một ngày dài. Còn tôi phóng ngay tới Portovenere để nói chuyện với cô D này.

Tôi chưa từng thấy ai giận dữ như thế. Cô ta cứ như muốn giết tôi. Và tôi hiểu vì sao. Tôi hiểu chứ. Tôi xin lỗi. Giải thích rằng tôi không hề hay biết ông bác sĩ lại chẩn bệnh ung thư như thế. Bảo cô ta là mọi chuyện đã vượt tầm kiểm soát. Bảo cô ta là sự nghiệp của cô ta đã được lo liệu rồi. Đảm bảo chắc ăn. Tất cả những gì cô ta cần làm là đến Thụy Sĩ rồi sau đó có thể đóng trong bất kỳ bộ phim nào của hãng Fox tùy thích.

Nhưng đây quả là một con nhỏ khó chơi. Cô ta không muốn tiền, không muốn vai diễn. Thật không thể tin được. Tôi chưa từng gặp diễn viên trẻ nào lại không muốn việc làm hay tiền bạc hay cả hai như thế.

Đó là lúc tôi hiểu ra cái trách nhiệm sâu xa đằng sau cái khả năng nhìn ra ý muốn của người khác. Biết người ta muốn gì là một chuyện, còn TẠO RA được cái mong muốn ấy trong họ lại là chuyện khác. Phải XÂY ĐÁP nên cái mong muốn đó.

Tôi làm bộ thờ dài: “Nghe tôi này. Chuyện này đã vượt tầm kiểm soát rồi. Tất cả những gì ông ấy muốn là cô hãy bỏ đứa nhỏ đi và kín miệng chuyện này. Vậy cô nói tôi nghe chúng ta phải làm sao đây.”

Cô ta tần ngần: ”Ý anh là sao? Đó là tất cả những gì ông ấy muốn ư?”

Tôi nói tiếp mà không chớp mắt. “Ông ấy cảm thấy mình thật tệ hại. Rõ ràng rồi. Ông ấy không thể tự mình nói với cô được. Đó là lý do ông ấy bỏ đi hôm nay. Ông ấy cảm thấy thật tội lỗi khi thấy mọi chuyện lại thành ra như thế này.”

Trông cô ta còn đau đớn hơn lúc tưởng mình bị bệnh ung thư nữa. “Khoan đã. Anh không định nói là...”

Đôi mắt cô ta từ từ nhắm lại. Cô ta chưa từng nghĩ rằng Dick có lẽ đã biết tất cả chuyện tôi làm. Và nói thẳng ra đến lúc đó tôi cũng chưa từng nghĩ tới. Nhưng có vẻ điều này là đúng.

Tôi làm bộ như thể cô ta đã biết tôi đang thay mặt cho ông ta nói với cô. Đó là một vở kịch chóng vánh. Tôi chỉ có một ngày trước khi Dick từ Pháp quay trở về. Tôi phải giả vờ như mình đang bảo vệ ông ta. Tôi nói ông ta rất lo lắng cho cô. Và đề nghị ông ta đưa ra không làm thay đổi điều đó. Tôi nói cô ta không nên trách ông. Rằng tình cảm ông ta dành cho cô là có thực. Nhưng ông ta và Liz đang chịu áp lực khủng khiếp với bộ phim này...

Cô ta liền ngắt lời tôi. Cô ta đang xâu chuỗi sự việc lại với nhau. Thì chính bác sĩ của Liz đã khám cho cô. Cô ta liền lấy tay bịt miệng. “Liz cũng biết chuyện này sao?”

Tôi thở dài, định nắm lấy tay cô ta. Nhưng cô ta rụt lại cứ như tay tôi là một con rắn.

Tôi bảo rằng Dick không phải đến Pháp để quay lại gì cả. Tôi nói Dick đã đặt cho cô một vé đến Thụy Sĩ tại nhà ga La Spezia.

Trông cô ta như muốn nôn ra đến nơi. Tôi đưa cô ta tấm danh thiếp của mình. Cô ta cầm lấy nó. Tôi bảo cô ta khi trở lại Hoa Kỳ chúng tôi sẽ rà soát lại những phim sắp tới Fox sẽ làm. Cô ấy có thể chọn bất kỳ vai nào mình muốn. Rồi sáng sớm hôm sau tôi chở cô ta ra nhà ga. Cô ấy xách hành lý ra đi, tay buông chùng hai bên. Cô ấy đứng đó nhìn sân ga, nhìn những quả đồi xanh phía sau nó, rồi bắt đầu bước đi. Tôi nhìn theo cho đến khi cô ta khuất dạng phía trong. Tôi chưa từng chắc chắn về lúc nào hơn lúc ấy. Cô ta sẽ đi Thụy Sĩ. Rồi hai tháng sau cô ta thế nào cũng xuất hiện ở văn phòng tôi. Cùng lắm là sáu tháng. Hoặc một năm. Nhưng thế nào cô ta cũng tới. Bọn họ đều tới.

Nhưng điều đó đã không bao giờ xảy ra. Cô gái đó không bao giờ tới Thụy Sĩ. Không bao giờ đến tìm tôi.

Sáng hôm đó Burton từ Pháp quay trở lại tìm D, nhưng thay vào đó lại thấy tôi đứng chờ.

Dick giận điên lên. Chúng tôi đến nhà ga ở La Spezia nhưng người nhân viên ở đó nói cô chỉ đến gửi hành lý rồi lại quay trở ra và đi về phía máy quã dôi. Dick và tôi lái xe ngược trở lại Portovenere nhưng cô gái không có ở đó. Dick thậm chí còn bắt tôi thuê một con thuyền quay lại chỗ cái làng chài bé xíu nơi tôi đã giấu cô gái một thời gian. Nhưng cô gái cũng không ở đấy. Cô ta đã biến mất.

Khi chúng tôi đang chuẩn bị rời cái làng chài ấy thì có một điều quái đản xảy ra. Một mụ phù thủy già từ trên đồi chạy xuống rửa xả và la hét chúng tôi. Người lái thuyền nói lại là bà ấy bảo chúng tôi là “Quân giết người!” và “Tao sẽ nguyện rửa mày cho tới chết.”

Tôi quay người nhìn lại Burton. Mụ phù thủy già ấy nguyện rửa ông ta. Nhiều năm sau, tôi thường ngẫm lại lời nguyện của mụ phù thủy ấy mỗi khi tôi nhìn Dick Burton say khướt thảm hại.

Hôm đó trên con thuyền ông ta hoảng sợ ra mặt. Đây chính là thời khắc hoàn hảo để tôi khuyên nhủ ông ta. “Thôi mà Dick. Thế ông định làm gì? Nuôi con với cô ta sao?

Cưỡi cô ta sao?” “Cuốn xéo đi Deane.” Trong cái giọng điệu ấy, tôi nghe ra được một điều: ông ta biết tôi nói đúng.

“Bộ phim cần ông. Liz cần ông.”

Ông ta chỉ nhìn đăm đăm ra biển.

Dĩ nhiên tôi đánh đúng chỗ yếu của Dick. Liz là người phụ nữ duy nhất. Bọn họ yêu nhau như thế. Tôi biết thế. Ông ta biết thế. Và tôi giúp cho chuyện giữa hai người.

Tôi đã làm CHÍNH XÁC điều ông ta muốn tôi làm. Cho dù ông không nhận ra điều đó. Đó chính là những gì những người như tôi làm giúp cho những người như ông ta.

Kể từ giờ trở đi vị trí của tôi trên thế giới là đây. Hiểu được dục vọng của người khác và làm những thứ người ta mong muốn. Những thứ mà họ còn chưa biết là họ muốn. Những thứ mà tự bản thân họ không làm được. Những thứ mà họ không bao giờ dám thú thực với lòng mình.

Trong con thuyền, Dick luôn hướng mắt trông thẳng về phía trước. Dick và tôi từ đó về sau có làm bạn với nhau? Có chứ. Đến dự đám cưới của nhau? Đương nhiên, các bạn khỏi phải hỏi. Rồi Deane có cúi đầu trong tang lễ của người diễn viên vĩ đại này không? Hẳn nhiên là có. Và cả hai chúng tôi chưa bao giờ đã động lại chuyện xảy ra ở Ý mùa xuân đó. Không đã động gì tới cô gái. Không đã động gì tới ngôi làng. Không đã động gì tới lời nguyện phù thủy.

Chuyện là thế đó.

Quay lại Rome, chuyện giữa Dick và Liz lại được nhen nhóm lại. Họ kết hôn, đóng phim cùng nhau, cùng giành giải thưởng. Chuyện đó thì các bạn rõ quá rồi. Một trong những cuộc tình lãng mạn nhất thế giới. Một câu chuyện tình chính tay tôi đã tác thành.

Còn bộ phim thì sao ư? Nó đã ra đời. Và đúng như tôi dự đoán nó sống sót được nhờ tai tiếng của hai người đó. Mọi người đều nghĩ Cleopatra là một bộ phim thua lỗ, nhưng không, nó đã huề vốn. Huề vốn được là nhờ công của tôi. Không có tôi nó sẽ mất hai mươi triệu. Bất kỳ một tay xoàng xoàng nào cũng làm được một bộ phim đình đám. Nhưng phải cần những thẳng to gan lớn mật mới có thể đi tháo bom được.

Đó chính là bài tập đầu tiên của Deane. Bộ phim đầu tiên của ông. Và ông đã làm được gì? Không gì khác hơn ngoài việc giữ cho cả một hãng phim khỏi chìm xuống. Không gì khác hơn ngoài việc phá hủy hệ thống hãng phim cũ để xây dựng một hệ thống mới.

Và khi Dickie Zanuck lên nắm quyền hãng Fox mùa hè đó chắc các bạn cũng đoán được tôi sẽ được ông ta thưởng công. Không còn làm trong nhà kho xe nữa. Không làm quan hệ công chúng nữa. Nhưng cái phần thưởng tôi cho là đích thực không nằm ở cái chức danh nhà sản xuất mà ông bạn Zanuck trao cho tôi, cũng không nằm ở danh tiếng và tiền bạc đến sau đó, ở những người đàn bà, những cốc Coca, hay bất kỳ chỗ ngồi nào tôi muốn tại bất kỳ nhà hàng nào trong phố.

Phần thưởng của tôi là một tầm nhìn giúp định hình nghề nghiệp sau này.

Con người ta làm sao mà chối bỏ được mong muốn của chính mình.

Và như thế, tôi đã được tái sinh. Tôi đã bước vào thế giới này và thay đổi nó mãi mãi. Chính vào năm 1962 đó trên miền biển nước Ý chính tôi là người đã đề ra khái niệm “người của công chúng”.

Chú thích của biên tập viên: Một câu chuyện ẩn tượng đầy Michael.

Tuy nhiên, dù cho chúng tôi rất muốn sử dụng chương này thì nó vẫn sẽ gặp phải một số vấn đề luật pháp mà các luật sư sẽ chỉ ra trong một bức thư khác.

Tuy thế, về mặt biên tập, có điều này tôi phải bảo anh: cái chương này không khiến cho hình ảnh của anh được sáng sủa lắm. Việc anh thừa nhận đã phá vỡ hai cuộc hôn nhân, lừa một cô gái trẻ khiến cô ta tin mình bị bệnh nặng, và hối lộ cô ta đi phá thai – tất cả đều dồn hết trong chương đầu tiên này – có lẽ không phải cách hay lắm để giới thiệu hình ảnh của anh cho độc giả.

Và kể cả khi đám luật sư có cho phép chúng ta sử dụng câu chuyện này đi chăng nữa thì câu chuyện này vẫn chưa đâu vào đâu cả. Còn quá nhiều thứ khiến người khác thắc mắc. Chuyện gì xảy ra tiếp theo với cô diễn viên trẻ? Rồi cô ta có đi phá thai không? Cô ta có sinh ra con của Burton? Cô ta có tiếp tục diễn xuất? Cô ta có trở nên nổi tiếng? (Được thế thì tốt.) Anh có bù đắp lại gì cho cô ta không? Tìm lại cô ấy? Cho cô ấy một vai diễn lớn? Hay ít nhất anh có rút ra bài học gì hay có hối hận gì sau chuyện này không? Anh có hiểu điều tôi đang nói không?

Nghe này, đó là cuộc đời của anh và tôi không định mớm lời gì cả. Nhưng câu chuyện này cần một cái kết nào đó – nó phải nói được chuyện gì đã xảy ra với cô gái, hay ít nhất anh đã làm được điều gì đúng

SAU LẦN VẤP NGÃ

Tháng 9, 1967

Seattle, Washington

SÂN KHẤU TỐI ĐEN. Có tiếng sóng vỗ. Sau đó xuất hiện:

MAGGIE áo xống nhàu nhĩ, tay cầm chai rượu, tóc tai lòa xòa trước mặt, lảo đảo đi ra phía rìa cầu tàu và đứng đó trong âm thanh của tiếng sóng. Khi cô sắp ngã nhào ra khỏi cầu tàu thì vừa lúc QUENTIN chạy ra khỏi căn nhà nhỏ và ôm chầm lấy cô. Cô chầm chậm quay người lại và họ ôm nhau. Tiếng nhạc jazz nhẹ nhàng vang lên từ phía căn nhà nhỏ.

MAGGIE: Anh đã được yêu thương, Quentin, chưa một người đàn ông nào lại được yêu thương như anh.

QUENTIN: [buông cô ra] Cả ngày nay máy bay của anh đã không thể cất cánh được .

MAGGIE: [say rượu nhưng còn tỉnh] Vừa nãy em đã định tự tử. Nhưng anh sẽ chẳng tin đâu mà.

“Ngừng ngay, ngừng ngay.”

Trên sân khấu, đôi vai của Debra Bender sụp xuống khi người đạo diễn đang ngồi ở hàng ghế đầu bỗng đứng phắt dậy, mũi đeo cặp kính gọng đen, tai giắt bút chì, tay cầm kịch bản. “Dee, em yêu, có chuyện gì thế?”

Cô nhìn xuống hàng ghế đầu. “Giờ thì chuyện gì đây, Ron?”

“Anh tưởng chúng ta sẽ đồng ý là em sẽ khắc họa nhân vật rõ hơn. Làm nó nổi bật lên cơ mà.”

Cô hơi liếc nhanh sang anh chàng diễn viên đang đứng cùng sân khấu, Aaron. Anh này thở dài rồi hăng giọng nói: “Tôi thích cách cô ấy diễn, Ron

à.” Anh ta chìa tay ra phía Debra như muốn nói: Đó, tôi chỉ giúp được đến thế thôi.

Nhưng Ron tảng lờ anh diễn viên này mà đi đến chỗ rìa sân khấu rồi leo thang lên sân khấu. Anh ta cố tình đi loạng choạng giữa mấy diễn viên rồi đặt tay lên tấm lưng nhỏ của Debra như thể hướng dẫn cô nhảy. “Dee, chỉ còn mười ngày nữa là công diễn rồi. Anh không muốn em không tìm ra cách diễn chỉ bởi vì vai này tinh tế quá.”

“À, em không nghĩ tinh tế lại là vấn đề đâu, Ron.” Cô xoay người nhẹ né bàn tay của anh ta. “Nếu ban đầu Maggie đã thể hiện một tính cách điên dại như thế, thì cái cảnh này không thể diễn được.”

“Cô ấy đang tìm cách tự vẫn, Dee ạ. Cô ta đúng là đã phát điên lên.”

“Đúng thế, nhưng mà...”

“Cô ta là kẻ say rượu, nghiện thuốc, kẻ lợi dụng đàn ông.”

“Em biết chứ, nhưng mà...”

Tay của Ron di chuyển dần dần xuống lưng cô. Người đàn ông này chả biết ngưng ngừng gì. “Đây là một cảnh hồi tưởng để chúng ta thấy rằng Quentin đã làm mọi thứ có thể giúp cho cô gái không tự vẫn.”

“Phải rồi –” Debra nhìn qua vai Ron sang phía Aaron, anh này làm bộ dạng như đang xóc lọ.

Ron bước đến gần hơn, người sực mùi nước thơm sau khi cạo râu. “Maggie đã rút cạn cuộc sống của Quentin, Dee. Cô ta đã giết cả hai người bọn họ...”

Vẫn nhìn qua vai Ron, lần này Aaron đang làm bộ cười một em gái tưởng tượng nào đó.

“Ừ hử,” Debra đáp. “Có lẽ chúng ta nên nói chuyện riêng với nhau một lát, Ron à.”

Cái bàn tay anh ta lướt xuống dưới lưng cô chút nữa. “Anh cho đó là một ý hay đấy.”

Bọn họ bước xuống sân khấu và tiến đến chỗ lối đi, Debra ngồi vào một cái ghế lưng gỗ. Không ngồi bên cạnh cô, Ron lại chen vào đứng giữa cô và

cái ghế khán giả trước mặt cô, để chân họ chạm nhau. Lạy Chúa tôi, người đàn ông này sức mùi nước thơm Aqua Velva. “Có chuyện gì thế, em yêu?”

Có chuyện gì? Cô suýt phá lên cười. Phải bắt đầu từ đâu đây? Có lẽ từ lúc đồng ý tham gia vở kịch nói về Arthur Miller và Marilyn Monroe, được đạo diễn bởi người đàn ông đã có gia đình mà sáu năm trước cô đã từng ngốc nghếch ngủ với hắn và rồi sau đó vô tình đụng mặt tại một sự kiện gây quỹ của nhà hát Seattle. Hay có lẽ, giờ ngẫm lại cô mới thấy, đó chính là sai lầm đầu tiên của cô, đi dự một sự kiện mà cô biết đáng lẽ không nên tới. Trong mấy năm đầu trở về Seattle, cô đã tránh gặp lại mấy người quen cũ ở nhà hát – không muốn giải thích cho họ chuyện đưa con trai hay làm thế nào mà “sự nghiệp phim ảnh” của cô tiêu tan. Thế rồi cô thấy mục quảng cáo về một sự kiện gây quỹ trên tờ báo địa phương và thú nhận với bản thân rằng cô nhớ những sự kiện đó đến mức nào.

Cô bước vào buổi tiệc, cảm nhận được bầu không khí thân thuộc ấm áp, giống như về thăm lại sân ngôi trường cũ vậy. Thế rồi cô thấy Ron đang cầm một cái nĩa trong tay, trông như một con quỷ nhỏ. Ron đã có sự nghiệp rực rỡ tại nhà hát địa phương kể từ lúc cô đi vắng và Debra thực tâm mừng khi nhìn thấy anh ta, nhưng anh ta nhìn cô rồi nhìn người đàn ông lớn tuổi đi cùng với cô – lúc cô giới thiệu hai người với nhau: Ron, giới thiệu với anh đây là ông xã tôi, Alvis – thế là anh ta tái mặt rồi bỏ về.

“Hình như anh đang coi vở kịch này là... chuyện cá nhân mình,” Debra nói.

“Vở kịch này chính là chuyện cá nhân,” Ron nói nghiêm túc. Anh ta tháo kính ra và chùi chùi nó lên cánh tay. “Tất cả mọi vở kịch đều là chuyện cá nhân Dee ạ. Mọi loại nghệ thuật đều là vì cá nhân. Nếu không, làm để làm gì? Đây chính là vở kịch mang tính cá nhân nhất tôi từng dàn dựng.”

Hai tuần sau bữa tiệc gây quỹ, Ron gọi cho cô, xin lỗi vì đã bỏ về, anh ta giải thích rằng chưa chuẩn bị tinh thần để gặp lại cô. Hỏi thăm giờ cô đang làm gì. Cô trả lời nội trợ. Chồng cô sở hữu một đại lý xe Chevrolet ở Seattle, còn cô ở nhà nuôi dạy đứa con trai nhỏ. Ron hỏi liệu cô có nhớ việc diễn xuất không, và cô lầm bầm mấy lời ngớ ngẩn rằng lâu lâu không diễn

xuất cũng hay, nhưng với bản thân mình, cô biết rằng mình nhớ nó như nhớ tình yêu. Mất đi nó là mất nửa tâm hồn.

Một vài tuần sau đó, Ron gọi điện để nói rằng nhà hát đang dàn dựng một vở của Arthur Miller và anh ta làm đạo diễn. Cô có quan tâm đến việc diễn thử một trong các vai chính không? Cô cảm thấy như nghẹt thở, chóng mặt, như về lại tuổi hai mươi. Nhưng thật sự, đáng lẽ cô sẽ nói không nếu như không phải vì bộ phim cô vừa xem: bộ phim mới nhất của Dick và Liz. Thuần hóa bà chẵn, cái tên nhộn thế đấy. Đó là bộ phim thứ năm họ đóng chung với nhau, và dù cho Debra không có gan đi xem mấy bộ phim trước đó thì năm ngoài cả Burton lẫn Taylor đều được đề cử giải Oscar cho phim *Ai mà sợ Virginia Woolf?* và thế là cô bắt đầu tự hỏi liệu cô có sai khi cho rằng Dick đã lãng phí tài năng của mình hay không. Thế rồi cô thấy một mẫu quảng cáo phim Thuần hóa bà chẵn trong một tờ tạp chí – “Cặp đôi điện ảnh nổi tiếng nhất thế giới... trong bộ phim được đo ni đóng giày cho họ!” – rồi cô kiếm được một người trông trẻ, nói rằng cô có hẹn với bác sĩ và đi tới rạp chiếu phim mà không nói cho Alvis biết. Và, dù cho cô ghét phải thừa nhận, nhưng đó là một bộ phim xuất sắc. Dick diễn xuất tuyệt vời, khéo léo và chân thực, đóng vai đức ông chồng Petruchio say xỉn trong đám cưới như thể ông được sinh ra cho vai diễn này, mà dĩ nhiên là đúng như thế còn gì. Tất cả mọi thứ – Shakespeare, Liz, Dick, nước Ý – ập lên cô như một cái chết vội, và cô tiếc thương cho thời tuổi trẻ, cho những giấc mơ đã mất, và trong rạp chiếu phim ngày hôm đó cô đã khóc. Cô đã từ bỏ tất cả, một giọng nói cất lên. Không phải, cô nghĩ, bọn họ đã tước nó khỏi tôi. Cô cứ ngồi đó cho đến lúc những dòng giới thiệu diễn viên đã chạy hết, đèn trong rạp đã bật sáng mà cô vẫn ngồi đó, một mình.

Hai tuần sau đó, Ron lại gọi để giao cho cô vai diễn trong vở kịch. Debra gác máy và lại khóc nữa – Pat bỏ đồ chơi của nó xuống hỏi, *Ai làm mama hóc thía?* Và tối đó, khi Alvis đi làm về và hai người họ ngồi uống rượu martini khai vị, Debra đã kể cho Alvis nghe về cú điện thoại. Ông rất mừng cho cô. Ông biết cô nhớ việc diễn biết chừng nào. Cô cứ luôn kiếm cớ thoái thác: Còn Pat thì sao? Alvis nhún vai, bọn họ sẽ thuê một cô trông trẻ. Nhưng có lẽ lúc này không thích hợp. Alvis chỉ cười. Rồi còn một điều nữa,

Debra giải thích: người đạo diễn là một người đàn ông tên Ron Frye, và trước khi cô đến Hollywood – rồi sau đó đến Ý – cô đã có một chuyện yêu đương ngu ngốc ngăn ngủi với anh ta. Nhưng chẳng có chút mặn nồng nào cả, cô nói, cô đến với anh ta hoàn toàn là do đang buồn chán, hay có lẽ chỉ là bởi anh ta thích cô. Và lúc đó Ron cũng đã có gia đình. A, Alvis thốt lên. Nhưng giữa tụi em chẳng có gì cả, cô trấn an Alvis. Đó là cô thời bông bột, người tin rằng nếu cô chỉ cần phớt lờ những quy định và phép tắc, những thứ như hôn nhân chẳng hạn, thì chúng sẽ chẳng làm gì được cô. Giờ thì cô không còn là cô bé của ngày xưa nữa.

Một Alvis mạnh mẽ, an toàn chỉ đơn giản nhún vai cho qua quá khứ của cô với Ron rồi động viên cô nhận vai diễn. Nên cô đã làm vậy – và đã giành được vai đó. Nhưng khi bắt đầu tập dượt, Debra liền nhận ra Ron đã liên hệ bản thân mình với nhân vật nam chính trong kịch của Miller là Quentin. Thực tế, anh là coi bản thân mình chính là Arthur Miller, vị thiên tài bị một nữ diễn viên trẻ xấu xa đầu óc nông cạn mai phục – mà cái cô diễn viên trẻ xấu xa đầu óc nông cạn đó dĩ nhiên là cô.

Trong rạp hát, Dee vấp chân này sang chân kia cho đến lúc chân cô không chạm chân anh ta nữa. “Nghe này, Ron, về chuyện xảy ra giữa chúng ta...”

“Chuyện xảy ra?” anh ta ngắt lời. “Em nói nghe như thể một tai nạn xe hơi vậy.” Anh ta đặt tay lên chân cô.

Có những kỷ niệm vẫn còn rõ nét tới mức ta có thể nhắm mắt vào mà ngập chìm lại trong chúng một lần nữa

Đó là những kỷ niệm được kể bằng ngôi thứ nhất: những kỷ niệm Tôi. Nhưng có những kỷ niệm ngôi thứ hai nữa, những kỷ niệm Anh xa xôi, và đó toàn là những kỷ niệm rắc rối: ta nhìn lại bản thân ta mà không tin nổi – chẳng hạn như bữa tiệc sau vở diễn Much Ado tại cái nhà hát cũ hồi năm 1961, khi cô quyến rũ Ron. Cho dù việc nhớ lại điều đó cũng giống như là coi lại một bộ phim trong đó anh xuất hiện trên màn hình làm những việc tệ hại mà chính anh cũng không tin nổi – một cô Debra khác, khoái trá vì có được sự chú ý của Ron, chàng diễn viên hút tẩu đi học ở New York và diễn kịch ở nhà hát Off-Broadway, và cô đã tiếp cận anh ta tại bữa tiệc ấy, làm

nhảm về những tham vọng ngu ngốc của cô (Em muốn làm tất cả: sân khấu lẫn điện ảnh), cô tỏ ra khêu gợi, rồi bạo dạn, rồi lại bẽn lễn, nhả từng câu từng chữ không chệ vào đâu được (Chỉ một đêm thôi), cứ như thể đang thử thách hết thảy mọi giới hạn quyền năng của mình...

Nhưng lúc này đây, trong nhà hát trống rỗng, cô gỡ tay anh ta ra. “Ron, em đã có gia đình rồi.”

“VẬY là lúc anh có gia đình thì không sao à. Nhưng mối quan hệ của em là, gì chứ... thiêng liêng lắm chắc?”

“Không. Chỉ là giờ chúng ta... đã lớn rồi. Chúng ta nên khôn ngoan hơn chứ?”

Anh ta cắn môi, nhìn chăm chăm vào chỗ nào đó cuối nhà hát. “Dee, anh không có ý tỏ ra tàn nhẫn, nhưng mà một gã say tuổi đã ngoài tứ tuần ư? Một gã bán xe cũ? Đấy là tình yêu của đời em sao?”

Cô tần ngần. Alvis đã từng đến đây đón cô hai lần và cả hai lần đều ghé đâu đó uống rượu trước khi đến. Cô mạnh miệng. “Ron, nếu anh tuyển em đóng trong vở kịch này vì nghĩ rằng giữa chúng ta vẫn còn gì đó thì em xin khẳng định là: không có đâu. Chấm hết rồi. Chúng ta ngủ với nhau, sao chứ, được hai lần? Anh cần phải quên chuyện đó đi nếu muốn chúng ta diễn vở kịch này cùng nhau.”

“Quên đi? Thế em nghĩ vở kịch này là thế nào, Dee?”

“Debra. Giờ tên em là Debra. Không phải Dee. Và vở kịch này không phải vì chúng ta, Ron. Nó nói về Arthur Miller và Marilyn Monroe.”

Anh ta gỡ kính ra, rồi đeo lại, rồi luồn tay vuốt tóc. Anh ta hít một hơi thở sâu đầy suy ngẫm. Diễn viên hay vận vai diễn vào người, đối xử mọi giây phút không chỉ như nó được viết ra dành riêng cho anh ta mà còn như là cảnh then chốt nhất trong bộ phim cuộc đời họ. “Em có bao giờ nghĩ rằng có lẽ đây chính là lý do tại sao em không làm được diễn viên không? Bởi vì với những diễn viên lớn, Dee... Debra ơi... tất cả đều nói về họ! Nó luôn luôn là về họ!”

Và cái điều tức cười đó là anh ta nói đúng. Cô biết. Cô đã ở gần những diễn viên lớn và bọn họ sống như thể mình là Cleopatra và Antony thực sự,

hay như Katherina và Petruchio, như thế cảnh diễn kết thúc khi họ bỏ đi, thế giới ngừng quay khi họ nhắm mắt.

“Em thậm chí không nhìn ra được mình là ai,” Ron nói. “Em lợi dụng con người ta. Em đùa giỡn với cuộc đời họ và đối xử với họ không ra gì.” Những lời nghe quen quen đó châm chích cô và Debra không biết đáp lại thế nào.

Thế rồi Ron quay người và dùng dùng trở lại chỗ sân khấu, để mặc Debra ngồi một mình trong chiếc ghế gỗ dành cho khán giả. “Hôm nay tập đến đây thôi!” anh ta la lên.

Cô gọi điện về nhà. Cô bé trông trẻ hàng xóm Emma mách Pat lại bẻ gãy công tắc chỗ tivi một lần nữa. Cô có nghe thấy tiếng thằng bé đang gõ nồi xoong trong bếp. “Pat, chị đang nói chuyện với mẹ em này.”

Tiếng khua xoong nồi càng âm ì hơn.

“Bố thằng bé đâu?” Debra hỏi.

Emma nói rằng Alvis có gọi điện lúc ông ở hãng Bender Chevrolet và hỏi cô bé liệu có thể trông em đến mười giờ đêm được không, ông đã đặt bữa tối ở nhà hàng sau giờ làm việc và nếu Debra gọi thì bảo cô đến nhà hàng Trader Vic’s.

Dee kiểm tra đồng hồ. Đã gần bảy giờ rồi. “Ông ấy gọi lúc mấy giờ, Emma?”

“Tầm bốn giờ.”

Đã ba tiếng rồi cơ à? Lúc này chắc ông ấy đã nốc ít nhất sáu ly rượu rồi – hoặc mới bốn ly nếu không đi thẳng tới quán. Dù là với một người uống khỏe như Alvis thì khai vị như thế cũng đã là nhiều. “Cám ơn cháu, Emma. Cô chú sẽ về sớm thôi.”

“À, cô Bender, lần trước đến quá nửa đêm cô chú mới về, mà hôm sau cháu còn phải đi học.”

“Cô biết, Emma. Cô xin lỗi. Cô hứa lần này cô chú sẽ về sớm.” Debra gác máy, mặc áo khoác và bước ra ngoài bầu không khí Seattle lạnh lẽo, một cơn mưa nhẹ đang đổ xuống phía lề đường. Xe của Ron vẫn còn trong bãi

xe. Cô nhanh chóng bước vào chiếc Corvair của mình và vặn chìa khóa. Không nổ máy. Cô lại thử một lần nữa. Vẫn không thấy gì.

Hai năm đầu tiên sau khi cưới, cứ sau nửa năm Alvis lại kiểm cho cô một chiếc Chevy mới từ đại lý của ông. Tuy thế, năm nay, cô bảo không cần thiết phải làm vậy, cô sẽ vẫn giữ chiếc Corvair. Và giờ thì nó lại không chịu nổ máy: cũng chẳng lạ. Cô đã tính gọi điện tới quán Trader Vic's nhưng chỗ đó cũng chỉ cách nhà hát từ 10 đến 12 lốc nhà, gần như chạy thẳng một lèo tới đại lộ số Năm. Cô có thể bắt tàu điện nhưng khi ra ngoài rồi cô lại quyết định đi bộ. Alvis sẽ giận – một điều ông ghét ở Seattle là cái “trung tâm cặn bã” của nó, cái chỗ mà giờ cô phải đi xuyên qua đây – nhưng cô vẫn đi, đi bộ sẽ giúp cô tỉnh trí lại sau cuộc nói chuyện khó chịu với Ron.

Cô bước đi mạnh mẽ, cái ô giương ra trong màn sương mù dày đặc. Vừa đi cô vừa tưởng tượng ra những điều mình đáng lý nên cãi với Ron (Đúng thế đấy, Alvis LÀ tình yêu của đời tôi). Cô nhớ lại những lời nói sắc nhọn như dao của anh ta (Em lợi dụng người khác... coi họ không ra gì). Trong buổi hẹn đầu tiên với Alvis cô cũng đã dùng những từ tương tự để mô tả cái ngành điện ảnh.

Khi quay lại Seattle cô thấy thành phố đã đổi khác, đầy hứa hẹn. Trước đây cô thấy nó sao mà nhỏ bé, nhưng mà có lẽ cô đã bị teo lại trước những chuyện xảy ra ở Ý, tả tơi quay trở về một thành phố đang được tắm nắng trong vinh quang của Hội chợ Thế giới, thậm chí những bạn diễn cũ của cô ở nhà hát cũng có được một nơi biểu diễn mới trên khu đất hội chợ. Dee tránh xa cái hội chợ đó, tránh xa nhà hát, cũng giống như cô tránh coi Cleopatra khi nó công chiếu (toàn những bình luận đáng xấu hổ về cách diễn xuất lẫn những cuộc ăn chơi chè chén); cô chuyển đến sống với em gái để “tự liếm lành vết thương” như lời mô tả khéo léo của cô em Darlene. Dee cứ ngỡ mình sinh xong sẽ cho đứa con làm con nuôi nhưng Darlene đã thuyết phục cô giữ lại đứa trẻ. Dee bảo gia đình đứa bé là con một chủ quán trọ người Ý và chính lời nói dối đó đã cho cô ý tưởng đặt tên đứa bé theo tên Pasquale. Khi Pat được ba tháng tuổi, Debra đi làm trở lại tại trung tâm thương mại Frederick và Nelson, quầy đồ ăn Men's Grill, và một ngày nọ khi đang rót nước gừng cho một khách hàng thì bỗng cô ngẩng lên và thấy

một người đàn ông quen thuộc, cao, gầy, đẹp trai, đứng hơi thông vai, tóc mai hai bên thái dương đã chuyển màu muối tiêu. Mất một lúc cô mới nhận ra được – là Alvis Bender, bạn của Pasquale. “Dee Moray,” ông gọi tên cô.

“Bộ ria mép của ông đã biến mất rồi,” cô thốt lên rồi nói tiếp. “Giờ tên tôi là Debra. Debra Moore.”

“Tôi xin lỗi, Debra,” Alvis nói và ngồi xuống quầy bar. Ông kể cho cô nghe rằng cha ông đang tìm kiếm việc mua lại một đại lý xe hơi ở Seattle và đã gửi Alvis đến đây để thăm dò thị trường.

Thật kỳ lạ khi vô tình gặp lại Alvis ở Seattle này. Giờ đây nước Ý đã như một giấc mơ gián đoạn với cô; và gặp lại ai đó lúc ngày xưa ấy nó như một cảm giác lạ mà quen, như vô tình gặp phải một nhân vật tiểu thuyết bước ra giữa phố xá. Nhưng người đàn ông này rất lịch thiệp và dễ bắt chuyện, và cô thấy thật nhẹ nhõm được ở cạnh một người biết rõ khúc đoạn trường đời mình. Cô nhận ra rằng việc nói dối mọi người về những việc đã xảy ra khiến cô như phải nín thở suốt một năm qua.

Hai người họ ăn tối, uống rượu. Alvis vui tính và cô ngay lập tức thấy thoải mái khi ở bên cạnh ông. Các đại lý xe hơi của bố ông đang làm ăn phát đạt và cũng thật dễ chịu khi ở cạnh một người mà họ rõ ràng có thể tự chăm sóc bản thân mình. Ông hôn nhẹ vào má cô lúc tạm biệt trước cửa căn hộ cô ở.

Ngày hôm sau, Alvis lại ghé qua quầy bán đồ ăn trưa nữa, và nói rằng ông phải thú nhận một điều: rằng việc ông tìm thấy cô không phải tình cờ. Vào những ngày cuối cô ở Ý, cô đã kể cho ông nghe về bản thân mình – bọn họ đã bắt thuyền đi cùng nhau đến La Spezia và ông đã đi cùng cô lên tàu hỏa tới sân bay Rome – và cô biết cô sẽ quay về Seattle. Để làm gì? Alvis đã hỏi cô lúc đó. Cô nhún vai trả lời cô từng làm việc tại một trung tâm mua sắm lớn ở Seattle, có lẽ cô sẽ quay về làm lại cho chỗ này. Vậy nên khi cha ông nói rằng đang kiếm chỗ đặt đại lý xe Chevy ở Seattle, Alvis đã nắm lấy cơ hội để tìm lại cô.

Ông đã thử ghé qua các trung tâm thương mại khác – Bon Marché và Rhodes of Seattle – rồi mới có người làm ở quầy nước hoa ở trung tâm

Frederick và Nelson nói cho hay rằng họ biết một cô gái cao ráo tóc vàng tên là Debra, cũng từng làm diễn viên.

“Vậy là, ông đã đi một chặng đường xa xôi đến Seattle này... chỉ để tìm tôi?”

“Đúng là chúng tôi cũng đang tìm kiếm một đại lý ở đây. Nhưng đúng thế, tôi cũng hy vọng có thể gặp lại cô nữa.” Ông nhìn xung quanh quầy bán đồ ăn trưa. “Cô có nhớ, lúc ở Ý, cô nói cô thích quyển sách của tôi và tôi nói rằng mình đang gặp khó khăn trong việc hoàn thành nó không? Cô có nhớ điều cô đã nói không – ‘Có lẽ nó đã hoàn chỉnh rồi. Có lẽ đó là tất cả câu chuyện?’”

“Ồ, ý tôi lúc đó không phải là...”

“Không, không,” ông ngắt lời cô. “Không sao. Đẳng nào năm năm qua tôi cũng không viết được thêm điều gì mới. Tôi cứ mãi viết đi viết lại có một chương. Nhưng khi cô nói điều đó, nó giống như cho phép tôi thú nhận rằng đó là tất cả những gì tôi có – cái chương duy nhất đó – và sống tiếp cuộc đời.” Ông mỉm cười. “Năm nay tôi không đến Ý nữa. Tôi nghĩ mình đã đến đó đủ rồi. Tôi sẵn sàng làm chuyện gì đó khác.”

Có điều gì trong cách ông nói những từ đó – sẵn sàng làm chuyện gì đó khác – khiến cô thấy rất đổi thân quen; cô từng nói điều tương tự với chính mình. “Ông định sẽ làm gì?”

“Chà, đó chính là thứ tôi muốn bàn cùng cô đấy. Điều tôi thực sự muốn làm, hơn hết thảy, là... đi nghe nhạc jazz.”

Cô mỉm cười. “Jazz?”

Đúng thế, ông trả lời. Người giữ cửa khách sạn đã nhắc đến một câu lạc bộ trên Phố Cherry, ở dưới chân đồi thì phải?

“Câu lạc bộ Penthouse,” cô nói.

Ông lấy ngón tay gõ nhịp lên mũi. “Chính chỗ ấy đấy.”

Cô bật cười: “Ông đang rủ tôi đi chơi đấy à, ông Bender?”

Ông lại nở cái nụ cười nửa miệng tinh quái đó. “Còn tùy câu trả lời của cô, cô Moore à.”

Cô nhìn ông chăm chú, dò xét – cái thân hình cong như dấu hỏi, gương mặt gầy, mớ tóc nâu xám chải xuống hợp thời trang – và thầm nghĩ: Được thôi, sao lại không chứ.

Thế đây Ron ạ: đây chính là tình yêu của đời cô.

Lúc này đây, chỉ còn cách quán Trader Vic's một lốc nhà, cô đã thấy chiếc xe hơi hiệu Biscayne của Alvis đang đậu nửa bánh trên vỉa hè. Ông ấy lại uống lúc làm việc à? Cô ngó vào bên trong xe nhưng ngoại trừ một điều thuốc mới hút có tí xiu trong gạt tàn, còn lại không có bằng chứng gì cho thấy ông chè chén say sưa cả.

Cô bước vào quán Trader Vic's, nơi có bầu không khí ấm áp và những thứ đồ trang trí bằng tre, tượng thổ dân, cột totem, những chiếc thuyền độc mộc treo trên trần nhà. Cô nhìn một vòng cái nhà lợp lá để tìm ông nhưng các bàn đều đầy kín những cặp đôi đang trò chuyện, và cả những cái ghế tròn to, nhưng không thấy ông ở đâu cả. Một phút sau, người quản lý, Harry Wong đã mang đến cho cô một ly mai tai. “Tôi nghĩ là cô uống giờ mới theo kịp ông ấy.” Ông ta chỉ cho cô một cái bàn phía sau quán và cô thấy Alvis ngồi đó, một cái ghế mây to bao quanh đầu ông như một vòng hào quang trong tranh thời phục hưng. Alvis đang làm điều mà ông giỏi nhất: uống rượu và tám chuyện, dạy đời cho cậu bé phục vụ tội nghiệp đang cố gắng nhích ra xa nhưng bị Alvis đặt cái bàn tay to tướng lên cánh tay, thế là cậu bé tội nghiệp bị mắc kẹt tại đó.

Cô cầm ly nước từ tay Harry Wong. “Cám ơn đã giữ cho ông ấy còn tỉnh táo, Harry.” Cô nghiêng cái ly đưa lên miệng khi vị ngọt giữa rượu mạnh và rum chạm đến cổ họng cô, Debra ngạc nhiên thấy mình đã uống hết nửa ly. Cô nhìn vào ly rượu bằng đôi mắt đã nhòa lệ. Hồi cô còn học cấp ba, một ngày nọ có ai đó đã nhét vào tủ đựng đồ của cô một mảnh giấy ghi “Đồ con điếm.” Cô đã tức tối khó chịu suốt cả ngày hôm đó mãi đến tối về nhà và thấy mẹ thì nước mắt nước mũi mới trào ra không sao hiểu được. Đó chính là cảm giác của cô lúc này, chỉ cần nhìn thấy Alvis – thậm chí là một ngài Alvis say xỉn, thấy một cái tôi khác đang lên giọng dạy đời của ông ấy – cũng đủ để làm cô òa khóc. Cô cẩn thận chậm chậm nước mắt, đưa ly rượu

lên môi uống hết. Rồi cô đưa lại cái ly cho Harry. “Harry, ông có thể mang cho chúng tôi ít nước và có lẽ thêm chút đồ ăn cho ông Bender được không?”

Harry gật đầu.

Cô đi qua đám đông đang nói chuyện, đảo mắt nhìn khắp phòng, và nghe được giọng ông chồng mình đang thao thao bất tuyệt, Bobby chắc chắn là có thể đánh bại LBJ *, ngay đoạn cao trào của nó: “... và tôi cho là cái công lao đáng chú ý nhất của chính phủ Kennedy, sự giành quyền bình đẳng cho mọi chủng tộc, đều thuộc về Bobby hết... và anh thử ngắm người phụ nữ này xem nào!”

* *Bobby Baker là cố vấn chính trị cho Lyndon B. Johnson (LBJ) – tổng thống thứ 36 của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ*

Alvis rạng rỡ tươi cười với cô, đôi mắt mờ vì rượu của ông dường như đang chảy ra ở đuôi mắt. Ông thả tay ra, cậu bé phục vụ liền bỏ đi nhanh, gật đầu cảm ơn Debra đã đến giải cứu mình đúng lúc. Alvis đứng như một cây dù dang rộng. Ông kéo ghế cho cô, lịch sự hết mức. “Mỗi lần anh thấy em, anh lại không thờ nổi.”

Cô ngồi xuống. “Em quên mất hôm nay vợ chồng mình ăn ngoài.”

“Vợ chồng mình thứ sáu nào chẳng ăn ngoài.”

“Mới thứ năm thôi, Alvis à.”

“Em cứ khuôn phép quá.”

Harry mang tới bàn cho mỗi người họ một cốc nước lớn và cả một đĩa trứng cuộn. Alvis nhấp ngụm nước. “Đây là thứ rượu martini tệ nhất tôi từng uống đấy Harry.”

“Là bà nhà gọi đấy, Alvis.”

Debra lấy điều thuốc ra khỏi tay Alvis và đặt vào đó miếng trứng. Alvis làm bộ như hút nó. “Êm thật,” ông nói. Còn Debra hít một hơi dài điều thuốc của mình.

Vừa ăn miếng trứng cuộn, Alvis vừa nói qua mũi: “Thía mọi việc ở nhà-hét thía nà, em iu?”

“Ron khiến em phát điên cả lên.”

“À, anh chàng đạo diễn đầy nhiệt huyết. Thế anh có cần quét vòng ba của em lấy vân tay không đây?”

Câu đùa của ông che đậy một sự bất an còn con, nó chỉ là một sự làm bộ ghen tuông. Cô vui vì cả hai – chút nhói đau vì ghen tuông của ông lẫn cách ông đùa để gạt nó đi. Đó là cái mà cô đáng lẽ nên nói với Ron, rằng chồng cô là người đàn ông đã trưởng thành khỏi những chiêu trò bất an thâm hại đó. Cô kể cho Alvis nghe chuyện Ron lúc nào cũng ngắt lời cô, bắt ép cô diễn vai Maggie như thể một nhân vật biếm họa – hỗn hển và ngu ngốc, cứ như đóng giả Marilyn ấy. “Em lẽ ra không bao giờ nên nhận vai này,” cô nói và nhấn điều thuốc lá vào chiếc gạt tàn, bẻ gập đầu của nó.

“Ôi, thôi nào.” Ông đốt một điều thuốc khác. “Em phải đóng vở kịch này, Debra à. Em có biết trong đời người ta được mấy cơ hội thế này không hả?” Dĩ nhiên, ông không chỉ nói về cô mà còn là nói về bản thân mình nữa – Alvis nhà văn thất bại, lãng phí cả đời chỉ để bán xe, mãi mãi là một tài năng không bao giờ được khám phá.

“Hắn nói những điều khủng khiếp.” Debra không nói cho Alvis nghe chuyện Ron đã sàm sỡ cô (chuyện đó cô tự giải quyết được) hay gọi Alvis là một lão say. Nhưng cô đã kể cho ông một điều xấu xa khác mà Ron nói với cô – Em lợi dụng người khác. Em đùa giỡn với cuộc đời của họ rồi lại coi họ không ra gì – và ngay khi vừa nói những điều đó, Debra lại thút thít.

“Em à, em à.” Ông nhích ghế lại gần và vòng tay ôm cô. “Em làm anh lo nếu thằng đàn đó lại đáng để em khóc vì nó đấy.”

“Em không khóc vì anh ta.” Debra chùi nước mắt. “Nhưng nhờ đâu anh ta nói đúng thì sao?”

“Dee ời là Dee.” Alvis vẫy tay kêu Harry Wong lại. “Harry. Anh có thấy người đẹp mặt ủ mày chau này ở bàn tôi không?”

Harry Wong mỉm cười và nói rằng ông có thấy.

“Ông có cảm thấy bị cô ấy lợi dụng không?”

“Bất kỳ lúc nào cô ấy muốn,” Harry trả lời.

“Thấy chưa, đó là lý do em luôn phải hỏi ý kiến một người khác đấy,” Alvis nói. “Nào, ngài Wong, ngài có thể kê đơn món nào đó chữa cái ảo giác

này không? Và nhớ làm đúp lên luôn nhé.”

Khi Harry đã đi khỏi, Alvis quay qua cô. “Nghe anh này, bà Bender: Con lừa đảo diễn nhà hát đó không có quyền nói với em rằng em là ai. Em hiểu chứ?”

Cô ngược nhìn lên đôi mắt nâu như màu rượu whisky điềm tĩnh của ông và gật đầu.

“Tất cả những gì chúng ta có là câu chuyện mà chúng ta kể. Mọi thứ chúng ta làm, mọi quyết định chúng ta đưa ra, điểm mạnh, điểm yếu, động cơ, quá khứ, tính cách – những gì ta tin tưởng – không có gì trong đó là thật cả; tất cả đều là một phần câu chuyện ta kể. Nhưng đây mới là vấn đề: câu chuyện chết tiệt đó là của riêng ta!”

Debra đỏ mặt trước mấy câu mượn rượu mà nói này của ông; cô biết mấy câu ủng hộ đó toàn là rượu nói, nhưng cũng giống như mấy lời nói huênh hoang của Alvis mỗi lúc say rượu, nó cũng có chút ý nghĩa nào đó.

“Cha mẹ em không có quyền kể câu chuyện của em. Các chị gái của em cũng thế. Khi con đã lớn khôn, kể cả Pat cũng không có quyền kể câu chuyện của em. Anh là chồng em mà còn không có quyền kể câu chuyện đó. Nên anh không quan tâm cái thằng đạo diễn ấy hấn si tình thế nào, hẳn không có cái quyền đó. Kể cả Richard Burton chết tiệt cũng không được quyền kể câu chuyện của em!” Debra lo lắng nhìn xung quanh, hơi một chút bất ngờ; bọn họ chưa hề nhắc đến cái tên ấy trước đây – kể cả lúc bàn đến chuyện có nói cho Pat nghe sự thật hay không. “Không ai có quyền nói với em cuộc đời em có nghĩa lý gì! Em có hiểu không?”

Cô hôn ông rất sâu, vừa để tỏ lòng biết ơn nhưng cũng là để ngăn ông không nói nữa, và khi cô quay đi, đã có một ly mai tai khác đang đợi cả hai bọn họ. Tình yêu đời cô ư? Nếu Alvis nói đúng và đây là câu chuyện của cô thì sao? Chắc chắn rồi. Sao không chứ.

Dee đứng run rẩy bên ngoài cửa xe ô tô đang mở của cô, ngược nhìn tòa nhà Space Needle tối đen trong khi Alvis cúi người bước vào trong chiếc Corvair. “Để xem vấn đề là gì nào.” Dĩ nhiên, chiếc xe nổ máy ngay. Ông

nhìn lên cô và nhún vai. “Anh cũng không biết phải nói với em sao. Em có chắc mình vặn hết chìa khóa chưa?”

Cô đặt ngón tay lên miệng và làm giọng gợi cảm như diễn viên Marilyn: “Úi, Anh Thợ máy, không ai bảo em phải vặn chìa khóa cả.”

“Thế leo vào băng ghế sau cùng thôi nhé, quý bà, tôi sẽ chỉ cho bà một đặc tính khác của chiếc xe đẹp đẽ này.”

Cô vươn người tới và hôn ông – tay của ông lần thấy chiếc váy cô, giật nhẹ một chiếc cúc bấm ra và luồn một tay vào, rờ lên bụng rồi xuống hông, ngón cái ấn xuống dải thắt lưng chiếc quần tất của cô. Cô lùi lại, rút tay ông ra. “Trời đất, anh thợ máy, nhanh nhẹn thế.”

Ông bước ra khỏi xe và hôn cô thật lâu, một tay đặt sau cổ cô, tay kia đặt lên eo.

“Thôi mà, chỉ 10 phút ở băng ghế sau thôi? Tụi trẻ giờ đều làm thế cả.”

“Thế còn cô bé trông trẻ?”

“Thêm bé ấy càng tốt, anh chịu chơi lắm,” ông nói. “Em nghĩ chúng mình thuyết phục được cô bé tham gia không?”

Cô biết ngay thế nào ông cũng đùa về chuyện này, nhưng cô vẫn cười. Lúc nào cô cũng biết Alvis sắp nói gì nhưng cô vẫn cười.

“Cô bé sẽ muốn có thêm 4 đô một giờ vì chuyện đó đấy.” Debra nói.

Vẫn còn ôm cô, Alvis thở dài. “Em à, khi em hài hước là lúc em gợi cảm nhất đấy.” Ông nhắm mắt lại, ngả đầu về phía sau và nở nụ cười chiếm trọn cả khuôn mặt dài. “Đôi khi anh ước gì mình chưa cưới để anh có thể ngỏ lời với em lần nữa.”

“Anh ngỏ lời lúc nào cũng được mà.”

“Dại gì, nhờ đâu em từ chối thì sao?” Ông lại hôn cô và bước ra xa, khoát tay và khom lưng. “Xe ngựa của quý cô đây.” Cô khẽ nhún đầu gối đáp lại và bước vào chiếc Corvair lạnh ngắt. Ông đóng cửa rồi đứng ngoài ngó vào xe. Cô khởi động cái cần gạt nước và một vết nước nhờn bị hất văng ra khỏi kính xe, suýt trúng Alvis.

Ông nhảy tránh và cô mỉm cười nhìn Alvis bước tới xe ông.

Cô cảm thấy tâm trạng đã vui hơn, nhưng vẫn còn lẩn cấn chuyện sao mình lại giận Ron đến như vậy. Có đúng là bởi thằng cha ấy mất nết? Hay là những gì hắn nói nghe quá quen và chua cay – tình yêu của đời cô? Có lẽ không phải. Nhưng mọi chuyện không đáng phải như thế? Có đúng cô đã bỏ qua được những mộng mơ của một cô gái mới lớn? Tình yêu của cô chẳng phải đã dịu dàng hơn, khiêm tốn hơn, không khiến cô mệt mỏi nữa? Đó có phải là thứ Ron khiến cô cảm thấy không – tội lỗi (Em lợi dụng người khác), vì một thời điểm khó khăn nào đó trong đời, cô đã đánh đổi nhan sắc của mình để lấy tình yêu của một người đàn ông lớn tuổi, để có được chút an tâm và một chiếc Corvair mới cáu, từ bỏ tình yêu để đổi lấy hình ảnh của cô phản chiếu trong đôi mắt si tình của ông ta? Có lẽ cô *đúng là Maggie*. Điều này lại khiến cô rơi nước mắt.

Cô lái xe theo sau chiếc Biscayne, bị ánh đèn đuôi xe nhấp nháy của nó thôi miên. Đường Denny gần như không có bóng người. Cô thực sự ghét cái ô tô của Alvis; thật là một cái xe mui kín dành cho mấy ông già. Ông ấy có thể lấy một chiếc Chevy xịn ra khỏi kho bất kỳ lúc nào, ấy vậy mà ông ấy lại chọn một chiếc Biscayne? Ở đèn đỏ tiếp theo cô đậu xe song song với ông, hạ cửa sổ xuống. Ông vươn người sang phía xe cô và cũng hạ cửa kính xuống.

“Mình thực sự cần một chiếc ô tô mới đấy,” cô nói. “Sao mình không kiếm một chiếc Corvette?”

“Không được.” Ông nhún đầu. “Giờ anh có con rồi.”

“Mấy đứa nhóc không thích Corvette sao?”

“Tụi nhỏ thích Corvette chứ.” Ông vẫy vẫy tay sau lưng như thể một ảo thuật gia hay một cô gái giới thiệu sản phẩm trong triển lãm. “Nhưng nó lại không có băng ghế sau.”

“Chúng ta có thể bỏ thằng nhỏ lên nóc xe mà.”

“Vợ chồng mình sẽ để năm đứa nhóc lên nóc xe?”

“Chúng mình sẽ có năm đứa con cơ à?”

“Anh quên chưa nói với em về chuyện đó à?”

Cô phá lên cười, và cảm thấy như mình cần phải... sao nhỉ, xin lỗi ông? Hay là chỉ cần bảo ông, lần thứ một ngàn rồi – có lẽ chỉ để trấn an bản thân – rằng cô yêu ông?

Alvis ngậm một miếng thuốc trong miệng và dùng chiếc bật lửa xe ô tô châm nó, khuôn mặt ông lẩn trong thứ ánh sáng vàng lập lòe. “Đừng chê bôi xe của anh nữa,” ông nói. Rồi ông nháy con mắt nâu nhòe nhoẹt của mình, vừa đạp ga vừa đạp phanh, chiếc xe rú lên, lốp xe cũng rít lên, khạc ra khói vàng, và ông đã tính thời điểm hoàn hảo sao cho khi đèn giao thông phía trước họ vừa đổi màu xanh là ông liền nhả thắng và chiếc xe như nhảy vọt về phía trước. Và, trong trí nhớ của Debra Bender, cái tiếng động đó nó xảy ra trước tất cả mọi thứ: chiếc Biscayne phóng ào tới ngã tư ngay khi một gã say khác lái chiếc xe tải nhỏ màu đen không bật đèn pha lao rất nhanh từ phía bên trái để tranh thủ mấy giây đèn vàng cuối cùng, nó lao lên ầm ầm rồi đâm bẹp dùm cửa xe của Alvis, thẳng vào mạn sườn chiếc Biscayne, đẩy nó qua thẳng ngã tư, tiếng sắt thép thủy tinh rít lên không ngớt trong khi Debra thét lên thất thanh, tiếng khóc đau khổ của cô còn kéo dài mãi sau khi hai chiếc xe dính nhau dừng lại ở phía xa lề đường.

TRẬN CHIẾN VÌ PORTO VERGOGNA

Tháng 4, 1962

Porto Vergogna, nước Ý

Pasquale nhìn theo Richard Burton và Michael Deane đang hối hả chạy về phía con thuyền cao tốc đi thuê của họ trong khi bà dì Valeria của mình đang đuổi theo sau, vừa la hét vừa giơ ngón tay cong gập lên chửi rủa: “Đồ giết người! Quân sát nhân!” Pasquale đứng ngồi không yên. Thế giới này đã rạn nứt và vỡ vụn thành nhiều mảnh tới nỗi Pasquale giờ không còn biết phải níu lấy mảnh nào: cả cha lẫn mẹ cậu đều đã qua đời, Amedea và con trai cậu lại ở Florence, dì cậu thì đang chửi rủa mấy ông làm điện ảnh. Những mảnh đời vỡ vụn của cậu nằm tan hoang trên mặt đất trước mặt như một cái gương soi thẳng vào cậu suốt bao năm qua, chỉ có điều giờ mới chịu vỡ vụn để lộ rõ cuộc đời đằng sau nó.

Pasquale túm lại được Valeria khi bà dì vẫn còn đang cố lội ra biển, chửi rủa và khóc lóc, bọt mép dính cả lên hai cái môi xám ngoét. Con thuyền đã lùì ra xa khỏi cầu cảng. Pasquale giữ lấy đôi vai gãy xương xấu của bà dì. “Đừng, Zia. Để họ đi đi. Không sao đâu.” Michael Deane đang đứng trên thuyền trừng trừng nhìn lại phía cậu – còn Richard Burton mắt vẫn hướng về phía trước, xoa xoa cổ chai rượu giữa hai lòng bàn tay khi chiếc thuyền hướng về phía đê chắn sóng. Phía đằng sau họ, các bà vợ ngư dân lặng lẽ dõi theo. Họ có biết điều Valeria đã làm không? Bà dì ngã vào người Pasquale nức nở. Cả hai người họ cứ thế đứng ngậy ra trên bờ biển nhìn con thuyền cao tốc vòng nhanh qua con đê, mũi thuyền ngóc lên đầy kiêu hãnh

khi người lái nhấn ga, và thế là con thuyền gầm lên, góc đầu dật tăng tốc và biến mất.

Pasquale đưa Valeria về lại khách sạn, dìu vào tận phòng. Bà dì leo lên giường nằm vừa khóc lóc vừa lầm bầm: “Tôi đã gây ra cơ sự khủng khiếp quá.”

“Không đâu dì,” Pasquale an ủi. Và cho dù đúng là Valeria đã gây chuyện khủng khiếp thật, cái tội khủng khiếp nhất có thể tưởng tượng ra thì Pasquale vẫn biết rằng đó là điều mà mẹ muốn cậu nói, nên cậu đã nói với dì: “Dì giúp mẹ con thế là tốt rồi.”

Valeria ngược lên nhìn vào mắt cậu, gật đầu rồi quay đi chỗ khác. Pasquale cố gắng cảm nhận sự hiện diện của mẹ mình nhưng cả cái khách sạn này thật trống vắng, không còn mẹ nữa, không còn lại gì. Cậu để dì nghỉ ngơi rồi đi xuống trattoria, Alvis Bender đang ngồi đó chỗ chiếc bàn sắt, nhìn xa xăm ra cửa sổ, một chai rượu mở nắp đặt trước mặt. Ông ta ngược nhìn lên: “Dì cậu không sao chứ?”

“Không sao,” cậu trả lời, nhưng cậu đang mãi nghĩ tới điều mà Michael Deane đã nói – Không đơn giản đâu – và nghĩ về chuyện Dee Moray biến mất khỏi nhà ga La Spezia buổi sáng hôm đó. Mấy ngày trước, khi họ leo núi cùng nhau, Pasquale đã chỉ cho cô thấy con đường mòn dẫn từ vách núi xuống phía Portovenere và La Spezia. Lúc này đây cậu tưởng tượng ra cảnh cô vừa đi xa khỏi La Spezia vừa ngược nhìn lên những ngọn đồi này.

“Cháu đi dạo chút nhé chú Alvis,” cậu nói.

Alvis gật đầu rồi với tay lấy chai rượu.

Pasquale bước ra khỏi cửa trước, mặc kệ cánh cửa đóng sập đằng sau mình. Cậu rẽ sang hướng nhà Lugo, đi ngang qua nhà thấy vợ người anh hùng này Bettina đang đứng ở cửa trước ngó cậu. Cậu không nói gì với bà ta mà chỉ lặng lẽ leo lên con đường ra ngoài làng, những viên đá nhỏ lăn lóc xóc xuống vách núi theo từng bước cậu đi. Cậu đi nhanh đoạn đường đám dê vẫn hay đi ngay trên phía mấy sợi dây cậu dùng để đánh dấu cái sân quần vợt ngu ngốc của mình, mấy cái dây đó giờ đang bay tứ tung trên bờ đá phía dưới cậu.

Pasquale đi vòng vèo xuyên qua những bụi ô liu để leo lên chỗ vách núi nhẵn phía sau Porto Vergogna, đến chỗ bụi cam cậu đu người nhảy lên. Cuối cùng cậu cũng leo được lên đến đỉnh, thế rồi cậu tiếp tục đi xuống chỗ khe nứt tiếp theo và lại vòng lên. Sau vài phút đi bộ, Pasquale đã leo qua được một loạt vách đá chìa ra và đến được chỗ cái công sự cũ – và ngay lập tức biết rằng mình đã đoán đúng. Cô ấy đã từ La Spezia leo lên tận đây. Những cành cây và viên đá mà cậu dùng để chặn cửa hôm họ rời khỏi nơi này đã được gỡ ra hết để lộ lối vào.

Mặc kệ cơn gió như đang đập vào mặt, Pasquale bước qua tảng đá bị chẻ đôi và leo lên chỗ mái bê tông rồi thả người vào trong công sự.

Lúc này ngoài trời sáng sủa hơn so với lần trước đến đây, và vào cuối ngày lại càng có nhiều ánh sáng rọi vào ba cái lỗ châu mai này hơn, tuy vậy Pasquale cũng phải mất một lúc mới quen mắt. Rồi cậu nhìn thấy cô gái. Cô đang ngồi bó gối trong góc công sự, lưng dựa tường, áo khoác choàng lên vai phủ cả xuống chân. Dưới bóng mờ của mái vòm bê tông trông cô sao mong manh quá – thật khác với con người thanh tú ghé đến làng cậu vài ngày trước đó.

“Sao anh biết tôi ở đây?” cô hỏi.

“Tôi không biết, tôi chỉ đoán thôi.”

Cậu đến ngồi cạnh cô chỗ bức tường đối diện những bức bích họa. Sau một lúc, Dee ngả đầu vào vai cậu.

Pasquale luồn tay qua vai cô, kéo cô lại gần hơn, áp mặt cô vào ngực cậu. Lần trước khi họ đến đây, đó là vào buổi sáng – ánh sáng mặt trời chiếu xiên qua những lỗ châu mai và rọi xuống sàn. Còn bây giờ trong ánh sáng chiều muộn này, mặt trời đã đổi hướng và thứ ánh sáng trực tiếp của nó đang leo dần lên tường cho đến khi nó rọi thẳng vào những bức vẽ trước mặt họ, ba ô chữ nhật đầy ánh sáng đang soi rọi lên những màu sắc phai tàn của những bức chân dung.

“Tôi đã định đi bộ về đến tận khách sạn của anh,” cô nói. “Chỉ là tôi đang đợi xem nắng chiếu lên những bức tranh như lúc này.”

“Đẹp lắm,” cậu nói.

“Ban đầu, với tôi, đây có vẻ như là điều đáng buồn nhất khi mà sẽ không có ai thấy được những bức tranh này. Nhưng sau đó tôi lại nghĩ là: Nếu ta cắt bức tường này ra và trưng nó trong một phòng trưng bày thì sẽ thế nào? Vậy thì lúc đó nó sẽ chỉ đơn giản là năm bức vẽ phai màu trong một phòng trưng bày. Và đó là lúc tôi nhận ra: chúng đẹp như thế vì chúng được vẽ tại nơi này.”

“Đúng thế, tôi nghĩ thế.”

Họ ngồi yên lặng khi ngày dần biến mất, khi ánh nắng mặt trời từ các lỗ châu mai dần dần chiếu hết bức tường có tranh vẽ. Pasquale cảm thấy hai mắt cậu nặng trĩch và cậu nghĩ có lẽ đây là khoảnh khắc thân mật nhất cậu có thể có được lúc này: ngủ gục bên cạnh một người lúc chiều tối.

Trên bức tường công sự, một trong những ô cửa chữ nhật đầy nắng đã rơi vào khuôn mặt trên bức chân dung thứ hai của cô gái trẻ, khiến bức tranh trông như thể cô gái đang xoay đầu nhẹ nhàng để nhìn xuống cô gái tóc vàng xinh đẹp còn lại, cô gái bằng xương bằng thịt đang cuộn người lại ngồi bên cạnh chàng trai trẻ người Ý. Đó là thứ mà trước đó Pasquale từng để ý đến trong những buổi chiều tà, khi ánh sáng mặt trời lại có sức mạnh biến đổi những bức tranh với những góc chiếu khác nhau, làm chúng sống động hẳn lên.

“Anh có nghĩ anh ta còn gặp lại được cô ấy không?” Dee thì thầm.
“Người họa sĩ ấy?”

Pasquale cũng đã từng tự hỏi như vậy: liệu người họa sĩ có về lại được Đức, về với cô gái trong tranh. Từ những câu chuyện của ngư dân, cậu biết rằng hầu hết lính Đức đều đã bị bỏ mặc ở đây, để rồi bị bắt hoặc giết chết khi quân đội Mỹ tràn qua vùng quê này. Cậu tự hỏi liệu cô gái người Đức có hay rằng có người yêu cô tới mức vẽ cô hai lần liền trên một bức tường xi măng lạnh lẽo của một ụ súng.

“Có chứ,” Pasquale trả lời. “Tôi nghĩ vậy.”

“Và họ sẽ lấy nhau chứ?” Dee hỏi tiếp.

Pasquale có thể thấy cảnh tượng đó hiện ra trước mắt cậu. “Dĩ nhiên rồi.”

“Rồi họ có con không?”

“*Un bambino,*” Pasquale trả lời – một đứa con trai. Cậu ngạc nhiên khi thấy chính mình nói ra điều đó, và ngực cậu nhói đau; tất cả đều quá mức chịu đựng.

“Đêm nọ, anh bảo tôi rằng anh có thể bỏ lê từ Rome đến đây để gặp tôi.” Dee siết chặt cánh tay Pasquale. “Đó là điều đáng yêu hết sức.”

“Vâng.” *Nó không đơn giản như thế...*

Cô lại dựa vào vai cậu. Ánh sáng từ những lỗ châu mai đang di chuyển dọc lên bức tường và sắp vượt qua những bức tranh, chỉ còn sót lại một hình chữ nhật duy nhất phía trên đầu bức chân dung cuối cùng của cô gái – mặt trời đã sắp làm xong công việc soi sáng phòng triển lãm tranh này rồi. Cô ngược lên nhìn cậu. “Anh thực sự nghĩ rằng anh họa sĩ sẽ gặp lại được cô ấy chứ?”

“Ồ, được chứ,” Pasquale nói, giọng cậu khàn lại vì xúc động.

“Anh không nói thế chỉ để làm tôi vui đấy chứ?”

Và bởi vì cậu có cảm giác như muốn nổ tung ra và bởi cậu thiếu sự khéo léo trong ngôn từ tiếng Anh để có thể nói ra được tất cả những điều mình nghĩ lúc này – đó là theo ý cậu, ta càng sống lâu, càng hối tiếc nhiều, càng phải khổ sở, rằng cuộc sống chỉ là một tai ương – nên Pasquale Tursi chỉ biết trả lời: “Đâu có.”

Đã chiều muộn khi họ về đến ngôi làng. Pasquale giới thiệu Dee Moray với Alvis Bender. Alvis lúc đó đang ngồi đọc sách trên hàng hiên của khách sạn Cảnh quan Vừa phải liền vội đứng dậy, sách rơi cả xuống ghế. Dee và Alvis bắt tay nhau đầy gượng gạo, một người đàn ông hay chuyện như Bender đột nhiên cứng lưỡi, có lẽ là do vẻ đẹp của cô, hoặc cũng có thể do những sự kiện lạ lùng đã xảy ra hôm đó.

“Rất vui được biết ông,” cô nói. “Tôi hy vọng ông thông cảm giờ tôi phải về phòng ngả lưng một chút. Tôi đã đi cả một quãng đường xa và giờ thì mệt lử.”

“À, không sao,” Alvis nói và đến lúc đó ông mới nghĩ tới việc bỏ cái mũ vẫn giữ khư khư trước ngực ra.

Thế rồi Dee sức nhớ ra cái tên. “Ồ, chính là ông Bender,” cô nói và quay người lại. “Ông nhà văn?”

Ông cúi mặt xuống đất, sượng sùng vì cái danh xưng đó. “Ồ, nào phải nhà văn gì.”

“Sao lại không chứ,” cô nói. “Tôi rất thích quyển sách của ông.”

“Cám ơn cô,” Alvis Bender nói và đỏ bừng mặt, Pasquale chưa từng thấy ông như vậy bao giờ, cậu chưa từng tưởng tượng ra được nét mặt đó ở một người Mỹ cao sang như vậy. “Ý tôi là... quyển đó vẫn chưa viết xong. Còn nhiều chuyện để kể lắm.”

“Dĩ nhiên rồi.”

Alvis liếc sang chỗ Pasquale, rồi lại nhìn cô diễn viên xinh đẹp. Ông bật cười. “Cho dù thế, nói thật là, tôi cũng chỉ đủ sức viết được đến thế thôi.”

Cô cười nòng hậu: “À... có thể bấy nhiêu đó cũng đủ rồi. Nếu thế thì tôi cho đó là một câu chuyện tuyệt vời.” Rồi cô lại xin phép và biến mất vào bên trong khách sạn.

Pasquale và Alvis Bender đứng cạnh nhau trên hàng hiên nhìn chăm chăm vào cánh cửa khách sạn đã đóng kín.

“Lạy Chúa tôi. Cô gái của Burton đấy ư?” Alvis hỏi. “Không giống như tôi hình dung chút nào.”

“Đúng vậy,” Pasquale chỉ thốt lên được có thế.

Valeria đã trở vào trong căn bếp nhỏ và đang nấu nướng. Pasquale đứng bên cạnh khi bà dì nấu thêm một nồi xúp nữa. Khi xúp đã chín, cậu mang một chén lên phòng Dee nhưng cô đã say ngủ từ lúc nào. Cậu nhìn xuống cô đang nằm ngủ để biết chắc rằng cô vẫn đang thở. Rồi cậu để chén xúp lên chỗ tủ đầu giường và đi xuống dưới quán rượu nơi Alvis đang ăn xúp Valeria nấu và nhìn đăm đăm ra ngoài cửa sổ.

“Nơi này đã phát điên rồi, Pasquale. Cả thế giới đang tràn vào nó.”

Pasquale đã quá mệt không nói nổi nữa nên cậu bước qua bàn Alvis để đi ra cửa, nhìn mặt biển gợn màu xanh lục. Ở phía dưới biển, những ngư dân đang làm nốt những công việc cuối cùng trong ngày – hút thuốc và cười đùa khi phơi lưới và kỳ cọ mấy con thuyền.

Pasquale đẩy cửa bước ra chỗ hàng hiên gỗ đứng hút thuốc lá. Từng ngư dân lần lượt đi lên phía trên đồi, tay xách theo những gì còn sót lại sau khi bán mẻ lưới, người nào cũng vẫy tay hoặc gật đầu chào cậu. Tommaso Anh Lớn cầm một xâu cá nhỏ tiến đến chỗ Pasquale, nói rằng ông ta đã để dành lại chút cá cơm chứ không bán hết cho mấy nhà hàng du lịch. Cậu có nghĩ Valeria sẽ muốn có chút cá? Có chứ, Pasquale trả lời. Tommaso đi vào bên trong, vài phút sau trở ra, tay không còn cầm xâu cá nữa.

Alvis Bender đã nói đúng. Có ai đó đã mở van nước và cả thế giới đang tràn vào. Trước đó, Pasquale đã muốn cái thị trấn say ngủ này hãy thức dậy, và giờ thì... nhìn nó thử xem.

Có lẽ đó là lý do cậu chẳng may ngạc nhiên khi chỉ vài phút sau đó có tiếng động cơ tàu và con thuyền dài 10 mét của Gualfredo đang tung sóng tiến vào vịnh – lần này không phải Orenzio lái mà đích thân Gualfredo điều khiển tàu và thằng cha Pelle cục súc ngồi cạnh hẳn.

Pasquale tưởng mình phải cắn gậy hàm răng vì tức giận. Đó là sự sỉ nhục cuối cùng, cậu không thể chịu nổi nữa. Và trong cơn hoang mang, trong nỗi đau buồn của mình, Gualfredo đột nhiên trở thành cái gai xấu xí đang đâm vào sườn cậu. Cậu mở cửa quán, bước vào và chụp lấy cái batoong cũ của mẹ cậu đang treo trên giá để áo khoác. Alvis Bender đang nhìn cốc rượu liền ngẩng lên hỏi: “Có chuyện gì thế Pasquale?” Nhưng Pasquale không trả lời, chỉ xoay người lại bỏ ra ngoài, đi phăm phăm xuống con đường dốc hướng về phía hai gã đàn ông đang leo ra khỏi tàu. Những viên sỏi lăn xuống theo từng bước cậu đi, mây cuộn nhanh qua ánh chiều tím – những tia sáng mặt trời cuối cùng nhấp nháy trên bờ biển, sóng đập liên hồi lên những phiến đá nhẵn.

Hai gã đàn ông đã ra khỏi thuyền và bước trên đường, Gualfredo mỉm cười nói lớn: “Ba đêm cô người Mỹ ở đây trong khi đáng lẽ cô ta phải ở khách sạn của tôi đấy Pasquale. Cậu nợ tôi mấy đêm đó.”

Vẫn còn cách xa mấy chục thước, với ánh sáng mặt trời đang lụi dần phía sau họ, Pasquale không nhìn rõ nét của hai gã đàn ông, chỉ có dáng điệu của họ. Cậu không nói gì, chỉ lầm lì đi tới, tâm trí rộn lên những hình ảnh về

Richard Burton và Michael Deane, về người dì đầu độc mẹ cậu, về Amedea và đứa con cậu, về cái sân quần vợt thất bại, về sự chùn bước của cậu trước Gualfredo hôm nọ, về sự thực cậu mới phát hiện ra về bản thân: một thằng đàn ông yếu đuối.

“Cả gã người Anh cũng không trả tiền rượu,” Gualfredo nói, giờ chỉ còn cách khoảng chục bước chân. “Cậu cũng liệu mà trả cho tôi khoản đó nữa.”

“Không,” Pasquale nói gọn lỏn.

“Sao lại không?” Gualfredo hỏi lại.

Đằng sau, cậu nghe tiếng Alvis Bender đang đi ra từ chỗ hàng hiên. “Mọi việc ở dưới đó vẫn ổn chứ, Pasquale?”

Gualfredo nhìn lên chỗ khách sạn. “Cậu lại có thêm một khách Mỹ nữa cơ à? Cậu đang làm ăn cái gì ở đây thế, Tursi? Ta sẽ phải tính thuế gấp đôi đấy.”

Pasquale tiến đến họ ngay chỗ con đường tiến vào quảng trường, nơi đất cát của bờ biển quyện với con đường đá sỏi đầu tiên. Gualfredo toan mở miệng nói thêm điều gì nữa nhưng trước khi hăn kịp làm thế thì Pasquale đã vung gậy lên. Nó kêu lên cái rắc ngay trên cái cổ bò của thằng cục súc Pelle, gã rõ ràng không ngờ tới chuyện này, có lẽ chủ quan do thái độ nhút nhát của Pasquale lần trước. Gã to con đi lão đảo sang một bên và té xuống đất như một cái cây vừa bị đốn hạ, Pasquale giơ gậy định vung lên một lần nữa... nhưng thấy nó đã gãy đôi khi đập vào cổ của gã to con. Cậu vứt cán gậy sang một bên và tiến đến Gualfredo chỉ bằng hai năm dặm.

Nhưng Gualfredo là một tay đấm lão luyện. Vừa cúi đầu xuống né cú đánh của Pasquale, hăn liền tung ra ngay hai cú đấm liên tục, chắc nịch – một cú ngay má Pasquale, bồng rớt, cú kia ngay tai cậu khiến cậu lão đảo ngã lên gã Pelle đang gục trước đó. Nhận ra rằng cơn tức khí của mình sẽ không giúp được lâu Pasquale liền nhảy tới cái thân hình nung núc thịt của Gualfredo, cho đến khi cậu bị quây lấy trong những cú đấm của lão, cậu cũng vung tay hoa chân điên cuồng, những cú đấm của cậu nện lên đầu Gualfredo thành những tiếng thụi lớn rồi cả những cú tát bằng cổ tay, năm dặm, cùi chỏ – tất cả những vũ khí mà cậu có.

Nhưng rồi cái bàn tay to lớn của Pelle chụp lấy tóc cậu và một bàn tay bị thít thứ hai tóm lấy lưng cậu, thế là cậu bị kéo lê đi và lần đầu tiên Pasquale chột nhận ra rằng mọi chuyện diễn ra không như cậu tính, có lẽ cậu cần nhiều hơn là chút máu nóng và cái gậy batoong gậy để xử lý chuyện này. Sau đó đến cả máu nóng cũng nguội và Pasquale rên rỉ như một đứa nhỏ ngồi khóc vì mệt lử. Và, như một cái máy ủi đầu đang xì khói từ đâu xuất hiện, Pelle giáng một cú đấm vào bụng Pasquale, nhắc bóng cậu lên rồi thả phịch xuống đất thành một đống, gần như không thở nổi.

Gã Pelle bự con đứng phía trên cậu, mặt nhăn tít, Pasquale lơ mơ nhìn ra cái dáng hăn khi cậu thở hỗn hển và chờ cho cái máy ủi đó kết liễu đời mình. Pasquale rướn người tới và cào cào chút đất phía dưới cậu, tự hỏi rằng sao mình không ngửi được mùi biển nhưng rồi cậu biết rằng nếu không thở được sẽ chẳng ngửi được mùi gì cả. Pelle vừa định tiến đến chỗ cậu thì một cái bóng từ đâu lướt qua ánh mặt trời, khiến Pasquale ngẩng lên và thấy Alvis Bender bay từ bức tường đá rồi đập lên cái lưng bè bè của Pelle, khiến gã này chân chừ giẫy lất (trông gã như một đứa học sinh đeo cái thùng đàn ghi ta sau lưng) rồi mới với tay ra sau ném người đàn ông Mỹ cao gầy xuống như ném một cái giẻ ướt, khiến người này phải nhảy loi choi về phía bờ biển đầy đá để lấy lại thăng bằng.

Pasquale giờ đã gắng gượng đứng dậy được nhưng vẫn không thở nổi. Thế rồi Pelle tiến một bước về phía cậu, và rồi ba sự việc lạ lùng đã xảy ra cùng lúc: có một tiếng ĐỘP ngay phía trước cậu, một tiếng lách cách phía sau cậu, rồi từ bàn chân trái to bự của gã khổng lồ Pelle máu phun ra như đường ống vỡ, gã to con rống lên và gập người lại ôm lấy bàn chân.

Vừa thở khò khè Pasquale vừa quay đầu sang bên phía vai trái nhìn ra phía sau. Lão Lugo đang đi xuống con đường hẹp hướng về phía họ, vẫn đang mặc bộ đồ đánh vảy cá, tay đẩy chốt để nạp một viên đạn nữa vào cây súng trường của ông ta, một nhánh cây xanh vẫn còn treo lơ lửng chỗ nòng súng dính đầy đất, chứng tỏ ông ta vừa nhổ cây súng ra từ khu vườn của bà vợ. Cây súng giờ đang nhắm vào Gualfredo.

“Là tao định bắn vào cái của quý của mày, Gualfredo, nhưng giờ tao ngắm không còn chuẩn nữa,” Lugo nói. “Nhưng đến một gã mù cũng bắn trúng bụng mày được.”

“Lão già bắn vào chân tôi đó, Gualfredo,” gã khổng lồ Pelle tỉnh rụi nói.

Vài phút sau đó có tiếng lằm bằm, tiếng lê chân, rồi như có ai đó thổi không khí vào cho Pasquale thở lại được. Giống như đám trẻ con dọn dẹp bãi chiến trường sau khi chơi, những người đàn ông này dường như tự động sắp xếp trật tự đâu vào đó, cái trật tự xuất hiện khi có người trong nhóm đang chìa súng vào ai đó trong đám còn lại. Alvis Bender ngồi dậy, phía trên mắt u một cục to đùng, tai Pasquale vẫn còn ù ù; Gualfredo đang xoa xoa cái đầu đau của hắn; nhưng Pelle mới là người bị nặng nhất, viên đạn đã xuyên thủng bàn chân hắn ta.

Lugo nhìn vào vết thương của Pelle vẻ hơi thất vọng. “Tôi nhắm vào chân để ngăn cậu lại. Tôi không cố ý bắn trúng cậu đâu.”

“Đó là một phát súng khó đấy,” gã khổng lồ nói giọng pha chút ngưỡng mộ.

Mặt trời bây giờ chỉ còn là một vết đốm nơi chân trời, Valeria đang xách đèn lồng đi xuống từ khách sạn. Bà nói với Pasquale rằng cô gái Mỹ vẫn ngủ từ nãy đến giờ, chẳng hay biết gì cả, hắn đã mệt lả rồi. Sau đó, với Lugo cầm súng đứng bên cạnh, Valeria lau rửa vết thương cho Pelle và băng bó bàn chân ông ta thật chặt bằng vải xé ra từ vỏ gối và dây câu cá, gã to con nhăn mặt khi bà ta cột vết thương.

Alvis Bender dường như đặc biệt chú ý tới cái chân bị thương của Pelle và cứ hỏi suốt: Nó có đau không? Liệu có đi lại được không? Cảm giác thế nào?

“Tôi đã thấy nhiều vết thương thời chiến rồi,” Valeria nói, giọng dịu dàng kỳ lạ với gã khổng lồ đến bắt nạt cháu bà. “Cái vết này sẽ chóng khỏi thôi.” Bà ta chỉnh lại cái lồng đèn và lau mồ hôi trên cái đầu to như thùng bia của Pelle. “Anh sẽ không sao đâu.”

“Cám ơn bà,” Pelle nói.

Pasquale đi lên nhà xem tình hình Dee Moray. Đúng như dì cậu nói, cô vẫn còn say ngủ, thậm chí không nghe được tiếng súng đã chấm dứt cuộc ẩu đả vừa rồi.

Khi Pasquale đi xuống trở lại, Gualfredo đang đứng dựa vào bức tường ở quảng trường. Mắt vẫn nhìn về phía khẩu súng của Lugo, ông ta nói khẽ với Pasquale: “Cậu đã phạm sai lầm lớn Tursi. Cậu hiểu chứ hả? Một sai lầm rất lớn đấy.”

Pasquale chẳng nói gì.

“Cậu cũng hiểu là tôi sẽ còn trở lại đây chứ. Và mấy khẩu súng của tôi sẽ không phải do mấy lão già đánh cá bắn đâu.”

Pasquale không thể làm gì được ngoài việc chĩa vào lão khốn Gualfredo cái nhìn lạnh lẽo nhất của cậu cho đến khi Gualfredo phải nhìn lảng đi chỗ khác.

Vài phút sau, Gualfredo và gã Pelle tập tễnh bắt đầu đi xuống đồi đến chỗ cái thuyền, Lugo đi cùng họ như thể những người bạn cũ, tay vẫn cặp theo khẩu súng trường giống như đang cặp theo một đứa nhỏ gầy nhom gầy nhom. Đến chỗ biển, lão Lugo quay sang chỗ Gualfredo, nói vài câu gì đó, tay chĩa về phía làng, tay huơ huơ khẩu súng, thế rồi ông ta đi lên lại con đường dẫn đến quảng trường, tới chỗ Pasquale và Alvis Bender đang ngồi lấy lại sức. Con thuyền nổ máy và Gualfredo lẫn Pelle biến mất vào màn đêm.

Trên ban công của khách sạn, Pasquale rót cho ông bác già một cốc rượu vang.

Lugo Anh hùng Thời chiến Lãng nhãng tu một hơi dài rồi sau đó nhìn sang phía Alvis Bender, người chỉ đóng góp được chút xíu sức lực cho trận đánh. “*Liberatore,*” ông ta nói bằng giọng hơi châm chọc – Người giải phóng. Alvis Bender chỉ gật đầu. Trước đây Pasquale chưa bao giờ nghĩ đến, nhưng cả một thế hệ đàn ông nơi đây mang dáng dấp chiến tranh, cả cha cậu cũng thế, vậy mà bọn họ hiếm khi nói chuyện với nhau về điều đó. Pasquale luôn nghĩ về cuộc chiến như một điều gì đó to tát, nhưng cậu đã nghe Alvis nói về *cuộc chiến của ông* như thể mỗi người đều tham gia một

cuộc chiến riêng lẻ, một triệu người tham gia một triệu cuộc chiến của riêng mình.

“Bác nói gì với Gualfredo thế?” Pasquale hỏi Lugo.

Lugo ngoảnh ra sau nhìn Alvis Bender rồi lại nhìn về phía bờ biển. “Ta bảo Gualfredo rằng ta biết hắn có tiếng là kẻ răn tay, nhưng lần tới nếu hắn dám trở lại Porto Vergogna ta sẽ bắn nát chân hắn và khi hắn đang quằn quại trên bờ biển, ta sẽ lột quần hắn ra mà chọc cái cây cắm vườn này vào cái mông bự của hắn mà bóp cò. Ta nói hắn sẽ phải dùng cái giầy cuối cùng trong cuộc đời khốn nạn của hắn mà thấy đồng phân hôi thối đang tóe ra từ đầu.”

Cả Pasquale lẫn Alvis Bender đều không biết phải nói gì. Họ chỉ biết nhìn lão Lugo uống nốt ly rượu, đặt ly lên bàn và đi về nhà với vợ. Bà ta nhẹ nhàng đỡ khẩu súng trường cho chồng và thế là lão biến mất vào căn nhà nhỏ của mình.

CHUYỆN CHÀNG CA SĨ

Gần đây

Sandpoint, Idaho

11 giờ 14 sáng Đoàn người khốn khổ nhà Deane cất cánh từ sân bay LAX trên chặng đầu tiên trong cuộc hành trình vĩ đại của họ, chiếm hết nguyên một băng ghế hạng nhất của hãng Virgin Airlines bay thẳng tới Seattle. Trên ghế 2A, Michael Deane nhìn lơ đãng ngoài cửa sổ và mơ tưởng về cô diễn viên trông vẫn tươi trẻ như năm xưa (và cả ông cũng thế), tưởng tượng ra cô sẽ tha thứ cho ông ngay lập tức (Thôi thì nước chảy qua cầu, em à). Trên ghế 2B, Claire Silver lâu lâu mới ngẩng mặt lên khỏi chương mở đầu bị cắt bỏ khỏi tập hồi ký của Michael Deane để rồi thì thầm trong sưng sờ (Không có lý nào... con trai của Burton ư?). Câu chuyện đó thật quá sức khó chịu tới nỗi nó đáng lý sẽ khiến cô ngay lập tức quyết định nhận cái công việc ở viện bảo tàng sùng đạo kia, nhưng rồi sự ghê tởm câu chuyện đã khiến cô chịu thua sự ám ảnh với nó, chịu thua sự tò mò và cứ thế cô lật những trang sách ngày càng nhanh hơn, quên băng đi Shane Wheeler trên ghế 2C lâu lâu lại đẩy đưa vài câu sỗ sàng nhằm mào đầu cho một cuộc thương lượng mới (Tôi cũng không biết tính sao, có khi tôi nên mang Donner! đi chào hàng một vòng chẳng...). Nhưng khi thấy Claire đang đắm chìm trong cái tài liệu gì đó mà Michael Deane đưa cho, Shane lại bắt đầu lo rằng đó biết đâu lại là một bản thảo khác, có khi còn kỳ dị hơn cả bài pitch về Donner! của anh, thế là anh nhanh chóng bỏ luôn mấy cái chiến thuật thương lượng ra về ta đây của mình. Anh quay sang Pasquale già nua trên ghế 2D và bắt chuyện với cụ (“È sposato?” Bác có gia đình không? “Sì, ma mia moglie è morta.”

Có nhưng bà nhà tôi mất rồi. “Ah. *Mi dispiace. Figli?*” Cháu rất tiếc, còn con cái? “Sì, *tre figli e sei nipoti.*” Ba đứa con, sáu đứa cháu.) Nói chuyện về gia đình khiến Pasquale thấy ngỡ ngàng cho cái sự đổi già sến sẩm của một ông già như mình: cứ như thể một thằng choai choai si tình theo đuổi mãi một cô gái mà mình mới chỉ quen biết được ba ngày. Thật khờ dại làm sao.

Nhưng chẳng phải mọi sự tìm kiếm vĩ đại đều khờ dại hay sao? Vương quốc vàng El Dorado, Suối nguồn tươi trẻ và cả những dạng sống thông minh giống chúng ta tồn tại trong vũ trụ này – chúng ta biết có gì ngoài kia. Đó không phải những thứ thực sự thúc ép chúng ta phải đi tìm kiếm. Khoa học công nghệ có thể rút ngắn cuộc hành trình vĩ đại này chỉ thành vài ba chuyến xe hay chuyến bay – bốn tiểu bang và một ngàn hai trăm dặm đường gói gọn trong một buổi chiều – nhưng những cuộc tìm kiếm thực sự lại không được đo đếm bằng không gian hay thời gian mà là bằng hy vọng. Với những cuộc tìm kiếm như vậy chỉ có hai kết quả tốt đẹp xảy ra, một là hy vọng của những con người thông thái rằng mình sẽ gặp may – dong buồm đến châu Á nhưng vô tình lại tìm được châu Mỹ – hai là hy vọng của những chàng Bù nhìn rơm và Thợ rừng thiếc *: nhận ra rằng cái ta tìm kiếm lâu nay là cái ta vốn đã có rồi.

* Hai nhân vật trong câu chuyện Phù thủy xứ Oz cùng với cô bé Dorothy đi tới thành phố Ngọc lục bảo nơi có Oz, vị phù thủy có khả năng thỏa mãn mọi điều ước

Tới thành phố Ngọc lục bảo mơ ước, Đoàn người khốn khổ nhà Deane chuyển máy bay, Shane thỉnh thoảng lại nói gần nói xa rằng quãng đường mà họ đi được chỉ trong hai tiếng đồng hồ đến lúc này thì William Eddy có khi phải đi hết vài tháng.

“Và chúng ta thậm chí vẫn chưa phải ăn thịt bất kỳ người nào,” Michael Deane nói rồi để thêm một câu gỡ mồm khác: “cho đến lúc này.”

Ở chặng bay cuối cùng bọn họ bị nhồi nhét trong một cái máy bay cánh quạt dân dụng, một cái ống thuốc đánh răng đầy những sinh viên năm thứ nhất trở về nhà và các nhân viên bán hàng địa phương. Điều đáng mừng là chuyến bay này rất ngắn: 10 phút chạy đà, 10 phút băng qua mấy quả núi lô

nhô, 10 phút qua vùng sa mạc lòng chảo, 10 phút qua vùng đất chăn nuôi chắp vá, rồi sau đó là màn mây dày che phủ một thành phố nhỏ với hàng thông bao quanh. Ở độ cao gần cây số, viên phi công mơ màng chào đón họ đến Spokane, Washington, nhiệt độ dưới mặt đất là 12 độ C.

Khi máy bay hạ xuống đường băng, Claire để ý thấy 6 trong số 8 cuộc gọi lẫn tin nhắn của cô là từ Daryl, người đã sống được 36 tiếng đồng hồ rồi mà vẫn chưa được nói chuyện với bạn gái già và cuối cùng cũng nhận ra rằng già có làm sai điều gì đó. Tin nhắn đầu tiên là *E giận A?* Tin thứ hai *Có phải chuyện mấy cô thoát y?* Claire liền cắt điện thoại đi mà không thèm đọc các tin còn lại.

Cả đám người họ tản ra trên đường đi từ cầu hàng không qua khu sân bay sáng sủa sửa trật tự trông giống một trạm xe buýt sạch đẹp, rồi đi qua những bảng quảng cáo điện tử của mấy sòng bạc của người da đỏ, những bức tranh cảnh suối nước và những ngôi nhà gạch cổ, và những tấm biển chào mừng quý khách đến một nơi gọi là “Tây Bắc Thái Bình Dương”. Bọn họ tạo thành một đoàn người kỳ lạ: một ông cụ Pasquale già nua mặc vét tối, đầu đội mũ, tay chống gậy cứ như rớt ra khỏi một bộ phim đen trắng nào đó, Michael trông như một đối tượng thử nghiệm du hành thời gian khác, một ông già có gương mặt đừa trẻ lê chân bước, còn Shane bây giờ đang lo rằng mình khoa chân múa tay hơi nhiều khi cứ liên tục hất hất tóc rồi nói nhảm: “Tôi cũng còn nhiều ý tưởng khác nữa.” Chỉ có Claire sống sót và tỉnh táo sau cuộc hành trình này, và điều này khiến cho Shane nhớ về sự hy vọng hão huyền của William Eddy: tất cả mấy người phụ nữ đi cùng đã vượt qua được hẻm núi mà vẫn giữ được sinh lực của họ.

Phía bên ngoài, bầu trời trắng bệch, không khí nứt nẻ. Không thấy dấu hiệu nào về cái thành phố họ đã bay qua, chỉ là cây cối và đất đá bazan xung quanh khu vực đỗ xe của sân bay.

Một nhân viên của Michael là Emmett đã sắp xếp một thám tử tư đến sân bay đón họ, một người đàn ông hói, gầy, tầm 50 đang đứng dựa vào chiếc xe Ford Expedition dơ dáy. Ông ta khoác một cái áo choàng to nặng bên ngoài

áo ghi lê và giơ một tấm biển không khiến họ vui thích lắm khi nhìn thấy: MICHAEL DUNN.

Họ tiến lại gần và Claire hỏi: “Ông tìm Michael *Deane*?”

“Về chuyện cô diễn viên ngày xưa, đúng chứ?” Tay thám tử gần như không nhìn đến khuôn mặt kỳ lạ của Michael – như thể ông ta đã được cảnh báo là đừng có nhìn chăm chăm vào khuôn mặt đó. Ông ta giới thiệu mình là Alan, một cảnh sát đã về hưu và là thám tử tư. Ông ta mở cửa xe và chất đồ của họ lên. Claire ngồi băng ghế sau giữa Michael và Pasquale còn Shane ngồi phía trước gần người thám tử.

Trong chiếc SUV, Alan đưa cho họ một tập hồ sơ. “Tôi được dặn đây là chuyện ưu tiên hàng đầu. Không phải kể công chứ tôi đã phải làm việc liên tục suốt 24 tiếng đồng hồ đấy.”

Tập hồ sơ được chuyển ra phía sau xe và Claire cầm lấy nó, nhanh chóng lật tới phần giấy khai sinh và thông báo sinh đăng trên báo địa phương ở Cle Elum, Washington. “Ông nói năm 1962 bà ấy tầm 20 tuổi”, viên thám tử nói với Michael Deane, mắt nhìn qua kính chiếu hậu,”nhưng ngày sinh của bà ta lại là cuối năm 39. Cũng không lạ. Có hai kiểu người luôn nói dối về tuổi của họ: mấy cô diễn viên và mấy tay cầu thủ bóng chày Mỹ Latinh.”

Claire lật qua trang hai trong tập hồ sơ – Michael và Pasquale đều ngó qua vai cô để xem – một bản photo trang kỷ yếu năm 1956 của trường cấp ba Cle Elum. Thật dễ để nhận ra bà ấy: một mái tóc dài nổi bật với những đường nét khác biệt của một nữ diễn viên bẩm sinh. Bên cạnh hình cô gái trẻ ấy, trải suốt hai trang liền là hình toàn những đứa đeo gọng kính đen, mắt tròn sáng, tai vểnh, mặt mụn, đứa thì tóc bò liếm, đứa lại tóc cắt sát hoặc bới cao như tổ ong. Kể cả trong tấm hình đen trắng, Debra cũng khá nổi bật, đôi mắt của cô gái quá to, quá sâu đối với ngôi trường và thị trấn nhỏ này. Dưới tấm hình đề “DEBRA “DEE” MOORE: Đội hoạt náo viên Chiến binh – 3 năm, Công chúa Hội chợ hạt Kittitas, nhà hát Nhạc kịch – 3 năm, giải thí nghiệm khoa học – 2 năm.” Mỗi học sinh đều chọn cho mình một câu nói của những người nổi tiếng (Lincoln, Whitman, Nightingale, Jesus), câu

Debra Moore chọn là của nhà văn Pháp Émile Zola: *tôi tồn tại để sống mãi* liệt.

“Giờ bà ấy sống ở Sandpoint,” viên thám tử nói tiếp. “Cách đây một tiếng rưỡi chạy xe. Cũng khá xa. Bà ấy điều hành một nhà hát ở đây. Tôi nay bọn họ sẽ diễn một vở kịch. Tôi đã đặt trước bốn vé xem và cả 4 phòng khách sạn. Chiều mai tôi sẽ chở các vị về. Chiếc SUV nhập vào một con đường cao tốc, đi xuống một quả đồi khá dốc vào đến Spokane: khu trung tâm gồm những tòa nhà thấp xây đủ thể loại từ gạch, đá, thủy tinh, lác đác là những biển quảng cáo và các bãi đỗ xe, tất cả đều bị cắt đôi bởi cái cầu vượt xa lộ này.

Bọn họ vừa đi vừa đọc, hầu hết tập hồ sơ gồm những tờ quảng cáo kịch và danh sách diễn viên: *Giấc mộng đêm hè*, dàn dựng bởi khoa kịch Đại học Washington, trong đó “Dee Anne Moore” đóng vai Helena. Cô nổi bật lên trong mọi bức ảnh, cứ như thể mọi người khác trong thập niên 1950 này đều là những hình vẽ phẳng lì trở cứng thì đột nhiên người phụ nữ hiện đại, sống động này xuất hiện.

“Bà ấy đẹp thật,” Claire nói.

“Đúng thế,” Michael Deane gật gù.

“Sì,” Pasquale tán đồng.

Những bài phê bình cắt ra từ báo *Seattle Times* và *Post-Intelligencer* có đôi lời khen ngợi “Debra Moore” trong nhiều vai diễn trên sân khấu năm 1960, 1961, nét bút dạ quang của viên thám tử đã quệt qua những chữ như “tài năng mới,” và “một Dee Moore gây bất ngờ trên sàn diễn.” Tiếp đó là hai bài báo được photo từ tờ *Seattle Times* năm 1967, bài đầu tiên nói về một vụ tai nạn xe có một người chết, bài thứ hai là Cáo phó về người tài xế xấu số Alvis James Bender.

Trước khi Claire nghĩ ra được hai bài báo có liên quan gì tới Dee Moray thì Pasquale đã cầm tờ giấy lên và giúi vào tay Shane Wheeler đang ngồi băng ghế trước. “Cái này? Là gì thế?”

Shane đọc đoạn cáo phó nhỏ. Bender là một cựu quân nhân thế chiến II và là chủ một hãng xe Chevrolet ở Bắc Seattle. Ông ta chuyển đến Seattle

năm 1963, chỉ bốn năm trước khi mất. Cha mẹ vẫn còn sống ở Madison, Wisconsin, một anh trai và em gái, vài đứa cháu trai, cháu gái, vợ là Debra Bender, và con trai, Pat Bender sống ở Seattle.

“Hai người họ đã lấy nhau,” Shane bảo với Pasquale. ‘*sposati*. Đây là chồng của Dee Moray – *il marito. Morto, incidente di macchina* *.”

* *Người chồng. Chết rồi, tai nạn ô tô.*

Claire nhìn qua. Mặt Pasquale đã trở nên trắng bệch. Ông hỏi “*Quando?*” – khi nào.

“*Năm 1967*”

“*Tutto questo è pazzesco*,” Pasquale thì thầm. Tất cả mấy chuyện này thật điên rồ. Ông không nói gì thêm, chỉ ngả

người lại ghế, chậm chậm đưa tay lên miệng. Dường như ông không còn quan tâm gì tới tập hồ sơ nữa mà chỉ lơ đãng nhìn ra cửa sổ ngắm những trung tâm thương mại mọc lên khắp nơi, giống như kiểu ông lơ đãng nhìn ra cửa sổ máy bay lúc trước vậy.

Claire hết nhìn sang Shane rồi nhìn sang Pasquale: “Chẳng lẽ ông ấy hy vọng bà ấy không kết hôn à? Năm mươi năm rồi... đòi hỏi thế là hơi quá.” Pasquale không nói gì.

“Ông đã bao giờ nghĩ tới một chương trình truyền hình nơi ta ghép đôi mọi người với tình cũ của họ hồi học cấp ba chưa?” Shane hỏi Michael Deane nhưng ông này tảng lờ.

Những trang tiếp theo trong hồ sơ là một thông báo tốt nghiệp năm 1970 của Đại học Seattle (một bằng cử nhân giáo dục và tiếng Ý), các cáo phó của cha mẹ Debra, giấy tờ di chúc, giấy tờ thuế của một ngôi nhà bà bán năm 1987. Một quyển kỷ yếu cấp ba mới hơn chụp một bức hình đen trắng của đội ngũ giáo viên trường cấp ba Garfield đề chức danh của bà là “*Cô Moore-Bender: giáo viên kịch và tiếng Ý*”. Bà như ngày càng thu hút hơn qua mỗi tấm hình, gương mặt ngày càng sắc sảo, hoặc cũng có thể đó là vì bà chụp cùng những giáo viên khác, những thầy giáo mắt đờ đẫn đeo cái cà vạt to đùng, tóc mái xiên xẹo và những cô giáo người đầy ngấn mỡ tóc cắt ngắn đeo kính hình mắt mèo. Trong tấm hình chụp câu lạc bộ kịch bà đứng

giữa một đám học trò tóc tai bờm xờm đang phùng mang trợn mắt tạo dáng chụp ảnh – một đóa tulip giữa cánh đồng cỏ dại.

Trang tiếp theo trong tập hồ sơ là một bài báo khác cũng được sao chụp lại từ tờ *Chú ong Đưa tin hằng ngày Sandpoint*, khoảng năm 1999, viết rằng “Debra Moore, một giáo viên kịch đáng kính kiêm giám đốc nhà hát cộng đồng ở Seattle, chuẩn bị đảm nhận chức giám đốc nghệ thuật của Tổ chức nghệ thuật Sân khấu ở Bắc Idaho,” rồi bà “hy vọng sẽ bổ sung vào danh sách những vở kịch và nhạc kịch hiện có bằng một số vở mới sáng tác.”

Bộ hồ sơ kết lại bằng một vài trang nói về con trai bà, Pasquale “Pat” Bender; mấy trang này được chia thành hai loại – một là những lần vi phạm giao thông và tội hình sự (hầu hết là lái xe khi say xỉn và sử dụng thuốc phiện), loại hai là những câu chuyện đăng trên báo và tạp chí về các ban nhạc mà anh này đã tham gia. Claire đếm được ít nhất là năm nhóm – Garys, Tẩu thuốc sặc sỡ, Tàn Đồi, Những kẻ tham lam, Những người trầm lặng. Ban nhạc cuối cùng là thành công nhất, được hãng đĩa của Seattle Sub Pop ký hợp đồng thu âm, rồi sau đó đã ra được ba album hồi thập niên 1990. Hầu hết các mẫu chuyện đều lấy từ những tờ báo nhỏ chuyên viết về thể loại nhạc rock alternative, những bài đánh giá album và buổi hòa nhạc, những câu chuyện về nhóm nhạc này tổ chức tiệc mừng album mới ra đời hoặc hủy một sô diễn, nhưng cũng có cả những bài chê tơi bời của tờ Spin về một CD của nhóm tên là Manna, một đĩa hát chỉ được đánh giá hai sao kèm lời bình luận sau:”... khi sức hấp dẫn mạnh mẽ của Pat trên sân khấu chuyển sang phòng thu âm, thì bộ ba Seattle này nghe sẽ ấm áp và vui tươi. Nhưng thường khi cố gắng làm điều đó, anh ta lại tỏ vẻ bất cần, như thể anh ta đến phòng thu khi đang say khướt hoặc – tệ hơn với chàng ca sĩ phòng trà được yêu thích này – tỉnh táo.

Những trang cuối cùng trong tập hồ sơ là những tờ lịch diễn đăng trong tờ *Willamette Week* và *Sao Thủy* liệt kê những buổi biểu diễn sô lô của Pat Bender ở một vài câu lạc bộ vùng Portland năm 2007 và 2008, và một đoạn đánh giá ngắn trong *Người Scotsman*, một tờ báo ở Scotland, với một lời đánh giá gay gắt về cái gọi là *Pat Bender: Tui không cưỡng nổi bản thân mình!*

Và thế là hết. Họ đọc những tờ giấy khác nhau trong bộ hồ sơ, trao đổi với nhau, và cuối cùng lúc ngẩng lên thì thấy rằng mình đã ở khu mở rộng của thành phố rồi, những cụm nhà mới lấp loáng trong những khu đá bazan và vùng rừng cây rậm rạp. Một đời sống rút lại chỉ còn vài trang giấy rời rạc như thế này cảm giác thật vừa vui vừa buồn. Viên thám tử đang gõ tay trên bánh lái theo nhịp một bài hát mà chỉ có ông ta nghe được. “Gần đến đường giáp ranh hai bang rồi.”

Cuộc trường chinh của Đoàn người nhà Deane cũng chuẩn bị đến điểm kết thúc, chỉ còn một đường giáp ranh phải vượt qua nữa thôi – bốn bạn đồng hành không hẹn mà gặp ngồi trên chiếc xe chạy bằng nguyên liệu của những cuộc đời đã tàn phai. Họ vượt qua một trăm cây số trong một giờ đồng hồ, vượt qua năm mươi năm trong một ngày, cái tốc độ đó thật kỳ lạ, thật không thích hợp, và họ cứ thế qua những khung cửa sổ khác nhau nhìn vào khoảng thời gian ngổn ngang mơ hồ đó, và trong ba cây số liên tục, trong gần hai phút liền, mọi người đều im lặng cho đến khi Shane Wheeler nói, “Ồ, thế còn một chương trình về mấy cô gái mắc chứng biếng ăn nghe có được không?”

Michael Deane tặng lời anh chàng phiên dịch, ngả người ra băng ghế trước nói: “Bác tài, bác có biết gì về vở kịch chúng tôi sẽ coi tối nay không?”

CHUYỆN CHÀNG CA SĨ

Phần 4 trong bộ tác phẩm kịch Seattle Vở kịch ba hồi Tác giả Lydia Parker

NHÂN VẬT:

PAT, nhạc sĩ/ca sĩ đứng tuổi

LYDIA, người viết kịch bản đồng thời là bạn gái Pat

MARLA, cô hầu bàn trẻ tuổi

LYLE, cha dượng của Lydia

JOE, người quảng bá âm nhạc người Anh

UMI, cô gái người Anh làm ở quán bar

NGƯỜI LONDON, doanh nhân qua đường

DIỄN VIÊN:

PAT: Pat Bender

LYDIA: Bryn Pace

LYLE: Kevin Guest

MARLA/UMI: Shannon Curtis

JOE/LONDONER: Benny Giddons

Câu chuyện diễn ra trong khoảng 2005-2008, ở Seattle, London và Sandpoint, Idaho.

HỒI I

Cảnh I

[Một cái giường trong một căn phòng chật chội. Hai thân hình cuốn lấy nhau dưới tấm chăn, Pat, 43 tuổi và Marla, 22 tuổi. Ánh sáng mờ ảo; khán giả chỉ lờ mờ thấy được thân hình họ chứ không nhìn rõ mặt.]

Marla: Hử.

Pat: Ừm. Tuyệt lắm. Cám ơn cưng.

Marla: Ờ. Phải. Dĩ nhiên rồi.

Pat: Nghe này, anh không định làm thẳng đũa, nhưng mà mình nên mặc lại quần áo và ra khỏi đây em ạ.

Marla: Ồ. Vậy là... chỉ có bao nhiêu đó thôi sao?

Pat: Ý cưng là sao?

Marla: Không có gì. Chỉ là...

Pat: [cười] Là sao?

Marla: Không có gì.

Pat: Nói nghe xem nào.

Marla: Chỉ là... nhiều con bé trong quán bar đã nói về chuyện ngủ với anh. Em cứ tưởng mình bị làm sao mới chưa làm điều đó với Pat Bender hấp dẫn. Thế rồi, khi anh đến một mình hôm nay, em nghĩ, cơ hội của mình đây. Em cứ hy vọng nó sẽ... cũng không biết nữa... phải khác biệt cơ.

Pat: Khác... với các gì?

Marla: Em không biết.

Pat: Vì anh lúc nào cũng làm như thế cả.

Marla: Không, cũng được.

Pat: Cũng được? Chuyện này chỉ càng ngày càng hay hơn chứ.

Marla: Không, chắc tại em tin ba cái chuyện mấy anh chàng trắng hoa. Em tưởng anh phải biết nhiều hơn thế.

Pat: Biết... gì?

Marla: Em không biết. Kiểu như... mấy kỹ năng ấy.

Pat: Kỹ năng? Như thế nào? Bay lơ lửng? Thôi miên?

Marla: Không, chỉ là sau khi nghe mọi người bàn tán, em tưởng là em phải được... anh biết đấy... bốn hay năm lần.

Pat: Bốn hay năm lần gì?

Marla: [bẽn lễn] Anh biết mà.

Pat: Ồ. Thôi được rồi. Thế cứng được mấy lần rồi?

Marla: Đến lúc này à, chưa lần nào.

Pat: À, nghe anh bảo này: coi như anh nợ cứng đi. Nhưng bây giờ, cứng dậy mặc đồ vào trước khi...

[Có tiếng cửa đóng lại phía ngoài sân khấu. Toàn bộ cảnh đã diễn ra gần như trong bóng tối, ánh sáng duy nhất đến từ một cánh cửa mở. Giờ đây, vẫn trong bóng mờ đó, Pat kéo tấm chăn phủ lên đầu Marla.]

Pat: Thôi chết rồi.

[Lydia, ngoài 30 tuổi, tóc ngắn, quần xanh bộ đội, mũ lưỡi trai, BƯỚC VÀO. Cô dừng lại ở chỗ cửa vào, khuôn mặt được rọi sáng nhờ ánh đèn hắt ra từ căn phòng còn lại.]

Pat: Anh tưởng em đang ở buổi tập dượt.

Lydia: Em về sớm. Pat, chúng ta cần nói chuyện.

[Cô bước vào, giơ tay đến chỗ tủ đầu giường định mở đèn lên.]

Pat: Ủm, đừng bật đèn được không em?

Lydia: Anh lại bị đau nửa đầu à?

Pat: Rất tệ.

Lydia: Được thôi. À, em chỉ muốn xin lỗi vì đã ùng ùng đi khỏi nhà hàng tối nay. Anh nói đúng. Đôi khi em vẫn cố gắng thay đổi anh.

Pat: Lydia...

Lydia: Không, để em nói hết đã Pat. Chuyện này quan trọng lắm.

[Lydia bước ra phía cửa sổ, nhìn xa xăm, ánh sáng ngọn đèn đường hắt lên mặt cô.]

Lydia: Em đã mất quá nhiều thời gian cố gắng để “chỉnh” anh đến nỗi nhiều khi em không thấy nhờ anh mà chúng ta đã tiến xa đến đường này. Anh ở đây, không nghiện ngập gì đã hai năm rồi, và em cứ đa nghi quá, lúc nào cũng sợ anh dính vào rắc rối. Dù cho không có chuyện gì xảy ra.

Pat: Lydia à...

Lydia: [quay lưng lại] Xin anh, Pat. Chỉ cần nghe em. Em đã suy nghĩ mãi. Chúng ta nên rời đi. Đi khỏi Seattle mãi mãi. Đến Idaho.

Ở gần mẹ anh. Chính em đã nói chúng ta không thể cứ mãi trốn chạy khỏi những vấn đề của mình nhưng có lẽ bây giờ thì tình hình đã ổn hơn. Bắt đầu lại từ đầu. Né tránh đi quá khứ... mọi thứ linh tinh với những ban nhạc của anh, rồi mẹ em, rồi cha dượng em.

Pat: Lydia...

Lydia: Em biết anh định nói gì.

Pat: Anh không nghĩ thế đâu...

Lydia: Anh định nói là, thế New York thì sao đúng không? Em biết chúng ta đã làm hỏng chuyện. Nhưng lúc đó chúng ta còn trẻ Pat à. Và lúc đó anh vẫn còn nghiện ngập. Chúng ta chẳng có cơ hội nào lúc đó cả? Cái ngày em về nhà thấy anh đã cầm cố hết đồ đạc của chúng ta em lại thấy nhẹ cả người. Em đã chờ đợi cho đến lúc mọi thứ xuống tận đáy. Và nó đã xảy ra đúng như thế.

[Lydia lại quay người về phía cửa sổ.]

Lydia: Sau đó, em bảo mẹ anh rằng giá mà anh có thể dứt được mấy cơn nghiện, hẳn anh sẽ nổi tiếng. Bà đã nói một câu em không bao giờ quên: “Nhưng con à. Nó NGHIÊN sự nổi tiếng mà.” Pat: Chúa ơi, Lydia– Lydia: Pat, em về sớm khỏi buổi tập tối nay bởi vì mẹ anh đã gọi điện từ Idaho. Em cũng không biết phải nói sao giờ nữa. Nói chung là bệnh ung thư của bác đã chuyển sang di căn rồi.

[Lydia tiến đến chỗ chiếc giường, ngồi bên phía Pat]

Lydia: Bác sĩ bảo lần này không mổ được. Bác có thể sống thêm được vài tháng hay vài năm nhưng không ngăn được nó. Bác sẽ đi xạ trị lại nhưng người ta cũng đã áp dụng hết cách xạ trị rồi, giờ chỉ có thể kiểm soát nó được thôi. Nhưng giọng bác nghe vẫn còn khỏe lắm, Pat. Bác muốn em nói cho anh hay. Tự bác không nói ra với anh được. Bác sợ anh lại sa đà vào rượu chè nữa. Em bảo giờ anh đã mạnh mẽ hơn rồi- Pat: [thì thầm] Lydia, xin em...

Lydia: Vậy chúng ta hãy đi thôi, Pat. Anh nói sao, cứ đi thôi được không? Xin anh! Ý em là... chúng ta không thể sống mãi trong cái vòng luẩn quẩn này được... cãi vã, chia tay, làm lành, cuộc sống cứ quẩn quanh như thế, nhưng ngộ nhờ nó không phải là một vòng tròn lặp lại thì sao. Ngộ nhờ nó chỉ là một dòng nước cuốn ta ra xa? Ngộ nhờ khi nhìn lại chúng ta nhận ra mình chưa bao giờ thử thoát ra khỏi nó?

[Ở trên giường, Lydia lần tay vào chăn tìm tay của Pat. Nhưng cô sờ trúng cái gì đó liền rút tay lại, bật dậy khỏi giường, bật đèn lên, ánh sáng chiếu mạnh vào Pat và một đồng chăn lù lù trên giường. Cô giật tấm chăn ra. Chỉ có lúc này chúng ta mới thấy rõ được các diễn viên. Marla kéo chăn lên ngực, hơi giơ tay chào. Lydia lùi lại tận góc xa căn phòng. Pat chỉ nhìn lảng đi chỗ khác.]

Lydia: Ôi.

[Pat leo chậm chậm ra khỏi giường để lấy quần áo. Nhưng anh ta dừng lại. Anh ta trần truồng đứng đó như thể lần đầu tiên nhìn thấy cơ thể mình. Anh ta nhìn xuống, ngạc nhiên thấy mình đã ngấn mỡ và già đi ở tuổi trung niên này. Cuối cùng anh ta quay sang phía Lydia đang đứng chỗ cánh cửa. Sự im lặng dường như kéo dài bất tận.]

Pat: Vậy... chắc không chơi tay ba được rồi.

HẠ MÀN

Trong nhà hát chỉ đầy một nửa, tất cả mọi người đều há hốc miệng ra vì kinh ngạc, rồi sau đó là những tràng cười bối rối gượng gạo. Khi sân khấu hạ đèn, Claire nhận ra cô đã nín thở hồi hộp suốt cả cái cảnh mở đầu ngắn

ngủ của vở kịch. Giờ thì cô có thể thở phào, và toàn bộ các khán giả khác cũng giống cô, một sự giải tỏa căng thẳng đột ngột, cái tiếng cười tội lỗi bật ra trước cảnh anh chàng đều cẳng đang đứng trần trụi trên sân khấu – phần thân dưới đã được che lại khéo léo và kín đáo bằng chiếc chăn phủ lên thành giường.

Sân khấu tối đi để chuyển cảnh nhưng những bóng người ấy vẫn còn lưu lại trong mắt Claire. Cô nhận thấy rõ sự bài trí sân khấu thông minh của cảnh này: hầu hết đều được diễn trong ánh sáng mờ mờ, buộc khán giả phải cố gắng nhận ra những thân hình trong bóng tối ấy, thế nên lúc ánh sáng mạnh bật lên, khuôn mặt đau đớn của Lydia và sự bạc nhược của Pat đã xoáy thẳng vào võng mạc của họ như tia X quang – cô gái tội nghiệp đó đang nhìn chăm chăm vào người bạn trai lả lợ, vào người đàn bà khác đang nằm trên giường của họ, ánh sáng của sự phản bội và hối hận.

Đây không phải cái mà Claire trông đợi (chỉ là một nhà hát cộng đồng? Ở vùng Idaho xa xôi này?) khi bọn họ đến Sandpoint, một thị trấn trượt tuyết vùng Cựu Tây sôi nổi nằm giữa một cái hồ to và núi. Không kịp nhận phòng khách sạn, viên thám tử chở thẳng họ đến Nhà hát Panida, cái bảng hiệu kẻ chữ dọc đáng yêu của nó tạo thành hình chữ L nhỏ ngay phía trước mặt tiền, một chỗ bán vé kiểu xưa dẫn vào rạp Deco – quá rộng cho vở kịch nhỏ cá nhân này, nhưng vẫn là một căn phòng ấn tượng được trùng tu cẩn thận để bảo lưu cái kiến trúc rạp hát cổ thời những năm 1920. Phía cuối rạp hát trống rỗng nhưng những hàng ghế đầu tiên có kha khá dân hippie kiểu tỉnh lẻ mặc đồ đen đi dép xăng đan, và những cô nàng tóc vàng giả tạo trong những bộ đồ trượt tuyết, thậm chí có cả những cặp vợ chồng lớn tuổi trông khá giả mà nếu Claire biết rõ cái nhà hát tỉnh lẻ này thì bọn họ hẳn sẽ là nhà tài trợ cho nhóm kịch này. Lúc ngồi ổn định trong chiếc ghế cứng ròi, Claire liếc nhìn bìa của tờ quảng cáo: CHUYỆN CHÀNG CA SĨ – BUỔI DIỄN THỬ – NHÓM KỊCH BẮC IDAHO. Biết mà, cô nghĩ: buổi diễn của mấy tay nghiệp dư.

Thế nhưng khi vở kịch bắt đầu Claire đã bị sốc. Shane cũng vậy. “Oa,” anh nói khẽ. Claire hơi liếc sang Pasquale Tursi, ông cụ có vẻ chăm chú, cho dù rất khó đọc ra nét mặt của ông là gì – nó là sự ngưỡng mộ dành cho vở

kịch hay là sự bối rối rằng một gã đàn ông trần trụi đang diễn cái gì trên sân khấu.

Claire nhìn sang phía bên phải cô, Michael và gương mặt bằng sáp của ông ta có vẻ như đang kinh ngạc, tay ông ta đặt lên ngực. “Lạy Chúa, Claire. Cô có thấy điều đó không? Cô có thấy anh ta không?” Đúng rồi. Còn cả điều đó nữa. Không chối cãi được.

Pat Bender diễn rất có mãnh lực trên sân khấu. Cô không chắc đó là do cô biết cha anh ta là ai, hay có lẽ anh ta đang diễn lại bản thân mình, nhưng trong một khoảnh khắc ảo ảnh, cô tự hỏi liệu đây có phải là diễn viên vĩ đại nhất cô từng coi không.

Thế rồi ánh đèn lại sáng lên.

Đây là một vở kịch đơn giản. Từ cảnh mở đầu đó, câu chuyện đi theo Pat và Lydia trên hai cuộc hành trình song song của họ. Trong cuộc hành trình của mình, Pat mất ba năm liền say xỉn, sống cầu bơ cầu bất, cố gắng thuần hóa con ác quỷ trong mình. Anh ta biểu diễn một màn ca kịch độc thoại về những ban nhạc anh ta từng tham gia, về việc đã đánh mất Lydia – màn biểu diễn này cuối cùng đã khiến một nhà sản xuất âm nhạc trẻ người Ireland hồ hởi kéo anh ta đến London và Scotland. Đối với Pat chuyến đi đó đem về tuyệt vọng, một nỗ lực lằm lạp cuối cùng để trở nên nổi tiếng. Và tất cả đã hỏng bét cả khi Pat phản bội Joe, ngủ với Umi, cô gái mà anh bạn trẻ của mình thầm yêu. Joe bỏ trốn với tiền của Pat thế là anh ta mắc kẹt ở London.

Trong câu chuyện song song của Lydia, mẹ cô chết đột ngột và Lydia thấy mình bị cột vào trách nhiệm chăm sóc cho người cha dượng già cả, Lyle, một người cô chưa từng hòa thuận. Lyle là nhân vật giúp giải tỏa căng thẳng nhẹ nhàng, cứ liên tục quên rằng vợ ông ta đã mất rồi đi hỏi đứa con gái đã ba mươi lăm tuổi Lydia tại sao lại không đi học. Lydia muốn đưa ông vào nhà dưỡng lão nhưng Lyle không chịu, ông ta chỉ muốn ở với cô, thế là Lydia lại không nữa. Trong cách kể chuyện có hiệu quả hơn Claire mong đợi, Lydia đã lấp những khoảng trống thông tin và đánh dấu các mốc thời gian bằng cách nói chuyện qua điện thoại với mẹ của Pat, Debra ở Idaho.

Bà mẹ chưa bao giờ xuất hiện trên sân khấu nhưng lại có mặt phía bên kia đầu dây dù không ai nghe hay thấy bà. “Lyle lại làm ướt giường hôm nay nữa rồi bác à,” Lydia kể chuyện, ngừng một chút như để nghe phản ứng của một Debra vô hình (hoặc Dee, như lâu lâu cô vẫn gọi). “Đúng rồi, bác Dee, chuyện đó là tự nhiên mà... nhưng đây lại là giường cháu! Cháu ngẩng lên thấy ông ấy đã đứng ngay trên giường xả xuống một dòng rồi la lối: ‘Mấy cái khăn tay đâu rồi?’”

Cuối cùng, Lyle đã bị bỏng ở lò bếp trong khi Lydia đang đi làm, thế là cô không còn sự lựa chọn nào khác ngoài việc đưa ông ta vào nhà dưỡng lão. Lyle khóc bù lu bù loa khi cô nói cho ông hay. “Cha sẽ ổn thôi,” cô nói. “Con hứa mà.”

“Ta không lo cho mình,” Lyle nói. “Chỉ là... ta đã hứa với mẹ con. Giờ thì ta không biết ai sẽ chăm sóc cho con nữa”.

Trong giây phút tình ngộ đó – rằng Lyle tin rằng trước giờ ông ta vẫn luôn chăm sóc cho cô – Lydia hiểu ra cô cảm thấy mình sống đáng giá nhất khi cô chăm sóc cho người khác, và thế là cô đến Idaho để chăm sóc cho người mẹ ốm yếu của Pat. Thế rồi, một đêm nọ, cô đang ngủ thiếp đi trong phòng khách nhà Debra thì bỗng điện thoại reo. Có ánh sáng bật lên từ phía bên kia sân khấu, cho khán giả thấy đó là Pat đang đứng trong một buồng điện thoại màu đỏ gọi điện về nhờ mẹ giúp đỡ. Đầu tiên Lydia rất vui khi nghe tiếng anh nhưng dường như mọi thứ Pat quan tâm đó là anh ta đã hết tiền và cần giúp đỡ để đi từ London về nhà. Anh ta thậm chí còn không thèm hỏi thăm mẹ mình.

Lydia lặng người đi ở đầu dây bên kia. “Chờ đã. Bên đây giờ là mấy giờ?” anh hỏi. “Ba giờ sáng,” Lydia nói khẽ. Và đầu Pat gục xuống y như trong cảnh mở đầu.

“Ai gọi vậy cháu?” một giọng nói từ phía trong sân khấu vọng ra – những từ đầu tiên mà mẹ Pat nói ra trong suốt toàn bộ vở kịch. Trong buồng điện thoại ở London, Pat thì thầm: “Làm đi, Lydia.” Lydia hít một hơi sâu rồi trả lời với mẹ Pat: “Không ai cả,” rồi gác máy, ánh đèn mờ dần trong buồng điện thoại.

Pat đi lang thang vô định ở London – tả tơi, say xin ngồi bắt tréo chân chơi đàn guitar xin tiền trên góc phố, xoay xở để kiếm tiền về nhà. Một khách bộ hành London đi ngang qua và nói sẽ cho Pat một tờ hai mươi euro nếu anh ta chơi một bài tình ca. Pat bắt đầu chơi bài Lydia nhưng rồi anh ta ngừng lại. Anh ta không thể hát nổi nữa.

Còn ở Idaho, khi tuyết trên cửa sổ đánh dấu khoảng thời gian đã trôi qua, Lydia lại nhận được một cuộc gọi khác. Cha dượng cô đã mất trong nhà dưỡng lão. Cô cảm ơn người ta đã gọi điện rồi lại tiếp tục quay lại pha trà cho mẹ Pat, nhưng cô không làm nổi. Cô cứ đứng đó nhìn chăm chăm đôi bàn tay, dường như chỉ mình cô đơn độc trong cảnh diễn, trong cả thế giới. Và khi đó có tiếng gõ cửa. Cô ra mở. Đó là Pat Bender, cũng đứng trong cái khung cửa mà Lydia đã đứng ở đầu vở kịch. Lydia nhìn trân trân vào người bạn trai đã lâu không gặp, một chàng Odysseus bị bỏ rơi lang thang khắp thế giới chỉ để tìm đường quay về nhà. Đây là lần đầu tiên họ đứng chung với nhau trên sân khấu kể từ giây phút tệ hại khi anh ta trần truồng đứng trước cô ở đầu vở kịch. Lại một khoảnh khắc im lặng dài giữa họ, văng vẳng theo khoảnh khắc im lặng lúc đầu, thử thách sức chịu đựng của khán giả (Ai đó nói gì đi chứ!) cho đến khi Pat Bender khẽ rùng mình trên sân khấu, thì thầm: “Anh đã về quá trễ rồi ư?” – một câu nói còn trần trụi hơn cả cảnh đầu tiên nữa.

Lydia lắc đầu không: mẹ anh vẫn còn sống. Đôi vai Pat sụm xuống, vừa nhẹ nhõm vừa kiệt sức vừa hèn hạ, và anh ta chìa đôi bàn tay ra – một hành động đầu hàng. Giọng Dee vẫn văng vẳng: “Ai thế con?” Lydia hơi liếc ra phía sau và không hiểu sao khoảnh khắc này lại kéo dài lâu hơn. “Không ai cả,” Pat đáp lại, giọng vỡ khô. Thế rồi Lydia đưa tay ra chạm tay anh ta, và trong khoảnh khắc hai tay chạm nhau, ánh đèn vụt tắt. Vở kịch đã kết thúc.

Claire há hốc miệng, thờ hắt ra những xúc cảm cô nén lại 90 phút vừa qua. Đoàn lũ khách đều hiểu được điều này – một kết thúc trọn vẹn – và trong tiếng vỗ tay rào rào nổi lên bọn họ cũng cảm nhận được định mệnh của người thám hiểm: sự phát hiện tình cờ, đầy cứu rỗi về bản thân. Và ở giữa sự vỡ òa đó, Michael nghiêng người sang Claire và lại thì thầm: “Cô có nhận thấy điều đó không?”

Ở phía bên kia cô, Pasquale Tursi ghì chặt tay lên ngực như thể đang chịu đựng một cơn đau tim. “Bravo,” ông khen ngợi, rồi sau đó là, “È troppo tardi? *” Claire phải đoán nghĩa của câu đó, bởi vì đầu óc anh chàng phiên dịch tiếng Ý của họ giờ đang để ở đâu đâu, anh ta đang lấy hai tay ôm mặt. “Quý tha ma bắt tôi đi,” Shane văng tục. “Tôi nghĩ mình đã lãng phí cả cuộc đời rồi.”

Claire cũng thế, cô thấy bản thân mình rúm ró lại trước những gì mới xem. Trước đó, cô nói với Shane rằng mối quan hệ của cô với Daryl là “hết thuốc chữa.” Nhưng giờ cô nhận ra trong suốt cả vở kịch cô chỉ toàn nghĩ đến Daryl, một Daryl không thể cải tạo, một Daryl bó tay chấm com, gã bạn trai bỏ thương vương tội. Có lẽ mọi tình yêu đều hết cách cứu vãn rồi. Có lẽ cái câu châm ngôn của Michael Deane thông thái hơn mức ông ta ngờ tới: Người ta khó chối bỏ những gì mình muốn – khó hết yêu những gì mình yêu. Claire lấy điện thoại ra, bật lên, và trông thấy tin nhắn mới nhất từ Dary: Làm ơn cho anh biết EM ỔN ĐI.

Cô nhắn lại: Em ổn mà.

Ở bên cạnh cô, Michael Deane đặt tay ông ta lên cánh tay cô. “Tôi sẽ mua nó,” * ông ta nói.

Claire ngẩng lên khỏi điện thoại, cứ ngỡ Michael đang nói gì đó về Daryl. Nhưng rồi cô hiểu ra. Cô tự hỏi liệu thỏa thuận của cô với Số phận có còn giá trị không. Liệu

* *Đã quá trễ chưa? * Nguyên gốc tiếng Anh “I’m buying it” vừa có nghĩa tôi sẽ mua nó, vừa có nghĩa tôi sẽ tin vào điều đó.*

Chuyện chàng ca sĩ có phải là bộ phim tuyệt vời giữ cô lại trong ngành này không? “Ông muốn mua vở kịch sao?” cô hỏi. “Tôi muốn mua tất cả,” Michael Deane trả lời. “Vở kịch, những bài hát của anh ta – tất cả mọi thứ.” Ông ta đứng lên và nhìn xung quanh nhà hát nhỏ. “Tôi sẽ mua tất cả những thứ chết tiệt này.”

Bằng cách giơ ra cái danh thiệp hào nhoáng (Hollywood cơ à? Không đùa chứ?) Claire đã nhận được lời mời nồng nhiệt đến dự bữa tiệc sau buổi diễn từ một người gác cổng xăm trổ tùm lum và có chòm râu dê tên là Keith.

Theo sự chỉ đường của anh ta, bọn họ đi qua một lối nhà từ nhà hát hướng tới một ngôi nhà có mặt tiền bằng gạch, phía sau có nhiều cầu thang bộ đi lên. Tòa nhà này bị người ta cố ý xây dựng theo kiểu thô ráp như vậy với những đường ống nước lộ thiên và gạch xây mộc. Nó gợi cho Claire nhớ đến việc leo trèo để đi dự vô số buổi tiệc tùng ở trường đại học. Nhưng có sự đối lập trong kiểu dáng, trong bề rộng của những hành lang, độ cao của trần nhà nơi đây, những không gian xa hoa bạc màu trong những thị trấn kiểu Tây âu cổ này.

Pasquale ngừng lại chỗ cánh cửa. “*È qui, lei?*” Bà ấy có ở đây không?

Có thể, Shane nói, ngược lên khỏi màn hình điện thoại. “*C’è una festa, per gli attori.*” Đây là một bữa tiệc dành cho diễn viên. Anh lại dán mắt vào điện thoại và gửi một tin nhắn cho Sandra. “Chúng ta nói chuyện được không? Xin em? Giờ anh đã nhận ra mình là một thằng đần cẩu như thế nào rồi.”

Pasquale ngược lên nhìn tòa nhà nơi Dee có thể đang ở, gỡ mũ ra, vuốt lại tóc tai và bắt đầu đi lên cầu thang. Ở đầu cầu thang, Claire đỡ Michael Deane đang thở hổn hển leo nốt những bậc cuối cùng. Trên tầng hai này có ba căn hộ và họ đi về phía cuối chỗ cánh cửa mở duy nhất được chèn bằng một bình rượu.

Căn hộ ở cuối dãy này lớn và đáng yêu đúng kiểu thô ráp như phần còn lại của tòa nhà. Mất một lúc họ mới quen với ánh sáng của nền – đó là một căn hộ hai tầng to đùng với trần nhà cao. Tự bản thân căn phòng đã là một tác phẩm nghệ thuật, mà cũng có thể là một mớ đồ tạp nham – đây những ổ khóa tủ trường học đã cũ, gậy khúc côn cầu, thùng đựng báo – tất cả những thứ này bao quanh một cầu thang cuốn gỗ, nhìn cứ như đang trôi nổi trong không khí, nhìn kỹ hơn mới thấy cầu thang được giữ bằng ba sợi dây cáp cuộn vòng lại.

“Cả căn hộ này được trang hoàng bằng nghệ thuật sắp đặt,” Keith, anh chàng giữ cửa nhà hát vừa đến ngay sau họ nói. Anh ta có mái tóc đầu đinh mỏng và cả môi lẫn cổ, tai trên và mũi đều xỏ khuyên trông khá đau đớn, tai còn đeo vòng như kiểu cướp biển nữa. Đã từng diễn xuất trong những tác

phẩm của TAGNI – nhóm kịch bắc Idaho, anh ta bảo họ thế, nhưng anh ta cũng còn kiêm nhà thơ, họa sĩ, và nghệ sĩ video. (Chỉ thế thôi à? Claire chầm biếm tự hỏi. Còn vũ công hiện đại nữa chứ? Điêu khắc cát nữa chứ?)

“Một nghệ sĩ video?” Michael tỏ ra thích thú. “Thế anh có mang máy quay theo không?”

“Lúc nào tôi cũng mang máy quay theo người,” Keith nói và anh ta rút túi lấy ra một cái máy quay phim nhỏ đơn giản. “Cuộc đời tôi là một bộ phim tài liệu.”

Pasquale nhìn khắp mọi người trong bữa tiệc, nhưng không thấy bóng dáng của Dee. Ông ngả người tới nhờ Shane giúp nhưng anh chàng phiên dịch đang nhìn chăm chăm vô vọng vào tin nhắn trả lời của Sandra: GIỜ anh mới thấy mình là thằng đểu sao? Hãy để tôi yên.

Thấy Pasquale và Michael đang nhìn ngó xung quanh, Keith cứ tưởng hai người này đang tò mò, thế là anh ta bước đến giải thích. Người thiết kế ra căn hộ này, anh ta nói, là một cựu chiến binh trong cuộc chiến Việt Nam, tháng vừa rồi đã được giới thiệu trên tạp chí *Dwell*. “Ý tưởng của ông ấy đó là mọi dạng thiết kế đều chứa trong đó cả sự chín chắn lẫn bản chất trẻ trung, và thường là chúng ta bỏ qua mất những hình thức thú vị khi chúng bắt đầu già cỗi đi, bỏ qua cái bản chất thứ hai thú vị hơn của đồ vật. Nếu chỉ là hai cây gậy khúc côn cầu thì ai mà quan tâm. Nhưng những cây gậy đó ghép thành một cái ghế ư? Ồ, đó lại là chuyện khác.”

“Tất cả đều tuyệt vời,” Michael nói nghiêm chỉnh, đôi mắt nhìn cả căn phòng.

Đoàn kịch và dàn diễn viên vẫn chưa đến bữa tiệc; lúc này mới chỉ có mười lăm tới hai mươi vị khán giả đi dép đeo kính đen kiểu hippie đến, nói chuyện rì rầm, lâu lâu ré lên cười, tất cả bọn họ từng người một đều nhìn ngó những vị lữ khách lạ lùng trong Đoàn người Deane. Đám đông này rất quen thuộc, Claire nghĩ: một đám người nhỏ hơn, thô lỗ hơn thích bám theo mấy người nổi tiếng, nhưng cũng không khác mấy so với bất kỳ bữa tiệc sau buổi công chiếu nào ở mọi nơi. Rượu và đồ ăn nhẹ được xếp dài trên một cái bàn kim loại làm từ cánh cửa của một thang máy chuyển hàng cũ; một cái

gàu xúc nhỏ được đổ đầy đá và bia ướp lạnh. Claire thở phào khi cô đến phòng vệ sinh và thấy nó vẫn là một cái toa lét thực sự chứ không phải được làm từ động cơ chiếc thuyền cũ.

Cuối cùng, dàn diễn viên và đoàn kịch cũng bắt đầu tới. Tin đồn về sự xuất hiện của Michael Deane vĩ đại bắt đầu lan khắp đám đông, và những con người tham vọng tiến đến nói chuyện, lâu lâu nhắc tới sự diễn xuất của họ trong những cảnh phim quay tại thành phố Spokane, rồi diễn xuất cạnh Cuba Gooding Jr., Antonio Banderas, và em gái của John Travolta nữa. Mọi người mà Claire gặp dường như đều có máu nghệ sĩ – diễn viên, nhạc sĩ, họa sĩ, thiết kế đồ họa, giáo viên ba lê, nhà văn, nhà điêu khắc và thợ gốm, số lượng nhiều hơn khả năng chứa đựng của cả thành phố nhỏ này. Kể cả mấy người giáo viên và luật sư nếu không diễn kịch thì cũng chơi trong ban nhạc, hoặc điêu khắc băng – Michael thích thú trước hết thấy bọn họ. Claire thì ngạc nhiên trước năng lượng và sự tò mò thực tâm của ông ta. Ông ta cũng còn uống đến cả ly rượu vang thứ ba rồi – cô chưa từng thấy ông ta uống nhiều rượu như thế.

Một người phụ nữ có những nếp nhăn vòng cung đối nghịch với nước da láng mịn của Michael, nghiêng đầu sát tới trước và thực sự đã đụng vào trán của ông ta. “Lạy Chúa, tôi rất thích khuôn mặt của ông,” cứ như thể đây là một tác phẩm nghệ thuật mà chính ông ta đã tạo ra.

“Cám ơn cô,” Michael nói, bởi vì nó đúng là như thế – tác phẩm nghệ thuật của ông ta.

Người phụ nữ giới thiệu tên là Fantom, “bắt đầu bằng chữ F” và giải thích cô ta là người điêu khắc những món đồ nhỏ từ xà phòng, sau đó đem bán lại ở những hội chợ đồ thủ công và chợ đổi hàng.

“Tôi rất muốn được ngắm những tác phẩm đó,” Michael nói. “Tất cả mọi người ở đây đều là nghệ sĩ à?”

“Tôi biết,” Fantom nói và lục lọi cái ví. “Bắt đầu nhàm rồi hả?”

Trong khi Michael xem xét những tác phẩm nghệ thuật xà phòng tí hon ấy thì phần còn lại của đoàn người Deane đang ngày càng lo lắng. Pasquale cứ dôi mắt ra cửa một cách sốt ruột trong khi anh chàng phiên dịch si tình thì

vẫn còn đang đau khổ về cái tin nhắn cự tuyệt của Saundra, anh ta rót một cốc đầy rượu whiskey Canada còn Claire hỏi Keith về vở kịch.

“Một thứ nghiêm túc ra phết đấy, nhỉ?” Keith nói. “Debra hầu hết chỉ dựng mấy vở kịch cho trẻ con, nhạc kịch, hài kịch cho lễ hội – bất cứ thứ gì có thể kéo dân trượt tuyết ra khỏi núi vài giờ đồng hồ. Nhưng mỗi năm một lần bà ấy và Lydia lại dàn dựng một vở mới toanh như vậy. Lâu lâu cũng bị ban giám đốc la rầy, đặc biệt là từ mấy ông bà thiên chúa giáo gàn dở trong ban, nhưng đánh đổi như thế cũng đáng. Cứ mua vui cho mấy người khách du lịch để mỗi năm một lần lại được bùng nổ với những vở kịch như vừa rồi.”

Đến lúc này thì các thành viên đoàn kịch và dàn diễn viên đã đến dự bữa tiệc đông đủ, ngoại trừ Pat và Lydia. Claire đang nói chuyện với Shannon, cô diễn viên đóng vai cô gái ngủ với Pat ở đầu vở kịch. “Chị đến từ”- Shannon nuốt nước bọt, gần như không thể thốt nên lời – “Hollywood à?” Cô ta chớp mắt mắt nhanh hai lần. “Nơi đó thế nào?”

Sau khi đã nốc hết hai ly rượu rồi, Claire cảm nhận được sự căng thẳng của bốn mươi tám giờ đồng hồ qua, và cô mỉm cười, ngừng lại và suy nghĩ về câu hỏi. Đúng rồi, nó như thế nào? Chắc chắn không như những gì cô đã mơ về nó. Nhưng có lẽ nó cũng được. Chúng ta khó chối bỏ những gì mình muốn. Lúc còn ở nhà, cô khiến bản thân phát điên lên khi cứ lo lắng mãi về con người mà cô không trở thành được – và vì thế đã để lạc mất luôn con người hiện tại. Cô ngừng một lát để nhìn xung quanh, nhìn căn hộ chung cư xây bằng đồng đồ vớt đi trên một hòn đảo điên cuồng đầy những nghệ sĩ trên núi xuống này, nơi Michael đang hớn hờ phát danh thiếp cho mấy người làm xà phòng và diễn viên, bảo với họ ông ta “có lẽ sẽ có gì đó” dành cho họ, nơi Pasquale đang hồi hộp dõ ra cửa chờ người phụ nữ ông ta chưa hề gặp lại suốt 50 năm, nơi một anh chàng dễ xin như Shane đang xắn tay áo lên để giải thích nguồn gốc cái hình xăm của mình nhằm gây ấn tượng với Keith – và đó là khi Claire nhận ra rằng Pat Bender và mẹ cũng như bạn gái ông ta sẽ không đến bữa tiệc sau vở diễn này.

“Gì cơ? Ồ đúng rồi,” Keith nói, xác nhận sự nghi ngờ của cô. “Bọn họ chưa bao giờ tới dự những buổi tiệc sau diễn cả. Pat sẽ không chịu nổi những thứ rượu chè hút xách này.”

“Bọn họ đi đâu rồi?” Michael hỏi.

“Có lẽ đang ở chỗ căn nhà gỗ,” Keith nói. “Nghỉ ngơi với Dee.”

Michael Deane nắm lấy cánh tay Keith. “Anh sẽ đưa chúng tôi đến đó chứ?”

Claire nói chen vào “Có lẽ chúng ta nên chờ đến sáng mai chăng, Michael.”

“Không,” người dẫn đầu Đoàn người Deane đang say men hy vọng này nói. Ông ta liếc sang Pasquale già nua, nhần nại và ra một quyết định hệ trọng cuối cùng: “Đã gần năm mươi năm rồi. Không đợi chờ gì nữa hết.”

TANG LỄ

Tháng Tư 1962

Porto Vergogna, nước Ý

Pasquale thức giấc lúc trời vẫn còn tối mịt. Cậu ngồi dậy với tay lấy chiếc đồng hồ. Bốn rưỡi sáng. Cậu nghe thấy tiếng rì rầm của mấy ngư dân và tiếng thuyền trượt trên bờ cát để ra biển. Cậu mặc vội bộ đồ rồi nhanh chóng chạy ra bờ biển ngay lúc tờ mờ sáng này, đến chỗ Tommaso đang ngồi trên thuyền sửa chữa bộ đồ nghề.

“Cậu ra đây làm gì thế?” Tommaso hỏi.

Pasquale hỏi thử Tommaso lát nữa có thể chở cậu đến La Spezia làm lễ tang cho mẹ được không.

Tommaso tì tay vào ngực. “Tất nhiên là được chứ,” ông ta trả lời. Ông sẽ đi đánh cá tầm vài tiếng đồng hồ rồi sẽ quay về đón Pasquale trước buổi trưa. Thế có được không?

“Vâng, thế thì tốt quá,” Pasquale trả lời. “Cám ơn bác.”

“Ông bạn già nghiêng mũ, leo lại vào thuyền, kéo dây máy nổ thế là cái động cơ bắt đầu ho khặc khặc. Pasquale đứng nhìn Tommaso nhập hội cùng những người ngư dân khác, những con thuyền của họ nhấp nhô trên mặt biển dập dờn.

Pasquale quay trở về khách sạn định ngủ tiếp nhưng cậu không tài nào chợp mắt được. Cậu cứ nằm ngửa người trên giường mà nghĩ tới Dee Moray cũng đang nằm ở căn phòng ngay phía trên cậu.

Ngày trước, có vài lần hè đến cha mẹ đưa cậu đến bãi biển ở Chiavari. Có một lần cậu đang đào cát thì bỗng thấy một người phụ nữ xinh đẹp đang

nằm tằm nắng trên một chiếc khăn lớn. Làn da cô ấy sáng đến lấp lóa khiến Pasquale không thể rời mắt. Cuối cùng, lúc người phụ nữ đó cuộn khăn lại rồi bước đi, cô quay lại vẫy tay với cậu nhưng cậu bé Pasquale lúc đó bần thần đến nỗi chẳng biết cách mà giơ tay vẫy lại. Thế rồi cậu thấy có gì đó rơi ra khỏi túi xách của cô. Cậu liền chạy lại và nhặt nó lên khỏi cát. Đó là một chiếc nhẫn có khảm thứ đá gì đó màu hơi đỏ. Pasquale giữ nó trong tay một lúc còn người phụ nữ vẫn đi tiếp. Rồi cậu ngược lên và thấy mẹ đang nhìn mình, chờ xem cậu sẽ làm gì. “*signora!* *” cậu gọi với rồi đuổi theo người phụ nữ trên biển. Cô ta ngừng lại, lấy cái nhẫn, cảm ơn cậu, xoa xoa đầu cậu và thưởng cho cậu một đồng xu 50 lia. Lúc cậu quay lại, mẹ Pasquale đã nói: “Mẹ mong con sẽ vẫn làm y như thế dù không có mẹ nhìn theo.” Pasquale lúc bấy giờ không hiểu lắm lời mẹ nói. Mẹ cậu bảo: “Đôi khi những gì chúng ta muốn làm và những gì chúng ta buộc phải làm không giống nhau.” Bà đặt tay lên vai cậu. “Pasqo, khoảng cách giữa mong muốn và trách nhiệm của con càng gần bao nhiêu thì con sẽ càng hạnh phúc bấy nhiêu.”

* *Cô ơi*

Lúc đó cậu chưa giải thích được cho mẹ vì sao cậu không trả lại chiếc nhẫn ngay lập tức: đó là vì cậu tưởng nếu trả lại chiếc nhẫn, cậu sẽ phải lấy người phụ nữ đó và sẽ phải rời xa cha mẹ mình. Và cho dù lời dạy của người mẹ lúc đó vượt quá tầm trí óc non nớt của một cậu bé bảy tuổi thì bây giờ Pasquale lại hiểu ra được lời mẹ nói – cuộc sống sẽ dễ dàng hơn rất nhiều nếu điều ta mong muốn làm luôn trùng với điều ta phải làm.

Khi mặt trời cuối cùng cũng lên qua đỉnh vách núi, Pasquale lau người chỗ cái chậu nước đặt trong phòng rồi cậu mặc lên người bộ vét cũ cứng ngắc. Ở dưới nhà, cậu thấy dì Valeria đã dậy từ lúc nào và đang ngồi trên cái ghế yêu thích trong bếp, liếc mắt ngó bộ vét của cậu.

“Dì không thể đến lễ tang được,” bà dì thở dài. “Dì không tài nào dám nhìn mặt mục sư lúc này được cháu à.”

Pasquale bảo cậu hiểu rồi bỏ ra hút thuốc ngoài hàng hiên. Khi đám ngư dân đã đi hết, cả thị trấn như trống rỗng, chỉ còn lại mấy con mèo lượn lờ

chỗ quảng trường. Trời vẫn còn sương mờ, mặt trời vẫn chưa xua tan hết màn sương mù sáng sớm, sóng vẫn vỗ miệt mài lên chỗ bãi đá thấp.

Cậu nghe tiếng bước chân trên cầu thang. Cậu đã chờ không biết bao lâu để đón một người khách Mỹ. Ấy thế mà giờ cậu có đến hai người. Tiếng bước chân nghe nặng dần trên hàng hiên gỗ và ngay sau đó Alvis Bender đã đứng cạnh Pasquale. Alvis châm tẩu thuốc, hết cúi đầu sang trái rồi lại sang phải. Ông ta xoa xoa vết bầm nhẹ phía trên mắt. “Tôi đã hết thời đánh đấm được ai rồi, Pasquale à.”

“Chú có đau không?” Pasquale hỏi.

“Chỉ lòng kiêu hãnh của tôi là đau thôi.” Alvis hút tẩu một hơi. “Lạ thật,” ông vừa nhả khói vừa nói. “Hồi trước tôi thường đến đây là bởi nó yên tĩnh và tôi nghĩ mình sẽ tránh xa được thế giới trong một thời gian dài để viết lách. Giờ thì không còn được như vậy nữa rồi, nhỉ, Pasquale?”

Pasquale nhìn kỹ khuôn mặt người bạn lớn tuổi. Nó có những đường nét rất cởi mở, một kiểu khuôn mặt Mỹ điển hình, như khuôn mặt của Dee, của Michael Deane. Cậu tin rằng mình có thể nhận ra một người Mỹ ở bất cứ nơi nào bằng cái đặc điểm đó – sự cởi mở đó, cái niềm tin cố chấp của họ về “mọi khả năng đều có thể xảy ra,” một đặc điểm mà cậu cho rằng nước Ý, kể cả giới trẻ đều thiếu. Có thể đó là do sự khác biệt giữa tuổi đời hai quốc gia – nước Mỹ với sự trẻ trung của nó xây lên ào ào những rạp chiếu bóng ngoài trời cho dân tình chạy ô tô đến coi và cả những nhà hàng kiểu cao bồi, người Ý thì ngày càng co cụm lại trong những tàn tích của nhiều thế hệ, trong đồng tro tàn của các đế chế vang bóng một thời.

Điều này làm cho cậu nhớ tới Alvis Bender từng nói rằng các câu chuyện cũng giống như các quốc gia – nước Ý là một bộ sử thi vĩ đại, nước Anh là một quyển tiểu thuyết dày, nước Mỹ là một bộ phim màu hào hoáng – và cậu cũng nhớ Dee Moray từng nói cô đã dành biết bao năm “chờ đợi bộ phim đời mình bắt đầu,” và gần như lãng phí cả đời để đợi chờ nó.

Alvis lại châm tẩu thuốc mới. “*Lei è molto bella,*” cô ấy xinh đẹp quá.

Pasquale quay người sang chỗ Alvis. À, hẳn nhiên là ông ấy đang nói về Dee Moray rồi, chỉ tại Pasquale lúc đó đang mãi nghĩ về Amedea. “Sì,” cậu

trả lời, sau đó lại nói bằng tiếng Anh, “Alvis, hôm nay là lễ tang mẹ cháu.”

Hai người đàn ông này hòa nhã và quý mến nhau đến độ họ có những cuộc nói chuyện mà người này nói tiếng mẹ đẻ của người khác. Tôi biết rồi, Pasquale. Tôi rất tiếc. Cậu có cần tôi đi cùng không?

“Không cảm ơn chú. Cháu đi một mình,”

“Cậu có cần giúp gì không?”

Có, có một điều ông ấy có thể giúp được. Cậu ngẩng đầu lên và trông thấy Tommaso đang chạy thuyền tung nước về lại vịnh. Vừa kịp lúc. Pasquale quay sang Alvis và nói bằng tiếng Ý để đảm bảo diễn tả được hết ý. “Nếu đêm nay cháu không về, cháu cần chú làm giúp một việc.”

“Được chứ,” Alvis trả lời.

“Chú có thể chăm sóc Dee Moray được không? Bảo đảm cô ấy về Mỹ an toàn?”

“Tại sao? Cậu định đi đâu nữa à Pasquale?”

Pasquale thò tay vào túi và đưa cho Alvis số tiền Michael Deane đã đưa cho cậu. “Và đưa cái này cho cô ấy.”

“Được thôi,” Alvis trả lời rồi hỏi lại, “nhưng cậu định đi đâu?”

“Cảm ơn chú,” Pasquale nói, tránh không trả lời câu hỏi, cậu sợ rằng nếu nói ra ý định của mình, cậu sẽ mất hết sức mạnh để thực hiện nó.

Chiếc thuyền của Tommaso đã gần tiến đến chỗ cầu tàu. Pasquale vỗ vỗ lên cánh tay người bạn Mỹ, nhìn một lượt ngôi làng nhỏ và đi vào khách sạn mà không nói thêm lời nào nữa. Trong bếp, Valeria đang nấu đồ ăn sáng. Dì cậu chưa từng nấu đồ ăn sáng cho dù bao nhiêu năm liền ông Carlo cha Pasquale luôn nói rằng một khách sạn muốn phục vụ khách Pháp và khách Mỹ thì phải có bữa sáng. (Đó là bữa ăn của kẻ lười, dì cậu luôn nói thế. Chẳng lẽ đời nào lại mong được ăn trước khi chưa lao động gì chứ?) nhưng sáng nay bà lại đang làm bánh mì kiểu Pháp và pha cà phê.

“Thế à điểm Mỹ ấy có xuống ăn không đây?” Valeria hỏi.

Nó đấy, cái khoảnh khắc cậu nhận ra mình phải làm gì những lúc này. Cậu hít vào một hơi rồi bước lên gác xem Dee Moray có đói không. Ánh

sáng hắt ra từ phòng cô cho cậu biết cô đã kéo cửa chớp lên rồi. Cậu hít một hơi sâu để lấy can đảm rồi gõ nhẹ cửa phòng.

Cứ vào đi.

Cô đang ngồi trên giường, cột hết mái tóc dài ra sau thành đuôi ngựa. “Không tin nổi tôi lại ngủ lâu thế. Người ta không nhận ra cơ thể mệt mỏi dường nào cho đến lúc ngủ mê man suốt 12 tiếng đồng hồ.” Cô mỉm cười với cậu và trong khoảnh khắc đó, Pasquale nghi ngờ không biết liệu cậu có thể nào thu ngắn cái khoảng cách giữa điều cậu muốn làm và điều cậu phải làm hay không.

“Trông anh bảnh bao lắm, Pasquale à,” cô nói. Rồi cô nhìn xuống bộ quần áo đang mặc, cũng là bộ đồ cô đã mặc đến nhà ga: Quần đen bó, áo cánh, áo khoác len. Cô bật cười: “đồ đặc của tôi vẫn còn để cả ở nhà ga La Spezia.”

Pasquale cúi nhìn xuống chân, cố gắng không nhìn vào mắt cô. “Mọi việc vẫn ổn chứ, Pasquale?”

“Vâng,” cậu nói và ngẩng lên thì lại bắt gặp ngay ánh mắt cô. Khi chưa bước vào phòng cô, cậu còn tỉnh táo để mà biết phải làm gì cho hợp lẽ, nhưng ngay khi mà cậu nhìn lên đôi mắt đó...” Cô xuống nhà ăn sáng bây giờ chứ? Có bánh mì. Và cà phê.”

“Có chứ, tôi sẽ xuống liền.”

Cậu không thể nói hết những gì mình đã chuẩn bị, thế là cậu chỉ gật đầu và quay người bước đi.

“Cám ơn anh, Pasquale.”

Nghe thấy tên mình khiến cậu quay người lại. Nhìn vào đôi mắt cô cũng giống như đứng trước một cánh cửa khép hờ. Làm sao có thể không đẩy cửa bước vào để xem có gì sau cánh cửa đó.

Cô mỉm cười. “Anh có nhớ đêm đầu tôi ở đây, lúc chúng ta đồng ý với nhau rằng có thể nói bất kỳ điều gì với nhau! Rằng chúng ta sẽ không giữ kẽ?”

“Có,” Pasquale ráng cất lời.

Cô cười gượng gạo: “Ừm, thật kỳ lạ. Sáng nay tôi thức dậy và nhận ra mình chẳng biết giờ phải làm gì. Liệu tôi có nên sinh đứa bé này ra... tôi có

nên tiếp tục diễn xuất... hay đến Thụy Sĩ... hay về lại Mỹ. Tôi thực sự không biết phải làm gì bây giờ. Nhưng lúc tôi thức dậy, tôi không thấy lo lắng gì cả. Anh có biết vì sao không?”

Pasquale siết chặt nắm đấm cửa. Cậu lắc đầu.

“Vì tôi vui đã gặp lại được anh.”

“Vâng, tôi cũng thế,” cậu trả lời và cánh cửa dường như đã mở rộng đôi chút, nhưng những gì cậu thoáng nhìn thấy đằng sau cánh cửa đó lại làm cậu khốn khổ. Cậu muốn nói nhiều nữa, dốc hết lòng mình, nhưng cậu không làm được. Nó không phải là chuyện ngôn ngữ, vì cậu ngờ rằng chẳng có thứ ngôn từ nào có thể nói hết những gì cậu muốn nói.

“Ừm, tôi sẽ xuống ngay,” Dee nói, rồi khi cậu vừa định quay đi cô lại nói khẽ, những từ đó dường như thốt ra từ đôi môi xinh đẹp của cô, chảy tràn như nước: “Rồi có lẽ sau đó chúng ta có thể bàn xem tiếp theo sẽ thế nào.”

Tiếp theo. Đúng thế. Pasquale cũng không biết làm cách nào mà cậu lại nhắc chân ra được khỏi phòng, nhưng cậu đã ra được. Cậu đóng cánh cửa phía sau và cứ đứng đó, tay vẫn còn vươn ra phía sau tì lên cánh cửa, thở hổn hển. Mãi rồi cậu cũng nhắc người thẳng dậy đi xuống cầu thang về phòng mình. Pasquale lấy cái áo khoác, mũ và túi xách đang để trên giường. Cậu bước ra khỏi phòng và xuống nhà nơi Valeria đang đứng đợi cậu.

“Pasqo, con nhờ mục sư cầu nguyện cho dì với nhé?”

Cậu nói sẽ nhờ, rồi cậu hôn lên má bà dì và bước ra ngoài.

Alvis Bender đang đứng trên hàng hiên hút tẩu. Pasquale vỗ nhẹ lên tay người bạn Mỹ rồi đi xuống phía cầu cảng nơi Tommaso đang chờ cậu. Tommaso vứt điếu thuốc lá xuống đất rồi dụi nó vào tảng đá. “Trông được lắm, Pasquale. Mẹ cậu hẳn sẽ tự hào.”

Pasquale leo lên con thuyền còn tanh mùi ruột cá và ngồi chỗ mũi tàu, chụm gối lại như một cậu học trò ngồi ngoan trên lớp. Cậu không thể cưỡng được việc lướt mắt một vòng nhìn lên khách sạn, Dee bước ra ngoài và đang đứng cùng Alvis Bender. Cô đang giơ tay che nắng chiếu vào mắt và hơi ngơ ngác nhìn ra chỗ cậu.

Lại một lần nữa, Pasquale lại thấy như thể xác và đầu óc của mình bị tách làm đôi, và lúc đó, cậu thực sự không biết phải làm gì. Cậu có nên cứ ở yên trong thuyền? Hay chạy về lại khách sạn ôm lấy cô? Và cô sẽ phản ứng ra sao? Giữa họ không có gì là cụ thể, chẳng có gì hơn ngoài một cánh cửa khép hờ. Ấy vậy mà... còn gì quyến rũ hơn thế nữa?

Trong khoảnh khắc đó, Pasquale Tursi cảm thấy như mình bị giật mạnh ra làm đôi. Một cuộc đời của cậu đã biến thành hai cuộc đời: một cuộc đời cậu sẽ sống qua và một cuộc đời mà cậu rồi mãi tự hỏi nó sẽ ra sao.

“Mau lên bác,” cậu giục Tommaso. “Đi thôi.”

Ông lão ngư dân giật dây khởi động nhưng cái máy không chịu nổ. Và Dee Moray gọi với ra từ hàng hiên khách sạn: “Pasquale, anh đi đâu thế?”

“Mau đi bác,” Pasquale thì thầm với Tommaso, chân cậu run rẩy.

Cuối cùng, cái động cơ cũng chịu nổ. Tommaso ngồi phía đuôi tàu, nắm bánh lái và bắt đầu rẽ nước xa dần cầu tàu, ra khỏi vịnh. Trên hàng hiên, Dee Moray quay sang chỗ Alvis Bender chờ một lời giải thích. Alvis ắt sẽ bảo cô rằng mẹ Pasquale qua đời bởi vì cậu thấy cô đưa tay lên che miệng.

Và Pasquale ráng ép bản thân mình quay đi chỗ khác. Thật khó vô cùng nhưng cậu cũng làm được: cậu quay người lại thuyền, nhắm mắt lại dù trong tâm tưởng cậu vẫn nhìn thấy cô đứng đó, cậu run lên vì cố kiềm chế không ngoảnh nhìn lại cho đến khi bọn họ vòng qua đê chắn sóng chạy ra biển lớn thì Pasquale thở mạnh ra, gục đầu xuống ngực.

“Cậu thật là một chàng trai kỳ lạ,” Tommaso nhận xét.

Ở La Spezia, Pasquale cảm ơn người bạn già của mình và nhìn theo Tommaso hướng con thuyền đánh cá nhỏ ra khỏi cảng chạy về phía con kênh giữa Portovenere và Isola Palmaria.

Sau đó cậu đi lên chỗ nhà nguyện nhỏ gần nghĩa trang nơi vị mục sư đang chờ, mái tóc mỏng hiện rõ những đường lược chải. Hai người phụ nữ lớn tuổi giúp việc tang lễ và một cậu lễ sinh trông hơi hung dữ cũng ở đó. Nhà nguyện được thắp nến tối lơ mờ, đầy rêu phong và trống trải. Tang lễ này dường như chẳng hợp gì với mẹ cậu cả, và Pasquale hơi sốc lúc cậu nghe tên bà được vị mục sư nói bằng tiếng Latinh (Antonia, cầu cho linh hồn bà

yên nghỉ bên Chúa). Phải rồi, bà đã ra đi, và trong lúc bưng tỉnh đó lòng cậu tan nát. Sau đám tang, vị mục sư đồng ý cầu nguyện cho dì của Pasquale và nhắc rằng vài tuần nữa sẽ đến lễ cầu hồn 30 ngày, rồi Pasquale thanh toán công xá cho ông ta. Vị mục sư giơ tay lên định chúc phúc cho cậu nhưng Pasquale đã quay người bỏ đi mất.

Mệt rũ rời, Pasquale đến chỗ sân ga để kiểm tra hành lý của Dee Moray. Chúng vẫn còn ở nguyên đấy đợi cô. Pasquale trả tiền cho người nhân viên và nói rằng hôm sau cô gái sẽ đến lấy đồ. Rồi cậu thu xếp một chiếc thuyền đến đón Dee Moray và Alvis Bender. Xong xuôi cả, cậu mới mua một vé tàu đến Florence.

Pasquale vừa lên tàu là ngủ ngay lập tức cho đến khi giật mình tỉnh dậy lúc tàu vào ga Florence. Cậu thuê một phòng cách quảng trường Massimo d'Azeglio ba dãy nhà, tắm rửa và mặc lại bộ vét. Và vào lúc xâm xẩm tối của cái ngày dài bất tận này, cậu đứng hút thuốc trong bóng mát hàng cây đối diện sân quảng trường cho đến khi cậu thấy gia đình Amedea trở về nhà sau cuộc tản bộ buổi chiều, từng người từng người nối đuôi nhau chẳng khác gì một gia đình chim bồ câu.

Và khi Amedea xinh đẹp nhắc bóng bé Bruno ra khỏi xe đẩy, Pasquale lại nhớ về mẹ mình trên bãi biển hôm đó, sự lo lắng của bà rằng một khi bà không còn bên cậu nữa, Pasquale sẽ không thể nào lấp nổi khoảng cách giữa những gì cậu muốn và những gì cậu phải làm. Cậu ước gì mình có thể trấn an mẹ lúc này: một người đàn ông muốn nhiều thứ trong đời, nhưng chỉ cần một trong số đó cũng là điều họ cần làm, thì anh ta sẽ không đại dột gì mà không chọn nó.

Pasquale đứng chờ cho đến khi cả gia đình Montelupo đều đã biến mất vào nhà rồi cậu mới dụi tắt điếu thuốc trên cái sân trái sỏi, băng sang phía bên kia quảng trường và bước lên chỗ cánh cửa lớn màu đen. Cậu nhấn chuông cửa.

Có tiếng chân người rồi sau đó cha Amedea xuất hiện, cái đầu hói to đùng của ông ngả về phía sau, đôi mắt sắc lạnh chĩa về Pasquale như thể một món ăn khó nuốt trong quán. Một em gái của Amedea là Donata đang đứng phía

sau lưng ông bỗng trông thấy Pasquale liền giơ tay lên che miệng. Sau đó cô bé quay người lại và hét với lên lầu trên “Amedea!” Bruno ngoảnh lại nhìn đứa con gái rồi lại trừng trừng nhìn Pasquale lúc này đang từ từ bỏ mũ ra.

“Sao, có chuyện gì?” Bruno Montelupo hỏi.

Phía sau ông, Amedea đáng yêu yếu điệu đã xuất hiện chỗ cầu thang, lắc đầu nhẹ nhẹ như thể muốn can ngăn cậu... nhưng Pasquale cũng ngỡ rằng cậu đã thấy, đằng sau bàn tay đang che miệng ấy của cô là một nụ cười.

“Thưa bác,” cậu nói, “cháu tên là Pasquale Tursi quê ở Porto Vergogna. Cháu đến đây để xin hỏi cưới con gái bác Amedea.” Cậu hăng giọng. “Cháu đến vì con trai mình.”

NGỌN LỬA VĨNH CỬU

Gần đây

Sandpoint, Idaho

Debra thức dậy trong bóng tối, trong gian phòng phía sau căn nhà gỗ, sát phía hàng cây, chỗ yêu thích để bà ngắm sao. Trời trong, không khí lành lạnh, đêm nay ánh sáng sao khó chịu quá. Nó cứ sáng mãi không dứt. Chúng không nhấp nháy mà cứ chiếu rọi như thiêu đốt. Gian phòng phía trước căn nhà gỗ nhìn ra một cái hồ băng giá bao quanh là núi, một cảnh quan khiến nhiều vị khách say mê đến sững sờ. Nhưng về đêm bà lại không thích gian phòng trước này lắm, vì cảnh đẹp đó đã bị ánh sáng từ bến tàu, từ những con thuyền và từ những căn nhà nhỏ khác ở xung quanh lấn át mất. Ban đêm, bà thích ở phía sau này hơn, nơi góc tối của căn nhà trong một khoảng đất tròn hẹp bao quanh là hàng thông và linh sam, nơi chỉ có bà với bầu trời, nơi bà có thể nhìn xa hàng tỷ dặm, hàng triệu triệu năm. Bà không phải kiểu người hay ngắm trời mây cây cỏ mãi cho đến khi bà cưới Alvis. Ông ấy vẫn thường thích lái xe về vùng Cascade để nhìn ngắm những vùng trời đêm không bị ánh đèn và khói bụi thành phố che phủ. Ông thấy thật hổ thẹn khi con người ta không thể nhìn ngắm được khoảng không trung vô cùng vô tận ấy – một thất bại không chỉ của óc tưởng tượng mà còn là của thị giác đơn thuần.

Chợt bà nghe tiếng sỏi đá kêu lạo xạo, ắt hẳn nó là tiếng động đã đánh thức bà dậy – tiếng chiếc xe Jeep của Pat đang chạy trên con đường đàng xa. Hai đứa nó từ chỗ diễn kịch về đây mà. Bà đã ngủ thiếp bao lâu rồi không biết? Bà với tay lấy cốc trà. Lạnh toát. Vậy là bà cũng ngủ được một lúc lâu

rồi. Bà thấy cả người nóng sức ngoại trừ một bên chân đã thò ra khỏi chăn. Pat đã lắp đặt đến hai cái lò sưởi trong nhà ở hai bên cái ghế dài mà bà thích nhất để bà có thể nằm phía ngoài này. Ban đầu bà cũng kêu ca không chịu lắp vì sợ tốn điện, kêu là để đến mùa hè ấm áp rồi bà ra đây nằm cũng được. Nhưng Pat hứa là “suốt phần đời còn lại” anh sẽ tắt tất cả đèn đóm mỗi khi rời khỏi phòng để tiết kiệm nếu như bà chịu chiều theo ý anh lần này. Và bà phải thừa nhận, ngủ ngoài này thật dễ chịu; đó là khoảng thời gian bà thích nhất, đi bộ ra ngoài trời lạnh rồi rúc mình vào cái lông ấp mà con trai mua cho này. Bà tắt mấy cái máy sưởi, kiểm tra tấm đệm lót nằm lên này giờ – vẫn còn khô ráo, ơn trời – quần chặt cái áo khoác len vào người, bà loạng choạng bước vào nhà. Khi vào trong phòng rồi, bà nghe tiếng cửa gara đóng lại ở dưới nhà.

Căn nhà gỗ nằm trên một mô đất, cách vài chục bước chân trên một vịnh nhỏ trông ra hồ nước sâu thẳm lọt giữa núi. Căn nhà có hình dáng gần như thẳng đứng, tự tay bà thiết kế và xây bằng tiền bán căn nhà cũ ở Seattle.

Căn nhà bốn tầng, tầng trệt không có ai ở, chỉ có một gara để xe. Tầng hai dành riêng cho Pat và Lydia, tầng ba là khu sinh hoạt chung với phòng khách, bếp và phòng ăn thông với nhau, tầng trên cùng là của Dee: phòng ngủ, phòng tắm có bồn thủy lực và cả phòng để bà ngồi nghỉ nữa. Khi xây ngôi nhà này, dĩ nhiên bà đâu biết mình sẽ dành gần trọn thời gian ở đây đóng vai một bệnh nhân ung thư giai đoạn cuối năm chờ chết như thế này – sau khi mọi đợt điều trị đã vắt kiệt sức lực và bà quyết định cứ để mặc đời mình cho số phận. Nếu biết trước hẳn bà đã xây một căn nhà thấp ít cầu thang hơn.

“Mẹ ơi? Tụi con về rồi đây!”

Cứ mỗi lần vào đến nhà anh lại kêu to lên như vậy và bà giả vờ như mình không biết tại sao. “Vẫn còn sống mà,” bà định trả lời thế nhưng nghe có vẻ độc mồm quá. Thực ra, bà đâu có thấy chua xót gì khi bị bệnh thế này nhưng bà thấy tức cười trước cách người khác đối xử với mấy người sắp chết – coi họ như người ngoài hành tinh vậy.

Bà bước xuống cầu thang. “Tối nay thế nào rồi? Khách giả đông chứ hả?”

“Ít người thôi nhưng họ hài lòng,” Lydia nói với lên cầu thang. “Đoạn kết tối nay diễn tốt hơn mọi hôm mẹ ạ.”

“Các con đói chưa?” Debra hỏi. Pat lúc nào diễn xong cũng đói, và anh gần như đói là mỗi lúc tập luyện vở kịch này. Ngay khi Lydia hoàn thành kịch bản, cô liền đưa cho Debra coi và bà vô cùng xúc động. Đây là kịch bản hay nhất Lydia từng viết, một cái kết hoàn hảo cho chuỗi những kịch bản dạng tự truyện nhiều năm nay bắt đầu bằng một vở kịch nói về cuộc chia tay của cha mẹ cô. Và Debra hoàn toàn tin rằng cô sẽ không thể nào hoàn thành chuỗi truyện đó mà không có câu chuyện của Pat. Với bà, vấn đề duy nhất của *Chuyện chàng ca sĩ* là chỉ có duy nhất một người có thể đóng vai Pat – đó chính là Pat. Cả bà lẫn Lydia đều lo rằng anh có thể lại ngựa quen đường cũ nếu để anh diễn và sống lại những ngày tháng đó – nhưng Debra bảo Lydia cứ để cho anh đọc kịch bản. Anh cầm xấp kịch bản xuống nhà đọc, ba giờ sau trở lên, hôn cô và nói rằng họ sẽ diễn vở kịch này, anh sẽ đóng vai chính mình. Anh nghĩ, nhìn một người khác đóng vai mình lúc mình đang chìm dưới đáy vực thẳm của sự hủy hoại bản thân còn khó hơn là tự mình đóng lại thời kỳ ấy. Đến bây giờ, anh đã tham gia diễn xuất với nhóm kịch bắc Idaho TAGNI cũng được hơn một năm rồi. Với anh đó cũng là biểu diễn nhưng lành mạnh hơn trước – không còn cái kiểu lấy mình làm tâm như lúc hát trong ban nhạc cũ nữa, mà với một tinh thần gắn bó, kỷ luật và hợp tác hơn. Và anh hòa nhập thật tự nhiên, hẳn rồi.

Debra đang đánh trứng thì Pat vòng qua cây cột bếp và hôn má bà. Một mình anh mà làm chộn rộn cả căn phòng. “Ted và Isola gửi lời hỏi thăm mẹ.”

“Thế à?” Bà đổ trứng vào chảo. “Hai người đó sao rồi?”

“Vẫn làm ba cái việc điên khùng kiểu mấy người phe bảo thủ.”

Bà xắt phô mai bỏ vào món trứng ốp lết cho con, cứ được miếng nào Pat lại ăn mất miếng đó. “Thế thì con phải bảo họ thế đi, chứ mẹ thì mệt mỏi với việc hai người họ suốt ngày viết chi phiếu ủng hộ nhà hát lắm rồi đấy.”

“Họ muốn chúng ta dựng vở *Nàng Millie Thời Hiện đại*. Ted muốn diễn một vai trong đó. Ông ấy nói có con diễn cùng thì tuyệt. Mẹ tin nổi không?

Con với Ted đóng chung một vở đấy.”

“Ừ, mẹ còn không nghĩ con có cơ hội độ sức được với Ted đấy.”

“Tại con có giáo viên dở quá đó mà,” anh đáp rồi hỏi tiếp: “Mẹ thấy trong người thế nào rồi?”

“Mẹ khỏe.”

“Mẹ uống thuốc Dilaudid chưa?”

“Chưa.” Bà ghét mấy thứ thuốc giảm đau này. “Mẹ khỏe mà.”

Pat đặt tay lên trán bà. “Mẹ có vẻ sốt đó.”

“Mẹ bình thường mà. Tại con ở ngoài trời lạnh mới vào đây.”

“Thì mẹ cũng vậy mà.”

“Mẹ thì có cái lò con xây cho rồi, mẹ thiếu điều bị nấu chín trong đó ấy chứ.”

Anh đưa tay về phía cái thớt. “Để con làm nốt cho, con biết cách làm món ộp lết mà.”

“Từ hồi nào thế?”

“Thì con nhờ Lydia làm. Cô ấy giỏi ba chuyện nữ công gia chánh này lắm.”

Debra liền ngừng thái hành tây mà dứ dứ dao về phía ông con làm bộ chém một đường.

“Nhát chém nghiệt ngã nhất trần đời *.”

Thằng bé có tài đấy, lâu lâu lại làm bà ngạc nhiên với những câu thoại kịch mà anh nhớ. “Mẹ từng dạy vở kịch đó,” bà nói. Rồi không cần suy nghĩ, bà đọc lên câu thoại yêu thích của mình: “Kẻ hèn nhát chết đi nhiều lần trước khi chết hẳn. Kẻ can trường chỉ nếm trải cái chết một lần.”

Pat ngồi vào chỗ bàn bếp. “Điều đó còn đau đớn hơn cả dao đâm.”

Sau đó Lydia bước xuống cầu thang và đang lấy khăn lau đầu sau khi tắm. Cô kể lại cho Debra nghe rằng Ted và Isola đã đến coi kịch và hỏi thăm về bà.

* Câu thoại của Julius Ceasar trong vở kịch cùng tên của Shakespeare khi bị Brutus, một người bạn thân của mình, đâm chết.

Debra biết thừa cái sự lo lắng mà họ nhấn mạnh trong giọng điệu: Bà ấy có KHỎE không?

Vẫn còn sống nhăn. Ờ, nếu được thì bà sẽ trả lời thế, nhưng bao quanh cái chuyện sống chết này lại là một bãi mìn đầy những lời xã giao và lịch sự. Người ta liên tục được mấy cái người rảnh việc ở đây khuyên xài mấy liệu pháp chữa bệnh tự nhiên như châm cứu, thảo dược, dầu ngựa dùng xoa bóp. Một số người còn tặng bà cả sách – những quyển sách kích lệ tinh thần, từ quyển dày cộp than van sầu khổ đến quyển mỏng dính nói chuyện chết chóc. Tôi hết thuốc chữa rồi, tự chữa hay không thì cũng thế thôi, bà muốn la lên như thế, hoặc Chẳng phải mấy cuốn sách than thở ấy phù hợp với người sống hơn à? Hoặc Cám ơn quyển sách nói về cái chết nhé, nhưng phần đấy thì tôi đã biết cả rồi. Họ sẽ hỏi thăm Pat: mẹ cậu KHỎE không? Họ sẽ hỏi thăm bà: chị KHỎE không? Nhưng họ đâu có muốn nghe là bà không khỏe, lúc nào cũng mệt mỏi, đái rắt, chờ đợi lục phủ ngũ tạng ngưng làm việc.

Họ chỉ muốn nghe rằng bà đang sống mãi nguyện, rằng bà đã sống một cuộc đời tươi đẹp, hạnh phúc vì thằng con trai đã phục thiện – thế nên bà đã nói những thứ họ muốn nghe như vậy. Và sự thật là phần lớn thời gian, bà cũng đã MÃN NGUYỆN, có quãng đời TƯƠI ĐẸP, và HẠNH PHÚC vì con trai trở về nhà. Bà vẫn biết rõ trong ngăn kéo nào cất sổ điện thoại của nhà thương, công ty nào cung cấp giường bệnh hay cửa hàng nào bán máy truyền morphine giảm đau. Có những ngày sau giấc ngủ trưa, bà chầm chậm thức dậy và nghĩ rằng mình cứ tiếp tục ngủ mãi có lẽ cũng chẳng sao – không hề đáng sợ chút nào. Pat và Lydia đã gắn bó với nhau đúng như bà mong muốn, ban giám đốc cũng đã đồng ý để cho Lydia tiếp quản nhà hát. Nhà cửa cũng đã trả hết nợ nần, vẫn còn dư một chút trong ngân hàng để trả thuế và những phí tổn khác. Như vậy Pat có thể sống cả phần đời còn lại của anh lãng xăng mỗi sáng sớm làm những công việc ưa thích quanh nhà: làm vườn, sơn chỗ này, nhuộm chỗ kia, tỉa cây, dọn dẹp đường đi, sửa tường, bất cứ thứ gì khiến anh bận rộn. Đôi khi, thấy Pat và Lydia hạnh phúc với nhau, bà thấy nhẹ người như một con cá hồi đã bơi ngược dòng và đẻ xong trứng: nhiệm vụ của bà đã hoàn thành. Nhưng cũng có lúc, nói thật, cứ nghĩ đến chuyện phải hài lòng với cuộc sống đó là bà lại thấy bức bối. Bình yên? Có

kẻ điên mới sống được bình yên? Kẻ nào đã tận hưởng được cuộc sống này lại cho rằng sống một đời là đủ? Ai có thể sống qua được một ngày mà lại không có chút đau thương nuối tiếc?

Có những khi phải trải qua những đợt hóa trị đau đớn và khó chịu, bà muốn chết đi cho rồi. Đó là một trong những lý do để bà quyết định – sau khi uống đủ thứ thuốc men và xạ trị, những đợt phẫu thuật, hai lần cắt bỏ ngực, sau khi các bác sĩ đã thử đủ mọi loại “vũ khí” từ thông thường đến hạt nhân lên cái khung xương tàn tạ của bà, và sau khi bọn họ vẫn tìm thấy dấu vết ung thư nơi xương chậu bà – hãy cứ phó mặc đời ta cho số phận.

Để căn bệnh phát triển. Các bác sĩ nói tùy vào loại ung thư là nguyên phát hay thứ phát thì họ vẫn còn nước còn tát, nhưng bà nói với họ chuyện đó giờ không còn quan trọng nữa. Pat đã trở về nhà và bà muốn sống sáu tháng cuối đời trong bình yên hơn là ba năm toàn kim tiêm và nôn mửa. Ấy thế mà lại may mắn: bà đã sống thêm được gần hai năm rồi và vẫn khỏe, dù đôi khi vẫn thấy giật mình khi soi gương: Bà cụ già nua, cao gầy, ngực lép tóc bạc trắng rể tre nào đang đứng trước mặt bà đây?

Debra kéo chiếc áo len chặt hơn, hâm nóng ly trà. Bà dựa vào bồn rửa, mỉm cười nhìn anh con trai đang ăn phần trứng thứ hai thì Lydia rướn người tới nhón lấy miếng nấm dính phô mai trên phần trứng của anh mà ăn mất. Pat ngẩng lên nhìn mẹ xem bà có bắt quả tang được cảnh ăn cướp trắng trợn đó không. “Thế mà mẹ không đâm cô ấy một nhát à?”

Và đó là lúc một chiếc ô tô lạ thông báo sự xuất hiện của nó trên con đường sỏi lạo xạo bên ngoài. Pat cũng nghe thấy, anh nhìn đồng hồ rồi nhún vai. “Chẳng biết ai nữa.”

Pat đi đến chỗ cửa sổ thì tay lên cửa kính ngó xuống đường, chỉ thấy lấp loáng ánh đèn pha nhàn nhạt. “Là chiếc Bronco của Keith.” Anh ra khỏi chỗ cửa sổ. “Chắc do bữa tiệc sau vở diễn đây mà. Anh ta chắc say rồi. Để con xuống coi sao.”

Rồi anh nháy ào ào xuống cầu thang như một chú bé.

“Tối nay nó diễn thế nào?” Debra hỏi khẽ khi cậu con trai đã đi.

Lydia bốc ăn nốt chỗ hành tây và nấm còn lại trên đĩa của Pat. “Tuyệt vời mẹ ạ. Mẹ sẽ không rời mắt khỏi anh ấy được. Tuy thế, Chúa ơi, con vẫn mừng khi vở kịch kết thúc. Có những đêm sau khi diễn xong anh ấy cứ ngồi nghệt ra đó, mắt đờ đẫn nhìn cái gì không biết. Mười lăm phút liền anh ấy như thể chết rồi. Con luôn có cảm giác nín thở hồi hộp kể từ lúc viết xong vở kịch này.”

“Con nín thở hồi hộp đã từ lâu rồi cơ,” Debra nói và cả hai người đều mỉm cười. “Đó là một vở kịch tuyệt vời, Lydia à. Con cứ thư giãn và tận hưởng đi.”

Lydia uống nốt chỗ nước cam của Pat. “Con cũng không biết nữa.”

Debra vươn người qua bàn bếp nắm lấy tay Lydia. “Con phải viết ra vở kịch đó, còn thằng bé phải diễn nó, ta rất mừng ta còn coi được vở kịch đó.”

Lydia hơi ngẩng đầu ra sau, lông mày cô nhíu lại, cố kìm nước mắt. “Dee, mẹ thật kỳ cục. Sao mẹ lại nói thế?”

Sau đó, qua ba tầng lầu, bọn họ vẫn cứ nghe thấy những âm thanh vọng lên từ dưới nhà, Pat và Keith, và ai đó nữa, rồi có tiếng bước chân rầm rầm đi lên lầu, phải đến sáu người.

Pat xuất hiện đầu tiên, anh nhún vai nói. “Có mấy người bạn cũ của mẹ đến coi kịch hồi tối, mẹ ạ. Keith đưa họ đến đây – con nghĩ chắc không sao...”

Sau Pat là đến Keith. Anh này không có vẻ gì là say xỉn cả, nhưng anh ta đang mang theo một chiếc máy quay phim nhỏ mà thỉnh thoảng vẫn dùng để “ghi chép”.

Chết tiệt, Debra không biết Keith “ghi chép” lại cái gì nữa. “Chào cô Dee. Xin lỗi làm phiền cô muộn thế này nhưng mấy người này rất muốn gặp cô...”

“Không sao, Keith,” bà nói, và rồi mấy người còn lại từng người một bước từ cầu thang lên: một cô gái trẻ xinh đẹp tóc xoăn đỏ, một chàng trai trẻ tóc tai bù xù như chổi xể có vẻ xin xin- cả hai cô cậu này bà đều không nhận ra. Rồi sau đó một sinh vật kỳ lạ xuất hiện, một ông già hơi gù, mặc áo vét, cũng gầy gò giống bà, trông vừa quen vừa lạ; ông ta có một gương mặt

nhấn nhụi đến bất thường, giống kiểu máy khuôn mặt được phần mềm máy tính làm cho già đi nhưng lại là theo chiều ngược lại, một khuôn mặt trẻ thơ gắn trên cổ của một ông già. Và cuối cùng là một quý ông lớn tuổi khác mặc vét màu xám than. Người đàn ông đi cuối khiến bà chú ý khi ông ta tách ra khỏi những người khác mà bước đến chỗ bàn bếp phân cách giữa nhà bếp với phòng khách. Ông ta gỡ chiếc mũ phớt ra mà nhìn bà bằng đôi mắt xanh nhạt gần như trong suốt – ánh mắt nhìn ấm áp pha lẫn xót thương, ánh mắt kéo Dee Moray về lại năm mươi năm trước, về một cuộc đời khác...

Ông cụ cất lời: “Chào bà, Dee.”

Tách trà trong tay Debra rớt xuống bàn bếp. “Pasquale?”

Dĩ nhiên, cách đây nhiều năm, có những lúc bà từng nghĩ sẽ gặp lại ông lần nữa. Ngày cuối cùng đó ở Ý, khi cô gái Dee nhìn Pasquale đi thuyền xa dần khách sạn, cô không tưởng tượng ra được sẽ không bao giờ gặp lại lần nữa. Cũng không phải là giữa họ có hẹn thề gì nhưng có điều gì đó như một sự giao ước không lời giữa trái tim họ, sự hấp dẫn và mong chờ lẫn nhau. Nên khi Alvis nói rằng mẹ Pasquale đã qua đời và cậu đang đến tang lễ và sẽ không về nữa, Dee sững sờ, tại sao Pasquale không nói gì với cô? Thế rồi khi một chiếc thuyền mang theo hành lý của cô đến khách sạn, và Alvis nói rằng Pasquale muốn ông đưa cô trở lại Mỹ an toàn, cô lại tưởng Pasquale muốn ở một mình. Thế nên cô đã về nhà sinh con. Cô gửi anh một tấm bưu thiếp, biết đâu đấy... nhưng không có một lời hồi đáp lại. Về sau, cũng có vài lần Dee nghĩ tới Pasquale nhưng rồi năm tháng trôi qua số lần đó cũng ít dần, bà và Alvis cũng đã bàn chuyện đi nghỉ ở Ý, trở lại Porto Vergogna nhưng hai vợ chồng vẫn chưa đi được.

Thế rồi Alvis qua đời, bà lấy bằng giảng dạy kịch, môn phụ là tiếng Ý, lúc đó bà có nghĩ tới việc đưa Pat trở lại Ý, bà thậm chí còn gọi cho cả một hãng du lịch nhưng họ trả lời rằng “Không thấy có tên khách sạn Cảnh quan Vừa phải,” mà thậm chí đến tên thị trấn Porto Vergogna cũng không có. Có khi nào nó là Portovenere mà bà nhớ nhầm không? Và đến lúc đó Debra gần như phải tự hỏi liệu tất cả mọi thứ – Pasquale, những ngư dân, những bức vẽ trong công sự, ngôi làng nhỏ trên vách đá – có phải chỉ là một trò đùa của

tâm tưởng, lại một ảo tưởng khác của bà, một cảnh trong một bộ phim bà đã coi qua.

Nhưng nào phải – rõ ràng ông ấy đang hiện diện sờ sờ ngay trước mặt đây, già hơn, dĩ nhiên, mái tóc đen giờ đã bạc nhiều, khuôn mặt hằn sâu những nếp nhăn, cằm đã xệ xuống, nhưng đôi mắt, vẫn là đôi mắt đó. Chính là ông ấy. Pasquale tiến lên một bước cho đến lúc thứ duy nhất ngăn cách họ chỉ còn chiếc bàn bếp.

Bà bỗng cảm thấy một thoáng tự ti, cái cảm giác phù phiếm của một cô gái hai mươi hai tuổi trở dậy. Chúa ơi, lúc này chắc trông bà kinh dị lắm. Hai người họ cứ đứng đó vài giây, một ông già khập khiễng và một bà cụ đau yếu, chỉ cách nhau vài bước chân nhưng lại bị chia tách bởi cái bàn đá hoa cương dày cộp, bởi năm mươi năm xa cách và hai cuộc đời sống trọn. Không ai nói lời nào. Không ai thở mạnh.

Cuối cùng, chính Dee Moray lại là người phá tan sự im lặng, bà mỉm cười với người bạn cũ: “*Perché ci hai messo cos tanto tempo?*” Sao bây giờ ông mới tới?

Nụ cười đó thật sự choán hết gương mặt nhỏ nhắn của bà. Nhưng thứ mà Pasquale cảm nhận lại là: bà ấy đã học tiếng Ý. Ông mỉm cười nói khẽ: “*Mi dispiace. Avevo qualcosa di importante da fare.*” – Tôi xin lỗi. Tại tôi còn chuyện quan trọng phải làm.

Trong số sáu người đang đứng tản ra xung quanh họ, chỉ có một người hiểu rõ những gì họ nói: đó là Shane Wheeler, người dù trong tuyệt vọng đã uống một hơi bốn ly whiskey thì vẫn cảm thấy xúc động bởi sự liên kết mà người phiên dịch thường có với khách hàng của mình. Hôm nay quả là một ngày dài với anh: thức dậy bên Claire, phát hiện ra bài pitch phim của mình chỉ là quân bài đánh lạc hướng, thất bại suốt chuyến hành trình cố gắng thỏa thuận những điều khoản có lợi hơn, phấn khích khi coi vở kịch, đồng cảm với cuộc đời vứt đi của Pat Bender, bị vợ cũ hắt hủi; sau tất cả những điều đó, rồi những ly whiskey thì cảm xúc khi Pasquale gặp lại Dee thật quá sức chịu đựng của Shane. Anh thở dài đánh thượt và cái tiếng thở dài đó đã kéo mọi người về lại thực tế...

Tất cả bọn họ đều đang nhìn Pasquale và Dee chăm chú. Michael Deane nắm lấy một cánh tay Claire, cô đang đưa tay còn lại lên che miệng; Lydia thì liếc nhìn sang Pat (đến lúc này, cô không thể không lo cho anh). Pat thì hết nhìn mẹ lại nhìn ông cụ mặt phúc hậu – Mẹ vừa gọi ông ấy là Pasquale? – rồi sau đó anh đảo mắt sang Keith đang đứng dựa người chỗ đầu cầu thang tay vẫn lăm lăm cầm cái máy quay phim chết tiệt mà anh ta tha theo khắp mọi nơi, không hiểu sao lại ghi lại cảnh này. “Anh đang làm cái gì thế?” Pat hỏi. “Bỏ cái máy quay phim xuống ngay.” Keith nhún vai và hất đầu về phía Michael Deane, người đã trả tiền cho anh ta để làm việc này.

Debra cũng để ý tới sự có mặt của những người khác trong phòng. Bà nhìn một lượt những khuôn mặt đang dõi theo cho đến khi ánh mắt bà dừng lại ở ông già còn lại, người có khuôn mặt cứng đờ, trông gian gian kỳ lạ. Lạy Chúa tôi, bà nhận ra người đàn ông này...

“Michael Deane.”

Ông ta kéo hai cái môi để lộ ra hàm răng trắng nhợt. “Chào Dee.”

Tận đến lúc này bà vẫn thấy ghê sợ khi thốt ra tên ông ta, và nghe ông ta gọi tên mình; Deane có thể cảm nhận được điều đó và ông ta vội nhìn lảng sang hướng khác. Nhiều năm qua bà vẫn nghe tin về ông ta, biết quãng đường thành công của ông ta. Có lúc bà còn không dám coi đoạn giới thiệu phim nữa chỉ vì sợ thấy xuất hiện: Một bộ phim của Michael Deane.

“Mẹ ơi?” Pat tiến một bước về phía bà. “Mẹ không sao chứ?”

“Mẹ không sao,” bà nói. Nhưng bà đang nhìn Michael trừng trừng và mọi cặp mắt đều đang dõi theo bà.

Michael Deane cảm thấy được những ánh nhìn đó và ông ta biết: đây chính là Khán phòng của ông. Và Khán phòng chính là tất cả. Khi anh ở trong khán phòng rồi thì không còn gì khác bên ngoài nó nữa. Những người lắng nghe bài pitch của anh sẽ không cách nào thoát khỏi Khán phòng...

Thế là Michael bắt đầu hành động, đầu tiên ông ta quay sang Lydia, mỉm cười lịch thiệp. “Quý cô đây ắt hẳn là tác giả của kiệt tác chúng ta vừa xem.” Ông chìa tay ra. “Quả thực là một tác phẩm tuyệt vời. Hết sức xúc động.”

“Cám ơn ông,” Lydia nói và bắt tay ông ta.

Tiếp đó Deane quay lại phía Debra: Hãy luôn luôn nói trước để trở thành kẻ răn mặt nhất trong căn phòng. “Dee à, lúc này ở dưới nhà tôi cũng có nói với con trai bà, diễn xuất của cậu ấy rất ấn tượng. Đúng là mẹ nào con nấy.”

Pat bối rối trước lời khen, anh cúi mặt xuống và gãi gãi đầu gượng gạo, cứ như một đứa nhỏ hối hối vì lỡ đá trái bóng làm vỡ cây đèn.

Mẹ nào con nấy – Debra rùng mình trước cái câu đó, trước cái sự đe dọa bà ngờ ngợ nhưng chưa nghĩ ra được là gì (Ông ta lại muốn gì đây?), rùng mình trước cái cách Michael Deane đang tìm cách kiểm soát căn phòng và nhìn con trai bà với ánh mắt đầy ý đồ xấu xa chết người, với sự thèm khát đó, với nụ cười nửa miệng trên cái khuôn mặt dao kéo trơ trơ.

Pasquale cảm nhận được sự khó chịu của bà. “Xin lỗi bà,” ông nói và đặt tay lên cái bàn bếp giữa họ. “Đây là cách duy nhất để tìm bà.”

Debra cảm thấy người căng cứng lên như gấu mẹ bảo vệ gấu con. Bà tập trung vào Michael Deane, cố gắng nói chuyện cho ra lẽ với ông ta nhưng đã không thể gạt đi được cái sự khó chịu trong giọng nói của mình: “Ông đến đây làm gì, Michael?”

Michael Deane làm như câu hỏi móc máy này là một câu hỏi thực sự về ý định của ông ta, một lời mời để phô ra cái bộ đồ nghề bán hàng của mình. “À, tôi nên nói luôn mới phải, nhất là khi đã quá quá bà đêm hôm khuya khoắt thế này. Cám ơn bà đã nhắc tôi, Dee.” Sau khi biến lời kết tội của Dee thành một lời mời, ông ta liền quay sang phía Lydia và Pat. “Không biết mẹ cậu có từng nhắc đến tôi chưa, tôi là một nhà sản xuất phim” – ông ta mỉm cười khiêm tốn – “cũng có đôi chút tiếng tăm.”

Claire đưa tay ra níu lấy cánh tay ông ta – “Michael...” (Không phải lúc này, đừng phá hỏng điều tốt đẹp ông đang tạo ra bằng cách cố gắng dựng phim về nó) – nhưng bây giờ Michael đã như một cơn lốc xoáy không thể nào ngăn lại được nữa rồi. Ông ta lợi dụng luôn cử chỉ của Claire để kéo cô về phe mình, đập đập tay cô như thể cô vừa nhắc ông cách hành xử. “À, dĩ nhiên rồi. Thứ lỗi cho tôi. Cô đây là Claire Silver, trưởng ban phát triển của tôi.”

Trưởng ban phát triển? Ông ta không có lý nào lại có ý định đó chứ. Tuy thế, cô vẫn không nói nổi nên lời nên cứ đứng trơ đó thật lâu và lúc ngẩng lên đã thấy tất cả mọi người đang trở mắt nhìn cô, nhất là Lydia đang ngồi dựa vào cạnh bàn bếp. Claire không còn sự lựa chọn nào khác ngoài việc vào hòa theo những gì Michael nói: “Đó quả thực là một vở kịch tuyệt vời.”

“Cám ơn cô,” Lydia đáp lại, mặt đỏ cả lên vì được khen.

“Đúng thế,” Michael Deane nói, “tuyệt vời,” và cả Khán phòng này giờ đã thuộc quyền kiểm soát của ông, cái nhà gỗ tồi tàn này cũng chẳng khác gì hơn những cái phòng ông ngồi pitch. “Đó là lý do tại sao Claire và tôi đang tự hỏi... không biết cô có quan tâm đến việc bán quyền sản xuất phim không...”

Lydia bỗng bật lên tiếng cười lo lắng, như thể cô vừa bị choáng. Cô liếc nhanh sang Pat rồi nhìn lại Michael Deane. “Ông muốn mua vở kịch của tôi?”

“Vở kịch đó, có lẽ là toàn bộ các tác phẩm cùng chủ đề của cô, có lẽ là mọi thứ...” Michael Deane ngừng một chút. “Tôi muốn mua tất cả mọi thứ,” ông ta cố làm cho giọng ra vẻ tự nhiên, “toàn bộ câu chuyện,” rồi khéo léo lôi Pat vào, “của hai người,” và lảng tránh cái nhìn của Dee. “Tôi muốn mua...” giọng ông ta nhỏ dần lại, như thể điều ông ta sắp nói ra tiếp theo chỉ là tiện mồm nói vậy thôi, “quyền sử dụng đời tư của hai người.”

Người ta rất khó chối bỏ những gì mình mong muốn.

“Quyền sử dụng đời tư ư?” Pat hỏi. Anh mừng cho bạn gái mình nhưng anh thấy nghi ngờ ông già này. “Điều đó nghĩa là gì, thưa ông?”

Claire biết. Đó là sách, là phim, là sô thực tế, hay bất cứ thứ gì kiếm ra tiền từ cuộc đời đứa con trai hoang đàng của Richard Burton. Dee cũng biết điều đó. Bà che miệng lại và chỉ kịp nói “Khoan...” là đôi chân đã muốn sụp xuống và bà phải bám vào cái bàn bếp để khỏi ngã.

“Mẹ!” Pat chạy vòng sang chỗ bàn bếp cùng lúc với Pasquale. Hai người họ đỡ hai cánh tay vừa kịp lúc bà gập người xuống. “Cho mẹ tôi chút không gian đi!” Pat la lên.

Pasquale không hiểu nghĩa của câu nói ấy (Cho không gian?) và ông nhìn sang phía cậu phiên dịch đang đứng bên kia bàn bếp, nhưng Shane đã hơi xin xin, hơi chán đời rồi, thế nên thay vào đó anh ta đi dịch lời đề nghị của Michael Deane cho Lydia nghe: “Cẩn thận đấy,” anh ta nghiêng người tới nói nhỏ với cô: “Có khi ông ta chỉ giả vờ thích mớ rác rưởi của cô thôi.”

Vẫn còn sốc khi được lên chức đột ngột, Claire nắm lấy tay ông sắp mà kéo ra chỗ phòng khác. “Michael, ông đang làm cái gì thế?” cô thì thào.

Ông nhìn qua vai cô tới chỗ Dee và anh con trai. “Tôi đang làm cái điều mà tôi đến đây vì nó.”

“Tôi tưởng ông đến đây để sửa sai.”

“Sửa?” Michael Deane nhìn Claire khó hiểu. “Sửa cái gì?”

“Lạy Chúa tôi, Michael. Ông đã phá rối cuộc đời những con người này. Ông đến đây không phải để hối lỗi thì để làm gì?”

“Hối lỗi?” Một lần nữa, Michael lại không hiểu Claire đang nói gì. “Tôi đến đây là vì câu chuyện, Claire. Vì câu chuyện của tôi.”

Phía sau bàn bếp, Dee đã lấy lại được thăng bằng. Bà nhìn sang phía phòng khách chỗ Michael Deane và cô trợ lý; bọn họ dường như đang tranh cãi chuyện gì đó. Pat đã đến chỗ quầy bếp đỡ bà. Bà siết tay anh: “Mẹ ổn rồi.” Pasquale đang đỡ tay kia của bà. Bà lại mỉm cười với ông.

Chỉ có ba người trên thế giới này biết được bí mật mà bà đã mang theo suốt bốn mươi tám năm qua. Một bí mật bám lấy bà từ khi bà rời Ý và nó cứ lớn mãi theo tháng năm cho đến lúc này nó đã choán đầy căn phòng – một căn phòng có hai người còn lại cũng biết bí mật đó. Có quá nhiều lý do để hồi đó bà giữ bí mật chuyện này – Dick và Liz, gia đình xét nét, báo lá cải làm beng và trên hết (bà thừa nhận) là lòng tự trọng của bà quyết không để một kẻ vô lại như Michael Deane chiến thắng – nhưng những lý do đó cứ mờ phai dần theo năm tháng cho đến khi lý do duy nhất khiến bà phải giữ bí mật là... Pat. Bà nghĩ chuyện đó sẽ quá sức của thằng bé.

Có đứa con diễn viên điện ảnh nào thoát khỏi cám dỗ chứ? Nhất là một đứa đã sẵn nghiệm ngập như Pat? Khi nghiệm nó quá mong manh dễ vỡ, còn thời gian để nó tinh táo thì quá ít ỏi. Lúc ấy bà chỉ muốn bảo vệ con, còn giờ

bà biết bà đang bảo vệ nó khỏi kẻ nào: là gã đàn ông này, kẻ bà thù ghét ngót nửa thế kỷ nay, kẻ đã đến nhà bà, đe dọa phá vỡ cuộc sống con cái bà khi dám ngỏ lời mua đời tư của chúng.

Tuy thế bà biết mình đâu thể sống mãi để bảo vệ Pat. Rồi lại còn cảm giác tội lỗi vì đã giấu con một điều quan trọng như thế, cảm giác sợ hãi con sẽ ghét bà. Dee nhìn Lydia. Điều này cũng sẽ ảnh hưởng con bé. Rồi bà nhìn sang Pasquale và cuối cùng là nhìn đứa con trai, người cũng đang nhìn bà đầy băn khoăn tới nỗi bà biết mình không còn lựa chọn nào khác. “Pat, mẹ nên... con cần phải... có điều này...”

Và lúc đó kể cả khi quyết tâm nói với con, lần đầu tiên bà cảm thấy được một luồng hy vọng tự do, cảm thấy sức nặng của bí mật này đang dần dần tan biến...

“Về cha con...”

Đôi mắt Pat chuyển ánh nhìn từ bà sang Pasquale, nhưng Dee lắc đầu. “Không,” bà chỉ nói vậy. Bà Michael Deane đang đứng trong phòng khách và điều đó khiến bà muốn ráng sức thêm lần nữa, thể hiện sự nổi loạn nho nhỏ. Bà sẽ không để con kèn kèn già chứng kiến điều này. “Chúng ta lên gác đi con?”

“Dạ vâng,” Pat trả lời.

Debra nhìn Lydia. “Cả con nữa.”

Và thế là cuối cùng cái Đoàn người xui xẻo nhà Deane đã không được chứng kiến sự kết thúc của cuộc hành trình. Họ chỉ có thể trở mắt ra nhìn khi Lydia, Dee và Pat đi chậm chậm về phía cầu thang bếp. Michael Deane gạt đầu nhẹ ra hiệu cho Keith, thế là anh ta liền cầm cái máy quay nhỏ đi theo. Sự tiến bộ trong công nghệ và xu hướng thu gọn kích thước ngày càng nhỏ thật đáng ngạc nhiên – cái thiết bị nho nhỏ chỉ bằng bao thuốc này lại có thể làm nhiều thứ hơn cái máy quay mấy chục ký một thời Dee Moray từng diễn xuất trước nó – và trong cái màn hình tí hon của máy quay là Lydia đang dìu Debra bước lên cầu thang. Ban đầu Pat đi phía sau hai người bọn họ, nhưng đột nhiên anh ngừng lại, quay lưng và nhận thấy những người khác đều đang chăm chăm nhìn mình như thể chờ anh làm một điều gì đó

điên hùng – và ngay lập tức một cảm giác quen thuộc xâm chiếm anh mạnh mẽ giống như mỗi lần anh đứng trên sân khấu. Pat nóng mặt, anh quay sang Keith.

“Tôi đã nói anh cất cái máy quay chết tiệt đi rồi cơ mà,” Pat nói rồi giật lấy cái máy – cái màn hình giờ đang quay lại thước phim kỹ thuật số cuối cùng của nó là những đường chỉ tay hằn sâu của một người đàn ông đang túm lấy nó mà đi âm âm băng qua phòng khách, băng qua mặt tay sản xuất già trông ghê ghê, băng qua cô gái tóc đỏ và gã say xỉn đầu tóc bù xù. Anh kéo cửa trượt, bước ra ngoài ban công và thẳng tay ném cái máy quay, càu nhàu khi nó rời tay anh mà xoay vòng vòng về phía trước – Pat chờ đợi, và chờ đợi cho tới khi tất cả bọn họ đều nghe thấy một tiếng tòm xa xa phía dưới hồ nước. Anh lại đi vào trong, băng qua căn phòng mặt hài lòng – “Anh chính là người hùng của tôi,” gã tóc tai bù xù thốt lên khi anh đi ngang qua – và Pat khẽ nhún vai kiểu như xin lỗi nhé với Keith. Sau đó, anh đi lên cầu thang để phát hiện ra rằng cả cuộc đời mình đến giờ phút này là một sự dối gian ngọt ngào.

PHÊ TÍCH TRẮNG LỆ

Dường như không còn gì hiển nhiên hơn, hiện hữu hơn và chắc chắn hơn là khoảnh khắc này của hiện tại. Ấy thế mà cái khoảnh khắc đó vẫn một mực lẩn tránh ta.

Mọi nỗi buồn trong đời cũng từ đó mà ra.

Milan Kundera

Đây là một câu chuyện tình, Michael Deane nói.

Nhưng thực sự, có cái gì lại không phải chứ?

Chẳng phải vị thám tử yêu sự bí ẩn, yêu trò đuổi bắt, hay yêu cô phóng viên nhiều chuyện, người đang bị nhốt trong một nhà kho trống trên bến tàu đó sao?

Chắc chắc là kẻ sát nhân hàng loạt yêu nạn nhân của hắn, chàng điệp viên yêu những món đồ chơi của chàng, tổ quốc chàng hay cô nàng gián điệp kỳ lạ. Những người lái xe tải trên băng bị giằng xé giữa tình yêu băng tuyết xe tải, và những đầu bếp kèn cựa nhau phát cuồng lên vì mấy con sò, còn mấy người làm tiệm cầm đồ mê mết mấy món đồ cũ cũng giống như mấy bà nội trợ kiểu Mỹ chỉ ham lâu lâu ngắm cặp lông mày tiêm Botox của họ qua những chiếc gương mạ vàng. Cũng giống như gã trai đứ đờn trong đầu chỉ muốn làm một trận trời với con bé lẳng lơ trong Nhật ký hẹn hò, và bởi vì đây chính là thực tế, tất cả bọn họ đều yêu – điên cuồng, thật tâm – với cái micro gắn phía sau lưng, còn nhà sản xuất thì lại hay đề xuất thêm một góc quay nữa thôi, một cảnh hở hang rẻ tiền nữa thôi. Rồi người máy yêu ông chủ, người ngoài hành tinh yêu đĩa bay, Siêu nhân yêu Lois, Lex và Lana, Luke yêu Leia (cho đến khi cậu phát hiện ra đó là em gái mình),

người trừ tà yêu đám quý dữ cho dù có phải cùng nó nhảy ra khỏi cửa sổ, như Leo yêu Kate và cả hai người họ đều yêu con tàu đắm, và những con cá mập, trời ạ, cá mập chỉ yêu những thứ chúng nuốt vào bụng, và đó cũng là cái mà đám mafia yêu thích – ăn uống, tiền bạc và Paulie và luật im lặng của bọn chúng – như cách mà chàng cao bồi yêu con ngựa, yêu cô nàng mặc áo nịt ngực sau đàn piano, và đôi khi yêu cả chàng cao bồi khác nữa. Như ma cà rồng yêu màn đêm và những cái cổ, rồi đám thầy ma – thôi khỏi bàn đến đám thầy ma đi, toàn một lũ ủy mị, sến sẩm. Có ai từng si tình hơn một thầy ma chưa, cái ả dụ tái xanh, nhợt nhạt về tình yêu đó, chỉ là cái xác đói ăn xiêu vẹo, tay chân lòng thông, chính sự tồn tại của đám này thôi đã là một bài sonnet ngợi ca sự thèm muốn óc người của chúng rồi. Điều đó cũng là một câu chuyện tình đấy.

Và trong khán phòng đó, mấy nhà đầu tư tài chính người Hà Lan định ném vào phi vụ này 40 triệu gây choáng thiên hạ, đang ngồi đợi Michael Deane nói chi tiết hơn, nhưng ông ta chỉ ngồi đó, ngón trỏ đặt lên môi.

Một câu chuyện tình. Ông sẽ nói khi ông sẵn sàng. Suy cho cùng, ông là chủ khán phòng này. Đây là không gian của ông; thứ ông hối tiếc chỉ là việc không thể tham dự chính đám tang của mình, bởi vì ông sẽ rời khán phòng chết tiệt này với một thỏa thuận phát sóng thử và một sô truyền hình thực tế với bối cảnh là địa ngục. Sau bài pitch Donner (phải trả 30 ngàn cho nó, thẳng nhóc thật biết cách làm ăn), Michael đã thoát khỏi sự ràng buộc với hãng phim cũ. Giờ đây ông đã có thể tự mình làm ăn – sáu ý tưởng chương trình đã vào giai đoạn sản xuất – ông vẫn sống tốt trong cái thế giới hậu hãng phim này, cảm ơn bà con đã quan tâm, và vẫn vơ vét nhiều tiền hơn bao giờ hết. Bây giờ thì những kẻ có tiền tìm đến ông.

Ông thấy mình như trẻ lại thời 30. Thế là mấy nhà đầu tư người Hà Lan chờ đợi, kiên nhẫn chờ đợi, cho đến khi mấy ngón tay trỏ tách ra khỏi đôi môi siêu mềm mượt của ông, rồi ông cất lời: “Đây là một sô truyền hình thực tế được chiếu trên các kênh truyền hình cáp thứ cấp có tên là *Gái Già Giàu hay Gái Già Nghèo*. Và như tôi đã nói đó, đây cũng là một câu chuyện tình yêu...”

Hắn rời. Và ở Genoa, nước Ý, một cô gái đếm hết thời chờ cho cánh cửa khép lại liền chộp lấy món tiền mà người đàn ông Mỹ để lại trên tấm chăn xám như sợ rằng không nhanh thì nó sẽ biến mất. Cô nhìn xung quanh, nín thở, rồi lắng nghe tiếng bước chân của ông ta bước dần xuống sảnh. Cô ngồi dựa vào khung giường sắt đếm tiền – nhiều gấp 50 lần cái giá cô thường nhận được cho một lần đi khách; cô không tin nổi cái vận may quái lạ này của mình. Gấp xấp tiền lại và nhét dưới quần nịt để gã Enzo khỏi đòi chia phần, cô đến chỗ cửa sổ nhìn xuống, anh ta kia, đang đứng trên vỉa hè, khuôn mặt ngơ ngác: đó chính là Wisconsin. Anh chàng muốn viết sách. Và trong khoảnh khắc trí nhớ loé lên đó, hai khoảnh khắc mà họ ở bên nhau thật trọn vẹn, cô nhận ra mình yêu anh ta nhiều hơn bất kỳ người đàn ông nào khác từng quen biết – và đó có lẽ là lý do vì sao cô làm bộ không biết anh để không phá hỏng khoảnh khắc đó, để tránh cho anh khỏi phải xấu hổ vì đã khóc. Nhưng không – còn điều gì khác nữa, điều gì đó cô không biết gọi thành tên, và khi cô nhìn xuống con đường phía dưới, thì cái cảm nhận kỳ lạ không tên đó đã khiến Maria chạm vào giữa ngực, nơi người con trai đã ngã đầu vào đêm đó. Rồi cô lùi dần xa khỏi chỗ cửa sổ...

Ở California, William Eddy đang đứng trên hàng hiên nơi ngôi nhà ván nhỏ xíu của mình tận hưởng làn khói tỏa ra từ tẩu thuốc và sức nặng của bữa ăn sáng nơi bụng.

Thật là một bữa ăn tội lỗi và suy đồi. Bữa ăn nào William Eddy cũng thích nhưng ông đặc biệt thích bữa sáng. Trong vòng một năm liền, ông loanh quanh Yerba Buena làm đủ mọi việc nhưng rồi lại phạm sai lầm là kể chuyện đời mình cho mấy tay phóng viên báo lá cải và mấy ông nhà văn ba xu – cả đám này đều thêm mắm thêm muối từ ngôn ngữ cho đến hành động như những con kền kền rĩa thịt rĩa xương ông hòng kiếm chút tiếng tăm. Khi có người kết tội ông nói quá lên để tô vẽ bản thân mình, Eddy nguyên rủa họ rồi ông chuyển tới miền Nam, tới Gilroy. Tô điểm – Lạy Chúa tôi, ai lại muốn tô điểm bản thân sau một thảm kịch như thế chứ? Khi có Cuộc đổ xô đào vàng năm 1849 thì chẳng thiếu gì việc cho người đóng xe ngựa cho ông và William sống cũng đủ đầy được một dạo, ông tái hôn, có ba đứa con, nhưng chẳng bao lâu ông lại sống kiếp lang thang, đơn độc, ông rời bỏ gia

đình thứ hai của mình và bỏ chạy đến Petaluma; đôi khi ông cảm thấy mình như một cái áo phất phơ bị gió thổi bay ra khỏi dây phơi. Người vợ hai nói rằng ông gặp vấn đề: “Ở mình có điều gì đó ốm yếu và xa cách”. Người vợ thứ ba của ông, một cô giáo ở St Louis, hiện cũng đang nhận thấy điều tương tự nơi ông. Ông cũng nghe được vài chuyện về số phận những người khác: mấy người nhà Donner và nhà Reed còn sống sót, những đứa nhỏ ông đã cứu mạng, kẻ thù kiêm bạn cũ của ông Keseberg đang mở một tiệm rượu đầu đó. Ông tự hỏi liệu bọn họ có phiêu bạt giống ông. Có lẽ chỉ mỗi Keseberg mới có thể hiểu được – ông nghe nói Keseberg đã chấp nhận cái tiếng xấu của mình và mở một nhà hàng ở thành phố Sacramento.

Sáng nay, Eddy cảm thấy hơi sốt và mệt mỏi, nhưng phải đến mấy ngày sau đó ông mới hay rằng mình sắp chết ở độ tuổi mới 43 và mới chỉ 13 năm sau khi khó nhọc đi qua được hẻm núi. Dĩ nhiên, đoạn đường thoát hiểm đó chỉ kéo dài trong chốc lát. Trên hàng hiên, tiếng ho của William làm những tấm ván lát sàn dưới chân kêu lên ken két. Rồi ông quay người nhìn ra phía đông theo lệ thường mỗi sáng, cảm thấy đau đớn trước vầng dương đang bị vùi dập nơi chân trời, trước gia đình ông nơi ấy mãi mãi đắm chìm trong lạnh giá.

Suốt đêm, người họa sĩ đi về hướng Bắc qua những chân đồi tối đen mong sẽ an toàn đến được vùng biên giới Thụy Sĩ. Anh tránh những con đường chính mà đi vào một ngôi làng Ý đổ nát để sục sạo xem có gì còn sót lại của đơn vị mình hay không, hay kiếm được người Mỹ nào để cho anh ta xin hàng hay không, gì cũng được.

Anh đã nghĩ đến chuyện cởi bỏ bộ quân phục của mình nhưng lại sợ bị người ta tưởng mình đào ngũ mà bắn chết. Lúc bình minh, nghe tiếng pháo nổ bụp bụp từ phía xa sau lưng, anh liền kiếm chỗ nấp trong một cái xác nhà bị thiêu rụi trước đây là văn phòng nhà in. Anh đặt ba lô và cây súng của mình dựa vào bức tường rồi cuộn mình nằm dưới một cái bàn vẽ, đầu gối lên mấy xác bao đựng ngũ cốc. Trước khi ngủ thiếp đi, người họa sĩ vẫn hay làm một việc đó là hình dung ra người con trai anh yêu đang ở Stuttgart, người từng dạy đàn piano cho anh.

Mạnh khỏe trở về nhé, người ấy khẩn khoản và anh đã trấn an người ấy rằng cứ yên tâm. Không gì khác hơn ngoài một tình cảm trong sáng giữa hai người con trai, nhưng chính điều đó đã giúp anh họa sĩ còn sống đến giờ, một khoảnh khắc anh tưởng tượng ra mình đã về nhà an toàn, và thế là đêm nào trước khi ngủ anh họa sĩ cũng đều nghĩ về người thầy dạy đàn piano, giống như lúc này đây, anh thiếp đi trong ánh nắng vàng rực rỡ của bình minh, và ngủ bình yên đến khi bị hai người du kích phát hiện ra và họ dùng xẻng nện vào đầu anh. Sau cú đập đầu tiên, mọi thứ thế là hết: anh họa sĩ sẽ không về lại được Đức, về lại với người thầy dạy đàn hay với người em gái của mình – người cũng đã bị giết một tuần trước đó trong một vụ hỏa hoạn tại công xưởng quốc phòng nơi cô làm việc, cô em gái cứng trong bức ảnh anh mang theo ra xa trường, người có bức chân dung anh đã vẽ hai lần trên bức tường công sự ở bờ biển nước Ý. Một trong hai người du kích cười to khi thấy anh họa sĩ người Đức đi loạng choạng và lảo đảo như một thây ma, nhưng kẻ tử tế hơn trong bọn họ đã tiến tới kết liễu đời anh...

Joe và Umi chuyển tới West Cork rồi kết hôn, không con cái gì, họ chia tay 4 năm sau đó, đổ lỗi cho nhau vì những cái tội già nua buồn bã của thân phận mỗi người.

Sau vài năm không gặp, tình cờ họ gặp lại nhau trong một buổi hòa nhạc và cảm thông với nhau hơn, họ uống rượu, cười vào những thiếu sót năm xưa và lại lên giường lần nữa. Sự hòa giải đó cũng chỉ kéo dài được vài tháng trước khi hai người họ lại đường ai nấy đi trong mẫn nguyện vì cảm thấy ít nhất mình cũng đã được tha thứ trong mắt nhau. Chuyện với Dick và Liz cũng thế: Cuộc hôn nhân mười năm rồi rên, một bộ phim đóng cùng nhau thực sự gây được tiếng vang là *Ai sợ Virginia Woolf?* (mịa mai thay cô lại giành được cả giải Oscar vì nó), rồi ly dị, rồi lại đoàn tụ một thời gian ngắn ngủi (còn thảm họa hơn cả cuộc đoàn tụ của Joe và Umi) trước khi lại mỗi người một nơi. Liz có thêm nhiều cuộc hôn nhân hơn, Dick rượu chè nhiều hơn cho đến năm 58 tuổi thì người ta không thể đánh thức ông dậy trong khách sạn được nữa và ông qua đời vì xuất huyết não. Một dòng thoại trong vở kịch *Giông tố* của Shakespeare để lại trên chiếc bàn đầu giường: “Cuộc liên hoan của chúng ta đến đây là hết...” Một mùa đông nọ Orenzio

xin rượu, thế là bị chết chìm, còn Valeria dành những năm cuối đời sống hạnh phúc với Tommaso Goá vợ, gã cục súc Pelle đã khỏe lại sau vết thương ở chân nhưng vì cũng đã chán cái kiếp làm thuê nên hẳn xin vào làm tại cửa hàng thịt của ông anh trai và cưới một cô gái câm. Gualfredo bị giang mai nặng khiến hẳn bị mù, đứa con trai người bạn Richards của Alvis bị thương ở Việt Nam, anh này trở về nhà làm luật sư chuyên bảo vệ quyền lợi cho các cựu chiến binh và cuối cùng được bầu vào thượng viện bang Iowa, còn cậu bé Bruno Tursi sau khi tốt nghiệp đại học ngành lịch sử và phục chế đã về làm việc cho một hãng tư nhân ở Rome chuyên việc ghi biên khảo đồ cổ, một nghề hoàn hảo giúp cậu cân bằng bệnh trầm cảm thể nhẹ và tính cách trầm tĩnh của mình. Steve Thế dục đã tái hôn với một phụ huynh ngọt ngào xinh xắn, mẹ người bạn chơi bóng mềm chung với con gái ông, và mọi chuyện cứ thế diễn ra theo hàng ngàn hướng, mọi thứ xảy ra cùng một lúc trong cơn cuồng quay của cuộc sống hiện tại, của chính khoảnh khắc này – những cuộc sống điêu tàn đáng mến đó...

Còn ở thành phố Universal, California, Claire Silver dọa sẽ nghỉ việc nếu Michael không chịu để yên cho Debra “Dee” và con trai bà, và cô chỉ đồng ý sản xuất một dự án mà họ kiếm được sau chuyến đi đến Idaho: một bộ phim chuyển thể thuần túy dựa trên vở kịch *Chuyện chàng ca sĩ* của Lydia Parker, câu chuyện cảm động về chàng ca sĩ nghiệp ngập hoang đang cuối cùng cũng đã trở về với người mẹ và bạn gái đau khổ của mình. Ngân sách dành cho bộ phim là 4 triệu đô la, và sau khi mọi nhà đầu tư và hãng phim ở Hollywood từ chối, Michael đã tự mình bỏ tiền ra làm, cho dù ông ta không nói ra việc đó cho Claire biết. Bộ phim được đạo diễn bởi một đạo diễn kiêm họa sĩ truyện tranh người Serbi, người này cũng đã tự mình viết kịch bản dựa trên vở kịch của Lydia hay ít nhất cũng là phần nhỏ của vở kịch mà anh ta có đọc. Vị đạo diễn này đã biến chàng ca sĩ trở nên trẻ tuổi hơn, nói chung là ưa nhìn hơn. Và thay vì gặp rắc rối với mẹ thì trong phiên bản điện ảnh này anh chàng ca sĩ lại có vấn đề với ông bố – điều đó giúp vị đạo diễn trẻ có thể thỏa sức tìm hiểu những cảm giác của mình dành cho người cha xa xôi đã bỏ rơi mình. Và thay vì bạn gái chàng ca sĩ làm người viết kịch bản ở Northwest và chăm sóc người cha dượng thì cô bạn gái trong bộ phim

lại trở thành một giáo viên nghệ thuật dạy mấy đứa nhỏ da đen nghèo ở Detroit, điều này giúp họ có thể lồng vào trong bộ phim vài bản nhạc hay hay và tận dụng luôn vụ giảm thuế lớn được hưởng khi làm phim ở khu Detroit, tiểu bang Michigan này. Trong kịch bản cuối cùng, nhân vật Pat – tên trong phim đổi thành Slade – không ăn trộm tiền của mẹ hay liên tục lừa dối bạn gái mà chỉ hại bản thân mình khi nghiện ngập mà thôi, và cũng không phải nghiện cocaine nữa mà là nghiện rượu (Nhân vật cần phải tạo được sự đồng cảm và sự quý mến của khán giả, Michael và anh chàng đạo diễn đã thống nhất nhau thế.) Những thay đổi này diễn ra chậm rãi, từng bước một như rót nước nóng dần dần vào bồn vậy, và cứ với mỗi bước đó Claire lại tự thuyết phục bản thân rằng bọn họ vẫn còn giữ lại những phần quan trọng nhất của câu chuyện – “cái chất của nó”- cho đến khi cô thấy tự hào về bộ phim, thành tích đầu tiên của cô với tư cách đồng sản xuất. Cha cô nói “bộ phim khiến cha rơi nước mắt.” Nhưng người xúc động nhất khi coi *Chuyện chàng ca sĩ* lại là Daryl, người vẫn còn trong thời gian “thử thách” khi Claire đưa anh đến coi buổi chiếu đầu tiên. Ở đoạn cuối của bộ phim (sau khi bạn gái của Slade là Penny phải đối mặt với nhóm côn đồ đe dọa ngôi trường nơi cô dạy) Slade đã gửi cho Penny một tin nhắn từ London: Nói anh biết là em ổn đi. Daryl đã há hốc miệng vì kinh ngạc và ngả người về phía Claire mà nói: “Chính anh đã gửi cho em tin nhắn đó.” Claire gật đầu, chính cô đã đề xuất chi tiết đó cho đạo diễn. Bộ phim kết thúc bằng cảnh một chủ hãng đĩa đang đi nghỉ ở Anh đã phát hiện ra tài năng của Slade và đưa anh này đến thành công, anh ta còn được tự đưa ra các điều khoản thỏa thuận. Khi Slade gỡ chiếc đàn guitar ra sau một sô diễn anh ta bỗng nhiên nghe giọng một phụ nữ “Em ổn cả,” Slade liền quay lại và thấy Penny, cô cuối cùng đã trả lời tin nhắn của anh. Trong rạp, Daryl bắt đầu khóc bởi vì bộ phim rõ ràng là một bức thư tình thô ráp mà bạn gái anh chàng nói về việc nghiện ngập phim cấp ba của chính anh ta. Thế là anh ta đồng ý đi trị liệu. Quả thực, việc trị liệu của Daryl thành công quá sức mong đợi, anh ta không còn thức dậy giữa trưa mỗi ngày để tìm phim cấp ba trên mạng rồi mỗi tối lại lén đi câu lạc bộ coi thoát y nữa, điều đó đã khiến cho anh ta tìm thấy một nguồn năng lượng và niềm đam mê mới cho cuộc sống,

từ đó truyền chúng sang mối quan hệ với Claire. Rồi Daryl cùng một người trước đây chuyên làm đạo cụ phim mở một cửa hàng ở Brentwood chuyên sản xuất nội thất theo yêu cầu cho những người trong ngành này. Chuyện chàng ca sĩ được đem chiếu ở vài lễ hội, thắng giải thưởng khán giả bình chọn ở Toronto và được đánh giá khá tốt. Tại thị trường nước ngoài nó thậm chí còn kiếm lời kha khá cho Michael – “đôi khi tôi có

cảm giác là mình đi đại tiện cũng ra tiền vậy,” ông ta nói với phóng viên từ *The New Yorker* như thế. Claire biết thừa bộ phim còn lâu mới được gọi là hoàn hảo, nhưng nhờ sự thành công của nó, Michael đã cho phép cô mua thêm hai kịch bản khác để sản xuất và Claire hạnh phúc vì không còn phải trông đợi sự hoàn hảo đến từ cái viện bảo tàng im lặng chết người, mà cô hạnh phúc ôm trọn lấy cái mớ hỗn độn ngọt ngào mang tên cuộc sống này.

Dù có được chút tiếng tăm ban đầu nhưng *Chuyện chàng ca sĩ* cũng không được Viện Hàn lâm điện ảnh ngó ngang gì tới, tuy vậy, bộ phim vẫn gặt hái được ba đề cử cho giải thưởng phim độc lập. Michael không đến dự lễ trao giải (ông ta còn bận đến Mexico phục hồi sau vụ ly dị và để điều trị hóc môn tăng trưởng đầy tranh cãi) nhưng Claire hạnh phúc đến dự để đại diện cho các nhà sản xuất bộ phim, Daryl tháp tùng cô, mặc một bộ vét đuôi tôm tím hoa cà mà cô mua cho anh ta trong một tiệm giảm giá.

Còn phải hỏi, anh ta trông bảnh cực. Thật không may là *Chuyện chàng ca sĩ* cũng chẳng giành được giải thưởng phim độc lập nào, nhưng sau đó Claire cảm thấy phẫn chấn vì thành tựu của mình (và cũng vì hai chai rượu Dom Perignon 1988 mà Michael đã hào phóng đặt riêng cho bàn cô) tới mức cô và Daryl đã vui vẻ luôn một trận trong chiếc limo, sau đó cô còn thuyết phục người tài xế lái tới tiệm KFC mua cả một xô gà rán giòn tan, trong khi Daryl mân mê cái nhẫn cầu hôn đang nhét trong túi quần màu tím...

Shane Wheeler sử dụng số tiền kiếm được từ hợp đồng kịch bản phim Donner! để thuê một căn hộ chung cư nhỏ khu vực Silver Lake ở Los Angeles. Michael Deane kiếm cho anh một công việc trong một sô truyền hình thực tế mà ông ta bán cho kênh Biography dựa trên gợi ý của anh có

tên là Cơn đói, kể về một nhóm người có cả cuồng ăn lẫn chán ăn. Nhưng sô này đến Shane còn thấy nhàm chán huống chi là khán giả, thế nên anh đã kiếm việc viết kịch bản cho một sô truyền hình khác là Trận chiến Hoàng gia, trong đó những trận đánh nổi tiếng được dàn dựng lại bằng đồ họa máy tính khiến người ta coi lịch sử mà như coi game dàn trận, và tất cả đều được William Shatner hoạt ngôn dẫn lời, Shane và hai người khác viết kịch bản bằng thứ văn xuôi hiện đại (“Chính do bị bó buộc bởi danh dự của mình mà đội quân Sparta sẽ bị nghiền nát...”). Lúc rảnh rỗi anh vẫn tiếp tục ngồi viết Donner! cho đến khi một bộ phim khác về đoàn người Donner được tung ra rạp trước – trong đó mô tả William Eddy là một gã hèn dối trá – thì cũng là lúc Shane từ bỏ việc viết lách những chuyện ăn thịt người. Anh thử nối lại mối quan hệ với Claire nhưng cô dường như khá hạnh phúc bên người bạn trai của mình, và khi Shane gặp gã đó thì anh hiểu: gã đàn ông này đẹp trai hơn anh nhiều.

Anh trả lại tiền cái xe cho Sandra, trả thêm một chút để giúp cô chi trả khoản tín dụng nhưng cô vẫn thờ ơ với anh. Tuy nhiên, một đêm sau buổi làm việc, anh đi chơi với một cô trợ lý sản xuất tên Wylie, cô bé mới 22 tuổi ngưỡng mộ anh và cuối cùng đã chiếm được trái tim anh bằng cái hình xăm Hành động trên hông cô – Ở Sandpoint, Idaho, Pat Bender thức giấc lúc bốn giờ sáng, pha bình cà phê đầu tiên trong mẻ ba bình mỗi ngày và lấp đầy khoảng thời gian rảnh sáng này bằng đủ thứ việc xung quanh căn nhà gỗ. Anh thích bắt đầu công việc trước khi thật sự tỉnh ngủ hẳn bởi vì nó sẽ tạo một cái đà giúp anh hoạt động cả nguyên ngày. Miễn là có việc để đung tay đung chân là thoải mái rồi. Thế là anh đi dọn bụi rậm, chẻ củi hoặc chà nhám, sơn phết lại cái ban công trước hoặc ban công sau, hoặc mấy cái nhà nhỏ bên ngoài, không thì anh lại chỉnh trang cái ban công trước một lần nữa: chà nhám, sơn, phết nó lại. Mười năm trước, mấy công việc này đối với anh có lẽ sẽ là tra tấn nhưng giờ thì anh lại háo hức xỏ chân vào đôi giày lao động, pha cà phê và bước vào buổi tờ mờ sáng; anh yêu thích thế giới này, nhất là khi anh được ở một mình cùng nó, trong sự tối tăm, yên lặng trước bình minh ấy. Sau đó, anh và Lydia sẽ ra thị trấn dựng phòng nền cho vở kịch hề thiếu nhi mà nhà hát phụ trách. Dee đã truyền lại cho Lydia cái mẹo

gây quỹ cho nhà hát cộng đồng này: tuyển càng nhiều mấy bé dễ thương càng tốt và để cho mấy ông bố bà mẹ giàu sụ ăn mặc thường thường của chúng mua cho một đồng vé, rồi dùng số tiền thu được này để chi trả cho mấy công việc nghệ thuật. Nhưng bỏ cái kiểu tư tưởng tư bản chủ nghĩa ấy qua một bên thì những vở kịch ấy cũng rất “dễ thương” và trong thâm tâm Pat thích mấy vở đó còn hơn mấy vở chính kịch cứng nhắc của người lớn. Cứ mỗi năm một lần anh lại đóng một vai chính, thường là trong một vở nào đó Lydia chọn cho; anh và Keith tới đây sẽ diễn vở *Miền Tây chính cống*. Anh chưa từng thấy Lydia hạnh phúc hơn thế. Sau khi bảo thẳng cha sản xuất mặt trông như thầy ma khùng điên ấy rằng anh không quan tâm tới việc bán “quyền sử dụng lịch sử đời tư” gì gì đó thì anh đã nói thêm- lịch sử hết mức – là “biến ngay cho chúng tôi nhờ”; nhưng lão già ấy vẫn tiến tới mà mua quyền diễn vở kịch của Lydia. Khi bộ phim *Chuyện chàng ca sĩ ra rạp*, Pat chẳng hào hứng gì coi nó nhưng khi mọi người bảo anh rằng câu chuyện đã thay đổi tất tần tật, rằng chẳng còn giống tí nào cuộc đời thật của anh nữa thì anh thấy mừng hết sức. Đến lúc này thì anh chọn vô danh hơn là thất bại. Với ít tiền kiếm được từ bán vở kịch, Lydia muốn đi đây đi đó và có lẽ mai này họ sẽ đi được, nhưng Pat cũng đã nghĩ đến lúc không bao giờ rời xa Idaho một lần nào nữa. Anh có cà phê uống, có mấy công việc mỗi sáng mà anh thực hiện đều đặn như một nghi lễ, chào truyền hình vệ tinh Lydia tặng sinh nhật có thể xem đến 900 kênh, cả dịch vụ truyền hình trên internet Netflix để ngồi coi lại dần dần mấy bộ phim cha để anh đóng – giờ thì anh đang coi đến bộ phim *Những diễn viên hài ông đóng năm 1967* – và anh vẫn thấy lòng rộn lên chút hứng khởi khi thấy những mảnh nhỏ bản thân mình trong ông bố, nhưng dĩ nhiên không phải khi ông cụ đã xuống sắc tàn tạ. Lydia cũng thích xem những bộ phim đó, và cô thường trêu chọc anh vì dáng dấp giống bố (Lần cuối em nhìn thấy một đôi chân như thế, thì ắt hẳn chủ nhân đang có ý đồ gì đây), Lydia ngọt ngào lúc nào cũng làm cho mọi thứ kỳ cục này trở nên sống động.

Và trong những ngày khi mà cả Lydia, hồ nước, cà phê, việc chặt củi lẫn những bộ phim Richard Burton cũng không đủ, những buổi tối khi anh thèm khát – đến chết đi được – những âm thanh ồn ào cũ, một cô gái ngồi trên

đùi, cocaine trên bàn, khi anh nhớ lại cô rót rượu cười duyên với anh trong quán cà phê đối diện rạp hát, hay thậm chí nghĩ tới tấm danh thiếp của Michael trong ngăn bàn dưới bếp để gọi và hỏi ông ta “Chuyện này sẽ diễn ra thế nào đây?” – vào những ngày anh tưởng tượng ra mình vươn cao vươn xa hơn (ý là: hằng ngày), thì Pat Bender lại tập trung nghĩ đến những thứ khác. Anh nhớ đến niềm tin của mẹ đặt vào anh, những gì bà bảo anh cái đêm bà tiết lộ người cha đẻ (Đừng để điều này thay đổi bất kỳ điều gì), cái đêm anh tha thứ cho bà vì đã giấu chuyện và cảm ơn bà – rồi Pat lại lao động: anh chà nhám, sơn, phết, chà nhám, sơn phết, sơn phết, chà nhám, cứ như thể tính mạng anh phụ thuộc vào nó, mà quả đáng là cũng phù hợp thật. Và trong cái tờ mờ của buổi sáng sớm, anh luôn tỉnh dậy, đầu óc tỉnh táo và quyết tâm, điều duy nhất anh mong nhớ chính là... .. mẹ mình, Dee Moray. Giờ bà đang ngồi bắt chân chữ ngũ trên băng ghế sau một chiếc thuyền chở khách, mặt trời sưởi ấm đôi cánh tay khi chiếc thuyền đổ bóng sang phía vùng duyên hải Riviera di Levante quanh biển Lingurian. Bà mặc bộ đầm màu kem và khi gió thổi mạnh bà giơ tay lên giữ chặt cái mũ cũng màu kem trên đầu.

Điều này khiến cho Pasquale Tursi đang ngồi bên cạnh mặc chiếc áo vét bất chấp trời nóng nực (vì lát nữa họ đã đặt bàn đi ăn tối) gần như phải cúi gập người xuống để kiểm lại cái cảm giác xao xuyến bồi hồi. Ông có một trong những suy nghĩ kỳ lạ mơ tưởng nhất – rằng bằng cách nào đó ông đã lôi ra được từ trong tâm trí mình không phải cái kỷ niệm 50 năm trong đó lần đầu tiên ông thấy người phụ nữ này mà đây chính là khoảnh khắc có thật.

Suy cho cùng, chẳng phải cũng là vùng biển này, mặt trời này, vách đá này và cũng chẳng phải chỉ hai người họ đó sao? Và nếu như một khoảnh khắc tồn tại chỉ trong suy nghĩ của ta thôi thì có lẽ chính cái cảm giác xôn xao mà ông đang có đây chính là KHOẢNH KHẮC ĐÓ chứ không phải chỉ là cái bóng của nó. Có lẽ mỗi một khoảnh khắc đều tồn tại mãi, và bọn họ sẽ mãi mãi tuổi hai hai với cuộc sống luôn ở phía trước. Thấy Pasquale đã chìm đắm trong mơ màng, Dee liền chạm nhẹ tay ông mà hỏi “*Cosa c'è? **,” và cho dù những năm tháng dạy tiếng Ý của bà đã cho phép họ giao tiếp

khá tốt, thì một lần nữa, cái cảm giác hiện hữu trong ông giờ đây mới thật khó diễn tả làm sao, thế nên Pasquale im lặng, chỉ cười với bà rồi đứng dậy ra phía đầu thuyền. Ông chỉ chỗ mũi đất cho người lái tàu, người này trông có vẻ hồ nghi nhưng vẫn vượt qua được những con sóng, đi vòng quanh mũi đá vào một vịnh nhỏ bỏ hoang. Cái cầu tàu dài duy nhất nơi đây giờ không còn nữa, chỉ còn lại vài mảnh chân móng đổ nát trông giống như những mẩu xương vớt trên cỏ, đó là tất cả những gì còn sót lại của ngôi làng một thời từng nằm giữa khe các vách đá này. Pasquale giải thích cho bà rằng ông đã đóng cửa Cảnh quan vừa phải và chuyển tới Florence, người ngư dân cuối cùng đã mất năm 1973, ngôi làng cũ bị bỏ hoang và được chuyển giao cho Công Viên Quốc gia vùng Ngũ Thổ, các gia đình ở đây được trả một khoản tiền đền bù nhỏ cho mảnh đất của họ.

Lúc ăn tối ở Portovenere, trên hàng hiên trông ra biển, Pasquale còn giải thích nhiều chuyện khác nữa, cả một chuỗi sự kiện kéo theo sau khi ông để bà lại ở khách sạn ngày hôm đó, một nhịp điệu hài lòng mãn nguyện mà cuộc sống về sau đã mang tới cho ông. Không, nó không phải là sự háo hức lạ lùng về cuộc sống trong tưởng tượng với bà, mà thay vào đó, Pasquale đã sống một đời đáng gọi là của chính ông: làm đám cưới với Amedea đáng yêu, nàng trở thành người vợ tuyệt vời của ông, vui tính và hiền hòa, một người bạn đời tốt nhất mà ông mong muốn. Hai vợ chồng đã nuôi dạy bé Bruno kháu khỉnh và không lâu sau đó là hai cô con gái Francesca và Anna ra đời. Pasquale đã làm tốt công việc ở công ty của bố vợ, quản lý và sửa chữa các tòa chung cư của Bruno lớn. Cuối cùng cậu thay ông làm trụ cột cho gia tộc Montelupo lẫn việc làm của họ, tạo công ăn việc làm, trao quyền thừa kế rồi cố vấn cho đám con đã lớn cũng như cho đội quân đầy cháu chắt của mình, không ngờ rằng một người đàn ông như cậu lại có vai trò cần thiết đến thế, trọn vẹn đến thế. Và đó là một cuộc đời không thiếu những khoảnh khắc thú vị, một cuộc đời diễn tiến ngày càng nhanh như một tảng đá lăn xuống triền đồi, dễ dàng, tự nhiên và thoải mái, một cuộc sống dường như vượt khỏi tầm kiểm soát. Tất cả đều xảy ra quá nhanh, ta đánh thức một người phụ nữ trẻ vào buổi sáng và đến trưa người đó đã là trung niên và đến tối ta đã có thể tưởng tượng cái chết của mình.

* *Có chuyện gì thế?*

Thế ông có hạnh phúc không? Dee hỏi và Pasquale trả lời không chán chừ, Ồ, có chứ, rồi sau đó ông suy nghĩ và nói thêm, Không phải mọi lúc, dĩ nhiên, nhưng tôi nghĩ là hạnh phúc hơn nhiều so với nhiều người. Ông thật sự yêu vợ, và nếu đôi khi ông có mơ mộng về một cuộc sống khác, những người phụ nữ khác – chủ yếu là bà – thì ông cũng không bao giờ nghi ngờ rằng mình đã quyết định sai lầm. Điều mà ông tiếc nuối nhất đó là hai vợ chồng chưa từng đi du lịch cùng nhau khi con cái đã lớn khôn, trước khi Amedea ốm, trước khi hành vi của bà trở nên bất thường – những cơn cáu giận vô cớ, đi lạc, và cuối cùng là bác sĩ chẩn đoán vợ ông bị mắc bệnh mất trí nhớ giai đoạn đầu. Kể cả lúc đó, bọn họ vẫn có vài năm vui vẻ bên nhau, nhưng mười năm cuối cuộc đời bà đã bị xóa sạch, biến mất dần dưới chân họ như cát bị cuốn dần ra biển khơi vậy. Ban đầu, Amedea đơn giản chỉ quên đi chợ, quên khoá cửa, sau đó bà đánh mất cả xe hơi, rồi quên các con số, những cái tên và cách sử dụng những đồ vật thông thường.

Ông về nhà thấy bà đang cầm khư khư chiếc điện thoại mà không biết phải gọi cho ai, và về sau này cũng không nhớ điện thoại dùng làm gì nữa. Một thời gian ông đi đâu là phải khoá cửa để bà không ra ngoài, rồi sau đó cả hai vợ chồng không còn rời nhà nữa – và điều tồi tệ nhất là ông thấy hình ảnh ông đang nhoè dần đi trong mắt bà và lạc lối trong màn sương mờ đó (liệu ông có tồn tại khi vợ ông không còn biết ông là ai nữa?) Năm cuối đời của bà thật không chịu nổi. Chăm sóc cho một người mà họ không biết ta là ai thật kinh khủng – gánh nặng của trách nhiệm, việc tắm rửa, cho ăn và... mọi thứ, gánh nặng đó cứ tăng dần khi nhận thức của bà cũng mất đi, cho đến khi bà chỉ còn là một “hình nhân” mà ông phải chăm sóc, một vật nặng ông phải kéo lê qua phía bên kia sườn đồi cuộc đời; và cứ như thế mãi đến khi con cái thuyết phục ông đưa bà vào viện dưỡng lão gần nhà, Pasquale khóc mãi vì buồn bã và ân hận nhưng đồng thời cũng thấy nhẹ nhõm, và ông thấy tội lỗi vì sự nhẹ nhõm đó, buồn bã vì tội lỗi đó, và khi người y tá hỏi ông muốn dùng biện pháp nào để chăm sóc cho đời sống vô tri của vợ mình, ông đã ghen ngào không thể nói nên lời. Vậy là chính Bruno, Bruno đáng yêu đã nắm lấy tay người cha rồi nói với người y tá, Chúng tôi đã sẵn sàng

để mẹ đi rồi. Và thế là bà đã ra đi đến viện điều dưỡng và Pasquale đến đó mỗi ngày, nói chuyện với gương mặt vô hồn ấy cho đến một ngày một người y tá gọi điện đến nhà lúc Pasquale đang chuẩn bị đi thăm và báo rằng vợ ông đã qua đời.

Ông đau khổ vì điều này hơn ông tưởng, việc cuối cùng bà đã ra đi giống như một trò đùa tàn nhẫn vậy, như thể bằng cách nào đó sau khi bà mất, Amedea của trước kia sẽ quay lại, nhưng thay vào đó chỉ có một khoảng trống mênh mông trong ông. Một năm trôi qua và cuối cùng Pasquale cũng hiểu được nỗi buồn của mẹ mình sau khi bố Carlo của ông qua đời – Carlo đã tồn tại trong tâm trí vợ và gia đình quá lâu vậy mà giờ lại chẳng còn gì. Và lại chính là Bruno mạnh mẽ nhận ra trong chính cha mình sự đấu tranh với bệnh trầm cảm của họ. Và cậu hồi thúc người cha thử nhớ lại đâu là lần cuối ông thấy mình được sống thoải mái mà không phải gắn với mối quan hệ với Amedea đáng yêu, đâu là khoảnh khắc hạnh phúc riêng tư của ông, khao khát riêng tư của ông – và Pasquale đã đáp lại không chần chừ Dee Moray. Bruno hỏi lại Ai ạ?

Dĩ nhiên con trai ông chưa bao giờ được nghe câu chuyện.

Pasquale kể cho cậu con trai nghe mọi thứ, rồi sau đó lại là Bruno nhất quyết bảo cha phải đến Hollywood và tìm hiểu cuộc sống của người phụ nữ trong tấm ảnh cũ ra sao, và để cảm ơn bà...

Cảm ơn tôi ư? Debra Bender hỏi, và trong câu trả lời của mình, Pasquale đã lựa chọn từ ngữ kỹ càng, nghĩ đi nghĩ lại vài lần, hy vọng bà sẽ hiểu: tôi như sống trong mơ khi được gặp bà. Và khi gặp người đàn ông bà yêu, tôi thấy sự yếu đuối của mình trong chính ông ta. Thật là trớ trêu, làm sao tôi có thể là người đàn ông xứng đáng với tình yêu của bà khi tôi bỏ rơi chính đứa con trai mình?

Đó là lý do tôi quay lại với cháu. Và đó là điều tuyệt vời nhất tôi từng làm.

Bà hiểu ra: bà đi dạy học ban đầu như một sự hy sinh, truyền những mong muốn và tham vọng của mình sang học trò. Nhưng rồi bà nhận ra chuyện đó mang lại nhiều niềm vui và nó giúp làm dịu sự cô đơn, đó là lý do tại sao

những năm vừa qua, việc điều hành nhà hát ở Idaho lại mang đến cho bà cảm giác trọn vẹn như vậy. Và điều mà bà yêu thích về vở kịch của Lydia là nó chạm tới tư tưởng rằng sự hy sinh thực sự không nhất thiết phải khiến con người ta đau đớn.

Họ nán lại nói chuyện thêm ba giờ đồng hồ nữa sau bữa tối cho đến khi bà thấy mệt thì họ tản bộ về lại khách sạn. Ở hai phòng khác nhau, cả hai người đều không biết câu chuyện giữa họ là gì – liệu nó có thực, thậm chí có thể xảy ra ở cái tuổi này của họ. Buổi sáng họ uống cà phê và nói chuyện về Alvis (Pasquale: ông ấy nói đúng, du khách sẽ hủy hoại nơi này; Dee: ông ấy giống như hòn đảo nơi tôi cũng đã sống một thời gian). Và trên boong tàu ở Portovenere họ quyết định sẽ đi leo núi, nhưng đầu tiên họ lên kế hoạch cho những ngày tiếp theo trong chuyến đi nghỉ ba tuần này của Dee: đầu tiên bọn họ sẽ xuống phía Nam tới Rome, rồi sau đó sẽ là Naples và Calabria, rồi sau đó lại vòng ra bắc tới Venice và Hồ Como, miễn là điều kiện sức khỏe cho phép – và điểm cuối sẽ là ở Florence, Pasquale sẽ giới thiệu cho bà căn nhà lớn của ông cũng như giới thiệu bà với con cái và đám cháu chắt.

Mới đầu Dee thấy thật ghen tị nhưng khi đám nhỏ cứ hết đứa này đến đứa khác bước vào, bà thấy vỡ oà niềm vui – nhiều cháu con quá – và cảm thấy hơi đỏ mặt vì mình cũng có chút công tạo ra được những chuyện này, như Pasquale đã tin như thế. Bà ẵm một đứa nhỏ lên, chớp chớp đôi mắt rơm rớm khi bà thấy Pasquale làm trò ảo thuật rút đồng xu từ tai đứa cháu trai (Giờ thì ông ấy đã thành một ông cụ đẹp lão rồi) và có lẽ phải hẹn một ngày khác, hay ngày nào đó xa hơn nữa – trí nhớ thì có liên quan gì đến thời gian chứ? – thì bà mới cảm thấy cơn chóng mặt đến, rồi một cơn nữa trước khi bà quá yếu để đứng dậy, một cơn nữa trước khi bà cảm thấy cơn đau nhói ở dạ dày mà thuốc Dilaudid không làm dịu nổi, và sau đó...

Họ dùng xong bữa sáng ở Portovenere, quay trở về khách sạn và xỏ chân vào những đôi giày leo núi. Dee trấn an Pasquale rằng bà vẫn còn đủ sức để đi leo núi, thế là họ bắt một chiếc taxi đi đến cuối đường, bây giờ chỗ này đã đầy những xe hơi, người đi bộ và xe đạp của du khách. Đến chỗ bùng binh, ông đỡ bà ra khỏi taxi, trả tiền người tài xế và một lần nữa hai người họ lại

đi bộ lên con đường mòn dọc theo vườn nho dẫn lên công viên, lên phía chân đồi khúc khuỷu tựa như làm nền cho những vách núi to cao sừng sững giữa biển. Họ không

biết những bức tranh cũ đã tàn phai hết chưa hay đã bị đám thanh niên xịt sơn lên rồi, hay thậm chí cái công sự có còn ở đó không nhưng họ đều cảm thấy trẻ lại, con đường như rộng ra và dễ đi hơn. Và kể cả khi họ không tìm thấy những gì muốn tìm, thì chẳng phải chỉ cần đi bộ cùng nhau trong ánh mặt trời cũng đủ lắm rồi đó sao?

LỜI CẢM ƠN

Tôi bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới Natasha De Bernardi, Monica Mereghetti, và Olga Gardner Galvin vì đã giúp tôi cải thiện vốn tiếng Ý khủng khiếp của mình, tới Sam Ligon, Jim Lynch, Mary Windishar, Anne Walter, và Dan Butterworth vì đã đọc bản thảo cuốn sách tại nhiều giai đoạn khác nhau; tới Anne và Dan vì đã chịu đi bộ cùng tôi lang thang vùng Ngũ Thổ; tới Jonathan Burnham, Michael Morrison và tất cả mọi người tại nhà xuất bản HarperCollins; và đặc biệt, tới Biên tập viên Cal Morgan và Đại diện của tôi Warren Frazier vì đã dốc sức hỗ trợ và chỉ bảo tôi rất nhiều.

LỜI BẠT

Phần bổ sung, các cuộc phỏng vấn và những chuyện khác...

VỀ TÁC GIẢ

Một cuộc phỏng vấn ngắn với Jess Walter

VỀ TÁC PHẨM

Thời Của Những Nô Lệ Chèo Thuyền

Bài phỏng vấn được đăng lần đầu trên tờ *Kenyon Review* ngày 16 tháng 7 năm 2012

Weston Cutter thực hiện

Trước tiên, thưa ông, xét toàn thể thì ai là người đã gây ảnh hưởng lên ông hay tác phẩm của ông (ông có bị tác động trong bất cứ hoàn cảnh nào, chẳng hạn như bởi cú ghi điểm của Kirk Gibson trong giải bóng chày thế giới năm 1988 chẳng hạn; thế thì sẽ thật tuyệt và vui hơn khi nó không dính líu gì đến sách vở)?

Ngoài sách vở ra, tôi còn rất thích ban nhạc Anh em nhà Coen, sự va chạm giữa các thể loại âm nhạc của họ làm tôi hào hứng. Lúc viết văn tôi nghe nhạc và danh sách bài hát của tôi có từ nhạc punk cũ tới R và B (William DeVaughn và nhóm Delfonics), Bowie, Dylan, Steely Dan, rồi cả nhạc alternative dài dòng (Beck, Jeff Tweedy, Richmond Fontaine, John Wesley Harding)... Nhưng nói thật, hầu hết tôi bị ảnh hưởng bởi những nhà văn thời xưa mà ai cũng biết; bộ ba thần thánh của tôi có lẽ là Vonnegut, Didion, và DeLillo, nhưng cũng còn cả hàng chục vị thánh khác nữa: Laurence Sterne, James Cain, Fitzgerald, vài ông Richards (Heller, Price, Powers, Russo), mấy người viết thể loại siêu hư cấu (Barthelme, Coover, và Millhauser), một số tác giả truyện ngắn (Gaitskill, Wolfe, Carver), Cormac McCarthy, Elmore Leonard, William Kennedy, bạn tôi Sherman Alexie, Gabriel García Márquez, David Mitchell, Edward P. Jones, nếu anh cho phép tôi có thể kể ra đây thêm một loạt ấy chứ...

Còn đây là một câu hỏi riêng tư nhưng giúp công chúng hiểu thêm hơn về tác giả: ông đã mất bao nhiêu công sức hình thành cốt truyện chính, sắp xếp mọi việc theo trật tự? Một trong những yếu tố hấp dẫn trong tác phẩm của ông đó là sự hồi hộp theo dõi những tình tiết đã được xếp đặt cẩn thận, điều tôi nghĩ hiện thời không mấy người làm được, ít nhất là trong mảng văn học tôi đọc được. Có mất công mất sức lắm không? Ông có dùng đến sơ đồ hay đồ thị gì không? Hay dùng đến một phương tiện khác lạ nào đó?

Sơ đồ và đồ thị à, lạ đấy. Tôi chưa từng nghĩ về việc xây dựng cốt truyện theo cách như vậy, nghĩa là thành một yếu tố riêng biệt với... việc sáng tác văn chương.

Câu chuyện không chỉ gồm cái cốt mà tất cả đều gắn với nhau trong ngôi kể chuyện, ngôn ngữ và nhân vật. Tôi nghĩ xem điều gì đang xảy ra khi tôi trải lòng mình qua từng con chữ, tôi cho là thế; nó phải thăng hoa đến một mức độ nào đó nếu không tôi sẽ phát chán. Tôi mài giũa câu chuyện đồng thời với mài giũa ngôn ngữ và nhân vật. *Phế tích tráng lệ* được viết đi viết lại rồi lại viết lại ròng ra suốt mười lăm năm: nó giống như một trò chơi ghép hình vậy. Có rất nhiều lúc mới vào ta đã ghép sai hoặc có mảnh này mảnh kia rơi rụng đi mất (gồm cả một chương truyện viết theo kiểu hậu hiện đại rất kinh khủng, nội dung là tôi đi pitch một bộ phim ngay trong chính tiểu thuyết của mình). Tôi thực sự không lên kế hoạch trước, ngoại trừ theo nghĩa là mỗi ngày tôi cố gắng viết theo một tình huống đặt ra trước (chẳng hạn hôm nay, một gã đàn ông bắn cung vô tình bắn chết em trai mình). Tôi thích mang lại sự ngạc nhiên cho chính bản thân mình. Tôi không viết nháp. Tôi cứ viết đến khi mình mắc kẹt thì lại chuyển sang làm cái khác, và khi quay lại, tôi lại viết từ đầu để biến nó thành một mặt phẳng nhẵn nhụi.

Nếu tôi có bí quyết gì thì đó là không hối thúc mọi thứ và có một quyển nhật ký viết lách để nhận xét những gì bản thân đang làm, tự đề xuất cho bản thân, tự mắng mỏ, tự động viên, tự kéo mình ra ngoài câu chuyện để thấy những hình dáng và chủ đề đang hiển hiện lên. Tôi cố gắng không lo sợ về những gì đang “xảy ra” trong một tiểu thuyết. Một cái hay trong đời làm phóng viên của mình đó là tôi lúc nào cũng thấy được những thứ kỳ quặc, lạ lùng xảy ra. Tôi viết bài về tôn giáo, những vụ nổ súng, những chiến dịch

ngộ viện, những vụ giết người, thanh toán bằng nhóm. Đôi khi chúng tôi đánh đồng cả “chủ nghĩa hiện thực” với những gì xảy ra hằng ngày. Có lẽ tôi viết về những nhân vật này tại thời điểm này vì có những biến cố kỳ lạ xảy ra với họ... mà cần phải nhắc tới. Tôi nhớ mình từng đọc *Trăm năm cô đơn* và lấy làm kinh ngạc trước những gì xảy ra chỉ trong câu đầu tiên (Nhiều năm sau đó, khi đối mặt với đội xử bắn, đại tá Aureliano Buendía mới nhớ lại buổi chiều xa xôi khi cha ông dẫn ông đi xem đá lạnh.”) Chỉ một câu đó thôi mà chứa đựng cả quyển tiểu thuyết.

Theo ông, đâu là khác biệt giữa viết truyện ngắn và viết tiểu thuyết?

Việc bắt tay vào viết thì lúc nào cũng như nhau.

Dậy sớm ngồi vào bàn làm việc. Tay đặt lên bàn phím. Bên cạnh là ly cà phê và một cái bánh quy khổng lồ. Tôi không biết mình đang đi đến đâu cho tới khi đã viết được vài trang. Tôi có hàng ngàn ý tưởng để viết truyện nhưng lại có khuynh hướng là chưa nghĩ thêm được gì nhiều khi mới bắt đầu viết, kể cả viết truyện ngắn hay tiểu thuyết cũng vậy. Ý tưởng thường rất cụ thể, nhưng nó lại cũng có kết thúc mở (chuyện gì sẽ xảy ra nếu một giáo viên hướng dẫn cứu hộ hàng không đến Las Vegas để cứu người em gái cùng cha khác mẹ của mình thoát khỏi kiếp đứng đường?). Nhưng tôi cứ phải viết ra cái đã, rồi mới bắt đầu nghĩ xem những con người này là ai, tại sao lại hành động như vậy. Tôi nghĩ tính cách là thứ cốt yếu nhất, nếu ta để ý đến con người họ, ta sẽ cho họ hành động hợp lý. Tôi thường sáng tác ba đến bốn tác phẩm cùng lúc, một hai câu chuyện ngắn, đôi khi là cả hai quyển tiểu thuyết, và cứ một khi bế tắc ở tác phẩm này tôi lại nhảy sang tác phẩm tiếp theo. Làm vậy để luôn giữ mình ngồi lại bàn viết, và nhiều năm nay tôi nghiệm ra rằng điều đó giúp tôi làm việc hiệu quả hơn và đỡ lo lắng hơn nếu có ý tưởng nào đó mắc kẹt (cái gì cũng có lúc mắc kẹt hết). Lớn lên trong một gia đình lao động chân tay và gặp gỡ tiểu thuyết thông qua báo chí nên tôi vẫn áp dụng cách làm việc của một người lao động vào việc viết văn.

Khi làm cái này không xong, hãy chuyển sang làm cái khác, cái đó làm không được, quay lại cái này.

Cha tôi làm việc bốn mươi năm trong một xưởng sản xuất nhôm nhưng có làm cả đời ông cũng không mua nổi một chiếc ô tô có động cơ làm bằng nhôm nguyên khối. Ông nội và ông ngoại tôi, người thì chết vì bị cần câu rơi đè lên, người thì chết khi đang đóng thêm hàng rào ở trại nuôi gia súc của gia đình, nên tôi chẳng dám phàn nàn rằng viết lách là nghề nặng nhọc đâu.

Câu hỏi tiếp theo hơi khó diễn đạt: dường như, trong các tiểu thuyết của mình, ông luôn chủ tâm nêu một vấn đề nào đó của thời đại. Trên những thông cáo báo chí của Phế tích tráng lệ chẳng hạn, ông đã viết: "... đây là một câu chuyện nói về danh vọng và cách tất cả chúng ta cố gắng sống một cuộc đời như những ngôi sao điện ảnh, mỗi chúng ta tự thân đều là một người làm truyền thông, tự quảng cáo cho chính mình, quản lý nghề nghiệp, tình yêu và những hình ảnh mong manh của bản thân (trên những trang web như Facebook và LinkedIn chẳng hạn)." Tôi cũng biết cuốn Đời sống tài chính của các nhà thơ lại bàn về sự sụp đổ của nền kinh tế. Vậy theo nghĩa rộng nhất có thể: làm thế nào để ông cân bằng được mục đích của quyển tiểu thuyết giữa sự thôi thúc muốn hướng tác phẩm về một vấn đề xã hội rộng lớn với việc để tự cho tác phẩm phát triển, trở thành một con mãnh thú tự kiếm ăn lấy, bất kể nó nêu lên chủ đề gì? Liệu có thể dung hòa hai sự trái ngược đó? Dù không phải dân viết lách gì nhiều để nắm rõ nhưng tôi khá tò mò về điều này.

Tôi cho rằng đời phóng viên của tôi cũng có đôi chút liên quan đến ý định muốn nắm bắt tình hình xung quanh. Nhưng tôi cũng yêu thích những quyển sách vang vọng một chủ đề nào đó, những quyển sách chỉ bàn đến "một cái gì đó" theo nghĩa rộng.

Những vấn đề đó không nhất thiết phải mang tính thời sự; chẳng hạn, quyển *Thế giới Xưa cũ* đã phá tan những gì chúng ta biết về chế độ nô lệ và vẫn kết hợp được dữ liệu lịch sử như một bộ phim tài liệu với lối miêu tả thắm đẫm tính văn chương. Với tư cách là một độc giả, những cuốn sách như thế kích thích tôi, khiến tôi muốn viết ra một thứ gì đó. Tôi còn nhớ mình đọc cuốn *Kháng cự*, *Chống đối* và *Cái chết* của Camus với lời hô hào tìm kiếm những "kẻ liêu lĩnh trong thế hệ chúng ta" và một tiểu thuyết gia

có lẽ cũng nên làm theo lời kêu gọi đó. Còn về việc cân bằng giữa cảm hứng chủ đạo của tác phẩm với những nhu cầu của nhân vật và câu chuyện thì đúng là tôi có cố gắng biến nó trở thành một con mãnh thú tự tồn tại lấy, nhưng rồi khi tôi trông thấy con thú ấy, tôi lại quay lại để biến nó thành con quái vật ghê gớm lông lá hết sức có thể. Tôi nghĩ đây là lúc nhờ đến nhật ký viết lách của mình. Chính trong lúc quay trở lại ấy tôi thường tìm ra những cảm hứng chủ đạo thế là tôi viết lại, rồi ghi chép lại trong nhật ký (với *Phế tích tráng lệ*, có lần tôi viết trong nhật ký thế này “Ôi trời đất ơi, tác phẩm này thực sự nói về sự tiếc nuối...”) rồi đến lúc xem lại, tôi cũng mài sắc những thứ đó.

Nói văn hoa theo kiểu các tác giả ngày xưa là mỗi quyển sách đều truyền đi thông điệp nó cần gì và viết lách chính là quá trình khám phá cái nó cần đó. Tôi thấy câu đó khá là đúng, nên tôi thường làm theo cách đó.

Ông có bao giờ làm thơ chưa?

Tôi viết đủ thứ: truyện ngắn, tiểu thuyết, phi tiểu thuyết, kịch bản, nghị luận, điểm sách, phóng sự, truyện hài và đúng, cả thơ nữa, thể loại ít thành công nhất. Tôi quyết định để nhân vật chính trong tác phẩm *Đời sống tài chính của các nhà thơ* làm một nhà thơ tồi (ông ta thực ra là một người chuyên viết báo kinh tế) một phần cũng bởi tôi không còn lựa chọn nào khác. Hai bài thơ duy nhất của nhân vật này mà tôi thích đều là thơ tôi viết từ trước khi viết tác phẩm đó: “Một bản tuyên ngôn chính trị ngắn gọn” và “Những dòng thác cạn.” Còn tất cả những bài thơ chán ngắt còn lại là thơ của nhân vật cả.

Tôi thấy kính sợ nhất những nhà thơ mà tôi đánh bạn với hay từng làm cùng: Robert Wrigley, Chris Howell, Nance Van Winckel, Dan Butterworth, Tod Marshall, Fleda Brown, Joseph Millar, Kwame Dawes, Dorianne Laux, David St. John (đấy, rất, rất nhiều...)

Khung cảnh bên ngoài cửa sổ nhà ông trông như thế nào?

Tôi làm việc trên ga ra đằng sau nhà nên tôi có thể trông ra bãi cỏ phía sau nhà (đó là một căn nhà gạch xây từ năm 1906 kiểu Tudor cổ kính) và xa hơn là thấy được hẻm sông Spokane ở ngay phía trước, và xa hơn nữa là

bóng đổ của núi Spokane. Hầu như buổi sáng nào tôi cũng dậy làm việc từ lúc tờ mờ sáng và ngắm mặt trời mọc. Gia đình tôi sống ở thành phố, chạy xe mười phút là vào được khu trung tâm nhưng do khu vực này còn có một hẻm sông nữa nên chúng tôi cũng ở trên khu bảo vệ động vật hoang dã, do đó mà ít nhất một lần một tuần tôi lại thấy có vài con thú xuất hiện chỗ bãi cỏ nhà mình: nai, chó sói, chồn hôi, gà tây, đại bàng, và có lần là cả một con nai sừng tấm gầy gò bản thiêu như thể nó phê thuốc vài tuần rồi vậy.

Thời của những nô lệ chèo thuyền

Tôi rất ghét khi nghe mấy nhà văn nói những câu đại loại như: tôi mất đến mười lăm năm mới viết ra được cuốn tiểu thuyết này, hay là: dường như các nhân vật của tôi đã giành quyền kiểm soát cả câu chuyện.

Mấy câu này là những lời dối trá trắng trợn nhằm phủ một tấm màn bí ẩn lên một hoạt động hết sức bình thường – viết lách – để nhồi nhét vào nó những gian khổ siêu nhiên, huyền bí hay tệ hơn là để ngăn cản thường dân dừng đại dột mà viết lách làm gì. Suy cho cùng, làm gì có ai muốn chịu khổ sở hơn một thập kỷ chờ đợi đống chữ nghĩa sắt vụn của mình biến thành vàng cơ chứ? Ai muốn dành những mười lăm năm chỉ để viết một cuốn sách?

Giờ đây, sau khi cũng tự mình viết một vài cuốn, tôi có thể an tâm mà nói rằng khi một nhà văn tuyên bố rằng họ đã dành mười lăm năm viết ra một quyển tiểu thuyết, thì khả năng là người đó muốn nói mình đã tóm gọn việc viết lách lại thành hai tới ba năm trong số mười lăm năm say xỉn và tự ghê tởm bản thân mình.

Còn về chuyện các nhân vật giành quyền kiểm soát cả câu chuyện thì tôi cũng đã thử làm như thế. Hồi còn là một nhà văn trẻ tôi đã chờ đợi cho những nhân vật được khắc họa cẩn thận của mình giành quyền kiểm soát câu chuyện, có hành động gì đó, làm bất cứ điều gì. Nhưng thay vào đó, mấy nhân vật này lại có khuynh hướng làm những thứ mà tôi cùng ông anh trai thường làm lúc đó: ngồi ì thân xác, xem tivi và uống bia, ném bóng mềm lung tung. Toàn chuyện hay ho để giết thời gian vào một ngày thứ Bảy. Nhưng lại là một chiến lược viết văn tệ hại.

Năm 1967, trong một cuộc phỏng vấn đăng trên *Paris Review*, Herbert Gold cũng đã đặt lại vấn đề “nhân vật giành quyền kiểm soát câu chuyện” này với Vladimir Nabokov, người đã trả lời: “Mấy cái câu đồng bóng về nhân vật thoát khỏi tầm kiểm soát của tác giả ấy... nó đã cũ rích như cái nghề viết văn này rồi. Còn những nhân vật của tôi đây thì phải là những nô lệ chèo thuyền khổ sai.” Cũng trong cuộc phỏng vấn đó, Nabokov, người có một phong cách riêng biệt kỳ lạ, đã mô tả quá trình viết lách của mình chẳng chút gì hoa mỹ như sau: “Cái khung của sự vật nó đi trước sự vật. Tôi điền vào những chỗ trống của ô chữ đó tại bất kỳ điểm nào tôi vô tình chọn ra. Những mảnh nhỏ này tôi viết lên những thẻ mục lục đến khi nào xong quyển tiểu thuyết thì thôi.” Thật chính xác: những nô lệ chèo thuyền khổ sai, ô chữ, thẻ mục lục. Nhà văn dùng ngôn ngữ để tìm ra một giọng điệu và tạo ra một mô hình kể chuyện mà họ áp dụng vào những nhân vật văn chương, khiến cho những hành động của các nhân vật đó thực chất là những miêu tả khéo léo của tác giả về hành vi con người được truyền đạt qua một quá trình thuần túy là ghi chép chứ chẳng có gì kỳ diệu. Nhà văn viết cứ viết. Nhân vật, những nô lệ khổ sai chèo thuyền thì cứ chèo.

Và đó chính là cách tôi cố gắng viết văn trong suốt hai mươi năm qua, với những công việc chân tay nặng nhọc cố gắng từng ngày – chẳng khác gì một người thợ mỏ. Đó là lý do tại sao tôi rất đau đớn khi phải thú nhận đôi điều về *Phế tích tráng lệ*. Tôi đã mất mười lăm năm để viết ra nó. Và tôi chỉ viết xong khi nhân vật giành quyền kiểm soát câu chuyện.

Tôi nghĩ tất cả tiểu thuyết ở một khía cạnh nào đó đều nói về thời gian. Tôi không có ý là chúng viết về lịch sử như Thế chiến thứ hai hay chuỗi xích mích hôn nhân hay những vụ ám sát của sát thủ hóa trang thành chú hề kiểu kiểu vậy. Ý tôi là luôn có một dòng thời gian nào đó chuyển động xuyên suốt và xung quanh một quyển tiểu thuyết. Dòng thời gian đó cũng chuyển động xuyên qua chúng ta và xung quanh chúng ta khi chúng ta đọc chuyện, điều đó chỉ có sách mới mang lại được, nó nằm ngoài giới hạn của sự vật, nâng chúng ta lên để nhìn xuống dòng thời gian đó và ý nghĩa của nó, cảm nhận sức mạnh và khả năng biến chuyển của nó. Với tôi, điều này

đúng và càng nổi bật với thể loại tiểu thuyết hơn với bất kỳ thể loại nào khác.

Tiểu thuyết có sức mạnh làm thời gian trôi chậm lại, đẩy nhanh nó, mở rộng nó, tua nhanh, tua chậm, làm nó chính xác như ngày tháng hôm nay hay mơ hồ như dĩ vãng xa xăm. Chúng ta đọc về một người phụ nữ đi thuyền đến một ngôi làng nhỏ ở Ý năm 1962, nơi cậu thanh niên chủ khách sạn đang đứng ngâm người trong nước biển ngắm cô trong khi lịch sử ba trăm năm của ngôi làng lướt qua chúng ta, rồi ta tua lại tám tháng trước khi cha cậu thanh niên qua đời, rồi tiến đến ngày cậu tiếp quản khách sạn này, rồi tiếp tục tua nhanh tới chính xác thời điểm ta bắt đầu, mười trang giấy, ba mươi phút và năm mươi năm trước – cô gái vẫn đang leo ra khỏi thuyền, cậu thanh niên vẫn đứng dưới nước ngắm cô. Thời gian vòng tới vòng lui trong tiểu thuyết khi chúng ta chiêm nghiệm nhiều cuộc đời chỉ trong vài trăm trang giấy.

Thậm chí sự vui thích của độc giả với một quyển sách cũng gắn liền với thời gian. Hầu hết những email và ghi chú dễ thương nhất tôi nhận được thường nói về khoảng thời gian họ dành để đọc sách: “Tôi đọc một mạch hai ngày liền.” hay “Tôi cứ nấn ná tới lui mấy trang sách vì tôi không muốn nó kết thúc.” Quả thực, nếu bạn là người thích đọc sách (nói khách quan là kiểu người tuyệt vời nhất), thì quyển sách yêu thích của bạn sẽ luôn gắn liền với ký ức của bạn như những miếng giấy ghi chú vậy. Chúng gợi nhớ tới nhiều khoảnh khắc đặc biệt trong cuộc đời: những lúc bừng ngộ, những bi kịch, những khi thế giới như mở ra trước mắt. Tôi vẫn có thể nhắm mắt lại mà nhớ về những buổi chiều tôi đọc *Trăm năm cô đơn* lần đầu tiên, đưa con gái mới sinh đang nằm ngủ trên ngực trong khi tôi lật giở những trang cuối đến gần cái kết huy hoàng vô tận đó.

Một bộ phim hay diễn ra trước mắt ta trong vài giờ đồng hồ và ta ngồi đó coi thụ động. Một vở kịch hay, một chương trình truyền hình hay, một album nhạc hay thì cũng thế. Tất cả mọi người đều xem cùng một bộ phim, những mỗi một độc giả lại trải nghiệm một cuốn sách khác nhau, bởi vì khi đọc là đầu óc chúng ta hoạt động chủ động và sáng tạo hàng giờ liền để tái hiện lại nhân vật, hành động và tư duy của họ trong tâm trí chúng ta, những

vất vả và vinh quang của họ trở thành trải nghiệm của chính chúng ta cho đến khi quyển sách trở thành một bản nhạc mà chúng ta đã biết chơi – đôi khi còn chơi điêu luyện – trong quãng thời gian nhiều ngày hay nhiều tuần. Thời gian là một trong những lý do khiến ta chìm đắm vào sách vở như vậy, một trong những lý do chúng ta yêu thích chúng, một trong những lý do mà tiêu thuyết đối với tôi luôn là hình thức nghệ thuật hấp dẫn và dễ gây nghiện nhất.

Đối với tác giả cũng thế, thời gian trở nên càng ngày càng quan trọng, nhất là khi phần lớn thời gian của ta đã qua đi và ta bắt đầu nhận ra những câu chuyện mà ta viết là hữu hạn, nên ta thấy khoan khoái, hạnh phúc biết bao khi một trong số chúng... hoàn thành.

Dĩ nhiên, tôi đâu có MUỐN *Phế tích tráng lệ* kéo dài tới mười lăm năm. Mỗi khi tôi bỏ mặc cuốn sách này nó giống như đoạn kết một cuộc tình vậy: cảm thấy chút tiếc nuối, phí hoài thời gian và cơ hội, tự trách mình, cảm thấy ngu ngốc và nản lòng, tự hỏi công sức bỏ ra cho người ta có đáng không. Trong suốt mười bốn năm trong mười lăm năm ấy, quyển tiểu thuyết này tồn tại trong tâm tư tôi như một thất bại thường trực, một mớ hỗn độn những câu văn dang dở, những nhân vật dang dở, những câu chuyện không đâu vào đâu mà tôi yêu thích bất chấp lý do là nếu đặt chúng vào một quyển sách thì sẽ chẳng ra ngô ra khoai gì cả.

Tôi cứ viết đó, rồi lại bỏ đó, dừng rồi lại bắt đầu, nhặt nó lên rồi buông nó xuống, thử tìm một cách khác để tiếp cận câu chuyện, cho đến khi tôi nhận ra rằng những con đường khác nhau dẫn vào câu chuyện đó tự thân chúng chính là câu chuyện. Từ năm 1997 đến 2012, trong khi tôi thất bại hết lần này đến lần khác với quyển sách này thì tôi đã viết và xuất bản được 5 tiểu thuyết cùng với khoảng 20 truyện ngắn và vô số những thứ khác như: tiểu luận, phê bình, thơ, kịch sân khấu, kịch bản phim. Tôi cũng bắt đầu viết bốn năm quyển tiểu thuyết khác nhưng không thành – cũng là trong khoảng thời gian đó – cũng là những mớ hỗn độn nửa vời vẫn còn nằm trên mặt giấy với những nhân vật đợi chờ tôi đến cho họ một cơ hội nữa.

Giờ đây, dưới cái mác vợ vãn mà người ta gọi là chiêm nghiệm lại, tôi có thể thấy rằng cái quyển tiểu thuyết đặc biệt này đúng là phải cần đến 15 năm đó thì mới ra hồn được, cái thứ nó cần, hơn cả việc chỉnh sửa, hơn cả cấu trúc lẫn thể mục lục lẫn lao dịch khổ sai... chính là thời gian. Rằng tôi cần thời gian để làm nhà văn và để làm người, làm cha, làm một kẻ thất bại, để cuối cùng hiểu ra được chủ đề của quyển tiểu thuyết, để thực sự hiểu được nhân vật của mình.

Tôi đến Ý lần đầu tiên với vợ hồi đầu năm 1977. Cô ấy có họ hàng sống rải rác trên đất nước hình chiếc ủng ấy, và tôi thì thích thú tất cả mọi thứ ở xứ sở này. Địa điểm yêu thích của tôi là những ngôi làng trông là lạ ở vùng Ngũ Thổ. Chúng tôi đến thị trấn đầu tiên Monterosso al Mare của vùng này vào hồi tháng Hai, không phải mùa du lịch và sau một cơn mưa to dường như chúng tôi là những vị khách duy nhất nghỉ chân tại đó. Vào buổi sáng, mặt trời ló dạng là chúng tôi mở tung những cánh cửa chớp bằng gỗ trong phòng khách sạn ra để ngắm biển Lingurian phía dưới khung cửa sổ. Chúng tôi đi bộ lên những con đường trên triền đồi, chụp ảnh cho nhau, ăn cá, bánh mì và uống rượu vang. Chúng tôi ở trong một khách sạn tên là Albergo Pasquale, và tôi đã lấy một tấm danh thiếp của ông chủ cất vào ví. Tôi thích âm thanh của cái tên đó: Pasquale và cả nghĩa đôi của cái tên này: Vừa là Lễ Quá Hải, vừa có nghĩa một người đàn ông bị cuộc đời bỏ quên. Tấm danh thiếp đó giờ vẫn còn nằm trong ví tôi.

Không lâu sau khi chúng tôi trở về nước thì mẹ tôi bị mắc bệnh ung thư dạ dày. Trong khoảng thời gian giúp đỡ gia đình chăm sóc mẹ, tôi bắt đầu viết một câu chuyện về một cô gái trẻ bị bệnh đến một thị trấn ở Ý nơi ung thư không thể giết chết người ta. Câu đầu tiên tôi viết là như thế này: “Cô ấy đến ngôi làng bằng thuyền, cách duy nhất đưa người ta thẳng đến làng.” Tôi nghĩ ra một chàng trai tốt bụng tên là Pasquale và để cho chàng trai ấy yêu cô, và tôi đặt tên cho khách sạn của cậu ta là Khách sạn Cảnh quan Vừa phải, cũng cùng lý do tôi hay đưa ra khi chọn viết điều gì đó, là bởi tôi thấy nó ngộ nghĩnh.

Mùa hè năm đó, sau khi mẹ tôi qua đời và tôi cũng không biết phải làm gì với Dee và Pasquale nữa, thế là tôi liền bỏ quyển tiểu thuyết về nước Ý này

và nhảy sang làm vài thứ khác.

Nhưng những năm tiếp theo tôi vẫn tìm đường trở lại nó, thường là khi bế tắc với những quyển tiểu thuyết khác mà tôi đang viết. Tôi có làm vài kịch bản phim, thế là Dee trở thành một diễn viên. Pasquale là một sinh viên đại học không thể rời nhà bởi vì cha cậu vừa mất. Quyển sách lúc đó có lẽ có đến hơn chục cái tên: *Người Mỹ xinh đẹp*, *Nụ cười Thiên đường*, *Cảng Ô danh*, và cái tên được giữ lâu nhất là *Khách sạn Cảnh quan Vừa phải*. Tôi có lẽ đã viết đi viết lại cái câu đầu tiên đến vài trăm lần, sắp xếp các từ một cách ám ảnh: “*Cô diễn viên đến làng của cậu bằng thuyền, cách duy nhất ta có thể đến... Cô diễn viên đến Porto Vergogna bằng thuyền... Cô đến bằng thuyền tới thị trấn của cậu... Lần đầu tiên cậu thấy cô diễn viên cô ấy đang ở trong một con thuyền...*” Tự bản thân câu chuyện khá là đơn giản, nó phản ánh một câu hỏi mà tôi đã tự chất vấn bản thân mình: điều gì có thể khiến cho một người đàn ông đi tìm kiếm một người phụ nữ mà ông ta không gặp nhiều năm liền? Tôi tự hỏi liệu những tri thức ta biết được từ vật lý – một sự vật tích năng lượng nhiều nhất ngay trước lúc nó phát động (như một cây cung được kéo căng chẳng hạn) – có đúng với tình cảm hay không, nếu chính sự ập úp dài lâu lại là hình thức mạnh mẽ nhất của tình yêu. Khi tôi viết tiếp câu chuyện, dần dần nó liên quan nhiều hơn tới cách kể chuyện nữa, kể một câu chuyện trải dài giữa nhiều nhân vật và nhiều hình thức khác nhau.

Nhưng ở trung tâm luôn luôn là Dee và Pasquale.

Ở một số phiên bản, họ ngủ với nhau. Ở phiên bản này, cậu nuôi đứa con của cô. Trong một phiên bản khác, cô về lại Mỹ và trở thành một cô gái đồng tính. Còn trong nhiều phiên bản khác, đến khi mà Pasquale quyết định đi tìm cô thì Dee đã qua đời rồi. (“Có vẻ hơi nhẫn tâm đấy,” một bạn viết văn nhận xét.) Khi mắc kẹt, tôi tạo ra một nhân vật tên là Alvis Bender, người cũng mắc kẹt ở chương đầu tiên trong quyển tiểu thuyết của anh ta. Khi tôi ngồi trong những buổi họp ở Hollywood, thay vì ghi chú lại những ý tưởng tồi mà chúng tôi đang làm cho tệ hơn, thì tôi lại ngồi ghi chú cho quyển tiểu thuyết của mình. Tôi nhận thấy mình đang đứng tại bảo tàng nghệ thuật hiện đại Tate Modern ở London, ở lễ hội Fringe tại Edinburgh và ở Sandpoint, Idaho, và các nhân vật cũng theo tôi đến đó. Tôi vẫn tiếp tục

tìm kiếm những thứ khiến tôi vui thích. Mỗi lần quay trở lại với quyển tiểu thuyết tôi lại bắt đầu từ đầu: “Cô diễn viên đến...” Hầu hết các đoạn mở đầu đó tôi đều vứt vào sọt rác, bao gồm cả một bản thảo đầy đủ và vài chương đi lạc hướng. Trong một đoạn kết thúc, toàn bộ câu chuyện hóa ra lại là một bài pitch cho một bộ phim; trong một kết thúc khác nó lại càng mang tính hậu hiện đại hơn, người tác giả đến pitch bộ phim tại văn phòng của Michael Deane chính là tôi; câu chuyện mà tôi đang pitch chính là quyển tiểu thuyết *Con số không* của tôi. (Tôi hóa ra lại là nhân vật ít thực tế, khó đồng cảm nhất mà tôi từng tạo ra.) Trải qua năm tháng, các nhân vật cứ đến rồi đi, giới tính và tuổi tác thay đổi, thêm ký rồi sứt ký, già thêm rồi có con, nhưng kỳ lạ, ở trung tâm câu chuyện, Dee và Pasquale vẫn không thay đổi, cái hy vọng kết nối với nhau giữa họ là cái hằng số bất biến duy nhất trong trò ghép hình này mà tôi đang xây dựng nên trong khi vẫn không hay biết bức tranh cuối cùng sẽ ra sao.

Tôi giữ một loạt những nhật ký viết lách trong đó ghi chép lại những ý tưởng và diễn tiến của cốt truyện, ghi chép những ghi chú về những câu chuyện tôi bắt đầu, tôi từ bỏ, bắt đầu lại, và đôi khi cũng hoàn thành xong. *Phế tích tráng lệ* (hay thời đó tôi vẫn luôn gọi là quyển tiểu thuyết nước Ý về Khách sạn Cảnh quan Vừa phải) xuất hiện suốt những năm tháng đó trong khoảng hơn 20 tập nhật ký này như một giấc mơ cứ tái đi tái lại không biết bao lần, sau khi tôi đã hoàn thành hay bỏ dở một quyển tiểu thuyết hay truyện ngắn khác và đang tìm kiếm thứ gì đó để làm tiếp theo. Từ tháng Hai năm 2001 tôi đã viết: Lại nói về quyển tiểu thuyết nước Ý: liệu mình có thể bắt đầu một chương nào đó vào đầu thập niên 1990 táo bạo và nổi loạn... Mình chỉ cần một cái tên truyện và một cốt truyện hay. Và từ tháng Ba năm 2007: Pasquale muốn trở thành một người đàn ông tốt hơn... Liệu nghệ thuật có phải một lời nói dối? Liệu nó có thể là thứ gì đó khác...

Hết lần này qua lần khác, tôi viết trong nhật ký: Từ bỏ cuốn tiểu thuyết về nước Ý... và Cuốn tiểu thuyết nước Ý lại bế tắc nữa. Nhưng – và tôi xin lỗi trước khi nói ra điều này – bất kể bao nhiêu lần tôi từ bỏ viết ra quyển sách đó thì như thể Dee và Pasquale quyết không buông tha tôi.

Độc giả thường hay hỏi câu “Mất bao lâu để viết ra được một quyển tiểu thuyết?” Thật là một câu hỏi hay, nhưng khi tôi trả lời thành thực – “Một quyển tiểu thuyết chừng nào viết xong thì gọi là xong” – thì tôi cảm thấy mình nói một câu cứ như của một phật tử, hoặc là của một kẻ vô danh tiểu tốt.

Năm 2007, khi bế tắc với một câu chuyện hài về một gia đình vùng ngoại ô nuôi gia súc thế là tôi quay trở lại với quyển tiểu thuyết nước Ý. Người bạn tốt của tôi và cũng là nhà văn Dan Butterworth đã mời tôi đến Florence để nói chuyện với các sinh viên của ông, thế là tôi quyết định đi và dẫn thân một lần nữa để xem tôi có tìm ra được cách nào kết thúc nó không. Nếu sau một thập kỷ mà lần này tôi vẫn làm ăn không ra gì thì tôi sẽ bỏ đi. Tôi đã ghi chép hàng chục trang giấy khi Dan và tôi đi bộ khắp vùng Ngũ Thổ và nghỉ lại ở Florence và uống hết sức mình để ủng hộ cho ngành sản xuất rượu địa phương.

Vào đêm cuối cùng ở Ý, tôi lên giường ngủ và bắt đầu ghi lại nhật ký, những ý tưởng, cắt nghĩa, những ghi chép sơ lược. Tôi vừa mới đặt lưng xuống lại bật dậy ngay với một suy nghĩ khác và phải ghi ngay lại (“Những bức tranh bên trong những ụ súng máy?”). Tôi thường có những sự tình ngộ nho nhỏ về cách chúng ta coi cuộc sống của mình như những bộ phim và tiểu thuyết. Các nhân vật bùng ra với những chi tiết mới mẻ về bản thân họ (“Cô trợ lý của Deane đi học ở trường điện ảnh!”). Đêm hôm đó, tôi đã viết tới 30 trang trong nhật ký của mình.

Dòng cuối cùng: “Ôi chà. Chim đã lú lo rồi. Mình đã viết cả đêm.” Được tiếp sức bởi chuyến du lịch, tôi dành đến cả một năm rưỡi sau đó nghiên cứu và viết lại Khách sạn Cảnh quan Vừa phải, bắt đầu lại từ đầu (“Cô diễn viên lâm bạo bệnh đến làng của cậu...”). Tôi nhận ra mình gặp khó khăn nhất khi phải giải thích quyển tiểu thuyết. Một lần tôi tham gia một sự kiện với một tác giả khác và khi khán giả hỏi tôi đang viết gì tôi trả lời mình vừa bỏ dở một quyển tiểu thuyết nói về nuôi gia súc ở ngoại ô để viết một quyển sách trải dài nhiều thế hệ, nhiều thế loại, nhiều quan điểm về nước Ý những năm 1960, về Hollywood hiện đại, về Thế chiến thứ Hai, và về Đoàn người nhà Donner.

Mọi người đều im lặng, và cuối cùng vị tác giả kia nói: “Tôi nghĩ là anh nên quay lại với quyển sách về chăn nuôi gia súc đi.” Cuối cùng, vào mùa hè năm 2008, tôi đã hoàn thành Khách sạn Cảnh quan Vừa phải. Sau hơn một thập kỷ, cuối cùng tôi cũng đã làm được. Thật là sung sướng ngắt ngảy. Nhưng chỉ được 48 tiếng đồng hồ.

Rồi sau đó tôi nhận ra là nó vẫn chưa xong. Tôi đã có được hầu hết các mảnh ghép nhưng bức tranh ghép vẫn chưa hoàn hảo. Kiệt sức, tôi quăng quyển sách sang một bên và bắt đầu viết một quyển tiểu thuyết khác, hy vọng viết được một thứ gì khác ngay hàng thẳng lối hơn và người kể chuyện ở ngôi thứ nhất. Tám tháng sau đó, khi tôi hoàn thành Đời sống tài chính của các nhà thơ (một câu trả lời hên xui khác cho câu hỏi “Mất bao lâu để viết một quyển tiểu thuyết?” là đâu như khoảng từ 8 tháng đến 15 năm), tôi nhớ lại một điều mà vị anh hùng của tôi Kurt Vonnegut đã đề tặng trên quyển *Mỹ nhân ngư của Titan* mà ông đã rộng lượng gửi cho tôi sáu năm trước. “Gửi người bạn tiểu thuyết gia Jess Walter của tôi. Đây là quyển sách duy nhất của tôi đã tự viết ra nó. Tất cả những quyển khác đều từ chối.” Tôi biết chính xác ông ấy muốn nói gì.

Thế là vào năm 2009, tôi quay trở lại với quyển tiểu thuyết cứ mãi từ chối không chịu viết ra nó. Và ở đó, chờ đợi tôi là Dee và Pasquale. Hai người họ đã kiên nhẫn chờ đợi hơn một thập kỷ rồi (hoặc chờ từ năm 1962 đến nay rồi, tùy vào cách bạn tính), và tôi có cảm giác mình nợ họ một kết thúc giúp họ gặp lại được nhau. Tôi quay trở lại cảnh đầu tiên, câu đầu tiên và lại viết lại một lần nữa (“Cô diễn viên lâm bạo bệnh đến làng cậu...”). Tôi vứt đi hơn một nửa những gì đã viết, xem lại từng câu, và một lần nữa quyết tâm đối xử cho ra hồn với hai nhân vật tôi đã “quen biết” gần một phần ba đời mình.

Tôi lại tiếp tục ngụp lặn vào nghiên cứu và tìm ra được hai mảnh ghép nữa giúp tôi hoàn tất bức tranh văn chương của mình. Mảnh ghép đầu tiên là Richard Burton. Trong một bản thảo, ông ta có sức ảnh hưởng lớn (từng leo lên xe hơi với Pasquale đầu đó năm 2005). Năm 2010, tôi được đọc một bài viết của Louis Menand đăng trên tờ *The New Yorker* về Dick Cavett, trong đó có nhắc đến bốn cuộc phỏng vấn của Cavett với Burton năm 1980 và mô

tả người diễn viên xứ Wales năm mươi tư tuổi này là “một phế tích tráng lệ...” Cứ như thế từ “phế tích tráng lệ” đó bỗng nhô lên từ trang giấy. Ngay lập tức tôi đọc lại cả quyển tiểu thuyết và ngạc nhiên trước số lần tôi sử dụng những từ như phế tích, đồng đồ nát để mô tả con người và nơi chốn, mô tả những tàn dư của một đế chế Hollywood, những mảnh vỡ của nền văn hóa, quyển tiểu thuyết này tự bản thân nó được cấu trúc nên bởi những mảnh đồ cổ, những mảnh phim, sách và kịch. Tôi đã có được tựa đề cho cuốn sách.

Sau đó, lúc tôi đang đọc cuốn *Nghệ thuật Tiểu thuyết* của Milan Kundera thì tôi bắt gặp câu này: “Dường như không còn gì rõ ràng hơn, cụ thể hơn và chắc chắn hơn phút giây hiện tại. Ấy vậy mà nó hoàn toàn lẫn trốn chúng ta. Tất cả mọi nỗi buồn trong cuộc sống này cũng từ đó mà ra.” Tôi thấy rằng có thể dùng câu này để làm cái kết cho tác phẩm, một cách để thừa nhận sức mạnh của những khoảnh khắc hiện tại trong cuộc sống. Chúng là những tàn tích trong ký ức của chúng ta, chúng hiện ra lơ mờ trong tâm trí ta như một đèn đài quá vắng dù đã mục nát và bị bào mòn bởi thời gian và nỗi tiếc. Tôi hy vọng mình có thể truyền tải được tầm quan trọng của những phút giây riêng lẻ đó trong cuộc sống, để thấy rằng phút giây gặp gỡ lần đầu tiên của Pasquale và Dee – thứ đã lẫn quẩn trong đầu tôi từ 1997 – quả thực mạnh mẽ đến độ khiến Pasquale phải đi tìm lại Dee gần nửa thế kỷ sau đó. Tôi có cảm giác như thể mình đã nắm những nhân vật này trong tay suốt mười lăm năm trời và bây giờ tôi đã có thể để câu chuyện của họ ra đi như thả những hạt bồ công anh trong tay cho chúng bay đi, tất cả những khoảnh khắc cụ thể hữu hình đó – bất kể chúng xảy ra năm 1962, 2008, 1945 hay 1847 – đều gói gọn trong một khoảnh khắc hiện tại tàn lụi mà vinh quang.

Thế nên tôi tập trung viết hướng về cái kết đó, chỉnh sửa tới lui, và một ngày nọ, tôi ngừng lên và nhận ra rằng mình đã viết xong.

Dĩ nhiên, nói xong không hẳn là xong luôn, còn phải sửa lại vô số những câu dịch tiếng Ý, vài chỗ sửa cho thời gian được liền mạch – nhiều mô hình, thể mục lục và ô chữ hơn – nhưng thực sự, lần này dường như tôi đã viết xong thật rồi. Và cảm giác thành công thật bỏ những năm tháng đã bỏ ra. Có rất nhiều yếu tố mà một tác giả nghĩ đến khi ngồi viết hằng ngày – những

thứ to tát như cốt truyện và nhân vật, ngôn ngữ và giọng điệu, rồi những thứ nhỏ nhỏ mang tính kỹ thuật như ngôi kể chuyện và thì động từ – nhưng một yếu tố tôi cho là mình chưa từng nghĩ đến bao giờ đó là... thời gian. Và giờ đây, thời gian dường như lại là mảnh ghép quan trọng nhất.

Tôi ba mươi một tuổi khi bắt đầu viết quyển sách này, khi Dee lần đầu bước ra khỏi thuyền còn Pasquale lội bì bõm lên bờ để gặp cô. Tôi đã bốn sáu tuổi khi hoàn thành cuốn sách, khi hai ông bà lão này một lần nữa đi bộ lên những sườn đồi phía trên vùng Ngũ Thổ. Điều này nghe có vẻ điên khùng nhưng mỗi khi đọc lại cảnh cuối đó, tôi luôn tưởng tượng ra những nô lệ chèo thuyền già nua này của tôi quay người lại, gật đầu với tôi và tôi thực lòng cảm thấy hạnh phúc cho họ...

JESS WALTER

Lê Thùy Giang dịch

PHỄ TÍCH TRÁNG LỆ

Jess Walter

Lê Thuỳ Giang dịch thuật

Chịu trách nhiệm xuất bản: Giám đốc – Tổng biên tập NGUYỄN MINH NHỰT

Chịu trách nhiệm bản thảo: HUYỀN TÔN NỮ KIM TUYẾN

Biên tập và sửa bản in: NGUYỄN QUANG KHẢI

Bìa: KIM DUẤN

Trình bày: VŨ THỊ PHƯƠNG

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Địa chỉ: 161B Lý Chính Thắng, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh Điện thoại: (08) 39316289 – 39316211 – 39317849 – 38465596 Fax: (08) 38437450 E-mail: hopthubandoc@nxbtre.com.vn Website: www.nxbtre.com.vn CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TẠI HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 21, dãy A11, khu Đầm Trấu, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội Điện thoại: (04) 37734544 Fax: (04) 35123395 E-mail: chinhanhha noi@nxbtre.com.vn CÔNG TY TNHH SÁCH ĐIỆN TỬ TRẺ (YBOOK)

161B Lý Chính Thắng, P.7, Q.3, Tp. HCM ĐT: 08 35261001 – Fax: 08 38437450 Email: info@ybook.vn Website: www.ybook.vn"Tác giả đã dẫn dụ người đọc qua các hình tượng văn học hấp dẫn và thắm đẫm tính nhân văn... Một tiểu thuyết hiện thực phê phán vừa bất ngờ vừa hài hước lôi cuốn ngay từ phần mở đầu lãng mạn và xúc động khiến người ta phải suy ngẫm nhiều hơn là đọc chỉ để tiêu khiển đơn thuần. Tác phẩm vừa lay động vừa thú vị bởi nó nâng ta vượt lên trên những nỗi đau nhân thế mà ta bắt gặp xuyên suốt câu chuyện phức tạp và diễn biến liên tục này. Hẳn các bạn sẽ thích *Phế tích tráng lệ*." - Helen Schulman, *New York Times Book Review* "Sâu thẳm, hài hước và kỳ lạ... một sự kết hợp giữa văn chương trào phúng và tiểu thuyết diễm tình." -Tom Nolan, *Sơn Francisco Chronicle* "Walter là một tác giả thiên tài. Ngôn từ của ông đầy tính nhạc... Những trang sách

khát vọng mà nếu là một nhà văn kém tài hơn sẽ không thể nào xử lý được những bước nhảy về thời gian khéo léo như vậy." -Christopher Bollen, *Los Angeles Review of Books* "Hấp dẫn tới nỗi ai không mua sách thì thật đại dột...Tiểu thuyết như một bộ phim muôn màu lấp lánh." -*Booklist*

"Không cần chi nhiều lời. *Phế tích tráng lệ* là một kiệt tác hoàn hảo."

Richard Russo, tác giả *Đế chế sụp đổ*

Table of Contents

Những Lời Khen Tặng Dành Cho Phế Tích Tráng Lệ

Những Tác Phẩm Khác Của Jess Walter

1

CÔ DIỄN VIÊN LÂM BẠO BỆNH

2

BUỔI PITCH * CUỐI CÙNG

3

KHÁCH SẠN CẢNH QUAN VỪA PHẢI

4

NỤ CƯỜI THIÊN ĐƯỜNG

5

MỘT TÁC PHẨM CỦA MICHAEL DEANE

6

BÍCH HỌA HANG ĐỘNG

7

ĂN THỊT ĐỒNG LOẠI

8

KHÁCH SẠN GRAND

9

KHÁN PHÒNG

10

CHUYẾN LƯU DIỄN ANH QUỐC

11

NGƯỜI ĐẸP THÀNH ĐÔ

12

SỰ TỪ CHỐI LẦN THỨ MƯỜI

13

DÔI BƯỚC CỔ NHÂN

14

<u>15</u>	<u>PHÙ THỦY XỨ PORTO VERGOGNA</u>
<u>16</u>	<u>CHƯƠNG BỊ BỎ TRONG HỒI KÝ MICHAEL DEANE</u>
<u>17</u>	<u>SAU LẦN VẤP NGÃ</u>
<u>18</u>	<u>TRẬN CHIẾN VÌ PORTO VERGOGNA</u>
<u>19</u>	<u>CHUYỆN CHÀNG CA SĨ</u>
<u>20</u>	<u>TANG LỄ</u>
<u>21</u>	<u>NGỌN LỬA VĨNH CỬU</u>
	<u>PHÊ TÍCH TRÁNG LỆ</u>
	<u>LỜI CẢM ƠN</u>
	<u>LỜI BẠT</u>